

HANS OLAV LAHLUM



NGƯỜI RUỒI

Tiểu thuyết trinh thám
Người dịch: Huỳnh Ngọc

**TỪNG NGƯỜI TRONG BỌN HỌ LẦN LƯỢT BỊ GIẾT HẠI.
TÔI TIN RẰNG CHÚNG TA ĐANG TÌM MỘT NGƯỜI RUỒI...**



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

ebook©vctvegroup

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Dành tặng người bà quá cố của tôi — **DAGMAR LAHLUM** (1923-99)
— một điệp viên hai mang - một Người ruồi - mà trải nghiệm chiến
tranh và số phận của bà đã là nguồn cảm hứng cho cuốn tiểu thuyết
trình thám lịch sử này.

NGÀY THỨ NHẤT



ÁN MẠNG BÍ ẨN Ở SỐ 25 PHỐ KREBS

Ngày 4 tháng 4 năm 1968 rơi vào thứ Năm trước lễ Phục sinh. Vào buổi trưa, tôi đánh dấu kỷ niệm ba tháng không-có-gì-đáng-kể ngày chuyển đến văn phòng mới rộng rãi hơn ở đồn cảnh sát tại số 19 phố Moller, bằng việc một mình ăn bánh ngọt. Ngày tháng thật dễ nhớ do vào buổi tối hôm đó, nhà hoạt động dân quyền Martin Luther King bị bắn chết tại một ban công khách sạn ở Memphis bang Tennessee, làm dấy lên làn sóng đấu tranh chống phân biệt chủng tộc trên toàn nước Mỹ.

Gần như cùng khoảng thời gian đó, một vụ án mạng xảy ra ở một căn hộ tại Torshov, thuộc khu đông Oslo, tuy ít quan trọng đối với sử sách, nhưng lại ảnh hưởng đáng kể đến cuộc sống của tôi và những người liên quan. Thứ Năm ngày 4 tháng 4 năm 1968 là một trong những ngày mà điện thoại nhà tôi tại Hegdehaugen đổ chuông vào giờ khuya khoắt, và một giọng nóng vội hỏi ngay liệu có phải anh ấy đang nói chuyện với ‘Thanh tra Cảnh sát Kolbjorn Kristiansen’. Đồng hồ sắp điểm 11 giờ đêm khi cảnh sát viên Asbjorn Eriksen hỏn hển gọi cho tôi để thông báo về một người đàn ông lớn tuổi đã bị bắn chết trong chính căn hộ của mình ở số 25 phố Krebs. Tình huống ‘rất không bình thường’, theo như lời tường thuật đầy bối rối của Eriksen. Luôn đánh giá Eriksen là một cảnh sát điềm tĩnh và không khoa trương, tôi cảm thấy một sự kích động dâng lên trong lòng mình ngay cả trước khi anh ấy đề cập đến tên nạn nhân. Chỉ vài giây sau khi anh ấy nói ‘Đó là Harald Olesen’, tôi đã phóng ra cửa, và trong bóng đêm mịt mù, lao nhanh về phía xe hơi của mình.

Vào năm 1968, Harald Olesen không phải kiểu nhân vật mà ngày nay người ta vẫn gọi là ‘Ngôi sao hạng A’. Tên của ông đã từ lâu không còn được báo chí Na Uy đề cập đến. Nhưng đối với những người trải qua tuổi trẻ trong chiến tranh, hình ảnh gương mặt tựa-diều-hâu cùng với thân hình gầy

gò của ông vẫn luôn là điển hình của một anh hùng. Harald Olesen từng là chính trị gia nổi tiếng của Đảng Lao động trong những năm 1930. Tuy nhiên, chỉ đến khi gần năm mươi tuổi, ông ấy mới trở thành một cái tên mà nhà nhà nhắc đến như một trong những anh hùng huyền thoại của thời Kháng chiến. Bản thân ông Olesen vô cùng kiêu lời đối với những trải nghiệm của mình trong chiến tranh, nhưng điều đó không hề làm giảm bớt những giai thoại về sự quả cảm của ông khi lãnh đạo nhóm Kháng chiến tại quê nhà. Sau chiến tranh, ông từng là một thành viên nội các và tham gia Hội đồng Bang trong vòng bốn năm. Sau đó, một vài vị trí cấp cao trong chính phủ giúp cho ông tiếp tục là một gương mặt quen thuộc cho đến lúc nghỉ hưu năm 1965, khi tròn bảy mươi tuổi. Giờ đây, ba năm sau, người anh hùng của thời Kháng chiến và cựu thành viên nội các bị bắn chết ngay trong phòng khách nhà mình.

Khi lái xe về nhà vào khoảng 1 giờ sáng, sau vài giờ đồng hồ xem xét hiện trường và lấy lời khai của nhân chứng, tôi phải miễn cưỡng thừa nhận kết luận của Eriksen vẫn đúng. Chúng tôi có thi thể, có hiện trường gây án và một vụ giết người không thể bàn cãi, nhưng chẳng những chúng tôi hoàn toàn không có động cơ, vũ khí hay một nghi phạm nào, mà chúng tôi còn không biết bằng cách nào hung thủ có thể biến mất khỏi căn hộ của nạn nhân sau khi bắn phát súng chết người.



Nhìn từ bên ngoài, nhà số 25 phố Krebs có phần giống những tòa nhà chung cư ba tầng bằng gạch thường thấy ở Torshov. Người vợ đã lớn tuổi của ông gác đàn gặp tôi tại lối vào, bà cho biết tòa nhà đã được bán và cải tạo ba năm trước đây. Các sửa sang bao gồm một thang máy đơn giản tại khu vực cầu thang và phòng tắm trong tất cả các căn hộ. Ngoài ra thì nó ít nhiều vẫn giống như khi được xây dựng vào những năm 1920: rộng rãi, xám xịt và

chắc chắn. Tôi cảm thấy tòa nhà và bà vợ ông gác đan tựa như được lấy ra trực tiếp từ quyển tiểu thuyết Hang sói của Oskar Braaten.

Thảm kịch diễn ra vào thứ Năm ngày 4 tháng 4 năm 1968 ở số 25 phố Krebs bắt đầu bằng một tiếng nổ vang lúc 10 giờ 15 phút tối. Phát súng trong căn hộ ở mé bên phải tầng hai đã vọng xuống tận tầng trệt. Người hàng xóm gần nhất của ông Olesen ở căn hộ 3B đúng lúc đó đang nói chuyện vui vẻ với một người khác tại tầng trệt trước khi lên cầu thang. Khi nghe tiếng súng vang lên từ căn hộ của ông Olesen, họ lập tức chạy lên lầu. Cửa vào căn hộ 3A khóa trái và không nghe được âm thanh nào từ bên trong. Vài phút sau, một người đàn ông từ căn hộ ở tầng một chạy lên, sau khi đã để lại vợ và cậu con trai bé bỏng an toàn trong căn hộ của mình. Tiếp đó, bà vợ của ông gác đan hỗn hển leo cầu thang lên đến nơi. Một trong những cư dân ở tầng trệt phải ngồi xe lăn, do đó người này lên bằng thang máy sau vài phút. Người cuối cùng trong tám người lớn sống trong tòa nhà, một cô gái Thụy Điển trẻ tuổi, vẫn chốt cửa cô thủ trong căn hộ của mình ở tầng một, cho đến khi cảnh sát bấm chuông cửa nửa giờ sau đó.

Trong thời gian này, những người hàng xóm ở ngoài hành lang chỉ có thể mở được cửa căn hộ của ông Harald Olesen một khi bà vợ ông gác đan mang chìa khóa lên. Sau khi thảo luận, họ quyết định không bước qua ngưỡng cửa cho đến khi cảnh sát viên Eriksen đến hiện trường một giờ sau đó. Nghi vấn về những phát đạn bắn ra từ trong căn hộ của họ nhanh chóng được chứng minh là vô căn cứ. Không có dấu hiệu của vũ khí hay bất kỳ sự sống nào trong căn hộ. Ông Harald Olesen nằm giữa sàn phòng khách với một vết đạn bên ngực trái. Viên đạn đã xuyên thẳng qua ông và găm vào tường. Ngoài ra, về mọi mặt căn hộ vẫn không có gì thay đổi, theo những gì bà vợ ông gác đan có thể nhớ lại, so với lần cuối cùng bà ở đó - không có dấu hiệu nào của kẻ giết người hay hung khí.

Phát hiện không có khẩu súng tại hiện trường dĩ nhiên bác bỏ mọi giả thiết tự sát. Tuy nhiên, không có bằng chứng nào cho thấy có người khác từng hiện diện trong căn hộ, hoặc bất kỳ manh mối nào về cách tẩu thoát của

kẻ sát nhân. Harald Olesen sống trong một căn hộ bình thường với hai phòng ngủ, một phòng tắm và nhà bếp, nhưng không có ban công. Ít có khả năng đối tượng thoát qua cửa sổ do khoảng cách mười mét so với vỉa hè. Những giả thiết cho rằng dây thừng hoặc dụng cụ leo núi đã được sử dụng để tẩu thoát đều không đúng vững do các cửa sổ được đóng từ bên trong.

Nói cách khác, cửa ra vào căn hộ vẫn là lựa chọn khả dĩ duy nhất. Nếu kẻ sát nhân đã xoay xở để đột nhập thành công, gã hoặc ả rõ ràng có thể đi ra bằng cùng cách đó. Cửa lắp khóa bấm và xích an toàn không được cài. Do đó, câu hỏi khẩn thiết nhất là làm cách nào kẻ sát nhân có thể xoay xở để rời căn hộ trong vài giây ngắn ngủi giữa thời điểm nghe thấy tiếng súng và lúc những người hàng xóm đến được hiện trường? Câu hỏi thứ hai, làm thế quái nào mà kẻ sát nhân rời khỏi tòa nhà được? Tầng hai là tầng trên cùng, và cách duy nhất để đi xuống là sử dụng thang bộ hoặc thang máy. Nếu đã dùng thang bộ, gã hoặc ả sẽ bị bắt gặp bởi những người hàng xóm khác đang leo lên. Hai người hàng xóm đầu tiên lên đến hiện trường trở thành bằng chứng ngoại phạm của nhau. Mọi nghi ngờ về sự thông đồng giữa họ đều vô căn cứ do họ không có hung khí và không có đủ thời gian trước khi những người khác xuất hiện. Tất cả đều nhất trí cho rằng thang máy vẫn đứng yên ở tầng trệt ngay trước và sau tiếng súng. Thang máy vẫn trống khi bà vợ ông gác đan vải đi lướt qua và khi người ngồi xe lăn bấm mở cửa sau đó vài phút. Hơn nữa, thật khó mà hình dung được ai đó có thể thành công trong việc sử dụng thang máy để lẩn tránh những người hàng xóm đang chạy lên, sau đó xoay xở để vượt qua bà vợ ông gác đan trên lối vào.

Kể từ 11 giờ 30 phút tối, cảnh sát đã lục soát các căn hộ và cả tòa nhà từ trên xuống dưới mà không tìm thấy vũ khí hoặc bất cứ thứ gì khác có thể giúp làm sáng tỏ vụ án mạng. Bà vợ ông gác đan đã được trả tiền công cho bốn giờ vệ sinh căn hộ của nạn nhân vào cuối tuần trước và bà đã làm hết mình trong khoảng thời gian đó. Ngoại trừ các dấu vân tay của bà, những dấu vân tay duy nhất tìm được trong căn hộ là của ông Harald Olesen.

Trong lúc đó, tôi cân nhắc khả năng kẻ sát nhân có thể không ở trong căn

hộ và đã nổ súng từ một nơi khác. Tuy nhiên giả thiết này không đứng vững do khi phát súng được bắn ra, dường như ông Harald Olesen đã ngồi hoặc đứng trước một bức tường đá vững chắc và không có cửa sổ. Nếu chi tiết này chưa đủ để làm khó việc điều tra thì thêm vào đó, các cửa sổ trong phòng vẫn còn nguyên vẹn.

Như vậy, ngoài việc có một người đàn ông chết với một vết thương trên ngực do bị bắn và viên đạn găm vào bức tường phía sau ông ta thì không có dấu hiệu nào khác của tấn thảm kịch trong căn hộ. Harald Olesen nằm trên sàn phòng khách cạnh bàn nước được dọn sẵn cho hai người. Ông đã uống một tách và để lại dấu vân tay trên đó, trong khi tách bên phía đối diện chưa được đụng đến. Dường như Harald Olesen đã chờ dùng cà phê và bánh ngọt với một ai đó nhưng không có dấu hiệu gì cho biết ai đã đến thăm ông ấy, hoặc liệu rằng vị khách mời đó có phải là hung thủ hay không.

Phần còn lại của món thịt viên vẫn còn trên bếp, bên cạnh bồn rửa. Có sữa, bánh mì và phô mai trong tủ lạnh cho bữa sáng hôm sau. Đài radio trên bàn bếp vẫn cắm điện. Một đĩa hát của dàn nhạc Vienna Philharmonic nằm sẵn sàng trên mâm quay. Rõ ràng cái chết đã đến bất ngờ trong căn hộ 3A số 25 phố Krebs.

Đến 1 giờ sáng ngày 5 tháng 4 năm 1968, nhận thấy không còn có thể thu thập được gì thêm từ hiện trường vụ án mạng, tôi để lại một cảnh sát gác ở tầng hai và một người khác trên phố bên ngoài tòa nhà. Tôi cũng yêu cầu bác sĩ pháp y gửi báo cáo cho mình sớm nhất có thể, đồng thời yêu cầu cung cấp bản sao các hồ sơ hộ tịch và lý lịch tư pháp của mọi cư dân ở tòa nhà 25 phố Krebs. Sau đó tôi để mọi người đi ngủ, nhưng yêu cầu họ ở nhà buổi sáng hôm sau để sẵn sàng cho việc thẩm vấn.

Vào đêm xảy ra án mạng, tôi đã thấy rõ rằng kẻ sát nhân rất có khả năng là một trong số những hàng xóm của người đã chết. Không dấu hiệu nào cho thấy có một ai khác từng ở trong tòa nhà đêm hôm đó. May mắn làm sao, tôi hoàn toàn không ý thức được mức độ khó khăn của việc tìm ra hung thủ ở trong căn hộ nào.

NGÀY THỨ HAI



BẢY NGƯỜI HÀNG XÓM VÀ MỘT CHIẾC ÁO KHOÁC ĐI MƯA MÀU XANH VÔ CHỦ

Tôi dậy sớm khác thường vào ngày thứ Sáu, 5 tháng 4 năm 1968. Vào lúc 6 giờ 30 phút, tôi ngồi ăn sáng và bắt đầu cuộc thảo luận đầy thú vị với hình ảnh phản chiếu của mình trong ly cà phê. Chúng tôi nhanh chóng nhất trí không thể để những thám tử kỳ cựu hơn giành vụ án này khỏi tay mình. Họ có thể giành hết mọi vinh quang của việc phá án trong khi sẵn sàng đẩy cho tôi những nhiệm vụ tẻ nhạt khác. May mắn thay, sếp của tôi thường đến chỗ làm trước họ. Và vào ngày hôm đó, tôi thậm chí còn nhanh chân hơn ông ấy. Khi sếp mở khóa phòng làm việc của mình tại đồn cảnh sát chính của Oslo vào lúc 7 giờ 45 phút, tôi đã ngồi chờ sẵn ở hành lang.

Chỉ huy của tôi, một người đàn ông ngoài sáu mươi tuổi có tư tưởng khoáng đạt, hiểu rõ tầm quan trọng của việc khích lệ một cấp dưới trẻ tuổi năng nổ và có tham vọng cháy bỏng. Thật vậy trong vài dịp tiệc tùng, ông ấy đã đề cập đến việc mình từng là một anh chàng nhiều tham vọng như thế cho đến khi tròn năm mươi tuổi. Vì lẽ đó, cũng không ngạc nhiên khi ông ấy thấy lòng nhiệt tình và mối bận tâm của tôi đối với vụ án này đáng được khích lệ. Ông cũng đồng tình rằng việc tôi là điều tra viên đầu tiên đến hiện trường là một ưu thế. Trước khi chuông đồng hồ điểm 8 giờ, chúng tôi đã bắt tay nhất trí rằng tôi sẽ tiến hành điều tra vụ án này một mình, và để làm được điều đó, thẩm quyền của tôi sẽ được mở rộng. Tôi nhanh chóng đồng ý việc sẽ xin lời khuyên từ ông ấy và các đồng nghiệp nhiều kinh nghiệm hơn khi cần thiết. Sau đó tôi tự tin bước vào cuộc điều tra vụ án mạng đầu tiên của mình, say sưa với niềm tin rằng nó sẽ mang lại cho tôi cả danh vọng lẫn vinh quang.

Báo chí ngày thứ Sáu không có nhiều thông tin để viết về vụ án mạng ở số 25 phố Krebs. Hai trong số đó có đăng một tin vắn về vụ án, một tờ báo khác chỉ đề cập loáng thoáng mà không nhắc đến bất kỳ cái tên nào, rằng

người đã chết là một ‘công dân nổi tiếng, rất được kính trọng và từng tham gia phong trào kháng chiến’. Khi tôi ghé qua số 19 đường Moller buổi sáng hôm đó, tổng đài đã có thể khẳng định mối quan tâm của truyền thông đối với vụ án này đang tăng lên một cách nhanh chóng. Vì vậy, trước khi đến phố Krebs, tôi viết vội một thông cáo báo chí ngắn gọn. Trước nhất, thông cáo ghi rõ tôi được giao toàn bộ trách nhiệm điều tra vụ án này. Ngoài ra, nó cũng xác nhận ông Harald Olesen, một cựu thành viên nội các và cựu chiến binh thời Kháng chiến, đã bị bắn chết tại nhà riêng ở phố Krebs tối ngày 4 tháng 4, tuy nhiên, do vụ án đang trong giai đoạn điều tra nên hiện tại cảnh sát chưa có bình luận gì thêm.

Khi đến hiện trường án mạng vào buổi sáng ngày 5 tháng 4, tôi bắt đầu với điểm xuất phát hiển nhiên: chiếc bàn nhỏ xíu ngăn nắp của người gác dan ngay bên trong lối vào của tòa nhà. Ngồi ở đó là bà vợ ông gác dan tên Randi Hansen, một phụ nữ mập lùn, tóc muối tiêu, mới ngoài sáu mươi tuổi. Bà sống trong căn hộ một phòng ngủ của mình dưới tầng hầm. Thường thì chồng bà là gác dan của tòa nhà, nhưng bà cho biết ông vắng mặt cả tuần. Con cái họ đã rời đi nhiều năm trước đó, nên bà thường ngồi một mình tại vị trí trực ngay lối vào, cách căn hộ ở tầng trệt vài bậc thang. Bà trông coi luân phiên số 25 và 27 phố Krebs cũng như quản lý tất cả cuộc điện thoại đến và đi từ hai tòa nhà trên. May mắn thay, bà đã ngồi trực trong tòa nhà số 25 phố Krebs vào ngày 4 tháng 4. Bà cũng hứa sẽ luôn ở vị trí này cho đến khi cuộc điều tra kết thúc.

Randi Hansen tỏ ra là một người cần mẫn hiếm có, bà đã ghi chép lại mọi lần ra vào của tất cả cư dân tòa nhà trong buổi chiều và buổi tối hôm xảy ra án mạng. Do là vợ của ông gác dan, bà biết khá rõ mọi người trong tòa nhà và lịch trình hàng ngày của họ.

Bà cũng cẩn thận khai rằng bà trực cách ngày ở tòa nhà này, nhưng có lúc bà bị bệnh hoặc phải rời vị trí trực trong vài giờ. Tuy nhiên, bà tin rằng ấn tượng của mình về các cư dân trong tòa nhà cũng như những sinh hoạt của họ là khá chính xác. Tôi không thấy có lí do nào để nghi ngờ điều này,

nhưng lập tức ghi nhớ rằng có năm mươi phần trăm khả năng một người khách hoặc một sự việc nào đó có thể đã không được ghi nhận. Hơn thế nữa, nhìn từ vị trí của bà tại cửa ra vào thì không thể thấy được cửa của các căn hộ và hành lang, dù là ở tầng trệt.

Nạn nhân vụ giết người, ông Harald Olesen, đã sống ở tầng hai từ trước chiến tranh. Hồi còn làm thành viên nội các, ông từng là một trong những người nổi tiếng nhất của khu vực và là niềm tự hào của cả con phố. Trong những năm sau này, ông đã sống cuộc đời trầm lặng của một người về hưu nhưng vẫn ra vào tòa nhà tương đối thất thường. Bà vợ ông gác đàn đã từng nhìn thấy ông Olesen nhiều lần với một vị chính khách quốc gia và cũng là một thành viên Kháng chiến nổi tiếng trong những năm qua, tuy dạo gần đây ít thường xuyên hơn. Những chuyến thăm viếng của họ hàng cũng thưa thớt hơn từ khi vợ ông mất năm năm về trước. Bà nghĩ ông Olesen khó lòng chấp nhận mình là một người góa vợ, mặc dù bề ngoài không tỏ ra như vậy. Ngoại trừ những lúc đi mua sắm ở Co-op ngay góc đường, ông Olesen ngày càng ít ra ngoài. Ông là một người thân thiện, đúng mực, và luôn gật đầu chào bà khi đi ngang qua. Nếu cần giặt đồ hoặc một dịch vụ nào khác, ông Olesen luôn yêu cầu một cách lịch sự và trả tiền hậu hĩnh. Bà Randi chưa bao giờ ghi nhận sự căng thẳng giữa ông và các cư dân khác trong tòa nhà. Thật ra thì, bà khó mà tưởng tượng nổi có người nào trên trái đất này lại muốn giết một người tử tế và là một trụ cột đáng kính của cộng đồng như ông Olesen.

Hàng xóm của Olesen trên tầng hai là một người Mỹ tên Darrell Williams khoảng bốn mươi tuổi, theo nhận xét của bà Randi. Anh ta ở đây chưa quá tám tháng, và tiền thuê nhà được trả bởi Đại sứ quán Mỹ. Bà vợ ông gác đàn chưa bao giờ hỏi anh ta làm gì ở đại sứ quán, nhưng tin rằng anh ta giữ một vị trí cao - bà mô tả về Williams như một người 'luôn ăn mặc chỉnh chu và chắc chắn là quan trọng'. Anh ta cũng nói tiếng Na Uy rất sõi chỉ sau vài tuần lễ. Darrell Williams luôn đi thẳng đến chỗ làm vào buổi sáng và thường về trễ buổi tối, nhưng chưa bao giờ đem khách khứa về nhà.

Cô Sara Sundqvist sống trong căn hộ bên dưới nhà ông Olesen. Đó là một

sinh viên Thụy Điển trẻ trung, ở đây từ đầu năm học vào tháng 8. Cô nàng từng gây ngạc nhiên cho bà vợ ông gác đan khi tặng bà hoa và sô-cô-la lúc dọn đến. Sara Sundqvist ăn mặc đẹp và duyên dáng. Đôi khi cô có vẻ xa cách, nhưng luôn tươi cười và chào hỏi bà. Cô Sundqvist học tập rất chăm chỉ và có một cuộc sống tương đối điều độ. Cô thường đi học trong khoảng từ 8 đến 9 giờ sáng và về nhà tầm 3 đến 5 giờ chiều. Trong vài tháng đầu, một vài sinh viên cùng khóa với Sundqvist thỉnh thoảng có đến chơi. Họ luôn cư xử đúng mực và về trước 11 giờ đêm.

Randi Hansen cho thấy mối thiện cảm rõ rệt đối với cô Sara Sundqvist, tuy vậy một chút khác lạ trên gương mặt khiến tôi tin rằng bà đang che giấu một điều gì đó. Nét mặt có phần gượng gạo đó vẫn tiếp tục khi bà bắt đầu nói về cặp vợ chồng trẻ, Kristian và Karen Lund, sống ở căn hộ mé bên trái trên tầng một. Họ là một cặp đôi thân thiện, hay giúp đỡ và có vẻ rất yêu nhau, ngay cả sau khi có đứa con đầu lòng. Vợ chồng Lund dọn đến đây đã được hai năm, ngay sau khi cưới, và hiện đang có cậu con trai hơn một tuổi. Vợ anh ta hai mươi lăm tuổi, là con gái của một ông chủ nhà máy đến từ một trong những khu dân cư danh giá nhất Oslo. Người chồng lớn hơn vài tuổi và là quản lý của một cửa hàng dụng cụ thể thao tại Hammersborg.

Một tài xế taxi sống trong căn hộ ở mé trái tầng trệt. Konrad Jensen ngoài ngũ tuần và không có gia đình. Bà vợ ông gác đan từng nghe từ một người cháu trai của ông ta, cũng là tài xế lái xe taxi, rằng Konrad lái một trong những chiếc xe taxi già cỗi nhất Oslo, nhưng vẫn có thể xoay sở để vượt qua nhiều con phố ngang chằng chịt trong thành phố nhanh hơn phần lớn đồng nghiệp của mình. Konrad Jensen làm việc siêng năng và thường đi sớm về khuya. Nếu không làm việc, ông ấy cũng chỉ đi xem vài sự kiện thể thao vặt vãnh. Theo như trí nhớ của bà Randi, Konrad Jensen chưa từng có người khách nào đến thăm trong hai mươi năm ông sống tại đây.

Bà vợ ông gác đan còn mấp máy môi vài lần sau khi đã nói xong về Konrad Jensen. Một lần nữa, có điều gì chưa được đề cập vẫn còn treo lơ lửng. Tôi không biết đó là gì, nhưng lúc này tôi thấy chưa cần thiết phải dôn

ép bà ta thêm nữa.

Cư dân cuối cùng sống trong căn hộ ở mé phải tầng trệt là một người đàn ông ngồi xe lăn tên Andreas Gullestad. Anh ta trạc bốn mươi tuổi, và theo như bà vợ ông gác đàn, Gullestad sống nhờ vào lợi tức từ tài sản thừa kế. Số tiền này chắc hẳn phải đáng kể vì anh ta luôn ăn mặc thanh lịch và rõ ràng có một cuộc sống vô lo, ngoại trừ tình trạng khuyết tật của mình. Bất chấp những khó khăn của bản thân, Gullestad luôn vui vẻ và thân thiện đối với mọi người. Anh ta chuyển đến đây từ một khu vực giàu có của thành phố vào ba năm trước, sau khi tòa nhà đã được tu sửa. Andreas Gullestad ngồi xe lăn sau một tai nạn xảy ra trước thời điểm đó không lâu. Vì thế, anh ta rất vui mừng khi tìm được một căn hộ dễ ra vào tại tầng trệt. Gullestad là người duy nhất ngoài ông Harald Olesen đã chấp thuận mua lại căn hộ từ người chủ tòa nhà. Chị và cháu gái của Andreas Gullestad thỉnh thoảng có đến thăm, ngoài ra anh ta có một cuộc sống không ồn ào và có lẽ tương đối cô độc. Thỉnh thoảng vào mùa hè, Gullestad ra dạo phố khi thời tiết đẹp, nhưng thích ở trong nhà suốt mùa đông và thường nhờ bà Randi đi chợ mỗi tuần. Anh ta trả công hậu hĩnh cho việc này và luôn tặng quà cho vợ chồng bà vào dịp Giáng sinh hoặc sinh nhật. Theo như hiểu biết của bà, Gullestad không thể di chuyển nếu thiếu xe lăn nhưng có vẻ như anh ta vẫn còn sử dụng tốt thân trên và cánh tay. Ngoài ra, anh ta chắc chắn không có vấn đề gì về đầu óc: Gullestad là một người đàn ông đặc biệt thông minh và hiểu biết.

May mắn thay, bà Randi Hansen không những luôn ngồi ở vị trí trực suốt buổi chiều và tối hôm xảy ra án mạng, mà còn ghi chép lại mọi lần ra vào của cư dân tòa nhà. Harald Olesen đã đi mua sắm vào buổi sáng, quay về khoảng giữa trưa và sau đó ở trong nhà suốt mười tiếng cuối cùng của đời mình. Không có ai gọi điện cho ông ta. Trong những tuần trước khi ông chết, những cuộc điện thoại duy nhất được ghi nhận lại đều đến và đi từ luật sư của ông thuộc hãng luật Ronning, Ronning & Ronning.

Về những người hàng xóm khác, anh chàng ngồi xe lăn Andreas Gullestad ngồi nhà cả ngày như thường lệ. Cô Lund ở nhà với con trai. Theo

bà vợ ông gác đàn, anh Lund rời nhà khoảng 8 giờ sáng và không về trước 9 giờ tối. Có duy nhất một cuộc điện thoại gọi đến căn hộ nhà Lund là do anh chồng gọi về nhà vào khoảng 5 giờ chiều. Sara Sundqvist đi học lúc 9 giờ 30 phút sáng và về nhà lúc 4 giờ rưỡi chiều. Darrell Williams ra khỏi nhà ngay trước 9 giờ sáng và trở về lúc gần 8 giờ tối. Konrad Jensen đi làm ca tối vào tuần đó. Ông ta lái xe đi vào khoảng giữa trưa và quay về sau Williams chỉ vài bước chân. Anh này cũng là người hàng xóm duy nhất ra khỏi tòa nhà sau đó theo sổ ghi chép của bà Randi. Williams đi dạo buổi tối lúc 9 giờ 55 phút và trở về mười lăm phút sau đó.

Bà cũng không nhìn thấy bất kỳ người lạ nào trong tòa nhà vào hôm xảy ra án mạng và khó có khả năng một ai đó đã đột nhập mà không bị bắt gặp. Chỉ có bà và các cư dân trong tòa nhà có chìa khóa cửa sau. Bất kỳ ai khác đều phải vào tòa nhà bằng cửa chính và sẽ bước qua vị trí trực của bà. Vào thứ Năm ngày 4 tháng 4, bà có thể quan sát cửa sau gần như liên tục sáu giờ trước khi án mạng xảy ra.

Trước khi rời đi, tôi hỏi bà Randi liệu bà có lưu ý bất kỳ điều gì khác thường trong ca trực, đặc biệt trước và sau vụ án mạng.

‘Có một việc’, bà trả lời và đứng lên. Randi Hansen ra dấu cho tôi đi theo vào một phòng nhỏ phía sau.

Trên bàn có một cái áo khoác đi mưa rộng màu xanh dương có mũ trùm đầu và một khăn quàng màu đỏ.

“Sáng nay tôi thấy hai thứ này trên nắp thùng rác cạnh cửa sau. Tôi chưa từng thấy ai trong tòa nhà sử dụng cái áo hay chiếc khăn quàng này. Cả hai thứ đều tương đối mới và có vẻ đã được giặt trước khi quăng đi, vì chúng vẫn còn ẩm. Tôi không thấy ai đã vứt chúng đi, nhưng chúng không có ở đó khi tôi đi bỏ vài thứ linh tinh lúc đầu giờ chiều hôm qua. Hẳn là việc này đáng để nói đến, đúng không?”

Và tôi đồng ý với bà. Rõ ràng là không bình thường khi có ai đó lại quăng đi một chiếc áo đi mưa gần như mới và vừa được giặt sạch ngay hôm xảy ra vụ án mạng. Tôi lập tức đưa cái áo đi mưa màu xanh dương vào danh sách

những điều cần hỏi với các cư dân trong tòa nhà.



Darrell Williams sống trong căn hộ 3B. Đó là một người Mỹ to con, tóc sẫm màu, có cái bắt tay mạnh mẽ và giọng nói dịu dàng bất ngờ. Darrell Williams cho tôi xem hộ chiếu ngoại giao của mình, trong đó ghi tuổi bốn mươi lăm, dù anh ta có vẻ trẻ trung hơn. Williams cao tối thiểu 1m8 và chắc chắn nặng hơn 95kg, nhưng có rất ít mỡ thừa. Anh ta nói tiếng Na Uy trôi chảy, chỉ có chút âm mũi của giọng Mỹ. Khi nói về bản thân, Darrell Williams giải thích cái tên Thiên chúa giáo hơi khác lạ của mình là do gốc gác Ai len. Ông bà của anh ta đã di cư đến Mỹ trong những năm 1870, sau trận đói lớn năm 1845. Anh sinh trưởng ở New York, và là con trai của một luật sư nổi tiếng. Darrell Williams đã bỏ dở việc học luật của mình để gia nhập quân đội sau khi Mỹ tham chiến và có mặt trong cuộc đổ bộ vào Normandy mùa hè năm 1944. Một năm sau đó, anh đến Na Uy ngay sau khi đất nước được giải phóng với tư cách là một đại úy trẻ trong lực lượng Mỹ. Darrell Williams sớm có bạn gái, tìm được một vị trí trong sứ mạng quân sự của Mỹ và ở lại Na Uy cho đến mùa xuân năm 1948. Anh ta đã học tiếng Na Uy hồi đó, và do có quá nhiều kỉ niệm thân thương trong khoảng thời gian này, nên gần hai mươi năm sau anh xin vào làm tùy viên tạm thời tại Đại sứ quán Mỹ ở Oslo ngay khi có cơ hội. Trong khoảng thời gian về lại Mỹ sau năm 1948, Williams theo đuổi binh nghiệp và được thăng cấp thiếu tá trước khi chuyển sang ngành ngoại giao vào đầu những năm 1960.

Khi trả lời câu hỏi của tôi về tình trạng hôn nhân, nụ cười của Williams khá nhẹ nhàng và đầy vẻ tự trào.

“Tôi lập gia đình tại Mỹ năm 1951 nhưng ly hôn ba năm sau đó. Chúng tôi cãi cọ quá nhiều và không có con. Vợ tôi tuyên bố bỏ tôi vì một người đàn ông. Điều này có vẻ không đúng khi cô ấy cưới một người khác sau đó,

rồi lại có con với một người đàn ông khác nữa!”

Nhà ngoại giao chia sẻ cởi mở về cuộc hôn nhân thảm họa của mình. Là một người độc thân không vướng bận con cái, ngành ngoại giao đã giúp anh hoàn thành giấc mơ thời thơ ấu là được đến nhiều nơi tại châu Á và châu Âu. Trong mười năm qua, Darrell Williams từng làm việc cho một số đại sứ quán, nhưng anh có thể ‘lấy danh dự của mình’ để khẳng định chưa từng thấy thủ đô nào xinh đẹp như Oslo.

Đại sứ quán đã thu xếp và chi trả tiền thuê căn hộ, Darrell Williams không phàn nàn gì về việc này. Chỉ có điều, do bận rộn với công việc và những buổi tiếp tân công vụ, anh không ở nhà nhiều, nên không biết rõ về những cư dân khác. Williams cho rằng vợ chồng ông gác dan ‘ngăn nắp và tử tế’. Người đàn ông tàn tật ở tầng trệt ‘có văn hóa và thân thiện’ nói tiếng Anh tốt và có thể thảo luận về Jack London cũng như những tác giả người Mỹ ưa thích khác. Cô sinh viên trẻ người Thụy Điển cũng có vẻ ‘dễ thương và hiểu biết’, qua vài lần đối thoại giữa hai người. Ông tài xế taxi ở tầng trệt dường như có ‘tâm hồn đơn giản’ và khiêm tốn, nhưng ông này đam mê bóng đá và vài môn thể thao khác, nên Williams thỉnh thoảng cũng nói chuyện với ông ta. Vào đêm án mạng, họ đã gặp nhau ở cầu thang và dừng lại để trao đổi về Cúp bóng đá Na Uy sắp tới.

Anh người Mỹ ít trò chuyện với cặp vợ chồng trẻ ở tầng một, nên chỉ có thể nói là họ có vẻ ‘quá hạnh phúc và ngập tràn niềm vui sống, ngay cả đối với một cặp đôi mới cưới’. Vào đêm xảy ra án mạng, Kristian Lund nhún nhảy đi qua cửa tòa nhà chỉ vài bước trước anh ta. Williams khẽ nhắc mũ theo thói quen và nhận lại lời ‘chào buổi tối’ thân thiện. Tính chất của mối quan hệ giữa hai người cũng chỉ nằm trong giới hạn đó: ngăn gọn nhưng không bao giờ thiếu thân thiện.

Darrell Williams còn nhớ danh tiếng của ông Harald Olesen trong những năm 1945-1946 và đã từng khá phấn khích khi được ở trong cùng tòa nhà với ông ta. Chỉ một thời gian ngắn sau khi dọn đến, anh đã tận dụng cơ hội này để gõ cửa nhà ông hàng xóm và được đón tiếp niềm nở. Tuy nhiên, trong

lần thăm viếng đó và trong vài dịp khác sau này, Williams có cảm tưởng người nào hoặc việc gì đó đang đè nặng tâm trí ông Olesen và anh không muốn tạo gánh nặng thêm nữa. Ông Olesen vẫn tiếp tục cười thân thiện khi chào hỏi anh như cũ. Tuy nhiên, không ít lần Williams có ấn tượng rằng người anh hùng Kháng chiến ngày nào giờ đã trở thành một ông già ngày càng cô độc và bất đắc chí.

Williams không gặp ông Olesen vào hôm xảy ra án mạng. Anh tham dự một buổi tiệc tối và không về nhà trước 8 giờ. Sau khi đi dạo buổi tối, anh nói chuyện với Konrad Jensen ở cầu thang vài phút trước khi nghe tiếng súng nổ ở tầng hai. Williams chạy lên cầu thang ngay lập tức với Jensen bám sát phía sau. Họ không gặp ai trên cầu thang cũng như không thấy bất kỳ người nào khác trong hành lang khi lên đến tầng hai. Họ nhấn chuông cửa nhà ông Olesen vài lần nhưng không có ai trả lời. Một, hai phút sau, Kristian Lund cũng có mặt, theo sau là bà vợ ông gác đàn. Do không nghe thấy bất kỳ tiếng động nào bên trong căn hộ, bà đã đi xuống lấy chìa khóa của mình và gọi cho cảnh sát. Trong lúc đó, Gullestad lên đến nơi bằng thang máy. Năm người họ đã thảo luận xem có nên mở cửa căn hộ nhà ông Olesen hay không, cuối cùng thống nhất chờ cảnh sát đến nơi. Họ không nghe và không thấy bất kỳ dấu hiệu nào của một kẻ đột nhập và không thể có chuyện một ai đó có thể lên qua họ.

Williams không nhớ đã từng thấy một cái áo khoác đi mưa màu xanh dương ở số 25 phố Krebs, dù là trước hay sau vụ án mạng. Anh ta trả lời cởi mở và chân thật đối với câu hỏi của tôi liên quan đến vũ khí: “Tôi có đem theo một khẩu Colt cỡ nòng 0,44 inch và một khẩu súng lục cỡ nòng 0,36 khi đến Na Uy, nhưng ở đây có vẻ an toàn, nên tôi đã gửi chúng về nhà mình bên Mỹ vài tuần trước.”

Nói đúng ra, Williams không có giấy phép sử dụng súng, nhưng tôi thấy chưa có lí do để làm phiền một người mang hộ chiếu ngoại giao Mỹ với chi tiết nhỏ nhặt như vậy. Việc lục soát tòa nhà đã cho thấy Williams cũng như tất cả những người khác đều không có súng vào đêm xảy ra án mạng. Nhưng

dĩ nhiên điều này cũng không gạch tên anh ta ra khỏi danh sách đối tượng tình nghi.



Cô Sara Sundqvist hóa ra là một phụ nữ trẻ trung và cao khác thường, cô chân chờ một lúc trước khi mở cửa và chỉ tháo xích an toàn khi nhìn thấy đồng phục của tôi. Sara không nặng quá 57 kí lô dù cao khoảng 1m8. Tôi cảm thấy cổ tay và cánh tay cô dường như có thể gãy bất cứ lúc nào, nhưng mặc cho một vòng eo nhỏ đến mức đáng báo động, vóc dáng của cô cân đối và phong thái của cô duyên dáng. Dù biểu hiện của cô có phần căng thẳng và lo lắng, người ta vẫn nhận thấy ở cô những đường cong nữ tính. Chiếc đầm xanh cổ cao tưởng như kín đáo chỉ càng làm tôn thêm bộ ngực đầy đặn.

Cô Sara Sundqvist rất nghiêm túc và có phần rúng động bởi vụ án mạng, nhưng vẫn gây cho tôi ấn tượng của một người nhạy cảm và đáng tin cậy. Cô nói tiếng Na Uy đúng văn phạm, dấu còn chút ngữ âm Thụy Điển. Cô cho biết mình hai mươi tư tuổi và đến từ Gothenburg. Cô đến Oslo để học tiếng Anh và triết học hồi tháng 8 vừa rồi và đã tìm được căn hộ nhờ đọc quảng cáo trên báo. Cô sử dụng tiền của cha mẹ và học bổng Thụy Điển cho sinh viên để trả tiền thuê nhà đồng thời làm việc tại thư viện trường vài giờ mỗi tuần ngoài giờ học.

Ngoài ra, Sara Sundqvist cũng cho biết mình dành phần lớn thời gian trong ngày để học nhưng có tham gia diễn kịch nghiệp dư khi rảnh rỗi. Sara thường ít ra ngoài buổi tối. Vào đêm xảy ra án mạng, cô ở nhà một mình và đang ở trong bếp pha cà phê tối thì có tiếng súng nổ. Cô nghe rõ ràng tiếng động nhưng tưởng rằng có gì đó rớt xuống sàn. Sau đó, cô trở nên lo sợ do tiếng huyền não ngoài hành lang và quyết định chọt cửa cố thủ trong căn hộ cho đến khi cảnh sát xuất hiện. Mặc dù không tận mắt chứng kiến thảm kịch, đối với cô đó là ‘một trải nghiệm vô cùng khủng khiếp’. Phù hợp với những

gì đã khai tối hôm trước, cô nói rằng mình đã không rời căn hộ sau khi về nhà lúc 4 giờ 15 phút chiều.

Tôi chắc rằng cô gái Thụy Điển này sẽ cười nhiều hơn vào một ngày có nắng ấm và ánh mắt của cô chắc hẳn sẽ vững vàng hơn lúc này. Tôi thấy cũng dễ chấp nhận việc một vụ án mạng trong cùng tòa nhà làm kinh sợ một nữ sinh viên ngoại quốc.

Căn hộ 2A của Sara ngăn nắp, ngoại trừ vài kệ sách lộn xộn, lèn chặt sách vở tiếng Na Uy, Thụy Điển và tiếng Anh. Ngoài các con dao làm bếp, rõ ràng không có vũ khí nào khác trong căn hộ. Cô thoáng bối rối khi tôi hỏi liệu có từng trông thấy ai mặc chiếc áo khoác đi mưa màu xanh dương hay không, nhưng rồi cô trả lời chưa từng nhìn thấy ai trong trang phục như thế, dù là vào hôm qua hay trước đó.

Sara Sundqvist cho biết cô chỉ nói chuyện thoáng qua vài lần với ông Harald Olesen quá cố. Ông có vẻ là một quý ông rất thân thiện, trầm lặng và đúng mực. Cô đã nỗ lực kết thân với bà vợ ông gác đàn cũng như những người khác trong tòa nhà, và không có điều gì tiêu cực để kể về họ. Tuy nhiên, cô không thể khẳng định mình biết rõ mọi người. “Vợ chồng nhà Lund dĩ nhiên chỉ quan tâm đến nhau và đến cậu bé con, trong khi những người còn lại đều là nam giới và lớn tuổi hơn tôi nhiều.”

Không có gì đặc biệt về căn hộ 2A và người thuê nó. Mọi việc đều có vẻ đáng tin cậy. Tuy nhiên, tôi cũng còn chút do dự trong việc gạch tên Sara Sundqvist ra khỏi danh sách đối tượng tình nghi.



Tên của Kristian và Karen Lund được ghi trên cái bảng màu đỏ hình trái tim treo trước cửa căn hộ 2B. Với cậu con trai mười ba tháng tuổi đang ngủ ngon lành trong giường cũi, họ dường như là hình mẫu của một cặp đôi trẻ hạnh phúc. Và dù họ luôn tươi cười mỗi khi nhìn nhau hoặc nhìn cậu con trai, nét

buồn bã luôn trở lại khi họ bắt gặp ánh mắt của tôi. Kristian Lund là một người đàn ông tóc vàng, rảnh rỗi, cao khoảng 1m8, bình thường chắc chắn rất thư thái và quỵên rũ. Tuy nhiên, vào lúc này anh ta rõ ràng đang bị chấn động bởi hoàn cảnh. Anh ta lặp đi lặp lại rằng một vụ án mạng trong tòa nhà là mối lo lắng đặc biệt cho người có vợ và con nhỏ. Anh ta không chắc liệu có dám để họ ở nhà một mình trong khi đi làm chừng nào kẻ sát nhân còn chưa bị bắt giữ.

Cả hai vợ chồng nhà Lund đều không tưởng tượng nổi ai đó trong tòa nhà có thể đứng đằng sau vụ án mạng. Do vậy, kẻ sát nhân hẳn phải xoay xở bằng cách nào đó để đột nhập vào bên trong tòa nhà. Hai vợ chồng chỉ toàn nói tốt về ông Harald Olesen. Đôi khi ông tỏ ra hơi cô độc - xét cho cùng ông là một ông già hưu trí sống một mình - nhưng vẫn là một người đàn ông lịch sự và có khí chất. Vợ chồng Lund chưa từng thấy khẩu súng nào trong tòa nhà và chắc chắn không có súng trong căn hộ của họ. Từ khóa ‘chiếc áo khoác đi mưa màu xanh’ không có ý nghĩa gì đối với họ.

Liên quan đến lai lịch cá nhân, Karen Lund cho biết chị là con gái duy nhất của một ông chủ nhà máy ở Baerum. Chị đã gặp chồng mình trong một ‘khóa học tương đối nhằm chán ở trường thương mại’ và đã làm việc cho một nhà bán lẻ quần áo một thời gian trước khi kết hôn. Kristian Lund xuất thân từ một tầng lớp thấp hơn và là con trai của một bà mẹ thư ký đơn thân ở Drammen. Có một thời điểm khá xúc động khi anh bình phẩm rằng: ‘Bố tôi có thể là bất kỳ ai và tôi không còn muốn biết ông ta là ai nữa’. Người mẹ mà anh vô cùng biết ơn đã qua đời vì ung thư hồi năm ngoái, chỉ vài ngày trước khi đưa cháu nội đầu tiên ra đời. Kristian Lund là một nhà quản lý có trình độ. Anh ta cười tự mãn một lúc khi nói với tôi rằng điểm số của mình ở trường thương mại là ‘tốt hơn mong đợi đối với bất kỳ ai, trừ tôi’. Anh đã nhận được một số lời mời cho vài công việc ‘rất hấp dẫn’ gần đây nhưng hài lòng với vị trí hiện tại là quản lý của một cửa hàng dụng cụ thể thao. Vợ anh ta bổ sung thêm rằng bố mẹ mình đều khá hài lòng về chàng rể và đưa cháu nội. Nói chung, chị ta có vẻ bình tĩnh và ít bị chấn động hơn nhiều so với

chồng.

Sau khi hỏi han vợ chồng nhà Lund, vẫn còn một câu hỏi bí ẩn chưa có lời đáp đối với tôi. Đó là, Kristian Lund đã thực sự về đến nhà lúc nào trong đêm xảy ra án mạng? Vợ anh ta chắc chắn rằng chồng mình về nhà đúng 9 giờ tối. Anh đã bước vào nhà ngay sau khi chương trình The Danny Kaye Show bắt đầu. Chương trình này được chiếu từ 9 giờ kém 5 phút. Kristian Lund giải thích rằng anh ta phải ở lại trễ một mình tại cửa hàng do có vài việc sổ sách cần phải hoàn thành và rời cửa hàng khoảng 9 giờ kém 15 phút. Chi tiết này phù hợp với những ghi chép của bà vợ ông gác đàn rằng Kristian Lund về đến nhà lúc 9 giờ tối. Tuy nhiên điều này không phù hợp với một chi tiết nhỏ và gây hoang mang khác, theo đó Darrell Williams quả quyết mình đã thấy Kristian Lund đi vào trong tòa nhà khi anh ta đang đứng tán gẫu với Konrad Jensen một giờ trước đó.

Vẻ lo lắng của Kristian Lund tăng lên khi tôi đề cập vấn đề này. Anh lặp đi lặp lại là mình chỉ về nhà lúc 9 giờ tối. Nếu hai người hàng xóm nói khác đi, họ chắc hẳn đã nhầm lẫn về thời điểm hoặc nhìn nhầm anh với một người khác. Karen ngay lập tức nói đỡ cho chồng. Chị ta bổ sung với đầy vẻ chân thành rằng chồng mình là một người đáng tin cậy và chân thật nhất quả đất, và anh đã gọi điện về nhà vài tiếng trước đó để thông báo sẽ không về trước 9 giờ tối. Tôi vội vàng bỏ lửng thắc mắc và rút lui một cách có tính toán, để nghiên ngẫm thêm về việc này.

Điểm dừng kế tiếp của tôi lại là bà vợ ông gác đàn tại nơi bà ta trực bên cạnh lối vào. Sau cái nhú mày, bà khẳng định rằng “Kristian không về nhà trước 9 giờ tối hôm qua.” Các ghi chép của bà đều rõ ràng về giờ giấc và tên của mọi người được ghi theo thứ tự họ về nhà. ‘Nếu Kristian về nhà trước Darrell Williams và Konrad Jensen, không lý nào tôi lại ghi tên anh ta sau tên của họ’ bà Randi nói như vậy. Tôi phải thừa nhận rằng điều đó nghe có vẻ hợp lý. Và trên hết, bà có ghi lại cuộc điện thoại mà Kristian Lund gọi để thông báo sẽ không về nhà trước 9 giờ tối, như vợ anh ta đã đề cập.

Khi tôi nhìn vào danh sách rõ ràng và đơn giản của Randi Hansen, thật

khó tin rằng bà có thể mắc sai lầm. Ngược lại, không có lí do gì để nghi ngờ việc Darrell Williams đã thấy và chào hỏi Kristian Lund ở lối vào một giờ trước đó. Vì vậy, vợ chồng Lund cũng không được gạch tên khỏi danh sách các đối tượng tình nghi.



Có nhiều bi kịch đang chờ được kể trong căn hộ mé tay trái tầng trệt. Ông Konrad Jensen là một người trung niên, dáng thấp, mặc một chiếc áo len màu đỏ và quần dài may bằng vải gabardin. Ông xác nhận mình là tài xế taxi và đã chuẩn bị sẵn các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu chiếc Peugeot đời cũ có gắn hộp đèn taxi đậu ngoài phố. Ông cho biết mình đã sống trong căn hộ từ năm 1948, chưa kết hôn và không có con cái. Ông đã luôn sống một mình từ lúc trưởng thành.

Mái tóc của Konrad Jensen đã chuyển màu muối tiêu. Trong cuộc nói chuyện giữa chúng tôi, gương mặt râu ria không cạo của ông dường như đi từ thất vọng đến tuyệt vọng. Các câu trả lời càng lúc càng cụt ngắn và ông dần trở nên rầu rĩ khi giải đáp các thắc mắc của tôi. Đúng, sau ca làm việc ông đã về nhà lúc 8 giờ tối, chỉ vài bước chân sau Kristian Lund và Darrell Williams. Đúng, ông chắc chắn rằng Kristian Lund đã vào tòa nhà trước. Đúng, ông đã đứng lại ở cầu thang bàn luận về một trận bóng đá với anh người Mỹ lúc 10 giờ 15 phút khi nghe tiếng súng nổ ở tầng hai. Đúng, hai người họ ngay lập tức chạy lên lầu và chờ ở ngoài cửa căn hộ. Và đúng là Kristian Lund, bà vợ ông gác đàn cùng Andreas Gullestad cũng lục tục lên đến nơi trong vòng vài phút. Nhưng không, ông chưa từng thấy một cái áo khoác đi mưa màu xanh dương nào trong tòa nhà số 25 phố Krebs này.

Rồi đột nhiên Konrad Jensen thu hết dũng khí để cao giọng hơn một chút.

“Tôi cần phải kể với anh về bản thân bởi vì trước sau gì anh cũng biết tất cả. Tôi từng ủng hộ Phát xít, từng là một thành viên của đảng Nasjonal

Samling trong thời chiến tranh và thụ án tù sáu tháng vào năm 1945-1946 vì tội đã gia nhập đảng NS trước chiến tranh và phục vụ như một tài xế cho quân Đức từ sau ngày 9 tháng 4 năm 1940. Tôi chưa bao giờ chối bỏ việc này. Nhưng tội lỗi của tôi chỉ có vậy. Tôi chưa bao giờ phạm tội gì khác, dù thế nào đi nữa.”

Cũng hợp lý khi tôi nhìn Konrad Jensen dưới một lăng kính mới, phê phán hơn.

Ông vội vàng nói tiếp: “Tôi chưa từng gặp ông Harald Olesen trong hoặc sau chiến tranh và tôi không hề liên quan gì đến cái chết của ông ta. Thật ra mà nói, cái chết của ông ta là điều tồi tệ nhất có thể xảy đến với tôi.”

Sau một thoáng dừng lại để suy nghĩ, ông Konrad Jensen tiếp tục nói với giọng chậm rãi và buồn rầu: “Đương nhiên mọi người sẽ nghi ngờ tôi. Chẳng mấy chốc rồi báo chí sẽ viết về tôi, một cựu phát xít, và tôi sẽ trở thành mục tiêu di động cho mọi người. Tôi đã chạt vạt bao nhiêu năm vì điều đó từ ngày được ra tù. Tôi đã hai lần đổi tên, từ Konrad Hansen thành Konrad Pedersen rồi Konrad Jensen. Nhưng vẫn luôn có những người nghe ngóng được chuyện của tôi và gọi tôi là ‘tên phản bội Konrad’. Vẫn có những người không chịu lên xe taxi của tôi vì họ nghe nói tôi từng thuộc đảng NS. Việc này ít dần theo năm tháng, nhưng giờ đây mọi thứ sẽ lại tồi tệ.”

Ông Konrad Jensen chậm rãi đứng lên khỏi ghế sofa, bước đến cửa sổ và chỉ tay xuống lề đường. “Chiếc xe của tôi đậu ở đó. Không mới, và cũng không phải là tốt nhất thế giới hồi còn mới, nhưng nó vẫn chạy tốt và tôi biết nó rõ hơn bất kỳ ai khác. Chiếc xe luôn là người bạn trung thành nhất của tôi. Tôi biết là hơi trẻ con, nhưng tôi thích gọi nó là Petter, theo tên một người bạn thuở nhỏ. Petter Peugeot và Konrad Jensen, cặp đôi ‘tàn tạ’ già đi cùng nhau và biết rõ đường phố Oslo hơn hết thảy mọi người.”

Gương mặt ông chưa xót khi nói tiếp. “Tôi bước sang tuổi năm mươi hồi tháng 2 nhưng chỉ kỷ niệm một mình bằng một bữa ăn giản dị trong nhà hàng. Tôi không còn dính líu gì với những người NS cũ và không dễ để kết bạn với những người khác. Bố mẹ tôi mất đã lâu, tôi cũng không liên lạc

mấy với anh chị em của mình. Lần cuối tôi nghe về anh trai là vào năm 1940, khi anh ấy vay tiền với lãi suất cắt cổ để trả nợ cho tôi. Nhân dịp sinh nhật năm mươi tuổi của tôi, chị tôi gửi một thiệp mừng vồn vẹn có bảy từ và đến trễ bốn ngày!”

Tôi không thấy những thất vọng cá nhân và gia đình có tầm quan trọng đặc biệt nào trong vụ án này. Vì vậy, khi ông Konrad Jensen dừng lấy hơi, tôi tận dụng ngay cơ hội để hỏi về mối quan hệ của ông với những người hàng xóm khác.

“Cũng không có nhiều điều để nói. Chúng tôi gặp nhau ở hành lang, trao đổi vài câu về những chuyện lặt vặt. Vợ chồng người gác đàn dĩ nhiên biết rõ lai lịch của tôi trong chiến tranh. Họ không bao giờ nhắc đến điều đó, và cũng không phải là những người nhiều chuyện. Ông Olesen chắc hẳn phải biết về tôi. Ông ta đã ở đây khi tôi dọn đến và hẳn đã nghe về tôi từ những người bạn chiến đấu cũ. Giữa chúng tôi chưa bao giờ có xích mích nhưng cũng không hề có bất kỳ giao thiệp nào. Ông ta chưa nói một lời nào với tôi và tôi cũng không dám bắt chuyện với ông ta. Olesen luôn tỏ vẻ rất khinh miệt mỗi lần chạm mặt tôi tại hành lang. Tôi phải thừa nhận mình không thích Harald olesen, nhưng không có lí do gì để giết ông ta. Cái chết của ông ta chỉ làm mọi thứ càng tồi tệ hơn với tôi, đặc biệt là nếu như kẻ sát nhân không bị bắt giữ nhanh chóng.”

Ông im lặng trong vài giây, sau đó nói nhanh về những người hàng xóm khác. “Anh người Mỹ ở tầng hai mới vừa dọn đến thời gian gần đây thôi, nhưng anh ta nói tiếng Na Uy giỏi và có vẻ tử tế. Tôi tán gẫu với anh ta về thể thao và những chuyện tương tự mỗi khi có dịp. Anh ngồi xe lăn là một người lịch sự, luôn mỉm cười và chào hỏi nhưng hiếm khi nói gì khác. Anh ta vốn thông minh và giàu có từ trong trứng rồi nên đương nhiên sẽ không quan tâm tới tôi. Cặp đôi ở tầng một vừa mới cưới gần đây và vì vậy vẫn đang có cuộc sống màu hồng. Thịnh thoảng họ cũng có nhờ tôi chở đi khi cần xe taxi để đi dự tiệc hoặc những dịp tương tự, nhưng chúng tôi không thật sự nói chuyện nhiều với nhau. Họ trẻ trung, có rất nhiều điều đang chờ

họ ở phía trước và rất nhiều cơ hội, còn tôi chỉ là một ông già đang đi trên những vòng xoáy mòn mỏi tiến dần đến nghĩa địa.”

Khi tôi đề cập đến Sara Sundqvist, ông Konrad Jensen bật cười, một tiếng cười ngắn và chua chát.

“Thật là mỉa mai, đúng không? Với quá khứ như thế, giờ tôi lại ở đây, cách một tầng nhà so với người anh hùng thời Kháng chiến và ngay bên dưới nhà một ả Do Thái. Trên phương diện nào đó, giờ đây cô ta đang đẽ đầu cười cổ tôi. Tôi không thích điều này. Tuy nhiên, cũng phải công nhận là cô ta rất kín đáo, không gây ồn ào hay mâu thuẫn gì.”

Tôi chưa từng nghe nói hoặc nhìn thấy điều gì cho biết Sara Sundqvist là một người Do Thái, vì vậy tôi vội hỏi ngay liệu ông ấy có chắc chắn về điều đó. Một lần nữa Konrad Jensen bật ra tiếng cười chua chát.

“Trong thế giới này, nếu có điều gì tôi biết rõ hơn việc lái xe thì đó chính là việc nhận ra một tên Do Thái ngay khi chạm mặt. Anh có thể nhận ra họ nhờ vào cái mũi, mái tóc và đôi mắt. Tôi hoàn toàn chắc chắn cô ta là người Do Thái.”

Konrad Jensen rõ ràng chưa từng có khán thính giả lắng nghe và giờ thì ông thao thao bất tuyệt. Ông cố gắng im lặng một lúc nhưng rồi lại nói tiếp.

“Tôi biết thật không khôn ngoan khi mở lòng về chuyện này, nhưng sự việc xảy đến với Stalin và đám Bôn-sê-vích của ông ta cho thấy đảng NS đã đúng. Bản thân những nhà lãnh đạo của đảng Lao Động Na Uy ngày nay cũng thừa nhận điều đó. Và rồi một ngày nào đó sẽ chứng minh chúng tôi cũng đã đúng về dân Do Thái. Không phải tôi muốn bọn họ bị giết chết. Tôi chỉ muốn họ biến đi. Thật tốt khi họ có một quốc gia riêng ở bên kia quả địa cầu, và tôi hy vọng rằng đa số bọn họ sẽ đi đến đó. Như vậy là tốt nhất cho họ, và cho cả chúng ta.”

Ông nhìn lên trần nhà và hạ giọng. “Nhưng công bằng mà nói, cô ta không hề gây ồn ào hoặc phiền phức gì cho bất kỳ ai. Tôi không biết liệu có chút dòng máu Phương Bắc nào trong huyết quản của cô ấy không - chuyện này thì anh phải tự hỏi cô ta thôi.” Tiếp theo là sự im lặng. Ông ta hẳn đã

nhận ra tôi không hề lắng nghe với sự đồng cảm, và giọng điệu chua chát của ông nhanh chóng quay trở lại.

“Không có gì cho anh ở đây đâu, trừ phi anh đang tìm kiếm một kẻ bung xung chứ không phải thủ phạm thật sự.”

Đó dĩ nhiên không phải là điều tôi muốn, và cho đến lúc này tôi đã có đáp án cho tất cả các câu hỏi của mình. Vì vậy tôi chào ông Konrad Jensen một cách lịch sự hết mức có thể. Ngay khi ra khỏi cửa, tôi lập tức ghi chú ông ta là đối tượng tình nghi số một.

Tuy nhiên, tôi đã quay trở lên tầng một và gõ cửa nhà Sara Sundqvist. Cô mở cửa một cách thận trọng và chậm rãi như trước, tuy có cười tươi hơn khi thấy tôi lần này. Tôi xin lỗi và giải thích mình quên hỏi về gia đình cô. Sau khi tần ngần một lúc, cô gái trả lời rằng bố mẹ cô là người Do Thái và đã mất trong chiến tranh. Theo những gì cô tìm hiểu được thì họ không có người con nào khác, và cô biết rất ít về gia đình Do Thái của mình. Cô may mắn được một gia đình giáo viên ở Gothenburg cứu mang, họ đã nuôi dưỡng cô cùng với hai cô con gái của mình.

Tôi thấy lúc này chưa cần thiết phải hỏi cô thêm điều gì nữa. Nhưng tôi phải phần nào đó miễn cưỡng thừa nhận rằng Konrad Jensen không phải hoàn toàn không tin cậy được, rằng Sara Sundqvist tương đối đáng quan tâm trong cuộc điều tra án mạng này. Và bí ẩn về thời điểm Kristian Lund thực sự về nhà vào đêm tối xảy ra án mạng càng trở nên hấp dẫn hơn bao giờ hết.



Phải mất hơn một phút thì Andreas Gullestad mới mở cửa căn hộ 1A. Khi cánh cửa mở ra, người đàn ông ngược nhìn tôi từ chiếc xe lăn có vẻ thân thiện và tươi cười. Tôi được mời vào phòng khách ngay lập tức. Andreas Gullestad có mái tóc màu sáng, khoảng ba mươi chín tuổi. Cuộc sống ru rú trong nhà làm anh ta hơi bị thừa cân, và càng củng cố thêm bản tính vui vẻ

của anh. Tôi đoán anh ta sẽ khá cao nếu đứng dậy. Giọng nói anh ta rõ ràng, và cách dùng từ mang dấu ấn của một sự giáo dục tốt. Anh ta tỏ ra không quá rúng động bởi vụ án mạng, và khá hài lòng khi có khách đến thăm.

“Chào mừng đến với tệt xá của tôi, ngài thám tử đáng kính! Tôi đã chờ đợi anh đến và còn hơn cả sung sướng khi được đóng góp chút gì đó để phá vụ án kinh hãi này. Liệu tôi có thể mời anh một tách trà hoặc cà phê được không?”

Anh ta đã dọn bàn cho hai người và đun nước, nên tôi đồng ý dùng một tách trà. Có nhiều loại trà để chọn và rất phù hợp với không khí trong căn hộ. Căn hộ của Andreas Gullestad là một ốc đảo của màu sắc và tĩnh lặng, với tranh trên tường, các giá sách đầy ắp, kệ tivi và các đồ đạc đắt tiền. Ngồi thoải mái trên đệm ghế xe lăn, người chủ nhà ngồi trước mặt tôi có vẻ đã hòa giải với số phận. Anh ta tỏ ra rất bình thản dù đang có một vụ điều tra án mạng trong tòa nhà.

Gullestad cho biết căn hộ trước của mình ‘phần nào bất tiện’ với anh ta sau tai nạn ‘rất đáng tiếc’ vào bốn năm trước làm Gullestad liệt nửa thân dưới. Với nụ cười mỉm có vẻ nhún nhùng, anh ta nói thêm: “Tôi chưa bao giờ, đâu là trong cơn ác mộng khủng khiếp nhất, từng nghĩ đến khả năng sang sống ở bờ Đông của dòng sông.”

Tuy vậy, anh ta đã mua căn hộ này ngay và chưa từng hối tiếc về điều đó. Quan trọng là được có một căn hộ ở tầng trệt với các bậc thềm thấp và một thang máy. Hơn nữa, mọi người ở đây đã làm anh ta ngạc nhiên với sự tử tế của họ. Ông Harald Olesen quá cố luôn thân thiện và lịch sự. Thật là vinh dự cho một người vốn chỉ là một đứa trẻ trong chiến tranh, nay lại được ở chung tòa nhà với người anh hùng thời Kháng chiến như thế. Gullestad không thể hình dung được người nào trong tòa nhà có khả năng sát hại ông Olesen, và cũng không nghĩ ai đó trong số họ có động cơ để làm việc này. Anh ta tin rằng kẻ giết người đến từ bên ngoài, tuy không thể lý giải được bằng cách nào hẳn đã xoay sở để lọt vào trong nhà.

Gullestad cũng đề cập đến việc ông gác đan có lẽ đã quá phụ thuộc vào

rượu. Việc này hẳn nhiên có ảnh hưởng sâu sắc đến người vợ. Nhưng khi tỉnh táo, ông gác đàn cũng là một người hay giúp đỡ, còn bà vợ thì luôn như thế. Darrell Williams là người dọn đến gần đây nhất. Anh ta đã chấp nhận lời mời dùng cà phê với Gullestad và đã gây một ấn tượng ‘rất tích cực’. Tuy nhiên, do sống cách hai tầng nên Gullestad không biết nhiều về những gì xảy ra trên tầng hai. Ngược lại, Gullestad có mối quan hệ rất tốt với cặp vợ chồng trẻ ở tầng một.

Khi đề cập đến Konrad Jensen, Gullestad biết những mối liên hệ ‘vô cùng đáng tiếc’ của ông này trong chiến tranh và muốn nói rõ rằng anh ta hoàn toàn không tán thành những chuyện đó. Nhưng anh ta có thể bỏ qua tất cả những lầm lỗi xưa cũ này vì cách hành xử của ông Jensen hiện giờ không có gì để chê trách. Ông ta gần như chắc chắn không có một quãng thời gian dễ chịu trong chiến tranh, và tỏ ra vừa cô độc vừa vỡ mộng. Dù sao đi nữa, Gullestad cũng không thể tưởng tượng được ông ta có thể là một sát thủ máu lạnh. Quý cô người Thụy Điển cũng đã chấp nhận đến dùng cà phê với Gullestad trong thời gian ngắn ngay sau khi chuyển đến vào tháng 8. Và cô nàng, lúc đó cũng như bây giờ, luôn ‘cực kỳ duyên dáng’.

Gullestad dừng nói một lúc và trầm ngâm ngâm một viên đường. Sau đó, anh ta tiếp tục với một giọng rất khẽ ‘dẫu có thể bị cho là ngồi lê đôi mách’ rằng mình nên đề cập một việc về cô Sundqvist mà có thể hữu ích cho cuộc điều tra. Dù chưa bao giờ thấy cô nàng đi với bạn trai, hoặc từng nghe cô đề cập đến ai, anh có cảm tưởng rằng có một người đàn ông nào đó trong đời sống của cô. Phòng ngủ của Gullestad ngay tầng dưới phòng ngủ của cô Sara Sundqvist. Những âm thanh anh nghe được cho thấy cô thỉnh thoảng có ‘những chuyến thăm rất vui vẻ và sống động’. Anh ta chỉ nghe thấy tiếng động này vào khoảng từ 5 đến 7 giờ chiều, không bao giờ vào đêm khuya. Dường như cô Sara Sundqvist có một người ngưỡng mộ chỉ đến thăm vào buổi chiều và không ở lại qua đêm.

Andreas Gullestad nhanh chóng trả lời rằng anh ta không có khẩu súng nào trong căn hộ, và cũng chưa từng thấy một khẩu súng trong bất kỳ căn hộ

nào khác. Nhưng anh ta ngồi ngẫm nghĩ một lúc trước khi trả lời câu hỏi của tôi về cái áo khoác đi mưa màu xanh dương, sau đó nói dứt khoát: “Chắc chắn tôi không thấy cái áo đi mưa màu xanh dương nào trong tòa nhà vào ngày xảy ra án mạng. Nhưng vào một ngày hè năm trước, tôi từng thấy một người đàn ông tại cầu thang, mặc một cái áo khoác đi mưa rộng màu xanh cùng với một khăn choàng màu đỏ che khuất mặt.”

Tôi ngay lập tức quan tâm đến chi tiết này và hỏi cặn kẽ hơn. Gullestad tập trung suy nghĩ độ một phút trước khi trả lời.

“Tôi khá chắc rằng tôi đã thấy một người đàn ông mặc áo choàng đi mưa màu xanh vào năm ngoái tại đây. Việc đó khiến tôi chú ý do thời tiết hôm ấy rất đẹp, hoàn toàn khô ráo, và tôi đã bỏ chút thời gian ngồi đoán xem người đàn ông bí ẩn đó có thể đến thăm ai. Tôi không nhớ chính xác ngày tháng nhưng có thể là dịp lễ Hiện xuống. Trong một thoáng, tôi cũng đã nghĩ nó có thể liên quan đến một cuộc diễu hành hoặc hoạt động lễ lạt gì đó, nhưng tôi e là không nhớ thêm được gì nữa.”

Tôi không thể để tuột mất thông tin bất ngờ về người đàn ông mặc áo mưa và hỏi liệu anh ta có chắc chắn đó là một người đàn ông hay không. Gullestad suy nghĩ một lúc trước khi trả lời. Anh ta có vẻ là một nhân chứng chu đáo và có suy nghĩ.

“Tôi tin là thế, vì người đấy có vẻ khá cao, nhưng tôi không thể chắc chắn hoàn toàn. Tôi chỉ thấy người đấy thoáng qua và không dễ mà biết được một cái áo choàng đi mưa như thế có thể che giấu điều gì.”

Andreas Gullestad cho tôi biết anh vốn xuất thân từ một ngôi làng nhỏ gần Gjøvik ở Oppland. Mặc dù cha mất sớm, anh ta vẫn được nuông chiều từ nhỏ. Sau khi mẹ qua đời vào năm anh ta hai mươi lăm tuổi, Gullestad đã thừa kế di sản rất đáng nể của cha mình. Nếu chi tiêu vừa phải, anh ta có thể sống thoải mái đến cuối đời. Anh ta đã gửi phần lớn số tiền vào ngân hàng, phần còn lại đầu tư vào cổ phiếu, thứ cho đến giờ chỉ mang lại khoản lợi nhuận “rất ít ỏi”. Tai nạn dẫn đến tình trạng tàn tật dĩ nhiên là một cú sốc lớn và đánh dấu một thay đổi lớn lao trong cuộc đời Gullestad. Tuy nhiên, phải

nói rằng sự việc đó đối với anh ta có phần đỡ thê thảm hơn so với những người khác. Do không có áp lực kiếm sống, anh ta đã đi đó đây trong những năm hai mươi tuổi và có một cuộc sống rất dễ chịu. Với một nụ cười mỉm và nhún nhường, Andreas Gullestad giải thích tiếp: ‘Bây giờ cả ngày tôi chỉ ngồi đây với tivi, radio và sách báo. Đáng buồn thay đó cũng là những gì tôi đã làm trong căn hộ cũ, trước khi bị tai nạn. Khác biệt chính yếu, đó là giờ đây tôi trả tiền cho ai đó đi chợ giùm mà không cảm thấy tội lỗi.’ Trước khi tôi về, Andreas Gullestad hỏi liệu anh ta có thể đi thăm chị gái mình ở Gjovik vào cuối tuần như đã dự định được không. Họ có vài vấn đề gia đình cần thảo luận. Chị và cháu gái rõ ràng lo lắng và muốn biết thêm về tình hình của anh ta. Gullestad hứa sẽ quay về trong chiều Chủ nhật và cho tôi số điện thoại liên lạc khi cần thiết. Tôi thấy chẳng có lí do gì để ngăn không cho anh ta đi cả.

Cuộc gặp với Andreas Gullestad khiến tôi có cảm giác anh ta là người ít có liên quan đến vụ án mạng nhất. Nhưng cũng không loại trừ khả năng anh ta còn giấu thông tin quan trọng nào đó, dù là vô tình hay hữu ý. Điều tôi quan tâm nhất là anh ta nói đã thấy một người đàn ông mặc áo khoác đi mưa màu xanh, cũng như đề cập ngay đến cái khăn choàng màu đỏ. Tôi cũng thắc mắc về lai lịch vị khách bí ẩn của cô Sara Sundqvist, và làm cách nào anh ta có thể ra vào tòa nhà mà không bị ai để ý.

Tôi lập tức đi xuống gặp bà vợ ông gác dan và hỏi bà một lần nữa về cái áo đi mưa màu xanh dương. Nhưng lần này, tôi chỉ hỏi liệu bà ta có từng nhìn thấy ai đó mặc trang phục như thế trong tòa nhà. Bà ta suy nghĩ thật kỹ trong vòng một phút, sau đó nhấn mạnh rằng mình không chắc chắn, nhưng có thể đã thấy một người đàn ông ăn mặc như thế vào mùa hè trước. Nếu đúng thì bà ta chỉ thoáng thấy người đó lướt qua tiền sảnh hoặc trên cầu thang. Bà nghĩ có lẽ mình đã nhầm, vì chưa từng thấy người nào như thế ra vào tòa nhà. Nhưng tất nhiên bà Randi cũng có thể đã ra ngoài đi chợ hoặc làm việc gì khác lúc đó.

Một lần nữa, tôi quay lên, gõ cửa căn hộ cô Sara Sundqvist và giải thích

rằng tôi quên hỏi cô hay có khách đến thăm không. Cô trả lời rằng thỉnh thoảng cũng có bạn bè đến chơi, nhưng vài tuần trước khi xảy ra án mạng thì không. Cô ít gặp bạn bè sinh viên những tuần gần đây, do gần đến các đợt thi cử. Sara phủ nhận câu hỏi trực tiếp của tôi về chuyện cô đã có chồng sắp cưới hoặc người yêu, và nói thêm với giọng thật khẽ: ‘Trong tám tháng tôi sống ở đây, không có ai từng ngủ lại qua đêm’. Với thông tin nóng hổi vừa được cung cấp bởi Andreas Gullestad, tôi gật đầu chấp nhận lời khẳng định này của cô nhưng không thực sự tin vào câu nói trước đó. Vị khách buổi chiều mờ ám của cô Sara Sundqvist vẫn còn là một bí ẩn nhỏ.



Các báo cáo kỹ thuật nằm chờ trên bàn của tôi tại đồn cảnh sát, nhưng chưa cung cấp được câu trả lời nào. Bác sĩ pháp y có thể hoàn toàn bác bỏ giả thiết phát súng được bắn từ một tòa nhà khác. Harald Olesen đã bị giết bởi một phát đạn duy nhất từ khẩu súng Colt cỡ nòng 0,45 inch ở cự ly gần. Viên đạn đã xuyên qua tim ông và gây cái chết tức thì. Không có dấu hiệu nào cho thấy ông Olesen đã bị thương trước khi bị bắn chết. Và theo báo cáo giải phẫu tử thi, án mạng xảy ra bất cứ lúc nào trong khoảng từ 8 đến 11 giờ đêm. Thông tin này ít hữu ích hơn với tôi, vì xác nhận của tất cả các cư dân tòa nhà cho biết thời điểm chính xác là 10 giờ 15 phút tối.

Thông tin về ông Harald Olesen trong hồ sơ hộ tịch chỉ xác nhận lại những gì chúng tôi đã biết. Ông sinh năm 1895 và là con trai của một dược sĩ nổi tiếng quê quán Hamar. Harald Olesen kết hôn vào năm 1923 và chung sống cùng vợ cho đến khi bà qua đời bốn mươi năm sau. Vợ ông là con gái của một chủ hãng tàu, được hưởng nền giáo dục tốt nhưng chỉ làm nội trợ trong suốt cuộc đời bà. Olesen có một anh trai và một em gái, đều qua đời trước ông. Do cha mẹ đều mất đã lâu và bản thân ông không có con, những họ hàng gần nhất và tạm thời được coi như người thừa kế của ông là cháu gái

và cháu trai, sống ở khu tây Oslo. Ông Olesen từng chuyển nhà vài lần trong khoảng thời gian giữa hai cuộc chiến tranh, nhưng ở tại địa chỉ 25 phố Krebs từ năm 1939.

Konrad Jensen là người duy nhất trong các cư dân tòa nhà có tên trong hồ sơ tư pháp của cảnh sát. Ông ta đã thụ án sáu tháng cho tội phản quốc từ năm 1945 đến 1946, ngoài ra không có thêm án tích nào khác.

Không có thông tin trong sổ hộ tịch về anh chàng người Mỹ Darrell Williams hoặc cô gái Thụy Điển Sara Sundqvist. Nhìn chung, hồ sơ hộ tịch chỉ đơn thuần xác nhận thông tin mà những công dân Na Uy đã tự khai. Không có gì mới về Konrad Jensen và Karen Lund. Thông tin bổ sung duy nhất hấp dẫn liên quan đến Andreas Gullestad, đó là anh ta đã lấy tên này mới được bốn năm nay. Trước đó anh ta tên là Ivar A. Storskog. Những thông tin còn lại đúng như những gì anh ta đã khai. Cha anh ta vốn là một điền chủ giàu có quê quán Oppland, sở hữu số lượng lớn đất đai và rừng, đã qua đời năm 1941 lúc mới 48 tuổi. Mẹ anh ta đã mất năm 1953. Andreas Gullestad chưa từng kết hôn hoặc có con, và người thân gần nhất của anh ta đúng là người chị gái ở Gjøvik.

Thông tin hấp dẫn nhất tiết lộ bởi hồ sơ hộ tịch liên quan đến Kristian Lund. Cha anh ta chỉ được ghi nhận đơn giản là ‘không biết’ còn mẹ là một thư ký quê quán Drammen. Kristian Lund đã không biết, hoặc không muốn cho tôi biết, rằng mẹ anh ta vốn là một thành viên của đảng NS từ năm 1937 đến năm 1945. Bà giữ vài vị trí thư ký trong quân đội chiếm đóng suốt ba năm cuối của cuộc chiến. Bản cáo trạng của phiên tòa xét xử bà tội phản quốc cũng được đính kèm và cho thấy bà bị kết án tám tháng tù giam sau chiến tranh, nhưng được thả bốn tháng sau đó nhờ cải tạo tốt và đang nuôi con nhỏ. Theo hồ sơ hộ tịch, Kristian Lund sinh ngày 17 tháng 2 năm 1941 tại Drammen và là đứa con duy nhất của mẹ anh.

Từ những thông tin này, tôi tin rằng trong tất cả những người hàng xóm của ông Olesen, Kristian Lund là người đầu tiên tôi nên thăm vấn lại. Tuy nhiên, không cư dân nào có mối liên hệ với Harald Olesen khả dĩ có thể dẫn

đến động cơ giết người, và ngày hôm nay thật đáng thất vọng vì chỉ mang lại cho tôi vài đột phá. Ấn tượng của Darrell Williams rằng có điều gì đó khiến ông Harald Olesen buồn phiền dường như phù hợp với vụ án mạng, nhưng chúng tôi vẫn chưa biết được gì về nó. Muốn tìm kiếm một manh mối tốt hơn, tôi quyết định dành ngày tiếp theo để tìm hiểu xem điều gì có thể quấy rầy nạn nhân trong năm cuối cùng của cuộc đời ông.

Sau vài nỗ lực, tôi rốt cuộc cũng liên lạc được với người cháu trai của ông Harald Olesen qua điện thoại. Joachim Olesen là một nhà kinh kế và làm việc như một cố vấn trong Bộ Tài chính. Anh ta đã chờ đợi cuộc điện thoại này và lập tức đề nghị sẽ cùng chị gái đến đồn cảnh sát vào 9 giờ sáng hôm sau để được thẩm vấn. Tôi cũng hỏi về tên vị bác sĩ riêng và ngân hàng của người quá cố, anh ta cung cấp không chút ngại ngùng. Hai cuộc điện thoại ngắn gọn tiếp theo tiết lộ thông tin người bác sĩ đang nghỉ ốm, còn ngân hàng đang đóng cửa do một cuộc thanh tra tài khoản.

Phải thừa nhận rằng tôi hoàn toàn không cảm thấy sáng sủa hơn chút nào khi lái xe về nhà một mình vào tối ngày hôm sau án mạng. Do không có nhiều manh mối tốt hơn, tôi xếp cộ thành viên đảng NS Konrad Jensen là đối tượng tình nghi hàng đầu. Tuy nhiên, cũng như tất cả mọi người khác, ông ta thiếu không chỉ động cơ, vũ khí mà cả cơ hội. Tôi vẫn chưa có bất kỳ ý tưởng mơ hồ nào về nơi mình có thể tìm thấy những yếu tố này.

Tóm lại, tôi không nghĩ mình sẽ đọc tờ tạp chí buổi sáng thứ Bảy, ngày 6 tháng 4 năm 1968, với bất kỳ niềm vui hay sự lạc quan nào. Tôi bắt đầu nhận ra rằng cơ hội mang lại qua việc đảm trách cuộc điều tra án mạng này là rất lớn lao, nhưng sự thất sủng của tôi có thể cũng sẽ nặng nề không kém. Tôi vẫn còn chưa biết vụ việc này sẽ đưa mình đối mặt với tội ác có toan tính kỹ lưỡng chưa từng thấy, cũng như cho tôi được gặp một nhân vật xuất chúng mà tôi rất vui sướng được hợp tác. Trong lúc ấy, tôi nghiền ngẫm vụ án một mình, vô vọng, cho đến khi chìm vào giấc ngủ.

NGÀY THỨ BA



CÔNG CHÚA PHỐ ERLING SKJALGSSON VÀ NHỮNG PHÁT HIỆN CHẤN ĐỘNG CỦA NÀNG

Thứ Bảy ngày 6 tháng 4 năm 1968 bắt đầu sớm hơn tôi mong đợi. Tôi đã gài chuông báo thức lúc 8 giờ, nhưng bị đánh thức bởi một cuộc điện thoại trước đó 15 phút. Người gọi đã kiên nhẫn chờ đến khi tôi nhào người khỏi giường và nhắc máy. Tôi ngay lập tức nhận thấy một giọng nói trầm ấm và uy quyền của người đối thoại.

“Tôi thật lòng xin lỗi vì đã quấy rầy anh vào sáng sớm thứ Bảy, nhưng việc này có thể rất quan trọng với anh. Có phải tôi đang trò chuyện với Thanh tra Cảnh sát Kolbjorn Kristiansen?”

Tôi xác nhận mình đúng là người đó, đồng thời cố gắng lục lọi trong cái đầu còn lơ mơ để nhớ xem trước đây đã từng nghe giọng nói này ở nơi nào trên quả đất này. May mắn thay, tôi không phải tự hỏi quá lâu.

“Tôi là Giáo sư Giám đốc Ragnar Sverre Borchmann. Đầu tiên, tôi xin chúc mừng anh về sự thăng tiến mới đây. Tôi hy vọng rằng chúng ta vẫn giữ mối quan hệ thân mật, và chắc anh vẫn còn nhớ tôi là một vị khách từng đến chơi nhà khi anh còn nhỏ?”

Dĩ nhiên là tôi còn nhớ. Giáo sư Giám đốc Ragnar Borchmann là một người bạn đại học siêng năng và nổi tiếng của cha tôi. Ông ấy không phải là một vị khách thường xuyên hỏi tôi còn nhỏ, nhưng luôn luôn gây chú ý khi đến chơi nhà.

“Tôi gọi vì vụ ám sát ông Harald Olesen. Mặc dù tôi không định đem đến những hy vọng hảo huyền, tôi nghĩ mình có thể giúp anh trong việc điều tra. Dĩ nhiên là hoàn toàn phụ thuộc vào việc anh đánh giá xem nó có đáng bỏ thời gian không, so với việc theo đuổi các đầu mối quan trọng khác.”

Thật lòng mà nói, tôi chẳng có nhiều đầu mối quan trọng và lúc này sẵn

sàng lắng nghe bất kỳ người đáng tin cậy nào, những người có thể giúp cuộc điều tra tiến triển. Thêm nữa, tôi sẵn lòng lắng nghe gần như mọi điều mà Giáo sư Giám đốc Ragnar Borchman muốn nói. Nhưng trên hết, tôi cực kỳ tò mò trước những gì ông ấy có thể trao đổi về vụ án này. Vì vậy, không chần chừ thêm nữa, tôi nói rằng mình rất sẵn lòng dành chút thời gian để gặp ông ấy, trong khoảng từ 11 giờ đến 12 giờ chẳng hạn.

“Tuyệt vời. Đúng 11 giờ nhé. Vì vài lí do mà anh sẽ rõ ngay thôi, chúng ta phải gặp nhau ở nhà tôi, nhưng tôi sẵn lòng gửi tài xế đến đón anh nếu cần.”

Tôi lịch sự từ chối nhã ý của ông, kiểm tra lại để chắc chắn địa chỉ nhà ông vẫn ở số 104-8 Phố Erling Skjalgsson rồi hứa sẽ có mặt đúng 11 giờ.



Như đã lường trước, báo chí hôm nay đề cập nhiều hơn hẳn về vụ án. Tất cả đều đăng tám hình tòa nhà số 25 phố Krebs và hầu hết đều đưa những hình ảnh thời chiến của ông Harald Olesen lên trang nhất. Các tit báo khá đa dạng, từ “*Anh hùng kháng chiến bị sát hại ngay tại Nhà Riêng*” cho đến “*Án mạng bí ẩn không có lời giải ở phố Krebs*”. Tên của cảnh sát điều tra may thay được đề cập bằng cụm từ đầy thiện chí “*một thanh tra trẻ tuổi dường như rất có năng lực*”. Một trong số đó thậm chí còn đưa thông tin về việc tôi được các đồng nghiệp trẻ tuổi hơn gọi là “K2” và việc tôi được cho là người có thể đối đầu với những thử thách lớn lao cũng như những đỉnh cao chóng mặt.

Cách báo chí đưa tin có thể làm những người sống tại tòa nhà số 25 phố Krebs cảm thấy phiền phức. Tuy tên tuổi không được nêu ra, nhưng địa chỉ và các tám hình là quá đủ để bất kỳ người nào quan tâm có thể nhận ra họ. Đặc biệt ông Konrad Jensen khi đọc những bài báo này sẽ rất đau lòng. Một số bài đăng tin rằng trong số những người sống tại số 25 phố Krebs có một

người từng là Phát xít. Không báo nào nêu tên ông ta. Tuy nhiên, một trong số những tờ báo lớn tiết lộ rằng người cựu Phát xít đó nay là một tài xế xe taxi - và đăng hình chiếc xe của ông.

Cháu trai và cháu gái của Harald Olesen đã ngoài bốn mươi tuổi. Họ lập tức gây ấn tượng về sự giàu có và đáng tin cậy khi bước vào văn phòng của tôi lúc 9 giờ sáng. Người cháu gái dong dỏng cao và có mái tóc vàng, Cecilia Olesen, làm quản lý hành chính cho Oslo Cooperative Housing Association. Cậu em trai cũng cao như thế, tóc hơi sẫm hơn và trông nghiêm nghị hơn. Về tình trạng gia đình, Joachim Olesen cho biết mình đã kết hôn và có hai con đang tuổi đi học. Chị gái anh đã kết hôn và có một con gái nhưng đã lấy lại tên thời con gái sau khi li dị. Cả hai đều nói rằng họ có mối quan hệ tốt, tuy không liên lạc thường xuyên, với người chú ruột. Ông đã phần nào thu mình lại sau cái chết của vợ, nhưng vẫn giữ liên lạc tương đối thường xuyên với gia đình. Ông kể rất ít về những người hàng xóm khác trong tòa nhà.

Hai người cháu đều đồng ý rằng ông Harald Olesen trở nên xuống dốc thời gian gần đây, nhưng tin rằng điều đó là tự nhiên do tình trạng sức khỏe. Sau tiệc Giáng sinh năm trước, ông thông báo mình đã được chẩn đoán mắc bệnh ung thư và có thể không sống đến mùa Giáng sinh tới. Vì thế, tin tức về cái chết của ông không phải hoàn toàn là bất ngờ, tuy nhiên rõ ràng bối cảnh của nó là một cú sốc và một đòn nặng đối với gia đình.

Cả hai đều hiểu rằng nếu không có tuyên bố gì khác thì họ là những họ hàng gần nhất và do đó có thể hưởng khoản thừa kế khổng lồ. Tuy vậy, họ chưa bao giờ muốn hỏi về điều này và ông ấy cũng chưa từng nói ra. Ông Olesen thừa kế một khoản tiền lớn từ cha mình và không phải là người tiêu hoang. Ngoài ra, bản thân ông còn có thu nhập tốt trong nhiều năm. Vì thế, gia đình có lí do để tin rằng ông rất giàu có. Họ chỉ nhận được một điện tín ngắn gọn và chần chừ từ luật sư của ông Olesen thông báo rằng theo mong muốn của người đã khuất, di chúc sẽ được đọc tại văn phòng luật sư sáu ngày sau khi ông mất, chính xác hơn là vào buổi trưa thứ Tư ngày 10 tháng 4.

Tôi ghi chú lại về bệnh ung thư, mẩu thông tin quan trọng nhất từ hai người cháu. Một thông tin quan trọng khác là năm ngoái, ông Harald Olesen đã xin phép gia đình viết tiểu sử bản thân, theo lời thỉnh cầu của một nghiên cứu sinh ngành sử học trẻ tuổi tên Bjorn Erik Svendsen. Tuy không quá tọc mạch nhưng cả hai người cháu đều biết rằng quyển sách đang được triển khai và ông Harald Olesen đã có vài cuộc đối thoại cởi mở với người viết tiểu sử, cũng như cho phép cậu ta tiếp cận một phần tư liệu của mình.

Hai người cháu không còn gì quan trọng để trình bày thêm. Tôi chào tạm biệt họ vào khoảng 10 giờ sáng và hứa sẽ báo cho họ ngay khi có thông tin mới liên quan đến vụ án. Bjorn Erik Svendsen được đưa lên đầu danh sách ưu tiên liên lạc ngay khi có thể. Tôi cảm thấy hơi lạ lùng khi chưa nghe thấy gì từ cậu ta hai ngày sau vụ án mạng. May mắn thay bí ẩn nhỏ này nhanh chóng được làm rõ. Hóa ra một tin nhắn thoại từ một người phụ nữ nhất định muốn nói chuyện với tôi là của Hanne Line Svendsen, mẹ của Bjorn Erik Svendsen. Bà nói rằng con trai mình đang đi dự một hội nghị thanh niên xã hội chủ nghĩa quốc tế tại Roma, nhưng đã được biết thông tin về vụ án mạng qua điện thoại và điện tín. Cậu ta dự định trở về nhà vào tối muộn ngày Chủ nhật và sẽ đến đồn cảnh sát ngay sáng thứ Hai. Liên lạc qua điện thoại chập chờn từ Roma, Bjorn Erik Svendsen đã nói rằng mình sẵn sàng cung cấp vài thông tin quan trọng về quá khứ của ông Harald Olesen mà cậu biết để phục vụ cho cuộc điều tra. Tôi miễn cưỡng chấp nhận việc không thể liên lạc với Bjorn Erik Svendsen trước sáng thứ Hai, và đành cố gắng nhìn nhận theo hướng tích cực rằng thông tin mới liên quan tới Harald Olesen đang trên đường về Na Uy.

Trong thời gian chờ đợi, tôi gọi cho hãng luật Ronning, Ronning & Ronning. Người Ronning mà tôi muốn gặp, Edvard Ronning con, thật đáng tiếc lại không có mặt ở văn phòng. Theo cô thư ký, anh ta đã bay đến Tây Berlin vài ngày trước đó. Sau khi cáo lỗi, cô nhỏ nhẹ giải thích rằng có ‘vài dấu hiệu’ cho thấy Ronning con đi gặp một hoặc vài người bạn ở châu Âu, nhưng không rõ cụ thể anh ta đi đâu sau khi xuống máy bay. Khi gọi về văn

phòng cho một vụ việc khác vào sáng thứ Sáu, anh dĩ nhiên đã được thông tin về cái chết của ông Harald Olesen. Ronning con ngay lập tức giải thích rằng di chúc của ông Olesen vừa mới được ‘điều chỉnh’ gần đây và, theo mong muốn của người đã khuất, nó sẽ được công bố sáu ngày sau khi ông qua đời.

Ronning con đã hứa sẽ đích thân có mặt để đọc di chúc tại văn phòng vào trưa ngày thứ Tư, 10 tháng 4. Anh ta sẽ gửi điện tín ‘sớm nhất có thể’ theo một danh sách những cá nhân mà người đã khuất mong muốn sẽ có mặt vào thời điểm mở di chúc. Trong trường hợp cảnh sát liên lạc với hãng luật, Ronning con yêu cầu thư ký thông báo bản di chúc mới nhất sẽ được bảo mật tuyệt đối, tất cả các thủ tục đều được tuân thủ, và chúng tôi được mời đến dự buổi công bố di chúc vào thứ Tư. Anh ta cũng nói rằng mình ‘phải vội đến một cuộc họp tối quan trọng’ và cúp máy. Thật không may, di chúc không nằm trong phòng làm việc của anh ta và điện tín cũng chưa thấy đâu. Vì thế, văn phòng chỉ có thể cáo lỗi rằng họ không thể giúp gì hơn cho cuộc điều tra. Cô thư ký chột lại với giọng áy náy rằng Ronning con là một ‘luật sư trẻ tài năng xuất chúng, tuân thủ nghiêm túc các thủ tục và rất kín đáo về các khách hàng của mình’. Tôi tin cô và không còn lựa chọn nào khác ngoài việc yêu cầu luật sư Ronning con báo cho tôi ngay nếu có ai liên lạc với anh ta trước sáng thứ Tư.

Bác sĩ của ông Harald Olesen vẫn còn nghỉ ốm nhưng đồng ý trả lời một số câu hỏi qua điện thoại cá nhân. Sau khi tự vấn nhanh lương tâm, ông thấy rằng có thể chấp nhận một ngoại lệ để cung cấp thông tin bảo mật của bệnh nhân cho cảnh sát, đối với một bệnh nhân đã chết, như trong trường hợp này. Ông xác nhận rằng ông Olesen đã bị chẩn đoán ung thư ruột khoảng một năm trước. Bệnh đã di căn nhanh chóng hơn dự liệu trong những tháng gần đây và vào tháng 12, ông Olesen đã được thông báo rằng mình có thể chỉ sống được thêm vài tháng nữa. Ông ấy đã đón nhận tin này với một phẩm cách đáng ngưỡng mộ. Ông chỉ ngồi im, suy tư một lát rồi nói mình cần cần nhắc và giải quyết vài việc trước khi quá trễ. Ông bác sĩ cho rằng đó là một

phản ứng tự nhiên và không hỏi những việc đó có thể là gì.

Ngân hàng ông Olesen gửi tiền đang đóng cửa. Tuy nhiên, nhiều tài liệu tìm thấy trong lúc lục soát căn hộ của ông đã có thể trả lời hầu hết những điều tôi muốn hỏi ngân hàng. Ông Olesen rõ ràng là một người rất có tổ chức. Các chứng từ trong năm năm gần nhất được xếp gọn trong một tệp hồ sơ đặt trong ngăn kéo bàn làm việc. Chúng xác nhận ông Olesen rất giàu có khi qua đời. Chứng từ gần đây nhất là vào tháng 3 năm 1968, cho thấy số dư trong tài khoản hơn một triệu kron. Tuy nhiên, điều đáng lưu ý hơn là chứng từ của năm 1966 và đầu năm 1977 cho thấy tài sản của ông còn nhiều hơn thế. Trong vòng sáu tháng, số tiền trong tài khoản của ông Harald Olesen đã giảm tối thiểu 250.000 kron, mặc dù khoản lương hưu của ông thừa sức trang trải các chi phí của một người góa vợ. Điều lạ lùng là không có tài liệu nào trong ngăn kéo hé lộ số tiền này đã đi đâu. Nó được giao dịch qua ba lần rút tiền mặt với lượng lớn. Ông Harald Olesen rút 100.000 kron vào tháng 10 năm 1967, sau đó 100.000 kron vào tháng 2 năm 1968 và thêm 50.000 kron nữa một tháng sau đó.

Tôi lập tức dự đoán hai khả năng. Một là ông Olesen bắt đầu cá cược hoặc đầu tư mạo hiểm vào cuối đời. Hai là ông đã trả số tiền lớn đó cho một hoặc một số người. Khả năng thứ hai có vẻ phù hợp hơn, và như thế cũng là lẽ đương nhiên khi tôi nghi ngờ vụ án mạng về mặt nào đó có thể liên quan đến việc tổng tiền.

Thật bực dọc khi có cảm giác cuộc điều tra mặc dù đã có thêm nhiều thông tin mới quan trọng nhưng tôi vẫn không tiến thêm được chút nào. Tuy nhiên, lúc này đã qua 10 giờ rưỡi, và đã đến lúc giải quyết bí ẩn duy nhất mà tôi có thể chắc chắn làm rõ được ngay trong hôm nay, đó là những thông tin mà Giáo sư Giám đốc Ragnar Borchmann có thể cung cấp nhằm giúp phá được vụ án mạng này. Tôi miên man nghĩ về chuyện đó trong lúc lái xe đến số 104-8 phố Erling Skjalgsson, nhưng cũng không quá hào hứng.



Cao hơn 1m83 và nặng gần 127 kg, Ragnar Borchmann thực sự là một trong số những nhân vật ấn tượng nhất tôi từng gặp. Nhưng chính tính cách và năng lực trí tuệ của ông mới là thứ gây ấn tượng mạnh mẽ nhất. Ông Ragnar Borchmann là con trai duy nhất của một lãnh sự kiêm giám đốc, xuất thân từ một trong những gia tộc danh tiếng nhất Oslo. Ông đã thừa kế đế chế kinh doanh của cha mình, nhưng điều hành nó ít nhiều như là một thú vui. Phần lớn thời gian ông đều dành cho công việc của một giáo sư kinh tế. Ông có một danh tiếng mầu mực và một danh sách dài các quyển sách đã viết trong lý lịch khoa học. Ở tuổi sáu mươi tư, Giáo sư Giám đốc Ragnar Borchmann là một trong những người giàu nhất Oslo và cũng là một trong những trí thức được ngưỡng mộ nhất ở Na Uy.

Tuy vậy, Ragnar Borchmann mang trong mình một nỗi đau lớn suốt nhiều năm qua. Tôi đã lần đầu nghe về chuyện đó khi lên mười. Một tối thứ Bảy, trong niềm vui khôn xiết lúc kết thúc chiến tranh, ông và vợ nán lại lâu với cha mẹ và tôi. Cả hai vị khách đều thể hiện một mối quan tâm cảm động đối với tôi, về việc học và các cơ hội trong tương lai của tôi. Trước khi tôi lên giường ngủ đêm đó, cha tôi đã nói với tôi: “Có rất nhiều thứ cha có thể ghen tỵ với Ragnar Borchmann, nhưng cha vẫn là người đàn ông giàu có hơn. Vì cha có con.” Ragnar Borchmann lập gia đình lúc mới ngoài hai mươi tuổi với một cô gái đến từ một gia đình môn đăng hộ đối, người cũng chuẩn bị bắt đầu một sự nghiệp giảng dạy đầy hứa hẹn. Đôi trẻ tỏ ra hạnh phúc và hòa hợp, nhưng không có con cái. Một nỗi buồn đè nặng lên họ, và dường như nặng nề hơn đối với ông ấy. Vào năm 1948, Ragnar Borchmann bước vào tuổi bốn mươi tư, và sở hữu một di sản ấn tượng gồm sách vở, tài sản và tiền bạc, nhưng ông vẫn chưa có người thừa kế và dường như không hi vọng có con được.

Tuổi thơ của tôi trải qua trong một căn nhà rõ ràng thuộc tầng lớp thượng

lưu, nơi những cảm xúc mạnh mẽ ít khi được thể hiện công khai. Tôi chỉ nhớ đã chứng kiến cha mẹ tôi khóc một lần duy nhất - và đó là những giọt nước mắt của niềm vui. Một ngày tháng 7 năm 1949, sau khi từ trường về nhà, tôi đón nhận tin bà Caroline Borchmann đang mang thai. Chỉ đến lúc đó tôi mới hiểu việc không có con đã đè nặng gia đình Borchmann và bạn bè thân thích của họ như thế nào. Tôi chưa từng thấy niềm vui và sự hân hoan nào lớn hơn nơi đôi vợ chồng trung tuổi vào mùa hè năm đó. Cùng với cha mẹ, tôi đến dự lễ rửa tội con gái họ vào tháng 1 năm 1950, giống như khoảng hai trăm năm mươi ‘bạn bè thân thiết’ khác từ cộng đồng tinh hoa văn hóa, tài chính và học thuật của thủ đô. Có thể nói vui rằng Oslo chưa từng thấy sự kiện tương tự kể từ lễ rửa tội cho hoàng tử kế vị vào năm 1937, nhưng hình như nói vậy cũng đúng, vì xét cho cùng, chúng ta đang nói về một nàng công chúa của đế chế. Việc chọn tên cho đứa con duy nhất của mình hiển nhiên không phải một nhiệm vụ dễ thực hiện của ông bố và bà mẹ, với từng ấy cái tên nổi tiếng ở cả hai gia đình nội ngoại. Cuối cùng, họ chọn cái tên Patricia Louise Isabelle Elizabeth Borchmann.

“Cô gái nhà Borchmann’ đã bắt đầu đọc sách từ năm bốn tuổi, nếu cha mẹ tôi nói đúng. Mới tám tuổi cô đã đọc vở kịch *Ibsen* đầu tiên. Vào lúc mười tuổi, cô xuất hiện trên trang đầu của một tạp chí quốc gia, dù không hề muốn, dưới dòng tít ‘*Người con gái siêu thông minh của Giám đốc thách thức trường học của mình*’. Vấn đề là hiệu trưởng nhà trường, với sự hậu thuẫn của Bộ Giáo dục, chỉ đồng ý cho cô học vượt một năm, trong khi cha mẹ cô và các thầy giáo tin rằng vượt ba năm mới xứng đáng. Năm sau đó, Patricia Louise I. E. Borchmann lại lên báo lần nữa, lần này ở mục thể thao, với những dòng tít xung tưng “*một Sonja Henie mới*”. Báo chí viết rằng cô là một trong số những ngôi sao đang lên của bộ môn bắn súng, đã đạt được một số thành tích cao tại giải vô địch trẻ toàn quốc.

Vào một ngày mùa đông năm 1963, tôi và mẹ gặp Patricia Louise cùng cha mẹ cô trên đường từ sân trượt băng về nhà. Giáo sư Borchmann như thường lệ áp đảo cuộc đối thoại. Tuy nhiên, trong lúc phân tích tin tức của

ngày hôm đó - tương lai chính phủ mới của Gerhardsen sau vụ áp-phe Kings Bay - một chuyện không tưởng đã xảy ra. Không những cô bé chĩnh lại phần niềm tin của cha mình, cô còn vắn vẹo các đánh giá của ông. Điều ngạc nhiên hơn nữa là ông tiếp nhận chuyện đó một cách vui vẻ, thừa nhận các sai sót của mình và thậm chí còn xoa đầu người chỉ trích mình vài lần. Việc này đã gân ấn tượng mạnh với hai mẹ con tôi. ‘Chúng ta sẽ còn nghe nói nhiều về cô gái đó’, mẹ tôi đã nói thế trong khi chúng tôi nhìn theo họ.

Thật không may, tôi chỉ nhớ đến câu chuyện đó và lời nhận xét của mẹ trong màu sắc của bi kịch sẽ phủ bóng lên nó mãi mãi. Đó là lần cuối chúng tôi gặp bà Borchmann còn sống, và Patricia không bao giờ trượt băng được nữa. Vài ngày sau, một trong số những chiếc xe của gia đình Borchmann bị trượt bánh trên lớp băng mỏng ở giao lộ và đâm trực diện với một chiếc xe tải đầu kéo. Tài xế và bà Borchmann ngồi ở ghế trước chết ngay tại chỗ, còn Patricia Louise ngồi phía sau đã chiến đấu chống lại thần chết trong cơn hôn mê suốt năm ngày sau đó. Tôi được nghe nói lại rằng hai ngày sau tai nạn, bác sĩ tuyên bố cô bé khó có thể sống đến sáng hôm sau. Mười ngày sau tai nạn, báo chí đăng một mẩu tin nhỏ cho biết tình trạng cô bé không còn nguy kịch nữa, nhưng sẽ chịu những tổn thương vĩnh viễn. Đó là những thông tin cuối cùng người ta viết về Patricia Louise I. E. Borchmann.

Sau này tôi nghe mẹ kể rằng Patricia bị liệt nửa thân dưới và phải nghỉ học. Cha cô trong nỗi tuyệt vọng đã tìm kiếm lời khuyên từ một loạt các bác sĩ tên tuổi, và trong bước đường cùng thậm chí còn đưa cô đến gặp hai thầy lang, một già ở Lillehammer và một trẻ hơn ở Snasa. Không thể phục hồi được, Patricia đành sống với viễn cảnh tàn phế suốt phần đời còn lại. Sau đó tôi không còn nghe tin tức gì về cô lẫn cha cô. Cho đến khi ông gọi tôi sáng sớm ngày 6 tháng 4 năm 1968 để đề nghị một sự giúp đỡ bất ngờ trong việc điều tra vụ án mạng này.

Mặt trước tòa nhà 104-8 phố Erling Skjalgsson, nơi vừa là nhà vừa là đế chế doanh nghiệp của ông Ragnar Borchmann, vẫn ấn tượng y như trong ký ức của tôi ngày còn bé. Tòa nhà rộng lớn được những người thân quen của

giáo sư mệnh danh là ‘tòa Bạch Ốc’ bởi màu sắc của nó. Ba căn nhà riêng biệt đã được nối lại bởi ông nội của Ragnar Borchmann, người giờ đây ngự trị trên một cái bệ trong tiền sảnh rộng mênh mông ngay phía ngoài văn phòng của cháu nội mình. Việc bước chân vào căn nhà của ông Borchmann cho tôi cảm giác như đang trở lại những năm 1930.

Thư ký của giáo sư Borchmann chỉ tôi lối đi nhanh nhất đến văn phòng của giám đốc. Cái cầu thang với hai mươi ba bậc vẫn dài y như trong ký ức tuổi thơ tôi. Khi tôi lên đến nơi, Ragnar Borchmann đã chờ ở đó, và vẫn bệ vệ như ngày nào. Gương mặt ông nay nhuốm một chút u sầu, nhưng lưng ông vẫn thẳng; râu tóc vẫn đen, và cái bắt tay cùng giọng nói vẫn uy lực như trong trí nhớ của tôi.

“Chào anh, và một lần nữa chúc mừng anh về những thăng tiến gần đây. Tôi hoàn toàn chắc chắn anh sẽ vượt qua thách thức này. Giờ tôi nên gọi anh là Kolbjorn hay Thanh tra Cảnh sát Kristiansen?”

Tôi quả quyết với ông mình vẫn sẽ xem như đó là một lời khen nếu ông chọn gọi tôi là Kolbjorn, nhưng để cho an toàn, tôi vẫn sẽ gọi ông là ‘Giáo sư Borchmann’. Ông cười, nhưng không phản đối.

“Trước hết, tôi phải xin anh tha lỗi vì đã dụ anh đến đây bằng cái cớ giả, nhưng với ý định tốt. Đáng buồn là bản thân tôi không giúp ích được gì. Tôi dĩ nhiên từng gặp ông Harald Olesen trong mấy thập kỷ qua, nhưng dạo gần đây ít hơn hẳn. Nếu chưa xúc tiến thì anh cần nói chuyện với Thẩm phán Tòa án Tối cao Jesper Christopher Haraldsen về những năm chiến tranh và Thư ký Đảng Lao động Haavard Linde về các vấn đề chính trị và về đảng. Nhưng ngoài chuyện đó ra, tôi e rằng tôi không mấy hữu ích cho việc điều tra.”

Tôi chưa tiến xa đến mức tiếp xúc với bất kỳ ai trong hai quý ông quyền lực mà giáo sư vừa đề cập, nhưng ông ấy hoàn toàn có lý khi cho rằng tôi nên liên lạc với họ. Như vậy nguyên do vì sao tôi phải đến nơi này vẫn là một bí ẩn. Ông Borchmann thấy sự lúng túng trên gương mặt tôi và nhanh chóng tiếp lời.

“Tôi e rằng việc này vừa không chính thống vừa kỳ quặc, nhưng người

anh cần gặp không phải là tôi mà là Patricia.”

Vẻ lúng túng của tôi không hề giảm đi sau lời giải thích tiếp theo của ông - dưới dạng một câu hỏi hoàn toàn bất ngờ.

“Anh có từng gặp một người nào mà suy nghĩ của họ luôn luôn đi trước một bước, nhanh hơn và sâu sắc hơn bản thân anh không? Đó là một trải nghiệm vừa thú vị vừa đáng sợ khi nhìn vào mắt một người mà, nói thật lòng là, tuyệt đối thông minh hơn anh. Anh cảm thấy vừa an toàn lại vừa vô dụng.”

Tôi hoang mang gật đầu. Tôi không muốn nói nhiều nhưng tôi biết cảm giác đó rất rõ. Chẳng hạn như, tôi cảm thấy điều đó mỗi khi nói chuyện với Giáo sư Giám đốc Borchmann.

‘Dĩ nhiên anh đã từng. Bản thân tôi có lẽ ít cảm thấy như vậy hơn những người khác, nhưng tôi cũng đã trải qua điều đó. Ngoại trừ những cuộc đối thoại liên quan đến lĩnh vực chuyên môn, tôi hầu như luôn có cảm giác đó mỗi khi nói chuyện với cô con gái mười tám tuổi của mình. Con bé không những đọc nhanh gấp hai lần tôi, dù là tiếng Na Uy, Anh, Đức hay Pháp, mà còn đánh bại tôi về tốc độ và chất lượng các bình luận liên quan đến nội dung đã đọc. Điều đó làm tôi hơi kinh hãi, nhưng cũng làm tôi tự hào ghê gớm’.

Tôi cảm thấy hoang mang cực độ và không biết nói gì, nói thế nào, nên tôi giữ im lặng. Ông giáo sư nói tiếp.

“Trong những năm gần đây, không có gì hấp dẫn Patricia hơn các vụ án chưa phá được. Con bé đã đọc hàng tá sách về lịch sử tội phạm và ít nhất một trăm tiểu thuyết trinh thám. Con bé đã hơn một lần dự đoán kết cục của các vụ án lớn trên cơ sở những gì đọc được trên báo. Patricia quan tâm đặc biệt đến vụ án mạng tại phố Krebs. Một phần vì ông Harald Olesen là người bạn của gia đình, phần nữa vì những tình huống khác thường xung quanh vụ án. Con bé có những câu hỏi và bình luận mà tôi không thể trả lời - ví dụ như cách thức mà thủ phạm đã chọn để rời khỏi căn hộ. Nhưng theo những gì tôi biết, có thể anh và các đồng nghiệp đã giải quyết được bí ẩn đó và sẽ sớm bắt

được thủ phạm...”

Ông nhìn tôi dò hỏi. Tôi cố lắc đầu sao cho không thể hiện sự tuyệt vọng.

“Trong trường hợp đó, tôi hết sức biết ơn nếu anh có thể bàn luận vụ án này một lát với Patricia, dĩ nhiên là trong sự bí mật tuyệt đối. Sẽ không mất quá mười lăm phút đâu, và nó có thể rất hữu ích đấy.”

Tôi nghĩ rằng việc một người cha tán dương con mình có lẽ nên có giới hạn nào đó, nhưng lúc này cô gái Patricia và thế giới của cô đang khơi gợi sự tò mò của tôi. Và tôi cũng tò mò không kém trước việc làm thế nào cô ấy có thể giải đáp bí ẩn về cách thủ phạm tẩu thoát, trong khi tôi không có lời giải nào. Thế nên tôi cười thân thiện và nói mình rất vui được dành ra mười lăm phút hoặc hơn, dĩ nhiên là trong sự bí mật tuyệt đối, để tìm hiểu giả thiết.

Giáo sư Borchmann cười, siết nhẹ tay tôi và, không chân chừ thêm nữa, ông nhấn chuông gọi. Một cô giúp việc tóc vàng trạc hai mươi tuổi xuất hiện vài giây sau đó. “Vui lòng dẫn vị khách này đến gặp cô Patricia Louise trong thư viện ngay bây giờ,” nói đoạn ông lập tức quay trở lại với đồng giấy tờ trên bàn làm việc.



Patricia Louise Isabelle Elizabeth Borchmann hiện sống trong một vương quốc sạch sẽ ngăn nắp, nằm cách con phố xám xịt bận rộn của Oslo một tầng lầu và một khu vườn. Cô đang ngồi đợi tại một chiếc bàn đã dọn sẵn cho hai người, giữa một căn phòng rộng hơn hẳn so với phòng tập thể dục mà tôi từng vào, bao quanh bởi thật nhiều sách, nhiều hơn bất kỳ một thư viện tư nhân nào tôi từng thấy.

Vẻ bề ngoài của cô Patricia trẻ tuổi không gây ấn tượng mấy với tôi. Tôi đoán cô có lẽ thấp hơn tôi một cái đầu nếu đứng thẳng, và cô nặng không quá 44 kg. Cô rất giống cha ở mái tóc đen, nhất là gương mặt nghiêm nghị và ánh mắt kiên định. Tôi chưa từng gặp một cô gái trẻ hay thậm chí một

người phụ nữ nào có gương mặt mạnh mẽ nhường ấy.

Như thể có một giao ước ngầm, chúng tôi không bắt tay nhau. Tôi chỉ gạt đầu, và cô chỉ tay vào một chiếc ghế bành phía đối diện mình. Patricia đang ngồi trên xe lăn, tivi, đài radio và máy nghe nhạc đều nằm trong tầm với. Cái bàn giữa chúng tôi rất lớn và hẳn nhiên là cần thiết. Bên tay trái cô là một chiếc điện thoại đời mới nhất. Một quyển sổ, ba cây viết bi và cả chồng tôi thiếu sáu tờ tạp chí của ngày hôm nay nằm trước mặt cô. Căn cứ theo lựa chọn báo chí, Patricia Louise I. E. Borchmann là một người cởi mở và không thuộc đảng phái chính trị nào: cô đọc mọi thứ từ tờ báo phản động *Morgenbladet* cho đến báo cộng sản *Friheten*. Ba quyển sách có thể đánh dấu trang được đặt trên bàn, bên tay phải cô. Quyển trên cùng là sách tiếng Pháp mà tôi không hiểu tựa đề, ở giữa có vẻ là một giáo trình đại học về xã hội học và quyển dưới cùng là một tuyển tập những truyện ngắn bằng tiếng Anh của Stanley Ellin, người tôi chưa từng nghe nhắc đến. Giữa bàn có một bình nước lớn, một ấm trà và một ấm cà phê.

“Xin chào. Tôi rất cảm kích vì anh có thể dành cho tôi vài phút trong quỹ thời gian quý báu của mình. Anh uống thứ gì đó nhé?”

Tôi lập tức từ chối.

“Trong trường hợp này, Benedikte, cô xong việc rồi. Tôi sẽ bấm chuông khi cần gì khác.”

Cô giúp việc khẽ nhún gối chào và nhanh chóng rút lui. Patricia Louise I. E. Borchmann là một quý cô nguyên tắc và kín đáo. Cô không nói một lời nào cho đến khi chỉ còn lại chúng tôi trong phòng. Sau đó, y như cha mình, cô đi ngay vào vấn đề.

“Tôi không muốn làm mất thời gian quý báu của anh hơn nữa. Thông tin báo chí đưa ra về những cư dân sống trong tòa nhà có phần chưa đầy đủ, nên nếu tôi muốn nói điều gì đó có ích, có lẽ tôi cần được cập nhật. Báo chí đề cập đến bí ẩn chưa có lời giải là bằng cách nào hung thủ có thể trốn thoát khỏi căn hộ của nạn nhân mà không bị phát giác. Cửa sổ vẫn đóng kín và khóa từ phía trong, không có ô kính vỡ nào cho thấy phát súng được bắn từ

bên ngoài. Cửa ra vào lắp khóa bấm, nghĩa là kẻ sát nhân có thể rời khỏi căn hộ và khóa cửa lại. Nhưng những người khác đã kéo đến trước cửa căn hộ rất nhanh sau khi nghe thấy tiếng súng và không ai có thể trốn thoát theo lối đó mà không bị phát hiện. Tóm lại, đó có phải là một mô tả trung thực về bí ẩn của vụ án mạng hay không? Và có phải nó vẫn là vấn đề chưa giải quyết được đối với anh và cuộc điều tra?”

Tôi nhanh chóng gật đầu - những hai cái. Gia đình Borchmann quả thật có biệt tài tóm tắt một cách đơn giản, súc tích và rõ ràng các vấn đề hệ trọng.

Cô Patricia trẻ tuổi dường như lớn hẳn lên trong chiếc xe lăn. Cô trầm ngâm nhai nhai mặt trong má một lúc trước khi tiếp tục.

“Đây là một dạng của án mạng trong phòng kín, nhưng không phải kiểu khó nhất, vì dây xích an toàn không được cài. Như Sherlock Holmes đã nói, ‘Khi anh loại bỏ hết những điều bất khả, thì điều còn lại, dẫu vô lý thế nào đi nữa, nhất định phải là sự thật’. Kẻ sát nhân rõ ràng đã thoát ra qua cửa chính, như vậy trên thực tế việc này chỉ có thể xảy ra theo hai khả năng.”

Tôi kinh ngạc lắng nghe giọng nói quyết đoán đầy tự tin của cô. Patricia rõ ràng đang bị kích động và tranh thủ uống vài ngụm nước lạnh trước khi tiếp tục.

“Giải pháp đầu tiên rất giống một tiểu thuyết nổi tiếng của Agatha Christie, trong đó các nhân vật, vì những nguyên nhân khác nhau, đã thông đồng để giết nạn nhân. Trong trường hợp đó, anh không nên quá để tâm đến lời khai của các cư dân khác trong tòa nhà.”

Tôi đã hy vọng một điều gì thực tế hơn, hẳn là vậy. Cô ấy nói tiếp ngay, không dừng chút nào để uống nước.

“Nhưng loại tình tiết đó tất nhiên thích hợp với các tiểu thuyết bên Anh quốc hơn là đời sống thường nhật tại Na Uy, và trong trường hợp này thì ít có khả năng xảy ra. Cũng sẽ là một nguy cơ đáng kể khi có nhiều người liên quan như vậy, và những cư dân sống tại đó có vẻ là một nhóm rất hỗn tạp. Nếu chúng ta bỏ qua sự hoang tưởng của mình và cất đi giả thiết về một sự thông đồng giữa họ, thì chỉ còn lại một khả năng.”

Tôi quan tâm trở lại và nhìn cô chăm chăm, những suy nghĩ quay cuồng trong khi cô rót và uống cạn nửa ly nước. Nhưng câu hỏi của cô là một bất ngờ tuyệt đối.

“Có phải nhiều cư dân trong tòa nhà đã từng phàn nàn về việc bị quấy rầy bởi đứa trẻ ở tầng một không?”

Patricia thoáng mỉm cười, có phần khiêm nhường khi thấy sự lúng túng trên gương mặt tôi, trước khi nói tiếp.

“Hoặc, để cho rõ ràng hơn, có phải âm thanh lan truyền cực tốt trong tòa nhà 25 phố Krebs? Có phải tòa nhà xây tường mỏng bất thường và truyền âm tốt?”

Tôi bắt đầu suy nghĩ mơ hồ về điều cô muốn đề cập nhưng vẫn chưa nhận ra được chuyện này sẽ đi đến đâu. Tôi ngẫm nghĩ, sau đó lắc đầu. Không có cư dân nào phàn nàn về việc đứa trẻ làm ồn.

“Thế thì làm sao một phát súng bắn trong căn hộ ở tầng hai lại có thể được nghe thấy một cách rõ ràng ở hành lang tầng trệt, cách hai mặt sàn phía dưới?”

Đó là một câu hỏi hay. Quả vậy, một câu hỏi rất hay mà đáng lẽ tôi đã phải nghĩ ra. Nhưng giọng nói của cô đã cắt ngang suy nghĩ của tôi trước khi tôi kịp hiểu hết ý nghĩa đầy đủ của nó.

“Hay thật, các cư dân trong tòa nhà, báo chí và ngay cả cảnh sát đều mắc cùng một sai lầm kinh điển nhưng hợp lý. Nếu ta nghe một tiếng súng nổ và không lâu sau đó tìm thấy một người đàn ông bị bắn, ta sẽ dễ dàng kết luận ông ta bị giết do tiếng súng vừa nghe. Hợp lý, nhưng không nhất thiết là sự thật. Nói cách khác, ông Harald Olesen không chết vì tiếng súng mà mọi người đã nghe vào lúc 10 giờ 15 phút tối. Ông đã bị giết bởi một phát súng khác, khó nghe thấy hơn, được khai hỏa sớm hơn trong buổi tối đó, có lẽ là nhờ sử dụng bộ phận giảm thanh. Liệu anh có dùng bộ phận giảm thanh không nếu anh định giết một người đàn ông trong căn hộ của ông ta và muốn tẩu thoát mà không bị phát hiện?”

Dĩ nhiên tôi sẽ dùng. Mọi chuyện rõ ràng đến đau lòng qua lời giải thích

cạn kẽ, đơn giản của cô, và buồn thay trước đó tôi chưa từng nghĩ đến. Tuy nhiên, một câu hỏi nhanh chóng lóe lên trong tôi.

“Thế thì tiếng súng mà tất cả bọn họ đều nghe thấy đến từ đâu? Chúng tôi đã lục soát căn hộ của ông Olesen và tất cả những người khác một cách kỹ lưỡng nhưng không tìm thấy dấu vết của máy phát vô tuyến hay thiết bị theo dõi.”

Patricia mỉm cười lần nữa. “Tôi cũng đoán vậy. Và điều đó cho thấy chúng ta đang đối mặt với một vụ sát nhân được lên kế hoạch rất kỹ, được tiến hành bởi một tên giết người đặc biệt máu lạnh. Nhưng trong căn hộ của ông Harald Olesen có tình cờ hiện diện một máy quay đĩa, với cái đĩa đặt trên bàn quay không nhỉ?”

Câu hỏi tựa như một cú đâm thoi sơn vào bụng tôi. Tôi đã thấy và ghi nhận chiếc máy quay đĩa cũng như cái đĩa nhạc, nhưng không hiểu ra ý nghĩa của chúng. Tôi gật đầu và lau mồ hôi trán. Thật bối rối khi Patricia đã nhìn thấy ngay tại đây trong căn phòng đóng kín của cô, những điều mà tôi không nhìn thấy, dù đã xem xét hiện trường vụ án nhiều lần. Và giờ tôi phát hiện ra cô ấy dường như có thể đọc được các suy nghĩ của tôi.

“Thật lạ là anh thường dễ dàng nhìn thấy các mối liên quan khi ngồi điếm lại tất cả các yếu tố theo một trật tự ngay ngắn và không bị bất kỳ ảnh hưởng hay ấn tượng nào từ hiện trường vụ án. Khái niệm dùng một thiết bị thu âm để thay đổi thời gian án mạng khá là quen thuộc, chẳng hạn như ở một trong số các tiểu thuyết thời kỳ đầu của Agatha Christie. Bây giờ, nếu anh quay lại số 25 phố Krebs và bật cái đĩa vẫn còn nằm trên bàn quay trong căn hộ ông Harald Olesen, tôi sẵn sàng cược chiếc xe lăn và một nửa tài sản thừa kế rằng sớm muộn gì anh cũng sẽ nghe thấy một tiếng súng khác.”

Tôi không theo vụ cá cược của Patricia. May mắn thay, tôi không cần chiếc xe lăn, và xui thay tôi sẽ không bao giờ có nổi một nửa phần thừa kế của cô ấy. Hơn nữa, tôi hoàn toàn tin rằng điều cô nói là đúng. Tôi lúng búng cảm ơn và đứng dậy để ra về. Cô gọi người giúp việc ngay. Trong khi chờ đợi, Patricia viết ra giấy một dãy số và đưa nó cho tôi.

“Đây là số điện thoại của tôi. Tôi sẽ rất cảm kích nếu anh có thể gọi tôi ngay khi xác nhận giả thiết của tôi về chiếc máy quay đĩa. Sau đó chúng ta có thể xem liệu tôi còn giúp được gì thêm cho anh không.”

Tôi lò mò nhận thấy chúng tôi đã xung hô thân mật hơn, và có cảm giác hoàn toàn tự nhiên, bất chấp không khí xưa cũ trong căn nhà của gia đình Borchmann. Tôi gật đầu chào, cẩn thận cất mẩu giấy nhỏ vào trong bóp rồi yên lặng và ngoan ngoãn đi theo cô giúp việc ra ngoài. Tôi vẫn cảm thấy như thể bị thôi miên khi đến được chỗ chiếc xe, nhưng tôi hiểu khá rõ rằng vụ án mạng bí ẩn tưởng như không thể giải được của tôi đã nhảy một bước dài về phía một kết luận khả dĩ.



Tôi đến số 25 phố Krebs khoảng 2 giờ chiều, mọi thứ tỏ ra yên ắng như trước. Bà vợ ông gác đàn đang ngồi ở vị trí của mình cạnh cửa và lập tức để cho tôi vào căn hộ của ông Harald Olesen. Không có dấu hiệu nào của những cư dân khác trong tòa nhà. Tôi có một số câu hỏi mới cho vài người bọn họ, nhưng ngay lúc này trong đầu tôi không có chỗ cho bất kỳ thứ gì khác ngoài chiếc máy quay đĩa của ông Harald Olesen.

Chiếc máy vẫn ở đó, với đĩa hát của dàn nhạc *Vienna Philharmonic* trên bàn quay. Tim đập thành thịch, tay run rẩy, tôi cẩn thận hạ cái kim xuống. Những tưởng cái nhãn là giả và đĩa hát sẽ không phát ra âm thanh nào, tôi bị sốc một lần nữa khi điệu valse quyền rũ lập tức tràn ngập căn phòng. Âm lượng gần như cực đại và bản thu khá là trung thực. Giờ đây tôi lại mong đến lúc nhạc tắt và tiếng súng vang lên vào cuối đĩa hát. Vặn nhỏ âm lượng xuống, với nỗi mong mỏi mỗi lúc một lớn, tôi chờ nghe một tiếng súng không tồn tại. Sau khi chơi quãng nhạc cuối cùng, cây kim nâng lên và trở về vị trí của nó mà chẳng có chuyện gì xảy ra.

Đầu tiên, tôi cảm thấy thất vọng. Sau đó tôi cười, bất chấp thất bại mà nó

đem đến cho tôi, vì giả thiết đầy sáng tạo của cô nàng Patricia kiêu hãnh đã không đứng vững. Tôi lại bật cái máy quay đĩa và tăng âm lượng trước khi tiến đến chỗ điện thoại của ông Harald Olesen và quay số được ghi trên mẫu giấy nhỏ trong bóp.

Patricia nhắc máy ngay. Tôi có thể cảm thấy cô khá ngạc nhiên bởi tiếng nhạc, và cũng vì nó mà tôi phải nói lớn hơn để cô nghe được.

“Tôi đang ở trong căn hộ của ông Harald Olesen, đã bật cái máy quay đĩa và nghe đến hết bản thu âm. Nhưng như cô có thể nghe đây, hình như đó chỉ là một đòn tung hỏa mù.”

Đầu dây bên kia im lặng một lúc. Có thể Patricia đang ngờ vực giả thiết của mình trong vài giây, nhưng điều đó rõ ràng không kéo dài.

“Nhưng phải là nó. Không có giải pháp nào khác hơn. Cái máy quay đĩa nằm riêng lẻ hay là một phần của một dàn âm thanh hiện đại có trang bị một đầu cassette?”

Tôi liếc nhìn nhanh cái máy quay đĩa và lập tức cảm thấy tim mình thất lại vì hoang mang. Chiếc máy quay đĩa quả thực là một phần của dàn stereo kiểu mới với một đầu cassette - và đang có một cuộn băng trong đó. Khi nghe thấy điều này, Patricia nói nhanh như chớp.

“Như vậy cái đầu cassette phải là đáp án. Hãy bật cái băng đó nhưng giảm âm lượng để không làm kinh sợ cả tòa nhà nếu - ý tôi là khi - có tiếng súng nổ. Hãy gọi lại tôi sau khi đã nghe xong cuộn băng đó. Nhưng dĩ nhiên, nếu cũng không có tiếng súng trong cuộn băng nốt thì anh không cần phải mất thời gian gọi lại tôi làm gì.”

Patricia Louise I. E. Borchmann nói một mạch không dừng. Sau đó cô dập máy, thậm chí không nói lời chào.

Tôi nhìn vào dàn âm thanh một cách nghi hoặc, rồi tắt cái máy quay đĩa và tua cuộn băng cassette lại từ đầu. Cuộn băng có vẻ là đồ thật và tiêu đề tiếng Đức cho biết đó là *Bản giao hưởng số 9* của Beethoven. Việc tua cuộn băng lại từ đầu tưởng như lâu đến vô tận. Khi nó đã tua xong, tôi giảm âm lượng xuống vài nấc và ngồi xuống, chờ đợi đầu từ hoạt động. Đúng như

mong đợi, *Bản giao hưởng số 9* của Beethoven vang lên. Tôi nhanh chóng tự hỏi liệu có phải mình đang phung phí thời gian quý báu không. Tuy nhiên, chỉ được vài phút, tiếng nhạc tắt ngấm sau một tiếng tách lớn. Cuộn băng tiếp tục chạy một cách vô cùng chậm rãi trong hai mươi lăm phút tiếp theo. Lúc đầu tôi còn đi vòng vòng trong phòng, nhưng khi cuộn băng gần hết, tôi tiến lại gần chiếc loa to của dàn âm thanh.

Tôi đang mong chờ cuộn băng dừng bất kỳ lúc nào thì bất thành linh một tiếng tách nữa vang lên, rồi nối tiếp bằng một tiếng súng nổ đoàng. Dù đã được giảm âm lượng, tiếng nổ vẫn vang như bom nguyên tử trong tai tôi. Tôi nhảy dựng và lặng người quan sát cuộn băng cassette dừng lại. Tôi đứng đó trong năm phút, tự hỏi rằng trước tôi, bàn tay của kẻ nào đã bật cuộn băng này.

Khi đã hoàn hồn, tôi gọi lại cho Patricia, cô nhắc điện thoại ngay hồi chuông đầu tiên. “Có phải tiếng súng vang lên ở cuối cuộn băng không?” cô hỏi.

Tôi lúng búng một chữ ‘phải’ đầy nhẫn nhục, và hai chữ ‘chúc mừng’ còn khẽ hơn, rồi sau đó giải thích với giọng rõ nghe hơn rằng tiếng súng vang lên ở cuối cuộn băng cassette thu *Bản giao hưởng số 9* của Beethoven. Tôi gần như cảm thấy đầu dây bên kia rung lên khi cô thở ra.

“Ôn Chúa lòng lành. Tôi gần như đã bắt đầu thấy lo. Hãy nhớ kiểm tra dấu vân tay trên băng cassette và dàn âm thanh, nhưng đừng thất vọng nếu không tìm thấy gì. Chúng ta đang đối mặt với một tên sát nhân đặc biệt xảo quyệt.”

Tôi đáp lại rằng đây đúng là một trường hợp như vậy, nhưng sẽ hữu ích nếu biết bằng cách nào hắn đã rời khỏi hiện trường và liệu có cần chỉnh lại thời gian gây án lên sớm hơn gần hai mươi lăm phút hay không. Điều này phần nào gây bối rối cho Patricia.

“Từ từ đã nào. Thứ nhất, tôi không hoàn toàn chắc chắn đó là một người đàn ông và thứ hai, anh lấy hai mươi lăm phút đó ở đâu ra?”

Tôi mỉm cười nghĩ rằng lần này tôi đã đi trước cô và cho cô biết cuộn

băng cassette đó có thời lượng hai mươi lăm phút. Tôi chờ đợi một từ ‘à ha’, nhưng thay vào đó chỉ nhận được một cái thở phào và một câu hỏi tàn nhẫn khác.

“Nhưng chúng ta không có bằng chứng nào cho thấy kẻ sát nhân đã bật băng cassette ngay sau khi gây án, đúng không?”

Dĩ nhiên tôi phải thừa nhận điều đó. Thủ phạm trên lý thuyết có thể ở trong căn hộ lâu như mức gã hoặc ả muốn trước khi bật cassette và đi ra. Tương tự như vậy, đoạn băng có thể cũng đã được tua tới và án mạng chỉ xảy ra vài phút trước khi tiếng súng vang lên. Tôi chợt nhớ ra bác sĩ pháp y chỉ có thể thu hẹp khoảng thời gian gây án trong khoảng từ 8 đến 11 giờ tối. Patricia và tôi lập tức nhất trí rằng bất kỳ ai không có bằng chứng ngoại phạm vững chắc trong khoảng 8 giờ đến 10 giờ 10 phút đều có thể bị xem là nghi phạm. Chúng tôi cũng nhanh chóng đồng ý rằng tôi cần quay lại và bàn luận tình hình cùng với cô trước khi nói chuyện với những người hàng xóm của ông Olesen một lần nữa.



Nửa tiếng sau, tôi đã lại ngồi trong thư viện tòa Bạch Ốc, đối diện với công chúa Patricia. Cô đang vui vẻ nhấm nháp một củ cà rốt to, tựa như một con thỏ mắn nguyện khác thường. Cầm củ cà rốt trong tay trái, cô ghi chú bằng tay phải các từ quan trọng với một tốc độ tuyệt hảo, trong khi tôi nhấm nháp từng chút một tách trà và lặp lại lời khai của những người hàng xóm. Không dưới một lần tôi tự nhủ việc này là một vi phạm tày trời đối với một quy trình điều tra chuẩn, và sẽ gây vô vàn rắc rối nếu bị lộ ra ngoài. Nhưng mặt khác tôi cũng không nghĩ rằng người cha hay cô con gái có thể để lộ bí mật. Sự tin tưởng từ thời thơ ấu của tôi dành cho gia đình Borchmann rất vững chắc. Ngoài ra, tôi hoàn toàn tin sẽ nhận được thêm sự trợ giúp tại đây. Và sau cùng, tôi phải thừa nhận với chính mình, chỉ với chính mình mà thôi,

rằng sự giúp đỡ đó là cần thiết để bắt cho được tên sát nhân quý quyết đã sát hại ông Harald Olesen.

Patricia lần đầu tiên cho thấy mình là một người chịu lắng nghe. Cô kiên nhẫn nghe tôi kể hết tất cả những gì tôi biết về vụ án cho đến lúc đó. Tôi có thể thấy mắt cô sáng lên vài lần, nhưng khi tôi dừng nói, cô sốt ruột ra hiệu cho tôi tiếp tục.

Khi tôi nói xong vào khoảng 4 giờ, cô nhận xét ‘vụ này thú vị và bổ ích ở một số điểm’. Tôi xem đó như một lời khen tặng.

“Vậy, ai giết ông Harald Olesen?” tôi hỏi ngay vào vấn đề.

Cô cười nhẹ và lắc đầu với vẻ tiếc nuối.

“Xét về nhiều khía cạnh, điều tra một vụ án mạng trong khi còn chưa biết hung thủ cũng gần giống như vẽ một bức chân dung. Vào đêm thứ Năm, chúng ta chỉ có một tấm vải trắng, nhưng giờ đã có thể phác họa được vài đặc điểm mà chắc chắn sẽ dẫn đến nhiều chi tiết hơn. Mặc dầu có lẽ mọi thứ sẽ sớm sáng tỏ, vẫn còn một khối lượng công việc đáng kể cần làm trước khi gương mặt đó hiện đủ rõ. Bất chấp khung thời gian gây án vừa được điều chỉnh, ta vẫn khó lòng biết được bằng cách nào thủ phạm có thể len vào trước khi ra tay và thoát ra sau đó mà không bị phát giác. Theo những gì chúng ta đã biết, gã hoặc ả có thể vẫn chỉ là một trong số những người hàng xóm, nhưng chúng ta vẫn phải để ngỏ một vài phương án. Do vụ án xảy ra đâu đó giữa 8 giờ và 10 giờ 10 phút, mọi người có mặt trong tòa nhà, dĩ nhiên loại trừ đứa bé, trên lý thuyết đều có cơ hội.

Tôi nhìn cô và ngần ngại đôi chút, nhưng rồi cũng mạo hiểm đưa ra một sự phản đối nhẹ nhàng.

“Cô không nghĩ chúng ta có thể loại trừ người đàn ông ngồi xe lăn sao?”

Cô lắc đầu và đẩy chiếc xe lăn của mình lui lại.

“Không hề. Cho đến nay, chưa có thông tin gì mà ta đã biết cho phép loại trừ khả năng một người đàn ông ngồi xe lăn hoàn toàn khỏe mạnh có thể đã gây ra án mạng, đơn độc hoặc phối hợp với những người khác. Anh phải hỏi anh ta tỉ mỉ hơn về vụ tai nạn dẫn đến tình trạng tàn phế đó và mức độ trầm

trọng của nó. Ngay cả bà vợ ông gác đàn, cho đến khi chứng minh được là vô tội, vẫn là một kẻ sát nhân tiềm năng.”

Patricia nay đã vào guồng và tiếp tục một cách không mệt mỏi.

“Vậy nên, theo tinh thần của Agatha Christie, câu hỏi chính phải là, ai sẽ hưởng lợi từ cái chết của ông Harald Olesen nhiều đến mức ra tay sát hại ông ấy? Và thêm nữa, tại sao phải giết ông ta bây giờ - khi dù sao ông ấy cũng không còn sống bao lâu nữa?”

“Có lẽ kẻ sát nhân không biết ông ta bị bệnh chẳng?” Tôi nói.

Patricia gật, nhưng rồi lại lắc đầu.

“Đó dĩ nhiên là một chuyện hoàn toàn có thể xảy ra, nhưng tôi vẫn tin rằng nhiều khả năng kẻ sát nhân đã biết về tình trạng bệnh tật của ông ta, và nghịch lý thay, đó lại chính là lí do khiến mọi việc phải diễn ra một cách nhanh chóng.”

Đương nhiên, tôi không thể không hỏi tại sao. Tôi không chắc câu trả lời sẽ là gì, và rõ ràng nó không phải là câu trả lời mà tôi có.

“Bởi vì không có vũ khí gây án tại hiện trường.”

Patricia lại mỉm cười lần nữa trước sự ngỡ ngàng của tôi. Nụ cười của cô có vẻ là phần bản chất ngạo mạn và không thể ưa nổi của cô; nhưng tôi quá quan tâm đến những gì cô ấy muốn nói nên không chấp nhận điều đó.

“Tôi phải thừa nhận rằng kết luận này có phần võ đoán do còn nhiều yếu tố chưa rõ, nhưng rõ ràng là kỳ cục. Nếu anh tìm thấy vũ khí gần cái xác, vụ án có thể được diễn giải như một vụ tự tử hiển nhiên. Để lại vũ khí có lẽ là một lựa chọn dễ dàng hơn ý tưởng cao siêu về dàn âm thanh. Việc kẻ sát nhân đã không chọn giải pháp để lại khẩu súng cho thấy có lẽ vụ án mạng đã xảy ra sớm hơn dự tính. Một lý giải khác mà tôi có thể nghĩ ra là thủ phạm muốn cho thấy đó là một vụ giết người chứ không phải tự sát. Dù sao đi nữa, câu hỏi tại sao nó xảy ra lúc này gần như độc lập với câu hỏi tại sao nó xảy ra. Di chúc và khoản tiền mất đi trong tài khoản của nạn nhân rõ ràng rất đáng lưu ý theo hướng này. Anh nên theo đuổi cả hai câu hỏi ngay đầu tuần tới. Trong lúc này, tôi đề nghị anh hỏi những người hàng xóm xem liệu họ

có chịu cung cấp cho cuộc điều tra thông tin về tình hình tài chính của mình hay không. Chỉ riêng việc ai trả lời ‘có’ hay ‘không’ cũng sẽ rất đáng quan tâm đấy.

Tôi gật đầu và lập tức hỏi tiếp.

“Cô có nghĩ vụ này chủ yếu là do tiền bạc?”

Patricia trầm ngâm nhăm nháp củ cà rốt trong khoảng một phút trước khi trả lời.

“Tiền bạc có thể có tính quyết định nhưng tôi nghĩ nó là một manh mối hơn là một lời giải, động cơ của vụ án này liên quan đến điều gì đó quan trọng và nghiêm trọng hơn. Dù sao thì, đã có vài manh mối chỉ ngược về cuộc chiến tranh.”

Một lần nữa tôi tự ngẫm thấy những người cho rằng tiền bạc là không quan trọng vì lí do nào đó dường như luôn có thừa tiền trong tay. Nhưng trước khi tôi quyết định có nói ra ý đó hay không thì Patricia đã dẫn thêm một bước.

“Nói tóm lại, tôi không nghĩ chúng ta đang tìm kiếm một người cư xử bình thường. Tôi tin rằng chúng ta đang tìm một *người ruồi*.”

Dù kiến thức về động vật học của tôi có lẽ cao hơn mức trung bình, tôi vẫn phải thú nhận rằng đây là một chủng loài mà mình chưa biết. Tôi hoàn toàn không hiểu tại sao cô ấy lại nhắc đến nó vào lúc này. Sau khi suy nghĩ muồn vờ đầu trong khoảng một phút, tôi đành nuốt trái đắng và hỏi ý của cô là gì. Patricia cố nở một nụ cười hồi lỗi, nhưng không mấy thành công.

“Tôi xin lỗi - tôi không cố ý. Đó là một khái niệm tôi tự đặt ra và đã dùng nhiều đến nỗi quên mất rằng đó không phải là khái niệm mà người khác hiểu được. Nhưng tôi tin là nó có thể phù hợp trong vụ này. Có nhiều người ở vào một thời điểm nào đó trong đời đã trải qua một biến cố đau đớn và gây tổn thương nặng đến nỗi họ không bao giờ vượt qua nó được. Họ trở thành người ruồi, và dành gần như toàn bộ thời gian còn lại trong đời để quanh đi quẩn lại với chuyện đã xảy ra. Như những con ruồi bâu quanh đồng rác, nếu phải dùng một hình ảnh tương đồng. Tôi nghĩ rằng chính ông Harald Olesen,

đăng sau bộ vest và chiếc mặt nạ của mình, thực chất là một người ruồi. Và tôi ngờ rằng ông ta bị giết bởi một người ruồi khác.”

Giờ thì tôi đã hiểu cô muốn nói gì - và ngay lập tức nhận thấy một liên kết khả dĩ tới những giả thiết sơ bộ của tôi.

“Nghĩa là cô muốn ám chỉ Konrad Jensen?”

Patricia trầm ngâm lắc đầu một lúc, trước khi trả lời.

“Có và không. Hiện tại, Konrad Jensen là người ruồi dễ thấy nhất trong số những người hàng xóm. Nhưng tôi đồ rằng ông ta không phải là người ruồi duy nhất, và vì nhiều lí do khác, tôi không mấy tin ông ta chính là thủ phạm. Nếu chúng ta có thể tìm ra một mối liên hệ trực tiếp giữa ông ta và Harald Olesen trong thời chiến tranh thì khả năng Konrad Jensen là thủ phạm sẽ hợp lý hơn.”

Tôi đành phải tán thành những gì Patricia nói. Và đột nhiên tôi nhớ ra mình phải hỏi ý kiến cô về chiếc áo khoác đi mưa màu xanh dương. Patricia tươi tỉnh hẳn khi nghe đề cập đến nó và ban cho tôi một lời khen ngợi mà tôi đã chờ từ lâu.

“Anh hoàn toàn đúng - nó có thể rất quan trọng. Một khi chúng ta biết ai là người đã vứt chiếc áo đó đi, tôi nghĩ chúng ta sẽ lần ra gót chân của hung thủ. Và tôi tin chắc anh đã không lục soát tất cả tủ quần áo của mọi người vào tối thứ Năm để tìm chiếc áo khoác đi mưa màu xanh dương, đúng không?”

Đây là cơ hội để tôi có được một chiến thắng nho nhỏ.

“Dĩ nhiên chúng tôi đã không lục soát các tủ quần áo của họ để tìm kiếm một chiếc áo khoác đi mưa màu xanh dương mà chúng tôi không biết, nhưng tôi nghĩ có thể khẳng định một cách tương đối chắc chắn rằng không ai nhìn thấy nó trong bất kỳ căn hộ hàng xóm nào vào khuya thứ Năm. Không ai ghi nhận về một cái áo khoác đi mưa lớn màu xanh, và không dễ để giấu đi một thứ như thế giữa lúc đang có cuộc khám nhà.”

Có một lúc tôi đã nghĩ rằng Patricia sắp bước ra khỏi xe lăn. Trong khoảng nửa phút, mắt cô sáng rực và cơ thể căng ra.

“Tuyệt vời’ cô gằn như thì thầm. ‘Đó vẫn chưa phải là yếu tố quyết định, nhưng có thể sẽ được chứng tỏ là yếu tố quyết định.’”

Tôi chờ nghe lời giải thích tiếp theo nhưng rồi sớm nhận ra nó chưa sẵn sàng. Do vậy, tôi hỏi cô thu được gì qua lời khai của những người hàng xóm. Lần này cô trả lời nhanh chóng.

“Vẫn còn nhiều bí ẩn trong tòa nhà đó. Bản thân việc tất cả những người này đến ở trong cùng một tòa nhà cũng rất đáng ngờ. Nhà ngoại giao người Mỹ có thể là trường hợp khác thường nhất, nhưng cô sinh viên từ Thụy Điển, anh chàng sống bằng tài sản thừa kế đến từ Oppland và con gái của một tỉ phú từ Baerum cũng không thật sự thuộc về khu Torshov, bờ Đông của dòng sông. Vài người trong số họ có thể sống ở đó do tình cờ - có thể nói như vậy - nhưng chắc chắn không phải tất cả. Thực ra thì, tôi nghi ngờ cho đến nay chỉ có một người hàng xóm duy nhất đã thực sự cởi mở và thành thật mà thôi.”

Cô đột ngột ngưng nói, rõ ràng biết tôi muốn hỏi người đó là ai. Khi tôi làm thế, cô cười một cách ranh mãnh và xé một tờ giấy từ quyển sổ của mình. Dùng bàn tay trái che tờ giấy, Patricia viết vội vài từ trước khi gấp mẫu giấy lại. Rồi cô rung chuông gọi người giúp việc. Trong lúc chúng tôi chờ đợi, Patricia nhìn tôi, miệng nở nụ cười cực kỳ ngây thơ và đầu dụi.

“Anh vui lòng bỏ qua cho thái độ có phần lập dị của tôi, nhưng nó chỉ là một ánh chớp trong bóng tối và có thể tôi sai. Nếu quả như vậy, tôi không cho phép sự suy đoán này làm ảnh hưởng không hay đến cuộc điều tra đang tiếp diễn của anh.”

Ngay khi vừa nghe tiếng gõ cửa, cô dừng cuộc đối thoại và đưa tờ giấy đã gấp cho cô giúp việc.

“Vui lòng bỏ cái này vào một phong thư, niêm kín và gửi nó đến cho Thanh tra Cảnh sát Kolbjorn Kristiansen ở sở cảnh sát Oslo. Cô sẽ tìm thấy địa chỉ trong danh bạ điện thoại. Hãy gửi lá thư này trên đường cô về nhà tối nay.”

Benedikte nhìn từ Patricia sang tôi, lúng túng thấy rõ.

“Benedikte, đừng cố suy nghĩ nữa, cô có bao giờ thành công đâu. Benedikte chỉ nên làm những gì được bảo, và mọi việc sẽ ổn,” Patricia ra chỉ thị với giọng cứng rắn.

Cô giúp việc im lặng gặt đầu về hồi lỗi, đỡ lấy tờ giấy và nhanh chóng rút lui. Tôi cảm thấy không thoải mái lắm, cho dù có thể đó là cách họ thường nói chuyện với nhau. Tuy nhiên, tôi đã có quá đủ vấn đề nên không muốn can thiệp vào chuyện giao tiếp trong nội bộ nhà Borchmann.

Patricia chờ cánh cửa đóng lại sau lưng Benedikte rồi mới tiếp tục nói.

“Bưu điện đã lấy thư của ngày hôm nay, như vậy lá thư sẽ không được gửi trước thứ Hai, nghĩa là anh sẽ không nhận nó trước thứ Ba. Có thể tôi phạm sai lầm, nhưng cũng thú vị nếu ta xem thử suy đoán của tôi hôm nay có trùng hợp với những gì sẽ diễn ra từ đây đến thứ Ba. Tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu từ giờ đến lúc đó vài người trong số các vị hàng xóm không quyết định điều chỉnh lời khai của mình.”

Tôi hướng ngay sự chú ý của cô vào vài manh mối còn lỏng lẻo mà tôi đang vật lộn để xâu chuỗi.

“Kristian Lund có thể là một trong số họ. Cô nghĩ gì trước sự không nhất quán về thời điểm anh ta về đến nhà buổi tối hôm xảy ra án mạng? Hiện đang là ba chồng hai, và tôi thật tình không biết nên tin vào ai.”

Patricia đột ngột phá lên cười thật to và lém lỉnh.

“Có lẽ tôi không nên cười. Đó lại là một câu chuyện khác, nhưng dĩ nhiên vẫn còn có vẻ quan trọng. Nếu anh nghĩ về việc đó, không hẳn là ba chồng hai có lợi cho Kristian Lund. Việc vợ anh ta xác nhận chồng mình bước qua cửa căn hộ lúc 9 giờ tối không hẳn mâu thuẫn với lời khẳng định của hai người khác rằng anh ta đã về nhà một tiếng trước đó. Người duy nhất ủng hộ lời khai của anh ta là bà vợ ông gác đàn, người mà theo lời anh có vẻ không thoải mái bởi tình huống. Tôi nghĩ anh cần nói chuyện nghiêm túc với bà ta về việc này, sau đó sự việc sẽ sớm sáng tỏ thôi.”

Tôi hứa sẽ làm thế; mặc dầu không nhìn thấy lỗi ra.

“Nhưng như vậy thì Kristian Lund đã ở đâu trong khoảng thời gian đó.

Anh ta không thể chỉ đi từ cửa tòa nhà đến cửa căn hộ mà mất chừng đó thời gian?”

Patricia lại cười một lần nữa; cũng thật to và lém lỉnh như trước.

“Nếu quả thật như vậy thì anh ta còn tàn tật hơn cả tôi và Andreas Gullestad cộng lại. Nếu Kristian Lund đã về nhà lúc 8 giờ tối; trên lý thuyết anh ta có thể ở trong bất kỳ căn hộ nào trong tòa nhà. Tuy nhiên, chỉ có hai khả năng có thể xảy ra trên thực tế. Một thực sự nghiêm trọng, một rất đáng xấu hổ, và cả hai đều quan trọng đối với cuộc điều tra.

Tôi nhìn chăm chăm Patricia, ngưỡng mộ hơn bao giờ hết. Cô cười với tôi một cách kiêu kỳ và ung dung nhăm nháp hết củ cà rốt trước khi tiếp tục.

“Khả năng thứ nhất và nghiêm trọng hơn tất nhiên rất dễ thấy... Kristian Lund đã ở trên tầng hai, trong căn hộ của ông Harald Olesen. Vì vài lí do mà anh ta không thể hoặc không dám chia sẻ với chúng ta. Điều này hoàn toàn khả dĩ trong trường hợp này, nhưng giả thuyết thứ hai có xác suất cao hơn.”

Sự kiên nhẫn của tôi đã gần cạn. Và cuối cùng thì hết sạch khi cô thấy rằng đây là thời điểm phù hợp để hô biến ra một củ cà rốt mới rồi cắn vài miếng đầy tự lự. Cảm giác tức tối khi bị chọc ghẹo bởi những người bạn thông minh hơn mình ở trường trung học đột ngột lóe lên lần nữa trong tôi.

“Vậy theo giả thuyết thứ hai và đáng xấu hổ hơn đó thì ông Lund đã ở đâu giữa 8 và 9 giờ tối? Quý cô Borchmann có thể vui lòng cho cái đầu thám tử này biết được không?”

Chất giọng sắc lạnh của tôi làm Patricia nhăn nhó khó chịu một lúc. Sau đó cô mỉm cười đầu dụi, nhưng vẫn có vẻ lém lỉnh ngấm ngấm. Đột nhiên, cô lại giống như một cô gái mười-tám-tuổi nhiều chuyện trong chuyện đã ngoại của trường.

“Theo giả thuyết thứ hai và đáng xấu hổ hơn đó, anh ta dĩ nhiên đang ở tầng một. Trong phòng ngủ của căn hộ 2A, hay cụ thể hơn là... trên người cô Sara Sundqvist!”

Cô phá lên cười một lần nữa, lần này chắc do biểu cảm trên gương mặt tôi.

“Điều đó ăn khớp một cách đáng kinh ngạc, không phải vậy sao? Nó sẽ giải thích được người tình bí mật của cô ta và điểm đáng lưu ý là người này chưa từng bị nhìn thấy bởi bà vợ ông gác đàn hoặc một ai khác. Điều đó cũng giải thích được tại sao Kristian Lund bướng bỉnh khẳng định trước mặt vợ rằng anh ta không về nhà sớm hơn.”

Dĩ nhiên là nó ăn khớp một cách đáng kinh ngạc. Bao gồm cả phản ứng của bà vợ ông gác đàn, giờ tôi mới nghĩ đến điều đó. Việc duy nhất mà nó không giải thích được là tại sao tôi không nhìn ra khả năng đó. Và tại sao bà vợ ông gác đàn lại nói dối. Nhưng mặc dù Kristian Lund có thêm nhiều điểm không thống nhất và cần giải thích, tôi vẫn không tài nào nhìn ra một sát thủ máu lạnh nơi ông bố trẻ đầy lo âu đó.

Tổng kết lại, Patricia đồng ý rằng để cho thận trọng, tôi chỉ nên cho báo chí biết về sự thay đổi thời gian xảy ra án mạng và câu chuyện đằng sau nó vào Chủ nhật, sau khi đã đối chất với những người hàng xóm. Cô bảo tôi đã ‘đúng’ khi cho rằng nên gây áp lực lên kẻ sát nhân hơn là tạo một cảm giác an toàn giả tạo. Trong thâm tâm, tôi lo ngại nhiều hơn về điều mà mọi người và báo chí có thể nghĩ đến hoặc tin vào, nếu cuộc điều tra không có bước tiến triển thấy rõ nào sau nhiều ngày.

Tối thứ Bảy, 6 tháng 4 năm 1968, tôi rời tòa Bạch Ốc vào khoảng 6 giờ. Hoàn toàn tương phản với hoàn cảnh của hai mươi bốn giờ trước, tôi lái xe về nhà buổi tối đó với niềm tin sớm muộn gì thủ phạm giết hại Harald Olesen cũng sẽ bị bắt và đối mặt với sự trừng phạt.

Tuy nhiên, ngay trước khi ra về, tôi đã mắc một sai lầm về nhận định khiến tôi phiền muộn suốt buổi tối. Khi đứng lên, tôi đã nghĩ có lẽ mình cần nhấn mạnh tầm quan trọng của vụ án với Patricia.

“Tôi hoàn toàn cởi mở với cô và tin rằng cô sẽ không lợi dụng điều đó. Cô không bao giờ được nhắc đến nội dung cuộc trò chuyện của chúng ta với bất kỳ người nào khác, ngoại trừ cha cô, có lẽ vậy, nếu thấy cần thiết.”

Cô nhìn tôi với vẻ mặt đầy tổn thương. Tôi chưa bao giờ thấy điều đó ở một người phụ nữ - và bản thân việc đó, buồn thay, đã đủ nói lên tất cả. Sau

đó cô nói thêm, bằng một giọng cay đắng và trầm buồn: “Nhưng anh Thanh tra Cảnh sát thân mến của tôi ơi, tôi có thể ba hoa chuyện đó với ai trên đời đây?”

Tôi xấu hổ liếc nhìn quanh căn phòng rộng lớn, nơi cô đang ngồi lè loi thấy rõ, giữa cơ man nào là sách. Sau đó, tôi lúng búng nói lời xin lỗi và cảm ơn, trước khi theo sau cô giúp việc im lặng rời khỏi căn phòng. Lúc tôi bước qua ngưỡng cửa, Patricia đã lấy cái đánh dấu trang ra khỏi quyển sách đầu tiên trong chồng sách trên bàn và đang thoải mái nhấm nháp một củ cà rốt, không hề có ý định nói một lời nào.

Lúc đi ngủ vào cuối ngày điều tra thứ ba, tôi đã lạc quan hơn nhiều về viễn cảnh của cuộc điều tra, do ảnh hưởng của cuộc gặp với Patricia. Nhưng tôi cũng biết rằng chúng tôi đang theo dấu một tên sát nhân quỷ quyết và con đường đi đến một vụ bắt giữ hãy còn rất xa. Tuy vậy, tôi không hề biết rằng nó sẽ phải cần đến sáu ngày kịch tính cao độ tựa một ván cờ vua kỳ lạ giữa Patricia và kẻ sát nhân - dù họ không ở trong cùng một phòng hoặc tiếp xúc trực tiếp với nhau.

NGÀY THỨ TƯ



NHỮNG NGƯỜI HÀNG XÓM ĐIỀU CHỈNH KÝ ỨC

Vào Chủ nhật 7 tháng 4, ngày làm việc của tôi bắt đầu lúc khoảng 10 giờ sáng tại phố Krebs. Tôi đã gọi điện thoại để báo trước với bà vợ ông gác dan rằng tôi cần gặp bà. Thế nên bà ngồi trực rất nghiêm túc, cho dù đó là một buổi sáng Chủ nhật yên tĩnh. Bà vẫy tay và cười với tôi, nhưng từ xa tôi đã phát hiện ra một chút không chắc chắn và sợ sệt trong cử chỉ của bà. Như dự tính, tôi đi thẳng vào vấn đề.

“Việc cung cấp lời khai gian dối cho cảnh sát trong phạm vi một vụ án hình sự được gọi là hành vi khai man và là một tội nặng có thể dẫn đến ngồi tù hoặc phạt nặng.”

Tôi gần như không nghi ngờ về tác dụng hiệu quả của ngón đòn. Bà Randi nhìn tôi chằm chằm, người đờ ra, mặt trắng như phấn và quai hàm co giật. Tôi bồi tiếp.

“Tuy nhiên, do chưa có biên bản lời khai chính thức nào trong trường hợp này, và đây là một tình huống khó khăn cho bà, chúng tôi có thể bỏ qua chút nhầm lẫn ban đầu, nếu bây giờ bà cung cấp cho tôi một liệt kê đầy đủ và chân thật về thời điểm những người hàng xóm về nhà vào tối hôm xảy ra án mạng...”

Bà ta bình tĩnh lại rất nhanh và lập tức nói không ngừng.

“Cảm ơn anh rất nhiều. Tôi đã rất lo lắng và hồi hận cả ngày lẫn đêm vì đã không nói luôn cho anh biết sự thật. Nhưng như anh đã biết đấy, tình huống này không dễ dàng đối với tôi, vì tôi đã ghi sổ là Kristian về nhà lúc 9 giờ tối, và tôi đã thề với anh ta rằng tôi sẽ nói đúng như vậy nếu có ai đó hỏi. Nhưng làm sao chúng tôi biết người đến hỏi sẽ là cảnh sát kia chứ? Và lại tôi cũng rất chắc chắn rằng Kristian không liên quan gì đến vụ án mạng. Thế là tôi đâm ra lúng túng không biết phải làm sao, nên tôi nghĩ tốt nhất mình cứ theo những gì đã viết và đã hứa. Việc Kristian về nhà sớm hơn một chút thật

ra không ảnh hưởng đến ai trừ bản thân anh và vợ.”

Tôi lập tức chớp lấy cơ hội để tạo sức ép thêm một chút.

“Và cô Sara Sundqvist trẻ trung nữa, đương nhiên rồi.”

Bà Randi đã vượt qua cú sốc nặng nhất nên chỉ thoáng mỉm cười trước khi tiếp tục.

“Thật khó tin là ngài thanh tra đã phát hiện được nhiều đến thế. Vâng, dĩ nhiên rồi, nhưng cô Sara thật là một quý cô quyền rũ và tốt bụng. Cô ấy không liên quan gì đến vụ án mạng; tôi hoàn toàn chắc chắn như vậy.”

Bà cười tươi hơn trước khi nói tiếp, và tôi đoán rằng bà đang mơ lại những ngày yêu đương trẻ trung của chính mình.

‘Thực ra là tôi đã để ý thấy chuyện đó, trước khi tôi biết rõ mọi việc. Sara dường như bay xuống chứ không phải đi xuống cầu thang, lưng cô ấy thẳng hơn và nụ cười tươi hơn trước, thế nên bà già lỗi thời như tôi đoán rằng ắt phải có liên quan đến một người đàn ông điển trai nào đó. Tôi đoán ra vào một buổi sáng khi cô ấy đi như chạy xuống cầu thang ngay sau lúc cậu ấy vừa đi ra. Buổi sáng hôm sau, cô ấy xuống sớm hơn thường lệ, nhưng đứng đợi ở ngoài vỉa hè chờ. Và ngày hôm sau nữa, cô nàng đi trước, anh chàng tiếp bước theo sau vài phút. Tôi biết ngay có chuyện gì đó đang diễn ra. Dĩ nhiên là tôi không nói gì với họ hoặc với vợ anh Lund. Đó không phải là việc của tôi, và tôi không muốn gây rắc rối cho ai cả’.

Tôi gật đầu thông cảm.

“Cho đến lúc này, mọi việc đều rõ ràng. Ngoại trừ việc bà cố tình làm sai lệch danh sách và nói dối cảnh sát. Nhưng có lẽ đó không phải là ý của riêng bà?”

Bà vợ ông gác đàn lắc đầu một cách quả quyết.

“Không, không, bản thân tôi không bao giờ nghĩ ra những điều đó được đâu. Chính là Kristian đã xuống tìm tôi vào đầu tuần sau đó. Thật là cảm động; anh ấy đã rất cởi mở khi nói với tôi là mình đang yêu say đắm Sara và đã bắt đầu mối quan hệ với cô. Anh ấy nói mình đang rất khó xử và phải cân nhắc thật kỹ xem nên làm gì. Trong khi chờ đợi, Kristian đề nghị tôi đừng

nói gì với vợ anh ta hoặc bất kỳ ai về những gì tôi có thể nhìn thấy hoặc nghe được. Tôi hứa sẽ không làm thế. Nhưng sau đó, anh ta đề nghị tôi nói dối nếu ai đó hỏi thẳng liệu tôi có thấy điều gì đó khả nghi, cũng như ghi vào sổ thời điểm anh ta về nhà muộn hơn một giờ vào những ngày anh ta gọi điện và thông báo với vợ là mình sẽ về trễ. Tôi như từ trên cao rơi xuống đất. Không ngồi lê đôi mách chuyện người khác là một lẽ, nhưng tôi chưa từng muốn nói dối...”

Có một khoảng im lặng ngắn giữa hai chúng tôi.

“Thế rồi...” tôi uớm lời.

Bà gật đầu.

“Thế rồi anh ta rút cái hóp ra và nói rằng dĩ nhiên tôi xứng đáng với một phần thưởng nho nhỏ cho sự giúp đỡ này. Kristian cho rằng mỗi tháng 100 kron là phù hợp, và đưa trước 200 kron, vì cũng gần đến Giáng sinh rồi. Anh ta rút ra bốn tờ 50 kron.”

Bà Randi ngồi thừ ra; không nói gì nữa. Hai dòng nước mắt từ từ lăn xuống gò má nhăn nheo của bà. Sau đó bà đứng dậy một cách nặng nhọc và ra dấu bảo tôi chờ một phút. “Tôi có vài tấm hình muốn cho anh xem” bà ấy nói khẽ; sau đó rời đi.

Vài phút sau, bà quay lại với hai khung hình trong tay. Cái đầu là một tấm hình đen trắng đã ngả vàng chụp lễ thành hôn của một đôi vợ chồng trẻ tươi cười. Người đàn ông cao lớn và tóc màu sẫm, người phụ nữ thấp hơn một cái đầu và tròn trịa hơn.

“Đó là vào mùa xuân 1928,” bà nói khẽ. Như thể rằng chỉ chừng đó là giải thích được tất cả.

“Đảng Lao động chỉ vừa thành lập chính phủ đầu tiên, và tương lai có vẻ xán lạn. Rất nhiều người hỏi tôi lúc đó và nhiều năm tiếp theo, rằng làm sao tôi tìm được một người đàn ông tốt như Anton. Và hồi đó ông ấy đẹp trai, chăm chỉ và uy tín trong mọi việc mình làm. Mọi thứ đều màu hồng trong hai mươi năm tiếp theo. Chồng tôi có công việc, dám trẻ thoát được bệnh lao và cứ thế lớn lên. Chúng tôi không bao giờ phàn nàn, dẫu có làm việc cả

ngày đi nữa...”

“Và rồi...” tôi lại nói, vẫn không rõ việc này rồi sẽ dẫn đến đâu.

“Và rồi chiến tranh xảy ra, Anton tham gia lực lượng Kháng chiến. Ông ấy có hỏi ý kiến tôi trước, nhưng tôi không thể nói không khi đó là điều ông ấy muốn và tương lai đất nước đang lâm nguy. Từ lúc đó tôi đã tự hỏi mình hàng ngàn lần liệu cuộc đời của chúng tôi sẽ như thế nào nếu tôi quả quyết hơn và nói không. Quả thực, cuộc đời của ông ấy đã bị chiến tranh xé nát dù lúc ấy chúng tôi đã không nhận ra. Anton của tôi là một trong số những người sống sót sau chiến tranh nhưng không thể sống cùng với ký ức đó khi hòa bình lập lại. Ông ấy bắt đầu gặp ác mộng và khó ngủ, dẫn đến việc hút nhiều thuốc lá hơn và uống rượu ngày càng như hũ chìm. Tôi đã nói với anh là ông ấy vắng nhà và anh đã không hỏi gì thêm. Kỳ thực ông ấy đang ở bệnh viện, và sẽ chỉ về khi đã nằm trong quan tài. Bao năm qua, không biết bao nhiêu lần tôi đã nói với ông ấy rằng với chừng ấy lượng rượu và thuốc lá thì hoặc lá phổi hoặc lá gan sẽ cướp ông ấy khỏi mẹ con tôi trước khi ông qua tuổi sáu mươi. Năm nay ông ấy đã sáu mươi hai, nhưng mọi chuyện sẽ chỉ còn kéo dài vài tuần nữa thôi, vì lá gan và lá phổi của ông ấy đã bị hủy hoại. Nếu anh cần nói chuyện với ông ấy, anh không nên chờ quá lâu.”

Bà nhìn xuống một lúc rồi nhanh chóng nói tiếp.

“Tôi biết anh đang nghĩ gì: tại sao tôi vẫn ngồi đây khi chồng tôi đang nằm viện? Ồ thì, một phần vì tôi chưa bao giờ thích bệnh viện. Nhưng lí do chính là tôi không chịu nổi khi nhìn thấy ông ấy. Anton chỉ còn là cái bóng của ngày xưa, cuộc đời ông ấy chỉ còn lại sự đau đớn. Tôi luôn đi ngay mỗi khi người ta gọi và nói ông ấy muốn gặp tôi, một điều không thường xuyên lắm, nhưng cũng không làm chúng tôi dễ chấp nhận hơn khi nó xảy ra. Một trong hai chúng tôi phải tiếp tục sống, vì lũ trẻ và vì những người ở đây. Đó là lí do tại sao tôi thà ngồi ở đây với tấm hình cũ này. Tôi chỉ muốn nhớ về ông Anton của ngày xưa, chứ không phải như người ông ấy đã trở thành.”

Giờ thì hai hàng nước mắt đang chảy rờn rờn trên gò má bà, và tôi không biết phải làm gì để ngăn chúng lại. Sau khi im lặng vài phút, tôi ngập

ngừng trở vào tấm hình còn lại. Đó là một tấm mới hơn, chụp một người phụ nữ lớn tuổi dễ nhận ra bên bốn đứa trẻ ăn mặc đẹp đẽ tươi cười ngồi trên sàn, trước cây thông Giáng sinh và một chồng quà.

“Cuộc đời của Anton đã vỡ vụn sau chiến tranh, cũng như tôi và gia đình của chúng tôi. Trong những năm sau này tình hình còn khó khăn hơn. Ông ấy vất vả làm việc, nhưng mỗi đồng kron kiếm được đều tiêu sạch vào thuốc và rượu. Giáng sinh và Năm mới luôn là dịp trọng đại trong năm do con cháu chúng tôi tề tựu về đây, và để tránh cho chúng nó lo lắng, ông ấy cố gắng sống điều độ trong vài ngày. Nhưng mùa thu vừa rồi, tôi thực sự khánh kiệt. Chúng tôi nợ tiền và tôi không còn bạn bè nào có thể vay mượn được. Tôi thật sự cần 80 kron để trả những món nợ cấp bách nhất trước Giáng sinh và cần hơn 100 kron nữa để mua thức ăn và quà cho Giáng sinh. Tôi thậm chí không biết làm sao xoay nổi 50 kron. Tôi chẳng còn thứ gì giá trị để cầm cố. Và rồi, như một phép màu, Kristian đứng đây và đưa tôi bốn tờ 50 kron. Thế là tôi đành nuốt lòng tự trọng vào trong và chấp nhận khoản tiền đó. Cảm giác thật kinh khủng khi đánh đổi những lời nói dối của mình cho lễ Giáng sinh, và đã hơn một lần tôi đi ngủ với hai hàng nước mắt. Nhưng rồi lũ trẻ đã có thể ăn mừng ‘Giáng sinh cuối cùng của Anton’ với ông ấy, cùng thức ăn ngon và những món quà to chưa từng thấy. Và tôi an ủi bản thân với suy nghĩ rằng người ta chấp nhận những khoản tiền bịt miệng vì những lí do còn tồi tệ hơn thế nhiều.”

Tôi nhìn vào bức ảnh của bà vợ ông gác đàn với đàn cháu của bà và nhận ra rằng quả thực có nhiều người khác từng chấp nhận những đồng tiền dơ bẩn vì những lí do khuất tất hơn nhiều. Vậy nên tôi nói với bà sự thật - rằng cá nhân tôi dễ dàng thông cảm việc này, và chúng tôi có thể bỏ qua những hệ lụy pháp lý, xem như nó chỉ đơn giản là một việc hoàn thiện lời khai miệng. Và với điều kiện là từ giờ trở đi chúng tôi phải được nghe sự thật và không gì khác ngoài sự thật. Bà ta nom nhẹ nhõm thấy rõ, bà đặt tay lên ngực và hứa sẽ làm thế.

“Tôi mới biết việc chồng bà tham gia tích cực trong phong trào Kháng

chiến. Theo bà biết thì thời đó ông ấy có liên lạc với ông Harald Olesen hay không?”

Bà Randi tươi tỉnh hẳn khi nhớ về những ngày xưa và mỉm cười tự hào trước khi nói tiếp.

“Dĩ nhiên tôi biết. Chính ông Harald Olesen đã kêu gọi chồng tôi tham gia. Tôi vẫn còn nhớ họ bắt tay nhau, ngay tại bàn bếp đằng kia. Bản thân tôi cũng giúp đỡ ít nhiều sau đó. Chúng tôi đã vài lần giấu người tị nạn trong hầm, cho đến khi Olesen tìm được đường đưa họ vượt biên giới sang Thụy Điển. Anton chỉ là một trong số những người tham gia giúp đỡ thời đó. Ông Harald Olesen di chuyển liên tục và xoay xở dựng nên một mạng lưới rộng lớn từ đây đến biên giới. Tôi thường vẫn nghĩ ông ta phải là một người đàn ông mạnh mẽ khác thường để không những có thể đảm đương mọi trách nhiệm trong suốt chiến tranh mà còn sống được với những ký ức về tất cả những gì mình đã trải qua.”

Tôi nhận ra chúng tôi hiện đang đề cập đến một việc thú vị - một việc gì đó có thể đưa đến động cơ của kẻ sát nhân.

“Với cái cách mà mọi việc thay đổi sau đó, có bao giờ bà hoặc ông Anton từng thể hiện sự thất vọng với ông Olesen?”

Bà Randi lắc đầu quây quây.

“Chúng tôi chưa từng mong điều gì xấu xảy ra với ông ấy. Sao chúng tôi có thể làm thế được chứ? Đó là thời chiến và nào ai biết được những gì sẽ xảy đến cho Anton sau này? Chúng tôi tự hào sống chung trong cùng một tòa nhà với ông Harald Olesen, dù chúng tôi ở dưới tầng hầm, cách ông ấy ba mặt sàn. Ngay cả trong mấy năm vừa rồi, ông Anton cũng luôn hút thuốc và uống rượu ít đi mỗi khi trò chuyện với vị anh hùng của mình. Ông Olesen chưa bao giờ thật sự hiểu được Anton đã chật vật như thế nào, nhưng ông ấy biết cuộc sống dưới tầng hầm rất là khó khăn. Và ông ấy tặng chúng tôi những món quà ngày càng tuyệt vời hơn, vào dịp sinh nhật hoặc Giáng sinh hàng năm. Ông Harald Olesen là một người đàn ông tốt, luôn luôn như vậy. Tôi không thể nói điều gì chống lại ông ta và càng không hiểu được kẻ nào

muốn sát hại ông ấy. Tôi không thể nghĩ ra ai đó trong thời chiến tranh có thể liên quan đến vụ án mạng, nhưng có lẽ chồng tôi biết nhiều hơn tôi.”

Tôi gật đầu. Ông gác đàn Anton Hansen hiện đang nằm viện là người tôi cần gặp càng sớm càng tốt. Tôi chỉ còn một câu quyết định để hỏi bà vợ.

“Vậy còn vợ của Kristian Lund? Bà không bao giờ nghĩ cho chị ta hay sao?”

“Dĩ nhiên tôi có nghĩ cho cô ấy và đứa trẻ, và tôi vẫn biết việc anh chồng đang làm là một sự phản bội khủng khiếp đối với họ. Nhưng Kristian là một người đàn ông tốt, một người tự lực cánh sinh. Anh ta làm việc cả ngày và hẳn nhiên cảm thấy khó khăn trong việc đáp ứng sự kỳ vọng của bố mẹ vợ. Trong lần duy nhất họ đến đây, họ đã nhìn tôi và tòa nhà với vẻ ghê tởm. Và Kristian chăm sóc bà mẹ bệnh tật của mình rất tử tế - lần cuối bà ở đây, anh ta gần như bế bà ấy vào. Anh ta chưa từng có bố, anh thấy đó, nên cuộc sống của anh ta không dễ dàng chút nào. Cô vợ nhà Lund về bản chất không phải là người xấu tính, cô ấy rất dịu dàng với thằng con trai, nhưng cô ấy chưa từng bị từ chối bất kỳ điều gì mình muốn trong cuộc sống, và không hề biết cuộc sống sẽ thế nào khi ở cùng một người chồng nghiện rượu hoặc lớn lên mà không có cha. Đối với tôi, Kristian đã rất sai lầm khi kết duyên cùng cô ấy mặc dù không muốn. Tôi đã từng nhiều lần nghĩ rằng anh ấy rõ ràng phù hợp với cô sinh viên Thụy Điển chăm chỉ kia hơn là cô búp bê mà anh ấy cưới làm vợ, người chẳng bao giờ gặp rắc rối gì.”

Tôi tự nhủ rằng cuộc chiến giai cấp vẫn còn tồn tại và nhức nhối, ít nhất trong căn hộ tầng hầm ở Torshov này. Và càng biết nhiều về những người trong tòa nhà, tôi càng nhận ra sự gắn bó giữa họ không nhiều như người ta vẫn nghĩ. Bà Randi và người chồng ‘vắng mặt’ giữ vai trò cao hơn so với những gì tôi đã kết luận sơ bộ.

Bà Randi cười buồn khi nghe tôi bảo rằng do thủ tục, tôi phải xem qua sao kê ngân hàng của mọi người, trong đó có của bà. Bà nặng nề đứng dậy và rút ra từ ngăn kéo một quyển sổ tiết kiệm bưu điện màu đỏ đã sờn, rồi đưa cho tôi.

“Không có gì nhiều để khoe khoang đối với một khoản tiền tiết kiệm cả đời, nhưng nó đã nhiều hơn lúc Anton vẫn còn ở nhà,” bà nói với nụ cười mệt mỏi và gắng gượng.

Tôi phải đồng ý với bà sau khi kiểm tra nhanh. Theo quyển sổ tiết kiệm bưu điện này, bà Randi Hansen ở tầng hầm có 48 kron trong tài khoản, thực sự không có gì nhiều để phồng mũi tự hào cho cả cuộc đời làm lụng. Dù sao bà cũng xoay xở để tiết kiệm từng chút một mỗi khi có thể trong vài tháng qua. Năm tháng trước, số dư tài khoản chỉ có 4 kron. Cho dù 250.000 kron từ tài khoản của ông Harald Olesen trong năm ngoái đã bốc hơi đi đâu chẳng nữa, chắc chắn nó không ẩn nấp trong tài khoản tiết kiệm này.

Tôi định lên gặp vợ chồng Lund và tiếp đó là cô Sara Sundqvist để hỏi vài câu, nhưng bà Randi cho biết Kristian Lund đã lái xe đi làm vào lúc 9 giờ, sau khi đã gọi cô thư ký và yêu cầu cô ta đến gặp mình ở đó, dù là ngày Chủ nhật. Trên đường đi ra, anh ta đã nói rằng mình đang bị trễ hạn kiểm kê hàng hóa và cần được yên thân để suy nghĩ. Sau khi cân nhắc nhanh, tôi quyết định rằng Kristian Lund là người cần gặp kế tiếp. Thế nên tôi yêu cầu bà Randi gọi cho anh ta ở chỗ làm. Tôi nói ngắn gọn rằng tôi cần nói chuyện với anh ta ngay khi có thể và có lẽ sẽ dễ dàng hơn nếu tôi đến gặp anh ta tại cửa hàng thể thao. Đầu dây bên kia im lặng một lúc trước khi anh ta hiểu ra và đồng ý. Tôi nói sẽ đến trong vòng mười lăm phút nữa, anh ta đảm bảo rằng thư ký của mình sẽ trông chừng và mở cửa cho tôi.



Cửa hàng thể thao nơi Kristian Lund làm quản lý khá thoáng đãng và hiện đại, với cửa đôi và một tủ kính trưng bày hàng lớn nhìn thẳng xuống con phố đông đúc. Một vị trí quản lý tại đây chắc chắn được trả lương hậu hĩnh và là một cái bệ phóng tốt cho sự nghiệp trong ngành kinh doanh, nhưng tôi không có thời gian suy nghĩ nhiều hơn. Cô thư ký của Kristian Lund hóa ra là một

cô gái nhỏ nhắn tóc vàng khoảng hai mươi lăm tuổi và có mặt tại cửa chỉ sau vài giây. Vóc người cô thon thả và săn chắc, cũng giống như bàn tay mà cô đưa ra khi nói cho tôi biết tên mình là Elise Remmen, và ‘anh quản lý cửa hàng quý hóa của chúng tôi’ đang ngồi đợi trong văn phòng. Tôi theo sau tấm lưng ong đi xuyên qua cửa hàng và xuôi theo một hành lang dài với nhiều cửa phòng làm việc. Elise Remmen nhiệt tình giải thích rằng việc kinh doanh của cửa hàng đang rất cạnh tranh, hệ thống này đang vượt trên đối thủ, nên vừa rồi vài cửa hàng khác đã chuyển văn phòng về đây.

Vào Chủ nhật này, chỉ duy nhất văn phòng người quản lý cửa hàng sáng đèn và mở cửa. Kristian Lund đang đứng đợi, hai tay đặt trên bàn. Phải khó khăn lắm tôi mới nhận ra anh ta. An vị trong môi trường làm việc của mình, vài ngày sau vụ án mạng, đột nhiên anh ta cho tôi ấn tượng về một người đàn ông vạm vỡ, thư thái, vững chãi và đáng tin cậy. Giá như tôi chưa gặp anh ta trước đây và anh ta đừng bị phát hiện nói dối.

Kristian Lund giữ mặt nạ đó thật tốt trong khi cô thư ký tử tế nhưng phiền nhiễu còn ở trong phòng. Cô hỏi liệu tôi có muốn dùng trà hay cà phê với sự nhiệt tình đến độ tôi gần như không thể chối từ. Kristian Lund sau đó cho cô thư ký biết bằng một giọng to và rõ rằng đây chỉ đơn giản là các câu hỏi thường quy liên quan đến vụ sát hại ông hàng xóm của anh ta, yêu cầu cô đóng cửa và tiếp tục công việc kiểm kê. Cô nhỏ nhẹ đáp ‘vâng ạ’ và rút lui, dịu dàng khép cửa lại sau lưng.

Khi chỉ còn lại hai chúng tôi, Kristian Lund thay đổi ngay nét mặt. Đôi mắt anh ta sắc hơn và tỏ ra căng thẳng hơn. Điều này củng cố thêm nữa ấn tượng trong tôi rằng anh ta giống như ‘người tắc kè bông’, có tài thay đổi ngoại hình theo hoàn cảnh.

Không ai trong chúng tôi muốn mở lời trước, nên chúng tôi ngồi trầm ngâm nhìn nhau khoảng vài phút. Kristian Lund rút ra một điều thuốc và châm lửa. Đây giống như một cuộc đấu kiếm mà không ai trong chúng tôi muốn ra đòn trước, mặc dù một người nhất định phải làm điều đó.

“VẬY, TÔI CÓ THỂ GIÚP GÌ CHO ANH HÔM NAY?” Cuối cùng anh ta hỏi tôi.

Tôi ngay lập tức chớp lấy cơ hội để mở một cuộc tấn công trực diện.

“Đầu tiên, tôi muốn biết tại sao anh nói dối về mẹ mình vào lần trước?”

Gương mặt anh ta thoáng co rúm lại. Sau đó anh ta lắc đầu vài lần.

“Ừm... nói dối á... Ồ, có lẽ là tôi đã không nói với anh tất cả. Lẽ ra tôi phải làm thế. Sau đó tôi nhận ra rằng mình nên nói ra việc bà từng là thành viên của NS và đã bị ngồi tù vì tội phản quốc sau chiến tranh. Một thám tử giỏi như anh tất nhiên sẽ sớm phát hiện ra chuyện đó. Nhưng tôi không nghĩ là quan điểm của mẹ tôi trong thời chiến tranh có liên quan gì đến vụ án mạng vốn đã đủ phức tạp. Hơn thế nữa, tôi chán ngấy phải trả lời về những việc mẹ mình đã làm hồi trẻ ngay cả khi bà đã qua đời. Tôi luôn cố để tách biệt cuộc đời tôi khỏi nó, và chuyện đó không phải lúc nào cũng dễ dàng!”

Đột nhiên, tôi nhận thấy vẻ chua chát trong giọng nói của Kristian Lund giống như tôi từng nghe ở ông Konrad Jensen.

“Tôi không chối việc mẹ tôi từng có thời là Phát xít, và việc bà ấy làm cho một chế độ vô nhân đạo có hệ tư tưởng mà tôi căm ghét. Nhưng với tôi, bà ấy chưa bao giờ là một Phát xít cả; bà ấy là mẹ tôi. Và không có nhiều người tôi biết có một người mẹ tốt hơn hoặc tử tế hơn, đặc biệt với tất cả vấn đề bà ấy gặp phải sau chiến tranh. Chúng tôi sống với ông bà ngoại trong ba năm cho đến khi mẹ tôi có được một công việc lau dọn - với đồng lương không tương xứng. Tôi không nhớ nổi đã bao nhiêu lần tôi nghe hoặc chứng kiến người ta la hét lăng mạ bà trên phố. Và tôi, dù vào năm 1940 còn chưa ra đời, hơn mười một tuổi đầu mới có một người bạn được phép rủ về nhà bạn chơi. Mọi việc sau đó có khá hơn. Hai người bạn đến dự sinh nhật năm tôi mười hai tuổi, năm người vào sinh nhật lần thứ mười ba và chín người trong lần thứ mười bốn, nhưng luôn luôn có một cái bóng mà Mẹ không thể rũ sạch. Khi tôi được làm lễ tuyên tìn và mẹ tôi đứng một mình trong nhà thờ, vài cặp bố mẹ đã la ó chế giễu bà.”

Anh ta lắc đầu với vẻ phẫn nộ và tiếp tục để nỗi đau cũ tuôn trào.

“Tôi thề rằng mình không bao giờ được gục ngã và thay vào đó, sẽ cho mọi người thấy tôi trở thành người như thế nào. Và tôi đã thành công. Sau

chiến tranh, thắng lợi duy nhất của mẹ là sự thành công của tôi. Bà đã bị ngược đãi và phải vật lộn với mặc cảm trong nhiều năm. Điều tệ hại nhất là khi mọi việc đã qua, bà lại mắc bệnh ung thư, hẳn là do thuốc lá: tôi vốn lớn lên trong một bầu khói thuốc.”

Anh ta đột ngột nhìn điều thuốc trên tay một cách ghê tởm và dụi nó thô bạo xuống cái gạt tàn trên bàn.

“Tôi đã cố ngưng thuốc nhưng không dễ dàng gì... Anh hãy bỏ qua cho nếu tôi hơi kích động lúc này. Mùa đông này thật khó khăn. Khi mọi việc bắt đầu bình thường lại sau đám tang của bà và lễ rửa tội cho con trai chúng tôi, thì vụ án mạng này lại xảy ra. Mẹ tôi đã chiến đấu can trường đến phút cuối, nhưng thật không may. Mong muốn cuối cùng của bà là có thể sống đủ lâu để thấy và ôm đứa cháu nội đầu lòng. Bà ấy sống lâu hơn được bốn tuần so với bác sĩ dự đoán nhưng đứa trẻ được sinh ra quá trễ - trễ đúng ba ngày. Đó quả là khoảng thời gian cực kỳ khó khăn và đau lòng.”

Tôi nhận thấy tất cả chuyện này rất đáng quan tâm và muốn dần sâu tìm hiểu thêm vài chi tiết nữa về hoàn cảnh rõ ràng là không dễ dàng gì của Kristian Lund.

“Cha mẹ vợ có biết về câu chuyện của mẹ anh không?”

Nụ cười của Kristian bất ngờ ở chỗ nó cụt ngắn và chua chát. “Đã có một thời gian dài tôi sợ phải kể với họ, nhưng đó không phải là vấn đề - và không có lí do gì phải như thế cả. Cha vợ tôi có tài sản hơn bốn triệu kron và đã kiếm ít nhất ba phần tư khoản tiền đó từ việc giao dịch với quân chiếm đóng trong chiến tranh. Công ty của ông ta phá vỡ mọi kỷ lục về doanh thu và lợi nhuận. Theo anh, ông ta có bị kết án hoặc lãng mạ bởi ai đó sau chiến tranh không? Ồ không, không ai dám trách mắng một ông chủ nhà máy ở Baerum. Ngược lại, một bà mẹ đơn thân ở Drammen là đối tượng bị xua đuổi của bất kỳ người nào. Đó là một câu chuyện đáng hổ thẹn. Nhưng tôi vẫn không thấy mối liên quan giữa quá khứ đau buồn của mẹ tôi với vụ sát hại ông hàng xóm.”

Tôi gạt đầu, cố gắng tỏ vẻ cảm thông.

“Tôi cũng thế, thật sự như vậy. Nhưng tôi muốn biết thêm về cha anh, chỉ để chắc chắn rằng chuyện đó không liên quan gì đến vụ án mạng này.”

Anh ta lại bật cười và lắc đầu quây quây.

“Thật không dễ dàng. Hình như không ai ngoài mẹ tôi biết tên ông ấy, mà bà thì đã mất rồi. Đó là nguồn cơn mối bất hòa duy nhất giữa tôi và mẹ tôi. Chỉ một lần duy nhất bà nói rằng, đó là một người mà bà có quan hệ trong một thời gian, và chỉ có thể là người đó, nhưng mẹ không bao giờ cho tôi biết tên ông ta. Hồi còn là một thằng nhóc tôi cứ nài nỉ bà mãi. Khi mức độ tồi tệ của chuyện đó lên đến đỉnh điểm, tôi từ chối nói chuyện với mẹ trong một tháng vì bà nhất định không chịu tiết lộ. Nhưng mẹ rất bướng bỉnh. Câu trả lời duy nhất của mẹ là ông ta đã phản bội bà và chưa từng quan tâm đến tôi, nên mọi việc chỉ thêm tồi tệ nếu tôi biết ông là ai. Rồi khi tôi khoảng mười tám, mười chín tuổi, tôi bảo rằng tôi đồng ý với bà, và hiếm khi hỏi lại sau đó. Tôi cố thuyết phục bản thân rằng nếu quả thật ông ta đã cư xử như thế, thì dù sao đi nữa ông cũng không phải người cha mà tôi muốn có. Nhưng đó vẫn luôn là câu hỏi lớn trong đời, đặc biệt khi tôi vào trường kinh doanh và là đứa duy nhất trong lớp không thể hỏi xin tiền bố.”

Mọi việc càng trở nên hấp dẫn. Câu hỏi về người cha của Kristian Lund đúng là một bí ẩn nhỏ mà tôi muốn làm rõ.

“Vậy là anh cũng không có chút manh mối nào sao?”

Anh ta lắc đầu.

“Khi còn trẻ tôi đã dành nhiều thời gian suy nghĩ về điều đó. Về bề ngoài, tôi khá giống mẹ, nên không có gì nhiều để xem xét. Nhưng có lần thầy dạy khoa học của tôi đã nhận xét rằng với đầu óc lạnh lợi như tôi, hẳn tôi phải có một người cha cực kỳ thông minh. Tôi sống với lời khen đó trong một thời gian dài, và đó là sự thật. Mẹ tôi khi còn trẻ là một người hấp dẫn và rất tử tế, nhưng bà ấy không đặc biệt thông minh. Bà giúp tôi làm bài tập về nhà khi tôi còn nhỏ, nhưng không còn giúp được gì nhiều khi tôi kết thúc bậc tiểu học. Trong khi đó, tôi đứng đầu lớp ở hầu hết các môn, đặc biệt ở trường cấp hai. Như vậy, khả năng lớn cha tôi là một người đàn ông thông minh.

Nhưng ngoài ra thì tôi không biết gì hết. Mẹ mang thai tôi đâu đó khoảng tháng 5 hoặc tháng 6 năm 1940, như thế thì có một số khả năng. Đó có thể là một người lính Đức, một người Na Uy thân Phát xít hoặc một người Na Uy nào khác. Mẹ và ông bà ngoại rất ít khi nói về khoảng thời gian đó, nên tôi chẳng có nhiều manh mối để tìm hiểu. Hiện giờ tôi cố nghĩ về điều đó càng ít càng tốt. Và tôi hy vọng rằng nó không liên quan gì đến vụ án mạng.”

Tôi gật đầu.

“Chúng ta đều mong như thế. Nhưng chúng ta phải nói về một người phụ nữ trẻ sống trong tòa nhà - và có mặt ở nhà hôm xảy ra án mạng. Anh đã nói dối về người đó trong lần đầu chúng ta nói chuyện.”

Phản ứng xuất hiện tức thì. Có tia sáng lóe lên trong mắt của Kristian Lund. Bàn tay anh ta hơi run lúc châm một điếu thuốc mới và rít vài hơi trước khi trả lời.

“Tôi biết anh đang nói về ai. Là bà Randi hay chính Sara nói với anh?”

Tôi lắc đầu.

“Không phải họ. Tôi tự rút ra kết luận dựa trên thông tin tôi có, và trên xác suất.”

Anh ta gật đầu tán thành.

“Thật ấn tượng; và cũng thật nhẹ nhõm cho tôi. Tôi bắt đầu tin rằng anh sẽ sớm tìm ra thủ phạm thôi. Nhưng việc này hoàn toàn không liên quan đến vụ án mạng. Dĩ nhiên; thông tin này có chút quan trọng đối với bằng chứng ngoại phạm hay tương tự; và tôi xin lỗi đã nói dối. Nhưng tôi đang rơi vào hoàn cảnh tương đối khó xử. Vợ tôi đâu cần phải biết gì về việc này đúng không?”

Tôi đồng ý; nhưng bổ sung ngay: “Với điều kiện là việc này không liên quan đến vụ án. Và với điều kiện anh cho tôi một lời giải thích; dĩ nhiên phải chân thật hơn lần trước!”

Anh ta gật đầu lia lịa. Dường như Kristian Lund không gặp vấn đề gì khi nói về những việc hết sức riêng tư. Tôi càng có ấn tượng rằng anh ta hơi ích kỷ; nhưng cũng là một người thông minh và có năng khiếu giao tiếp xã hội.

“Tôi hiểu rằng việc mình quan hệ ngoài luồng với một cô hàng xóm không gọi lên sự tin cậy. Đặc biệt khi tôi có một người vợ tốt và hấp dẫn cùng một đứa con trai dễ thương như vậy. Tôi e rằng mình cần chút thời gian để giải thích.”

Tôi ra hiệu mình sẵn sàng chờ. Cuộc đời của Kristian Lund càng lúc càng hấp dẫn tôi hơn. Anh ta gạt đầu ra vẻ biết ơn, ngửa người ra sau trên ghế và suy nghĩ một lúc trước khi bắt đầu.

“Mọi việc bắt đầu năm ngoái với rất nhiều khao khát theo kiểu cổ điển.”

Kristian ngồi im lặng một lúc. Sau đó, gương mặt anh ta đánh lại trước khi nói tiếp trong tâm trạng tự xót thương một lần nữa.

“Thực ra thì mọi việc đều bắt nguồn từ mẹ tôi và tuổi thơ của tôi. Trong nhiều năm tôi là thằng nhóc mà không có cô gái nào muốn chạm vào hoặc thú nhận rằng họ thích tôi. Đến năm mười bảy tuổi, tôi vẫn chưa từng hôn cô gái nào. Một trải nghiệm đặc biệt để lại vết sẹo trong tôi, dù hoàn toàn mang tính chất ngây thơ con trẻ. Khi tôi mười bốn tuổi, trường chúng tôi tổ chức đi dã ngoại, và tất cả con trai trong lớp đều nhận được cái ôm chúc ngủ ngon của một bạn gái. Trừ tôi. Cô bạn ấy nói với giọng lạnh lùng và cười mỉa mai: ‘Chuyện gì cũng có giới hạn. Ngay cả với những cái ôm’. Tất cả mọi người đều cười. Tôi khóc suốt đêm và thề rằng một ngày nào đó tôi phải thành công. Khi tôi mười tám tuổi, mọi việc đột nhiên thay đổi. Tôi chơi trong một ban nhạc và là ngôi sao của đội bóng đá. Tôi đã tận dụng hết các lợi thế của mình để bù đắp sự thiếu thốn tình cảm dồn nén bao lâu nay. Cô gái từng từ chối ôm tôi khi chúng tôi mười bốn tuổi là một trong số những cô gái lên giường với tôi sau này khi cô ấy mười chín.”

Kristian bật cười. Rõ ràng đây là một trong số những hồi ức đẹp đẽ của anh ta về thời trai trẻ.

“Tôi chắc chắn có một nhu cầu chinh phục và trả thù, nhưng cũng có phần do sinh lý. Tôi là một người đàn ông trẻ trung với nhu cầu tình dục cao. Tôi có hứng thú với phụ nữ trẻ hơn cả những trận đá banh. Nhưng rồi tôi lớn lên, hiểu biết hơn và lượng hormon của tôi dần ổn định. Không khí tại

trường kinh doanh cũng trưởng thành và nghiêm túc hơn, và sau khi gặp Karen, tôi không chạm vào bất kỳ ai khác. Cho đến khi...”

Mấy chữ đó lơ lửng giữa không trung một lúc trước khi Kristian nói nốt.

“Cho đến một ngày nọ Sara đứng đó, vô cùng rạng rỡ trên cầu thang, và nói rằng cô vừa chuyển đến. Trong tôi lại trỗi dậy sự kích thích và ham muốn mạnh mẽ chưa từng có.”

Anh ta chồm người qua bàn về phía tôi.

“Anh thuộc thế hệ trước tôi, nhưng anh phải ít nhất một lần đứng gần một cô em xinh đẹp nhưc nhối tuổi từ mười bảy đến hai mươi ba, người vô tình thắt dây nịt quá chặt, mở ba cái cúc trên áo sơ mi và đứng hơi quá gần. Cùng một nụ cười khiêu khích như muốn nói rằng nếu anh thích thì có thể nhìn, nhưng không có gì hơn đâu.”

Tôi ra dấu cho Kristian tiếp tục mà không đáp. Tôi thực tình đã đứng quá gần với ít nhất một cô gái trẻ ăn khớp với mô tả đó. Và giờ tôi nhận thấy anh ta và tôi có chung ấn tượng.

“Không có cô gái nào từng kích thích và gợi hứng cho tôi hơn khi tôi còn là một thằng nhóc. Thỉnh thoảng tôi vẫn nói dối và hứa những lời mà tôi vốn không có ý định giữ, ngay cả khi tôi tỉnh táo. Tôi tin rằng nếu một cô gái gửi đi những thông điệp lẫn lộn, cô ấy phải chấp nhận rằng phía bên kia cũng có thể làm thế. Nên tôi nhập cuộc chơi, và phải nói rằng tôi thắng nhiều hơn thua. Dĩ nhiên cũng đã hơn một lần họ ném mùi gậy ông đập lưng ông và bị bỏ lại, khóc lóc trong cái bẫy của chính họ. Sara cho tôi chính cái ấn tượng ấy khi cô đứng đó đối diện tôi. Cô ấy trưởng thành hơn, cao hơn và đàng hoàng hơn theo một cách nào đó, trong chiếc đầm dài màu đen chỉ mở hai cúc cổ. Nhưng nụ cười của cô ấy vẫn có cùng hiệu ứng trên người, mời gọi, và sự tác động còn lớn hơn vì mặt khác, cô tỏ ra rất đáng trân trọng và thông minh. Nụ cười của cô như nói rằng chưa từng có ai khác vào đây và không dễ để là người đầu tiên. Nó giống như một thách thức mở ra khi Sara đứng đó, cách tôi không quá một tầm tay, với những đường cong hoàn hảo được che kín. Tôi luôn bị thu hút bởi những phụ nữ cao, tóc sẫm và thỉnh thoảng

đôi mắt với người phụ nữ trong mơ của mình, cao hơn và tóc sẫm màu hơn bất kỳ người nào tôi từng gặp trước đây. Tôi đã phải lòng cô ấy, ngay trên cầu thang đó, với bàn tay mềm mại của cô trong tay mình. Tôi nhận ra mình đang nghĩ, giống như hồi còn trẻ, rằng nụ cười đó sẽ thay đổi và rằng chiếc áo đầm đó sẽ được cởi bỏ!”

Rõ ràng Kristian Lund cảm thấy thoải mái hơn khi đề cập đến các cuộc chinh phục của mình và anh ta tiếp tục câu chuyện một cách mau lẹ. Tôi chưa thấy lý do gì để ngắt lời anh ta.

“Vài giờ sau lần gặp gỡ đầu tiên ấy, ảnh hưởng nặng nề nhất của cú sốc đã dần tan biến. Nhưng khi vợ tôi đã ngủ thiếp đi, tôi vẫn nằm thao thức hàng giờ nghĩ về nàng Sara xinh đẹp và trêu ngươi đó. Buổi sáng hôm sau, cô ấy tình cờ đi ra cùng lúc với tôi khi tôi sắp sửa lái xe đi làm. Thế là theo bản năng tôi nhập cuộc chơi, hỏi Sara định đi đâu và bảo rằng tôi cần ghé lại một nơi gần trường đại học, nên có thể cho cô ấy đi nhờ. Nụ cười của Sara càng khiêu khích hơn so với ngày hôm trước, và cô lập tức lên xe. Chúng tôi thật tâm đầu ý hợp và có nhiều điều để nói với nhau hơn mong đợi. Thậm chí tôi còn kéo dài đoạn đường đã lòng vòng sẵn bằng cách rẽ thêm vài lần nữa, nên tôi đi làm trễ gần nửa tiếng. Tôi đổ lỗi cho xe cộ đông đúc bất thường, một điều cũng khá gần với sự thật. Buổi sáng hôm sau, tôi rời nhà sớm hơn hai mươi phút với hy vọng cô ấy sẽ xuất hiện lần nữa. Một cô gái trẻ đẹp khác thường đang nóng lòng chờ tôi bên chiếc xe. Đôi chân dài miên man, thon thả đầy nữ tính trong chiếc quần jean bó sát làm tôn thêm dáng vẻ của cô, đang giậm giậm trên vỉa hè để giữ ấm. Khi tôi đến bên chiếc xe, cô gạt đầu và ban cho tôi một nụ cười khó cưỡng. Tôi mỉm cười đáp lại, ngồi vào sau tay lái và ra dấu mời cô ấy lên ngồi cạnh tôi. Sau đó chúng tôi lái xe đi - như thể đó là việc tự nhiên nhất trên quả đất này. Khi nhìn thấy Sara đứng đó vào ngày thứ hai, tôi biết mình có thể thắng - nếu tôi muốn thắng và chơi đúng bài. Nên tôi tiếp tục trò chơi này, một cách hào hứng. Tôi đưa cô ấy đến trường đại học và nói cho cô biết thời điểm tôi sẽ rời nhà sáng hôm sau. Ngày thứ hai, tôi nhận được một cái ôm, và ngày thứ ba, một nụ hôn trên

má.”

Anh ta bỗng rơi vào im lặng, nhưng vui vẻ tiếp tục khi tôi hỏi về chuyện xảy ra vào ngày thứ tư.

“Mọi việc bắt đầu như một niềm vui nho nhỏ và là một cách để giải khuây trong một khoảng thời gian rất khó khăn đối với tôi; khi có quá nhiều thứ phải suy nghĩ. Có lẽ tôi đã cảm thấy khó chịu với vợ, người chỉ quan tâm đến đứa con của chúng tôi mà không nghĩ cho tôi chút nào. Đó cũng là thời gian tôi bận rộn; suốt ngày mải miết với công việc. Ý nghĩ rằng một người phụ nữ tuyệt đẹp như Sara có hứng thú với mình đã thực sự tiếp thêm sức mạnh cho tôi. Vài ngày sau, tôi tiết lộ vợ mình sẽ đem con đi thăm một người bạn ở Bygdoy buổi chiều hôm đó. Sara tặng tôi một nụ cười thấu hiểu và đề nghị tôi nên tận dụng cơ hội sang uống cà phê với cô. Tôi vẫn không chắc trong đầu chúng tôi nghĩ xa đến cỡ nào, nhưng lời mời dùng cà phê là cơ hội cuối cùng để quay đầu lại đúng lúc. Ngồi trong xe, tôi có thể từ chối. Hoặc tôi có thể chỉ đơn giản không gõ cửa căn hộ cô Sara sau khi chở vợ đi Bygdoy. Nhưng một khi tôi đã bước qua ngưỡng cửa, và cô ấy đứng đó với nụ cười quá hấp dẫn, mặc cùng cái đầm như ngày chúng tôi gặp nhau lần đầu... thì không còn đường quay lại nữa. Chúng tôi dùng chút cà phê, sau đó là rượu vang, tại ghế sofa, nhưng chúng tôi nhanh chóng mụ mị vì nhau. Không hiểu bằng cách nào đó chúng tôi đã rũ bỏ tất cả kiềm chế chỉ sau hai ly rượu vang. Tôi nhớ cô ngồi trong lòng tôi và tôi cố thì thầm rằng chúng tôi nên dừng tại đây hoặc cái áo đầm của cô sẽ sớm rơi xuống đất và tôi sẽ nằm trên cô trước khi chúng tôi kịp nhận ra, nhưng ý định của tôi không cản nổi cô ấy. Điều tiếp theo mà tôi nhớ được là cả cái áo đầm và nụ cười của Sara đều biến mất và cô nằm đó gần như khỏa thân, rên rỉ trên giường. Tôi không còn quan tâm đến điều gì ngoài hai chúng tôi và tôi chỉ thèm muốn cởi phăng cái quần lót chèn gối của cô. Và khi nó trượt xuống đến bắp đùi...”

Vẻ mơ màng xuất hiện trên gương mặt Kristian Lund. Anh ta ngồi sau bàn, đắm chìm một lúc trong suy nghĩ của mình, sau đó bật cười, với một

chút tự trào.

“Ngay cả khi một trong hai chúng tôi có muốn đi nữa, đã quá trễ để có thể dừng lại, cả tâm hồn và thể xác. Chỉ có vũ lực mới có thể ngăn tôi lại và cần phải có còng tay cùng một tốp cảnh sát. Chuyện đó dĩ nhiên là sai trái, khi nghĩ đến người vợ và con trai bé bỏng của tôi. Nhưng lạ lùng thay, tôi chưa bao giờ hối hận về chuyện đó. Cô ấy mạnh mẽ hơn hẳn những gì thể hiện ra ngoài, cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Nó hoang dại hơn tất cả những kinh nghiệm giường chiếu tôi từng có. Việc cảm thấy người phụ nữ cao, tóc sẫm trong mơ nằm bên dưới cơ thể mình, từng phút từng phút, cho đến khi tôi mệt lử đổ xuống với một tiếng rên lớn, đó thật sự là tình yêu và thắng lợi lớn nhất tôi từng biết đến trong đời. Tôi cảm thấy như mình là người đầu tiên được làm điều đó với Sara, và được trèo lên đỉnh cao chóng mặt như thế. Đó là những gì nàng nói với tôi sau này, và tôi thật sự tin rằng đó là sự thật.”

Tôi chờ đợi phần tiếp theo không bao giờ đến. Kristian Lund chỉ chìm đắm trong thế giới mộng mơ của mình lâu hơn một chút.

“Và sau đó...”

Anh ta lơ đãng nhìn lên, vừa có vẻ bực bội lại vừa tỏ ra ăn năn.

“Rồi chúng tôi nằm đó không mảnh vải che thân trong vài tiếng nữa, không hề hổ thẹn, chúng tôi hút thuốc, trò chuyện về cuộc sống và tình yêu, cho đến khi tôi nhìn đồng hồ và phát hiện lẽ ra mình phải đón vợ ở Bygdoy năm phút trước đó. May mắn thay, Karen chấp nhận cái cớ mà tôi đưa ra, rằng tôi đã ngả lưng một chút và quên mất giờ giấc, mà không thắc mắc gì. Mặc dù xét trên nhiều phương diện, điều đó là sự thật...”

Anh ta nở một nụ cười mà tôi cho là đầu dụ, nhưng tôi nhất định không bị xao nhãng.

“Nhưng việc này không phải xảy ra vào hôm có án mạng, đúng không?”

Anh ta hiểu ngay tôi muốn nói gì và lắc đầu, vẻ mặt nghiêm trọng. “Ồ, không, không hề. Đó là vào ngày 12 tháng 11 năm ngoái. Tôi lên giường với vợ tôi như thường lệ đêm hôm đó, nhưng ngủ rất ít. Tâm trí tôi còn ở nơi khác. Đầu tiên, tôi nghĩ mình có thể tránh mặt Sara trong vài ngày với hy

vọng chuyện đó sẽ qua, không để lại gì ngoài một kỷ niệm ngọt ngào. Tôi cố gắng dậy sớm hơn nửa tiếng sáng hôm sau, nhưng cô ấy vẫn đứng đó đợi sẵn. Tôi nghĩ mình có thể giải thích với Sara rằng chúng tôi không thể tiếp tục hẹn hò, nhưng ngược lại chuyện đó vẫn diễn ra. Trong suốt hành trình đó, tôi nhận ra rằng nàng là tình yêu lớn của đời tôi, cả trong tâm hồn lẫn thể xác. Lần đầu tiên trong đời tôi không chỉ cảm thấy si mê và bị quyến rũ thể xác bởi một người đàn bà, mà còn cảm thấy chúng tôi có chung một định mệnh. Tình yêu của đời tôi ở ngay trước mặt tôi, sống trong cùng một tòa nhà. Hai ngày sau đó, tôi lại lên giường với Sara. Và từ đó tôi bắt đầu tiếc nuối trong cay đắng vì mình đã lập gia đình với người khác trước khi gặp nàng. Sara dĩ nhiên muốn tôi cưới cô ấy, nhưng cũng hiểu rằng tôi không dễ từ bỏ vợ con.”

“Và nếu làm thế, anh cũng sẽ mất một khoản tiền khá lớn, đúng không?”

Tôi đã chờ một cơn giận dữ bùng lên, nhưng thay vào đó anh ta chỉ cười nhếch mép và nhẹ nhàng lắc đầu.

“Nói chính xác là một khoản tiền rất lớn. Vợ tôi là con độc nhất và cha vợ tôi là một doanh nhân nhạy bén, đã tận dụng mọi cơ hội đến với mình trong và sau chiến tranh một cách hiệu quả. Nên tôi phải thừa nhận rằng suy nghĩ đó từng lướt qua trong đầu tôi. Những người nói rằng tiền không có ý nghĩa gì chẳng qua chưa từng lớn lên trong nghèo khó. Nhưng giờ tôi có một công việc được trả lương cao và viễn cảnh tài chính sáng sủa. Thế nên, thực ra tiền bạc không phải là một thứ quan trọng lắm trong trường hợp này. Theo cách nào đó, tài sản của cha Karen còn đơn giản hóa vấn đề. Cô ấy sẽ không bao giờ gặp khó khăn về tài chính, cho dù tôi làm gì đi nữa. Sara, mặt khác, sống dựa vào khoản vay dành cho sinh viên và nguồn tiền mà cha mẹ nuôi có thể chu cấp. Tôi đã nhận ra rằng nếu tôi bỏ Sara, ít nhất tôi phải cho cô ấy một khoản tiền coi được để giúp cô sống tiếp.”

Kristian Lund ngồi suy tư một lúc trước khi nói tiếp. Và tôi tự nhủ mình cũng chưa từng gặp một kẻ lãng mạn bất chấp đạo lý như thế này trước đây.

“Đó vừa là thiên đường vừa là địa ngục. Tôi có mọi thứ - tình yêu lớn của

đòi mình với Sara, và niềm hạnh phúc gia đình bên vợ con. Nhưng hàng ngày tôi bị giằng xé giữa họ và thường xuyên sống trong nỗi sợ bị phát hiện. Đó là một cuộc sống không thể chịu đựng nổi và không thể để như vậy được. Trong lúc này, tôi đơn giản chỉ gạt mọi vấn đề sang một bên. Nguy cơ lớn nhất là bị bà vợ ông gác đàn phát giác. Bà ta luôn ở đó, cảnh giác và khôn ngoan. Nhưng chúng tôi hiểu rõ nhau; bà nhắc tôi nhớ đến người mẹ quá cố. Cuộc sống này thật khó khăn và bà ấy lúc nào cũng cần tiền, giống như mẹ tôi. Thế nên chúng tôi đạt được một thỏa thuận: bà sẽ cung cấp cho tôi một chứng cứ ngoại phạm, nếu vợ tôi hay ai khác có tò mò. Dĩ nhiên, tôi không hề biết rằng người đến và đặt câu hỏi sẽ là cảnh sát.”

Cho đến lúc này, mọi việc đều phù hợp một cách hoàn hảo với những gì bà Randi đã kể tôi nghe, nhưng Kristian Lund vẫn còn phải trả lời một câu hỏi.

“Khác với nhận định ban đầu, bây giờ chúng tôi đã khẳng định rằng ông Harald Olesen bị giết sớm hơn trong buổi tối hôm đó. Tiếng súng nổ phát ra từ một cuộn băng cassette và ông Olesen bị giết trong khoảng từ 8 đến 10 giờ tối. Điều này liệu có phù hợp với chứng cứ ngoại phạm của anh không?”

Kristian Lund đảo mắt và ngẫm nghĩ một lúc.

“Tôi thú nhận tội ngoại tình và nói dối, nhưng hoàn toàn vô tội trong vụ sát hại ông hàng xóm. Tôi đoán trong chừng mực nào đó tôi vẫn còn chứng cứ ngoại phạm. Không chỉ bà Randi, cả Darrell Williams và Konrad Jensen đã thấy tôi về lúc 8 giờ và Sara có thể xác nhận tôi ở với cô ấy từ lúc đó cho đến 9 giờ tối. Tôi dám nói rằng tôi chỉ rời Sara và về nhà với vợ trong một hoặc hai phút trong khoảng thời gian đó. Nhưng chắc chắn rằng không thể có chuyện tôi vào nhà ông Harald Olesen, sát hại ông ấy và rời đi trong vài phút đó?”

Tôi gạt đầu một cách mông lung.

“Cũng khó thật. Nhưng tôi chắc anh cũng hiểu rõ rằng không có gì chắc chắn ở đây. Và chúng tôi không thể chỉ đơn giản dựa vào lời khai của hai người phụ nữ mà cả hai đều có động cơ trong việc giúp đỡ anh.”

Anh ta gật đầu công nhận.

“Tôi hiểu rõ điều đó và cũng biết rằng tôi tỏ ra không hoàn toàn đáng tin cậy. Lẽ ra tôi nên nói với anh về mẹ và Sara. Nhưng cho dù đã nói dối anh, cho dù tôi không tự hào về một vài việc mình đã làm trong đời, tôi cũng không bao giờ có thể giết một con người. Đối với vụ án mạng của ông Harald Olesen, lương tâm tôi trong sạch. Tôi cũng bị sốc và rối trí như những người khác khi nghe thấy tiếng súng. Thêm vào đó, chẳng phải tôi khó lòng có bất kỳ động cơ nào để giết hại ông ta hay sao?”

Tôi phải đồng ý với điều đó, nhưng câu hỏi của anh ta nhắc tôi nhớ một điều tôi gần như đã quên.

“Có vẻ là như vậy. Tuy nhiên, tôi phải yêu cầu anh và mọi người khác cho chúng tôi kiểm tra mọi tài khoản ngân hàng mà mình có.”

Kristian Lund nhảy dựng và lập tức tỏ ra cảnh giác hơn. Anh ta có vẻ giận dữ và khá hung hăng khi trả lời tôi.

“Tôi xin lỗi - tôi không hiểu tại sao việc này là cần thiết. Anh có thể tìm thấy điều gì trong tài khoản của tôi liên quan đến vụ án mạng này kia chứ?”

Tôi cảm thấy mình đang nóng dần lên. Tôi nhìn xoáy vào anh ta và xẵng giọng đáp: “Tôi e rằng chúng tôi không thể tiết lộ vì lí do kỹ thuật. Tôi chỉ có thể nói rằng chúng tôi đang kiểm tra theo quy trình các tài khoản của tất cả mọi cư dân trong tòa nhà.”

Trong vài giây Kristian Lund nhìn có vẻ rất bối rối. Sau đó anh ta lắc đầu khó chịu.

“Tôi phải nói rằng tôi cảm thấy việc này quá riêng tư. Và tôi còn có việc phải làm, nên tôi e rằng không thể trả lời thêm các câu hỏi của anh trong sáng nay. Tôi chỉ muốn nói rõ rằng tôi không biết gì về vụ án mạng của ông Harald Olesen. Và với vị trí dễ bị công kích như của tôi; đáng buồn thay anh không tin tôi. Tôi sẽ cân nhắc hoàn cảnh và thảo luận với vợ tôi; nhưng ngay lúc này tôi e rằng tôi không thể cho anh tiếp cận tài khoản ngân hàng của chúng tôi. Trong thời gian đó, anh có thể nghĩ ra bất kỳ điều gì anh thích để làm lí do cho chuyện này.”

Tôi thật sự không biết phải làm gì với cả Kristian Lund lẫn tài khoản của anh ta, nhưng tôi nhận ra mình không thể tiến xa hơn được, và hiện giờ tôi đã có quá đủ để tiếp tục điều tra. Thế nên tôi yêu cầu anh ta ở lại văn phòng trong vài tiếng đồng hồ tới, không gọi điện thoại cho bất kỳ ai ở số 25 phố Krebs trước khi đứng dậy đi về.

Cô gái trẻ Elise Remmen đang tươi cười đứng ngay ở ngoài cửa và tiễn tôi ra về một cách thành thực. Trong lúc theo cô đi xuyên qua cửa hàng, tôi tự hỏi liệu cô ấy biết rõ Kristian Lund đến mức nào. Anh ta dường như có một biệt tài rất được phát huy và đáng ghen tị trong việc giữ các cô gái quyến rũ quanh mình. Nhưng tôi quyết định chỉ trao đổi vài câu bông đùa về thể thao và trang phục thể thao với Elise Remmen, hơn là hỏi những câu phiền phức về ông chủ của cô. Điều đó hợp với cả hai chúng tôi lúc này. Cô nàng nói líu lo, vui vẻ như con chim chiến chiến và nói rằng tôi luôn được chào đón mỗi khi có cơ hội quay lại đây. Nếu không phải vì tôi đang chỉ nghĩ đến cuộc điều tra, có lẽ tôi đã chớp lấy cơ hội.

Ngoại trừ việc anh ta thoái thác cho xem tài khoản ngân hàng của mình, tôi thấy lời khai lại của Kristian Lund tương đối đáng tin. Mọi việc còn lại là xác minh xem những người hàng xóm khác ở số 25 phố Krebs, đặc biệt là cô Sara Sundqvist trẻ trung, có gì để bổ sung vào lời khai trước đây của họ.



Khi quay lại số 25 phố Krebs, tôi ghé nhanh vào căn hộ nhà Lund trước. Karen Lund đang ở nhà với cậu con trai nhỏ và họ đang trong tâm trạng rất tuyệt vời. Chị ta há hốc miệng lắng nghe câu chuyện về bí mật dàn âm thanh trong khi cậu nhóc rõ ràng ít ấn tượng hơn và bi bô một cách vui vẻ. Có thể nhanh chóng nhận định rằng, căn cứ theo tình huống, về mặt kỹ thuật thì Karen Lund có thể gây án mạng trước khi anh chồng về lúc 9 giờ. Tuy nhiên, chị ta đảm bảo với tôi rằng mình không có khả năng sát hại ai, và nếu có ý

định gây án, chị ta phải chắc chắn mình có một cô giữ trẻ trước đã.

Không có gì nhiều ở đó, nên tôi không nán lại lâu hơn thời gian cần thiết. Tôi cảm thấy lúng túng khi đứng trước một Karen Lund vô lo, khi mà giờ đây tôi biết chồng chị ta không phải là người đàn ông chung thủy hết lòng vì gia đình mà chị ta tin tưởng. Khi chị ta theo tôi ra cửa, tôi khá khó xử khi Karen Lund hỏi liệu việc hiểu nhầm thời điểm chồng mình về nhà vào đêm xảy ra án mạng có được làm sáng tỏ chưa. Tôi cố tránh nói điều gì rõ ràng bằng cách trả lời rằng không còn mối nghi ngờ nào trong việc anh ta về nhà lúc 9 giờ tối hôm đó. Chị ta tỏ ra nhẹ nhõm và cười thật tươi. Tôi tự hỏi liệu Karen Lund có thực sự luôn đơn giản và vui vẻ như cách chị ta thể hiện, hay là có một góc khuất đáng sợ và nguy hiểm hơn.

Nhiều bi kịch hơn đang chờ sẵn tôi ở tầng một. Cô Sara Sundqvist vẫn có vẻ bị rúng động bởi vụ án và mỉm cười một cách ngập ngừng khi mở cửa cho tôi. Tuy nhiên, giờ đây khi điều tệ nhất của cơn sốc qua đi, cô đã mặc lại chiếc đầm màu đen, để mở nút trên cùng. Tôi lập tức hiểu ra những gì Kristian Lund đã cảm thấy khi tôi ngồi xuống bên cô ấy trên ghế sofa. Cô rất đẹp và hoàn toàn có thể trở nên vô cùng kêu gọi nếu muốn.

Có vẻ Kristian Lund đã giữ lời hứa và không gọi điện thoại cho bất kỳ ai. Đầu tiên, Sara Sundqvist bổ sung rất ít vào lời khai trước. Cô sững sốt thấy rõ khi nghe tôi nói về dàn âm thanh, nhưng rồi mỉm cười và khen ngợi tôi đã giải được bí ẩn của vụ án mạng. Sau đó cô thừa nhận rằng mình không có chứng cứ ngoại phạm do ở nhà suốt từ 4 giờ rưỡi cho đến sau khi cái xác được tìm thấy. Và cô không nhìn thấy hay nghe thấy động tĩnh gì khả nghi ngoài hành lang.

Đáng buồn thay, cô không thể cho tôi biết nhiều hơn về cha mẹ mình. Cha mẹ nuôi của cô đã được nghe kể rằng họ là một cặp vợ chồng trẻ người Do thái, đến từ Litva, và không có đứa con nào khác. Cha mẹ cô được ghi nhận là đã chết năm 1944, ngoài ra không có thông tin gì khác. Cô được biết cha mẹ mình tên Felix và Anna Marie Rozenthal, lần lượt sinh năm 1916 và 1918. Tên khai sinh của cô là Sara Rozenthal, sinh năm 1943. Cha mẹ nuôi

cô không được cung cấp thêm chi tiết gì khác, kể cả về cái chết của cha mẹ ruột lẫn bằng cách nào cô đến được một văn phòng nhận con nuôi tại Gothenburg vào năm 1944. Sara đã thắc mắc nhiều về chuyện đó hồi còn nhỏ. Sau khi tròn hai mươi một tuổi, cô cố gắng tìm hiểu nhiều hơn, nhưng không thành công. Người ta nói với cô là không có thêm thông tin nào được ghi nhận ở bất kỳ đâu, và theo những gì người ta biết, cha mẹ cô chưa từng được đăng ký lưu trú tại Thụy Điển. Cô đã từ từ học cách chấp nhận những điểm không rõ ràng liên quan tới cha mẹ ruột, cố sống cuộc sống riêng của mình và xem cha mẹ nuôi như cha mẹ duy nhất.

Đôi mắt cô hướng về cửa sổ trong khi nói chuyện.

‘Nhưng chừng nào mà tôi chưa biết chuyện gì đã xảy ra hoặc có một năm mô để đi viếng, tôi vẫn có thể nuôi giấc mơ hão huyền rằng họ vẫn còn sống, ở nơi nào đó’, cô khe khẽ nói thêm.

Khi tôi đề cập đến tài khoản ngân hàng, đầu tiên cô ngáp ngừng, rồi nhíu mày hỏi tại sao tôi cần phải xem nó. Cô đáp khá nhanh sau khi tôi từ chối trả lời câu hỏi của cô vì lí do liên quan đến cuộc điều tra. Khá miễn cưỡng, cô đưa tôi một quyển sổ ngân hàng Thụy Điển cho thấy số dư là 55.623 kron. Tôi bình luận rằng số tiền này không thể nào là tài sản của một sinh viên chưa có thu nhập. Sara cho tôi biết cô thừa kế một ít tiền từ ông nội nuôi, và sau đó nhận học bổng sinh viên cho nguyên năm học vào tháng 3, tổng cộng là 50.000. Điều này có vẻ hợp lý, và căn cứ trên việc cô ấy đã đưa ngay ra quyển sổ ngân hàng, tôi quyết định chấp nhận lời giải thích trong lúc này.

‘Tuy nhiên, thật không may, chúng ta cần phải nói về mối quan hệ thân mật giữa cô và một trong số những người hàng xóm’, tôi nói với giọng sắc lẹm.

Sara tái xanh mặt và cứng người trong vài giây, sau đó cô hỏi làm thế nào tôi phát hiện ra việc đó. Tôi trả lời với tất cả sự chân thành rằng đó là nhờ khéo léo phân tích các dữ kiện đã biết. Tôi nói thêm rằng Kristian Lund đã phải thừa nhận mối quan hệ, nhưng không có lí do gì tôi phải cho vợ anh ta biết - với điều kiện là bây giờ cô phải cung cấp cho tôi một lời giải thích đầy

đủ và chân thật. Sara thở phào nhẹ nhõm và sắc mặt hồng hào lại đôi chút.

‘Về nhiều mặt, thật tốt là anh đã biết chuyện đó. Tôi đã vô cùng áy náy vì đã nói dối anh quá nhiều về nó’, Sara nói, đoạn nhích lại gần tôi một chút trên ghế sofa. Cô trầm ngâm vài phút. Tôi để cô thoải mái và không thúc ép gì. Tôi dần nhận ra cô là một phụ nữ trẻ không thích đưa ra các quyết định quan trọng trước khi suy nghĩ kỹ càng.’

‘Tôi mong anh sẽ tử tế và đừng phán xét tôi một cách cay nghiệt. Tôi đã suy nghĩ rất nhiều về vợ con anh ấy, và thật sự cảm thấy tội cho họ’, cô thú nhận.

Cô ta lại im lặng.

“Nhưng...” tôi bắt đầu, sau khi chờ một chút.

“Nhưng tôi có thể sống với điều đó. Xét cho cùng, chị ấy gần như có tất cả: cha mẹ, một đứa con, tiền bạc, và không phải lo lắng gì về quá khứ lẫn tương lai. Tôi xứng đáng với Kristian hơn chị ấy. Kristian và tôi đều phải nỗ lực phấn đấu từ một khởi đầu khó khăn trong cuộc sống. Và chị ấy có lẽ sẽ hài lòng với bất kỳ người đàn ông điển trai và giàu có nào, trong khi tôi chỉ có thể hạnh phúc với anh ấy.”

Tôi phải kìm lại mong muốn hỏi lí do tại sao cô yêu Kristian Lund đến vậy. Cô tự thổ lộ với tôi: “Nó diễn ra ngoài dự tính. Mọi việc bắt đầu với một chút tán tỉnh, tôi gặp khá nhiều lần tuy chẳng đi đến đâu. Nhưng lần này thì khác. Sự tán tỉnh vượt khỏi tầm kiểm soát theo một cách thức tuyệt vời mà tôi chưa từng biết trước đây. Đột nhiên, chúng tôi ở đó, trong một buổi chiều vợ anh vắng nhà, mà tôi cũng không kịp nhận ra chuyện gì đang xảy ra. Nhưng tôi đã nhận phần trách nhiệm của mình, cũng giống như anh ấy. Tôi xấu hổ khi phải nói rằng tôi không hề hối tiếc một chút nào, thậm chí còn mong rằng chuyện giữa chúng tôi sẽ tiếp tục và Kristian sẽ bỏ vợ. Nó giống như trò tàu lượn siêu tốc, với những đoạn lên cao và xuống thấp. Tôi đi ngủ hàng đêm trong hy vọng rằng sáng hôm sau Kristian sẽ nói anh sắp bỏ vợ, và thức dậy mỗi sáng với nỗi sợ rằng anh ấy sẽ nói anh ở lại với chị ta. Mỗi khi chuông cửa hoặc chuông điện thoại reng, tôi nhảy dựng và tưởng

tượng rằng đó là vợ anh, rằng địa ngục sắp mở ra đến nơi. Tôi nhận ra cũng không dễ cho anh ấy, do con trai anh còn quá nhỏ. Nhưng trong tình yêu hay chiến tranh, mọi thứ đều công bằng, và đây là tình yêu lớn của đời tôi. Vậy nên tôi hy vọng và vẫn tin rằng anh ấy sẽ chọn tôi. Trong lúc chờ đợi, tôi gần như không thể nghĩ đến bất kỳ điều gì khác, cả ban ngày lẫn ban đêm. Vào đêm trước khi xảy ra vụ án mạng, tôi đã nghĩ mọi chuyện không thể tiếp tục như vậy, và từ đó trở đi cũng chưa có gì dễ dàng hơn.”

Tôi gật đầu đồng tình. Bất luận người ta nghĩ thế nào về cơ sở đạo đức của chuyện này, nó cũng rất phù hợp với lời khai của Kristian Lund.

“Cô có thể giải thích cho tôi điều gì ở anh ta mà cô yêu đến thế?”

Công bằng mà nói, câu hỏi không hoàn toàn liên quan đến vụ án mạng, nhưng tôi ngày càng tò mò về hiện tượng Kristian Lund và vẫn đang nỗ lực để tìm hiểu về những người có liên quan đến vụ án. Sara Sundqvist giờ đây đã hoàn toàn mở lòng, cô nhiệt tình nói tiếp.

“Anh ấy có đầy đủ mọi yếu tố mà tôi từng mơ ước đối với một người đàn ông. Khía cạnh thể chất là rất rõ ràng. Tôi luôn luôn bị thu hút bởi những người đàn ông tóc vàng cao như tôi, anh ấy lại đúng mẫu người đó và rất lịch lãm. Lần đầu gặp Kristian, tôi đã nghĩ anh ấy là người đàn ông điển trai nhất mà tôi từng gặp. Nhưng tôi sẽ không ngã vào anh ấy, nếu Kristian không chứng minh rằng mình cũng là người đàn ông tử tế nhất quả đất. Anh ấy thông minh, chăm chỉ làm việc và tốt bụng. Việc anh ấy đã có vợ và con trai về mặt nào đó còn khiến anh càng trở nên đáng tin cậy và có thể dựa nhờ. Tôi nghĩ Kristian là người đầu tiên hiểu tôi thật sự. Dĩ nhiên, chúng tôi rất khác nhau về nhiều mặt, nhưng chúng tôi hiểu nhau rất rõ. Có thể do chúng tôi có cùng hoàn cảnh xuất thân trong chiến tranh, tôi nghĩ vậy. Anh ấy không có cha, còn tôi mồ côi cả cha lẫn mẹ.”

Tôi hiểu điều cô muốn nói. Tôi thực lòng thấy thương cảm cả cô nhân tình lẫn người vợ vì cách họ sống, cận kề nhau trên tầng một của tòa nhà số 25 phố Krebs. Người vợ hình như có rất ít kẻ ngưỡng mộ ngoài cậu con trai của chị ta. Người mà tôi sắp gặp tiếp theo có lẽ cũng giống như thế.

Trong khi đi xuống cầu thang, tôi tự hỏi liệu có bao giờ cô Sara Sundqvist bí ẩn hơn bao giờ kia đã nhận ra rằng tôi cũng là một người đàn ông tóc vàng, vạm vỡ và cao bằng cô ấy.



Tính từ lúc tôi bấm chuông căn hộ 1B đến khi cửa mở phải mất gần chín mươi giây. Và tôi nhanh chóng hiểu ra tại sao. Nếu ông cựu thành viên đảng NS Konrad Jensen có tâm trạng vỡ mộng và buồn rầu trong lần đầu gặp mặt, thì lúc này ông ta tỏ ra sợ hãi, thậm chí hốt hoảng. Đầu tiên, ông chỉ mở hé cánh cửa để hỏi xem người đứng ngoài là ai. Sau khi nghe giọng nói của tôi, cả phút sau đôi mắt đầy hoảng sợ của ông mới xuất hiện. Ông vội vàng đóng cửa lại sau lưng tôi và gài dây xích an toàn, trước khi theo tôi vào phòng khách. Tại đó, ông nặng nề buông mình xuống ghế sofa và vùi mặt vào hai bàn tay.

“Anh có thấy Petter không?” Ông đột ngột hỏi với giọng nghèn nghẹn.

Tôi lắc đầu, không hiểu ông đang muốn nói gì. Konrad Jensen ngược mặt lên, nhưng nhìn chăm chăm vào khoảng không trước khi nói tiếp.

“Chiếc xe đậu cách hai con phố, phía bên phải. Bà vợ ông gác đàn nói với tôi đêm qua có người đã viết ‘Kẻ sát nhân Phát xít’ khắp nơi trên đó. Và sáng nay...”

Giọng ông lạc đi, và ông cần một phút để trấn tĩnh.

“Sáng nay, bà ấy đến và nói với tôi ai đó đã đập chiếc xe bằng búa tạ! Tất cả cửa sổ đều vỡ tan tành và thân xe bẹp móp méo. Petter vậy là hết. Sẽ tốn nhiều tiền để sửa chữa ông bạn già đó hơn là mua một chiếc xe mới. Tôi nay anh đến mà xem Petter, nếu anh nghĩ rằng mình có thể tìm được điều gì đó, bởi vì ngay khi người của bên bảo hiểm đến đây, chiếc xe sẽ được đưa đến bãi phế liệu. Tôi không thể chịu được khi thấy Petter như thế.”

Nước mắt tuôn trào trên gương mặt Konrad Jensen. Dường như sự tổn

thất mà chiếc xe của ông gặp phải là cú sốc nặng hơn nhiều so với cái chết của ông Harald Olesen.

“Tôi biết thật kỳ quái khi một người đàn ông trưởng thành khóc than chiếc xe của mình nhưng Petter là người duy nhất tôi có thể tin tưởng, nếu anh hiểu ý tôi muốn nói gì. Khi Petter được đưa đến bãi phế liệu, tôi sẽ không còn người bạn nào hết. Tôi sẽ chờ cho tất cả chuyện này trôi qua trước khi mua chiếc xe mới, nếu không thì việc tương tự cũng sẽ diễn ra lần nữa. Và tôi không dám đi ra ngoài lúc này. Tôi đã đi chợ ở Co-op suốt hai mươi năm qua, nhưng thứ Bảy vừa rồi, bà Randi đến bảo tôi họ không muốn thấy tôi ở cửa hàng nữa. Nhiều khách hàng đã đe dọa đi mua ở chỗ khác nếu còn thấy tôi đến đó. Cuộc sống của tôi đã sụp đổ ngay khi tôi vừa mới xoay sở để kiểm soát nó được một chút.”

Tôi hứa sẽ đến xem xét chiếc xe trước khi về và yêu cầu một cảnh sát điều tra hành vi phá hoại này. Ông Konrad Jensen gật đầu cam chịu, giọng ông đã bình tĩnh hơn một chút khi nói tiếp.

“Cảm ơn anh. Tôi chỉ hy vọng rằng anh tìm thấy kẻ sát nhân trước khi một cựu binh Kháng chiến hoặc vài gã choai choai tìm thấy tôi, hoặc chỉ đơn giản là trước khi cuộc sống ở đây trở nên không thể chịu đựng nổi!”

Tôi cố trấn tĩnh ông và nói rằng chắc chắn ông không có lí do gì để lo sợ cho cuộc sống và tính mạng của mình. Đến đây thì Konrad Jensen rướn người đứng lên khỏi ghế sofa. Ông lê chân vào bếp và quay ra với một nắm thư.

“Này anh, tôi chưa từng nhận một lá thư riêng nào kể từ tám thiệp sinh nhật chị gái tôi gửi hồi tôi tròn năm mươi tuổi, nhưng hôm qua, tôi đột nhiên nhận được bảy lá, và nội dung của chúng không dễ chịu chút nào.”

Ông ta nói đúng. Những lá thư đọc rất khó chịu. Những người viết bảy lá thư này đều nặc danh, không ký tên, nhưng đều phán như đinh đóng cột rằng Konrad Jensen đã sát hại ông Harald Olesen. Bốn trong số đó có tính chất quấy nhiễu, ba cái còn lại thì dọa giết chết. Sau khi xem chúng, không khó để hiểu tại sao ông Konrad Jensen không dám lộ mặt ra đường nữa.

Tôi lập tức đề nghị cử một cảnh sát gác tại cửa vào, nếu điều đó giúp ông cảm thấy an toàn hơn. Đề nghị của tôi gây ra một khoảnh khắc xúc động bất ngờ. Ông Konrad Jensen bắt đầu khóc khi bắt tay tôi.

“Cảm ơn anh rất nhiều. Tôi chưa bao giờ nghĩ sẽ được nghe một người cảnh sát đề nghị bảo vệ Konrad Jensen, hoặc ngụ ý là cuộc sống của Konrad Jensen đáng giá một chút gì đó. Nhưng mọi việc là như thế rồi. Tôi sẽ không ra khỏi nhà và sẽ rất cẩn thận khi cho ai đó vào nhà. Nếu số tôi đã hết, nó sẽ hết, cho dù có hay không có một anh cảnh sát đứng gác trước cửa. Tuy vậy, thật không dễ chịu cho lắm. Tôi luôn nghĩ rằng tôi và Petter sẽ đi cùng nhau, nên giờ khi anh bạn đó đã ra đi rồi, tôi cảm thấy mình cũng đang đến gần cái chết.”

Tôi cảm thấy một sự thôi thúc không thể cưỡng lại buộc mình phải làm ông ta vui lên một chút - và tiếp tục công việc điều tra. Vậy nên tôi tận dụng cơ hội để kể cho ông ta nghe bước đột phá của chúng tôi trong cuộc điều tra và bí ẩn xung quanh dàn âm thanh. Konrad Jensen khen ngợi tôi, nhưng cảm thấy không yên tâm khi một tên sát thủ ma mãnh như vậy vẫn còn tự do. Ông lặp lại ba lần rằng chắc chắn không phải ông đã làm chuyện đó, nhưng thừa nhận việc điều chỉnh thời gian án mạng có nghĩa là bản thân ông cũng không có chứng cứ ngoại phạm.

Trước câu hỏi của tôi về tài khoản ngân hàng của mình, Konrad Jensen trả lời với nụ cười xấu hổ thoáng qua rằng mình không có gì để giấu diếm. Ông đã thừa kế hơn 2.000 kron từ cha mẹ mình và đã chắt chiu tiết kiệm phần còn lại từ thu nhập trung bình khoảng 1.000 kron mỗi năm của mình. Quyền sở hữu tiết kiệm bưu điện của ông cho thấy số dư 12.162 kron.

‘Theo tình hình vật giá leo thang thế này, phần lớn số tiền đó sẽ tiêu vào chiếc xe mới. Và như vậy giấc mơ được xem bóng đá trên tivi của tôi cũng tan biến’, ông nói thêm với một tiếng thở dài nặng nhọc.

Câu hỏi của tôi xoay quanh việc ông đang làm gì ở ngoài hành lang khi gặp Darrell Williams vào buổi tối xảy ra án mạng hóa ra lại phức tạp. Konrad Jensen mím chặt môi trước khi trả lời.

“Chẳng có gì. Tôi chỉ bước ra hành lang vì nhìn thấy qua cửa sổ anh chàng người Mỹ đang vào nhà, và hy vọng nếu tôi ở đó, anh ta sẽ dừng lại một chút để tám chuyện về bóng đá. Có thể ngớ ngẩn, nhưng sự thật là vậy.”

Và tôi tin ông. Dù cho Konrad Jensen là hình ảnh tồi tàn của một con người, nhưng ông ta thành thật - ít nhất tôi có thể nói như vậy cho đến thời điểm này.

Thế rồi đột nhiên ông ta trở nên rụt rè và ngập ngừng đôi lần trước khi nói ra điều mà tôi không hề nghĩ đến.

“Khi anh hỏi liệu tôi có từng gặp ông Harald Olesen trước hoặc trong chiến tranh... có lẽ tôi đã trả lời không chính xác.”

Tôi nhìn Konrad Jensen với ánh mắt nghiêm khắc. Ông ta giơ tay như thể tự vệ.

“Đó không phải hoàn toàn là lỗi của tôi. Tôi nghĩ anh sẽ không tin nếu tôi nói cho anh biết chuyện mà tôi đã thấy, và chuyện đó khó có thể chắc chắn được. Điều này nghe thì có vẻ lạ lùng, nhưng tôi nghĩ anh sẽ chỉ cười mà thôi.”

Tôi đã bắt đầu quen với việc ông Konrad Jensen suy nghĩ hay nói gì cũng đều chậm rãi và vụng về, nhưng một lần nữa ông đi thẳng vào vấn đề mà không đờn nhắc.

“Tôi từng nói mình chưa từng gặp ông Harald Olesen trong chiến tranh, điều đó là sự thật, nhưng tôi nghĩ đã gặp ông ấy một lần ngay trước chiến tranh. Và nếu quả như thế, thì đó là một cuộc họp toàn thể của Đảng NS, chứ không phải là một nơi nào khác.”

Lần này việc ông ấy ngừng để suy nghĩ quả là một thử thách cho sự kiên nhẫn của tôi. Konrad hoàn toàn đúng: việc này có vẻ thật kỳ quặc.

“Nói cho chính xác, đó là phía bên ngoài nơi họp của NS. Có một cuộc họp của Đảng ở Asker vào mùa hè năm 1939, tại đó Quisling đã phát biểu, và tôi ở đó, luôn trung thành, anh thấy đấy. Một người phụ nữ tóc vàng quyen rũ lạ thường, lớn hơn tôi vài tuổi đang đứng trong hàng trước tôi, một mình. Nên dĩ nhiên tôi tìm cách tiến lên ngồi xuống bên cạnh cô ấy. Tôi có

bắt chuyện với cô ấy trước khi bài diễn văn bắt đầu, nhưng chỉ nhận được những câu trả lời cụt ngủn và thờ ơ. Tôi thừa hiểu tâm trí cô đang ở nơi khác và nói thực lòng, tôi chẳng phải loại người hấp dẫn cho lắm. Dù sao, tôi cũng tò tò theo sau cô ấy, với hy vọng rằng chúng tôi có thể bắt cùng chiếc xe buýt. Nhưng dĩ nhiên tôi không có cơ hội đó. Một người đàn ông có vẻ lớn tuổi hơn, đi một chiếc xe hơi sang trọng đã đón cô ấy đi. Tôi nhớ đã nghĩ trong ghen tỵ rằng có ai đó lại có tất cả mọi thứ tôi muốn trong đời: một chiếc xe to, chạy nhanh và một người phụ nữ tóc vàng. Tôi chỉ thấy ông ấy thoáng qua cửa sổ. Nhưng khi nhìn vào bức ảnh của ông Harald Olesen trên tạp chí sau chiến tranh, tôi lập tức nhận ra, chúa ơi, đó chính là người đã đón cô gái tóc vàng xinh đẹp đó sau cuộc họp của Đảng NS. Và tôi có cùng suy nghĩ đó vài năm sau khi tôi gặp ông ta lần đầu tại đây, ngay trên cầu thang.”

Tôi lắng nghe câu chuyện khó tin này với sự hoang mang mỗi lúc một lớn. Konrad Jensen nhún vai khi nói xong.

“Tôi đã nói là kỳ lạ rồi mà, và trong nhiều năm tôi đã không muốn tin chuyện đó. Tôi chưa bao giờ đề cập việc này với bất kỳ ai cho đến bây giờ. Nhưng cho dù nó có vẻ lạ lùng đến thế nào, tôi cũng gần như chắc chắn người ngồi sau tay lái chính là ông Harald Olesen. Khi anh xuất hiện và hỏi liệu tôi có từng gặp ông ta trước đây hay chưa, tôi nghĩ mình nên cho anh biết chuyện.”

Tôi gật đầu đồng tình.

“Ông đã hoàn toàn đúng khi đề cập việc này, tôi sẽ xem xét nó một cách nghiêm túc. Nhưng hiện tại thì gần như không thể chứng minh hay phản bác điều gì, trừ khi ông có tên của người phụ nữ đó.”

Ông ta chậm chạp lắc đầu.

“Tiếc là tôi không biết tên cô ấy. Tôi không bao giờ gặp lại cô ấy lần nữa, dù trước hay sau này, nếu không chắc chắn tôi đã nhớ. Tôi biết gần hết những thành viên trẻ của Đảng NS ở Oslo: hồi đó chúng tôi cũng không đông lắm.”

“Thế ông có nhớ gì về chiếc xe hay không?”

Gương mặt ông Konrad Jensen sáng lên một lúc.

“Có chứ, tôi biết mọi loại xe, kể cả hồi đó. Đó là một chiếc xe Volvo màu đen, đồ sộ và còn khá mới. Tôi khá chắc chắn đó là model năm 1932 hoặc 1933. Giấc mơ lớn nhất đời tôi là lúc nào đó có thể mua được chiếc xe giống như thế.”

Khi tôi sắp ra về, ông nói thêm: “Tôi nghĩ anh có thể gạch tên bà vợ ông gác dan và anh què. Và thêm cả tôi nữa. Không nhiều người còn lại nếu tên sát nhân sống trong tòa nhà. Tôi đặt cược vào cô ả Do Thái và tay người Mỹ - mặc dù tôi thích nói chuyện với anh ta về bóng đá. Nhưng dĩ nhiên chuyện này không dễ dàng chút nào, anh đang có một công việc khó khăn trước mắt.”

Tôi hoàn toàn đồng ý với về sau, nhưng với về đầu thì không hẳn. Tôi không còn kể tình nghi chính rõ ràng nào nữa, và Konrad Jensen có vẻ đã tụt hạng trong danh sách nghi phạm.



Darrell Williams đứng choán gần hết cửa ra vào căn hộ. Nụ cười của anh ta vẫn rộng mở và cái bắt tay vẫn vô lo như lần đầu chúng tôi gặp mặt. Nhưng ngay khi tôi bước qua ngưỡng cửa, tôi có cảm giác cuộc gặp này sẽ rầy rà hơn. Tôi đã ghi ra vài câu hỏi quan trọng mà tôi đề rằng sẽ là một bài kiểm tra mang tính quyết định đối với các kỹ năng ngoại giao của tay người Mỹ này.

Câu chuyện về cái dàn âm thanh dường như ít gây ấn tượng với anh ta hơn so với những người hàng xóm khác. Anh ta khen ngợi tôi đã lật tẩy được một kế hoạch xảo quyệt, nhưng nói thêm rằng mình đã từng nghe một số vụ việc phức tạp như vậy ở Mỹ. Rõ ràng ngoài việc thiếu động cơ và vũ khí gây án, anh ta phải thừa nhận với nụ cười đầu dụi rằng giờ đây mình cũng là một đối tượng tình nghi. Như bà Randi đã ghi lại, anh ta về nhà khoảng 8 giờ,

đọc sách một mình trong căn hộ đến khoảng 10 giờ kém 5 phút và ra ngoài dạo bộ một chút trên những con phố yên ắng của Oslo. Khi quay về, anh ta đã dừng lại để bàn luận về kết quả bóng đá với ông Konrad Jensen. Anh ta không gặp ai khác ngoài ông Konrad Jensen tại hành lang tối hôm đó cho đến khi họ ở trước căn hộ khóa trái của ông Harald olesen và những người hàng xóm khác chạy tới.

Cho đến lúc này, cuộc đối thoại vẫn diễn ra một cách dễ chịu. Tuy nhiên, khi tôi hỏi tên cô bạn gái người Na Uy của anh ta từ năm 1945 đến năm 1948, gương mặt Darrell Williams đanh lại.

“Ồ, dĩ nhiên cô ấy có tên chứ”, anh ta nói không chút vui vẻ. “Nhưng tôi không hiểu liệu cô ấy có còn giữ nguyên tên họ hay không, và không có ý định tìm hiểu. Tôi không liên quan gì đến vụ án mạng này và không thể hiểu được người yêu của tôi từ thời chiến thì có can hệ gì với nó.”

Tôi đáp rằng dù sao cũng thuận lợi hơn cho tôi nếu được biết tên của người phụ nữ đó trước khi đưa ra bất kỳ kết luận nào. Anh ta trả lời cộc lốc rằng anh ta không muốn nói ra, ít nhất là tại đây và bây giờ.

Cuộc đối thoại sau đó càng tệ hơn. Sau câu hỏi về bạn gái, Darrell Williams trở nên phòng thủ hơn, thậm chí trước cả khi tôi hỏi về tài khoản ngân hàng của anh ta. Anh ta tin chắc đó là một câu hỏi thường quy mà chúng tôi hỏi tất cả mọi người và nhấn mạnh rằng bản thân không có gì để giấu. Tuy nhiên, anh ta thấy việc đó ‘rất bất tiện’ và, sau khi suy nghĩ một lúc, anh ta nói cần phải trao đổi với ngài đại sứ trước khi cho tôi xem sao kê tài khoản ngân hàng của mình. Ngoài ra, việc này có thể tạo nên một tiền lệ và khó lường trước được các hậu quả. Tôi cố gắng trả lời một cách dí dỏm nhất rằng sẽ khó có hậu quả đáng kể nào nếu những người Mỹ tại Oslo chỉ phải cho phép truy cập vào tài khoản ngân hàng của họ trong tình huống có một cựu binh kháng chiến Na Uy bị sát hại trong cùng tòa nhà. Nhưng giờ đây cuộc đối thoại của chúng tôi hoàn toàn không có chỗ cho óc hài hước, anh ta chỉ lắc đầu với một cái nhếch mép.

Tôi không hy vọng có đáp án cho các câu hỏi khác, nhưng dù sao vẫn đi

theo danh sách của mình đến cùng, như đã định. Đầu tiên, tôi hỏi liệu anh ta có biết về những hoạt động của tổ chức tình báo Mỹ được gọi là OSS ở Na Uy và các nước khác trong chiến tranh, tổ chức mà sau này trở thành một phần của cơ quan tình báo Mỹ mới mang tên CIA. Ánh mắt của Darrell Williams lập tức tối sầm lại. Anh ta ngồi thẳng người trên chiếc ghế bành và trả lời rằng với tư cách một nhà ngoại giao có đầy đủ quyền tiếp cận các thông tin mật, đương nhiên anh ta biết về các tổ chức tình báo và sự đóng góp của chúng cho cuộc chiến chống lại chủ nghĩa cộng sản. Tôi hỏi tiếp rằng liệu anh ta có can dự vào những hoạt động đó của các tổ chức này hay không. Câu trả lời với giọng đều đều bất biến lập tức được anh ta đưa ra, theo đúng hướng dẫn dành cho nhân viên Đại sứ quán, đối với những câu hỏi dạng này liên quan đến công việc của họ: “Không xác nhận cũng không phủ nhận.”

Tôi không rõ liệu Darrell Williams có liên quan đến án mạng theo cách nào đó hay không, nhưng giờ đây tôi thấy rõ anh ta ít thiện cảm hơn lần đầu gặp mặt. Anh ta ngồi trong chiếc ghế bành, cảnh giác suốt phần còn lại của cuộc đối thoại. Tôi nhận thấy rằng, bất chấp khổ người của mình, anh ta càng lúc càng ít khiến tôi nghĩ đến một con gấu, mà thay vào đó là một con hổ chuẩn bị vồ mồi. Khi tôi hỏi rằng có bình thường không khi đại sứ quán bố trí chỗ ở cho nhân viên trong các căn hộ tại Torshov, Darrell Williams trả lời rằng anh ta không nghe trường hợp nào khác. Nhưng anh ta không phải chuyên gia về chính sách chỗ ở của đại sứ quán, và chắc chắn họ có nhiều yếu tố phải cân nhắc. Anh ta đã được đề nghị chỗ ở này, và không phản đối gì vì thấy cả tiêu chuẩn lẫn vị trí đều chấp nhận được.

Vẫn còn hai câu hỏi cuối cùng và quan trọng nhất. Darrell Williams lúc này căng thẳng đến nỗi tôi chuẩn bị tinh thần chờ đợi anh ta nhảy dựng vào bất kỳ lúc nào. Để thận trọng, tôi nhích cái ghế xa một chút trước khi thả quả bom.

“Anh có từng giết ai chưa?”

Darrell Williams vẫn ngồi yên, nhưng đôi mắt anh ta chiếu vào tôi trong

vài giây. Tôi chắc hẳn anh sẽ từ chối trả lời, vin vào những luật lệ ngoại giao hay thứ gì khác. Nhưng sau khi suy nghĩ một lúc, anh ta đáp với sự điềm tĩnh đáng nể.

“Đây là một câu hỏi cá nhân không liên quan đến ai khác, nên tôi vui lòng trả lời. Là một người lính trẻ, tôi tình nguyện phục vụ ở một trong các mặt trận tiền tuyến khi chúng tôi tiến đến Paris mùa hè 1944, sau cuộc đổ bộ xuống Normandy. Tôi vẫn còn nhớ gương mặt hai người mà tôi đã giết. Một tên lính Đức trẻ da trắng, và người còn lại là một cô gái tóc đen người Pháp. Tôi sẽ không bao giờ quên gương mặt của họ, nhưng bây giờ tôi nhìn thấy họ ít thường xuyên hơn và có thể sống với hình ảnh đó. Họ đều có hình *chữ thập ngoặc* trên tay áo, và đã có cơ hội để đầu hàng. Chúng tôi đã chiến đấu phục vụ cho đất nước của mình, đặt sinh mệnh của mình trước làn đạn để giải phóng nước Pháp và những quốc gia bị chiếm đóng bởi tên độc tài phát xít đó. Tôi chưa bao giờ hối hận về việc tham gia chiến đấu.”

Anh ta ngồi im lặng một lúc trước khi tiếp tục.

“Họ là hai người mà tôi biết mặt. Chúng tôi từng có vô số cuộc đấu súng hỗn loạn khiến nhiều người chết, nên tôi không thể hứa không có thêm người khác. Nhưng đó là một thời điểm khác tại một đất nước khác, trong một cuộc chiến tranh đẫm máu nhất lịch sử. Tôi chưa từng giết ai sau chiến tranh, và tôi chưa bao giờ giết một người Na Uy.”

“Nhưng nếu để phục vụ tổ quốc của anh và vì một lý do chính đáng, liệu anh có giết ai đó tại Na Uy?”

Một lần nữa, Darrell Williams ngồi im, vẻ suy tư bao trùm gương mặt anh ta trước khi trả lời.

“Tôi hiểu sẽ khó mà tin được nếu tôi đáp không, vì tôi vẫn là một sĩ quan đang phục vụ cho đất nước mình. Nhưng tôi lặp lại rằng chưa bao giờ nhận những mệnh lệnh như thế sau chiến tranh, và tôi hoàn toàn không biết ai đã sát hại ông Harald Olesen.”

Anh ta nhìn thẳng vào tôi khi nói câu này và tôi sẵn sàng tin anh ta. Darrell Williams cũng nằm trong danh sách những người mà tôi không nghĩ

đã sát hại ông Harald Olesen, nhưng dù sao vẫn có thể làm việc đó. Danh sách này bắt đầu trở nên khá dài.

Darrell Williams theo tôi ra cửa và làm một cử chỉ hòa giải ngoài hành lang. Anh ta nói rằng tình huống này không dễ dàng với bất kỳ ai. Tôi đang chịu một sức ép ghê gớm sau vụ án mạng bí ẩn của một anh hùng nổi tiếng thời Kháng chiến, còn anh ta đang phục vụ trên lãnh thổ của một nước khác và phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình. Tuy nhiên, anh ta cũng sẵn lòng làm những gì trong khả năng để giúp tôi phá án. Nếu tôi cho anh ta vài ngày, anh ta sẽ xin ý kiến cấp trên và hy vọng có thể trả lời thêm các câu hỏi của tôi. Với giọng bông đùa, tôi hỏi rằng liệu ‘cấp trên’ có đồng nghĩa với ‘ngài đại sứ’. Darrell Williams vui vẻ đáp rằng ‘cấp trên’ của anh ta lúc này nghĩa là ‘cấp trên’. Chúng tôi bắt tay và gần như thân thiện trở lại. Dĩ nhiên anh ta nói đúng. Đây không phải là tình huống dễ dàng gì, đối với tôi hay bất kỳ ai khác trong tòa nhà. Nhưng giờ đã là 4 giờ chiều và tôi vẫn còn phải gặp một người nữa.



Andreas Gullestad đã về nhà vào chiều Chủ nhật như dự kiến. Anh ta tươi cười mở cửa cho tôi. Tôi tự hỏi liệu anh ta chỉ đơn giản như thế hay còn một gương mặt khác kém thân thiện hơn ẩn nấp đằng sau lớp mặt nạ vui vẻ này. Và tôi dự định kiểm chứng điều đó ngay bây giờ, khi vừa yên vị trong phòng khách với tách trà trong tay. Chúng tôi bắt đầu nói chuyện về chuyến đi của anh ta. Andreas Gullestad đã có một chuyến đi thoải mái về nơi in đậm dấu ấn tuổi thơ của mình và một lần nữa cảm ơn tôi vì đã cho phép anh ta đi.

Andreas Gullestad cũng bất ngờ trước sự nhanh nhạy của tôi và cả sự xảo quyệt của kẻ sát nhân khi tôi nói cho anh ta biết về bí mật của cái dàn âm thanh. Anh ta thừa nhận rằng ‘thật không may’ anh ta ở nhà một mình trong căn hộ từ 8 giờ đến 10 giờ 15 vào tối xảy ra án mạng, và căn cứ theo thời

điểm vụ án sau khi điều chỉnh, anh ta cũng không được gạch tên khỏi danh sách các đối tượng tình nghi. Anh ta cũng không có gì mới hoặc đáng chú ý để nói về hoạt động của những người hàng xóm ở ngoài hành lang.

Về tiền bạc, Andreas Gullestad trả lời không chút ngần ngại rằng mình không có gì để giấu. Anh ta rút ra hai quyển sổ ngân hàng và một tờ giấy hoàn thuế từ ngân bản, xác nhận khối tài sản 800.000 kron. Anh ta cho tôi biết mình được thừa kế từ cha mẹ. Họ để lại cho anh ta cả tiền bạc lẫn đất rừng, thứ mà sau này anh ta bán rất được giá. Phần lớn số tiền giờ đang nằm an toàn trong tài khoản, và phần còn lại được đầu tư vào chứng khoán. Anh ta đã dành kha khá thời gian để đầu tư, và cổ tức thu được nhiều đến nỗi anh ta chưa từng phải dùng đến tiền lãi ngân hàng để trang trải cuộc sống. Căn hộ thì đã được mua và các khoản chi tiêu hàng ngày không mấy cao.

Khi tôi đề cập tới tên của anh ta, Andreas Gullestad lập tức giơ hai tay lên. Sau cuộc gặp lần trước, anh ta nhận ra mình nên nói với tôi về việc này, nhưng đã không gọi điện thoại vì nghĩ là nó không mấy quan trọng đối với cuộc điều tra. Việc đổi tên từ Ivar Storskog thành Andreas Gullestad gắn liền với chuyện giờ đây anh ta là người tàn tật. Anh ta cho tôi biết bốn năm về trước mình đã ‘bất cẩn một cách đáng tiếc’ khi bước xuống vạch sang đường và bị một tài xế trẻ đâm phải. Vụ tai nạn không đe dọa đến tính mạng, nhưng do tổn thương cột sống, anh ta phải ngồi xe lăn. Anh ta đã an phận với định mệnh của mình nhưng muốn cắt đứt với quá khứ. Do có đủ tiền, anh ta may mắn không cần phụ thuộc vào khoản trợ cấp tàn tật của chính phủ. Đó là thời điểm thích hợp để đổi tên và anh ta đã lấy họ thời con gái của mẹ mình, Gullestad. Tên thánh đầy đủ của anh ta là Ivar Andreas, nhưng thường được mẹ và chị gọi là Andreas, nên việc đổi tên của anh không quá triệt để.

Khi tôi hỏi về các tài liệu chứng thực thương tật, Andreas Gullestad chỉ ngay không ngần ngại vào một ngăn kéo chứa vài bài báo liên quan tới vụ tai nạn. Và đúng thật. Một số tờ báo quốc gia có đăng đoạn tin về tai nạn liên quan đến Ivar Storskog, và sau đó anh ta đã trả lời phỏng vấn trên một tờ báo về tình trạng tàn tật của mình. ‘Nếu anh bỏ qua chữ ký hơi khó đọc của vị

bác sĩ thì có một xác nhận của bác sĩ ở dưới chõng báo đó’, anh ta nói. Và đúng là như vậy. Tôi xin lỗi vì đã buộc phải hỏi, và anh ta quả quyết mình hoàn toàn thông cảm, do bản chất ghê rợn của vụ án.

Những câu hỏi liên quan đến tình hình tài chính và thương tật dường như không hề ảnh hưởng đến sự hài hước và thân thiện của Andreas Gullestad. Tuy nhiên, chúng biến sạch khỏi gương mặt anh ta ngay khi tôi hỏi về nguyên do cái chết của bố anh ta.

‘Tôi hy vọng anh hiểu rằng đây vẫn là một câu chuyện đau lòng với tôi và tôi không muốn đi sâu vào chi tiết’, anh ta nói với giọng khá dè dặt.

Chúng tôi nhấp từng ngụm trà trong im lặng; sau đó anh ta chồm người tới trước và bắt đầu kể.

“Cha tôi, như anh có lẽ đã biết, là một người rất giàu có và là một trụ cột đáng kính của cộng đồng, danh tiếng vượt qua giới hạn của xứ đạo. Tôi là con trai duy nhất và là con người trong mắt ông. Không thể có người cha nào tốt hơn thế, và ông cũng là thần tượng lớn nhất của tôi suốt thời thơ ấu. Những năm 1930 thật khó khăn, ngay cả ở Oppland, nhưng tôi chưa từng thấy ai rời nông trại của cha mà tay trắng, cho dù họ có cần bố thí hay không. Hồi tưởng lại, những năm tháng tuổi thơ đó là giai đoạn hạnh phúc nhất đời tôi.”

Anh ta đột nhiên nhìn xuống bàn và mím chặt môi một lúc trước khi tiếp tục.

“Một ngày nọ khi tôi mười hai tuổi, chiến tranh nổ ra. Cha tôi chiến đấu cho nhà vua và chính phủ từ tháng 4 năm 1940. Ông lập tức giữ một vị trí lãnh đạo trong phong trào Kháng chiến tại địa phương, sau khi đất nước bị chiếm đóng. Ngày 12 tháng 1 năm 1941, vào sinh nhật mười ba tuổi của tôi, chính ngày hôm đó, năm tên lính Đức đã kéo đến bắt ông. Đó là cú sốc kinh khủng cho tất cả chúng tôi nhưng có lẽ tồi tệ nhất đối với tôi, vốn là đứa nhỏ nhất và ngưỡng mộ cha mình hơn bất kỳ điều gì trên thế giới này. Việc này có vẻ lạ lùng, nhưng điều làm tôi nhớ nhất trong vụ bắt giữ đó là một người lính Đức trẻ tuổi. Anh ta chỉ lớn hơn tôi năm hoặc sáu tuổi và dường như

cũng không thích tình cảnh đó, giống như tôi vậy. Anh ta thì thầm với tôi rằng mọi việc hy vọng sẽ được thu xếp và cha tôi sẽ sớm về nhà. Nhưng chuyện đó đã không xảy ra. Đó là lần cuối tôi nhìn thấy cha, khi ông bị đám lính bắt đi. Ông bị bắn chết sau đó một tuần. Tôi mất đi sự hồn nhiên trẻ thơ và phần lớn niềm tin đối với con người vào ngày quân Đức bắn cha tôi.”

Andreas Gullestad dừng lại và chìm đắm trong những suy nghĩ của mình. Sau đó anh ta tiếp tục mạch kể chuyện.

“Việc mất cha trong thời chiến có lẽ ít bi kịch cho tôi hơn so với nhiều người khác. Dù sao thì, ông đã để lại cho chúng tôi tiền, một cánh rừng và đất đai, nên chúng tôi không phải sống trong gian khó. Những người địa phương đã rất tương trợ và đáng mến. Chỉ vài tháng sau khi giải phóng năm 1945, tôi đã được khánh thành một bức tượng để tưởng nhớ cha tôi. Nhưng anh hãy tin tôi, trưởng thành với tư cách là con của một tượng đài là một điều không dễ dàng. Dường như tôi chưa bao giờ thực sự vượt qua cú sốc đó. Cha tôi là một người vĩ đại, rất đáng tin cậy và vững chãi - tôi chưa từng nghĩ rằng tôi có thể mất ông. Tôi học tốt ở trường và qua được các kỳ thi tốt nghiệp, nhưng sau đó tôi chưa bao giờ quyết định được công việc mà mình muốn làm. Tôi loay hoay một mình và cố hình dung xem cha muốn tôi chọn hướng đi nào. Và rồi còn sự đau buồn, bệnh tật và cái chết của mẹ tôi. Giờ thì tôi có thể đổ hết mọi thứ lên vụ tai nạn giao thông kia, nhưng sự thực đáng buồn là cuộc đời tôi đã dừng lại từ trước đó lâu rồi. Kể từ lúc đó; tôi về thăm nhà ít nhất có thể. Tôi chỉ biết rất rõ rằng mọi người ở đó đã mong đợi nhiều hơn ở cậu con trai duy nhất của Hans Storskog.”

Anh ta uống nốt tách trà của mình.

“Vậy nên có lẽ anh hiểu được tại sao tôi cho rằng việc đổi tên sau tai nạn là phù hợp; cũng như tại sao tôi không muốn nói nhiều về cha tôi và chiến tranh. Mỗi người mỗi cảnh. Có người nghĩ sẽ dễ dàng hơn nếu nói ra mọi thứ; còn tôi lại thấy điều đó chỉ khiến mọi việc thêm tồi tệ.”

Khi rời căn hộ; tôi nhận ra rằng khái niệm ‘người ruồi’ của Patricia là sự mô tả hoàn hảo dành cho Andreas Gullestad. Vết thương tâm lý do cái chết

của cha còn làm anh ta đau đớn hơn những thương tổn thể xác sau tai nạn giao thông. Nhưng cả hai điều này đều không có mối liên quan trực tiếp nào với vụ án mạng - ít nhất tại thời điểm này như diễn biến về sau cho thấy.



Vào Chủ nhật 7 tháng 4 năm 1968; ngày làm việc của tôi kết thúc khi tôi gọi cho Patricia từ văn phòng tầm 7 giờ tối để tóm tắt cho cô những phát hiện trong ngày. Vụ án này lại thành ra phức tạp hơn tôi nghĩ. Patricia thể hiện mối quan tâm đối với nhiều chi tiết; đặc biệt khi chúng tôi đề cập đến mối quan hệ giữa Kristian Lund và Sara Sundqvist. Cuộc gọi kéo dài nửa tiếng. Tuy nhiên, chúng tôi đều nhất trí là không còn làm thêm được gì nữa trong buổi tối Chủ nhật. Kết luận của chúng tôi lúc này chỉ đơn giản là vụ án ngày càng phức tạp và số đối tượng tình nghi đang tăng lên.

Vị trí nghi phạm chính của Konrad Jensen giờ đây gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ không chỉ Kristian Lund, mà cả Sara Sundqvist và Darrell Williams. Bà vợ ông gác dan hóa ra đã nhận tiền để nói dối và bị đè nặng bởi những trải nghiệm trong chiến tranh thế giới thứ hai, giống như Andreas Gullestad.

Khi kết thúc cuộc gọi, Patricia có nói rằng, căn cứ trên tình hình hiện tại, tôi nhớ cho cô biết ngay khi có bất kỳ thông tin mới nào, dù là chưa chắc chắn. Tôi đồng ý, và rồi miên man suy nghĩ trong lúc lái xe về nhà. Ngày điều tra thứ tư đã kết thúc như thế.

NGÀY THỨ NĂM



QUYỂN NHẬT KÝ VÀ NHỮNG BÍ MẬT ẨN GIẤU

Thứ Hai ngày 8 tháng 4 năm 1968, việc đầu tiên tôi làm lúc 8 giờ rưỡi là gọi điện thoại đến bệnh viện Oslo. Họ khuyên tôi nên đến ngay khi có thể nếu có điều gì quan trọng cần hỏi ông Anton Hansen. Tôi cảm ơn và yêu cầu họ thông báo để ông biết tôi sẽ đến gặp ông trong ngày.

Nghiên cứu sinh ngành sử học Bjorn Erik Svendsen đứng đầu danh sách tiếp xúc của tôi trong ngày. Tôi không cần phải chờ đợi lâu. Đúng 8 giờ 45 phút, cậu ta thở hồng hộc xuất hiện trước mặt tôi và hết sức xin lỗi không thể đến sớm hơn, do trễ xe buýt. Tôi nhận ra Bjorn Erik Svendsen là người học ngành lịch sử ngay khi cậu ta xuất hiện ở lối vào. Thân hình cò hương, mắt kính xỏ dây đeo lưng lẳng trên cổ, ba lô sau lưng, kiểu tóc của ‘The Beatles’, các huy hiệu chống chiến tranh Việt Nam và ủng hộ Đảng Nhân dân Xã hội, đó gần như là một trong những bức vẽ nhận dạng của những sinh viên ‘bị truy lùng’ mà tôi và vài đồng nghiệp trẻ hay làm để giải khuây vào giờ nghỉ trưa. Cậu ta bắt tay tôi thật chặt; và chất giọng thân thiện của cậu trở nên linh hoạt hơn ngay khi cái tên Harald Olesen được đề cập.

Câu chuyện về mối quan hệ giữa Bjorn Erik Svendsen với ông Harald Olesen khá đơn giản và có thể tin được. Ba năm về trước, cậu ta bắt đầu làm luận án về mối liên quan giữa phong trào Kháng chiến và những người cộng sản. Sau khi tìm tòi một năm, cậu đã tìm cách liên lạc với vài nhân vật chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc. Ông Jesper Christopher Haraldsen cùng vài nhà lãnh đạo khác tỏ ra khá kiêu căng và từ chối tiếp, trong khi ông Harald Olesen đồng ý gặp cậu ngay. Mặc dù có những khác biệt về tuổi tác và hiểu biết chính trị, hai người rất tâm đầu ý hợp. Svendsen lý giải tình bạn của họ là do ông Olesen có năng lực trí tuệ đáng nể. Cậu ta nói thêm rằng cũng có thể do ông Olesen không có con và góa vợ nên cuộc sống của ông thật lê thê cô quạnh. Đề tài luận án sau đó được định hướng lại, tập trung nhiều hơn vào

vai trò của ông Harald Olesen. Ông đã đọc bản nháp đầu tiên một cách rất thích thú, và lập tức đồng ý khi Bjorn Erik Svendsen đề nghị viết tiểu sử. Luận án của cậu ta mới được nộp cho hội đồng bốn tháng trước, nhưng Svendsen rất hứng khởi nên đã bắt đầu viết bản thảo cho quyển tiểu sử.

Khi tôi yêu cầu giới thiệu ngắn gọn những hoạt động của Harald Olesen trong chiến tranh, Svendsen lập tức bắt đầu một bài thuyết trình nho nhỏ. Vai trò của ông Olesen trong chiến tranh rất đáng chú ý vì ông chưa bao giờ bị lộ vỏ bọc của mình, mặc dù sự tham gia của ông rất đáng kể và phức tạp. Ông từng có thời là một trong những lãnh đạo của Mặt trận Tổ quốc, và đã tổ chức những hoạt động phá hoại cũng như các phong trào đấu tranh chống chính quyền. Bản thân ông cũng lén đưa người tị nạn qua biên giới. Tuy nhiên, tiết lộ quan trọng nhất của bản thảo là một chuyện xảy ra vào những tháng cuối cùng của chiến tranh và những năm ngay sau đó. Hợp tác chặt chẽ với các điệp viên Mỹ tại Na Uy, ông Olesen đã thu thập thông tin về những người cộng sản Na Uy từ hồ sơ lưu trữ rò rỉ của CIA. Như vậy, ông Olesen không chỉ đáng chú ý vì là một anh hùng từ thời Kháng chiến, mà còn do vai trò của ông trong sự hợp tác giữa chính phủ với nước Mỹ sau chiến tranh.

Svendsen tin chắc rằng câu chuyện về cuộc đời ông Olesen sẽ làm mọi người quan tâm, trước cả khi vụ án mạng kinh hoàng xảy ra. Hiểu biết của cậu ta về vụ án mạng này khá ít ỏi nên cậu ta chưa đặt ra ‘giả thiết nào về nguyên nhân của nó’, nhưng dựa trên những phát hiện của mình, cậu ta có thể đề ra một số khả năng. Cả tay điệp vụ người Mỹ lạ lùng lẫn ông Phát xít già khao khát trả thù đều có động cơ khả dĩ. Khi được hỏi, cậu ta đồng ý rằng những cựu đảng viên cộng sản cũng có thể có động cơ, dù cá nhân cậu ta cảm thấy một vụ tấn công từ phía đó ít có khả năng xảy ra hơn. Svendsen cũng cho rằng sự nghiệp chính trị của ông Olesen ít có khả năng dẫn đến việc ông bị ám sát. Là một thành viên của nội các và kiêm nhiệm những vai trò khác, ông rất được kính trọng bởi người trong và ngoài đảng. Ông chưa bao giờ gây ồn ào trong bất kỳ cuộc tranh luận chính trị quan trọng nào trong suốt thời gian là thành viên nội các, và đã kết thúc sự nghiệp của mình mà

không tạo ra mâu thuẫn lớn nào. Thành công lớn lao và quan trọng nhất của ông là trong thời chiến. Ông tự nhận rằng mình chưa bao giờ là một thành viên nổi bật của nội các. Harald Olesen cho biết ông thậm chí đã từng xin từ nhiệm, do biết rằng mình sẽ sớm bị gạt ra rìa.

Hứng khởi với những giả thiết của cậu ta về tay đập vụ Mỹ và người cựu Phát xít, tôi đọc tên một số người hàng xóm khác cho Bjorn Erik Svendsen và hỏi liệu cậu ta có biết ai trong số họ trong một hoàn cảnh khác. Cậu ta trả lời rằng mình đã từng ghi lại tất cả những cái tên đó khi đến gặp ông Harald Olesen, nhưng chưa bao giờ gặp họ ở bất kỳ nơi nào khác. Cậu ta nghĩ việc một nhà ngoại giao người Mỹ sống ngay cạnh ông Olesen là một ‘sự trùng hợp lạ lùng’, nhưng không tìm thấy tên của người này trong các nguồn tư liệu mình có. Ngoài ra, cậu ta cũng chưa từng nghe ông Olesen nói điều gì đặc biệt về những người hàng xóm. Svendsen chỉ từng trao đổi ngắn gọn với vợ chồng người gác đàn. Ông gác đàn rõ là một người nghiện rượu và không được khỏe mạnh, nhưng ông đã trả lời các câu hỏi với sự mạch lạc đáng nể. Bà vợ thì tỏ ra không thích chuyện đó và đã lắc đầu bỏ ra ngoài phòng khi chồng bà bắt đầu sụt sịt.

Svendsen không có gì nhiều để nói về đời tư của ông Harald Olesen. Ông Olesen chung thủy với vợ, và trong vài dịp đã nói rằng một trong những điều đau buồn nhất trong cuộc đời là hai người không thể có con. Ông thân thiết với anh trai và em gái, trong khi mối quan hệ giữa ông và các cháu có vẻ càng ngày càng rời rạc và căng thẳng. Harald Olesen đã từng thờ dài khi nhắc đến họ và bảo rằng, với sự nghiệp lâu dài của ông, chắc chắn ông xứng đáng có những người thừa kế có phẩm chất tốt hơn. Tuy nhiên, ông không đề cập đến việc này bao giờ nữa, và Svendsen không biết bất kỳ bi kịch tiềm ẩn nào liên quan đến di chúc.

Điều ngạc nhiên lớn nhất trong cuộc trò chuyện này là khi Svendsen cho tôi biết ông Harald Olesen trong những năm sau này vẫn đều đặn viết nhật ký. Khi tôi hỏi những cuốn nhật ký đó đang ở đâu, cậu ta lập tức lấy ra từ trong ba lô hai quyển sổ gáy xoắn có đề “1963-4” và “1965-6”, mà mình đã

mượn để viết tiểu sử. Với vẻ nuối tiếc, cậu ta nói thêm rằng trong đó không có gì nhiều để thu lượm cho vụ án mạng này. Ông Harald Olesen không hề phó mặc may rủi khi cho mượn những quyển nhật ký mình đã viết. Ông chỉ ghi lại chính xác những thông tin liên quan đến cuộc sống thường nhật của mình. Với nét chữ nắn nót, ông viết về những lá thư và các cuộc điện thoại từ bạn bè, người quen cũ, thêm vài ghi chú ngắn gọn về những sự việc hiện tại. Người cháu trai và cháu gái được nhắc đến một đôi lần trong nhật ký, còn những người hàng xóm thì gần như là không.

Svendsen đã đọc lại các quyển nhật ký sau vụ án mạng nhưng chỉ tìm thấy duy nhất một việc có thể có liên quan. Ở ngày “17 tháng 11 năm 1966”, có một ghi chú nhỏ đáng lưu ý, một phần vì ông Olesen không ghi tên đầy đủ của những người liên quan, phần khác vì nội dung của nó: *Vô tình gặp lại Sj đi cùng với P đáng sợ. S yếu và chỉ còn là cái bóng của người tôi từng biết nhiều năm trước nhưng trí nhớ vẫn còn minh mẫn lắm. Một cuộc chạm trán rất đáng lo ngại.*

Tôi đọc lại bốn lần đoạn ghi chép ngắn đó, và cảm thấy những dòng chữ có thể cực kỳ quan trọng này càng lúc càng đáng chú ý hơn. Do không có thêm chỉ dẫn nào về thời điểm và hoàn cảnh của cuộc gặp với S, thật khó để biết người đó là ai và chuyện gì đã xảy ra. Theo lời Bjorn Erik Svendsen thì quyển nhật ký không đề cập đến S hay P ở bất kỳ chỗ nào khác, và sẽ rất thú vị nếu biết được liệu S hay P có được đề cập đến trong quyển nhật ký gần nhất viết về các năm 1967 và 1968 hay không.

Tôi nhìn chăm chăm vào ba dòng chữ bí ẩn của ngày 17 tháng 11 năm 1966, và gương mặt tôi hẳn là trông hoặc rất đáng sợ, hoặc hoàn toàn rối bời khi rốt cuộc tôi cũng nhận ra tầm quan trọng của mẫu thông tin vừa được tiết lộ. Bjorn Erik Svendsen vội vàng nói rằng cậu ta nên đề cập đến quyển nhật ký đó ngay, nhưng cậu ta đoán thể nào nó cũng đã được tìm thấy khi lục soát căn hộ. Có vài lần khi đến chơi, cậu ta đã thấy ông Harald Olesen lật giở một quyển nhật ký mới đánh dấu “1967-8” mà ông từ chối đưa cho cậu ta. Ông đã giải thích rằng mình vẫn đang viết dở và cần cân nhắc kỹ càng về việc có

nên tiết lộ một vài thông tin. Có lần Svendsen từng thấy quyển nhật ký nằm trên bàn phòng khách. Ông Olesen luôn để mắt đến quyển nhật ký nhưng Svendsen không hề biết ông ấy cất nó ở đâu.

Tôi thật thà trả lời là mình không tìm thấy dấu vết gì của một quyển nhật ký như thế trong căn hộ. Giờ đây không những chúng tôi thiếu vũ khí gây án mà chắc hẳn hung thủ đã lấy đi; mà còn thiếu một quyển nhật ký vốn có thể chứa đựng lời giải của vụ án bí ẩn này.

Tôi yêu cầu Bjorn Erik Svendsen để những quyển nhật ký lại và chờ tôi ở quầy tiếp tân. Sau khi nhắc cậu ta nhớ đây là việc điều tra án mạng; tôi giải thích rằng cậu ta phải chờ tôi ở đó trong khi tôi đọc chúng. Svendsen tỏ ra hoàn toàn thông cảm và nói thêm rằng vụ án mạng bí ẩn dĩ nhiên quan trọng đối với quyển sách của mình; rồi nhanh chóng rời phòng.

Tôi tin Svendsen khi cậu ta nói rằng chỉ có đoạn viết kia là quan trọng trong hai quyển nhật ký trước khi đặt chúng xuống bàn trước mặt tôi. Sau hai mươi phút căng thẳng tăng dần trong nỗ lực sử dụng những tế bào chất xám của mình; tôi bỏ cuộc và nhắc điện thoại. Trong khi chờ bên kia trả lời; tôi tự giải khuây bằng cách thử nghĩ xem Bjorn Erik Svendsen sẽ nói gì nếu biết tôi đang gọi điện trực tiếp cho tòa Bạch Ốc.



Patricia im lặng tập trung lắng nghe khi tôi tóm tắt trong vòng mười phút thông tin mới nhận được từ Bjorn Erik Svendsen. Cô bật ra một tiếng kêu cảm thán về đoạn ghi chú bí ẩn và quyển nhật ký mất tích.

“VẬY, cô khuyên tôi nên làm gì bây giờ?” Tôi hỏi.

Câu hỏi của tôi được tiếp nối bởi một khoảng im lặng căng thẳng trong mười giây và một chỉ thị rất ngắn gọn nhưng rõ ràng.

“Tôi khuyên anh đưa Bjorn Erik Svendsen đến căn hộ của ông Harald Olesen ở số 25 phố Krebs càng sớm càng tốt.”

May mắn thay, cô cũng cho tôi vài chỉ dẫn tiếp theo. Nhưng tôi vẫn chưa rõ vì sao phải đưa Bjorn Erik Svendsen đến số 25 phố Krebs.

“Nhật ký có thể là một nguồn thông tin hệ trọng. Có hai khả năng ở đây. Hoặc kẻ sát nhân đã biết về quyền thứ ba và đã lấy đi hoặc tiêu hủy nó trong căn hộ, một điều hoàn toàn có thể. Việc chiếm đoạt quyền nhật ký có thể là động cơ sát hại ông Olesen, nếu kẻ sát nhân biết về nó và biết trong đó có chứa thông tin quan trọng. Nhưng ông Harald Olesen rõ ràng rất lo ngại quyền nhật ký sẽ rơi vào tay kẻ xấu, nên cũng hoàn toàn có thể, và có khả năng lớn, là kẻ thủ ác thậm chí chưa từng thấy quyền nhật ký, ả hay gã không biết về sự tồn tại của nó, nên đã không tìm kiếm. Trong trường hợp này, quyền nhật ký vẫn nằm ở chỗ cất giấu trong căn hộ.”

“Nhân danh cảnh sát’, tôi phản đối yếu ớt. ‘Xin đừng đánh giá thấp chúng tôi như vậy! Chúng tôi đã lục soát căn hộ và chắc chắn đã hành động ngay nếu thấy một quyền nhật ký viết tay.’”

Patricia đã có sẵn câu trả lời.

“Dĩ nhiên, tôi hoàn toàn tin tưởng ở cảnh sát. Nhưng trước hết, các anh không hề biết mình phải tìm một quyền nhật ký, thứ đến, giấu một quyền nhật ký là một việc tương đối dễ dàng. Một lần nữa ta có hai khả năng: ông Harald Olesen có thể giấu nó trong một ngăn bí mật ở bàn đầu giường, hoặc tủ quần áo, hoặc thứ tương tự...”

Tôi ngắt lời cô với một sự phản đối mạnh mẽ.

“Tôi cũng muốn thấy một ngăn như vậy lắm: chúng tôi đã gõ và đo đạc mọi bức tường trong mỗi phòng!”

Patricia dường như vẫn chưa hoàn toàn thuyết phục, nhưng cô thay đổi chiến thuật.

“Trong trường hợp này, câu hỏi là liệu anh đã kiểm tra nơi tốt nhất để giấu quyền nhật ký chưa.”

Cô không nói gì thêm, và buộc lòng tôi phải hỏi.

“Vậy cô nghĩ nơi nào là tốt nhất để giấu một quyền nhật ký?”

Cô trả lời với một tiếng cười vui vẻ.

“Còn ở đâu nữa, dĩ nhiên là kê sách. Tôi có thể hình dung các anh lên một danh sách tất cả các tiêu đề sách, nhưng có ai trong số các anh kiểm tra để chắc chắn không có cuốn nào chứa quyền nhật ký trong đó?”

Tôi phải công nhận là chúng tôi chưa làm cả hai việc đó, nhưng tôi không nói gì, mà chỉ ghi nhớ trong đầu rằng chúng tôi cần xem xét lại kê sách và phần còn lại của căn hộ một lần nữa, căn cứ theo thông tin về quyền nhật ký mất tích. Chúng tôi nhanh chóng đồng ý rằng đó là việc nên làm trước khi đến gặp cô lúc 7 giờ tối. Tôi buột miệng nói đồng ý với lời đề nghị một bữa ăn tối nhẹ. Cô đề nghị tôi đem theo tất cả các quyền nhật ký và bất kỳ giấy tờ nào quan trọng, và trên đường đi nhớ ghé ngang bệnh viện gặp ông gác đàn. Sau đó cô trấn an tôi rằng sẽ không có vấn đề gì nếu tôi đến trễ: cô không định đi đâu hôm nay. Tai tôi vẫn còn văng vẳng tiếng cười có phần tự mãn của cô trong lúc thu dọn giấy tờ, hai quyền nhật ký và tiến ra cửa.



Bjorn Erik Svendsen còn hơn cả vui sướng khi được đưa đến căn hộ của ông Harald Olesen bằng xe cảnh sát, nhưng lặp lại nhiều lần trên đường đi rằng cậu ta không hề có chút khái niệm nào về nơi cất giấu quyền nhật ký. Chúng tôi nhanh chóng khẳng định không có dấu vết gì của nó trên bàn làm việc hoặc bất kỳ cái bàn nào khác. Ý tưởng rằng nó có thể được giấu trong những quyển sách khiến Svendsen thích thú. Cậu ta hỏi liệu có khóa học về phương pháp luận bắt buộc nào để trở thành cảnh sát hay không. Tôi đáp rằng cảnh sát cũng được phép suy nghĩ sáng tạo. Cậu ta mau mắn gật đầu và lập tức tìm kiếm mé phải kê sách của ông Harald Olesen. Tôi vào việc với mé bên trái.

Tôi phải thừa nhận rằng sự hăng hái trước giả thiết của Patricia giảm dần khi tôi lặn lội qua một trăm quyển sách đầu tiên. Tôi đếm sách như thường lệ, để nếu không có gì khác thì cũng có thể gây ấn tượng với các đồng nghiệp về sự tỉ mỉ trong công việc này. Tôi sắp sửa cất lại quyển sách số

246 thì một tiếng kêu đầy kích động vang lên từ phía Svendsen đã phá vỡ sự im lặng trong căn hộ. Với đôi bàn tay run rẩy, cậu ta nhấc lên khỏi sàn một quyển sổ cùng dạng với hai quyển trước. Nó đã rơi ra khỏi cái bì đồ sộ của quyển 2 bộ *Cuộc chiến tranh vĩ đại*. Cậu ta đưa nó cho tôi với vẻ mặt đắc thắng. Dấu mốc thời gian “1967-8” trên bì nhìn tôi trùng trùng, dù chúng chỉ được viết bằng bút chì bởi bàn tay của một ông già.

Tôi thu ngay quyển sổ và không cho cậu nghiên cứu sinh sử học đọc nó qua vai tôi. Lúc đầu cậu ta phản đối vì cho rằng nó có thể chứa đựng nhiều tư liệu lịch sử quan trọng và sẽ cần thiết cho quyển tiểu sử, nhưng nhanh chóng chấp nhận khi tôi bảo đảm rằng cậu ta sẽ được tiếp cận nó sau khi cuộc điều tra hoàn tất. Tôi nói thêm rằng bất kỳ người nào nắm được nội dung quyển nhật ký đều có thể gặp nguy hiểm. Cậu ta lập tức đồng ý ra ngoài và ngồi chờ trong nhà bếp phòng khi tôi có điều muốn hỏi sau khi đã đọc quyển nhật ký.

Theo nhật ký những tháng đầu năm 1967 hầu như chẳng có sự kiện gì đối với ông Harald Olesen. Hai tháng đầu trôi qua chỉ với vài ghi chép ngắn gọn, không có gì ghê gớm, với các tên người đầy đủ. Tuy nhiên, ghi chép ngày 20 tháng 3 năm 1967 ngắn ngủn và bí ẩn, sắc mùi điềm gở nêu chiếu theo nội dung của năm trước: *P liên lạc lại. Nói rằng S đã qua đời và đã thú nhận trước khi chết, P giận dữ và đòi tiền.*

Những ngày còn lại của tháng 3 và tháng 4 chỉ gồm những ghi chép sự kiện dự các buổi tối sinh nhật và thư từ của những người quen cũ. Vào tháng 3, ông đã viết một bình luận ngắn trước tin con gái của Stalin tị nạn tại Mỹ, còn trong tháng 4, ông ghi nhận cái chết của nhà văn Johan Falkberget và cựu thủ tướng Đức Konrad Adenauer. Nhưng vào ngày 2 tháng 5, P đột nhiên lại xuất hiện một lần nữa: *P lại liên lạc với tôi. Đòi tiền và đe dọa nói ra.*

Vấn đề với P dường như lại lắng xuống vào tháng 5. Ông Harald Olesen bày tỏ mối quan ngại về tình hình ở Hy Lạp sau vụ đảo chính của quân đội và không chắc Na Uy nên đáp trả như thế nào. P không được đề cập trong

phần còn lại của tháng 5. Thay vào đó, một ký tự bí ẩn mới xuất hiện vào ngày 15 tháng 5: *C xuất hiện - vào hẵn trong nhà ngày hôm nay. Khi cửa đóng lại, gương mặt C thay đổi hoàn toàn. Mừng là vẫn còn sống sau khi cậu ta ra về. Biết quá rõ những gì C có thể làm. Một đêm tôi tệ - thức dậy hai lần để kiểm tra xem xích an toàn có được gài chưa.*

Tháng 6 và tháng 7 trôi qua với vài ghi chép ngắn gọn về những người ông quen, một đoạn khá dài về chiến tranh *Sáu ngày ở Trung Đông* và các vụ bạo loạn ở Mỹ. Ông Harald Olesen dành thời gian đáng kể để cập nhật tình hình trên thế giới, thông qua báo, đài và tivi. Nhưng vấn đề cá nhân của ông quay trở lại vào mùa thu. Vào tháng 8, đột nhiên có hai ghi chép ngắn, xen giữa bởi một bài viết về việc Mỹ tăng cường quân trong chiến tranh Việt Nam.

Ngày 12 tháng 8: P vẫn truy bức tôi vì tiền. Khi nào chuyện này mới kết thúc đây?

Ngày 27 tháng 8: Một cuộc đối thoại căng thẳng nữa với C. Căn bệnh của tôi ngày càng nặng và sự phân vân của tôi cũng ngày càng tăng. Tôi muốn nói ra nhưng C thẳng thừng bác bỏ - và giờ đang đe dọa tôi.

Rõ ràng rằng tình cảnh của ông Harald tệ đi nhanh chóng và sức khỏe của ông cũng thế. Trong suốt tháng 9, ngày càng có nhiều ghi chép về cơn đau và các cuộc hẹn với bác sĩ. Việc bầu cử tại địa phương vào cuối tháng cũng chỉ được mô tả trong vài dòng. Và hai ký tự mới xuất hiện, cách nhau chỉ vài ngày.

Ngày 21 tháng 9: O, người đã hơn 20 năm nay tôi không gặp lại, liên lạc với tôi. O cực kỳ quan ngại cho việc vĩnh viễn giữ bí mật những hoạt động ngày trước của chúng tôi và những người khác. Tôi đồng ý và nói rằng tôi sẽ lục ra các giấy tờ.

Ngày 29 tháng 9: J cũng liên lạc với tôi rồi. Có vẻ thiện cảm. Sau đấy thì không thể ngủ được. Thật là khó xử.

Ông Olesen dường như ít nhiều mất đi sự quan tâm với các sự kiện trên

thế giới trong tháng 10 và 11. Cái chết được bàn tán rất nhiều của Che Guevara và vị hoàng đế cuối cùng của Trung Quốc chỉ được ghi vắn vẹo một dòng, cũng giống như sự kiện biểu tình ủng hộ Việt Nam mùa thu năm đó. Thay vào đó, ngày càng có nhiều ghi chép về vấn đề sức khỏe. Những nội dung này tăng đỉnh điểm vào giữa mùa lễ hội cuối năm.

Ngày 12 tháng 12: Kết luận đau buồn sau khi tái khám. Chỉ vài tháng nữa là kết thúc. Suy nghĩ về cái chết nhẹ như lông hồng trong khi quyết định hệ trọng nhất đời tôi vẫn đè nặng như chì.

Đó là ghi chép đáng quan tâm cuối cùng cho năm 1967. Những ghi chép của năm 1968 khá ít ỏi và thưa thớt; nhưng chúng hoàn toàn liên quan đến các vấn đề cá nhân của ông Harald Olesen.

Ngày 18 tháng 1: Ngày tồi tệ. Đau đớn trên giường cả buổi sáng, P muốn nhiều tiền hơn, cả trong di chúc của tôi nữa. Cảm xúc mạnh mẽ sau một cuộc nói chuyện với J ngày hôm qua. Và bóng dáng đầy đe dọa của C thường xuyên lẫn khuất...

Ngày 22 tháng 1: O tiếp cận tôi và lo lắng cho sức khỏe của tôi. Tôi hứa sẽ đem theo mọi bí mật của chúng tôi xuống mộ. Đi với ma phải mặc áo giấy thôi, O xem qua các giấy tờ và chúng tôi đốt chúng trong lò. Chúng tôi không nói về những bất đồng cá nhân nhưng O tỏ ra rất thoải mái về chuyện đó.

Ngày 28 tháng 1: Đau ghê gớm về thể xác, nhưng nỗi đau tinh thần còn tồi tệ hơn. Không thể nhìn thấy lối ra. Nghi ngại lớn về vấn đề di chúc.

Ngày 14 tháng 2: Cuộc nói chuyện đầy sợ hãi với C, cậu ta đột nhiên phát khùng lên, như vẫn thường thế. C không muốn tiền nhưng muốn sự im lặng mãi mãi và mối hận cũ đối với tôi ngày càng mạnh mẽ. Chưa từng có người nào làm tôi sợ hơn C. Cầu Chúa nhân từ, dù con chưa bao giờ tin Ngài, sớm mở cổng Thánh và dung thứ cho linh hồn con!

Ngày 19 tháng 2: Cuộc nói chuyện ngắn với O, người cảm ơn tôi vì những điều tôi đã làm và hứa không làm phiền tôi nữa. Nhưng liệu tôi có

thể tin điều đó?

Ngày 1 tháng 3: J tuyệt vọng và mất kiên nhẫn, đe dọa đi gặp báo chí. Không thể chịu đựng nổi với ý nghĩ C sẽ làm gì khi đó - dù là với tôi hay J. Thuyết phục được J hoãn lại, nhưng mọi việc đang gấp lắm rồi và những cơn đau đang xé nát cái thân già bất hạnh này.

Ngày 12 tháng 3: Vẫn còn sống, hay đúng hơn là tồn tại. J chao đảo giữa nước mắt và cuồng nộ, có thể bùng nổ và làm điều gì đó thiếu suy nghĩ, C không nổi giận trong suốt cuộc nói chuyện lần trước, mà đầy đe dọa và bình tĩnh đến đáng sợ, chỉ mình C có thể như thế... P vẫn liên tục nã tên tôi. Tôi sợ C nhiều hơn là khinh miệt P. Giằng xé với những cảm xúc ngổn ngang về J. Hiện giờ P và J có thể đã biết về nhau rồi. Chỉ hy vọng là không ai trong số họ biết về C và C cũng không biết họ. Nếu không thì không biết chuyện khủng khiếp gì sẽ xảy ra ở Torshov nữa!

Ngày 20 tháng 3: Thay đổi di chúc dưới sức ép đáng kể. Dù sao đi nữa, thiếu nợ thì phải trả, cho dù chủ nợ có đáng ghét đến thế nào.

Ngày 25 tháng 3: Sau vài đêm mất ngủ, ở ranh giới giữa sự sống và cái chết, tôi lại thay đổi di chúc lần nữa. Phải hy sinh để chuộc lại tội lỗi lớn nhất đời tôi!

Ngày 30 tháng 3: Áp lực tăng lên từ mọi phía. J, C và P có thể nhảy bổ vào tôi bất cứ lúc nào. Cả ba đều đáng sợ và thất thường. Những bóng ma từ quá khứ đang dồn tôi xuống lỗ. Sẽ để nguyên di chúc như thế và hy vọng rằng nó sẽ mang hạnh phúc đến với người mà tôi mang nợ nhiều nhất. Trong cơn tuyệt vọng, đã hẹn một cuộc gặp cuối cùng vào tối thứ Năm, bắt chập những nguy cơ hiện hữu.

Sau ghi chép này, quyển nhật ký dừng lại đột ngột. Tất cả những trang còn lại đều để trắng.

Ông Harald Olesen bị bắn trong một cuộc gặp tại nhà vào đêm ngày 4 tháng 4, tức là ngày thứ Năm đầu tiên sau ngày 30 tháng 3. Nhưng tôi không biết liệu ông đã thu xếp cuộc hẹn này với C, J, P, O hay không ai trong số họ. Không có ký tự nào phù hợp với tên họ của bất kỳ ai trong tòa nhà. Trừ

phi ‘J’ có thể chỉ đơn giản là ‘Jensen’.

Tôi ra gặp Svendsen và hỏi liệu cậu ta có từng bao giờ nghe ông Harald Olesen nhắc đến các ký tự C, J, P hoặc O hoặc từng bắt gặp chúng ở một ngữ cảnh khác. Cậu ta quả quyết lắc đầu. Trong cơn tuyệt vọng, tôi đọc to một số ghi chép cho cậu ta nghe, nhưng điều đó cũng không giúp làm rõ danh tính của những người này. Tuy nhiên, gương mặt của Svendsen tái đi. Cậu ta nói rằng trong tất cả cuộc nói chuyện với ông Harald Olesen, cậu ta chưa từng nghe ông đề cập đến các từ như ‘lo sợ’ hay ‘kinh hãi’. Thật là một cú sốc khi được biết người anh hùng Kháng chiến đã sống những tháng cuối đời sợ hãi như thế nào.

Tôi ra lệnh cho Svendsen không được tiết lộ bất kỳ điều gì về sự tồn tại của quyển nhật ký, cậu ta thề sẽ làm vậy. Sau đó tôi yêu cầu cậu ta không được rời thành phố và phải báo ngay cho tôi biết nếu nhớ ra điều gì quan trọng liên quan đến danh tính của C, J, P hay O, hoặc đến cuộc điều tra nói chung. Svendsen cam đoan với tôi sẽ làm thế và hai lần yêu cầu tôi đừng công bố việc cậu ta biết về quyển nhật ký.

Một phút sau, qua cửa sổ tôi thấy Bjorn Erik Svendsen hối hả chạy đi trên vỉa hè. Tôi nhận ra vụ án mạng này đã ảnh hưởng sâu sắc như thế nào đến cuộc đời cậu ta, và đến những người hàng xóm khác tại số 25 phố Krebs. Thật lạ lùng khi nghĩ rằng tình huống sẽ khác hẳn đi như thế nào với họ và với cả tôi nữa nếu ông Harald Olesen được để cho nhắm mắt xuôi tay vì bệnh tình của mình vài ngày hoặc vài tuần sau đó.

Tôi ngồi đó một mình xem tới xem lui quyển nhật ký trong một giờ, nhưng không sáng ra được điều gì hơn. Tôi tuyệt vọng và nhớ đến giọng nói của Patricia, và một đôi lần tôi đã định lái xe thẳng đến nhà cô. Nhưng sau đó, khi ngồi vào trong xe, tôi không đi về phố Erling Skjalgsson mà đến bệnh viện. Có một người đàn ông đang chờ tôi ở đó, người đã nhấn rằng tôi nên đến hôm nay vì không ai dám tin rằng mình sẽ còn sống ngày mai.



Buồn thay, vợ ông đã đúng. Không còn lại gì nhiều nơi ông Anton Hansen năm 1968, nếu so sánh với chú rể đẹp trai, tóc sẫm trong hình năm 1928. Bốn mươi năm sau, cùng một người đó giờ chỉ còn da bọc xương nằm trên chiếc giường trắng toát của bệnh viện. Tôi đoán tuổi ông không ít hơn bảy mươi lăm và cân nặng của ông kém xa 57 kg, dù ông cao tối thiểu 1m78. Mái tóc muối tiêu, da dẻ xanh xao, hơi thở ông khó nhọc và miệng ông không còn cái răng nào. Ông được gắn một dây truyền dịch ở tay trái và một ống thở oxy nơi mũi, nhưng vì ông ho liên tục, chúng cứ chực rơi ra.

Nói cách khác, ông gác dan Anton Hansen đúng là giống như người đã có một cuộc sống khó khăn và giờ đây đang chết dần do hậu quả của nó. Mắt ông sáng lên khi thấy tôi nhưng gương mặt và cơ thể ông vẫn nặng nề, có phần hơi lẩn. Ông gật rất khẽ và nhấc tay lên khỏi giường chào tôi nhưng cái bắt tay không thể hiện chút năng lượng hay ý chí nào. Có điều gì đó lạ lùng, dị dạng nơi bàn tay ông ta. Mắt đến vài phút tôi mới nhận ra rằng không những mất răng, ông cũng không còn cái móng tay nào.

“Thanh tra cảnh sát Kolbjorn Kristiansen. Việc tôi có mặt ở đây, như ông hẳn đã biết, liên quan đến vụ sát hại người hàng xóm của ông, Harald Olesen.”

Ông già lại gật đầu. Giọng ông yếu ớt nhưng thân thiện.

“Khi được nghe về vụ án mạng, tôi tưởng mình cũng sắp chết đến nơi. Ông Harald Olesen là một trong số những người tôi ngưỡng mộ trên thế giới này, và tôi chưa bao giờ hình dung mình sống lâu hơn ông ấy. Tôi đã hy vọng ông ấy sẽ đến dự đám tang tôi và còn sống lâu nữa cơ.”

Ông vừa thở hắt hên vừa ho, nhưng nhanh chóng nói tiếp.

“Trong chiến tranh, bất cứ ai từng biết danh tính của ông ấy đều lo lắng rằng ông có thể bị bắn chết bất kỳ lúc nào. Nhưng giờ đây, đã qua nhiều năm rồi... chuyện đó xảy đến như một cú sốc, và tôi không tưởng tượng nổi ai có

thể muốn giết ông ấy. Không thể nào.”

Ông già lại ngả đầu xuống gối. Tôi kín đáo đứng lên và đến gần cái giường hơn để ông có thể thấy tôi mà không cần nhắc đầu lên. Ông gật đầu với vẻ biết ơn.

“Tôi ngưỡng mộ ông Harald Olesen trong thời chiến, dĩ nhiên, nhưng sau này tôi mới hoàn toàn hiểu rõ ông ấy đã mạnh mẽ như thế nào. Ông ấy là một con người của hành động, luôn có thể phân biệt được điều gì quan trọng, điều gì không, và luôn nhìn về tương lai. Ông ấy đã biết cách để sống tiếp, dù rằng trong chiến tranh, ông đã từng chứng kiến những việc tồi tệ hơn tôi nhiều.

Ông già lại ho, lần này mạnh đến nỗi tôi vội nhìn quanh tìm một cô y tá, nhưng rồi ông tiếp tục nói.

“Vấn đề là tôi nhớ mọi thứ quá rõ ràng. Thế nên tôi bị kẹt với những chuyện đã xảy ra và không thể tiếp tục - đặc biệt là với những trải nghiệm nặng nề như những gì chiến tranh đem lại cho tôi.”

Tôi cảm thấy đầu óc ông gác đàn khỏe mạnh hơn thể xác của ông. Nhưng giờ tôi nóng lòng muốn biết nhiều hơn về chuyện đã xảy ra trong chiến tranh và những người hàng xóm của ông trước khi quá trễ.

“Chắc hẳn ông và ông Harald Olesen, hai cựu binh Kháng chiến, phải cảm thấy rất kỳ cục khi có một người hàng xóm là cựu thành viên của đảng NS.”

Một nụ cười khẽ lướt qua gương mặt của ông Anton Hansen, nhưng chuyển ngay thành cái nhăn nhó.

“Ồ, vâng, nhưng Konrad Jensen không làm hại đến một con ruồi sau khi chiến tranh kết thúc. Tôi chưa bao giờ hỏi xem ông Harald cảm thấy thế nào khi có một người cựu Phát xít sống ngay cạnh, nhưng với tôi đó không phải là vấn đề. Thật lạ lùng, tôi có cảm giác như Konrad và tôi có cùng một số phận. Chúng tôi đều là những con người nhỏ bé, yếu đuối, cố theo kịp những người vĩ đại, mạnh mẽ như Harald Olesen trong suốt chiến tranh. Và chúng tôi đã trả giá đắt cho nó trong những năm sau này, mỗi người mỗi cách.”

“Ông có nhớ được sự kiện đặc biệt nào hoặc ai đó trong thời kỳ chiếm đóng mà ông nghĩ là có thể quan trọng không?”

Ông già thở nặng nhọc và lại hỗn hên lấy hơi.

“Vấn đề của tôi là tôi nhớ quá nhiều. Nhiều chuyện đã xảy ra trong những năm đó, hầu hết là bí mật, cho nên tôi không chắc điều gì có thể quan trọng và điều gì không. Tôi nhớ những thời khắc hạnh phúc như ngày Giải phóng và sự trở về của gia đình hoàng tộc. Và tôi nhớ những người tị nạn đầu tiên mà chúng tôi giấu dưới hầm. Có bốn người trong khoảng từ năm 1942 đến năm 1943, và tất cả đều vượt biên giới thành công đến Thụy Điển. Tôi không bao giờ quên tình thế căng thẳng khi họ ở đây với chúng tôi. Nếu quân Đức đến khi họ ở đó, cả tôi và vợ chắc sẽ bị bắn chung với họ. Chúng tôi đã sống chung với họ vài ngày với thân chết lơ lửng trên đầu. Người trẻ nhất trong những vị khách đó là một cậu nhóc tê cứng vì sợ, chỉ khoảng mười sáu, mười bảy tuổi, nói cả hai thứ tiếng Na Uy và Đức. Mười năm sau, cậu ấy quay lại cùng với vợ và con trai để tặng chúng tôi những món quà cảm ơn vì đã giúp đỡ. Đó là một trong những ký ức đẹp đẽ nhất của tôi sau chiến tranh.”

Ông Anton Hansen bật cười một lúc, cho đến khi bị một đợt ho át đi.

“Thế rồi có ba người cuối cùng... nhưng họ không được may mắn lắm.”

Tôi tiến sát gần ông hơn nữa và nóng ruột ra dầu cho ông nói tiếp.

“Một đôi vợ chồng trẻ đi cùng một đứa bé đến nhà chúng tôi vào tháng 2 năm 1944. Tóc sẫm màu, lịch thiệp và ăn mặc đẹp nhưng sợ hãi bởi mối nguy hiểm treo trên đầu họ. Họ sợ đến nỗi không dám để cho một trong hai người hoặc đứa trẻ ở ngoài tầm mắt dù chỉ trong phút chốc, tôi nghe họ khóc và thì thầm bằng tiếng nước ngoài mỗi đêm. Họ nói tiếng Na Uy, nhưng với âm điệu kỳ quặc và cách dùng từ lạ lùng. Thế nên, tôi nhận ra họ đến từ một nước khác và không hiểu sao bị kẹt lại giữa hai làn đạn ở Na Uy.”

Ông lại oằn người vì một trận ho rũ rượi khác. Tôi sợ rằng ông Anton Hansen sẽ tắt thở giữa lúc câu chuyện đang đến hồi gay cấn, nhưng đôi mắt ông vẫn sáng quắc khi cơn ho dịu xuống.

“Ông Harald Olesen có một năng lực gần như siêu nhiên trong những hoàn cảnh khó khăn. Ông ấy có thể đánh hơi thấy nguy hiểm như một con thú săn mồi - nhờ bản năng hơn là trí tuệ của mình. Vào buổi chiều thứ ba sau khi họ đến ở cùng chúng tôi, ông ấy xuất hiện, bảo là cảm nhận được mối nguy hiểm đang chực chờ, và sau khi cân nhắc cho cả họ lẫn chúng tôi, ông không thể để những người tị nạn này ở lại trong thành phố lâu hơn được nữa. Do vậy, ông quay lại đưa họ đi bằng xe hơi vào khoảng 2 giờ sáng. Đó là một cuộc chia tay vội vã. Tôi còn nhớ chiếc giày em bé nhỏ xíu bị rớt lại trên sàn.”

Đầu ông Anton Hansen lại ngã xuống gối lần nữa. Tôi tận dụng cơ hội để hỏi một câu.

“Ông có thể nhớ được loại xe mà ông Harald Olesen đã lái hay không?”

Ông gật đầu yếu ớt và không hề nhắc đầu lên khỏi gối.

“Tôi hôm đó ông ấy lái chiếc Volvo 1932 đen của mình, như thường lệ.”

Tôi cười, hy vọng có thể khích lệ cho cả ông ấy và tôi.

“Tốt, tốt. Và điều gì xảy đến cho những người tị nạn sau đó?”

Sau một nụ cười thoáng qua, gương mặt ông Anton Hansen co rúm lại.

“Tôi e rằng tôi không biết gì nhiều. Chúng tôi chưa bao giờ được nói cho biết tên hoặc bất kỳ điều gì về những người đến tá túc tại nhà chúng tôi, cũng không biết họ sẽ đi tiếp bằng đường nào. Tôi chưa bao giờ gặp lại họ, nhưng tôi không nghĩ mọi việc kết thúc tốt đẹp. Về sau, có lần tôi hỏi ông Harald Olesen về gia đình ấy. Ông ấy bỗng sa sầm và nói rằng họ đã không may mắn lắm, rằng tôi không nên hỏi nữa. Ông nói rằng tốt nhất là tôi không nên biết thêm. Vậy nên tôi chưa bao giờ hỏi lại. Tôi tuyệt đối tôn trọng những gì ông Harald Olesen đã nói, nhưng cũng thường suy nghĩ về việc đó. Những hình ảnh và ký ức vẫn đeo bám tôi qua chừng ấy năm. Tôi đoán rằng không có ai trong số họ sống sót sau chiến tranh.”

Ông dừng một chút, ho vài lần, rồi nói tiếp.

“Ngoài ra, có một điều mà tôi chắc chắn là lần đó bản năng của ông Harald Olesen đã cứu mạng vợ chồng tôi. Không hiểu bằng cách nào chúng

tôi đã bị phát hiện, hoặc có ai đó đã chỉ điểm. Buổi sáng hôm sau, tôi bị đánh thức bởi năm tên lính Gestapo, chúng đá tung cửa và lục soát khắp nhà. Chiếc giày em bé trên sàn là một trong số những đồ vật mà chúng truy vấn, nhưng thật may mắn là chiếc giày lại vừa khít với đũa con trai nhỏ nhất của chúng tôi.”

Ông lại dừng một chút. Những hồi ức rõ ràng quá mạnh và giọng ông run lên.

“Tuy nhiên tôi vẫn bị tống vào trại giam Grini. Khi bị lôi khỏi nhà buổi sáng hôm đó, tôi đã tưởng đó là lần cuối cùng được trông thấy vợ và lũ trẻ. Tôi bị tra khảo và đánh đập trong bốn ngày trước khi chúng thả tôi ra. Vào ngày thứ ba, chúng nói rằng tôi sẽ bị bắn nếu không khai ra những người tị nạn đã đi đâu và đi cùng ai. Tôi đã nói lời từ biệt cuộc sống. Nhưng hóa ra đó chỉ là lừa gạt - chúng dựng tôi lên và bóp cò mà không nạp đạn. Điều đó thuyết phục chúng rằng tôi không có gì để khai cả. Ngày hôm sau, chúng thả tôi ra. Tôi về nhà thiếu ba cái răng và mười cái móng tay nhưng với tôi và vợ điều đó không hề gì. Nếu đó là tổn thất nặng nề nhất, thì tôi đoán chúng tôi có thể tiếp tục sống hạnh phúc suốt đời. Sự tham gia của tôi trong phong trào Kháng chiến dừng tại đó. Ông Harald cảm thấy quá nguy hiểm cho chúng tôi và cả những người kháng chiến khác nếu chúng tôi tiếp tục che giấu người tị nạn. Tôi đã không phản đối.”

Ông Anton Hansen rơm rớm nước mắt. Những ký ức sau chiến tranh có vẻ còn nặng nề hơn nhiều. Giọng ông gằn như thều thào và run lên khi ông tiếp tục.

“Sau này, tôi vẫn thường nghĩ lẽ ra tôi phải từ chối khi ông Harald Olesen lần đầu hỏi liệu tôi có muốn tham gia phong trào Kháng chiến và che giấu người tị nạn hay không. Bây giờ tôi cảm thấy rất hối hận về việc đó khi nhìn thấy những hậu quả nơi vợ và các con tôi. Nhưng nếu Na Uy bị chiếm đóng lần nữa và ông Harald Olesen đứng ngay cái bàn bếp kia, yêu cầu tôi giúp tổ quốc mình bằng cách che giấu người tị nạn, tôi cũng sẽ không từ chối. Làm sao tôi có thể từ chối được?”

Tôi gật đầu với tất cả vẻ cảm thông của mình.

“Dĩ nhiên là không. Ông đã đóng góp to lớn cho tổ quốc và đồng bào mình. Không ai có thể tiên liệu được hậu quả sẽ như thế nào mà.”

Ông giả mỉm cười một chút, nhưng rồi gương mặt co rúm lại và nét mặt ông sa sầm.

“Thật lạ là chúng ta đối phó với những việc này theo những cách thật khác nhau. Không ai có thể đoán trước được. Có những đứa trẻ và phụ nữ trở về nhà sau những năm sống trong trại tập trung và rõ ràng biết cách xoay xở để vượt qua dễ dàng. Họ vẫn sống hạnh phúc đến hôm nay. Trong khi tôi, một người đàn ông trưởng thành, lại chưa bao giờ vượt qua được bốn ngày trong trại giam đó. Thậm chí ở ngay trong bệnh viện này, tôi vẫn bị đánh thức giữa đêm vì hồi ức lúc bọn Đức tình thích bước vào, hoặc đá bay những cái răng của tôi, hoặc trói tôi đứng đó trước đội xử bắn. Những gương mặt ám ảnh tôi thường xuyên, kể cả khi tôi thức hay ngủ. Và thường là đôi vợ chồng trẻ đầy khiếp sợ cùng với đứa bé ấy.”

Cái cách ông khẳng khẳng dùng từ ‘đứa bé’ nhắc tôi nhớ đến một câu hỏi chưa có lời giải.

“Ông có biết đứa trẻ là trai hay gái không?”

Ông yếu ớt lắc đầu.

“Cả hai vợ chồng tôi đều không biết, lạ lùng thay. Lúc đó điều quan trọng là chỉ nên biết và nhớ càng ít càng tốt. Đứa trẻ mới chỉ vài tháng tuổi và được quấn kỹ, nên không dễ để biết nó là trai hay gái. Tôi nghĩ đó là một bé gái nhưng không chắc lắm.”

“Và Ông cũng không biết ông Harald Olesen đã lái xe đưa họ đi đâu?”

Ông già khẽ rên lên và lắc đầu.

“Không. Không may là ông ấy không nói. Chúng tôi không nên biết những việc như thế, nhưng tôi nghĩ...”

Ông lại ho một trận nữa. Tôi cảm thấy tội lỗi khi truy vấn một ông già chỉ còn da bọc xương trên giường, nhưng cũng không thể ra về khi chưa nghe toàn bộ câu chuyện.

“Tôi không nghĩ ông ấy dự định đi thẳng qua biên giới. Quân Đức có nhiều chốt gác trên đường và hiện diện rất nhiều ở vùng biên giới, thế nên đường gần nhất luôn là nguy hiểm nhất. Càng không dễ đưa hai người lớn và một đứa trẻ qua trót lọt các chốt kiểm soát. Tôi nghĩ khả năng lớn là ông ấy đưa họ đi bộ vào rừng.”

“Nhưng đó đang là mùa đông - không lẽ không có tuyết trên đường đi?”

Ông già yếu ớt gật đầu hai lần.

“Đó là giữa tháng 2. Họ ra đi đêm 14 tháng 2. Đó là một tình huống khó khăn. Hoặc ông Harald Olesen phải tìm một nơi trú ẩn an toàn cho gia đình họ trong hai hoặc ba tháng, hoặc mọi người phải trượt tuyết băng rừng. Tôi nghĩ ông ấy đã theo kế hoạch sau. Vào cái ngày trước khi họ rời đi, ông nói với rằng có lẽ ông và Chân nai phải đi một chuyến lên núi.”

Tôi cúi xuống nhìn người đàn ông hốc hác trên giường, không hề che giấu vẻ thắc mắc hiển hiện trên gương mặt. Ông cười đầu dụi và nghỉ một chút trước khi nỗ lực nói tiếp.

“Theo những gì ông Harald nói thì tôi hiểu *Chân nai* là một người dẫn đường mà ông sử dụng mỗi khi cần đưa người tị nạn trốn qua Thụy Điển. Tôi luôn hình dung Chân nai là một nam thanh niên khoảng hai mươi, ba mươi tuổi, nhưng thực sự tôi không biết Chân nai đến từ đâu hoặc anh ta bao nhiêu tuổi, và dĩ nhiên tên thật không phải như người ta gọi rồi. Tôi cũng không biết họ đi đường nào, do có rất nhiều khả năng. Ví dụ, họ có thể lái xe về phía tây qua Ostfold, hoặc lên phía bắc đến Hedmark, Oppland. Điều làm tôi bối rối là Chân nai chỉ được nhắc đến vài lần trong hai năm 1942 và 1943, sau đó thì không. Tôi có đề cập đến anh ta một lần sau chiến tranh nhưng ông Harald gằn giọng trả lời là mọi việc đã không suôn sẻ với Chân nai. Do không biết gì chắc chắn, tôi đoán chừng có điều gì đó tồi tệ đã xảy ra trong chuyến đi đó, và kết quả là Chân nai cùng ba người tị nạn kia đều bị thiệt mạng vào mùa đông năm 1944.”

Điều đó không phải là không có lí, nhưng tôi không định để nhân vật mới trong cuộc đời ông Harald Olesen biến mất dễ dàng như vậy.

“Ông có từng tình cờ thấy anh Chân nai này khi ông Olesen đến đưa người tị nạn đi?”

Ông già lắc đầu, vô cùng dứt khoát.

“Không, không. Ông Harald đến một mình, và khi ra đi chỉ có cặp vợ chồng đó cùng đưa trẻ đi cùng. Tôi chưa bao giờ gặp gỡ hay nói chuyện với Chân nai. Tôi chỉ biết chừng đó.”

Rồi đột nhiên sức lực rời bỏ ông già. Ông nằm thiêm thiếp trên giường trong vài phút, miệng thở hổn hển lấy hơi. Tôi vỗ nhẹ vai ông, cảm ơn ông rất nhiều vì đã giúp đỡ và nói ông hãy nghỉ ngơi. Ông gật đầu với một nụ cười thoáng hiện trên môi. Nhưng khi tôi sắp đi ra, ông tập trung hết sức lực và vẫy tôi trở lại.

“Nếu anh có gặp vợ tôi, hãy nói với bà ấy nếu bà không đến đây nữa cũng không sao, nhưng hãy nói...”

Giọng ông lạc đi, nhưng ông thều thào nói tiếp sau khi nghỉ một chút.

“Hãy nói rằng tôi yêu bà ấy rất nhiều và tôi rất xin lỗi về mọi chuyện sau chiến tranh. Anh có thể làm ơn nói với bà ấy như vậy được không?”

Tôi gật đầu, dù có chút nghi ngờ rằng tôi sẽ không đủ can đảm để hoàn thành lời hứa. Sau đó tôi lí nhí chào từ biệt và cảm ơn ông già một lần nữa. Tôi cảm thấy lúng túng không biết nói gì thêm, và tự dung chỉ mong sao cho chóng rời khỏi bệnh viện trước khi bị kết tội gây nên cái chết của ông gác dan Anton Hansen.

Tôi liếc nhìn ông gác dan lần cuối cùng tại ngưỡng cửa. Ông đã chìm vào giấc ngủ. Với tinh thần trách nhiệm, tôi đã chặn một cô y tá đang đi ngang và nhờ cô ghé vào thăm ông ấy. Sau đó tôi đi qua những hành lang dài dằng dặc đến lối ra với cảm giác mình vừa thấy một người ruồi đang chết dần, và đó thật sự là một cảnh tượng buồn. Tôi cũng nhận ra rằng xét cho cùng, người ruồi cũng là con người mà thôi.

Trí nhớ tuyệt vời của ông gác dan, điều đã gây hại cho ông đến vậy, lại cung cấp cho tôi nhiều thứ để suy nghĩ. Ngoài những gương mặt quen thuộc của những người hàng xóm khác, giờ đây tôi phải đi tìm một gia đình tị nạn

đã mất tích và một bóng ma vô diện của cuộc chiến tranh. Như Patricia đã gợi ý ngày hôm qua, càng ngày càng có nhiều manh mối cần phải củng cố, và tất cả đều dẫn về những tháng ngày đen tối của chiến tranh.



Đồng hồ ở sảnh chờ chỉ 4 giờ rưỡi khi tôi rời bệnh viện. Vẫn còn hai tiếng rưỡi nữa mới đến giờ hẹn ăn tối với Patricia. Tôi phân vân trong vài phút về điều mình nên làm: tôi nên trở lại đồn cảnh sát hay là đi gặp những người hàng xóm của ông Harald Olesen quá cố? Cuối cùng tôi quyết định chọn phương án hai. Tôi muốn biết liệu bà vợ ông gác đàn có gì bổ sung vào câu chuyện của chồng mình hay không. Hơn thế nữa, một ý tưởng hấp dẫn vừa lóe lên trong đầu tôi. Rõ ràng là tôi không thể đề cập đến quyển nhật ký với bất kỳ người hàng xóm nào. Nhưng trên đường đi, tôi thay đổi quyết định của mình ít nhất tám lần về việc tôi có nên đối chất với họ về cái tên *Chân nai* và những chữ viết tắt *C, J, P, O* hay không.

Bà vợ ông gác đàn đang ngồi ở vị trí trực khi tôi đến. Bà ta xác nhận câu chuyện của chồng trong chiến tranh, nhưng cũng không bổ sung được chi tiết quan trọng nào. Bà ta vẫn nhớ rõ cậu thiếu niên tị nạn, người đã trở lại sau đó mười năm cùng với quà cáp và những lời cảm ơn. Đó cũng là một trong những điểm sáng trong hồi ức của bà những năm sau chiến tranh. Bà ta chưa từng gặp lại những người khác và ký ức của bà về họ mơ hồ hơn. Tuy nhiên, bà ta có thể xác nhận chuyện một cặp vợ chồng trẻ đi cùng một đứa bé đã trốn ở đây trong vài ngày, và ông Harald Olesen đã đưa họ đi vào đêm trước khi bọn Gestapo ập đến. Bà ta hình như đã từng nghe chồng mình đề cập đến cái tên *Chân nai*, nhưng không nhớ ông Olesen có nói gì về người này.

Bà vợ ông gác đàn có vẻ tàn nhẫn khi tôi cảm ơn bà. Sau đó với vẻ sợ sệt, bà rút ra từ trong túi áo một tờ giấy gấp lại.

“Cậu nhân viên giao điện tín đã đến vào hôm nay. Việc này từng xảy ra

trước đây - nhưng không hẳn thế. Ông Harald Olesen nhận một số lượng lớn các điện tín khi còn làm việc cho chính phủ. Nhưng cái này được gửi cho tôi!”

Bà run rẩy đưa nó cho tôi. Nội dung bức điện khá ngắn gọn:

GỬI BÀ RANDI HANSEN SỐ 25 PHỐ KREBS OSLO THEO DI NGUYỆN CỦA ÔNG HARALD OLESEN QUÁ CỐ, BÀ ĐƯỢC MỜI CÓ MẶT TẠI PHÒNG HỌP CỦA CHÚNG TÔI SỐ 28B PHỐ IDUN VÀO THỨ TƯ NGÀY 10 THÁNG 4 LÚC 12 GIỜ TRƯA STOP LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐỌC DI CHỨC CỦA ÔNG OLESEN STOP HÃNG LUẬT RONNING, RONNING & RONNING.

Tôi gật đầu tỏ vẻ quan tâm và hỏi xem những người hàng xóm khác có nhận được bức điện tương tự vào hôm nay. Bà vợ ông gác dan gật đầu một cách chậm rãi.

“Vâng, vâng - tất cả bọn họ đều được nhận một bức. Anh người Mỹ đã ra ngoài nên nhân viên giao điện tín đi đến Đại sứ quán. Ông Konrad Jensen không chịu mở cửa cho đến khi nghe tiếng tôi, nên tôi phải đi cùng với cậu ta. Tôi dám chắc nó không có ý nghĩa gì đặc biệt đâu, ngoại trừ việc đây là lần đầu tiên có ai đó gửi cho tôi một điện tín. Nhưng dù sao, tôi vẫn nghĩ...”

Bà ta đột nhiên đỏ mặt như một cô nữ sinh và quay nhìn sang hướng khác. Một phút sau bà cười hời hợt và nói tiếp.

“Ồ, ai cũng có một giấc mơ nhỏ... Ông Harald Olesen là một người tử tế, anh biết đấy, ông ấy luôn nhớ tặng quà cho chúng tôi vào Giáng sinh và những dịp tương tự. Và chồng tôi cũng đã giúp đỡ ông ấy trong chiến tranh. Suy cho cùng, tôi đã dọn dẹp nhà cho ông ấy suốt chừng ấy năm tháng. Do vậy, tôi trộm nghĩ biết đâu có một cơ hội mong manh rằng trong di chúc của mình, ông ấy để lại cho chúng tôi một khoản tiền nho nhỏ.”

Tôi im lặng. Điều đó rõ ràng làm bà căng thẳng, nên bà vội nói tiếp.

“Vâng, tôi hiểu - thật tội tệ khi nghĩ như thế. Nhưng rất dễ bị cuốn vào giấc mơ giữa ban ngày đó nếu như anh cũng nghèo như tôi trong thời gian

lâu như vậy. Chỉ cần ba trăm hoặc năm trăm kron, đó đã là một gia tài nhỏ đối với tôi... Hai ngàn kron sẽ đủ cho tôi mua cà phê, mua quà Giáng sinh cũng như sinh nhật cho con cháu cho đến khi tôi đủ bảy mươi tuổi và nhận lương hưu. Tôi sẽ suốt đời biết ơn ông Harald Olesen. Dĩ nhiên sẽ không có nhiều đến như vậy. Nhưng ông ấy tốt bụng và giàu có, nên biết đâu tôi có thể hy vọng được vài trăm kron. Tôi đã chuẩn bị gói gém đồ đạc do tôi phải rời đi ngay khi ông Anton qua đời. Sau đó tôi sẽ sống với một trong số các con gái của mình; mỗi đứa sẽ luân phiên làm từ thiện bằng cách nuôi tôi trong vài tháng. Thật vui khi gặp các con và các cháu, nhưng sẽ dễ sợ biết bao nếu chỉ ngồi đó mà không có tiền để mua thứ gì đó cho chúng.”

Bà ta nhìn xuống rồi lại ngẩng lên.

‘Thứ lỗi cho tôi, nhưng tôi phải nói điều này với ai đó’, bà ta nói rất khẽ.

Tôi tha lỗi cho bà ta ngay; sau đó tôi nói lời cảm ơn và bỏ đi. Tôi không nỡ nói điều gì có thể gây cho bà hy vọng hão huyền. Tuy nhiên, tôi phải thừa nhận rằng bức điện không hề giúp tôi giảm đi cảm giác hoang mang đối với vụ án này - hay sự tò mò của tôi về bản di chúc.

Bức điện giúp tôi quyết định dứt khoát phải thử nói ra cái tên Chân nai với tất cả những người hàng xóm. Ai nấy đều ở nhà vào giờ này, nhưng rồi tôi chẳng tìm hiểu được gì nhiều.

Một lần nữa Darrell Williams lại tỏ ra rộng lượng và bất thiệp. Anh ta cười phá lên và cho biết đó thật là một bí danh đầy sáng tạo, nhưng không hề biết là ai hay điều gì ở phía sau. Anh ta gắn cái tên Chân nai với những quyển sách về Thổ dân da đỏ (có phải James Fenimore Cooper đã viết không nhỉ?) mà anh ta đã đọc vào những năm 1930. Anh ta cũng ngạc nhiên khi nhận được bức điện thông báo về việc mình được yêu cầu có mặt khi mở di chúc. Anh ta không hiểu tại sao, nhưng giờ chuyện đó đã ít bí hiểm hơn khi anh ta biết mọi người đều nhận được một bức điện. Dĩ nhiên là anh ta sẽ đến dự, vì tò mò và lịch sự.

Vợ chồng Kristian và Karen Lund đang ăn tối khi tôi gõ cửa, cậu con trai của họ ngồi trong một cái ghế cao ở cuối bàn. Một gia đình hoàn hảo. Họ xác

nhận với tôi đã nhận điện tín và quá đỗi tò mò vì lí do. Chị vợ vẫn thờ ơ như lần trước, còn anh chồng rõ ràng bình tĩnh hơn nhiều. Tôi hy vọng rằng điều đó không có nghĩa là anh ta đang che giấu điều gì với tôi, nhưng tôi cho qua. Họ khá ngạc nhiên khi nghe cái tên Chân nai, nhưng không biết gì về nó.

Cô Sara Sundqvist ban đầu ngập ngừng hé cửa với dây xích an toàn vẫn còn gắn trên chốt, nhưng tháo nó ngay khi thấy tôi. Cô ta cũng đã nhận điện tín và không chắc sẽ tham dự hay không, rồi hứa sẽ đi khi tôi nói cho cô biết tất cả mọi người có lẽ sẽ đến đó. Tôi đùa thêm rằng tôi sẽ có mặt ở đó, cho nên cô sẽ tuyệt đối an toàn. Ngay lập tức cô cười với tôi duyên dáng và hơi chồm người tới trước trên chiếc ghế. Tôi hiểu tại sao Kristian bị cuốn hút hoàn toàn bởi cô gái này, và thậm nghĩ có lẽ cô nên tập trung hơn cho sự nghiệp diễn xuất của mình.

Sara giật mình khi tôi nhắc tới cái tên Chân nai, nhưng nhanh chóng điềm tĩnh lại và nói rằng mình không liên tưởng được gì với cái tên đó. Với giọng êm ái nhất có thể, cô ta hỏi tôi cái tên đó từ đâu mà ra. Cô ta gật đầu với vẻ thấu hiểu khi tôi nói rằng tôi không thể cho cô biết lúc này. Tôi cho rằng đây là thời điểm thích hợp để cáo lui.

Ông Konrad Jensen mở cửa cũng thận trọng như trước, tuy tỏ ra bình tĩnh hơn. Ông đã chấp nhận việc mất chiếc xe nhưng tương lai vẫn có vẻ trông trải khi thiếu nó. Khi cậu giao điện tín đến trước cửa nhà, ông đã tưởng ai đó định lừa ông nên chỉ mở cửa khi bà vợ ông gác dan bước đến và bảo rằng bà cũng nhận được một cái tương tự. Ông hoàn toàn không hiểu lý do của chuyện này. Cái ý tưởng rằng ông Harald Olesen có thể để lại chút gì cho ông thật nực cười, và ông hoàn toàn không hiểu được vì sao người anh hùng thời Kháng chiến lại muốn ông có mặt ở đó. Cả câu chuyện có thể chỉ là một cái bẫy để nhử ông ra ngoài phố. Ông ta không định đi, và thực tế là không có ý định đi đâu ra ngoài hết.

Cái tên Chân nai chỉ mang đến một tiếng cười nhạt, không hơn. Ông Konrad Jensen cho rằng khi còn trẻ ông đã nghe cái tên này trong một quyển sách hay cuốn phim nào đó. Ông không biết bất kỳ mối liên hệ nào giữa nó

với ông Harald Olesen hoặc với tòa nhà. Tôi đưa ra cho ông ta một manh mối khi nhắc đến cuộc chiến tranh, nhưng ông tiếp tục lắc đầu. Với một chút bóng gió đầy lạc quan, tôi cũng cho ông ta biết rằng chúng tôi đã tìm được vài manh mối mới và sẽ sớm phá án. Ông ta thận trọng mỉm cười và chúc tôi may mắn, trước khi vội vàng đóng và khóa cửa.

Andreas Gullestad gật gù ra vẻ hiểu biết khi nghe nhắc đến cái tên Chânnai, mặc dù anh ta lại nhớ là quyển sách đó được viết bởi Ellis chứ không phải Cooper. Nhưng dù sao thì anh ta không liên hệ được cái tên đó với bất kỳ điều gì, kể cả trong và sau chiến tranh. Anh ta cũng nhận được một bức điện và cũng không rõ nguyên do, nhưng dĩ nhiên sẽ đến dự vì đó là mong muốn của người đã khuất. Bà vợ ông gác đàn đã hứa sẽ giúp anh ta xoay sở với chiếc xe lăn và cũng đã giải thích cho anh rằng bà và những người khác đều được thông báo đến dự buổi công bố di chúc đó.

Sự tương phản thể hiện rõ rệt giữa một ông Konrad Jensen căng thẳng loanh quanh trong căn hộ kế bên và một Andreas Gullestad ung dung ngồi thoải mái trong chiếc xe lăn của mình. Tuy nhiên, Gullestad không có gì để nói. Tôi rời khỏi căn hộ đó lúc 7 giờ kém 10 với lý do có một cuộc họp quan trọng. Đó là một lời nói dối vô hại. Tôi phải miễn cưỡng cảm ơn những cuộc gặp gỡ của ngày hôm nay đã cung cấp cho tôi khá nhiều thông tin quan trọng, nhưng lại quá ít kết luận để có thể đẩy nhanh cuộc điều tra.

Khi bước xuống đường, tôi nhìn lại tòa nhà số 25 phố Krebs và cảm thấy hơi âm trào dâng trong lòng ngực. Phần thưởng đúng như tôi hằng ước ao, nếu tôi được lựa chọn. Cửa sổ căn hộ của ông Harald Olesen dĩ nhiên tối đen và không có bóng người, cũng giống như cửa sổ nhà Darrell Williams. Nhà ông Konrad Jensen sáng đèn, nhưng kéo rèm kín mít. Tôi thấy Karen Lund đang đi lòng vòng trong căn hộ bế đứa trẻ trên tay. Cửa sổ căn hộ nhà Andreas Gullestad sáng đèn, nhưng không có ai xuất hiện. Còn bên cửa sổ thứ sáu là cái dáng cao ráo và thân hình đẹp đẽ của một người phụ nữ, bất động. Dù điều này cần được diễn giải, có thể thấy cô Sara Sundqvist đang dõi theo tôi với nhiều mối quan tâm hơn.



Cái bàn lớn của Patricia đã dọn sẵn cho hai người khi tôi được cô giúp việc đưa vào, trễ năm phút. Không quá bất ngờ, một ‘bữa ăn tối nhẹ’ thật ra khá là cầu kỳ đối với những người phục vụ cho gia đình Borchmann. Món đầu tiên - súp măng tây tuyệt ngon - đã được dọn sẵn trên bàn khi tôi đến. Tôi khen ngợi Benedikte về món súp và dĩ nhiên Patricia chỉnh tôi ngay.

“Thứ nhất, các cô giúp việc không chuẩn bị bữa ăn trong nhà. Đầu bếp đã có lương để làm việc đó. Và thứ hai, đây không phải Benedikte.”

Tôi nhìn cô giúp việc, ngỡ ngác vì cô rất giống cô gái tôi gặp lần trước. Cô cười e thẹn trước nhâm lẫn của tôi, và Patricia lại lên tiếng.

“Đây là cô chị sinh đôi của Benedikte; cô ấy tên là Beate. Họ luân phiên làm hai ngày rồi nghỉ hai ngày. Việc thu xếp này rất tiện lợi vì về căn bản tôi sẽ luôn có cùng một cô giúp việc với gần như cùng những thói quen tốt xấu, trong khi họ cũng có một thời gian làm việc linh động trong tuần. Bằng cách đó, cả hai cô đều có thời gian để hẹn hò với những anh chàng tương đối thông minh với vẻ ngoài không tệ lắm.”

Beate gượng cười, rõ ràng là không thoải mái lắm. Tôi cố không nói điều gì nhưng suy nghĩ trong tôi lộ liễu đến độ tôi e là cô cũng thấy được: cái cách mà Patricia dùng năng lực trí tuệ của mình không phải lúc nào cũng có duyên.

Sau khi bí ẩn về cô giúp việc được làm rõ, chúng tôi bắt đầu ăn chậm rãi. Tôi kể cho Patricia nghe từng chi tiết câu chuyện của Bjorn Erik Svendsen và ông gác đàn, cũng như việc tìm ra quyển nhật ký và những nội dung trong đó. Lần này cô không kiên nhẫn lắng nghe mà thường xuyên ngắt lời tôi với những câu hỏi sắc sảo và chi tiết.

Sau món súp, Patricia vui vẻ gác lại món chính cho đến khi cô được xem quyển nhật ký. Việc này không tốn nhiều thời gian. Patricia thực sự đọc ngẫu nhiên các trang viết và xong việc trong vòng năm phút. An toàn trong

vương quốc nhỏ bé của mình và cách xa các con phố tăm tối của Oslo, Patricia dường như không hề có cảm giác hốt hoảng như tôi và Bjorn Erik Svendsen đã cảm thấy đối với quyền nhật ký trong căn hộ của ông Harald Olesen. Nhưng cô cho thấy một sự mê mẩn không hề kém cạnh đối với nó. Một vài phút suy tư trôi qua khi chúng tôi ních đầy bụng món thịt thăn bò dùng kèm với rau và khoai tây nướng. Patricia nhai chậm rãi, nhưng không nghi ngờ gì nữa, cô suy nghĩ rất nhanh. Những phút im lặng bất thường được đều đặn cắt ngang bởi những cái chớp mắt nhanh.

“Đúng là một ngày làm việc hiệu quả”, cuối cùng cô nói khi món tráng miệng đã nằm trên bàn và cô Beate trung thành đã rời khỏi phòng. “Chúng ta đã tiến những bước dài trong cuộc điều tra và đã thu thập được thông tin mà tôi tin chắc là cực kỳ quan trọng.”

Tôi gật đầu một cách kiêu hãnh.

“Vâng, cảm ơn cô. Có vẻ như vậy. Nhưng tôi vẫn chưa thấy làm cách nào phá được vụ án này.”

Patricia lại nở nụ cười lém lỉnh thường thấy.

“Điều đó không có gì lạ - bản thân tôi cũng chưa thấy mà. Chúng ta vẫn còn thiếu một vài thông tin chủ chốt, điều này có nghĩa là chúng ta chưa có được bức chân dung rõ ràng của hung thủ. Nhưng cả quyền nhật ký lẫn câu chuyện của ông gác đàn đã góp vài chi tiết mới vào bức vẽ này.”

Patricia dừng nói để suy nghĩ một chút trước khi tiếp tục.

“Các chữ cái trong quyền nhật ký chắc chắn phải có nghĩa và có thể mang tính quyết định. Ông Harald Olesen có vẻ không chọn chúng theo một hệ thống đã biết, vì trong trường hợp đó, phải bắt đầu với A hoặc X. Ông đã dùng các chữ cái để tạo ra một sự liên hệ trực tiếp cho ông, hoặc với một cái tên, hoặc với một biệt danh mà ông đặt cho người có liên quan. Bằng cách đó, ông sẽ dễ dàng nhận ra chúng, nhưng đối với chúng ta, chúng lại là trò chơi ô chữ cực kỳ khó giải. Dường như ông có chủ ý gây khó cho người viết tiểu sử, họ hàng hoặc bất kỳ người nào có được quyền nhật ký sau này. Tôi gần như chắc chắn rằng ông Olesen không dùng tên cho những người quan

trọng, C, J, P hoặc O, mà là biệt danh hoặc từ ngữ nào đó mà ông gán cho những người này. O dường như làm việc một mình và có vẻ ít nguy hiểm, dù rằng người này và ông Harald Olesen rõ ràng từng có những bí mật và xung đột trong quá khứ. Ngược lại, C, J và P dường như liên quan với nhau theo một cách nào đấy.”

‘J có thể là Konrad Jensen’, tôi đề xuất; với hy vọng đóng góp điều gì đó không quá ngớ ngẩn.

Patricia khẽ lắc đầu.

“Dĩ nhiên tôi cũng cân nhắc khả năng đó; nhưng các ghi chép không khớp lắm. Dường như J là một người gọi lên sự cảm mến và cảm giác tội lỗi trong ông Harald Olesen. Và mặc dù chúng ta không bao giờ biết hết những điều ẩn giấu trong quá khứ, khó có khả năng một ông Phát xít già khớp với vai trò đó.”

Patricia đột nhiên bỏ cái muỗng dùng tráng miệng xuống và suy nghĩ rất lung. Tôi gần như nghe thấy tiếng cọt két trong đầu cô ấy. Rồi cũng đột ngột như thế, cô bật ra một câu hỏi bất ngờ.

“Tôi chắc chắn là anh đã kiểm tra việc này, tuy nhiên, tôi không chắc anh đã nói cho tôi nghe hay chưa... Người mẹ đã khuất của Kristian Lund tên là gì?”

Chưa ai nói cho tôi biết và tôi cũng chưa hỏi. May mắn là tôi có nhớ đem theo tất cả các giấy tờ hộ tịch mà Patricia yêu cầu, nên nhanh chóng tìm ra thông tin liên quan đến Kristian Lund. Một suy nghĩ chợt lóe lên khi tôi lật xem các tờ giấy, và tôi nhìn Patricia với ánh mắt ngạc nhiên.

“Nhưng mẹ của Kristian Lund đã qua đời khi ông Harald Olesen bắt đầu ghi chép về C, J, P và O.”

Có chút châm biếm trong giọng nói của Patricia khi cô trả lời: “Chính thế!”

Tôi liếc nhanh thông tin trên tờ giấy, hy vọng không tỏ ra quá chậm chạp như tôi cảm thấy.

“Kristian dĩ nhiên mang họ mẹ, vì không có cha. Tên bà ấy là Nathalie.”

Patricia cau mày, lắc đầu và thở dài.

“Tôi e là cái tên Nathalie Lund không giúp gì nhiều cho chúng ta... Biết đâu bà ấy có tên lót hay biệt danh nào mà bà từng dùng hoặc được biết đến chẳng?”

Tôi nhìn vào tờ giấy trong hồ sơ hộ tịch, tiếp đó là hai trang ghi chép về phiên tòa xử bà tội phản quốc.

“Không có tên lót, nhưng có một ghi chú ở đây cho thấy người ta thường gọi bà là Sonja trong chiến tranh, vì vẻ ngoài của bà giống minh tinh màn bạc Sonja Henie.”

Một thoáng im lặng. Khi tôi nhìn lên, tôi phát hiện ra Patricia đang nhìn tôi chăm chăm đầy kết tội.

“Anh có thể giúp chúng ta tiến nhanh hơn nếu nói ngay cho tôi biết điều này! Nó hoàn toàn ăn khớp với kịch bản hiển nhiên. Chúng ta vẫn chưa biết kẻ sát nhân là ai, nhưng ít nhất chúng ta đã nhận diện được chữ P bí ẩn là người quản lý cửa hàng Kristian Lund, người có địa chỉ nhà là 25 phố Krebs.”

Tôi nhìn Patricia như thể cô ấy là một người sao Hỏa da xanh đi giày trượt chứ không phải một phụ nữ da trắng đang ngồi xe lăn. Cô đảo mắt.

“Căn cứ trên việc chữ ‘S’ có thể là ‘Sonja’ và điều này dựa trên vẻ ngoài giống với nữ minh tinh nổi tiếng và xinh đẹp ấy của bà ta, thì phần còn lại khá là cơ bản, thừa anh Kristiansen thân mến. Toàn bộ các sự kiện ăn khớp nhau đến nỗi không thể là trùng hợp. Konrad Jensen đã đúng khi nói đã thấy ông Harald Olesen đến đón một người phụ nữ trẻ từ một cuộc họp của đảng NS ở Asker năm 1939. Bà ấy đến từ Drammen và có mối quan hệ với Harald Olesen. Một điều ông ta tuyệt đối không muốn được nhắc đến sau này, vì nhiều lí do mà tôi hy vọng không cần phải giải thích. Như vậy ‘S’, người được đề cập ngắn gọn trong nhật ký của ông Harald Olesen, nghĩa là ‘Sonja’. Một cách hoàn toàn tự nhiên, ông ta sẽ vẫn dùng một cái tên thân mật để chỉ người tình cũ. Điều này đồng nghĩa nhân vật P mà ông Harald Olesen gặp tình cờ cùng với S, người sau này tổng tiền ông, dĩ nhiên là con trai của bà

ta. Trong trường hợp này cũng không có gì ngạc nhiên khi Kristian Lund không muốn cho anh xem các chứng từ ngân hàng của anh ta.”

Tôi sực nhớ ra chi tiết về chiếc xe khi đến gặp bà vợ ông gác đàn, nhưng rồi lại nhanh chóng quên mất nó. Việc đó làm tôi bực dọc, nên tôi hỏi tiếp.

“Vậy thì ‘P’ có nghĩa là gì?”

Patricia sốt ruột nhíu mày.

“Đó là một câu hỏi không mấy quan trọng mà tôi chưa thể trả lời một cách chắc chắn lúc này và có lẽ chúng ta cũng không bao giờ có câu trả lời chính xác được. Nhưng tôi đoán chữ P đó có nghĩa đại loại là ‘Phát xít con’. Quan trọng hơn, dường như anh ta chính là con đẻ của ông Harald Olesen.”

Như thế này rõ ràng là quá nhiều thứ cùng một lúc. Căn phòng bắt đầu xoay quanh tôi, nhưng giọng nói của Patricia vẫn rõ ràng và đầy thuyết phục khi cô nói tiếp.

“Dĩ nhiên hoàn toàn có thể là Kristian Lund chỉ tổng tiền ông Harald Olesen đơn thuần dựa trên việc anh ta biết ông này từng có mối quan hệ với một người phụ nữ theo đảng NS. Nhưng nguyên nhân sẽ lớn hơn và cảm xúc sẽ mãnh liệt hơn, nếu ông Harald Olesen thật sự là cha ruột của anh ta. Mọi thứ cũng phù hợp về mặt thời gian, nếu chúng ta cho rằng ông Harald Olesen có quan hệ với mẹ anh ta vào cuối năm 1939, Kristian Lund được sinh ra vào mùa đông 1941. Nếu bà mang thai đứa trẻ vào khoảng tháng 5 hoặc tháng 6 năm 1940, tình hình cũng chẳng đỡ hơn đối với ông Olesen. Ngoài ra, điều đó có thể giải thích một số điểm tương đồng giữa người cha và con trai. Cả hai rõ ràng đều thông minh và đầy năng lượng. Và cả hai đều có năng khiếu trong những việc trái đạo đức, đặc biệt là cặp kè với những người phụ nữ xinh đẹp trong khi những bà vợ ngây thơ của họ không hề hay biết.”

Tiếp theo câu nói cuối cùng, Patricia bật ra một tiếng cười khúc khích trẻ con nghe không dễ chịu chút nào. Tôi nhận ra quan điểm của Patricia về tình yêu khá là cổ hủ. Tuy nhiên, tôi không thấy có lí do để mất thời gian thảo luận về việc này, vì sự đột phá trong các lí lẽ của cô rất quan trọng và có sức thuyết phục lớn.

“Chuyện này sẽ đẩy Kristian Lund vào tình thế khó khăn.” Patricia lập tức ngưng cười, cô nhanh chóng tỏ ra nghiêm túc và sốt sắng trở lại. “Có và không. Có, theo nghĩa là anh ta rõ ràng không chỉ thiếu chung thủy với vợ, mà còn tống tiền cha ruột mình. Vâng, đúng là anh ta không chỉ nói dối, mà còn là một kẻ nói dối bệnh hoạn và quỷ quyệt. Anh ta có thể còn vượt ngưỡng hình sự trong vấn đề chứng cứ giả. Nhưng không, theo nghĩa rằng việc anh ta có bắn ông Harald Olesen hay không vẫn là một câu hỏi mở. Theo quyền nhật ký, P dĩ nhiên là một kẻ sát nhân tiềm năng, nhưng J, O và chắc chắn là C, cũng đều có thể. Ngoài ra, cũng còn có thể có kẻ thứ năm, có hoặc không có liên quan với một trong bốn người đó, người mà ông Harald Olesen không hề biết gì. Anh nhất định phải thẩm vấn Kristian Lund lần nữa. Trong thời gian đó, chúng ta cố gắng xác định cho được danh tính của C, J và O. Với những thông tin ít ỏi lúc này, tôi chỉ có thể đặt ra vài giả thiết mong manh mà thôi.”

Tôi chờ nửa phút hy vọng rằng cô sẽ chia sẻ các giả thiết của mình về danh tính của C, J và O với tôi - mong manh hay không mong manh cũng được - nhưng thay vào đó, Patricia lại đặt ra một câu hỏi bất ngờ khác.

“Thời hạn truy tố tội giết người ở Na Uy vẫn là hai mươi lăm năm, phải không?”

Tôi xác nhận, nhưng nói thêm rằng mình thật tình hy vọng chúng tôi có thể hoàn tất việc điều tra trước thời điểm đó. Cô cười lịch sự, nhưng nhanh chóng nghiêm túc trở lại.

“Tôi đang nghĩ về quá khứ chứ không phải tương lai. Cũng có thể tôi bị ảnh hưởng bởi gần đây có đọc một quyển tiểu thuyết của tác giả trinh thám bậc thầy người Bỉ-Pháp tên là Simenon, trong đó thời hiệu của một vụ án mạng cũ đột nhiên làm phát sinh vài vụ án mạng mới. Và nó có thể cũng rất quan trọng với chúng ta. Những sự kiện mà ông gác dạn kể đều xảy ra vào mùa thu năm 1944. Nếu chúng ta giả thiết rằng trong khoảng thời gian này có một hoặc vài vụ án mạng mà ông Harald Olesen biết, trong đó có liên quan đến Chân nai và một số người còn sống khác... như thế họ vẫn là

những tội phạm, nhưng chỉ sau một năm nữa kể từ bây giờ, họ sẽ được miễn trừ do đã hết thời hạn truy tố.”

Tôi gật đầu và hỏi liệu cô có nghĩ điều đó có tính quyết định đến vụ án này.

“Một lần nữa, có và không. Tôi càng ngày càng có cảm giác rằng có việc gì đó lớn lao và nghiêm trọng xảy ra trong chiến tranh, điều mấu chốt của vụ án này. Tôi nghĩ trong một chừng mực nào đó nó thuộc về cảm xúc hoặc đại loại thế, nhưng sự dính líu đến pháp luật vẫn có thể quan trọng. Đặc biệt khi chúng ta cân nhắc việc có ai đó cực kỳ mong ước ông Harald Olesen sẽ tiếp tục giữ im lặng về chuyện đã xảy ra trong chiến tranh - vĩnh viễn là tốt nhất, nhưng chắc chắn là cho đến khi hết thời hạn truy tố. Điều này cũng tương đối phù hợp với các ghi chú trong quyển nhật ký.”

Patricia chìm trong suy nghĩ một lúc. Sau đó cô một lần nữa phục kích tôi bằng một câu hỏi hoàn toàn bất ngờ.

“Vì anh rất cao, và quan trọng là có thể đứng lên được, anh có thể lấy xuống cho tôi quyển niên giám năm 1967 được không? Nó có thể rất quan trọng đối với vụ án, và thật dễ tìm. Đó phải là quyển thứ tám tính từ phía bên phải của kệ sách trên cùng bên trái, sau lưng tôi.”

Tôi đứng lên một cách máy móc và theo hướng dẫn, tìm đến quyển niên giám năm 1967 của cô. Tôi không cưỡng lại được mong muốn trẻ con để nói rằng thật ra quyển sách là thứ mười chứ không phải thứ tám. Ngay lập tức tôi hối hận vì đã nói ra điều đó. Gương mặt Patricia sa sầm, và khi cô ấy cầm lấy quyển niên giám, cô cầu nhàu gì đó về Benedikte và Beate, quả trách họ đã gây xáo trộn trong đợt dọn dẹp mùa xuân. Sau khi lướt nhanh nội dung, cô có vẻ quả quyết và đắc thắng trong mắt khi ngược lên nhìn tôi.

“Thôi, vị trí quyển sách rõ ràng không liên quan. Tuy nhiên, tôi đã đứng về điều duy nhất quan trọng trong quyển niên giám này, đó là vào năm ngoái, lễ *Hiện xuống* rơi vào kỳ cuối tuần từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 5.”

Sau một phút suy nghĩ căng thẳng, tôi phải ngậm đắng nuốt cay thừa nhận rằng tôi không hiểu lễ *Hiện xuống* năm ngoái có ý nghĩa gì đối với vụ án

mạng năm nay. Patricia trả lời với một giọng ngọt như đường và nụ cười tươi tắn.

“Chuyện này hoàn toàn có thể hiểu được. Có rất nhiều sự kiện khác thường liên quan đến vụ án này và đòi hỏi một trí nhớ đặc biệt tốt để nhận ra tầm quan trọng của nó. Nhưng dù sao thì chi tiết này cũng rất quan trọng.”

Ngay lúc đó tôi chợt nhận ra những người tỏ ra rất hiểu biết thỉnh thoảng lại tỏ ra cực kỳ châm biếm. May thay, sự bực dọc của tôi nhanh chóng chuyển sang tò mò và Patricia ngay lập tức giải thích cho tôi nghe.

“Lần đầu tiên C được đề cập trong quyền nhật ký của ông Harald Olesen là khi anh ta đến căn hộ của ông ta vào ngày 15 tháng 5 năm 1967. Andreas Gullestad, người tình cờ có một trí nhớ đáng nể, đã nói rằng vào dịp lễ Hiện xuống năm ngoái anh ta đã thấy một người bí ẩn mặc áo khoác đi mưa màu xanh dương trong tòa nhà đó. Chúng ta chưa thể biết liệu C có hiện diện tại tòa nhà 25 phố Krebs vào đêm xảy ra án mạng hay không, và dĩ nhiên càng không thể biết liệu C có sát hại ông Harald Olesen hay không. Điều tương tự cũng đúng với người mặc áo khoác đi mưa màu xanh dương. Tuy nhiên, rất có khả năng nhân vật này chính là C, và C đã đến thăm ông Harald Olesen ngày 15 tháng 5 năm 1967. Việc này càng trở nên đáng quan tâm hơn khi có một cái áo mưa màu xanh dương được tìm thấy trong thùng rác vào đêm ông Harald Olesen bị ám sát. Hay là có chi tiết căn bản nào mà tôi đã bỏ sót nhỉ?”

Hẳn nhiên cô đã không bỏ qua chi tiết căn bản nào. Tôi thì ngược lại, bỏ qua nhiều thứ quan trọng hơn. Tuy nhiên, tôi chưa hiểu một việc và buộc phải hỏi lại.

“Trong trường hợp đó, chuyện gì đã xảy đến cho C? Có thể nào C cũng chính là Chân nai không?”

Rõ ràng chúng tôi đang nắm bắt được một điều gì đó. Patricia khẽ gật đầu và hăm hở nói tiếp: “Tôi đã suy nghĩ nhiều về hai câu hỏi cụ thể và quan trọng trên, C tất nhiên có thể là một cái tên hoặc một từ thông dụng: Carlsen, Christensen, Chim sẻ - hoặc Chân nai. Nếu là Chân nai, C có thể phù hợp

với nhân vật đã vào tòa nhà vào ngày 15 tháng 5 để gặp ông Harald Olesen và không muốn có nguy cơ bị ai đó nhận ra. Nhưng lúc này chúng ta chưa biết gì về người Chân nai mà ông Harald Olesen quen trong chiến tranh. Chúng ta không có một cái tên hay gương mặt gợi ý nào, và không biết gã ta đến từ đâu, đã làm gì. Thật ra thì, chúng ta còn chưa thể loại trừ khả năng ‘gã’ là một ‘ả’. Danh tính của Chân nai và việc gã hay ả còn sống hay không có thể không quan trọng mấy nhưng cũng có thể là chìa khóa cốt yếu để mở bí ẩn này. Lần tới anh hãy hỏi về việc này với Bjorn Erik Svendsen, Jesper Christopher Haraldsen hoặc bất kỳ ai khác từng nghe nói tới Chân nai. Nhưng nếu ‘C’ ám chỉ ‘Chân nai’ và cũng chính C xuất hiện từ trong quá khứ vào đêm ông Harald Olesen bị ám sát, chúng ta không những phải giải thích bằng cách nào gã hay ả đã xoay xở để trốn thoát, mà còn phải tìm ra bằng cách nào gã hay ả lọt được vào nhà mà không bị phát hiện. Trừ phi...”

Patricia ngồi nhìn chăm chăm phía trước mặt và chìm trong suy nghĩ.

“Trừ phi...” tôi tiếp lời, với hy vọng có thể cắt đứt dòng suy nghĩ của cô. Tôi nhận ra Patricia không thích nói những điều mà về sau hóa ra là sai. Cô do dự trong nửa phút, nhưng rồi bắt đầu.

“Trừ phi C không cần phải đi vào và ra khỏi tòa nhà, bởi vì gã hay ả sống trong tòa nhà và vẫn luôn hiện diện ở đó. Như vậy, C là một trong số những người anh đã gặp. Hai vợ chồng nhà Lund và cô Sara Sundqvist đều được sinh trong chiến tranh, Ivar Storskog, mà nay là Andreas Gullestad, chỉ là một cậu bé khi cha mình bị bắn chết trong chiến tranh và chúng ta có thể an tâm nói rằng ông Konrad Jensen không hề tham gia vào phong trào Kháng chiến. Nhưng Darrell Williams là một người đàn ông trẻ tuổi, từng ở Na Uy và từng tích cực chiến đấu chống lại quân Đức. Có vẻ không phù hợp lắm khi một người Mỹ lại được sử dụng với vai trò dẫn đường ở Na Uy, nhưng những hoàn cảnh xung quanh toàn bộ câu chuyện này vẫn còn chưa rõ. Một số căn cứ lỏng lẻo có thể là Darrell Williams hồi đó có bước chân nhẹ nhàng hơn, ngoài ra Chân nai là một cái tên nổi tiếng của văn học thiếu nhi Mỹ. Và cụ thể hơn là trong những quyển sách của Edward S. Ellis.”

“Tôi tưởng của James Fenimore Cooper,” tôi đáp.

Patricia lắc đầu dứt khoát - với đôi má ửng hồng.

“Chắc chắn là Ellis. Tôi không có những quyển sách đó ở đây, dĩ nhiên rồi. Tôi đã đọc chúng vào giờ nghỉ trưa hồi học cấp hai hoặc cấp ba. Nhưng hoàn toàn không thể nhầm lẫn về cái tên này; bọn con trai ngốc nghếch lớp tôi chắc chắn đã nói đầy tai tôi về mấy quyển sách đó.”

‘Darrell Williams cho đó là Cooper’, tôi thận trọng phản bác.

Đột nhiên sự im lặng bao trùm căn phòng.

“Làm sao anh biết Darrell Williams cho rằng như thế?” Sau phút im lặng nặng nề, Patricia thốt lên với một giọng gần như kết tội. Gương mặt xanh xao của cô đột nhiên trắng bệch, và có điều gì giống như nỗi sợ hãi lóe lên trong đôi mắt sẫm màu của cô.

Tôi nói ngay rằng mình đã thử nhắc đến cái tên ‘Chân nai’ với bà vợ ông gác đàn và những người khác nhưng không khám phá được gì qua phản ứng của họ.

Nhận tin này, gương mặt Patricia càng trắng bệch hơn nữa. Tôi chợt nhận ra đằng sau một thái độ đầy tự tin và một giọng nói điềm tĩnh, cô thật ra vẫn là một cô gái trẻ nhạy cảm.

“Tôi hiểu được động cơ của anh và đó là một bước đi táo bạo trong ván cờ hệ trọng này. Có lẽ anh nghĩ rằng nếu thật sự ai đó trong tòa nhà là kẻ sát nhân hoặc thông đồng với gã hoặc ả, mà hoàn toàn có thể thế thật, thì người đó sẽ cảm thấy áp lực nhiều hơn khi nhận ra cuộc điều tra đang có tiến bộ. Nếu tên Chân nai bí ẩn kia có liên quan đến vụ án, áp lực có khả năng sẽ khiến gã hay ả có những động thái đáng ngờ.”

Tôi gật đầu. Đó cũng là những gì tôi đã nghĩ.

“Vấn đề nằm ở chỗ, tuy rằng anh hoàn toàn đúng về giả thiết trên, nguy cơ xảy ra các sự kiện bi kịch hơn giờ đây đã tăng gấp đôi!”

Tôi giơ tay phản đối.

“Tôi đã bố trí những cảnh sát viên tin cậy và có vũ trang ở cả hai phía của tòa nhà. Sẽ là một kỳ công nếu có thể trốn thoát mà không bị họ bắt gặp.”

Patricia gật đầu nhưng không mỉm cười.

“Rất tốt, nhưng việc tên sát nhân tẩu thoát không phải là điều mà tôi e sợ. Chúng ta thậm chí còn hy vọng điều đó xảy ra: nó sẽ vạch mặt kẻ giết người mà không gây thêm bất cứ tổn hại nào. Tôi rất quan ngại rằng một việc gì đó bi thảm sẽ xảy ra trong tòa nhà. Chúng ta vẫn chưa biết ai là kẻ sát nhân, nhưng căn cứ trên những gì đã biết, chúng ta đang truy lùng một sát thủ xảo quyệt và quyết đoán khác thường.”

Patricia bồn chồn cựa quậy trên chiếc xe lăn trong vài phút. Rõ ràng là tình huống hiện nay đã có một bước chuyển biến bất ngờ mà cô không thích, và không còn đơn thuần là một trò chơi trí tuệ đối với cô.

“Tôi chỉ muốn anh bố trí ngay một cảnh sát gác ở từng tầng một của tòa nhà số 25 phố Krebs từ tối nay”, cô đột ngột lên tiếng. ‘Nhưng dĩ nhiên đó là quyết định của anh,’ cô nói luôn một hơi.

Tôi nhìn đồng hồ - đã là 9 giờ 15 phút - và trả lời cô một cách chân thành nhất: sẽ khó mà giải trình một biện pháp quyết liệt như vậy trong thời gian gấp rút thế này, hơn nữa chúng tôi không thể tìm thêm được ba viên cảnh sát sẵn sàng làm nhiệm vụ ngay bây giờ. Quả vậy, bản thân vụ án này đã quá đủ rắc rối và đáng sợ, không cần chúng tôi phải thấy ma giữa ban ngày.

Patricia có vẻ dịu lại. Cô xin lỗi vì phản ứng thái quá và lặp lại rằng chỉ có tôi mới có thể ra quyết định khó khăn đó. Tuy nhiên, cô đã yêu cầu tôi ít nhất cũng suy tính khi đi ngủ tối nay và đánh giá khả năng đó vào buổi sáng. Cứ như thể nỗi sợ hãi và sự bí ẩn trong quyển nhật ký cũng đã ảnh hưởng đến Patricia, dù vài tiếng đã trôi qua, và dù cô ấy đang rất an toàn trong nhà mình.

Không khí trong phòng khá căng thẳng khi chúng tôi chào tạm biệt ít lâu sau đó, vừa đúng lúc đồng hồ điểm 10 giờ. Tôi cảm ơn cô về bữa ăn và những lời khuyên tốt, nhưng đáp lại chỉ nhận được một nụ cười gượng. Patricia có vẻ phần nào dịu lại khi tôi hứa sẽ cân nhắc việc tăng cường an ninh vào sáng hôm sau và sẽ cho cô biết ngay nếu có tiến triển quan trọng trong vụ án.

Có một sự cố nhỏ nhỏ xảy ra khi tôi đứng lên ra về và đưa mắt nhìn lướt qua các kệ sách trong lúc chờ cô nàng Beate trung thành. Patricia đột nhiên trở nên rất lo lắng trước giờ giấc khuya khoắt và nhất quyết không giữ tôi lại thêm một chút nào nữa. Cô lập tức nhấn chuông gọi Beate và yêu cầu cô ta tiễn tôi ra về càng nhanh càng tốt.

Tuy nhiên, bí ẩn nhỏ đã được sáng tỏ mà không cần sự trợ giúp nào, ơn trời, khi tôi theo sau Beate bước xuống các bậc thang ra đường chỉ vài phút sau đó. Nó cũng xác nhận với tôi rằng Patricia một lần nữa đã đúng, và rằng Darrell Williams đã vô tình hoặc cố ý thông tin sai về quyền sách có nhân vật Chân nai. Chúng được viết bởi Edward S. Ellis. Bất chấp nỗ lực của Patricia để che giấu sự thật là chúng nằm ở đó, tôi đã thoáng thấy bốn quyền của bộ sách chễm chệ trên kệ sách.

Khi đã ra bên ngoài, trên đường ra chỗ chiếc xe trong đêm tối, tôi một lần nữa nghĩ đến tính chất nghiêm trọng của vụ án mạng. Mặc dù danh tính của kẻ sát nhân vẫn còn chưa được làm rõ, tôi cảm thấy với sự giúp đỡ của Patricia chúng tôi đã có được một số đột phá quan trọng. Khi tôi mở cửa căn hộ của mình và nằm vật xuống giường, suy nghĩ mạch lạc cuối cùng của tôi là thứ Ba ngày 9 tháng 4 sẽ có thể là một ngày căng thẳng nữa của cuộc điều tra. Và sung sướng làm sao, lúc ấy tôi không hề biết nó sẽ bi kịch đến thế nào.

NGÀY THỨ SÁU



CÁI CHẾT BÍ ẨN

Vào thứ Ba, 9 tháng 4, ngày làm việc của tôi bắt đầu ở đồn cảnh sát lúc 8 giờ 30 phút. Tôi đã xếp Kristian Lund ở đầu danh sách cần gặp, nhưng tôi cố suy nghĩ cho hợp lý và yêu cầu thư ký của mình thu xếp ba cuộc họp quan trọng mà tôi đã trì hoãn quá lâu: với ngài Đại sứ Mỹ, Thẩm phán Tòa án Tối cao Jesper Christopher Haraldsen và Thư ký Đảng Haavard Linde. Cô thư ký mỉm cười và nói rằng ít nhất cũng có thể thu xếp cuộc họp đầu tiên nội trong hôm nay. Tôi nhìn cô đầy ngạc nhiên. Cô rút ra một tờ điện tín vừa đến vào sáng sớm hôm nay, và ngay lập tức một luồng điện chạy dọc sống lưng tôi.

NGÀI ĐẠI SỨ MỸ YÊU CẦU MỘT CUỘC HỌP CÀNG SỚM CÀNG TỐT VỚI THANH TRA CẢNH SÁT KRISTIENSEN STOP LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐIỀU TRA VỤ SÁT HẠI ÔNG HARALD OLESEN STOP ĐỀ NGHỊ GẶP GỠ TẠI ĐẠI SỨ QUÁN HÔM NAY LÚC 1PM NẾU CÓ THỂ STOP YÊU CẦU PHÚC ĐÁP NGAY STOP THAM TÁN ĐẠI SỨ QUÁN GEORGE ADAMS

Với giọng điềm đạm, tôi chấp nhận lời đề nghị và yêu cầu cô thư ký phúc đáp ngay rằng tôi sẽ gặp George Adams lúc 1 giờ chiều. Sau đó tôi nhờ cô thu xếp những cuộc họp khác trong ngày, bất kể thứ tự với Jesper christopher Haraldsen và Haavard Linde, liên quan đến cuộc điều tra đang tiến hành về vụ sát hại một cựu thành viên nội các và cựu lãnh đạo Kháng chiến. Tôi ngồi đó một lúc và tự hỏi tại sao Đại sứ quán Mỹ lại tự động liên lạc với mình để yêu cầu một cuộc gặp khẩn cấp. Tôi không rút ra được kết luận nào ngoài việc có thể nó liên quan gì đó với Darrell Williams, và theo quan điểm của tôi đây khó lòng là một tin tức tốt lành.

Lúc 9 giờ, tôi gọi điện thoại đến cửa hàng thể thao để biết Kristian Lund đã đi làm hay chưa. Khi chất giọng hoạt bát ở đầu dây bên kia cho biết anh ta vừa đến, tôi lịch sự thông báo rằng mình sẽ có mặt sau vài phút nữa và lập

tức ra xe. Tôi cần phải suy nghĩ về điều gì đó khác trước cuộc họp tại sù quán, và phải thừa nhận rằng việc đạt được bất kỳ bước tiến nào trong cuộc điều tra trước thời điểm đó sẽ là một sự khuây khỏa lớn.

Kristian Lund hiển nhiên đã được báo trước và đã ngồi sẵn sàng trong văn phòng với nụ cười tươi trên môi khi cô thư ký đưa tôi vào. Tôi nhanh chóng cảm ơn cô gái và đóng cửa cẩn thận khi cô rời khỏi phòng. Lúc tôi ngồi xuống, nụ cười trên gương mặt tay quản lý cửa hàng đã nhanh chóng chuyển thành nỗi băn khoăn thấy rõ.

“Tin tức tốt lành là chúng tôi không cần chi tiết nào về tài khoản ngân hàng của anh nữa.”

Anh ta gật đầu cảm ơn. Việc này thúc đẩy tôi tấn công anh ta. “Tin xấu là chúng tôi đã biết anh tổng tiền ông Harald Olesen.”

Kristian Lund vẫn giữ một sự điềm tĩnh ấn tượng, nên trong một lúc tôi đã tự hỏi liệu chúng tôi có mắc sai lầm hay không. Thế rồi anh ta gật đầu một cách nặng nề.

“Tôi đã nghĩ đến việc kể cho anh nghe toàn bộ câu chuyện trong ngày hôm nay... Việc từ chối cho anh xem tài khoản của tôi là một phản ứng trong lúc hoảng sợ và chỉ càng làm tăng thêm nghi vấn về những việc nghiêm trọng. Phải, sự thật là tôi có nhận một số tiền đáng kể từ ông Harald Olesen vài lần trong năm rồi, nhưng tôi sẽ không gọi đó là tổng tiền. Sẽ công bằng hơn nếu nói là tôi đã hỏi xin và nhận được những gì ông ta lẽ ra phải cho tôi từ lâu.”

Tôi thầm cảm ơn Patricia vì ‘một phát trúng hồng tâm’ nữa và nhanh chóng tiếp nối thành công này.

“Bởi vì ông ấy là cha anh. Có lẽ đó là lí do vì sao anh chuyển đến số 25 phố Krebs?”

Thật bất ngờ, anh ta lắc đầu trước câu hỏi thực ra là ứng biến từ phía tôi.

“Tin hay không thì tùy anh, nhưng việc chuyển đến cùng một tòa nhà thuận túy là ngẫu nhiên. Hình như tôi đã nghĩ có thể cũng thú vị nếu được sống trong cùng một tòa nhà với một nhà cựu lãnh đạo phong trào Kháng

chiến và là một cựu thành viên nội các. Điều này có thể ảnh hưởng đến sự lựa chọn của chúng tôi, nhưng vào lúc đó, tôi không hề biết ông ta là cha mình. Thật ra thì phải nói ngược lại mới đúng: tôi phát hiện ra ông ta là cha mình vì chúng tôi đã chuyển đến đây. Anh đã đúng - ông ta chính là cha tôi. Và tôi hy vọng anh sẽ sớm có thể rút ra kết luận rằng xung đột về tài chính giữa tôi và cha tôi không liên quan gì đến cái chết của ông.”

Tôi không muốn rút ra bất kỳ kết luận nào ngay mà yêu cầu Kristian Lund trả lời tức thì và thành thật về việc bằng cách nào và khi nào anh ta phát hiện ra mối quan hệ đó. Đầu tiên anh ta im lặng, nhưng rồi anh ta cũng bắt đầu kể, sau một tiếng cười ngắn và chua chát.

“Tôi rất sẵn lòng nói cho anh biết; đó là một sự trùng hợp kỳ lạ. Chắc hẳn anh vẫn còn nhớ tôi đã nói với anh, tôi đã truy vấn mẹ tôi hàng năm trời để buộc bà nói cho tôi biết ai là cha tôi. Thế rồi, tôi đã ít nhiều chấp nhận thực tế rằng đó sẽ vĩnh viễn là một bí mật. Nó càng ít quan trọng hơn nữa khi giờ đây tôi đã có một công việc tốt và gia đình riêng của mình. Ngoài ra, mẹ bị bệnh rất nặng, nên thật không phải nếu dần vất bà thêm nữa. Nhưng rồi đến một ngày định mệnh vào cuối thu, cách nay khoảng một năm rưỡi. Đó là lần cuối cùng mẹ tôi còn có thể đến thăm chúng tôi và tôi đã gần như phải bế bà ra khỏi căn hộ ở Drammen. Sau này tôi thường tự hỏi mọi việc sẽ khác đi như thế nào nếu bà không thể đến ngày hôm đó. Nhưng tôi vẫn chưa hình dung được việc này có liên quan gì với vụ án mạng...”

Anh ta gật đầu suy tư, châm một điếu thuốc và nói tiếp.

“Tôi đã đậu xe và đang giúp mẹ vào nhà. Bà cứ ho mãi và ôm chặt cổ tôi như một đứa trẻ bị bệnh. Chúng tôi đang bước lên cầu thang thì tôi nhận thấy gương mặt bà đông cứng lại vì kinh ngạc và sùng kính mà tôi chưa từng thấy ở bà trước đây. Tôi nhìn lên và phát hiện ra chúng tôi đã chạm trán ông Harald Olesen, nhưng tôi gần như không có thời gian để nhận ra ông ta, vì ông ta đã nhanh chóng leo ngược lên cầu thang và quay trở vào căn hộ của mình. Tôi lập tức cảm thấy chuyện này thật lạ lùng, vì ông ta đang trên đường đi ra khi chúng tôi gặp nhau ở cầu thang. Tôi không kịp thấy được nét

mặt của ông ta. Mẹ tôi không nói gì hết và tôi cũng không muốn hỏi. Nhưng bà ấy có vẻ xa vắng và lạ lùng suốt ngày hôm đó, khiến mỗi nghi ngờ của tôi về việc có một mối liên hệ nào đó giữa mẹ và ông Harald Olesen chỉ ngày càng mạnh mẽ hơn.”

Kristian Lund trầm ngâm nhả vài vòng khói trong phòng, nhưng rồi nhanh chóng tiếp tục câu chuyện.

“Và thế là một lần nữa tôi lại dành nhiều thời gian suy ngẫm về bí mật lớn lao thời niên thiếu. Một ngày tôi tìm đến thư viện và tìm thấy vài quyển sách với hình ảnh của ông ta thời chiến tranh. Tôi giống mẹ tôi nhiều hơn, nên gương mặt của chúng tôi không giống nhau, nhưng đôi mắt và cái tai quá tương đồng dường như đã xác nhận những gì tôi nghĩ. Đó là một tình huống tiến thoái lưỡng nan đầy khó khăn. Mẹ tôi đang ở giữa sự sống và cái chết, tôi không muốn làm bất kỳ điều gì có thể gây thêm gánh nặng cho bà. Nhưng cùng lúc đó, danh tính mơ hồ của cha tôi cứ như ngọn lửa thiêu đốt tôi từ bên trong, nó càng lúc càng nặng nề khi mẹ tiến gần đến cái chết. Rồi một buổi tối, bệnh viện từ Drammen gọi cho tôi để nói rằng có lẽ bà sẽ không sống nổi qua đêm, và tôi đã quyết định. Tôi lái xe thẳng đến đó, túc trực bên mẹ từ 8 giờ tối đêm đó cho đến khi bà trút bỏ được nỗi đau vào khoảng 6 giờ sáng. Đêm hôm đó, bà đã gật đầu thừa nhận khi tôi hỏi liệu ông Harald Olesen có phải là cha tôi. Bà nói với tôi rằng bà nghĩ sẽ không ai tin chúng tôi, và mọi việc sẽ trở nên tồi tệ hơn nếu bà nói ra bất cứ điều gì. Đó là những lời cuối của bà. Tôi đã nói với mẹ là tôi tha thứ cho bà, và giữ tay bà suốt cho đến khi mọi hơi ấm rời khỏi nó. Rồi tôi một mình bước ra hành lang trống vắng của bệnh viện, cảm thấy một mối thương cảm sâu sắc dành cho mẹ và một mối căm thù sôi sục với người cha đã bỏ rơi mẹ con tôi trong chùng ấy năm.”

Tôi cảm thấy tình thương của Kristian Lund dành cho mẹ quả là sâu sắc và chân thành, trong một xã hội vốn được dẫn dắt bởi những giá trị khác và bởi thái độ coi thường giới nữ. Ấn tượng này của tôi càng tăng thêm khi anh ta nói tiếp.

“Đó là một khoảng thời gian chộn rộn và khó khăn. Tôi trở thành cha ba ngày sau khi mất mẹ và chôn cất bà bốn ngày sau đó. Tôi những tưởng ông Harald Olesen sẽ ít nhất vì lòng kính trọng bà mà đến dự lễ tang, nhưng ông ta không hề xuất hiện. Thế nên tôi leo lên tầng hai và gõ cửa nhà ông ta. Ông ta tái nhợt đi khi đối chất với tôi và cho tôi sự xác nhận mà tôi đang cần. Nhưng cuộc gặp gỡ lần đầu với cha tôi không như những gì tôi hy vọng. Ông ta vẫn cố nói vài điều tốt đẹp về mẹ tôi - chẳng hạn như bà đã chấp nhận hậu quả của những sai lầm của mình trong chiến tranh và sau này đã thôi không nói về việc đó nữa. Nhưng tôi, đứa con trai duy nhất của ông, lại bị ông gọi đơn giản một cách khinh miệt là ‘Phát xít con’. Tôi chỉ ra rằng tôi không liên quan gì đến đảng NS và hỏi ông ta rằng, nếu bản thân ông ta trong sạch như thế, thì làm thế nào ông ta có thể lên giường với một người đàn bà của đảng NS sau khi chiến tranh nổ ra. Đến đó, ông ta yêu cầu tôi đừng bao giờ nói chuyện với ông ta nữa và đóng sầm cánh cửa trước mặt tôi.”

Kristian Lund lắc đầu tức giận, và công bằng mà nói, cũng dễ hiểu tại sao.

“Sự xúc phạm này càng làm tôi thêm quyết tâm. Tôi gửi cho ông ta một lá thư viết rằng tôi không thể ép ông ta gặp tôi, nhưng do là đứa con duy nhất của ông, tôi có quyền được nhận thừa kế - và tôi muốn lấy những gì thuộc về tôi, ngay cả nếu điều đó nghĩa là tôi phải xuất hiện trước báo chí quốc gia hoặc tòa án tối cao. Tôi đã lớn lên trong nghèo khó vì ông ta chưa từng quan tâm đến tôi, đứa con trai duy nhất của mình, và không muốn để tôi hoặc con trai tôi có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đó trở lại. Khi tôi lại lên gõ cửa sau đó, ông ta nói đã đốt lá thư. Nhưng lần này ông ta đã điềm tĩnh hơn, chắc hẳn là do lúc đó ông ta bị bệnh. Ông ta sẵn sàng cho tôi một số tiền để giữ im lặng nếu tôi chấp nhận và không đòi hỏi thêm nữa. Rốt cuộc ông ta cho tiền tôi hai lần, mỗi lần 100.000 kron, một lần vào cuối thu năm ngoái và một vào tháng 2 vừa qua. Nhưng ông ta không hứa với tôi bất kỳ điều gì trong bản di chúc. Và anh đã biết rồi đó: tôi đã gây áp lực để ông ta cho tôi một khoản thừa kế xứng đáng, nhưng vẫn chưa biết liệu tôi có thành công hay không. Nếu anh hỏi liệu tôi có cảm thấy mình là một đứa con hiếu thảo hay không,

câu trả lời sẽ là không, nhưng cha tôi cũng chẳng xứng đáng có một đứa con ngoan đâu.”

Câu chuyện mà Kristian Lund vừa kể cũng sát với sự thật nên thật khó mà phản bác kết luận của anh ta. Tôi nhanh chóng ghi nhận rằng ‘P’ trong quyển nhật ký nhiều khả năng là ‘Phát xít con’, và sự giải thích của Kristian Lund phù hợp với những gì ông Harald Olesen đã ghi trong nhật ký. Rồi tôi hỏi xem anh ta có bổ sung thêm bất kỳ điều gì khác liên quan đến vụ án mạng. Anh ta lặp lại rằng mình hoàn toàn không hồ thẹn với lương tâm. Giọng điệu của anh ta nghe chừng cũng khá thuyết phục, nhưng lòng tin của tôi đối với Kristian Lund đã bị xói mòn. Tôi nói rằng sẽ đáng tin hơn nếu anh ta nói thẳng với tôi ngay từ đầu, nhưng dĩ nhiên chúng tôi sẽ nghiêm túc cân nhắc câu chuyện của anh ta và để ngỏ mọi khả năng. Đáp lại câu hỏi cuối cùng của tôi rằng liệu anh có còn quan hệ với cô Sara Sundqvist hay không, Kristian Lund tuyên bố đã cắt đứt mọi liên lạc và không có ý định bắt đầu lại. Giờ đây vụ án mạng đã như một bức tường chắn giữa họ.

Tôi rời cửa hàng dụng cụ thể thao lúc 10 giờ rưỡi ngày thứ Ba, 9 tháng 4, với cảm giác lúc này mình có quá nhiều thứ cần phải xử lý. Gánh nặng của sự trông đợi càng tăng hơn nữa khi cô thư ký ở đồn cảnh sát tươi cười nói với tôi rằng cô đã thu xếp xong hai cuộc hẹn, một với ông Jesper Christopher Haraldsen lúc 11 giờ và với ông Haavard Linde lúc 12 giờ. Tôi phải đi ngay để không trễ hẹn với một trong những thân tượng thời thơ ấu của mình.



Đó có lẽ là một trải nghiệm lạ lùng khi bạn đột nhiên đứng đối diện, với tư cách một người lớn, trước một trong những anh hùng của thời thơ ấu và tuổi trẻ của bạn. Đây chính xác là những gì tôi cảm thấy khi đến trước văn phòng của Jesper Christopher Haraldsen ở Youngstorget vào ngày 9 tháng 4 năm 1968. Thời trẻ, tôi từng quan tâm đến công việc của ông dưới vai trò vừa là

một trong những luật sư hàng đầu của Na Uy vừa là một thành viên nội các, người từng nắm giữ một số cương vị quan trọng qua nhiều đời thủ tướng khác nhau. Tuy nhiên, sự hâm mộ của tôi với ông xuất phát từ những giai thoại đầy chất anh hùng về nỗ lực của ông trong vai trò một nhà lãnh đạo của Mặt trận Tổ quốc trong thời kỳ chiếm đóng. Và tôi phải thừa nhận rằng giờ đây, tôi nôn nóng không chỉ vì những gì ông có thể kể cho tôi nghe về Harald Olesen, mà còn vì tôi sắp được gặp một huyền thoại bằng xương bằng thịt.

Người đàn ông đứng sau chiếc bàn rộng và ngăn nắp giống hệt như những gì tôi hình dung: lưng thẳng, uy quyền và nhanh nhẹn khi di chuyển, với một cái bắt tay chặt và đôi mắt sáng. Lòng kiên nhẫn có lẽ không phải là một trong những thế mạnh của ông, mặc dù ông đã hơn năm mươi tuổi. Ông cắt ngang nỗ lực tóm tắt vụ án của tôi chỉ sau hai phút, với lời giải thích mình vẫn đọc tin tức và yêu cầu tôi đi thẳng vào vấn đề.

Trả lời cho câu hỏi của tôi liên quan những đóng góp và tầm quan trọng của ông Harald Olesen trong chiến tranh, Jesper christopher Haraldsen nói ngắn gọn rằng cả hai cái đó đều lớn lao, nhưng không phải trên bình diện quốc gia như ông. Harald Olesen đã tham gia nhiều hoạt động khác nhau, cũng như đưa người tị nạn qua biên giới, và có lúc từng giữ vai trò là một lãnh đạo vùng của Phong trào Kháng chiến tại Hedmark và Oppland. Ông Jesper Christopher Haraldsen cho rằng ngoài may mắn thì sự thông minh và tự chủ là những phẩm chất tốt đẹp nhất của ông Olesen khi chiến đấu cho Mặt trận Tổ quốc. Tuy bất ngờ với hai chữ may mắn, tôi ghi nhận ý kiến rất xác đáng của ông thẩm phán tòa án tối cao rằng may mắn là một phẩm chất tốt mà một số người có được - mà ông Olesen thì lại có rất nhiều.

Ông Haraldsen bác bỏ giả thiết cho rằng có thể có một số xung đột nội bộ trong Mặt trận Tổ quốc dẫn đến việc ai đó thù hận ông Harald Olesen. Ông tin hơn vào giả thiết rằng nó có thể là một vụ trả thù muộn bởi một tên Phát xít, và không hề có mối liên hệ với một sự kiện hoặc một nhân vật cụ thể nào. Ông Haraldsen nhíu mày trong vài phút khi tôi hỏi về người từng tham

gia phong trào Kháng chiến dưới bí danh Chân nai. Sau đó ông trả lời rằng mình chưa từng nghe đến nhân vật này, và có vẻ nó không giống một bí danh của một người chiến sĩ Kháng chiến Na Uy. Ông Haraldsen bối rối ra mặt, nhưng tôi thấy khó mà xác định được đó là do một điều mà ông đã biết, hay do một điều mà ông cảm thấy lẽ ra mình phải biết. Theo ông Haraldsen, ông Olesen từng là một thành viên nội các vững vàng và có thiện chí, tuy chưa bao giờ là một nhà lãnh đạo sáng chói. Ông ta ít khi đương đầu với những vấn đề quan trọng nhất của chính phủ.

Khi tôi hỏi về mối liên hệ khả dĩ với cơ quan tình báo Mỹ, ông Jesper Christopher Haraldsen nghiêng người qua bàn và giọng ông đanh thép hẳn. Ông cảm thấy không thích hợp khi dựng lên một thuyết âm mưu phức tạp chống lại đồng minh quan trọng nhất của Na Uy, chỉ vì một chuyện đơn giản là có một nhân viên ngoại giao Mỹ sống trong cùng tòa nhà với nạn nhân. Ông cũng cảm thấy đó là điển hình của thế hệ trẻ, những người không nhìn một tên cựu Phát xít cũng sống ở đó với cùng một mức độ nghi ngờ. Ông khẳng định mình không biết ông Olesen từng có mối quan hệ mật thiết nào với cơ quan tình báo Mỹ hay không, và nói thêm rằng nếu quả có việc như thế, ông chắc hẳn phải biết và còn nhớ.

Trong chùng mực những gì ông Haraldsen biết, ông Harald Olesen luôn là một người biết nhìn xa trong các chính sách đối ngoại và là một người bạn trung thành của Mỹ. Hoàn toàn không thể hình dung được người Mỹ lại tham gia ám sát chính trị dưới bất kỳ hình thức nào tại Na Uy. Ngoài ra, nếu có chuyện đó thì càng không thể hiểu được vì sao họ lại nhắm đến một người bạn cũ đã không còn nắm giữ chức vụ gì. Bất kỳ ai có trí thông minh hơn mức trung bình đều phải nhận ra điều đó. Nếu như, dựa trên những kinh nghiệm lâu năm của bản thân, ông có thể cho tôi vài lời khuyên, thì đó sẽ là tôi nên tìm kiếm hung thủ nơi những nhóm cực đoan bên lề xã hội, dù là cực hữu hay cực tả. Những tên độc tài cực hữu hay cực tả cũng đều điên rồ như nhau, nhưng ông rất tiếc phải nói rằng ông cần đến ngay tòa án tối cao vì một vụ quan trọng. Hiểu ra hàm ý, tôi vội bắt tay ông và cáo từ.

Giờ đây tôi có bằng chứng rõ ràng rằng những tin đồn liên quan đến tính cách mạnh mẽ và sự thông minh của ông Haraldsen đều là sự thật. Nhưng tôi cũng phải thừa nhận, dù không mong muốn, những tin đồn về tính kiêu ngạo và cứng đầu của ông cũng không phải không có cơ sở. Liên quan đến cuộc điều tra, tôi nhận thấy chưa có chi tiết rõ ràng nào có thể gợi ra mối liên hệ với công việc của nạn nhân thời còn là một thành viên nội các hoặc một nhà lãnh đạo của Mặt trận Tổ quốc tại khu vực Oslo.

Tôi rời văn phòng ông Jesper Christopher Haraldsen và đi đến gặp một thân tượng khác của thời trẻ, người mà tôi hy vọng có thể làm rõ lịch sử hoạt động chính trị của Harald Olesen và vai trò khả dĩ của manh mối liên quan đến nước Mỹ.



Mặc dù cha mẹ tôi giờ đây đã thuộc tầng lớp trên, và gia đình bên ngoài chắc chắn là tư sản, cả cha và ông nội tôi đều từng là đại diện của đảng Lao động. Tôi cũng thuộc đảng này, dù không tiến xa hơn vai trò thành viên thông thường và vị trí cấp thấp trong liên đoàn cảnh sát. Tôi lớn lên cùng các giai thoại về những nhà lãnh đạo vĩ đại của đảng. Trong số họ, ông Haavard Linde nay đã luống tuổi nắm giữ một vị trí đặc biệt, nhờ vào những đấu tranh có tầm nhìn xa trước kia chống lại những kẻ độc tài và ủng hộ sự hiện đại hóa quân đội Na Uy. Do vậy, lòng tôi tràn đầy háo hức khi bước vào văn phòng của Đảng Lao động để gặp gỡ huyền thoại này. Rõ ràng ông vẫn giữ được sự kính trọng nơi những nhân viên của mình. Người thư ký trung tuổi ra đón tôi lập tức tươi hẳn lên khi nghe đề cập đến tên ông Haavard Linde và cam đoan rằng ông ấy sẽ giúp tôi hết mức có thể.

Tôi tiến vào văn phòng của Thư ký Đảng Linde với đôi chút bối rối: ông cũng nổi tiếng là một người có tính khí thất thường. Mặc dù vậy, tôi lại có một sự bất ngờ dễ chịu. Haavard Linde ăn mặc đơn giản với quần jean, áo sơ

mi carô, rõ ràng ông đang có tâm trạng rất tốt và thoải mái. Ông cười rạng rỡ bắt tay tôi thật chặt, và trước sự ngạc nhiên của tôi, ông nhận ra ngay tôi đang nói về ai khi nhắc đến cha mình. “Ồ, đó đúng là một người tốt!” ông nồng nhiệt thốt lên. Ông còn vui vẻ hơn khi biết bản thân tôi cũng là một thành viên của đảng và là công chức trong liên đoàn. Không chút đắn đo, ông cho rằng những người trẻ như tôi chính là những gì đảng cần trong giai đoạn khó khăn này. Tôi không mong muốn biết chính xác những gì ông ngụ ý, và nhanh chóng chuyển hướng cuộc đối thoại sang việc điều tra án mạng.

Vẻ mặt của Haavard Linde buồn hẳn đi khi cái tên Harald Olesen được nhắc tới. Có lúc tôi tưởng đã thấy mắt ông rung lệ, nhưng giọng ông rất vững vàng khi tiếp tục. Ông Harald Olesen là một ‘người tốt’, đã cống hiến rất nhiều cho đảng qua nhiều năm, và cái chết của ông là một cú sốc. Đã có dư luận cho rằng ông ấy đã qua thời hoàng kim khi trở thành một thành viên của nội các, và sự thể hiện của ông ở đó không phải là thành quả lớn lao nhất mà ông đạt được. Nhưng ông Harald Olesen vẫn là một người đáng tin cậy, người đã giúp định hình nên tổ quốc và Đảng Lao động như ngày hôm nay.

Ý tưởng rằng có ai đó trong đảng mong muốn giết hại ông Harald Olesen là không thể tưởng tượng được đối với Haavard Linde. Ông Olesen chưa bao giờ là một nhà chính trị gây chia rẽ, ông được lòng mọi người và chưa từng tham gia vào những bất đồng tai hại trong thập niên 1960. Ý nghĩ rằng trong đảng có ai đó muốn gây tổn hại thân thể của một người khác có vẻ cũng lố bịch không kém.

Đáp lại câu hỏi của tôi về việc liệu có chính trị gia nào ngoài Đảng Lao động nuôi lòng thù hận sâu sắc với ông Harald Olesen, ông Haavard Linde không có gì để nói. Ông nghĩ về điều đó và nói rằng người ta không biết trước được điều gì với cộng sản và những nhóm gắn liền với họ. Nhưng ông không thể nghĩ ra lí do nào khiến họ ghét ông Harald Olesen và cũng không thể chỉ ra một người hoặc một nhóm nào nhận trách nhiệm. Đảng Cộng sản cũ đã bước vào những giai đoạn tồn tại cuối cùng. Ông cũng chế nhạo đảng cộng sản mới với tên gọi Đảng Nhân dân Xã hội Chủ nghĩa, nhưng bổ sung

rằng căn cứ trên lập trường phi quân sự của họ, khó mà tin được họ có thể gây ra một vụ tấn công có vũ trang.

Ngay khi chúng tôi đề cập đến nước Mỹ cuộc đàm thoại dễ chịu từ này đến giờ đột ngột trở nên nhát gừng. Khi tôi hỏi liệu ông Harald Olesen có bất kỳ mối liên hệ đặc biệt nào với người Mỹ, ông Haavard Linde trả lời ngay rằng ông chưa từng nghe điều gì như vậy. Tuy nhiên, trí tò mò của ông bị kích thích và ông muốn biết tôi có ý tưởng lạ lùng đó từ đâu. Tôi trả lời rằng cho đến nay mình cũng chưa dựa trên thông tin cụ thể nào, nhưng đó vẫn là một khả năng đang được xem xét. Chí ít cũng vì một sự trùng hợp lạ lùng khi một nhân viên ngoại giao Mỹ lại sống trong cùng một tòa nhà với nạn nhân. Đề cập việc này với Haavard Linde hết như là trở một viên than trên một cái vỉ nóng - nhiệt độ nhanh chóng tăng vọt. Chỉ mất năm giây, ông đã bắt đầu nói một tràng dài và càng lúc càng sôi nổi về việc người Mỹ là bạn bè, là đồng minh quan trọng nhất của chúng tôi, và tôi có thể loại trừ bất kỳ giả thiết nào cho rằng họ liên quan gì đó với vụ án mạng này.

Một phút sau đó, ông bảo tôi rằng ý tưởng là tình báo Mỹ có thể tiến hành một vụ như thế tại Na Uy thật không thể tưởng tượng được và chúng tôi, những người trẻ, không bao giờ được tin dù chỉ là một lúc vào bất kỳ điều gì khác, bất luận những gì mà cỗ máy tuyên truyền của cộng sản đưa ra. Hơn thế nữa, bản thân ông từng gặp Darrell Williams trong vài dịp, và anh ta là một người tốt mà không ai có thể buộc tội hành động sai trái. Giọng nói của ông Haavard Linde càng lúc càng lớn, gương mặt ông càng lúc càng đỏ hơn và những cử chỉ của ông càng lúc càng mạnh động. Tôi nhanh chóng nhận ra mình không thể tiếp tục cuộc nói chuyện nhưng vẫn ngồi yên tại chỗ, chăm chú lắng nghe buổi diễn thuyết sôi nổi của ông.

Tiếp nối sau đó, tuy khá hỗn loạn nhưng rất hấp dẫn, là mười lăm phút kể về giai đoạn trước chiến tranh, Thế chiến Hai và Chiến tranh lạnh. Thế rồi đột nhiên ông Linde kiệt sức và ngồi thụp xuống ghế. Có lẽ ông không còn ở trạng thái sung sức như ông đã từng trong thời hoàng kim của mình vào những năm 1940 và 1950, nhưng vẫn tỏ ra năng động một cách đáng nể. Tôi

thận trọng cảm ơn và rời văn phòng đảng tương đối vội vã.

Kết luận của tôi là rõ ràng không có cơ sở để tin rằng bất kỳ ai trong Đảng Lao Động hoặc trong các nhóm chính trị lân cận có mong muốn sát hại Harald Olesen. Mặt khác - bất chấp sự nhiệt tình và uy tín lớn lao của ông - tôi đơn giản không thể chấp nhận việc ông Haavard Linde tuyệt đối chối bỏ bất kỳ sự liên hệ nào với Đại sứ quán Mỹ. Tuy nhiên, trong khi lái xe, cảm giác của tôi về điều gì đó nhạy cảm còn ẩn giấu ở đây - dù không nhất thiết là động cơ sát nhân - mỗi lúc một trở nên mạnh mẽ hơn.



Tôi đánh hơi thấy có điềm chẳng lành ngay khi vừa bước chân vào văn phòng Tham tán George Adams. Người đàn ông đang chờ tôi phía sau chiếc bàn làm việc bằng gỗ dái ngựa cao gần 1m98, mảnh khảnh và hơi đầu, mặc một bộ vest màu đen đáng ngại, và tuổi của ông ta có thể là bất kỳ con số nào nằm trong khoảng từ ba mươi lăm tới năm mươi lăm. Cách dùng từ và giọng nói của ông ta sắc sảo, đầy uy quyền ngoại giao - dạng người có thể nói chuyện và tỏ ra hữu hảo nhưng lúc nào cũng giấu sau lưng một cây dùi cui. Khi ngồi xuống, tôi nhớ lại những gì Giáo sư Borchmann đã nói về cảm giác khi gặp ai đó luôn luôn đi trước ta một bước. Ngài tham tán đại sứ làm tôi nhớ đến một con rắn hổ mang, với sự mảnh khảnh và chiều cao của mình, vì ông ta dường như cuộn tròn quanh tôi trong khi vẫn giữ nguyên sự giao tiếp bằng mắt.

Sau khi đã bắt tay và chỉ tôi một chiếc ghế thấp hơn cái ngai của ông ta phía sau bàn giấy, George Adams không lòng vòng nữa.

“Đầu tiên, chúng tôi biết ơn anh đã đáp ứng nhanh chóng yêu cầu gặp gỡ này của chúng tôi. Chúng tôi đã được nghe nhiều điều tuyệt vời về anh, rằng anh là một thanh tra tài năng và có một sự nghiệp đầy hứa hẹn phía trước. Do đó chúng tôi hy vọng những quan ngại của chúng tôi đối với vụ án này sẽ

được giải tỏa nhanh chóng.”

Tôi đang rất tò mò về người đã nói những điều tốt đẹp đến thế về tôi thì ông đã đột ngột bỏ qua việc này.

“Bây giờ, để làm rõ điểm bắt đầu, mà tôi cũng chắc chắn rằng anh đã biết, rằng đã có những phản ứng có tổ chức kỹ và cực kỳ phóng đại đối với những hậu quả không may của cuộc xung đột đang diễn ra tại Việt Nam. Phần lớn những việc này được tổ chức bởi những cảm tình viên cộng sản Na Uy, và tại thời điểm này đã gây ra những ảnh hưởng đáng tiếc đối với báo chí Na Uy cũng như ý kiến của công chúng. Tuy nhiên, việc này không có nghĩa với bất kỳ thay đổi nào trong mối quan hệ giữa chúng ta. Nước Mỹ là đồng minh quan trọng nhất của Na Uy và là bảo đảm duy nhất cho sự tồn tại của Na Uy như một quốc gia độc lập. May thay, hầu hết những chính trị gia hàng đầu và những quan chức cao cấp đều biết và tán đồng điều này.”

Một lần nữa, tôi tự hỏi liệu ông ta có đang nghĩ đến cái tên đặc biệt nào trong đầu hay không, nhưng tôi giữ điều đó cho riêng mình và ra hiệu cho George Adams nói tiếp.

“Trong bối cảnh này, chúng tôi muốn biểu đạt sự quan ngại khi anh, theo như chúng tôi hiểu, có vẻ đang tình nghi một nhà ngoại giao cao cấp của Mỹ về tội mưu sát.”

Tôi hoang mang nhìn ông ta. Giờ thì tôi thật sự không biết ông ta đã nói chuyện với ai.

“Ai đã nói với ông như vậy?”

Ông ta ban cho tôi một nụ cười gượng.

“Điều đó chưa được nói thẳng ra, nhưng khó mà diễn đạt khác đi việc anh yêu cầu nhân vật đã nói luôn sẵn sàng để được thẩm vấn và thậm chí đã đòi hỏi thông tin liên quan đến tình trạng tài chính của anh ấy. Chúng tôi thấy cách tiếp cận này rất không bình thường. Nếu những luận điệu sai trái của truyền thông bùng lên từ vụ việc này, nó sẽ gây nên những phản ứng rất tiêu cực, ở cả Na Uy và Mỹ, đến lượt mình chúng có thể kéo theo những hậu quả không tốt cho nhà ngoại giao đó và những nhân vật chủ chốt trong nhiệm kỳ

tổng thống hiện nay của Mỹ. Rồi cho cả những quan chức liên quan ở Na Uy nữa...”

Chuyện này khiến tôi cảm thấy càng lúc càng giống như một lời đe dọa. Tôi cố gắng chơi trò ngoại giao với hy vọng đưa cuộc đối thoại vào một chiều hướng tích cực hơn.

“Tôi muốn nhấn mạnh rằng người mà chúng ta đang nói đến không chính thức là một đối tượng tình nghi, nhưng là một trong một nhóm người có mặt tại tòa nhà vào đêm xảy ra án mạng, và do đó được yêu cầu luôn sẵn sàng cho việc thẩm vấn. Ngoài ra, tôi cũng không nghĩ anh ta đang rất muốn rời khỏi Oslo.”

Ông George Adams gật đầu nhưng vẫn không mỉm cười. “Chúng tôi đương nhiên hiểu việc đó có thể là cần thiết. Tuy nhiên, chưa chắc báo chí đã hiểu được sự tế nhị của tình huống trong đó một nhà ngoại giao Mỹ được lệnh ở lại Oslo trái với mong muốn của anh ta và của thượng cấp. Ngoài ra, chúng tôi hiểu rằng anh từng có vài cuộc đối chất với người này và anh ấy không còn gì quan trọng nữa để bổ sung. Trừ phi có những căn cứ để tin rằng bằng cách nào đó, anh ta có thể dính líu tới vụ án mạng. Nhưng một giả thiết như thế đòi hỏi một chứng cứ vững vàng, và nếu nó tồn tại, thì sẽ hoàn toàn hợp lý khi đại sứ quán phải được thông báo về nó... Trừ phi một chứng cứ như vậy được cung cấp, bằng không thì theo chúng tôi, giải pháp tốt nhất để tránh bất kỳ nghi ngờ sâu sắc nào là người đang đề cập phải được cho phép rời khỏi Oslo. Và tôi khẳng định rằng đây là mong muốn của cá nhân cũng như của tổ chức.

Giọng nói của người đàn ông vẫn thân thiện một cách quyên rũ và tôi đã suýt đồng ý với ông ta ngay. Tuy nhiên, tôi toát mồ hôi khi tưởng tượng ra một cái tit báo đầy tai tiếng có thể xuất hiện: “*Thám tử Na Uy cho phép Đại sứ quán Mỹ dẫn dắt vụ án mạng.*” Tiếp theo sẽ là “*Nghi phạm sát nhân người Mỹ được phép rời Oslo: Cảnh sát trưởng xin lỗi và Thanh tra từ nhiệm.*” Tôi cuống cuống nghĩ trong đầu một câu trả lời phù hợp, nhưng rồi chẳng tìm được gì hay hơn ngoài câu nói nhạt nhẽo là tôi không thể tiết lộ

bất kỳ thông tin nào của vụ điều tra, và càng không thể cho phép nhân chứng chủ chốt được rời khỏi nước này chỉ vì e ngại phản ứng của công chúng. Nhưng tôi nhanh chóng nói thêm rằng tôi chắc chắn sẽ đánh giá lại tình hình và hy vọng chúng tôi có thể sớm tìm ra một giải pháp chung.

Nếu tôi hy vọng rằng Adams sẽ nói ông ta hài lòng về điều đó thì tôi đã thất vọng. Ông ta trả lời rằng đại sứ quán hẳn nhiên phải đánh giá việc này, nhưng nhấn mạnh một sự giải thích nhanh chóng là cần thiết trong hoàn cảnh mà bất cứ lúc nào các phóng viên cũng có thể trở nên quan tâm đến vụ án và hiểu sai đi nhiều thứ.

Tôi đã đứng lên chuẩn bị ra về thì phạm phải một sai lầm nhận định mà về sau tôi thấy thật khó hiểu. Thay vì chấp nhận sự trì hoãn điều tra tuy ngắn nhưng mơ hồ này, tôi lại đi hỏi một câu chí mạng.

“Tôi cũng có một câu hỏi và mong rằng câu trả lời có thể giúp ích cuộc điều tra: liệu có bình thường không khi một nhà ngoại giao cao cấp của Mỹ lại sống trong một chung cư tư nhân ở Torshov? Và nếu không bình thường, có lí do gì đặc biệt cho việc ông Darrell Williams được thu xếp ở đó?”

George Adams ngẩng đầu lên và chòm người tới trước, ông ta nhìn tôi bằng đôi mắt sắc lạnh. Trong một thoáng, tôi đã sợ rằng ông ta sẽ đổ người cắm phập hai cái răng nọc vào tôi. Thay vì thế, ông ta mơn trớn tôi bằng cái giọng ngọt xớt của mình.

“Đầu tiên, thật không bình thường khi Đại sứ quán Mỹ ở một quốc gia bất kỳ được yêu cầu phải giải thích cho cảnh sát về lựa chọn nơi ở cho các nhà ngoại giao. Thứ hai, chưa bao giờ có chuyện các thanh tra cảnh sát cho rằng đại sứ quán sắp xếp một số cá nhân ở đâu đó với mục đích gây ra những tội ác nghiêm trọng. Tôi đoán rằng anh hỏi câu hỏi này là do anh có những nghi ngờ rất cụ thể và hợp lý mà anh có thể chia sẻ với chúng tôi chẳng?”

Một sự im lặng tuyệt đối bao trùm lên căn phòng. Tôi đã bị George Adams khéo léo vượt qua và không thể nghĩ ra điều gì để nói mà không làm cho tôi bị sơ hở thêm. Tôi có một cảm giác rõ ràng rằng ‘không có lửa sao có khói’, nhưng không thể đoán được đó có thể là gì. Thế nên tôi chỉ có thể

ngậm miệng đứng đó và hy vọng rằng cuộc gặp gỡ vô cùng khó chịu này sẽ sớm kết thúc. Có cảm giác như mặt sàn dưới chân tôi đang rung lên khi ông ta kết thúc cuộc đối thoại.

“Trong trường hợp này, tôi không phạm thời gian của anh hơn nữa, nhưng tôi hy vọng rằng cuộc điều tra sẽ khép lại trong một tương lai gần theo một cách làm hài lòng cho tất cả những bên liên quan.”

Tôi ghi nhận hàm ý đó và vội vã rời phòng mà không buồn thử bắt tay ông ta. Về sau, thậm chí tôi không thể nhớ nổi mình đã rời khỏi đó như thế nào. Có cảm giác như tôi đã lặn ra, thay vì bước ra ngoài. Nhưng điều mà tôi nhớ rõ, đó là tôi đã may mắn không chạm trán bất kỳ ai trên đường đi ra khỏi tòa Đại sứ quán Mỹ.



Tôi thường tự thấy mình là một người đàn ông khá cân bằng và điềm tĩnh. Phải nói rằng vào buổi chiều ngày 9 tháng 4 năm 1968 đó, ẩn dưới lớp mặt nạ, tôi đã rất buồn chán và đầy bối rối. Mặc cho những phát hiện về quyền nhật ký và những bước tiến khác ngày hôm trước, tôi vẫn còn lâu mới bắt giữ được ai đó trong vụ án - điều mà theo phòng thư ký, ngày càng nhiều tờ báo đang đòi hỏi. Ba cuộc chạm trán trong ngày với George Adams, Jesper Christopher Haraldsen và Haavard Linde gần như không làm tăng cơ hội tìm được một lời giải cho vụ án mạng bí ẩn này. Ngược lại, chúng rõ ràng còn tăng thêm mối đe dọa mà người đứng đầu cuộc điều tra có thể gặp phải trong việc hoàn tất vụ án và giữ cái ghế của mình. Và tôi phải thành thật rằng, một tiếng sau giờ ăn trưa, tôi đã nghĩ nhiều hơn về mối đe dọa đến vị trí hiện tại của mình hơn là về những khả năng gắn với cuộc điều tra đang diễn ra. Thêm một tiếng nữa trôi qua trước khi tôi nhận thấy mình thực sự chưa dùng bữa trưa. Cùng lúc đó, tôi có những suy nghĩ hoang đường nhất về những ảnh hưởng mà Đại sứ quán Mỹ, Jesper Christopher Haraldsen và Haavard

Linde có thể có và dùng để chống lại tôi. Lúc đó, tôi đã không nghĩ đến sự thật rằng đất nước Na Uy hiện có một chính phủ trung hữu không thể nhận chỉ thị từ ai đó trong Đảng Lao động, và càng không thể có mối liên hệ với một cuộc điều tra án mạng.

Có một lúc, tôi đã tự thuyết phục rằng mình sắp nhận một cuộc điện thoại từ chính phủ yêu cầu tôi lập tức từ nhiệm, và tôi tự hỏi liệu người gọi sẽ là bộ trưởng bộ tư pháp, bộ trưởng bộ ngoại giao hay đích thân ngài thủ tướng. Sự chống đỡ của tôi trước cuộc gọi đó không có gì ngoài vài ba câu nói đại để rằng tôi đang chịu trách nhiệm điều tra một vụ sát hại một cựu chính trị gia hàng đầu và do đó, buộc phải để ngỏ mọi khả năng, kể cả liên quan đến nước ngoài. Không nghi ngờ gì nữa, họ sẽ hỏi làm thế nào mà tôi có thể nghĩ đến việc kết tội một nhà ngoại giao Mỹ, và liệu việc này đã được thông qua Bộ Ngoại giao hoặc ít nhất là với ông cảnh sát trưởng ở Oslo hay chưa. Với câu hỏi này thì tôi không có câu trả lời thích đáng nào.

Nhịp tim của tôi đập chậm lại sau một giờ đặng đặng đầu tiên, sau đó một giờ nữa cũng dài như thế trôi qua mà không có ai lao vào phòng cũng như không hề có tiếng chuông điện thoại nào. Tuy vậy, tưởng như có tiếng một quả bộc phá phát nổ khi điện thoại reo lên vào lúc 2 giờ 25 phút - mặc dù tôi đã lệnh với tổng đài rằng chỉ có những cuộc gọi quan trọng mới được phép nối máy. Tôi chửi thề thành tiếng hai lần trước khi nhắc ống nghe với bàn tay run rẩy.

“Thanh tra Cảnh sát Kristiansen,” tôi nói với giọng cứng rắn nhất có thể rồi co rúm chờ tràng rủa xả như dự kiến. Không có gì cả. Đầu tiên là một sự im lặng ở đầu dây bên kia. Sau đó vài tiếng thở nặng nhọc và một tiếng thở dài khẽ, được nối tiếp không phải bởi một giọng đàn ông giận dữ mà là một chất giọng mỏng đầy sợ hãi của một người phụ nữ.

“Tôi thật sự xin lỗi nếu đã gọi không phải lúc. Họ nói rằng phải rất quan trọng mới nối máy, nhưng tôi nói rằng chuyện này liên quan đến vụ án mạng, và tôi gọi để báo cáo về một tình huống kinh khủng ở hiện trường vụ án. Là tôi, Randi Hansen, vợ người gác đàn ở số nhà 25 phố Krebs, nơi ông

Harald Olesen bị giết, nếu anh còn nhớ.”

Tôi rùng mình, một sức nặng vô cùng vừa nhắc khỏi vai tôi. Tôi trả lời với giọng vui mừng thực sự rằng dĩ nhiên tôi nhớ bà và chắc chắn bà đã làm một việc đúng đắn khi gọi điện cho tôi.

“Tôi sẽ không nói lâu đâu. Cũng có thể chỉ là tôi quá sợ hãi và cẩn trọng quá mức sau vụ án mạng, nhưng tôi quyết định gọi điện. Vì hiện giờ tôi bắt đầu cảm thấy lo lắng về một trong số những người sống tại đây.”

Tôi lập tức chú ý. Gương mặt của những người hàng xóm còn sống lướt qua tâm trí tôi, và phải nói rằng cái đọng lại sau cùng là khuôn mặt tươi cười của cô Sara Sundqvist. May mắn thay, bà vợ ông gác đàn tiếp tục nói dù với giọng lấp bắp, và một gương mặt khác, ít nguy hiểm hơn đã thế vào chỗ đó.

“Đó là Konrad Jensen. Ông ấy đã quá sợ hãi vào ngày hôm qua, anh thấy đó. Ông Konrad tội nghiệp thậm chí không dám bước chân ra khỏi cửa nhà mình và sẽ không mở cửa cho đến khi kiểm tra ba lần để chắc ăn người gọi cửa là tôi. Tôi đã đi chợ cho ông ấy và gọi cửa để giao đồ vào buổi trưa hôm nay. Ông ấy đã nhất định phải là giữa trưa, để còn biết đó là tôi. Tôi lên đó đúng 12 giờ trưa. Tôi bấm chuông cửa vài lần nhưng ông ấy không mở cửa, thế nên tôi bắt đầu thấy lo lắng. Đầu tiên, tôi nghĩ rằng có thể ông ấy chỉ ngủ quên hoặc đã lên ra khỏi nhà trong khi tôi đi vắng. Nhưng bây giờ đã quá 2 giờ chiều mà ông ấy vẫn không trả lời điện thoại, không lên tiếng khi tôi bấm chuông hoặc gõ cửa, nên tôi thật sự lo sợ điều gì đó khủng khiếp đã xảy đến cho ông ấy. Tôi có chìa khóa nhưng không muốn vào nhà trước khi anh nói rằng tôi nên làm thế. Và chỉ có Chúa mới biết liệu tôi có dám đi vào đó một mình, ngay cả khi anh bảo thế, vì tôi không thích việc này chút nào hết!”

Giọng của bà tăng tới cao độ của giọng nữ cao, sau đó im lặng và tiếng thở nặng nhọc quay trở lại.

Tôi mất vài giây để tập hợp những suy nghĩ của mình và một lần nữa thấy lại gương mặt như bị tra tấn của ông Konrad Jensen vào đêm hôm trước. Tôi không thể tưởng tượng được sức mạnh quái quỷ nào có thể giúp ông ta rời khỏi căn hộ của mình trong vài tiếng hôm nay. Và tôi cũng đang rất muốn

rời xa điện thoại và văn phòng của mình. Thế nên tôi bảo bà cầm chìa khóa ngồi chờ sẵn; tôi sẽ đích thân lái xe đến và chúng tôi sẽ vào trong căn hộ. Bà Randi cảm ơn tôi rối rít và một lần nữa nói rằng tôi thật là một người tốt, đồng thời cam đoan không rời vị trí một giây nào cho đến khi tôi đến. Ở trên trời, chiếc điện thoại vẫn im lặng khi tôi lao ra khỏi văn phòng của mình.

Chỉ khi đến được xe tôi mới nhận ra mình đã quên không đem theo khẩu súng công vụ. Tôi do dự một lúc rồi quay lại để lấy nó. Tôi không mong chờ sẽ có một cuộc đọ súng trong căn hộ của ông Konrad Jensen, nhưng tự nhắc mình rằng nếu tôi được vũ trang, điều đó có thể trấn an bà Randi và những cư dân khác. Sự thật là bà vợ ông gác đàn đã truyền một chút nỗi sợ của bà sang tôi. Nếu không có súng, tôi cũng không muốn liều lĩnh đi vào tòa nhà, càng không muốn vào trong căn hộ khóa trái của ông Konrad Jensen.

Bà Randi đang ngồi lo lắng ở bàn trực của mình khi tôi đến số 25 phố Krebs. Bà gật đầu chào tôi với vẻ mặt nhẹ nhõm và lí nhí cảm ơn. Tôi cố trấn an bà và đã thành công ở một mức độ nào đó. Tuy nhiên, đến lượt nhịp tim tôi bắt đầu tăng nhanh. Tôi yêu cầu bà gọi lại cho ông Konrad Jensen lần nữa. Bà làm ngay. Tôi cầm lấy ống nghe và đứng đó, lắng nghe tiếng chuông reng mãi mà không có ai trả lời. Sau mười hai hồi chuông tưởng như vô tận đó, tôi đặt điện thoại xuống và gật đầu ra hiệu cho bà theo tôi đi vài bước lên những căn hộ của tầng trệt.

Chúng tôi bấm chuông cửa ba lần nhưng không có ai trả lời. Tôi gõ cửa mạnh đến nỗi tưởng như cánh cửa có thể bị vỡ và cất tiếng gọi to nhất có thể. Việc đó chỉ báo động cho Andreas Gullestad, người đi xe lăn ra từ căn hộ kế bên và Karen Lund, chạy xuống từ tầng trên với cậu con trai trên tay. Vẫn không có dấu hiệu sự sống trong căn hộ của ông Konrad Jensen.

Tôi đã nói điều mà tất cả chúng tôi đều đang nghĩ: không có lựa chọn nào khác ngoài việc chúng tôi đi vào căn hộ. Tôi gọi cảnh sát viên Eriksen đang gác nơi góc đường bên ngoài và yêu cầu anh ta đứng gác trước cửa khi tôi vào nhà. Anh ta đứng đó, kế bên Andreas Gullestad và Karen Lund, người vẫn đang bế đứa trẻ trên tay. Tất cả chúng tôi đều căng thẳng, không ai trong

số họ muốn quay về căn hộ của mình cho đến khi bị kịch kết thúc, bất chấp yêu cầu của tôi. Vợ của Kristian Lund đã quay về căn hộ của mình để đặt cậu con trai trở vào cũi nhưng lại chạy xuống ngay. Tôi yêu cầu bà Randi mở khóa căn hộ và chờ tôi vào. Bà gật đầu một cách sợ hãi và lóng ngóng với cái ổ khóa vài lần trước khi mở được nó.

Tôi tiến vào căn hộ của Konrad Jensen một mình, với khẩu súng công vụ trên tay, các giác quan căng ra. Tôi lập tức ghi nhận đèn trần đang bật sáng. Việc này thật lạ nếu ông ta đã đi ra ngoài. Nhưng ngoài ánh đèn ra, không có bằng chứng về bất cứ thứ gì khả nghi trong tiền sảnh nhà Konrad Jensen. Đôi giày của ông nằm cạnh cửa và cái áo choàng màu xám ông hay mặc được treo trên móc. Ngoài ra thì không có gì đáng chú ý, và chắc chắn không có ai xuất hiện.

Giọng tôi như một tiếng sấm xé toang im lặng khi tôi hỏi lớn: “Ông có đó không, Konrad Jensen?” Tôi gần như có thể nghe thấy viên cảnh sát và hai người hàng xóm nhảy dựng ở bên ngoài căn hộ, nhưng mọi thứ bên trong vẫn im lìm. Một sự im lặng chết chóc, tôi cảm thấy như thế.

Ngoài tôi ra thì không có bất kỳ linh hồn sống nào khác trong căn hộ. Nhưng hóa ra ông Konrad Jensen đang ở đây. Tôi thấy ông ta ngay khi tiến đến cửa phòng khách. Đèn ở đó cũng sáng.

Konrad Jensen đang ngồi gục trong cái ghế bành cũ kỹ bên cạnh bàn cà phê. Đôi mắt ông ta nhắm nghiền, nhưng vết thương do đạn bắn giữa hai mắt mở toang hoác. Nét mặt ông ta đã đông cứng thành một cái nhăn nhó khi viên đạn trúng đích. Ngay cả khi chết rồi, Konrad Jensen vẫn giữ một bộ mặt chưa xót với đời.

Chỉ cần liếc nhìn qua là có thể khẳng định ông ta đã chết. Viên đạn đi xuyên qua đầu và găm vào lưng ghế phía sau ông. Và tôi có thể kết luận, ông ta đã chết khá lâu khi tôi cẩn thận chạm vào tay trái ông. Mọi hơi ấm đã rời khỏi ông ta. Tay ông ta buông thõng nặng nề và vô dụng xuống một bên ghế. Trên sàn nhà có một khẩu súng, và tôi nhanh chóng xác định đó là một khẩu Colt Kongsberg cỡ nòng 0,45. Mọi thứ trở nên rõ ràng ngay cả trước khi tôi

đề ý đến cây bút bi hiệu BIC và tờ giấy trắng trên bàn trước mặt ông ta. Tờ giấy rõ ràng đã được gấp lại ở vị trí 1/3 chiều dài từ trên xuống, nhưng giờ đây nó nằm mở rộng phía trước ông ta với mặt có chữ ở trên. Tôi vội đọc lá thư với cảm giác nhẹ nhõm tăng dần.

Tôi, Konrad Jensen, ký tên dưới đây và với lá thư này thú nhận rằng chính tôi đã bắn chết ông Harald Olesen vào thứ Năm tuần trước, để trả thù cho những dính líu của ông ấy trong cuộc chiến chống lại Phát xít trong chiến tranh. Giờ đây, tôi thấy hối hận về tội lỗi của mình và thà chấm dứt cuộc đời vô nghĩa của mình còn hơn là chịu hình phạt có thể xảy đến sau khi tôi bị bắt. Cầu xin Đấng quyền năng thương xót cho linh hồn tôi!

Đoạn văn được đánh máy nhưng Konrad Jensen ký tên bằng bút bi ngay phía dưới.

Tôi gật đầu với chính mình, do tôi đứng đó một mình trong căn hộ với một người đàn ông đã chết và đã ký một lá thư tuyệt mệnh. Đó là một cảm giác nhẹ nhõm lớn lao nhưng cũng thất vọng lạ lùng. Lời giải thích hiển nhiên nhất lại là sự thật ngay từ đầu: người anh hùng của thời Kháng chiến đã ngã xuống dưới bàn tay trả thù của một tên Phát xít tép riu. Mọi giả thiết sáng tạo và sâu sắc mà Patricia đã nêu ra và tôi đã cho phép mình tin vào, dù rất hay ho, hóa ra không hề đúng trong vụ này.

Hoàn cảnh cái chết của Konrad Jensen khiến tôi không cảm thấy chút thương cảm nào dành cho ông ta. Nếu có chẳng cũng chỉ là sự bực bội vì tôi đã bị dắt mũi đủ lâu để ông ta có thể tự sát trước khi bị bắt giữ. Và phải thú nhận rằng tôi đã lập tức nghĩ ngay đến việc mình sẽ trình bày với báo chí và cấp trên của mình như thế nào. Về mặt tích cực, vụ án đã được phá và việc điều tra có thể khép lại. Vụ chệch hướng rõ đại liên quan đến Đại sứ quán Mỹ giờ đây sẽ được chôn vùi mà không cần nỗ lực nào.

Khi tôi còn đang đứng đó bồn thần với những suy nghĩ của mình, đột nhiên tôi nhận ra mình không còn đơn độc trong phòng nữa. Viên cảnh sát Eriksen đã bước qua ngưỡng cửa phòng khách, theo sau là bà vợ ông gác đàn và Karen Lund. Một khoảng cách ngắn phía sau, đến lượt Andreas Gullestad

xuất hiện trên xe lăn. Tôi gật đầu cười thân thiện với họ và giơ cao lá thư cho họ thấy.

“Chính ông ta! Ông ta đã viết thư tự thú và sau đó tự sát!”

Im lặng kéo dài trong một thoáng, sau đó nó bị phá vỡ khi bà vợ ông gác dan thì thào: “Tạ ơn Chúa vì điều đó!”.

Cảnh sát viên Eriksen là người đầu tiên tiến đến bắt tay tôi, tiếp theo là những người khác. Tôi hơi ngạc nhiên trước phản ứng tích cực này, nhưng theo phép lịch sự, tôi cũng đáp lại. Dự định nói rằng đó không chỉ là chỉ nhờ tôi, nhẹ nhõm thay, đã lập tức bị gạt đi.

“Dĩ nhiên là nhờ công của anh rồi,” vợ của Kristian Lund sôi nổi thốt lên. “Vừa mới hôm qua, sau khi anh rời khỏi đây, tôi đã nói với Kristian là chúng tôi có thể hy vọng một cuộc bắt giữ sớm. Và Konrad Jensen chắc hẳn cũng phải nhận ra điều đó nên thà kết liễu cuộc đời hơn là để bị bắt giữ. Bởi vì anh đã luôn nghi ngờ ông ta từ đầu, phải không?”

Cô không tỏ ra lộ liễu, tôi vớ ngay lấy cái cốc đó và nói vài câu giả lả, rằng việc bắt giữ vội vàng là không tốt trong những vụ án như thế này, rằng chúng tôi đã có được những bước tiến quan trọng trong việc điều tra, và rằng Konrad Jensen đã luôn là đối tượng tình nghi hàng đầu. Bà vợ ông gác dan trào nước mắt nhẹ nhõm khi kẻ sát nhân đã bị phát hiện và mọi người lại được an toàn. Cả Andreas Gullestad lẫn Karen Lund đều gật đầu đồng tình, nói rằng không ai có thể xử lý vụ án này tốt hơn và chuyên nghiệp hơn tôi.

Tôi hơi căng thẳng một chút khi thấy Darrell Williams bước xuống cầu thang. Nếu anh ta đã nghe về cuộc đối thoại giữa tôi với ngài tham tán đại sứ trước đó, thì nó cũng không hề ảnh hưởng đến thái độ của anh ta lúc này. Anh ta cũng lập tức bắt tay và chân thành chúc mừng tôi về thành công của cuộc điều tra. Tuy nhiên, Sara Sundqvist còn tỏ ra nhẹ nhõm hơn nhiều. Đầu tiên, cô có vẻ bối rối, nhưng sau đó tươi cười với tôi khi tôi lặp lại những gì cô ấy vừa nghe, rằng ông Konrad Jensen đã chết và đã thú tội giết người trước khi tự sát. Trong niềm vui sướng, cô nồng nhiệt ôm tôi. Khi tôi cảm thấy cơ thể mềm mại của cô áp sát vào người mình, trong một thoáng tôi

nghĩ có lẽ mình đã quá thân mật với những người sống tại đây. Nhưng lúc đó không có sự hiện diện của bất kỳ phóng viên hoặc thợ chụp ảnh nào, nên tôi cho phép mình được vui lây với cảm giác nhẹ nhõm của họ.

Đã gần 4 giờ chiều khi tôi trở lại đồn cảnh sát. Sếp đang chờ tôi với hoa tươi và các đồng nghiệp gần như xếp hàng để chúc mừng tôi. Rõ ràng rằng, mặc dù trước đây tôi không để ý, vụ án cũng đã là một vấn đề đau đầu ngày càng trầm trọng đối với những cảnh sát còn lại. Việc kẻ sát nhân tự thú bằng văn bản và sau đó tự kết liễu mình, nói theo ngôn ngữ của một cảnh sát quá tải vì công việc là ‘giải pháp hoàn hảo’. Và một số đồng nghiệp của tôi cũng bình luận rằng vụ án đã được phá tại thời điểm gần như hoàn hảo, với chỉ còn một kỳ báo nữa trước dịp lễ Phục sinh. Tôi bắt đầu cảm thấy mình may mắn như thế nào và với những phát biểu của các cư dân tại số 25 phố Krebs, tôi có thể hưởng lợi lớn từ vụ án này, trước cả báo chí lẫn thượng cấp của tôi.

Vương mặc còn sót lại duy nhất là sự lo lắng thường trực của tôi về những rắc rối có thể có với Đại sứ quán Mỹ. Tôi nhận ra cơ hội để giữ thể diện khi được mời vào trong văn phòng của sếp. Tôi nhắc đến việc một trong số những người sống trong tòa nhà là một nhân viên của Đại sứ quán Mỹ và rằng tôi đã nói với họ anh ta không phải là đối tượng tình nghi; nhưng cho đến khi nào thủ phạm bị bắt giữ, tôi đã yêu cầu anh ta luôn sẵn sàng để được thẩm vấn như một nhân chứng. Ông sếp đang thoải mái của tôi lập tức tỏ ra ủng hộ, và nói thêm rằng người Mỹ chắc chắn phải hiểu trong những tình huống như vậy thì điều quan trọng là phải phối hợp với cảnh sát của các nước đồng minh. Sếp cảm ơn tôi đã bảo toàn tính chính trực của lực lượng cảnh sát và ngăn chặn những câu hỏi khó một cách không cần thiết của cánh báo chí. Nếu có điều gì cần nói thêm về vụ án, tôi chỉ việc chuyển lại cho sếp và yêu cầu người Mỹ ở Na Uy hợp tác trong cuộc điều tra. Ông sẽ không gặp vấn đề nào khi tuyên bố điều này trên những phương tiện truyền thông quốc gia, Bộ Ngoại giao và báo chí Na Uy, nếu cần.

Không gì có thể che giấu niềm vui sướng của tôi. Sếp và tôi chúc mừng

lẫn nhau ba lần nữa cho thành công rực rỡ này, trước khi tôi lằng lằng quay về văn phòng của mình.



Nằm trơ trọi giữa bàn làm việc của tôi là một bao thư màu trắng đơn giản, với dòng địa chỉ được viết nắn nót và một con tem. Lá thư thật ngắn ngủi.

Ngày 7 tháng 4 năm 1968

Gửi ngài Thanh tra cảnh sát Kolbjorn Kristiansen

Người duy nhất ở số 25 phố Krebs đã khai thật với anh là ông Konrad Jensen.

Patricia Louise I. E. Borchmann

Thật không thể nào không phá lên cười trước đoạn văn ngắn ngủi và nghiêm túc đó. Tôi đã quên cô gái trẻ Patricia trong cơn phẫn khích sau cái chết của ông Konrad Jensen và niềm vui sướng khi giải được vụ án mạng bí ẩn. Tôi nhanh chóng nhận ra vì sự tôn trọng tôi nên báo cho cô ấy biết rằng vụ án đã khép lại, trước khi cô nghe thấy điều đó trên tivi hoặc đọc trên báo. Và tôi cũng phải chỉ ra rằng những giải thích chi tiết của cô là thừa thãi. Với cảm giác nhẹ nhõm đáng kể so với ngày hôm trước, tôi nhấc điện thoại và quay số của cô, chuỗi số mà tôi đã thuộc nằm lòng. Tôi không thấy có lí do gì phải che giấu bớt thông tin khi cô bắt máy.

“Tôi vừa mới phát hiện ra ông Konrad Jensen đã chết. Ông ta đã tự nhốt mình trong căn hộ với một vết thương trên đầu và một khẩu súng cỡ nòng 0,45 trên sàn kế bên ông ta. Trên chiếc bàn trước mặt ông ta là một lá thư tuyệt mệnh, trong đó ông ta thú nhận đã sát hại Harald Olesen.”

Phản ứng của Patricia thật mãnh liệt, nhưng không hề tích cực như tôi đã hy vọng.

Tiếng “Chết tiệt!” của cô vang như sấm trong tai tôi.

Sau đó là một sự im lặng trong vài giây. Rồi cô nói tiếp, với giọng nhẹ nhàng hơn.

“Xin lỗi vì đã nói như thế với anh. Tôi không nổi giận với anh, mà giận chính bản thân tôi. Bởi lẽ chính điều tôi lo sợ đã xảy ra: kẻ sát nhân cảm thấy bị dồn vào chân tường và gây án lần nữa. Và tôi có lí do để tin rằng ông Konrad Jensen có thể là nạn nhân, nhưng lại không muốn nói ra do sợ sẽ sai lầm. Chết tiệt, chết tiệt - nhưng chúng ta sẽ phá cả hai vụ án mạng!”

Tôi cười thầm và nói với một giọng bẽ trên tử tế: “Nhưng cô Patricia thân mến, chỉ có duy nhất một vụ án, và giờ nó đã được phá rồi. Konrad Jensen đã bắn chết ông Harald Olesen rồi tự sát. Chúng tôi đã có lời tự thú bằng văn bản có ký tên của ông ta, và không có dấu vết của người nào khác trong căn hộ.”

Đầu dây bên kia lại im lặng thêm một lúc nữa, rồi giọng nói sắc sảo của Patricia vang lên trở lại.

“Tôi đồng ý rằng chúng ta đang đối đầu với một tên sát thủ đặc biệt quý quyết và một vụ án mạng thứ hai cực kỳ tinh vi. Nhưng với tất cả sự tôn trọng, liệu anh có thực sự tin những gì anh vừa nói?”

Giờ thì tôi bắt đầu bực bội và muốn đáp trả bằng một câu trả lời ngạo mạn.

“Dĩ nhiên tôi tin những gì tôi vừa nói, mọi người ở đây cũng vậy. Cô thấy đấy, chúng tôi là cảnh sát - và sống trong thế giới thực.”

Im lặng tiếp tục, nhưng rõ ràng Patricia vẫn không có ý định bỏ cuộc.

“Trong trường hợp đó, có một vài điều đơn giản trong thế giới thực mà phiền anh giải thích cho cô gái ngu muội bị cấm cung trong tháp ngà như tôi. Thứ nhất là cái áo khoác đi mưa màu xanh: ai đã mặc nó và tại sao nó bị vứt đi vào đêm xảy ra án mạng? Thứ hai là quyền nhật ký: ai là J và O mà ông Harald Olesen đã đề cập, đó là còn chưa nói đến C, người mà ông ta rất sợ?”

Chỉ khi Patricia tung ra các câu hỏi, tôi mới lần đầu tiên có cảm giác gờn gợn rằng quả thực có điều gì đó còn thiếu và có thể kết luận của chúng tôi đã sai.

“Tôi biết vẫn còn nhiều điều chúng tôi chưa làm rõ, nhưng có nhiều cách giải thích khả dĩ. C, J và O có thể là ai đó trong số phân nửa thành phố này, người đàn ông trong chiếc áo khoác đi mưa màu xanh dương cũng vậy, và không hẳn phải có liên quan đến vụ án. ‘J’ có thể là ‘Jensen’ như tôi đã đề xuất. Nhưng giờ chúng ta đã có vũ khí giết người và lời tự thú từ một gã cựu Phát xít ở trong cùng một tòa nhà với nạn nhân vào đêm xảy ra án mạng và sau đó đã tự sát. Chừng đó là đủ rõ ràng đối với tôi.”

Patricia không nói gì; trong một lúc dường như cô đang nghi ngờ, rồi giọng nói của cô tiếp tục vang lên.

“Tôi thừa nhận rằng việc này quá sức thông minh, nhưng chính điều đó khiến nó đâm ra kỳ quặc. Hãy thử nghĩ về ông Konrad Jensen, một tên Phát xít tép riu có trí thông minh ở mức trung bình, chưa bao giờ thật sự sử dụng nó thành công, yếu đuối và có bản chất khép kín. Làm sao có chuyện ông ta đủ khả năng bày ra một âm mưu phức tạp như thế để giết hại một người anh hùng thời Kháng chiến như ông Harald Olesen. Càng phi lý hơn nữa khi ông ta đương nhiên sẽ là người đầu tiên bị nghi ngờ và là mục tiêu nhắm vào của mọi phản ứng. Anh có thể nào tưởng tượng nổi ông Konrad Jensen nghĩ ra được kế hoạch khôn ngoan với bộ dàn âm thanh và lạnh lùng kết liễu ông Harald Olesen không? Tôi rõ ràng không giàu trí tưởng tượng đến thế.”

Thật lòng mà nói, tôi cũng không. Tôi cảm thấy mặt đất đang rung chuyển, nhưng kiên quyết bảo vệ thành công của mình.

“Đúng là không dễ gì hình dung được như vậy. Tôi cũng đã ngờ rằng hung thủ không phải ông ta, nhưng việc tìm thấy vũ khí giết người và bản tự thú đánh máy tạo nên một cơ sở khá thuyết phục.”

Giọng nói ở đầu dây bên kia im lặng trong khoảng nửa phút. Thế rồi nó vang lên trở lại - chất chứa nhiều ngờ vực hơn trước.

“Đánh máy! Có phải anh vừa nói là bản tự thú của ông ta được đánh máy?”

Khi nghe thấy sự hoài nghi sâu sắc của giọng nói của Patricia; tôi dâng trào cảm giác nuối tiếc giống như khi người ta nhận ra có gì đó không đúng -

mặc dù không biết chính xác điều đó là gì.

“Phải. Nội dung thư tuyệt mệnh của Konrad Jensen được đánh máy nhưng chữ ký bên dưới dứt khoát là của ông ta!”

Lại im lặng. Giọng Patricia rần đanh khi cô trả lời.

“Nhưng hẳn là Konrad Jensen còn không rành mặt chữ cái; chứ đừng nói tới các phím của một cái máy đánh chữ. Và anh chưa bao giờ đề cập tới việc ông ta có một cái máy đánh chữ trong căn hộ của mình. Đúng không?”

Câu hỏi đập vào tôi như một cú đâm giáng vào bụng. Bản thân tôi từng khám xét vài đồ vật trong nhà ông Konrad Jensen sau vụ án mạng; và đã kiểm tra lại các phòng ngày hôm nay; nhưng không thấy một cái máy đánh chữ ở đâu cả.

“Nếu không có máy đánh chữ trong căn hộ, bằng cách nào ông Konrad Jensen có thể đánh máy một lá thư tuyệt mệnh khi đã nhiều ngày nay bản thân ông ta không dám bước chân ra khỏi cửa? Hãy hy vọng rằng anh có câu trả lời thích đáng cho việc đó, trong trường hợp một phóng viên có chỉ số IQ dưới mức trung bình xuất hiện - ngoài kia, trong thế giới thực.”

Lần này thực sự là đòn chí mạng. Tôi để cái ghế xoay nuốt chửng mình, và đột nhiên cảm thấy vui mừng vì chỉ có mỗi tôi trong phòng.

Khi Patricia hỏi xem tôi có còn ở đó không, tôi đáp có và nói sẽ sớm đến gặp cô. Cô bảo sẽ chờ và nhắc tôi đem theo cả vũ khí sát nhân lẫn lá thư tuyệt mệnh, sau đó cúp máy. Tôi ghi nhận, rồi gần như chạy băng qua các hành lang để đến với thế giới thực.



Rõ ràng cái chết của Konrad Jensen đã làm Patricia chạm tự ái và có động lực hơn. Cô ngồi chồm người tới trước ở bên kia bàn, nôn nóng ra mặt trong khi tôi kể về các cuộc gặp gỡ trong ngày và những sự kiện dẫn đến việc phát hiện thi thể ông Konrad Jensen. Thật nhẹ nhõm khi cô chỉ lắc đầu và phẩy

tay ra hiệu tiếp tục khi tôi ngập ngừng nói rằng có lẽ tôi đã quá thô lỗ với ông tham tán đại sứ về Darrell Williams. Câu chuyện tôi kể đã chiếm hết tâm trí của chúng tôi. Những tách cà phê mà Beate dọn lên vẫn chưa được đụng đến khi tôi nói xong và ngã người ra sau trên ghế.

“Tôi đồng ý rằng nghi vấn về cái máy đánh chữ là một lý lẽ quan trọng và có khả năng ông ta không tự sát, nhưng rõ ràng việc đó không phải là không thể?” Tôi đánh bạo hỏi Patricia.

Cô lắc đầu tuy có cố gắng làm tôi vui lên.

“Tôi không tin chuyện đó, nhưng đồng ý rằng trên lý thuyết, chúng ta vẫn phải tính đến khả năng này. Konrad Jensen có thể đã đánh máy lá thư tuyệt mệnh trước khi sát hại ông Harald Olesen hoặc có thể bằng cách nào đây đã xoay xở để có nó sau đó. Nhưng việc đó cũng phi lý tựa như việc tôi được chọn vào một đội bóng vậy. Tuy nhiên, không thể bỏ qua sự kết hợp của khẩu súng và một lá thư tuyệt mệnh có ký tên. Konrad Jensen phải cực kỳ hợp tác mới chịu ký một lá thư tuyệt mệnh trước khi bị bắn chết. Những lá thư tuyệt mệnh được đánh máy là một chuyện không thường gặp, đúng thế. Tôi có thể xem tài liệu đáng giá này không?”

Tôi gạt đầu và đặt lá thư lên bàn.

“Chữ ký chính xác là của ông ta. Bà vợ ông quản gia nhận ra nó ngay, và nó giống hệt chữ ký trên hợp đồng thuê nhà được ông ta lưu giữ trong căn hộ.”

Patricia gạt đầu, tuy không có vẻ gì là đang nghe tôi nói. Cô nhìn chăm chăm vào lá thư như bị thôi miên. Khi cô nói tiếp, giọng cô thật căng thẳng.

“Giờ anh hãy suy nghĩ cẩn thận vì việc này thật sự quan trọng. Nếp gấp này có sẵn khi anh tìm thấy lá thư hay do anh hoặc ai đó gấp lại sau đó?”

Patricia nôn nóng chỉ vào vết gấp ở vị trí 1/3 tờ giấy từ trên xuống.

“Chúng tôi luôn tuân thủ quy trình bảo vệ chứng cứ. Nếp gấp đã có sẵn khi tôi tìm thấy lá thư nằm trên bàn trong căn hộ của Konrad Jensen, và tôi là người đầu tiên đến hiện trường.”

Đột nhiên Patricia cười tươi và trả lá thư lại. Giọng cô dịu xuống.

“Tuyệt vời. Này nhé, như vậy nó giải thích được lý do bí ẩn khiến ông Konrad Jensen ký lá thư tuyệt mệnh này. Anh hãy gấp nó lại cẩn thận theo nếp gấp và sẽ hiểu việc gì đã xảy ra.”

Tôi làm như hướng dẫn và đột nhiên hiểu ra điều cô ấy muốn nói. Một khi gấp lá thư theo cách đó, những hàng chữ đánh máy biến mất nhưng chữ ký của Konrad Jensen thì không.

“Nói cách khác, Konrad Jensen đã ký bản án tử cho ông ta, có lẽ với một khẩu súng dí vào đầu và không biết mình đang ký gì. Thắc mắc ở đây là kẻ sát nhân có cho ông ta thấy nội dung sau đó, hay chỉ đơn giản là bắn ngay sau khi ông ta vừa ký tên. Giả thiết sau có vẻ đúng hơn vì có nguy cơ Konrad Jensen sẽ làm loạn lên nếu thấy được nội dung.”

Đột nhiên tôi hình dung ra được bức tranh toàn cảnh. Đó là một cảnh hãi hùng. Konrad Jensen đang ngồi trong cái ghế bành cũ kỹ kê bên bàn cà phê, sợ hãi và run rẩy ký lá thư với một khẩu súng gí vào đầu - nó chỉ khai hỏa sau khi ông ta đã đặt bút xuống. Bực mình thay; điều duy nhất tôi không thể hình dung được là gương mặt của kẻ cầm súng. Những gương mặt của Sara Sundqvist, bà vợ ông gác đàn, Andreas Gullestad, Darrell Williams và vợ chồng nhà Lund từng lướt lướt qua, nhưng tôi không thể biết người nào phù hợp. Giọng nói của Patricia có chút lạc quan hơn khi cô tiếp tục.

“Nhưng hành động này thực sự khá là cầu thả. Một nếp gấp ở giữa tờ giấy sẽ khó lòng gây sự chú ý nhưng một nếp gấp 2/3 rõ ràng như thế sẽ gây ngờ vực cho bất cứ người nhạy bén nào. Hãy hy vọng rằng điều này có nghĩa là kẻ sát nhân cực kỳ mưu mô của chúng ta bắt đầu cảm thấy chúng ta đang phả hơi nóng vào gáy gã hoặc ả rồi. Một khả năng khác, gã hoặc ả tiếp tục đánh giá thấp chúng ta. Dù gì đi nữa, đó cũng là một tin tốt cho cuộc điều tra.”

Tôi cho qua lời nhận xét về ‘người nhạy bén’ của Patricia mà không bình luận gì. Thay vào đó, tôi hỏi cô liệu có suy đoán được gì thêm từ nội dung lá thư. Cô lắc đầu.

“Nội dung lá thư không nói lên điều gì với tôi cả, ngoài việc nếu đúng Konrad Jensen đã viết nó thì ông ta giỏi văn phạm Na Uy hơn tôi tưởng. Dĩ

nhiên anh nên kiểm tra nét chữ với mọi cái máy đánh chữ của những người hàng xóm khác, dù rằng tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu chuyện đó có thể dẫn đến bất cứ điều gì. Và cũng đừng nghĩ, dù chỉ trong một giây, rằng tên sát nhân của chúng ta là loại người để lại dấu vân tay trong căn hộ, mặc dù dĩ nhiên anh cũng nên kiểm tra.”

Tôi gật đầu. Sẽ không khó để giải trình vì cả hai việc đó chỉ là thủ tục thông thường sau một vụ án mạng và một vụ tự sát trong cùng một tòa nhà.

“Tôi e rằng chúng ta sẽ không khai thác được thêm điều gì từ lá thư này. Tuy nhiên, khẩu súng rõ ràng rất đáng quan tâm. Đó là loại súng gì vậy?”

Tôi đặt nó lên bàn.

“Một model thường gặp nhất của khẩu Colt Kongsberg tiêu chuẩn cỡ nòng 0,45 inch, có lẽ được sản xuất ngay sau chiến tranh và được lắp bộ phận giảm thanh. Số hiệu trên khẩu súng đã bị xóa mất. Đây là một khẩu súng lục tương đối uy lực và hiệu quả. Cú bắn vào giữa trán Jensen đã giết ông ta ngay tức khắc. Một khẩu Colt Kongsberg chứa bảy viên đạn, trong ổ còn lại năm viên. Điều này phù hợp với một viên đạn dành cho Harald Olesen và một viên cho Konrad Jensen.”

Patricia trầm ngâm nghiên cứu món vũ khí.

“Số viên đạn hẳn nhiên phải phù hợp với điều mà kẻ sát nhân muốn chúng ta tin vào. Chỉ có một người hàng xóm rất chu đáo mới sử dụng một khẩu súng được gắn giảm thanh để tự sát. Tất nhiên cũng có thể là bộ phận giảm thanh này chưa được tháo ra sau vụ sát hại ông Harald Olesen. Ngoài ra, chúng ta vẫn chưa giải thích được Konrad Jensen đã giấu khẩu súng ở đâu trong thời gian đó.”

Patricia ngồi nhìn chăm chăm khẩu súng lục với đôi mắt càng đe dọa hơn, nhưng nó vẫn im lặng và kiên quyết từ chối hé lộ bí mật về chủ nhân của bàn tay đã cầm nó khi phát đạn kết liễu được bắn ra.

“Nói cách khác, nếu - ý tôi là khi Konrad Jensen bị sát hại, câu hỏi còn lại là tại sao lần này khẩu súng được bỏ lại hiện trường, chứ không phải sau khi giết hại ông Harald Olesen. Bởi vì trong vụ đó, ngay cả tôi cũng có thể dễ

dàng chấp nhận nó là một vụ tạt sát.”

Cuối cùng thì Patricia cũng từ bỏ việc cố gắng bắt khẩu súng phải nói ra, thay vào đó cô ngược lên nhìn tôi.

“Anh có thể nhờ một trong những kỹ thuật viên đạn đạo kiểm tra xem liệu viên đạn đã giết Konrad Jensen hôm nay và viên đạn giết ông Harald Olesen có phải đều được bắn ra từ khẩu súng này được không? Tôi có một giả thiết về lý do tại sao khẩu súng không bị bỏ lại sau vụ sát hại ông Harald Olesen và tôi sẽ không yên tâm trước khi có xác nhận về việc này.”

Tôi gật đầu. Một lần nữa, tôi hoàn toàn không hiểu cô ấy đang nghĩ gì. Nhưng việc đó là một quy trình thường quy nên sẽ khó có thể bị từ chối.

“Mặt khác, tôi đã nhờ pháp y giám định thi thể Konrad Jensen nhưng chưa nhận được xác nhận về thời gian tử vong. Có thể đoán ông ta chết đâu đó trong buổi sáng.”

Patricia gật đầu.

“Điều đó nghe có vẻ hợp lý, nhưng không giúp được chúng ta nhiều lắm. Nếu ông ta chết trước khi Kristian Lund đi làm và trước khi bà vợ ông gác dan ngò vào vị trí gác, thì bất kỳ ai trong số những cư dân ở đó cũng có thể đã bắn ông ta. Và việc kẻ sát nhân xoay sở để thoát ra cũng không bí hiểm, vì cửa được lắp khóa bấm và không có ai bên ngoài. Tuy nhiên, cách thức kẻ sát nhân vào nhà được lại là một câu đố. Tôi đoán anh đã tìm kiếm bất kỳ dấu hiệu thấy được nào của một cuộc đột nhập qua cửa sổ, hoặc dấu vết trên cửa ra vào của căn hộ?”

Tôi gật đầu - và tự hứa lần tới khi đến đó, tôi sẽ kiểm tra lại cả hai khả năng một cách cẩn thận. Nhưng do đã không thấy dấu hiệu gì của một vụ đột nhập, nên tôi hỏi Patricia việc này nói lên điều gì.

“Ồ, có ba khả năng: kẻ sát nhân là bà Randi, kẻ sát nhân là người có được cái chìa khóa của bà Randi, hoặc kẻ sát nhân là người đã được ông Konrad Jensen cho vào nhà.”

“Không có khả năng nào nghe hợp lý cả,” tôi đáp.

Patricia gật đầu đồng tình và mỉm cười héo hắt.

“Nhưng dù sao một trong số đó phải đúng. Hãy kiểm tra chìa khóa của bà Randi, trong khi đó tôi sẽ suy nghĩ về vụ án. Khả năng rõ ràng nhất là Konrad Jensen đã cho kẻ sát nhân vào nhà. Căn cứ trên những gì anh đã kể cho tôi nghe, ông ta hẳn đã tự nhốt mình với hai lần khóa và dây xích an toàn, nghĩa là không dễ để ai đó đột nhập vào trái với mong muốn của ông ta.”

Tôi gật đầu, dù cố phản đối một cách yếu ớt.

“Nhưng điều đó có nghĩa là cô đang giả dụ ông Konrad Jensen đã bị sát hại, và tôi chưa hoàn toàn bị thuyết phục. Cô có những lập luận hay, nhưng vẫn còn vướng khâu súng lục và lá thư tuyệt mệnh. Ngoài ra, chúng ta vẫn còn thiếu động cơ và một lời giải thích cho cách thức kẻ sát nhân vào trong căn hộ. Tất cả mọi người đều hài lòng với việc kết thúc vụ án. Không dễ để giải trình về việc kéo dài cuộc điều tra.”

Patricia thở dài. Cô ngồi đó im lặng, đập bàn tay nhỏ nhắn của mình xuống bàn một cách bực dọc. Chỗ cà phê nguội lạnh sóng sánh một cách nguy hiểm trong cái tách của cô.

“Và kẻ sát nhân đang rất hài lòng với tình cảnh hiện tại như vậy, tôi có thể đảm bảo với anh như thế. Trong khi tôi hoàn toàn bị thuyết phục rằng chúng ta đang nói đến không chỉ một mà hai vụ án mạng thì kẻ chịu trách nhiệm vẫn còn nhởn nhơ. Có lẽ gã hay ả đang ngồi xoa tay một cách thoải mái ở số 25 phố Krebs. Nhưng tôi cũng hiểu rõ rắc rối của anh: đây không phải là một tình huống dễ dàng.”

Patricia lại thở dài hai lần nữa và tiếp tục nói với giọng cam chịu.

“Tôi không nghĩ tối nay chúng ta có thể tiến triển được gì thêm nữa. Xin anh cân nhắc và làm những gì anh tin là tốt nhất. Nhưng ít nhất hãy kiểm tra những việc chúng ta vừa đề cập và cho tôi hai mươi bốn giờ nữa trước khi đóng vụ án này lại. Anh không cần làm gì hơn nữa vào lúc này. Không cần đội gác tăng cường nữa. Kẻ sát nhân đã cảm thấy an toàn và sẽ không làm bất cứ điều gì khiến mình có nguy cơ bị lộ.”

Tôi gật đầu. Tôi thông cảm sâu sắc với Patricia, người mà, mặc cho

những suy luận xuất sắc, vẫn có thể phải chấp nhận đóng vụ án này dù không bắt được kẻ sát nhân. Tuy nhiên, cô thuyết phục được tôi rằng mọi việc không đơn giản như những gì tôi và những người hàng xóm khác đã tin khi phát hiện thi thể Konrad Jensen. Vẫn còn vài câu hỏi chưa có câu trả lời, và tôi không biết sẽ nói gì nếu một số phóng viên các cơ hỏi chúng.

Khi tôi nói rằng chúng tôi ít nhất cũng giải được bí ẩn về số tiền mất đi từ tài khoản của ông Harald Olesen, Patricia lưu ý rằng vẫn còn một bí ẩn chưa giải đáp nữa. Rõ ràng rằng phần lớn số tiền được trả cho Kristian Lund, nhưng nếu anh ta chỉ nhận hai lần chi trả với tổng số 100.000 kron, thì vẫn còn thiếu 50.000 kron.

Chúng tôi kết thúc ngày làm việc lúc 7 giờ tối trong một tâm trạng căng thẳng và buồn rầu. Tôi hứa với cô rằng tôi sẽ kéo dài vụ án cho đến ngày mai và sẽ cố gắng kiểm tra những gì cô đã đề cập. Tôi cũng hứa sẽ đến dự buổi đọc di chúc của ông Harald Olesen. Lẽ đương nhiên, sau khi đọc quyển nhật ký của ông, tôi rất tò mò muốn biết những gì sẽ được đề cập trong di chúc. Patricia chào tạm biệt tôi với gương mặt gần như không mỉm cười. Rõ ràng những sự kiện trong ngày đã ảnh hưởng đến cô. Sự căng rứt trong lòng bắt đầu quấy rầy tôi. Nếu Konrad Jensen thật sự đã bị sát hại sáng nay thì rõ ràng ông ta đã được cứu mạng nếu tôi ra lệnh tăng cường an ninh vào tối hôm qua.

Khi tôi đứng ở ngay ngưỡng cửa, chuẩn bị ra về, đột nhiên Patricia bật cười trở lại, một cách cay độc. Tôi nhìn cô đầy ngạc nhiên.

“Tôi xin lỗi - một vụ sát nhân nữa thì không có gì đáng cười cả, nhưng nó vẫn là một vụ án mạng, khi mà chúng ta vẫn cho rằng Konrad Jensen là đối tượng tình nghi chủ chốt và chính ông ta bị bắn chết.”

Tôi cười ngượng ngùng và chào cô. Chúng tôi chia tay tương đối vui vẻ, mặc dù là một sự vui vẻ cay độc. Trên đường ra, tôi nhận ra bốn quyển sách của Ellis mà tôi thấy trên kệ sách của Patricia đêm hôm trước đã được kín đáo thay thế bằng một bộ sách ba tập về chính trị nước Anh trong thế kỷ hai mươi.



Tôi bản thân đứng phía bên ngoài tòa Bạch Ốc một lúc. Cuối cùng, tôi lái xe về lại đồn cảnh sát. Ba phóng viên lao tới ngay khi tôi vừa rời khỏi xe. Họ bám theo tôi vào trụ sở và điên cuồng ghi chép. Tôi xác nhận ngắn gọn rằng một trong số những cư dân tại đó, người từng bị kết án ở phiên tòa xử tội phản quốc sau chiến tranh, được tìm thấy đã chết trong căn hộ của mình. Một khẩu súng lục cỡ nòng 0,45 và một lá thư tuyệt mệnh có ký tên, trong đó ông ta thú nhận đã giết ông Harald Olsen, được tìm thấy bên cạnh thi thể ông ta. Sau đó, tôi nói thêm rằng vẫn còn một số giám định kỹ thuật phải tiến hành và một số chi tiết cần phải làm rõ nhưng nhiều thứ cho thấy vụ án có thể được khép lại. Một trong số những phóng viên đã hỏi liệu tôi có thể xác nhận những gì mà một trong những cư dân tại đó đã nói trong ngày, rằng dường như kẻ sát nhân đã tự sát vì hắn ta nhận thấy rằng cuộc điều tra đã có những bước tiến quan trọng và việc bắt giữ sẽ sớm xảy ra. Tôi nhấn mạnh chúng tôi cần phải luôn thận trọng khi suy diễn về lí do tự sát, nhưng tôi có thể xác nhận rằng cuộc điều tra đã có những đột phá quan trọng và người đã chết là một trong số những đối tượng tình nghi chủ yếu ngay từ đầu.

Tim đập thình thịch, tôi chờ những câu hỏi khó nhằn, nhưng chúng không được nêu lên. Cả ba phóng viên đều chúc mừng tôi đã phá được vụ án mạng và cam đoan với tôi rằng câu chuyện sẽ nhận được những bài viết thật hay và tích cực trên các báo buổi sáng. Một trong số họ còn vui vẻ đề nghị giật tít “*K2 thiết lập đỉnh cao mới*”. Trở về văn phòng của mình, tôi soạn một thông cáo báo chí với nội dung gần giống với những gì tôi vừa cung cấp cho phóng viên.

Chuyên gia đạn đạo đã về nhà. Tuy nhiên, tôi đã tìm cách liên lạc với anh ta qua điện thoại để nói rằng mặc dù vụ án hiện nay có vẻ không còn gì để bàn cãi, khẩu súng trong căn hộ của Konrad Jensen vẫn cần phải được đối chiếu với viên đạn được tìm thấy ở đó và viên đạn trong căn hộ ông Harald

Olesen. Anh ta nhất trí và hứa sẽ tiến hành trong sáng hôm sau, đồng thời chúc mừng tôi về thành công của cuộc điều tra. Chuyên gia lấy dấu vân tay cũng nói tương tự khi tôi gọi anh ta sau đó và yêu cầu anh ta xem xét căn hộ của Konrad Jensen vào sáng hôm sau.

Sau khi để điện thoại xuống, tôi ngồi trong chiếc ghế xoay của mình và suy nghĩ vài phút về khả năng những lời chúc mừng này còn nguyên vẹn sau ngày mai. Sau đó tôi kết thúc ngày làm việc và rời văn phòng, nhưng chưa vội về nhà. Thay vào đó, tôi đi đến số nhà 25 phố Krebs.

Bà vợ ông gác đàn đã vào trong căn hộ của mình, nhưng mở cửa ngay khi tôi bấm chuông và cười tươi khi trông thấy tôi. Tôi lập tức cam đoan với bà rằng đây đơn giản chỉ là những công việc thường quy liên quan đến báo cáo của tôi, nhưng vẫn còn một số điều tôi cần phải hỏi bà.

Liên quan đến chùm chìa khóa, bà vợ ông gác đàn dứt khoát rằng không ai khác có thể lấy được chúng. Bà giữ chúng bên mình cả ngày và đặt ở bàn đầu giường vào ban đêm. Bà ngủ một mình trong căn hộ với cửa nẻo khóa chặt và có thể thề với Chúa là không có người nào vào trong phòng ngủ của mình. Bà nói câu đó với một nụ cười hiền lành. Khi tôi nói rằng cần xem xét một số việc trong căn hộ của ông Konrad Jensen, bà lập tức lấy chiếc chìa khóa ra và để cho tôi vào trong đó.

Nhẹ nhõm thay tôi nhận thấy những gì tôi đã nói với Patricia đều là sự thật. Không có dấu vết hoặc dấu hiệu gì dù là trên cửa ra vào hay cửa sổ cho thấy đã có kẻ đột nhập. Khi vào trong căn hộ, tôi không rõ mình phải tìm kiếm thứ gì khác. Sau cuộc nói chuyện với Patricia, tôi chỉ muốn được nhìn lại căn hộ của ông Konrad Jensen một lần nữa và nghiền ngẫm về tình huống này.

Trong nhiều năm Konrad Jensen sống một mình, một người đàn ông cáu kỉnh và chán đời. Căn hộ thấm đẫm tinh thần của ông ta, ngay cả sau khi ông chết. Rõ ràng ông ta đã sợ hãi đến nỗi không dám mở cửa sổ trong những ngày vừa qua. Khói thuốc còn ám đầy trên tường. Ông Konrad Jensen không để lại nhiều đồ đạc cá nhân. Chồng đĩa dơ hai ngày chưa rửa còn chất đống

trong bếp. Một bức ảnh chân dung nhạt nhòa, ố vàng được treo trên tường phòng khách, ngoài ra không có hình ảnh nào khác trong nhà. Đây là căn hộ của một người đàn ông không chỉ sống không có gia đình mà còn không có bạn bè.

Konrad Jensen có một cái radio cũ, nhưng không có tivi. Có vẻ như ông không đặt mua báo dài hạn, mà chỉ mua các tờ VG Dagbladet và Aftenposten một số ngày đặc biệt. Báo chí của tháng trước nằm chất đống trên sàn. Một vài trong số đó được gấp mép ở trang thể thao. Trên kệ sách là quyển Kinh thánh đã cũ và một bộ sưu tập sách tương đối lung tung. Trong ngăn tủ bếp, tôi tìm thấy một bộ sưu tập những hình ảnh xe hơi được cắt ra từ tạp chí, một quyển sổ ngân hàng và vài giấy tờ tùy thân khác. Một xấp nhỏ những tờ phiếu cá cược bóng đá nằm chỏng chơ, có vẻ như Konrad Jensen không dành nhiều thời gian cho chúng và cũng chưa từng thắng cược lần nào. Trúng được tám kron là kỷ lục cao nhất ông từng đạt được, theo những ghi chép của ông.

Tôi tự hỏi người đàn ông quá cố đã làm những gì trong hàng ngàn giờ ông đã sống ở đây qua chừng ấy năm - ngoài việc ăn uống; hút thuốc và nguyên rửa số phận. Tôi nhận ra rằng; trong nhiều năm qua, có lẽ không có ai khác ngoài ông ta từng đi vào căn hộ này, trước khi vụ án mạng này buộc tôi khám phá nó. Câu hỏi vẫn còn đó: liệu Konrad Jensen đã ở đây một mình khi ông ta chết vào sáng nay, hay có ai đó đã ở đây với ông ta?

Phòng ngủ của Konrad Jensen cũng được bài trí sơ sài và ám khói thuốc. Một cái gạt tàn đầy phân nửa vẫn nằm trên cái ghế đầu mà ông ta dùng thay cho bàn đầu giường. Tôi tự hỏi liệu có người đàn bà nào đã từng lên giường với ông ta. Rõ ràng là nếu có, thì chuyện đó xảy ra cũng đã nhiều năm rồi.

Hai chiếc quần dài và hai áo khoác được treo trong tủ quần áo, cùng ba cái áo sơ mi và ba bộ đồ lót. Một bộ vest cũ màu đen nhàu nhĩ nằm trotrọi trên kệ. Rất có khả năng nó đã không được dùng từ nhiều năm rồi. Chắc chẳng ai mời Konrad Jensen đi đến một nơi cần phải mặc đồ vest và ông ta càng chẳng bao giờ tự mình đi đến những nơi đó. Tôi chán nản cầm cái áo

vest lên và nhảy dựng khi có cái gì đó rơi ra khỏi nó.

Đó là một bao thư màu nâu khá to và dày, bên ngoài không đề gì cả. Trong bao thư có một xấp giấy trắng với nét chữ mực xanh được viết tay bởi Konrad Jensen. Tôi lập tức đem chúng ra ngoài bàn ngoài phòng khách. Tôi ngồi đó gần một giờ xem qua chừng năm mươi trang giấy được để lại bởi người đàn ông đã chết ở đây, ngay trong cái ghế của mình vào buổi sáng hôm nay.

Đó không phải là điều tôi mong đợi tìm được trong căn hộ này: một nỗ lực viết sách. Sau nhiều năm suy nghĩ về số phận của mình trong im lặng, Konrad Jensen rõ ràng đã quyết định viết ra những suy nghĩ của mình. Có khoảng hai mươi trang về tuổi thơ và thời trẻ của ông, cùng khoảng hai mươi trang về chiến tranh. Sau khi cày xới hết nội dung đó, tôi phải chấp nhận với chút thất vọng rằng nó không chứa thông tin nào hữu ích cho cuộc điều tra. Không có một chữ nào nhắc đến Harald Olesen hoặc bất cứ điều gì về Chân nai. Đó là một câu chuyện đầy tự tôn và thẳng thắn về một người đàn ông trẻ đã nhầm lẫn cả cuộc đời và cảm thấy khó mà chấp nhận sự thất bại.

Mỗi ngày vực rằng Na Uy đã không mất một tài năng văn học sau cái chết của ông Konrad Jensen được xác nhận ngay cả trước khi tôi kết thúc trang đầu tiên. Cấu trúc lộn xộn, thiếu trọng tâm, chằm chằm tùy tiện và văn phạm kinh hoàng. Nỗ lực được thực hiện bởi cựu thành viên đảng NS này là một dự án mà không một nhà xuất bản nào dám rờ vào và sẽ không có độc giả nào bỏ tiền mua về đọc. Nhưng Konrad Jensen đã dồn rất nhiều công sức vào việc này. Theo ngày tháng được viết ở lề các trang giấy, ông đã gần như viết mỗi ngày kể từ tháng 11 năm ngoái. Đoạn cuối cùng về sự kết thúc chiến tranh được viết ngày 3 tháng 4, chỉ một ngày trước khi Harald Olesen bị sát hại.

Tôi đặt xấp giấy xuống với một niềm tin được củng cố rằng Patricia đã đúng và ông Konrad Jensen quả thực đã bị giết. Bi thảm làm sao là Konrad Jensen đã chết đi và để lại phía sau một ảo tưởng cuộc đời, như chữ dùng bởi Ipsen, một trong những kịch tác gia vĩ đại của chúng tôi - một dự án mà ông

đang tiến hành và đặt nhiều kỳ vọng vào đó. Nhưng tôi cũng biết chuyện này chỉ hoàn toàn dựa trên trực giác của mình và sẽ khó đứng vững ở tòa hoặc trên truyền thông.

Khi tôi sắp cất lại xấp giấy vào trong bao thư, mắt tôi bắt gặp câu đầu tiên: *“Giới đây tôi Konrad Jensen bắt đầu kể lại câu chuyện cuộc đời mình mà tôi không hề hối hận”*

Tôi ngồi nhìn chăm chăm vào câu đầu tiên đó. Chính tay ông Konrad Jensen đã viết câu này chỉ vài tháng trước và đã sai chính tả những từ ‘dưới đây’ và ‘hối hận’. Trong lá thư tuyệt mệnh đánh máy, cả hai chữ này đều được viết đúng.

Dĩ nhiên, cũng có thể sau này ông ta đã học được cách đánh vần chính xác cả hai từ đó, nhưng bản thảo của ông Konrad Jensen đã được viết không có lấy một dấu phẩy và những từ đơn giản nhất thường xuyên bị viết sai chính tả. Những đoạn văn cuối cùng được viết chỉ mới vài ngày trước cũng vậy. Patricia đã hoàn toàn đúng trong suy đoán của mình về khả năng viết lách của ông ta. Không thể tưởng tượng được cùng một người đàn ông này đã viết nên một lá thư tuyệt mệnh với chính tả và văn phạm hoàn hảo.

Tôi cẩn thận đặt xấp giấy xuống bàn. Rồi tôi bước sang nhà bếp và rửa mặt hai lần dưới dòng nước lạnh giá. Sau đó, tôi vẫn còn tin rằng Konrad Jensen đã bị giết hại và quyết tâm bắt cho bằng được tên sát nhân quý quyết máu lạnh đáng kinh ngạc kia. Tôi đem theo di cảo của Konrad Jensen và lặng lẽ rời căn hộ, sau đó yêu cầu bà vợ ông gác dan khóa cửa lại.

Rồi tôi lái xe về nhà và gọi cho Patricia. Đã 9 giờ rưỡi tối, nhưng cô lập tức tỉnh táo khi nghe tin. Đó là một cuộc đối thoại ngắn gọn và lạc quan, tương phản rõ ràng với cuộc trao đổi giữa hai chúng tôi lúc nãy. Tôi hứa sẽ không kết thúc vụ án này cho đến khi qua dịp lễ Phục sinh. Cô thì hứa với tôi rằng với nỗ lực của cả hai, chắc chắn chúng tôi sẽ bắt được hung thủ.

Tôi lên giường ngủ vào ngày thứ sáu của cuộc điều tra với tâm trạng hăng hái, đầu óc tôi tràn ngập suy nghĩ. Đồng hồ chỉ 2 giờ sáng trước khi tôi nhắm mắt ngủ, nhưng những giờ cuối cùng ấy không thể giúp ích gì thêm. Trước

khi chìm vào giấc ngủ, suy nghĩ cuối cùng của tôi xoay quanh những gì mà di chúc của Harald Olesen sẽ đề cập. Gương mặt cuối cùng mà tôi thấy là Konrad Jensen. Ông ta nhìn tôi chăm chăm, câu kính và râu rĩ như mọi khi. Tôi nhìn Konrad dò hỏi, nhưng không thu được câu trả lời. Tôi có cảm giác ông không hài lòng, và ông lắc đầu không đáp khi tôi nói gì đó về việc ghi nhận cái chết của ông như một vụ tự sát. Nhưng rõ ràng sau đó tôi đã ngủ thiếp đi.

NGÀY THỨ BẢY



BẢN DI CHỨC VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA NÓ

Hai giờ đầu tiên ở văn phòng vào thứ Tư ngày 10 tháng 4 gần như không có biến cố gì và rất thoải mái khi tôi ngồi đọc báo. Tuy nhiên, vào lúc 10 giờ 20 phút, một tiếng gõ cửa lớn và sột ruột vang lên. Đứng trước cửa là chuyên gia đạn đạo thờ hớn hèn bất thường với vẻ mặt rất hoang mang.

“Báo cáo đã sẵn sàng nhưng tôi phải cảnh báo anh là bản kết luận có lẽ không phải như anh đã hy vọng,” anh ta thốt lên.

Tôi đã chuẩn bị cho chuyện này và ra dấu cho anh ta nói tiếp. Anh tiếp tục với giọng run rẩy.

“Viên đạn đã giết chết ông Konrad Jensen được bắn từ một khẩu súng lục cỡ nòng 0,45 được tìm thấy trong căn hộ, model Colt Kongsberg năm 1947. Nhưng...”

Nhà đạn đạo học ngưng một lát. Tôi nhìn thẳng vào anh ta và nói nốt:

“Nhưng viên đạn đã giết ông Harald Olesen đến từ một khẩu súng khác, có lẽ xưa hơn, cũng cỡ nòng 0,45, vậy nên chúng ta vẫn bị thiếu một hung khí gây án.”

Anh ta gật đầu, ngạc nhiên ra mặt, và nhìn tôi với vẻ ngưỡng mộ.

“Như anh có lẽ đã hiểu, tôi có lí do để tin như vậy. Thế nên thật tuyệt vời là anh có thể xác nhận điều đó thật nhanh chóng. Anh có thể nói cho tôi nghe thêm về khẩu súng còn thiếu được không?”

Anh ta gật đầu hơn hở và háp tấp nói tiếp.

“Nó cũng là một khẩu Colt Kongsberg, nhưng như anh đã nói, nó là một model xưa hơn. Khó có thể nói được nó xưa hơn tới mức nào. Model đầu tiên đã được sản xuất hàng loạt từ năm 1918 cho đến khi Thế chiến Hai nổ ra, nhưng thực ra chúng được sản xuất rất ít sau năm 1930. Cho nên tôi đoán rằng khẩu súng đã giết ông Harald Olesen có thể là đời 1920. Khẩu Colt Kongsberg cỡ nòng 0,45 được sử dụng rất nhiều trong thời gian đó, không

chỉ trong quân đội. Một số lượng đáng kể loại súng này vẫn còn được sử dụng trong và ngay sau chiến tranh, nhưng những khẩu đời đầu này về sau trở nên hiếm dần.”

Tôi gật đầu suy tư và nói rằng điều này rất phù hợp với một giả thiết. Chắc chắn rồi, chỉ có điều xui thay tôi không hề có chút ý niệm gì về giả thiết đó.

Sau đó đến lượt bác sĩ pháp y trình bày ngắn gọn qua điện thoại. Những kết quả của ông ta ít chấn động hơn, nhưng không phải không có gì hấp dẫn. Thời điểm tử vong chính xác vẫn chưa chắc chắn, do nhiệt độ của căn phòng. Tuy nhiên, rõ ràng phát súng được bắn ra trễ hơn so với những nhận định ban đầu. Nó được bắn không sớm hơn 9 giờ sáng và không trễ hơn 1 giờ chiều, vì thế có thể nhận định viên đạn đã được bắn ra trong khoảng từ 10 đến 12 giờ.

Tôi có thể tự mình kiểm tra về vụ máy đánh chữ, và như đã lường trước, nó chẳng đi đến đâu cả. Lá thư tuyệt mệnh của Konrad Jensen đã được gõ trên một loại máy đánh chữ thường gặp nhất hiện giờ ở Na Uy. Theo thông tin có được từ lần lục soát đầu tiên, có ba chiếc máy đánh chữ trong tòa nhà: chiếc của nhà Lund cùng một model với loại đã sử dụng để thảo lá thư, trong khi hai chiếc máy của Sara Sundqvist và Andreas Gullestad thì không. Nhưng thông tin này không hữu ích cho lắm, vì model cần tìm quá phổ biến và có thể dễ dàng bắt gặp ở bất kỳ văn phòng nào. Loại máy đánh chữ đó có thể được trang bị tại một đại sứ quán, một cửa hàng đồ thể thao hoặc trường đại học.

Sau khi suy nghĩ khoảng 10 phút, chỉ có duy nhất một người mà tôi không thể hình dung đã đánh máy lá thư tuyệt mệnh trong những ngày vừa qua, và đó là Konrad Jensen. Việc ông ta không tự bắn mình ngày càng in sâu hơn trong đầu tôi. Và tôi ngày càng mong muốn tìm ra gã hoặc ả sát nhân máu lạnh này, kẻ đã quỷ quyết lên vào nhà sát hại người đàn ông cô đơn đó.

Vào lúc 11 giờ 15 phút, sự nôn nóng thúc hối tôi gọi điện thoại cho chuyên gia dấu vân tay, người vừa mới trở về từ căn hộ của Konrad Jensen.

Anh ta tìm thấy dấu vân tay của tôi trên cửa ra vào, cũng như của bà vợ ông gác dan và Konrad Jensen, nhưng tất cả chỉ có thể. Tôi cảm ơn anh ta và ghi nhận ngay trong đầu rằng các chứng cứ kỹ thuật sẽ là không đủ để bắt hung thủ trong vụ án này.



Không khí căng thẳng đã bao trùm lên tất cả khi tôi bước vào phòng họp của hãng luật Ronning, Ronning & Ronning ở phố Idun trước giờ đọc di chúc mười lăm phút. Ngài Ronning con cũng như bản di chúc đều chưa thấy xuất hiện trong gian phòng trang bị sáu hàng ghế có kèm bàn viết, một sân khấu nhỏ và một cái phát biểu. Một số hàng xóm và họ hàng của ông Harald Olesen đã có mặt. Hai vợ chồng nhà Lund ngồi riêng ở cánh trái của hàng ghế đầu. Cháu trai và cháu gái của ông Harald Olesen ngồi ở hàng ghế thứ ba. Bà vợ ông gác dan vừa đẩy Andreas Gullestad trên xe lăn vào và bà ý tứ ngồi hơi lùi ra sau lưng anh ta, ở hàng ghế thứ tư. Bà ta nhanh chóng xếp gọn cái áo khoác đã cũ của mình vào một cái túi lưới.

Những người hàng xóm có mặt đều gật đầu hoặc vẫy tay với tôi khi tôi bước vào phòng. Tôi nhẹ nhàng đi một vòng và bắt tay tất cả mọi người. Bà vợ ông gác dan tỏ ra khá phẫn khích nhưng cố kìm nén. Andreas Gullestad vẫn điềm tĩnh và tươi cười như mọi khi: anh ta chẳng có gì để mà háo hức. Karen Lund có vẻ không thoải mái và cứ đưa mắt nhìn quanh phòng, trong khi Kristian Lund giữ nét mặt tỉnh bơ. Tôi cảm thấy ngưỡng mộ sự kiên cường này của anh ta, nhưng nó nhanh chóng bị phá vỡ khi cô Sara Sundqvist đến vào lúc 12 giờ kém 10 phút. Cô sinh viên ngồi thoải mái một mình bên cánh phải của hàng ghế phía sau và dường như cố tránh nhìn vào vợ chồng nhà Lund.

Lúc 12 giờ kém 4 phút, cửa phòng đột ngột bị choán đầy bởi thân hình đẹp đẽ của Darrell Williams. Anh ta đến như một cơn lốc, trên người mặc

một cái áo khoác da và lạnh lùng ngồi vào hàng ghế cuối, trên chiếc ghế gần cửa nhất. Mọi người trong phòng đều quay lại nhìn theo bản năng khi nghe tiếng mở cửa, và những người hàng xóm khác khẽ gật đầu chào anh. Tôi thấy chị em nhà Olesen nhìn anh ta chăm chăm và đặc biệt người chị gái nhìn anh một lúc lâu trước khi quay lên. Tôi không khỏi cảm thấy việc này hơi lạ lùng, vì ít có khả năng họ đã từng gặp anh ta trước đây. Nhưng sự có mặt của Darrell Williams nhanh chóng bị lu mờ bởi sự xuất hiện của một người đàn ông nhỏ nhắn và mảnh khảnh, người ba phút sau đó bước lên sân khấu với một bao thư lớn còn nguyên niêm phong trong tay.

Tôi nhận ra Ronning con có vẻ như muốn tranh thủ tối đa tình huống hiện tại. Anh ta đã không gây thất vọng. Đúng một phút trước 12 giờ trưa, người đàn ông trẻ trung bước vào phòng cùng chiếc kính cặp mũi, phong thái tự tin khác thường và mặc một bộ vest cực kỳ đắt tiền. Anh ta hoàn toàn phù hợp với phong cách Na Uy những năm 1920 nhưng không làm bất kỳ ai phải nhướng mày. Ấn tượng này càng được củng cố thêm khi anh ta lên tiếng, vì ngôn ngữ của anh ta cực kỳ thủ cựu và chuẩn xác. Tuy nhiên, hình ảnh hoàn hảo và gây chú ý của tay luật sư trở nên lép vế trước cái bao thư lớn anh ta cầm trong tay, thứ mà sau đó được anh ta mở với cử chỉ khoan thai chậm rãi ngay khi đồng hồ bắt đầu điểm 12 giờ. Một sự im lặng tuyệt đối bao trùm căn phòng cho đến khi mười hai tiếng chuông kết thúc.

“Là người đại diện cho di sản của ông Harald Olesen đã khuất, đầu tiên tôi muốn cảm ơn tất cả mọi người đã dành thời gian đến đây, theo yêu cầu của tờ phụ đính trong bản di chúc đã nêu. Ngoài ra, chúng tôi có thể xác nhận rằng những người được mời đều có mặt, ngoại trừ ông Konrad Jensen không thể tham dự do đã mất ngày hôm qua, điều mà tôi chắc rằng mọi người đều đã biết.”

Căn phòng vẫn im ắng đến độ có thể nghe thấy tiếng một cái đinh ghim rơi xuống. Tôi nhìn chăm chăm vào tay luật sư với một sự mê hoặc khủng khiếp.

“Ông Harald Olesen góa vợ qua đời mà không có cha mẹ còn sống hoặc

người thừa kế đã biết. Trong trường hợp này, theo luật ông được quyền tự do phân chia tài sản và của cải theo ý mình trong di chúc. Những thứ này bao gồm căn hộ của ông tại số 25 phố Krebs và tất cả đồ đạc trong đó, với giá trị ước lượng khoảng 70.000 kron và căn nhà gỗ ở ngoại vi Stokke, Horten, vốn để cho người cháu trai của ông sử dụng trong nhiều năm qua, với giá trị ước lượng khoảng 40.000 kron. Ông cũng gửi tiền mặt trong tài khoản ngân hàng với tổng giá trị là 1.122.434 kron, sau khi đã trừ chi phí luật sư cũng như các phí tổn và khoản thuế khác. Và cuối cùng, một khoản tiền mặt 263 kron 75 xu được tìm thấy trong bóp của ông.”

Tay luật sư tận dụng cơ hội đầu tiên để đột ngột dừng lại và long trọng nhìn quanh phòng. Việc này cũng không cải thiện sự lãnh đạm mà cử tọa dành cho anh ta. Anh ta tiếp tục không chút bối rối.

“Vài ngày trước khi chết, ông Harald Olesen thể hiện mong muốn dứt khoát rằng di chúc của ông sẽ được đọc vào thời điểm này, sáu ngày sau khi ông qua đời. Điều có vẻ hơi khác thường là việc ông muốn những phiên bản di chúc trước đó cũng được công bố cho mọi người có mặt tại đây.”

Với chi tiết này, không khí trong phòng đột ngột thay đổi. Hai người cháu của ông Harald Olesen nhìn nhau đầy lo lắng. Hình như tôi đã thấy một nụ cười đắc thắng thoáng hiện trên môi Kristian Lund, được cộng hưởng bởi một nụ cười có phần thận trọng hơn của vợ anh ta. Kinh tởm thay, cặp đôi này khiến tôi nghĩ đến hình ảnh của hai con kền kền.

“Tờ di chúc đã trải qua mấy lần thay đổi, nhưng dẫu vậy vẫn tương đối đơn giản, với một người thừa kế chính, người về cơ bản sẽ thừa kế mọi tài sản và của cải của ông Olesen. Có một ngoại lệ không phải không đáng kể đã được dành cho bà Randi Hansen, người vợ của ông gác dan phụ trách tòa nhà nơi ông Harald Olesen đã cư ngụ.”

Ngay lập tức mọi con mắt đổ dồn về bà Randi Hansen, người đang ngồi một mình và im lặng. Bà ta ngồi ghé trên mép ghế với đôi môi run rẩy. Một giọt nước mắt lăn dài xuống gò má khi bà chờ nghe số tiền.

“Trong nhiều năm, ông Harald Olesen đã để lại số tiền 30.000 kron cho

bà Hansen trong di chúc của mình.”

Một âm thanh thảng thốt lặng lẽ vang lên trong cử tọa. Tôi có thể thấy sự không tán thành xuất hiện trên gương mặt của hai người cháu ông Olesen và Kristian Lund. Ngược lại, bà vợ ông gác đan trông như sắp ngất đi trên ghế. Theo bản năng, bà úp mặt vào hai bàn tay, nhưng cũng không ngăn được dòng nước mắt chảy xuống cả hai gò má.

“Tuy nhiên...”

Tựa như dưới cú vẩy của một cây đũa thần, căn phòng im phăng phắc trở lại.

“Tuy nhiên, vài ngày trước khi chết, ông Harald Olesen đã yêu cầu một sự điều chỉnh lớn đối với số tiền để lại cho bà Hansen. Số tiền cuối cùng mà bà được thừa kế trong số tài sản của ông ấy hiện giờ là...”

Người đàn ông này ắt hẳn là một người tàn nhẫn bẩm sinh và đã mài dũa tính cách đó một cách cẩn thận. Có khoảng mười giây im lặng nghệt thờ trước khi anh ta kết thúc câu nói của mình. Tôi thật sự lo sợ rằng bà vợ ông gác đan, người vẫn ngồi đó giấu mặt trong bàn tay, sẽ chết vì cơn đau tim trong lúc chờ đợi.

“... 100.000 kron.”

Lần này, có vài tiếng kêu thảng thốt và lằm bằm phản đối vang lên. Tôi không thể xác định được những âm thanh đó phát ra từ ai, nhưng rõ ràng những người khác cũng không. Ronning con chẳng may bị ảnh hưởng bởi sự kiện này và tiếp tục với màn trình diễn đã định sẵn của mình. Anh ta bước tới trước ba bước và thông báo với bà Hansen rằng tiền sẽ được chuyển vào tài khoản của bà ngay khi bà đem sổ ngân hàng đến văn phòng hãng luật. Bà Hansen không trả lời. Bà ta gằn như ngồi thụp xuống trên ghế, hai mắt mở to, không nói nên lời. Ronning con dường như cũng không mong chờ sẽ nhận được câu trả lời bởi anh ta nói tiếp sau một khoảng dừng nghệt thờ nữa.

“Liên quan đến phần tài sản và của cải còn lại của ông Harald Olesen, trong nhiều năm, tờ di chúc đã được lập như sau: *“Phần gia sản còn lại tôi*

để lại cho người cháu trai, Joachim Olesen và cháu gái, Cecilia Olesen, do lòng kính yêu với người anh đã khuất của tôi, Bernt Olesen.”

Cách thức từ di chúc đã được lập ra và lí do viện dẫn khó lòng có thể được mô tả như một sự trù mền đối với hai người thừa kế, nhưng họ gật đầu tán thành, để rồi cứng người lại khi mọi việc trở nên rõ ràng là tay luật sư vẫn chưa nói hết.

“Tuy nhiên...”

Không nghi ngờ gì nữa, đây là từ yêu thích nhất của tay luật sư và anh ta biết chính xác làm thế nào sử dụng nó.

“Tuy nhiên, vài tuần trước khi qua đời, ông Harald Olesen yêu cầu sửa đổi điểm cực kỳ quan trọng này trong di chúc. Dòng đó sẽ bị xóa đi hoàn toàn và được thay thế như sau: *“Phần gia sản còn lại tôi để lại cho người hàng xóm của tôi, Kristian Lund, với lời xin lỗi cho nỗi đau mà tôi đã gây ra cho Kristian và người mẹ đã khuất của anh.”*”

Kristian Lund từng là một vận động viên, và chắc chắn không phải là một quý ông. Anh ta vui sướng và đắc thắng giơ hai bàn tay lên cao quá đầu ngay khi nội dung mới này được đọc xong. Karen Lund ngạc nhiên nhìn chồng, nhưng rồi vui vẻ quàng tay ôm cổ anh ta. Họ đều giật mình, như tôi và mọi người khác, khi một giây sau có một tiếng thịch vang lên trong phòng. May mắn thay đó chỉ là tiếng chiếc cặp táp của người cháu trai ông Harald Olesen, không hiểu vì sao bị rơi xuống sàn.

“Tuy nhiên...”

Mọi con mắt lại đổ dồn về Ronning con. Joachim Olesen lượm cặp táp của mình lên với vẻ mặt đầy cuồng nộ trong khi sự lo sợ hiện rõ trên gương mặt của Kristian Lund. Vợ anh ta hết nhìn chồng lại nhìn tay luật sư trong sự hoang mang tột cùng.

“Tuy nhiên, không lâu trước khi qua đời, chính xác là ngày 25 tháng 3, ông Harald Olesen lại yêu cầu một thay đổi khác trong câu chữ, ở điểm quan trọng này. Đoạn nói trên một lần nữa bị bỏ đi hoàn toàn. Nó đã được thay thế bằng nội dung sau, và đây cũng chính là bản di chúc cuối cùng: *“Phần gia*

sản còn lại tôi để lại cho người hàng xóm của tôi, cô Sara Sundqvist, với lời xin lỗi chân thành cho nỗi đau lớn lao mà tôi đã gây ra cho cô và cha mẹ đã khuất của cô.”

Thời gian như dừng lại trong phút chốc. Sau đó mọi thứ bùng nổ trong sự ồn ào và huyên náo. Joachim Olesen cấp cạy chạy ra khỏi phòng. Chị gái anh ta ngồi nán lại một chút, sau đó đứng lên và đuổi theo em trai mình. Darrell Williams đảo mắt và cười phá lên. Andreas Gullestad vẫn ngồi trên chiếc xe lăn, phong thái khá tự nhiên. Nhưng anh ta gục gặc đầu một cách mạnh mẽ khác thường, và cố gắng thu hút sự chú ý của người trợ giúp cho mình, bà vợ ông gác đàn lúc này vẫn còn ngồi tê liệt trên ghế vì xúc động.

Karen Lund ngồi thụp xuống, nhưng gửi đến Sara Sundqvist một cái nhìn căm thù. Phản ứng dữ dội nhất là của Kristian Lund. Anh ta chồm lên và đầu tiên dứ nắm đấm vào Sara Sundqvist. Rồi, trong nỗi tuyệt vọng sâu sắc và dùng hết hơi sức, anh ta gào lên: “Cầu cho ông bị nướng trong địa ngục, Cha à! Không những ông đã chối bỏ tôi khi còn sống, mà đến chết rồi ông vẫn còn chối bỏ tôi!”

Ronning con như bừng tỉnh khỏi cơn mê và nhìn quanh với sự quan tâm dành cho những khách hàng mới của mình, có thể nói như vậy. Chính tôi cũng đứng bật dậy, dù chưa biết nên bắt ai hay nên làm gì khác hơn.

Tóm lại, người duy nhất trong phòng không có động thái gì, chính là cô Sara Sundqvist, nhà triệu phú mới tinh. Cô ta ngồi đó, như một nàng công chúa xinh đẹp hơn bao giờ hết, bất động tựa hồ tượng đá giữa quang cảnh hỗn loạn xung quanh. Trong một khoảng thời gian tưởng như vô tận, gương mặt cô ta vẫn y nguyên như bị thôi miên. Rồi những dòng nước mắt bắt đầu chảy xuôi xuống gò má cô.

“Tôi không biết gì về việc này - tôi thực sự không giết ông ấy,” cô bất ngờ thốt ra.

Đến lúc đó, tôi mới trấn tĩnh trở lại và tuyên bố với một giọng vững vàng nhất có thể rằng không ai được rời khỏi phòng trước khi cung cấp một lời khai mới.



Buổi chiều hôm đó dài lê thê và đầy mệt mỏi trong một phòng thẩm vấn đã chiến tại văn phòng hãng luật Ronning, Ronning & Ronning. Luật sư Ronning con đã lập tức phản đối việc ‘trung dụng rất bất thường và không cần thiết một cơ sở hợp pháp’ nhưng nhanh chóng rút lui khi một Ronning cha ít cứng nhắc hơn nhiều xuất hiện và được tôi hứa sẽ trả phí hậu hĩnh cho việc sử dụng phòng hội thảo. Ronning cha đại khái già gấp đôi, nặng gấp đôi con của mình và rõ ràng có vẻ thực dụng gấp đôi. Một căn phòng nhỏ bên cạnh được nhanh chóng chuyển đổi thành phòng thẩm vấn, do đó những người đang chờ có thể thoải mái di chuyển trong phòng hội thảo rộng rãi và khu tiếp tân.

Sara Sundqvist gật đầu trong trạng thái như đang còn sốc khi được cho biết sẽ là người đầu tiên, và ngoan ngoãn theo tôi vào phòng. Gương mặt cô tươi tỉnh lên khi chúng tôi ngồi riêng ở đó và cô tặng tôi một nụ cười rụt rè khi rời khỏi phòng, còn lại thì tôi thấy khó mà hình dung được ai có thể tỏ ra kém vui như vậy khi được nhận thừa kế hàng triệu kron. Với sự tuyệt vọng sâu sắc, Sara Sundqvist lặp đi lặp lại tuyên bố rằng cô chưa bao giờ vò tiền ông Harald Olesen và không biết gì về vụ giết hại ông này. Tuy nhiên, cô thú nhận rằng đã từng liên hệ và có chút xích mích với ông Harald Olesen trước khi ông bị sát hại. Cô nhanh chóng kể về bối cảnh của chuyện này.

Một người chú già của Sara ở Pháp đã nói cho cô biết là có một bưu thiếp được gửi từ Oslo vào Giáng sinh 1942. Đó là dấu hiệu sinh tồn cuối cùng của bố mẹ cô. Dường như họ đã sống dưới danh phận bí mật là những người Na Uy. Bản thân Sara sau đó trở thành một đứa trẻ sẵn sàng để được nhận nuôi ở Thụy Điển vào mùa hè năm 1944. Những chuyện gì diễn ra giữa hai thời điểm này vẫn chưa được sáng tỏ. Mong muốn tìm hiểu những gì đã xảy ra đến với bố mẹ mình là một trong những động lực để cô chọn theo học tại Oslo. Khi cô phát hiện ra mình đang sống trong cùng tòa nhà với một người

lãnh đạo Kháng chiến cũ, vài ngày sau cô đã thu hết can đảm để hỏi liệu ông ta có biết gì về câu chuyện đó.

Sara đã rung chuông cửa và hỏi thẳng ông, dù không hy vọng sẽ thu được điều gì khác hơn là một lời từ chối nhã nhặn. Trước sự ngạc nhiên của cô, gương mặt ông Harald Olesen trở nên trắng bệch. Sau khi im lặng một lúc lâu, ông ta lúng búng gì đó về việc có nhiều chuyện bi thảm xảy ra trong chiến tranh, nhưng ông không biết chuyện này. Rồi ông ta dập cửa trước mặt cô và không bao giờ mở cửa nữa, mặc dù cô đã bấm chuông cửa nhà ông vài lần. Dĩ nhiên Sara không thể để mọi việc trôi qua như vậy và cô đã có nhiều cơ hội đối mặt ông ta ở sảnh hoặc gõ cửa nhà ông để cố gắng tìm hiểu thêm. Lần nào ông ta cũng nói mình không biết gì về câu chuyện đó, nhưng lại mang một vẻ mặc cảm tội lỗi rõ ràng đến nỗi khiến cô không thể tin được. Cả ông Harald Olesen và Sara đều chưa bao giờ đề cập đến việc thừa kế. Cô không có khái niệm gì về người đã bán ông ta và bản thân cô cũng khá đau buồn vì cái chết của ông bởi hy vọng biết được những gì đã xảy ra cho bố mẹ cô cũng chết theo ông Olesen.

Để trả lời câu hỏi tiếp theo rằng liệu cô có biết mối quan hệ giữa Kristian Lund và ông Harald Olesen, Sara trả lời ngay lập tức rằng cô chưa từng biết việc đó khi mọi chuyện bắt đầu. Tuy nhiên, sau này cô đã hiểu ra Kristian Lund tin rằng anh ta là con trai của ông Harald Olesen. Cô cũng nhận ra anh ta đã ép ông ta phải thừa nhận điều đó để anh ta được đảm bảo khoản thừa kế của mình. Cô đã đồng ý với anh ta rằng chuyện đó là hợp lý và đã tin rằng cuối cùng anh ta cũng được hứa hẹn về nó. Buổi sáng hôm nay, khi đến để nghe đọc di chúc, Sara tuyệt đối tin rằng Kristian sẽ là người thừa kế chính. Việc tên của cô được đọc lên là như một cú sốc hoàn toàn. Nếu cô thực sự sắp được thừa kế căn hộ và tiền bạc, chuyện mà cô dường như vẫn chưa thể tin nổi - điều đó dĩ nhiên sẽ mở ra những cơ hội mới cho cô. Nhưng đồng thời Sara cũng lo sợ rằng mình sẽ bị tình nghi liên quan đến vụ án mạng của ông theo một cách nào đó. Và trên hết, cô xúc động mạnh mẽ khi cụm từ ‘cha mẹ đã khuất của cô’ được đọc lên. Việc ông Harald Olesen dường như

biết câu chuyện về cha mẹ cô nhưng không nói thẳng ra là họ đã chết đã từng nhen nhóm trong cô hy vọng rằng họ vẫn còn sống đâu đó trên trái đất này.

Chúng tôi kết thúc cuộc thăm vấn tại đây. Tôi cho phép Sara Sundqvist về nhà nhưng yêu cầu cô ở lại đó và không rời Oslo trong bất cứ hoàn cảnh nào nếu không có sự cho phép của tôi. Sara đồng ý và nói thêm rằng cô sẽ mang ơn suốt đời nếu tôi có thể tìm hiểu giúp xem điều gì đã xảy đến với cha mẹ mình. Nếu tôi có thêm câu hỏi nào, cửa nhà cô luôn mở rộng với tôi. Sara nhẹ nhàng đặt một tay lên cánh tay tôi khi nói điều này. Và dù không thể giải thích tại sao, tôi vẫn đứng bên cửa sổ cho đến khi nhìn thấy cô đã băng qua đường và đi đúng hướng.

Người tiếp theo, dĩ nhiên là Kristian Lund. Anh ta đang giận dữ tranh luận với Ronning con khi tôi đi ra và miễn cưỡng theo tôi vào phòng. “Cô ta sẽ không nhận được một xu!” là câu nói đầu tiên của anh ta khi chỉ còn lại hai chúng tôi. “Đầu tiên, cô ta quyến rũ tôi và cố gắng làm tôi bỏ vợ chỉ vì cô ta tin rằng tôi sẽ sớm được thừa kế cả triệu kron. Sau đó cô ta đi đêm sau lưng tôi và thuyết phục cha tôi rằng chính cô ta mới đáng được hưởng số tiền đó. Cô ta sẽ không nhận được một xu nào! Tôi vẫn có quyền thừa kế nếu có thể chứng minh rằng tôi là con trai của ông Harald Olesen quá cố; ngay chính luật sư Ronning cũng phải thừa nhận như vậy. Và tôi sẵn sàng ra tòa để chứng minh điều đó!”

Câu cuối cùng đã bật ra với xúc cảm mạnh mẽ, nhưng rồi đột nhiên anh ta dịu xuống. Kristian Lund là một người đàn ông có khả năng đổi giọng nhanh chóng.

“Tôi xin lỗi vì cơn bột phát của mình và vì đã nói dối trước đó, nhưng thật sự đây không phải là tình huống dễ dàng. Quả là một sự khuấy khỏa lớn lao khi cuối cùng thì tôi cũng buộc được con dê già bướng bỉnh đó trả cho tôi những gì thuộc về tôi. Nhưng làm sao tôi có thể biết được lão ta lại thay đổi lần nữa?”

Kristian Lund có thể xác nhận rằng Sara Sundqvist đã gây áp lực để ông Harald Olesen nói cho cô biết chuyện gì đã xảy ra với cha mẹ mình, nhưng

dường như cô không biết về mối quan hệ giữa anh ta và ông Olesen cho đến khi anh ta nói cho cô biết đầu đó trong tháng 3. Hai người cho rằng ông già đó trông có vẻ đau yếu và có vấn đề, họ đã trao đổi về khả năng ông ấy đang bị một căn bệnh hiểm nghèo. Do vậy cái chết của ông Harald Olesen không phải là bất ngờ, nhưng sự việc ông ta bị sát hại dĩ nhiên là một cú sốc. Khi tôi hỏi thẳng liệu có phải chính anh ta là người đã bắn chết ông Harald Olesen, Kristian Lund giơ hai tay lên trời và đáp ‘không’ một cách rành rọt. Khi tôi hỏi liệu anh ta có nghĩ cô Sara Sundqvist có thể đã thực hiện vụ sát hại này không, anh ta trả lời có phần dè dặt rằng anh ta vẫn không tin cô ta có thể làm như vậy.

Bất chấp sự nghiêm trọng của tình huống, chúng tôi gần như không còn gì khác để nói. Ngay cả khi sự phản bội của người cha quá cố đã rõ, Kristian Lund vẫn cho thấy anh ta càng ngày càng khó ưa và ích kỷ. Nhưng tôi phải thừa nhận rằng những lời giải thích của anh ta khá phù hợp với những gì đã nói trước đó. Và cũng phải nhắc lại rằng cho đến giờ, chúng tôi mới chỉ có lời khẳng định của Sara rằng cô không từng tiền ông Harald Olesen. Thế nên tôi cho phép Kristian Lund ra về, không quên yêu cầu anh ta không được đi khỏi địa phương. Với nụ cười chua chát, Kristian cam đoan với tôi rằng nếu anh ta có đi ra ngoài thì cũng chỉ để tìm một luật sư cáo già, ngoài ra anh ta không có kế hoạch nào khác ngoài trừ đi thăm gia đình và đến chỗ làm.

Việc gọi vợ của Kristian Lund vào thẩm vấn sau chồng dường như là tất yếu. Sự tò mò của tôi đối với thứ nằm phía sau hình ảnh bà nội trợ tử tế, xinh đẹp và không quá nổi bật mà chị ta thường thể hiện, đã hoàn toàn được thỏa mãn trong cuộc đối thoại. Karen Lund trả lời các câu hỏi của tôi một cách súc tích và rõ ràng rất nghiêm túc. Ấn tượng của tôi về chị ta chuyển từ đơn giản và khá ngây thơ thành đơn giản và rất ngang ngạnh. Phải, chị ta biết về quan hệ cha con giữa chồng mình và ông Harald Olesen, cũng như khả năng anh ta sẽ được thừa kế. Anh ta đã nói cho vợ biết ngay khi phát hiện ra điều đó. Phải, chị ta cũng đã biết về mối quan hệ ngoài luồng của chồng mình. Mỗi nghi ngờ của chị ta xuất hiện một ngày nọ, khi hai người chạm mặt Sara

Sundqvist ở hành lang và chị ta nhận thấy sự đắc thắng trên khuôn mặt Sara, đồng thời cảm thấy bàn tay chồng mình giật nhẹ. Điều nghi ngờ này sau đó được xác nhận khi một ngày khác, Karen gọi điện thoại cho chồng ở chỗ làm và được báo rằng anh ta vừa mới ra về, nhưng phải sau đó một tiếng rưỡi, chồng chị ta mới bước chân qua cửa nhà.

Đó là một tình huống cực kỳ khó xử đối với Karen Lund, đặc biệt vì đứa con trai nhỏ của họ. Chị ta không muốn và cũng không thể dùng chứng cứ cụ thể đối chất với chồng. Do vậy, chị ta chỉ phản ứng bằng cách sống tử tế và có trách nhiệm nhất có thể trong vai trò người vợ, người mẹ, điều mà chị ta làm được, và chiến đấu bằng cách đó để giữ chồng mình. Và bây giờ chị ta có thể khá chắc chắn là mình đã thành công. Nếu anh ta vẫn còn bất kỳ cảm xúc vẩn vương nào với con hồ ly Thụy Điển đó, thì chúng cũng đã tắt ngấm ngay khi bản di chúc được đọc lên. Bản thân Karen tin rằng chồng mình xứng đáng được hưởng thừa kế, căn cứ vào cách cư xử đáng hổ thẹn mà cha của anh ta đã thể hiện, và chị ta sẽ ủng hộ chồng nếu anh ta phải đến tận tòa án để đạt được việc đó. Nhưng vấn đề di chúc ít quan trọng với Karen hơn việc chồng mình ở lại với vợ con. Bởi vì ông Harald Olesen đối xử với chồng chị ta như thế, chị ta cũng không cảm thấy đặc biệt đau buồn khi ông ta chết, mặc dù việc ông bị sát hại là một cú sốc. Nhưng chị ta vẫn ngủ hăng đêm bên chồng, yên tâm rằng anh ta không giết hại ai và ít có khả năng đã làm điều đó.

Tôi không thể không hỏi rằng liệu với hành vi thiếu chung thủy của chồng, Karen có bao giờ đánh giá lại cuộc hôn nhân của mình. Để trả lời, chị ta chỉ đơn giản lắc đầu. Đúng là chị ta đã ghen tuông và rất giận chồng mình, nhưng chị ta cũng hiểu Kristian đã rất khó xử, và anh ta đã bị quyến rũ bởi cô ả mắt huyền đó. Giờ thì anh ta đã thú nhận mọi việc với vợ, và đã khóc lóc cầu xin được tha thứ. Điều mà tất nhiên chị ta sẽ làm. Bởi vì Kristian là chồng, là cha của con trai chị ta và là tình yêu của cuộc đời chị ta, người mà chị ta không thể sống thiếu.

Tôi tự nhủ rằng Karen Lund có lẽ đã chịu một sự giáo dục rất bảo thủ và

đã đọc quá nhiều tạp chí lãng mạn, nhưng tình huống hiện tại đã dễ chịu hơn nhiều do chị ta đã biết rõ về vụ ngoại tình của chồng. Lựa chọn của Karen không phải là việc của tôi, và những lời giải thích của chị ta cũng khá thẳng thắn. Thế nên tôi chỉ nói rằng mọi chuyện có lẽ đã tốt hơn nếu chị ta kể cho tôi từ trước, nhưng cũng nói thêm là tôi hiểu Karen đang ở trong một tình huống rất khó xử và cảm ơn chị ta đã thành thật vào lúc này. Karen Lund nhẹ nhõm ra mặt, bắt tay tôi trước khi bước ra và gật đầu đồng ý khi tôi yêu cầu chị ta ở nhà trong trường hợp cần thăm vấn thêm. Tôi nhìn theo với cảm xúc hỗn độn khi vợ chồng Lund đi lướt qua cửa sổ ngay sau đó, trên đường về nhà. Họ nắm tay nhau tựa như một cặp vợ chồng trẻ bình thường và vô lo trong mắt mọi người.

Tôi cho gọi vào cùng lúc người cháu trai và cháu gái của ông Harald Olesen. Họ đều tức giận với việc sẽ ra về mà không có lấy nổi một kron sau khi đã đến đây với niềm tin rằng họ là những người thừa kế chính. Tuy nhiên, họ đã nhanh chóng vượt qua cú sốc đó. Joachim Olesen bắt đầu bằng việc xin lỗi vì thái độ của mình trong lúc đọc di chúc. Anh ta cũng nói rằng cả anh ta lẫn người chị gái đều không có vấn đề gì về mặt tài chính, và thêm rằng thật ra bản di chúc cũng không hẳn là bất ngờ.

Tôi nhìn anh ta dò hỏi nhưng chị gái Joachim đã trả lời thay cho em trai. Ông Harald Olesen luôn là một ông chú rộng rãi với các cháu từ khi họ còn bé, nhưng cũng luôn nghiêm khắc và xa cách. Do không có con riêng, ông thường xuyên bày tỏ ý kiến một cách thô bạo về những lựa chọn của họ trong việc học vấn, cũng như tình duyên. Trong những năm sau này, hai chị em đều phải ưu tiên cho gia đình riêng của mình và ông Harald Olesen cũng không hẳn khuyến khích quan hệ chú cháu. Sau khi vợ mất, ông gần như thu mình lại. Cả hai người cháu đều cảm thấy tội lỗi khi đã không chăm sóc người chú bệnh tật của mình nhiều hơn trong những tháng cuối đời của ông, do vẫn còn những căng thẳng ngấm ngấm trước kia, và do ông Harald Olesen về cơ bản đã trở thành một người xa lạ, không khơi gợi nhiều sự đồng cảm. Khi họ gọi điện thoại cho người chú, ông chỉ trả lời nhát gừng.

Việc này dường như cũng phù hợp với khả năng có điều gì đó nghiêm trọng của quá khứ đang quấy rầy ông trong suốt vài tháng qua, nhưng họ thật tình không biết đó là gì. Gia đình không hề biết ông Harald Olesen có một người con trai ngoài giá thú. Cái tên Chân nai không có ý nghĩa gì với họ, nhưng chuyện này cũng không quá lạ lùng. Ông Harald Olesen ít khi kể về những trải nghiệm của mình trong chiến tranh, ngay cả với người anh trai khi ông ấy còn sống.

Tất cả đều có vẻ hợp lý. Tôi đề cho hai người cháu của ông Olesen ra về, bảo đảm rằng họ sẽ được báo tin nếu có tiến triển gì liên quan đến vụ sát hại ông chú ruột cũng như bản di chúc của ông.

Phần còn lại của buổi thăm vấn nhanh gọn hơn rất nhiều. Darrell Williams đã chứng kiến tấn tuồng từ vị trí của mình ở hàng ghế cuối với nụ cười chua chát. Anh ta vẫn còn cười khùng khục khi nói rằng đó là buổi đọc di chúc hồi hộp nhất mà mình từng tham dự và là ‘show diễn tuyệt vời nhất’ từng được xem ở bên ngoài nước Mỹ. Bản di chúc hoàn toàn bất ngờ đối với anh ta, nhưng căn cứ vào những phản ứng trong phòng, anh ta lập tức đồng cảm với cô gái trẻ yêu kiều. Andreas Gullestad cũng có cùng ý kiến khi trả lời về những phản ứng của hai chị em nhà Olesen và Kristian Lund. Nhưng sự cảm thông của anh ta được dành hết cho bà vợ ông gác đàn, người thật sự đáng được đền đáp sau nhiều năm vất vả và lo âu. Cả Darrell Williams và Andreas Gullestad đều không biết về những mối quan hệ gia đình của ông Harald Olesen, bao gồm việc Kristian Lund là con trai ông ta.

Với bà vợ ông gác đàn, sau hai tiếng đồng hồ bà vẫn còn choáng váng vì khối tài sản từ trên trời rơi xuống. Bà hỏi tôi nhiều lần liệu có đúng là bà sẽ có tiền hay không. Tôi trả lời, cũng giống như luật sư Ronning con đã làm nhiều lần trước đó, rằng phần chia của bà là an toàn, bất kể ai sẽ thừa kế phần còn lại. Nếu Kristian Lund thắng vụ kiện này, anh ta sẽ nhận được phần chia lớn nhất của gia sản nhưng bà vẫn sẽ nhận được 100.000 kron của mình. Bà Hansen xin lỗi tôi vì đã không chú ý đến phản ứng của những người khác trong phòng. Nhưng theo những gì đã công bố, bà không nghĩ có gì khuất tất

khi cô Sara Sundqvist được hưởng thừa kế, mặc dù không hiểu lí do của chuyện đó.

Tôi nói với bà một cách thật lòng rằng tôi cũng chưa thể biết lí do. Sau đó tôi chúc mừng bà về khoản thừa kế mà tôi cho rằng bà hoàn toàn xứng đáng nhận được sau nhiều năm làm việc cho người khác.

Tôi mỉm cười với chính mình khi nhìn bà vợ ông gác dan lướt qua phía dưới cửa sổ trong chiếc áo khoác sần cũ màu xám. Tôi nhận ra nếu trước đây bước chân của bà luôn nặng nhọc, thì bây giờ chúng nhẹ nhàng đến nỗi tôi sợ bà có thể thành linh bay lên và trôi ra khỏi thành phố. Thật dễ chịu khi hình dung bà quay lại đây với quyển sổ tiết kiệm bưu điện để thấy số dư tài khoản tăng vọt từ 48 lên 100.048 kron. Về phương diện nào đó; vụ sát hại ông Harald Olesen và ông Konrad Jensen đã mang đến hạnh phúc cho một con người.

Nhưng ngoài ra tôi chẳng có điều gì khác để vui vẻ. Ngày hôm nay đã mang đến rất nhiều thông tin mới; nhưng vẫn không có một lời giải nào. Khi đã yên vị trong văn phòng của mình, tôi nhanh chóng quay số của Patricia. Khi vừa nghe thấy tên của người thừa kế chính, cô mời tôi đến nhà ngay lập tức.



“Nhu vậy, tôi vẫn chưa biết ai là kẻ sát nhân, nhưng tôi bắt đầu có một hình ảnh khá rõ nét về việc ai có thể là J.”

Lúc này là 6 giờ kém 25 phút chiều. Tôi đã nghiên ngẫm vụ án này lâu hơn Patricia, người vừa mới nghe tóm tắt của tôi về buổi đọc di chúc hôm nay, thế nên một lần nữa tôi lại thất vọng khi thấy lúc nào cô cũng đi trước tôi một bước.

“Cũng không quá khó đoán. ‘J’ rõ ràng là chữ viết tắt cho Sara Sundqvist. Tôi đoán rằng ‘J’ tượng trưng cho ‘Jewish child’ hoặc ‘Jewess’, tức là ‘Do

Thái con' hoặc 'cô bé Do Thái'."

Tôi đáp rằng tôi cũng đoán như thế và đã đi đến kết luận rằng chỉ có thể là một trong hai từ đó, từ sau có vẻ chính xác hơn từ trước.

"Điều đáng chú ý hơn, và gần như hiển nhiên, là việc cô ta có phải là đứa bé được che giấu ở căn hộ của người gác đàn cùng với cha mẹ mình cho đến khi ông Harald Olesen đến đưa họ đi vào một đêm tháng 2 năm 1944 hay không. Cho đến nay, mối liên hệ đã rõ ràng. Nhưng sự kiện gì đã xảy ra trong khoảng thời gian kể từ lúc đó cho đến khi cô ta xuất hiện ở một văn phòng nhận con nuôi của Thụy Điển vài tháng sau? Câu chuyện bí ẩn này giờ đây là một trong số những vấn đề cấp bách của cuộc điều tra."

Tôi nhanh chóng gật đầu đồng ý. Tôi chưa từng nghĩ xa đến vậy nhưng khi cô đã nói thì hẳn nhiên là thế rồi. Patricia như đang bùng nổ; cô lập tức tiếp tục.

"Giờ thì, ai có thể biết nhiều hơn về chuyện đó? Tôi đề nghị anh gửi một điện tín cho đồng nghiệp ở Thụy Điển và yêu cầu họ điều tra ngay hoàn cảnh xung quanh việc nhận nuôi Sara Sundqvist. Nếu cô ta xuất hiện như một người tị nạn chiến tranh từ Na Uy thì phải có ai đó đưa đi hoặc lái xe chở qua biên giới. Và điều đó hẳn phải được ghi chép ở đâu đó bởi nhà chức trách Thụy Điển."

Tôi gật đầu. Sau những sự kiện của ngày hôm nay, nghe có vẻ đây là một đề nghị hợp lý.

"Mặt khác, việc đáng lưu ý nhất của Sara Sundqvist ngày hôm nay là câu nói bột phát tức thời rằng cô ta không giết ông Harald Olesen. Phản ứng đó nếu xảy ra vào sáng ngày hôm qua thì rất logic nhưng nay thì không phù hợp, do mọi người đều cho rằng ông Konrad Jensen là hung thủ."

Phải đồng ý với điều này nữa, tôi nghiêm khắc tự hỏi mình liệu tôi đã vô tình hay cố ý bỏ qua sự kiện bất bình thường này.

"Có thể cũng do cú sốc, dĩ nhiên, nhưng những gì cô ta nói với anh sau đó, khi không còn người khác xung quanh, chỉ ra rằng cô ta không tin ông Konrad Jensen là kẻ sát nhân. Trong trường hợp này thì chỉ có hai giả thiết:

hoặc là chính cô ta giết ông Harald Olesen, hoặc cô ta nghi ngờ ai đó đã làm việc này nhưng không muốn nói ra những ngờ vực của mình. Chúng ta phải để ngỏ cả hai khả năng vào lúc này.”

Tôi khá miễn cưỡng đồng ý. Con tim tôi chống lại việc Sara Sundqvist có thể là một tên sát nhân máu lạnh nhưng đầu óc tôi lại khẳng định cho rằng đó là một khả năng mà tôi phải đối mặt.

“Không có gì nhiều để tìm hiểu nơi vợ chồng nhà Lund cũng như Andreas Gullestad và bà vợ ông gác đàn. Nhưng những sự kiện của ngày hôm nay đã ủng hộ giả thiết của tôi liên quan đến Darrell Williams và những người cháu nhà Olesen.”

Tôi nhìn cô ngỡ ngác, và rõ ràng không thể giấu được sự ngạc nhiên.

“Dĩ nhiên có thể chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên mà thôi, nhưng phản ứng của người cháu trai và cháu gái, những gì họ đã nói về người chú của mình, rất khớp về mặt thời gian nếu...”

Cô bỗng im lặng và nhìn tôi đầy mong đợi. Tôi không nói gì và nhìn lại cô cũng đầy mong đợi. Chúng tôi ngồi đó gần giống như một cuộc đối đầu nhau. Cuối cùng tôi bỏ cuộc.

“Tôi không biết cô muốn nói gì. Cô muốn nói đến khoảng thời gian nào?”

Patricia nhòe cười khoái chí.

“Khoảng thời gian trong chiến tranh, nhưng không trùng với câu chuyện Sara Sundqvist. Cô cháu gái của ông Harald Olesen chắc phải mười tám hoặc mười chín tuổi khi kết thúc chiến tranh. Darrell đã hai mươi hai và đang ở Na Uy. Trong khoảng thời gian này, anh ta có một người bạn gái người Na Uy mà anh ta từ chối tiết lộ danh tính, vì những lí do chưa rõ. Cả hai người cháu đều nói rằng họ có một mối quan hệ căng thẳng theo nghĩa nào đó với ông Harald Olesen trong những năm sau này, do ông ta đã dùng quyền hành của mình để can thiệp vào cuộc sống của họ khi cả hai còn trẻ, trong số đó có cả việc lựa chọn người yêu của họ. Do đó, hoàn toàn tự nhiên khi rút ra rằng, thứ nhất, cô bạn gái người Na Uy của Darrell Williams chính là cháu gái của ông Harald Olesen, và thứ hai, ông ta đã đóng một vai trò nào

đó trong sự đổ vỡ của mối quan hệ này. Câu chuyện tình trong mơ với một chàng hoàng tử Mỹ mà chị ta đã đánh mất đến bây giờ vẫn còn làm chị ta đốn đau, đặc biệt khi cuộc hôn nhân sau này của chị ta không tồn tại lâu...”

Tôi uể oải gật đầu. Có thể là sự trùng hợp ngẫu nhiên nhưng tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu chỉ là như vậy. Cách hai người cháu phản ứng khi Darrell Williams xuất hiện dường như hoàn toàn phù hợp với giả thiết này.

“Nếu tôi là anh và đi lại được, tôi sẽ đến gặp Cecilia Olesen ngay buổi tối hôm nay và hỏi thẳng về việc đó. Nếu chị ta thừa nhận, anh hãy gọi cho tôi trước khi nói chuyện với Darrell Williams.”

“Việc hỏi thẳng Cecilia Olesen có vẻ rất hợp lý, nhưng tại sao tôi phải gọi lại cho cô sau đó?”

Nụ cười của Patricia bí hiểm và có phần kiêu cách.

“Bởi vì tôi có một giả thiết mà anh cũng cần để đối chất với Darrell Williams, nhưng tôi không muốn nói cho anh biết trước khi mối quan hệ này được xác nhận. Nếu không phải như thế thì trí tưởng tượng của tôi có vẻ đã đi quá xa.”

Tôi gật đầu lần nữa. Patricia đã giúp tôi có những bước tiến đáng kể nên tôi đành phải thỏa hiệp với thái độ lập dị và kiêu ngạo này.

“Nhưng tôi tin chúng ta chỉ thu được chừng ấy theo cách của Sherlock Holmes, vậy nên bây giờ chúng ta cần áp dụng phương pháp của Agatha Christie và xem ta có thể tiến xa đến mức nào bằng cách tập trung vào động cơ của những người hàng xóm còn lại.”

Một lần nữa, cô ấy lại nói đúng, nên tôi bắt đầu với những người dễ thấy nhất.

“Andreas Gullestad và Darrell Williams vẫn không có động cơ gây án nào, phải vậy không?”

Patricia gật rồi lại lắc đầu ngay sau đó.

“Hẳn là vậy nhưng cần bổ sung thêm là ‘với những gì chúng ta biết cho đến lúc này’. Tôi nghi ngờ rằng cả hai người họ đều có những điều quan trọng được chôn giấu trong quá khứ. Bây giờ chúng ta mới chạm đến Darrell

Williams thôi. Anh ta có thể cảm thấy cực kỳ thất vọng với ông Harald Olesen sau mối tình đổ vỡ với cô cháu gái của ông ta, nếu giả thiết đó là sự thật, hoặc sau một kiện gì khác trong thời gian anh ta lưu lại tại Na Uy.”

“Chúng ta sẽ điều tra theo hướng đó ngay. Nhưng về Andreas Gullestad thì sao?”

Patricia cau mày.

“Anh ta thì không rõ ràng bằng, nhưng có thể có điều gì đó liên quan đến những hoạt động của bố anh ta trong Kháng chiến và cái chết của ông, mặc dù việc này xảy ra vào thời kỳ đầu chiến tranh, và chúng ta vẫn chưa có mối liên hệ nào với ông Harald Olesen. Anh có để ý rằng ở Ostfold rất ít núi non?”

Một lần nữa, Patricia lại thành công trong việc phục kích tôi với một câu hỏi hoàn toàn bất ngờ. Tôi thật tình không hiểu được sự quan trọng của địa hình ở đây. Cô nhận ra vẻ hoài nghi trên khuôn mặt tôi và lập tức nói tiếp.

“Nếu những điều anh kể với tôi là đúng, ông gác đan đã nói rằng ông Harald Olesen dự định đưa những người tị nạn đi một chuyến lên núi. Sau đó ông ta có nhắc đến Ostfold hoặc Hedmark và Oppland, vốn là những lộ trình đã biết để đưa người tị nạn đi sang Thụy Điển. Nhưng Ostfold có địa hình bằng phẳng như một cái bánh kẹp Đan Mạch, như vậy có nghĩa là họ đi theo lộ trình băng qua Hedmark đến Oppland. Ông Harald Olesen cũng là một nhà lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc ở đó. Và nó không quá xa nơi Andreas Gullestad đã lớn lên, cũng là nơi mà cha của anh ta đã bị bắn chết vài năm trước đó do tham gia Kháng chiến. Tình tiết này khá mong manh, nhưng tôi vẫn chưa gạch tên Andreas Gullestad khỏi danh sách. Anh cần kiểm tra lại với hai người cháu của ông Harald Olesen xem ở đây có mối liên hệ nào không.”

“Cũng đúng. Và bà vợ ông gác đan giờ cũng có động cơ nữa, ngay cả khi tôi không tin đó là bà ta.”

Patricia gật đầu một cách quả quyết.

“Tôi cũng rất nghi ngờ việc bà Randi có thể là một tên sát thủ máu lạnh,

nhưng khả năng của việc này đã tăng lên sau những gì được tiết lộ hôm nay. Bà ta là người duy nhất có chìa khóa căn hộ ông Konrad Jensen và được ông ta tin tưởng. Chưa kể 100.000 kron là một động lực mạnh mẽ hơn những gì chúng ta có thể tưởng tượng đối với một con người chật vật và thường xuyên sống trong tình cảnh thiếu thốn tiền bạc, giờ đây đối mặt tuổi già chỉ với 48 kron trong tài khoản. Nên nhớ rằng bà ta cũng là người kết nối những cuộc điện thoại của ông Harald Olesen. Nếu bà ta biết một khoản tiền lớn đã được để lại cho mình trong di chúc và nếu bà ta nhận ra rằng di chúc đang được thay đổi rất nhiều, thì bà ta rõ ràng có một động cơ rất mạnh.”

Đến phiên tôi gạt đầu một cách quả quyết.

“Sara Sundqvist có động cơ lớn nhất trong số họ - nếu cô ta biết được rằng ông Harald Olesen đã thay đổi di chúc và để lại cho cô ta một triệu kron.”

Patricia đồng ý ngay không chút do dự.

“Rõ ràng là vậy. Chúng ta chỉ có lời khai của cô ta rằng cô ta không biết gì về bản di chúc, và cũng chỉ có lời cô nói rằng mình không hề biết chuyện gì đã xảy ra năm 1944. Có thể có một động cơ mạnh mẽ ở đó. Bản di chúc đã nhấn mạnh điều này: ông Harald Olesen rõ ràng đã rất cần rút lương tâm khi chuyện đó xảy ra với cô ta. Thật ra thì, điều đáng quan tâm là cô gái này không biết nhiều đến mức nào. Tôi khuyên anh nên tiếp tục để mắt đến cô ta, đồng thời giữ cô ta trong tầm kiểm soát ít nhất là trong vài ngày tới.”

Đoạn cuối của lời khuyên khá mơ hồ nhưng tôi cảm thấy không cần Patricia phải giải thích những gì cô muốn ám chỉ. Thay vào đó, tôi hỏi cô nghĩ thế nào về vợ chồng nhà Lund.

“Kristian Lund đã có một động cơ rõ ràng chừng nào anh ta còn tin rằng mình sẽ là người thừa kế, đặc biệt nếu anh ta biết về nguy cơ di chúc có thể được thay đổi. Thêm vào đó, anh ta đã công khai thể hiện sự căm ghét đối với người cha đã khuất của mình và nói dối quá nhiều lần đến mức tôi không thể đếm nổi, mặc dù tôi cũng giỏi toán. Vợ anh ta cũng có cùng động cơ như thế trong chừng mực bản di chúc còn ảnh hưởng, và cũng có cùng mong

muốn trả thù. Chị ta cũng có một động cơ có vẻ hợp lý khác, tuy đề cập vào lúc này thì hơi sớm, liên quan đến một người khác...”

Giương mặt tôi ắt hẳn phải giống như một dấu chấm hỏi.

“Giả thiết này khá mong manh nhưng cũng rất hấp dẫn. Theo lẽ tự nhiên, mọi bà nội trợ ghen tuông đều mơ ước cô bồ của chồng mình bị buộc tội và tổng giam trong nhiều năm, để rồi được trả tự do khi đã xấp xỉ bốn mươi tuổi, không con cái, bạn bè. Đặc biệt khi anh tính đến khoản thừa kế triệu đô mà chị ta đã bị chối từ...”

Và cô đã đúng - đó là một khả năng. Sự căm hận của Karen Lund đã lộ ra và rất ấn tượng trong ngày hôm nay.

“Ông Konrad Jensen quá cố cũng có cơ hội và một động cơ khả dĩ. Nói ngắn gọn, một tuần điều tra đã trôi qua nhưng chúng ta chưa thể loại trừ bất cứ ai ở số 25 phố Krebs trong vụ bắn chết ông Harald Olesen.”

Patricia rầu rĩ gật đầu.

“Chúng ta đã có những bước tiến đáng kể và đã biết được nhiều chi tiết hơn hẳn, nhưng vẫn chưa có bức tranh rõ ràng về hung thủ. Mọi người hàng xóm đều có thể có cơ hội và họ đều ít nhất có một động cơ khả dĩ - vài người thậm chí còn có nhiều hơn một. Kristian Lund và Sara Sundqvist đang ở vị trí nguy hiểm nhất nhưng tôi khuyên anh không nên tin tưởng bất kỳ ai ngoài tôi ra. Và hãy đảm bảo rằng điểm dừng chân tiếp theo của anh sẽ là nhà của cháu gái ông Harald Olesen.”

Tôi chấp nhận lời khuyên này và đứng dậy ra về.



Cecilia Olesen sống trong một căn hộ rộng rãi hai phòng ngủ ở Ullern. Chị ta là người mở cửa khi tôi bấm chuông và mời tôi vào nhà ngay. Như tôi đã dự đoán, Cecilia tỏ ra không quá vui vẻ khi thấy tôi nhưng cũng không quá thù nghịch. Một bé gái ló đầu qua cửa phòng dò hỏi, nhưng lập tức được yêu cầu

quay về phòng làm tiếp bài tập toán. Cô bé mười tuổi phản đối rằng mình đã làm xong bài tập về nhà rồi, nhưng chỉ vô ích.

Tôi được đưa vào một phòng khách tiện nghi và mời dùng cà phê từ một cái khay có trang trí kiểu truyền thống. Trong tình huống dễ chịu như thế này thật khó mà đưa ra một câu hỏi không dễ trả lời, nhưng tôi bắt buộc phải hỏi.

“Tôi xin lỗi vì lại quấy rầy chị lần nữa, nhưng có một số tình huống cần phải làm rõ liên quan đến vụ sát hại chú chị.”

Cecilia gật đầu và thở dài.

“Tôi e rằng tôi phải hỏi liệu chị có biết một trong số những người có mặt ngày hôm nay nhiều hơn so với những gì chị đã nói với tôi lúc chiều hay không...”

Không còn cần gì hơn thế. Chiếc mặt nạ lạnh lặn của Cecilia Olesen nứt toác và những giọt nước mắt bắt đầu rơi lã chã.

“Anh đã hoàn toàn đúng. Tôi đã luôn nghĩ về chuyện này từ lúc đó. Nhưng đó hoàn toàn là một cú sốc - đầu tiên là việc gặp lại anh ấy, sau đó đến lượt bản di chúc, và một đứa em họ từ trên trời rơi xuống. Tôi không thể tập trung suy nghĩ được cho đến khi về nhà.”

Tôi cười hiền hậu và cho chị ta thời gian cần thiết. Vài phút sau chị ta bắt đầu mở lời với một giọng vững vàng hơn.

“Tôi biết anh ấy có thể xuất hiện, nhưng đã cầu nguyện và hy vọng rằng việc đó sẽ không quá đau đớn. Tôi đã hy vọng anh ấy sẽ đổi khác theo một cách nào đó - già hơn, tóc bạc hơn và mập hơn - nhưng anh ấy gần như giống hệt những gì tôi nhớ. Có chút nặng nề hơn, tất nhiên rồi, nhưng dáng vắn cao, tóc vắn đen, vắn mạnh mẽ và vắn cái vẻ tự tin không thể cưỡng lại đó. Tôi đã gần như ngã khỏi ghế khi anh ấy bước qua cửa.”

Tôi nhìn chị với ánh mắt cảm thông.

“Vậy là đúng như tôi nghĩ: chị chính là cô người yêu bé nhỏ người Na Uy mà Darrell Williams đã từ chối tiết lộ danh tính.”

Cecilia ngạc nhiên thực sự khi tôi nói ra điều đó, nhưng nhanh chóng nói tiếp.

“Darrell là thế, anh ấy không tiết lộ tên của tôi để bảo vệ tôi. Anh ấy là tình yêu đầu đời và sâu đậm nhất của tôi. Tôi đã biết như thế khi gặp anh lần đầu vào một ngày mùa thu năm 1945. Và từ đó không một ngày nào trôi qua mà tôi không nghĩ đến anh.”

“Vậy nhưng nó đã không thể tiến xa hơn một mối tình thơ dại?”

Gương mặt tươi sáng của Cecilia đột ngột sa sầm trong một biểu cảm gần như là sự căm hờn.

“Phải, và đó là lỗi của chú tôi. Ông ta đã phản đối mối quan hệ ngay từ đầu và đã thành công trong việc gây ảnh hưởng lên ba mẹ tôi. Ông ta nói rằng rất dễ dàng để yêu một ai đó khi ta mười chín tuổi, nhưng mọi chuyện rồi sẽ chẳng đi đến đâu; ông ta bảo xét cho cùng Darrell là một người lính Mỹ, trong khi bản thân ông ta cộng tác chặt chẽ với người Mỹ cả trong và sau chiến tranh. Vì vậy mọi việc càng ngày càng khó khăn hơn với chúng tôi. Rồi một ngày mùa xuân năm 1948, Darrell đến nói với tôi rằng anh được lệnh về nhà gấp, sau vài ngày nữa. Tôi luôn ngờ rằng chú tôi đã dùng một trong những mối quan hệ của mình để thu xếp lệnh hồi hương đó. Tôi vẫn nhớ rõ từng chi tiết về cái ngày mà Darrell ra đi. Tôi đứng ở cuối bến cảng và đã vẫy theo anh ấy cho đến khi không còn thấy được anh trên boong. Chúng tôi chưa từng gặp lại nhau cho đến ngày hôm nay. Khi anh ấy bước vào phòng... tôi tựa như trẻ lại và quay về thời điểm năm 1948. Như thể chiếc tàu đó đã đột ngột trở đầu, cập bến, và anh Darrell đã quay về với tôi - để rồi dừng lại khi chỉ còn cách tôi vài bước chân.”

Cecilia Olesen ngồi im lặng, nhìn chăm chăm về quá khứ.

“Tôi đã kết hôn với một người đàn ông rất tử tế và sáng sủa, người mà cả cha mẹ và chú tôi đều ủng hộ, nhưng đó là cha mẹ chúng tôi, chứ không phải chúng tôi muốn thế. Khi làm lễ trong nhà thờ, tôi biết rằng tôi đã đứng cạnh một người đàn ông không phù hợp, và điều đó càng hiển nhiên ngay trong tuần trăng mật của chúng tôi. Nhưng đứa con gái tuyệt vời của chúng tôi ra đời từ cuộc hôn nhân này. Chúng tôi ở với nhau năm năm và ít nhất có bốn năm là chịu đựng. Tôi chưa bao giờ tha thứ cho chú mình. Nếu ông ta có

từng hối tiếc về điều đó, ông ta cũng không bao giờ buộc mình đi xin tôi tha lỗi.”

Cảm thấy thương cảm, tôi gật đầu và vài phút sau đó đứng lên đi về, khi Cecilia không còn muốn nói thêm gì nữa.

Khi Cecilia theo tôi ra cửa, có điều gì còn chưa được nói ra đang treo lơ lửng trong không khí. Chị ta ngập ngừng cho đến phút cuối, nhưng rồi cũng nói ra khi tôi đứng trên ngưỡng cửa.

“Tôi muốn hỏi anh... Tôi không biết gì hết và đã tự hỏi mỗi ngày trong hai mươi năm qua. Anh có biết Darrell đã làm gì trong thời gian đó không? Rõ ràng anh ấy đã có một sự nghiệp tốt, nhưng anh ấy đã vợ con gì chưa? Và nếu tôi hiểu đúng thì anh ấy đang sống một mình ở Oslo?”

Câu hỏi cuối được bật ra rất khẽ với đầy hy vọng. Tôi gật đầu một cách bình thản.

“Anh ta nói với tôi là đã lập gia đình ở Mỹ, nhưng họ không có con và cuộc hôn nhân tan vỡ chỉ sau vài năm. Cho nên câu chuyện của anh ta rất giống của chị, chỉ khác là không có con cái.”

Tôi đã hy vọng rằng điều này sẽ an ủi Cecilia, nhưng ngược lại thông tin đó làm tuôn trào những dòng nước mắt mới.

“Ồ, tôi mừng khi nghe tin, nhưng nghĩ đến việc anh ấy không có đứa con nào thật buồn quá. Anh biết đấy, anh ấy đã suýt có một đứa con vào năm 1948, tôi chỉ biết điều đó một ngày sau khi anh ấy lên tàu trở về Mỹ.”

Câu nói của Cecilia ập vào tôi và xuyên qua tim tôi.

“Chị phát hiện ra mình đã mang thai đứa con của anh ấy?”

Cecilia gật đầu và cố gắng lấp bấp nói nốt phần cuối câu chuyện.

“Đó là một vụ bê bối, dĩ nhiên rồi, và giải pháp duy nhất là phá thai. Chú tôi biết vài bác sĩ và mọi việc đã được thu xếp kín đáo trong yên lặng. Mất vài tuần sau tôi mới có thể viết cho Darrell về việc đó, và tôi chưa bao giờ biết liệu anh ấy có nhận được thư hay không. Tôi đã luôn muốn tin rằng anh ấy đã nhận được, nhưng nỗi buồn và sự thất vọng đã ngăn không cho anh ấy hồi âm.”

Tôi không biết nói gì trước sự việc bất ngờ này. Thế nên tôi đứng đó im lặng trong một hay hai phút. Rồi tôi nhẹ nhàng đặt tay mình lên vai chị. Tôi tự nhủ rằng những mặt đáng ghét trong quá khứ của ông Harald Olesen giờ đây đã xuất hiện. Và rằng Darrell Williams cũng có một động cơ trả thù mạnh mẽ nhằm vào ông ta - nhất là nếu anh ta đã nhận được lá thư đó hai mươi năm về trước.



Tôi rời căn hộ của Cecilia Olesen ngay khi có thể mà không xin phép sử dụng điện thoại của chị. Thế nên tôi dừng lại ở đồn cảnh sát và gọi điện thoại từ đó. Patricia trả lời ngay và tỏ ra nhẹ nhõm vì tôi đã gọi. Cô huýt sáo tán thưởng khi tôi kể cho cô nghe chuyện của Cecilia Olesen.

“Tôi thực sự đã lưỡng lự trước khả năng có một vụ phá thai, nhưng tôi nghĩ có lẽ đề cập đến việc đó nữa thì quá chi tiết. Tuy nhiên, manh mối này càng lúc càng thú vị. Anh nên đôi chất với Darrell Williams không chỉ về việc này, mà cả về những giấy tờ mà anh ta và ông Harald Olesen đã đốt. Bởi vì tôi khá chắc chắn rằng Darrell Williams chính là nhân vật O mà ông Harald Olesen đã viết trong quyển nhật ký. Giả thiết này khá phù hợp với khoảng thời gian anh ta dọn đến, những vấn đề cá nhân mơ hồ mà ông Olesen đã đề cập, và cũng phù hợp một cách đáng ngờ với lá thư này nữa.”

Tôi đã không nghĩ đến khả năng này, nhưng phải thừa nhận rằng mọi việc khá ăn khớp. Tuy vậy tôi vẫn phải hỏi ý nghĩa của chữ O là gì. Câu trả lời của Patricia rất trực diện.

‘O’ nghĩa là ‘đặc vụ OSS’.

Tôi gật đầu - và huýt sáo. OSS là tổ chức tiền thân của CIA và đã hoạt động ở Na Uy cả trong lẫn sau chiến tranh. Bản thân tôi cũng từng đề cập việc này với Darrell Williams, nhưng không nghĩ ra một mối liên kết khả dĩ với chữ O trong quyển nhật ký của ông Harald Olesen.

“Anh nên thẩm vấn Darrell Williams một lần nữa, sớm nhất có thể. Hãy gọi Bjorn Erik Svendsen để tìm hiểu về tổ chức OSS. Nhưng trước tiên hãy đánh điện cho cảnh sát Thụy Điển. Ngay cả khi manh mối phía Mỹ càng lúc càng thú vị, thực tế có thể cho thấy hướng Thụy Điển mới là đúng đắn.”

Patricia ngáp ngừng một lúc, nhưng rồi tiếp tục với giọng hơi run rẩy.

“Vậy là bây giờ chúng ta đã biết được P trong quyền nhật ký là Kristian Lund, J là Sara Sundqvist và O là Darrell Williams, nhưng chúng ta vẫn chưa tiến gần hơn đến việc xác định được C, kẻ đáng quan tâm nhất và cũng đáng sợ nhất, nếu chúng ta tin vào những điều được ông Harald Olesen viết trong quyền nhật ký của mình. Trừ phi ông ta dùng hai chữ cái khác nhau để chỉ cùng một người, một khả năng rất thấp, thì kẻ mà ông ta sợ hãi nhất không phải là một trong số ba đối tượng tình nghi chính của chúng ta. Thế nên hãy chuẩn bị cho khả năng có một nhân vật thứ tư đáng sợ có thể là C - cả trong lần ngoài tòa nhà 25 phố Krebs.”

Tôi hứa sẽ làm thế, nhưng phải xin lỗi khi Patricia hỏi và thừa nhận rằng tôi đã quên hỏi Cecilia về việc ông Harald Olesen có bất kỳ mối liên hệ nào ở vùng Gjovik hay không. Sau đó chúng tôi kết thúc cuộc điện thoại và tôi soạn một điện tín gửi cho cảnh sát Thụy Điển.

VỤ VIỆC KHẨN CẤP STOP LIÊN QUAN ĐẾN CUỘC ĐIỀU TRA VỤ ÁN MẠNG CỦA ÔNG HARALD OLESEN STOP YÊU CẦU THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CÔ SARA SUNDQVIST SINH NĂM 1943 VÀ ĐƯỢC NHẬN NUÔI Ở GOTHENBURG MÙA HÈ NĂM 1944 STOP CÓ THỂ ĐẾN THUY ĐIỂN VỚI ÔNG HARALD OLESEN HOẶC AI ĐÓ ĐƯỢC GỌI LÀ ‘CHÂN NAI’ STOP VUI LÒNG GỬI ĐIỆN TÍN NGAY LẬP TỨC VỀ BẤT KỲ THÔNG TIN NÀO LIÊN QUAN ĐẾN CÁI TÊN CHÂN NAI STOP KOLBJORN KRISTIANSEN ĐỒN CẢNH SÁT OSLO

Cuộc điều tra đã trở thành một nỗi ám ảnh thực sự. Tôi cực kỳ muốn biết liệu Darrell Williams sẽ nói gì trước những thông tin thu được từ Cecilia Olesen.

Nhưng trước tiên tôi nghe theo lời khuyên của Patricia và gọi điện cho Bjorn Erik Svendsen để tìm hiểu xem cậu ta biết những gì về mối liên hệ giữa ông Harald Olesen với tổ chức OSS. Và việc này chắc chắn không phải là không đáng kể. Ông Harald Olesen hình như từng là đầu mối liên lạc của vài đặc vụ OSS ở Na Uy trong chiến tranh. Có lẽ thông qua những kênh này ông ta đã cung cấp thông tin về những người cộng sản Na Uy sau chiến tranh, những thông tin này sau đó được lưu trữ trong hồ sơ của CIA. Từ những tài liệu trên, có thể biết được những người cộng sản này là ai. Tuy nhiên, danh tính của những đặc vụ Mỹ không được nêu ra, cũng như vậy, không rõ có người Na Uy nào khác từng tham gia trong việc thu thập thông tin này hay đã biết về chúng và cũng không rõ họ còn làm chuyện gì khác nữa. Cho đến giờ, ông Harald Olesen là người duy nhất được biết đến, nhưng có lí do để tin rằng nhiều người khác cũng có liên quan. Có thể vài người trong số họ hiện đang giữ những vị trí quan trọng trong chính phủ Na Uy hoặc Mỹ. Svendsen nói với tôi đây là một trong những điểm mà ông Harald Olesen không muốn thảo luận với người viết tiểu sử của mình, thế nên cậu ta sẽ vô cùng biết ơn nếu tôi có thể cung cấp cho cậu ta bất kỳ thông tin bổ sung nào.

Tôi đâm ngại không muốn hỏi chuyện Cecilia Olesen một lần nữa sau sự thổ lộ đầy nước mắt của chị vài giờ trước, nên thay vào đó, tôi gọi cho người em trai để hỏi liệu anh ta có biết ông Harald Olesen từng có bạn bè nào thân thiết trong khu vực xung quanh Gjøvik hay không. Và thật bất ngờ, tôi đã hỏi đúng chỗ. Anh ta đáp ngay rằng chú mình có nhiều mối liên hệ trong khu vực, nhưng người đầu tiên mà anh ta nhớ đến là một chủ nông trại giàu có mà ông từng đến chơi vài lần trong những năm trước chiến tranh. Người cháu trai cũng từng đến đó với chú một lần. Anh ta không thể nhớ ra tên thánh của người này, nhưng cái họ ông ta thật dễ nhớ, vì ông sở hữu một lượng lớn đất lâm nghiệp: Storskog. Anh trả lời ngay lập tức: “Ồ, đúng rồi!” khi tôi hỏi có phải người bạn này của ông Harald Olesen tên là Hans. Tôi nhanh chóng cảm ơn anh ta về thông tin đó, rồi cúp máy và chạy ào ra xe.



Đã gần 9 giờ tối khi tôi đến nhà số 25 phố Krebs, nhưng các cửa sổ đều còn sáng đèn, trừ hai căn hộ bỏ trống của ông Harald Olesen và Konrad Jensen.

Darrell Williams chậm rãi mở cửa khi tôi nhấn chuông và trầm ngâm gật đầu khi thấy tôi. Tôi bắt gặp một vẻ xác nhận trong mắt anh ta khi chúng tôi bắt tay nhau nhanh gọn.

Tôi bắt đầu cảm thấy mệt sau một ngày dài, và đủ vững tin để đi thẳng vào vấn đề.

“Có lẽ anh đã hiểu tại sao tôi ở đây. Tôi đã tự mình tìm ra. Chị ấy không nói gì hết và vẫn còn tình cảm đối với anh.”

Anh ta gật đầu cộc lốc và ra hiệu cho tôi vào phòng khách. Chúng tôi ngồi vào những chiếc ghế bành. Tôi có cảm giác Darrell Williams cũng trải qua một ngày khó khăn, và cảm giác này càng được củng cố khi tôi nhìn thấy các chai rượu và ly cốc nằm trên bàn nước.

“Bây giờ thì tôi đã biết anh có quan hệ tình cảm với Cecilia Olesen từ năm 1945 đến năm 1948 và chú chị ấy đã phản đối kịch liệt. Tuy nhiên, tôi không biết liệu anh có nhận được lá thư chị ấy gửi cho anh vài tháng sau khi anh rời Na Uy mùa xuân năm 1948 hay không.”

Darrell Williams ngồi trầm ngâm một lúc, sau đó rót rượu từ một trong số những cái chai đặt trên bàn. Anh ta đưa cái chai về phía tôi, nhưng đặt nó xuống ngay khi tôi lắc đầu.

“Buồn thay, tôi có nhận được, nhưng tôi vẫn còn chưa nghĩ được phải trả lời cô ấy thế nào.”

Anh ta uống cạn ly rượu, sau đó bắt đầu nói nhanh với một giọng có kiểm soát.

“Tôi không có chút cảm thông nào dành cho Harald Olesen trong nhiều năm sau sự việc đó. Nhưng theo năm tháng, mọi thứ cũng nguôi ngoai dần. Hồi đó, vào năm 1948 ấy, tôi cảm thấy như mình có thể giết chết ông ta,

nhưng chắc chắn tôi sẽ không làm việc đó bây giờ, vào năm 1968. Tôi gặp lại ông ta dễ dàng hơn tôi đã tưởng tượng và e sợ. Nhưng hôm nay việc gặp lại cô ấy tồi tệ hơn nhiều.”

Tôi dễ dàng tin lời Darrell.

“Đó là lí do tại sao anh đã đến rất trễ và ngồi ngay cạnh cửa. Và cũng là lí do tại sao anh cười rất to và chỉ trích chị em nhà Olesen rất gay gắt - để che giấu sự thật.”

Darrell Williams không nói gì, nhưng nhún vai xác nhận. Tôi lập tức theo đuổi thành công này.

“Còn một điều nữa. Có vẻ không bình thường khi anh được phái đến Oslo và được sắp xếp sống chung trong một tòa nhà với ông Harald Olesen bất chấp những xung đột cá nhân trước kia.”

Anh ta lắc đầu quầy quậy.

“Không phải thế. Đó chưa bao giờ là vấn đề đối với cấp trên của tôi.”

Tôi gật đầu và nhanh chóng tiếp tục.

“Nhưng việc anh đến sống ở đây vẫn không thể là ngẫu nhiên. Anh đến đây bởi vì ông Harald Olesen có một số tài liệu và thông tin mà cấp trên của anh nhất định không muốn để lọt vào tay người khác kể cả trước và sau khi ông ta chết.”

Darrell Williams thở dài nặng nề.

“Giờ anh đang đặt tôi vào một tình huống rất khó khăn. Đây là những điều mà tôi không thể xác nhận hay bác bỏ nếu không được thủ trưởng cao nhất của tôi cho phép.”

“Hãy để tôi đơn giản ghi nhận sự thật như vậy. Anh có thể không cần xác nhận hay bác bỏ.”

Anh ta khẽ gật đầu.

“Và tôi cũng sẽ ghi nhận rằng, những tài liệu này chứa thông tin về một số người Na Uy và Mỹ mà ngày nay đang nắm giữ những chức vụ rất cao, và là những người mà ông Harald Olesen biết có tham gia tích cực trong những chiến dịch rất nhạy cảm chống lại những người cộng sản và những cá nhân

được quy chụp là cộng sản dù không có lí do gì. Sẽ cực kỳ bất lợi cho họ và có thể là cho cả mối quan hệ giữa Mỹ và Na Uy nữa nếu sự việc này bị lộ ra. Và có vẻ như anh vẫn không thể hoặc không muốn bác bỏ bất kỳ điều gì vừa nêu.”

Darrell Williams thở dài nặng nhọc hơn và cái gật đầu của anh ta càng khẽ hơn nữa.

“Và tôi biết sẽ rất khó để thuyết phục anh cung cấp cho tôi tên của những người này?”

Anh ta mỉm cười, nhưng đó là một nụ cười u ám và méo xệch.

“Nếu những người như thế có tồn tại, tôi cũng không thể đưa cho anh tên của họ được.”

“Nhưng họ không quá quan trọng đối với cuộc điều tra của tôi - chừng nào mà anh không phải là thủ phạm.”

Darrell Williams giơ một bàn tay lên.

“Rõ ràng anh là một cảnh sát rất giỏi và thông minh. Và tôi chân thành hy vọng rằng anh cũng có thể xoay sở để ghép nối các mảnh ghép còn thiếu của vụ án này, ngõ hầu tôi có thể kết thúc mọi chuyện và rời khỏi Na Uy. Hoàn cảnh của tôi đã đủ khó xử rồi, gánh nặng tâm lý hiện giờ càng khiến cho việc này trở nên không thể chịu nổi.”

Tôi chỉ muốn tặng anh ta một nhánh ôliu giảng hòa.

“Tôi có lí do để tin rằng mọi việc sẽ về đúng chỗ của nó trong vòng vài ngày tới. Và trong thời gian này, tôi mong anh thông cảm vì tôi buộc phải yêu cầu anh không rời Oslo.”

Anh ta gật đầu lần nữa, rồi đứng lên. Tôi hiểu ngay và đi theo anh ta ra cửa. Trên tinh thần hợp tác, tôi bổ sung thêm rằng một đặc vụ OSS ẩn danh, mà tôi tin chính là anh ta, đã được đề cập đến trong nhật ký của ông Harald Olesen. Darrell Williams cảm ơn tôi về thông tin này và kết luận rằng tôi có lẽ không cần phải hỏi anh ta về những cái tên nếu chúng đã được viết trong nhật ký.

Có cảm giác như thể chúng tôi rất hiểu nhau và đang làm việc cho một lợi

ích chung - hai công chức với những nhiệm vụ quan trọng của những đất nước khác nhau. Tôi ra về với cảm giác rằng giờ đây anh ta đã nói ra sự thật và không phải là kẻ sát nhân. Nhưng tôi vẫn chưa thể gạch tên Darrell khỏi danh sách.

Khi mở cửa cho tôi, Darrell Williams ngượng ngùng hỏi tôi một câu cuối cùng.

“Đôi khi tôi cũng tự hỏi... Anh có biết cuộc sống của cô Cecilia như thế nào không? Liệu cô ấy đã có gia đình hay đại loại thế? Tôi thấy cô ấy vẫn giữ tên cũ và đi cùng với em trai mình.”

Tôi gật đầu trấn an anh ta.

“Chị ấy có một cô con gái sau một cuộc hôn nhân ngắn ngủi và không hạnh phúc, nhưng giờ họ đã li dị.”

Anh ta vội vàng cảm ơn tôi về thông tin này và nhờ tôi gửi lời chào của mình đến Cecilia Olesen nếu tôi có gặp lại chị. Rồi hình như anh đưa tay quẹt mắt. Darrell Williams là một người đàn ông mạnh mẽ, anh ta không khóc. Rõ ràng là thế cho đến khi anh ta không nói không rằng tiễn tôi ra khỏi căn hộ của mình. Nhưng hình như tôi đã nghe một tiếng thốn thức nghẹn ngào sau cánh cửa đóng kín. Cũng có thể tôi chỉ tưởng tượng. Quả là một ngày dài và kịch tính đối với cả hai chúng tôi.



Nơi viếng thăm cuối cùng của tôi trong ngày là căn hộ của Andreas Gullestad ở tầng trệt. Anh ta chào đón tôi với sự thân thiện vốn có, mời tôi cà phê và một bộ sưu tập nhiều loại trà khác nhau. Tuy nhiên, gương mặt của anh ta nhanh chóng sa sầm khi tôi nói rằng mình phải hỏi một câu về người cha của anh ta.

“Tôi đáng lẽ phải nhận ra anh sẽ phát hiện được. Tôi đã có suy nghĩ đó sau chuyến viếng thăm lần trước của anh.”

Anh ta lúng túng đáp khi tôi hỏi liệu có đúng là anh ta chưa bao giờ gặp ông Harald Olesen trước khi đến sống ở đây Tuy nhiên, anh ta nhanh chóng lấy lại bình tĩnh.

“Sau vụ án mạng, tôi chợt nhận ra người hàng xóm Harald Olesen của tôi chắc hẳn phải là ông Harald mà cha tôi từng nhắc đến với đầy vẻ kính trọng, và xem như là một trong số những người bạn thân của ông. Nếu là thế, thì tôi đã từng gặp ông ấy vài lần lúc còn nhỏ, khi ông đến thăm cha tôi trước chiến tranh. Dĩ nhiên, tôi nên gọi điện ngay cho anh để cung cấp lời khai, nhưng tôi lại không muốn nói về bất kỳ kỷ niệm nào liên quan đến cha tôi - nỗi đau cũ vẫn như dao cắt mỗi khi tôi nghe đến tên ông. Tôi không có kỷ niệm nào đặc biệt dù là đẹp hay xấu về những lần ông Harald Olesen đến thăm thiên đường đã mất của tuổi thơ tôi. Thật ra, chỉ sau vụ án mạng của ông ấy thì tôi mới nhớ ra rằng ông đã đến chơi nhà. Tôi thành thật hy vọng rằng anh không nghĩ tôi cất công leo lên tầng hai trong chiếc xe lăn này và bắn chết ông ấy chỉ vì ông đã từng đến thăm cha tôi vài lần khi tôi còn là một cậu bé.”

Tôi cam đoan với anh ta là dĩ nhiên tôi không nghĩ thế. Nhưng tôi chợt nhận ra rằng ngay cả người đàn ông thân thiện ở tầng trệt này cũng che giấu thông tin vài lần, và càng biết anh ta nhiều hơn, tôi càng thấy anh ta phức tạp và ít dễ mến hơn.

Tôi tung một ngón đòn vu vơ khi hỏi liệu anh ta có nhớ bất kỳ thanh niên nào trong số người thân hoặc bạn bè của cha mình có thể đã làm việc với ông Harald Olesen trong chiến tranh hay không. Andreas Gullestad suy nghĩ cẩn thận, nhưng rồi lắc đầu xin lỗi. Cha anh ta là con một và vì thế không có em trai hoặc cháu trai nào. Và do vào thời điểm đó mới chỉ là một cậu bé, anh ta không thể nhớ được có thanh niên nào phù hợp với mô tả đó trong số những nhân viên hoặc bạn bè của cha mình. Bí danh Chân nai vẫn không có nghĩa gì với anh ta.

Andreas Gullestad hết sức xin lỗi không thể giúp gì hơn cho tôi, và vẫn thân thiện hết sức có thể khi tôi đi khỏi vài phút sau đó. Nhưng tôi ghi nhận rằng tôi không còn tin tưởng anh ta nữa. Điều này, đáng buồn thay, cũng

trương tợ đối với tất cả những cư dân khác của tòa nhà số 25 phố Krebs, có lẽ chỉ trừ bà vợ ông gác dan ở tầng hầm.

Vào đêm đó, một lần nữa tôi đi ngủ với cảm giác rằng chúng tôi đang ngày càng tiến gần hơn đến lời giải, nhưng tôi cũng cảm thấy ngày càng thiếu kiên nhẫn. Kẻ sát nhân vẫn chưa thấy đâu cả. May mắn thay công chúng nghĩ rằng vụ án đã khép lại với cái chết của ông Konrad Jensen. Tuy vậy, tôi đã có thể cảm thấy sự căng thẳng của ngày điều tra thứ bảy, và thật lòng hy vọng có thể phát hiện được thủ phạm vào ngày thứ tám. Mọi dự định đi nghỉ trong dịp lễ Phục sinh năm nay chắc chắn đã tiêu tan, nhưng ý nghĩ rằng sẽ không có báo chí gì hết trong hai ngày tới và có ít đồng nghiệp ở cơ quan hơn thật sự làm tôi nhẹ người.

NGÀY THỨ TÁM



MỘT SỰ BIẾN MẤT VÀ MỘT MANH MỐI MỚI

Vào thứ Năm Tuần thánh ngày 11 tháng 4, tôi thường thức bữa sáng trong yên bình, nhưng khi tôi đến đồn cảnh sát vào lúc 9 giờ, biến cố bắt đầu ập đến. Đúng 9 giờ 5 phút, điện thoại bàn đổ chuông. Ở đầu dây bên kia, tôi nghe một giọng nói lớn và dứt khoát của Thẩm phán Tòa án Tối cao Jesper Christopher Haraldsen, nhưng nhẹ nhõm thay, ông có vẻ thân thiện bất ngờ.

“Chào buổi sáng anh Thanh tra. Tôi chỉ gọi để chúc anh một lễ Phục sinh vui vẻ và chúc mừng anh về kết thúc chóng vánh của một vụ án mạng tương chừng rất phức tạp!”

Tôi cảm ơn ông. Tim tôi đập nhanh hơn trong lúc chờ ông nói tiếp. Tôi ngờ rằng đây không phải là lý do duy nhất khiến ông Jesper Christopher Haraldsen cắt ngang kỳ nghỉ lễ Phục sinh của mình để gọi điện cho tôi. Và quả đúng như vậy.

“Dĩ nhiên, tôi cũng muốn chắc chắn rằng vụ án đã thực sự được phá và tôi muốn nói rằng tôi vẫn sẵn lòng giúp đỡ nếu anh cần thêm lời khuyên. Nhưng với việc một tên cừu Phát xít tự sát và để lại một lời thú tội trong chính tòa nhà nơi một anh hùng thời Kháng chiến đã bị sát hại, có lẽ không cần thiết phải có thêm lời khuyên nào?”

Không chỉ tim tôi đập nhanh, mà mồ hôi cũng bắt đầu rịn ra. Sau khi đánh giá nhanh tình hình, tôi quyết định ngọt nhạt với ông ta một chút, đồng thời vẫn tỏ ra nhã nhặn.

“Chắc chắn không có đối tượng tình nghi nào khác vào lúc này, nhưng một số tình huống đặc biệt đã xuất hiện, và do đó, cuộc điều tra vẫn chưa kết thúc.”

Đầu dây bên kia im lặng một lúc. Tiếp theo đó là một câu hỏi không thể tránh khỏi - với một giọng nghiêm nghị hơn.

“Này, tôi phải nói rằng chuyện đó nghe có vẻ đáng lo đấy, chàng trai trẻ

a. Những loại tình huống đặc biệt nào mà cần phải xem xét lại một chứng cứ thuyết phục đến vậy? Tôi thực sự hy vọng rằng việc này không hề liên quan gì đến sự trùng hợp đáng tiếc khi một đại diện của Đại sứ quán Mỹ đã thuê căn hộ trong cùng tòa nhà với nạn nhân?”

Tôi tránh trả lời câu hỏi này.

“Tôi hy vọng rằng ông, với cương vị một thẩm phán tối cao, sẽ hiểu rằng tôi không thể tiết lộ các chi tiết liên quan đến việc điều tra ở thời điểm này. Nhưng ông hãy tin rằng khả năng người cựu Phát xít đã tự sát đó chính là thủ phạm đang được xem xét kỹ lưỡng. Tuy nhiên, những thông tin quan trọng khác vừa được hé lộ cho thấy chúng ta vẫn phải đề ngỏ mọi khả năng, ít nhất là qua kỳ nghỉ cuối tuần này.”

Một lần nữa đầu dây bên kia lại im lặng trong vài giây. Và sau đó, giọng ông ta dồn dập nã vào tai tôi như một khẩu súng máy.

“Này, nếu vậy thì tôi thật lòng hy vọng anh sẽ tìm ra ít nhất một thủ phạm nữa trong dịp lễ Phục sinh, hoặc sẽ có người khác thay anh đảm nhiệm việc điều tra sau đó.”

Ông ta dập điện thoại mà không cho tôi cơ hội nói thêm điều gì. Tôi ngồi bất động một lúc. Sau đó tôi lao nhanh tới văn phòng của sếp. May thay, ông đang ở trong phòng, và khi tôi hỏi liệu chúng tôi có thể nói chuyện ngay lập tức được không, ông đã vui lòng chấp nhận. Tôi nhảy dựng khi điện thoại reo lên trong khi chúng tôi đang ngồi đó và gật đầu cảm kích khi sếp nói rằng ông sẽ không nghe bất kỳ cuộc điện thoại nào cho đến khi chúng tôi xong việc.

Tôi trình bày với ông chi tiết cuộc điều tra và lý do tại sao tôi lại quyết định tiếp tục. Ông đồng ý với tôi và khen ngợi những kết luận sáng suốt cũng như công sức điều tra của tôi cho đến thời điểm này. Sếp cũng thở phào khi nghe tôi nói rằng ít có khả năng tay người Mỹ có liên quan đến án mạng, nhưng hoàn toàn ủng hộ mong muốn giữ anh ta ở lại Na Uy cho đến khi vụ án kết thúc. Chúng tôi cũng đồng ý rằng trong lúc này, có lẽ tốt nhất là để công chúng và những người còn lại trong lực lượng nghĩ rằng vụ án đã khép

lại với cái chết của Konrad Jensen, nhưng vẫn tiếp tục điều tra tìm kiếm những đối tượng tình nghi khác.



Tuy nhận được sự ủng hộ của cấp trên, thật khó mà ngăn chặn cái giọng nói oang oang của thẩm phán Jesper Christopher Haraldsen trong đầu tôi suốt vài giờ tiếp theo. Khoảng 11 giờ 30 phút, tôi quyết định gọi cho Darrell Williams để thăm dò xem anh ta có biết ông Haraldsen hay không. Bà Randi Hansen nhắc điện thoại nhanh chóng. Tôi hỏi bà mọi việc có ổn không, và bà đáp mọi thứ không thể tốt hơn nữa. Số tiền thừa kế sẽ được chuyển vào tài khoản của bà ngay sau lễ Phục sinh. Trong lúc chờ đợi, bà tự thưởng cho mình bằng việc lên kế hoạch mua những món quà gây ngạc nhiên cho đám con cháu.

Bà vợ ông gác dan nôi máy cho tôi với Darrell Williams nhưng điện thoại chỉ đổ chuông mà không có ai trả lời. Việc này khiến tôi cảm thấy không thoải mái. Tôi gọi lại cho bà Randi và yêu cầu bà lên bấm chuông cửa nhà Darrell Williams. Bà làm theo, rồi quay xuống báo với tôi là không có dấu hiệu gì của sự sống bên trong căn hộ. Việc này thật tệ, bà nói với giọng lo âu rõ rệt. Bà không thấy anh người Mỹ rời tòa nhà, thế nên nếu anh ta đã ra ngoài, hẳn anh ta phải đi rất sớm hoặc chỉ trong vài phút khi bà không có tại vị trí trực.

Tôi nói sẽ gọi lại sau nửa tiếng nữa và yêu cầu bà trong thời gian đó lên kiểm tra xem liệu có ánh đèn nào trong căn hộ của Darrell Williams không. Tiếp đó là ba mươi phút căng thẳng thần kinh. Khi tôi gọi lại vào lúc 12 giờ, bà vợ ông gác dan không còn chút gì vui vẻ nữa. Bà đã lên kiểm tra và thấy đèn sáng, nhưng vẫn không có dấu hiệu của Darrell Williams trong căn hộ.

Đường dây im lặng một lúc. Cả hai chúng tôi đều nhớ quá rõ đã phát hiện những gì trong căn hộ của ông Konrad Jensen hai ngày trước. Ánh đèn là

yếu tố quyết định. Tôi yêu cầu bà cầm sẵn chùm chìa khóa còn mình lập tức đi xuống lấy xe chạy đến đó.

Mười lăm phút sau, tôi lại đứng cùng với bà Randi Hansen đầy lo lắng trước cánh cửa khóa trái. Một lần nữa tôi được vũ trang với khẩu súng công vụ của mình. Và một lần nữa không nghe thấy tiếng động gì từ bên trong, dù tôi bấm chuông và gõ cửa vài lần. Vào lúc 12 giờ 25 phút, tôi yêu cầu bà Randi mở cửa và run rẩy bước qua ngưỡng cửa, khẩu súng sẵn sàng nhắm đạn trong tay.

Đèn sáng ở tất cả các phòng. Mọi thứ không có khác biệt gì so với ngày hôm trước. Đồ đạc vẫn ở nguyên tại vị trí, sách vở và báo chí vẫn còn nguyên, vài mẫu đồ ăn thừa còn sót lại trong bồn rửa, nhưng cái áo khoác lông của Darrell Williams không còn trên giá áo ngay sát cửa. Và quan trọng hơn cả, không thấy anh ta đâu hết, dù là trong sảnh, nhà tắm, phòng ngủ hay nhà bếp. Tôi kiểm tra phòng khách sau cùng, và gần như mong chờ sẽ tìm thấy Darrell Williams ngồi gục trên ghế bành - hết như ông Konrad Jensen hai ngày trước ở tầng dưới. Nhưng may mắn thay, tất cả các ghế đều trống không. Giữa những cái chai trên bàn là một lá thư ngắn giải thích tình hình.

Kính gửi Thanh tra Cảnh sát Kristiansen,

Tôi chân thành xin lỗi vì tôi buộc phải chấp hành một mệnh lệnh mới từ cấp trên và phải rời Na Uy ngay lập tức mà không thể báo trước với anh. Một lần nữa tôi xin cam đoan là tôi không biết gì về những sự việc liên quan đến cái chết của ông Harald Olesen, và rời đất nước này với niềm tin rằng anh sẽ tìm ra kẻ sát nhân mà không cần sự hợp tác của tôi trong vài ngày tới.

Với sự tôn trọng sâu sắc nhất của tôi,

Darrell Williams

Tôi đọc lá thư đó bốn lần. Hai lần đầu với sự ngỡ ngàng tăng cao, hai lần sau với sự giận dữ tăng đều. Tôi bước ra để trấn an bà vợ ông gác đàn là không có thêm cái chết nào hết, nhưng Darrell Williams đã phải ra đi gấp

theo lệnh cấp trên. Sau đó tôi quay lại chỗ chiếc xe và phóng nhanh hơn cả tốc độ giới hạn lẫn sự cho phép của tình hình giao thông để đến Đại sứ quán Mỹ.



Con giận của tôi đối với hành động biến mất của Darrell Williams duy trì suốt hành trình, cho đến lúc tôi đứng trước mặt tiền Đại sứ quán Mỹ và gặp mặt các nhân viên ở đây. Tôi giới thiệu ngắn gọn với tiếp tân, có thể hơi quá cộc lốc, rằng tôi là Thanh tra cảnh sát Kristiansen, người đang điều tra vụ án mạng của ông Harald Olesen, và tôi sẽ chờ ở đây đến khi ngài Tham tán Đại sứ George Adams có thời gian tiếp tôi. Đó là một chiến thuật táo bạo. Đằng sau vẻ ngoài can đảm, tim tôi đập thình thịch trong những phút kéo dài vô tận sau đó cho đến khi có người đến thông báo với tôi là ‘ngài Adams’ đang ở trong văn phòng và rất sẵn lòng gặp tôi ngay lập tức.

Bàn làm việc vẫn to như thế, cái bắt tay vẫn chặt, gương mặt vẫn vô cảm và giọng nói vẫn kéo dài như lần trước tôi gặp ông.

“Rất hân hạnh được gặp anh lần nữa, Thanh tra. Chúc mừng anh với những đột phá trong điều tra, điều đã được công bố trên báo chí ngày hôm qua. Vậy, tôi có thể giúp gì cho anh hôm nay?”

Tôi quan sát kỹ ông ta, nhưng không thấy bất kỳ khe hở nào trên lớp áo giáp ngoại giao đó.

“Vâng, đầu tiên, ông có thể giải thích cho tôi tại sao Darrell Williams biến mất, và sau đó xin ông cho tôi biết địa điểm cũng như lí do khiến anh ta ra đi?”

George Adams xoa hai tay vào nhau.

“*Biến mất* có lẽ là một từ không thích hợp. Tôi có thể xác nhận rằng Darrell Williams đã rời Na Uy, và chúng tôi dĩ nhiên biết rõ anh đang ở đâu. Không có khúc mắc gì trong tình huống này cả. Do Mauritius đã trở thành

một quốc gia độc lập, Mỹ đã thiết lập một Đại sứ quán ở đó và ông Williams đã được yêu cầu đảm nhiệm vị trí Đại sứ.”

Tôi gật đầu một cách dứt khoát; chuyện này đúng là càn rỡ như tôi đã hình dung từ trước.

“Trong trường hợp đó, tại sao đại sứ quán không thấy cần thiết phải thông tin với tôi hoặc với cảnh sát về chuyện này?”

George Adams xoa tay thậm chí còn mạnh hơn nữa và càng tỏ ra tự mãn hơn nữa.

“Dĩ nhiên chúng tôi xin lỗi vì một thông báo như thế đáng lẽ phải được đưa ra. Nhưng chúng tôi thấy không cần phải làm phiền một người quan trọng như anh trong một tình huống mà chúng tôi có đầy đủ lí do để tin rằng vụ án mạng đã được phá theo cách tốt nhất có thể, và không liên can gì đến ông Williams. Ngoài ra, chúng tôi không có lí do gì để tin rằng anh sẽ tán thành việc nhận được thông báo vào nửa đêm ngày thứ Năm Tuần thánh.”

Tôi nhanh chóng nhận ra bất kỳ biểu hiện nào của sự giận dữ hoặc bực dọc đều vô ích và quyết định sẽ cư xử một cách ngoại giao. Lần này, tôi may mắn nắm trong tay một lá bài tốt hơn trước nhiều.

“Tôi e rằng dường như đã có một thiếu sót đáng tiếc trong việc cung cấp thông tin. Tối muộn hôm qua, tôi đã thông báo với Darrell Williams về một diễn biến quan trọng trong cuộc điều tra và vì thế mọi người dân ở số nhà 25 phố Krebs, những người đã có mặt ở đó vào đêm xảy ra án mạng, cần phải lưu lại trong thành phố cho đến sau lễ Phục sinh.”

George Adams nhún vai xin lỗi và cười nhạt.

“Tôi rất tiếc khi nghe điều này. Như anh đã nói, hình như có sự thiếu sót đáng tiếc trong việc cung cấp thông tin. Tôi xin mạn phép bổ sung là có một lời giải thích đơn giản cho lí do tại sao lúc đó ông Williams đã không đề cập đến việc này. Ông ấy được gọi đến Mauritius qua điện thoại lúc 2 giờ sáng nay và rời Na Uy trên chuyến bay lúc 6 giờ. Hiển nhiên là cơ hội để trở thành Đại sứ thật bất ngờ và hấp dẫn đến nỗi ông ấy lập tức quên hết mọi chuyện khác.”

Tôi nhún vai một cách cường điệu và cười nhạt không kém. “Những việc này đã xảy ra, và rõ ràng không thể trách cứ ai cả. Nhưng sự hiểu lầm sẽ rất đáng tiếc khi nó có thể khơi mào những phản ứng chống lại nước Mỹ từ các chính trị gia và báo chí ở Na Uy. Đó là điều mà tôi đã hy vọng có thể tránh được khi trao đổi với ông Williams ngày hôm qua.”

Có cảm giác đây là lần đầu tiên tôi đánh trúng được một điểm yếu trên lớp áo giáp của George Adams. Ông ta vẫn giữ nụ cười thân thiện, nhưng điệu bộ bắt đầu căng thẳng hơn.

“Đại sứ quán đương nhiên sẽ làm mọi việc cần thiết để tránh một diễn biến như vậy. Liệu anh có thể giải thích vấn đề là gì không?”

“Xin sẵn lòng. Tôi không có lí do gì để tin là Darrell Williams có liên quan đến vụ án mạng, nhưng tình huống sẽ nảy sinh sau đợt nghỉ lễ khi báo chí lại một lần nữa hướng sự chú ý vào cuộc điều tra và tôi có thể buộc phải đặt vài câu hỏi quan trọng cho các nhân chứng. Nếu ông Williams không còn ở đây nữa, điều đó dĩ nhiên sẽ gây ra những nghi vấn và suy đoán này nọ. Báo chí rồi sẽ hỏi liệu tôi có thông báo với Williams rằng anh ta không được phép rời đất nước này, và với tư cách là một người bảo vệ luật pháp, tôi bắt buộc phải nói sự thật. Việc đó sẽ dễ dàng dẫn đến những tin đồn không may và nhiều suy đoán hơn nữa.”

George Adams vội gật đầu để cho thấy mình đã hiểu vấn đề, sau đó chồm người tới trước. Rõ ràng ông ta đang cố nặn óc tìm một giải pháp. Tôi vẫn còn một con át chủ bài trong tay và thấy không có lí do gì phải để dành nó căn cứ theo cách mà mọi việc diễn ra.

“Tuy nhiên, sự hiểu lầm càng đáng tiếc hơn khi trong quá trình điều tra, tôi đã phát hiện một số thông tin cho thấy một mức độ hợp tác nhất định giữa ông Harald Olesen và cơ quan tình báo Mỹ trong quá khứ, một việc có thể liên quan đến một số chính trị gia hàng đầu ở cả hai nước Na Uy và Mỹ Chi tiết các hoạt động ở Na Uy và danh sách những người dính líu có thể đang nằm ở đâu đó. Theo những gì tôi có thể nói, việc này ít quan trọng với cuộc điều tra án mạng, và tôi đã hy vọng có thể bỏ qua nó trong báo cáo của mình.

Nhưng nếu báo chí quyết định nhúng mũi vào vụ án này, thì mọi thứ có thể trở nên khó khăn. Và sẽ cực kỳ không may, căn cứ trên cuộc bầu cử sắp diễn ra ở Mỹ và tư tưởng quá khích chống Mỹ đang ngày càng lan rộng tại Na Uy...”

Rõ ràng tôi đã thành công. Đầu của George Adams lập tức hạ xuống thấy rõ và ánh mắt của ông ta có vẻ hoảng sợ. Không thể không ấn tượng với cách trình bày tài tình của ông ta, mặc dù sự căng thẳng trong giọng nói của ông ta giờ đã rõ ràng.

“Đại sứ quán muốn cảm ơn anh đã thông tin cho chúng tôi ngay lập tức, và tất nhiên chúng tôi sẽ làm hết sức để tránh tình huống các thông tin cá nhân nhạy cảm bị rơi vào tay kẻ xấu và tạo ra bất kỳ phản ứng cực đoan nào. Anh có thể vui lòng cho chúng tôi một lời khuyên ngõ hầu tránh được một tình huống như vậy được không?”

Tôi gật đầu với sự sốt sắng cường điệu.

“Vâng, trước hết hãy hy vọng rằng ông Williams chưa lên chuyến bay đến đảo Mauritius và có thể cho anh ta một vé về lại Oslo sớm nhất có thể. Nếu anh ta có thể quay lại căn hộ của mình ở Oslo trước 4 giờ chiều ngày mai chẳng hạn, chúng tôi sẽ có thể kiểm soát được tình hình. Ngược lại, tình hình sẽ trở nên rất nghiêm trọng và không mấy dễ chịu nếu cần phải ban hành một lệnh bắt qua Interpol. Hoàn toàn có thể tin rằng những kẻ thù của nước Mỹ tại Na Uy và những nơi khác sẽ sớm đánh hơi được một lệnh bắt như thế đối với một nhà ngoại giao Mỹ. Trong trường hợp đó, tình huống có thể nhanh chóng vượt khỏi tầm kiểm soát ở cả mức độ chính trị lẫn báo chí. Kịch bản xấu nhất là một danh sách các liên lạc của ông Harald Olesen ở Na Uy và Mỹ cùng thông tin về những gì họ đã làm có thể sẽ bị tiết lộ.”

George Adams lập tức gật đầu ba cái, đầu hạ thấp dần. Đến lần thứ ba, cằm của ông ta gần như chạm bàn.

“Vậy thì tôi sẽ không làm mất thời gian của anh thêm nữa, đích thân tôi sẽ lập tức xem xét tình huống này và nghiên cứu cách thức nhằm đưa Darrell Williams trở lại Oslo càng sớm càng tốt, ngõ hầu tránh gây thêm mọi rắc rối

bất kỳ. Nhân danh Đại sứ quán Mỹ, tôi muốn một lần nữa cảm ơn thiện chí của anh, và tôi sẽ thông báo ngay cho anh khi chúng tôi xem xét toàn diện tình huống.”

Lần này thì bàn tay của ngài tham tán thật sự đẫm mồ hôi. Tôi cố để giữ một gương mặt nghiêm trang cho đến khi rời khỏi tòa nhà và lái xe đi - nhưng không thể lâu hơn thế.

Một tràng cười mới lại nổ ra buổi chiều đó khi một người thư ký đến vào lúc 2 giờ 30 phút với một bức điện tín khẩn từ Đại sứ quán Mỹ. Nội dung thật là ngắn gọn:

DARRELL WILLIAMS SẼ HẠ CÁNH Ở FORNEBU NGÀY MAI LÚC 2H30 CHIỀU VÀ SẼ NGAY LẬP TỨC ĐƯỢC ĐƯA VỀ CĂN HỘ CỦA ANH TA STOP CẢM ƠN VÌ SỰ HỢP TÁC NÀY VÀ MỘT LẦN NỮA XIN TẠ LỖI VỀ SỰ HIỂU LẦM STOP GEORGE ADAMS

Theo cách mà mọi việc đang diễn tiến, cơn bức bối của tôi trước việc Williams biến mất giờ đã thực sự chuyển thành niềm vui. Trong tôi lòng tôi vui sướng như con trẻ và hết sức tự hào vì tôi đã bắt Đại sứ quán Mỹ hùng mạnh phải nhượng bộ. Ngay lúc đó, cô thư ký của tôi bước vào với một điện tín khẩn khác. Không chút bối rối, tôi hỏi luôn liệu có phải nó cũng đến từ đại sứ quán không, nhưng cô trả lời là nó đến từ cảnh sát Thụy Điển. Tôi hỏi hả mở ngay bức điện tín. Nội dung của nó dài hơn cái của Đại sứ quán Mỹ, và kịch tính hơn rất nhiều:

SARA SUNDQVIST ĐƯỢC ĐƯA ĐẾN MỘT ĐỒN CÁNH SÁT NHỎ Ở SALEN THÁNG HAI 1944 STOP ĐỒN TRƯỞNG HANS ANDERSSON VẪN CÒN LÀM VIỆC VÀ NHỚ NHIỀU CHI TIẾT STOP ĐÃ GẶP HARALD OLESEN VÀ CHÂN NAI NHƯNG KHÔNG BIẾT TÊN NGƯỜI NÀY STOP ANDERSSON YÊU CẦU ANH ĐẾN SALEN SỚM NHẤT CÓ THỂ STOP SỞ CÁNH SÁT STOCKHOLM THỤY ĐIỂN.

Tôi nhìn đồng hồ và nhận thấy mình cần bốn đến năm tiếng để đến được

Salen, đã quá trễ để lái xe đến đó rồi quay lại trong ngày hôm nay. Thế nên tôi vội vã soạn một điện tín hồi đáp xác nhận tôi sẽ đến Salen khoảng trưa mai. Sau đó tôi gọi cho Patricia để xem liệu cô có lời khuyên nào dành cho tôi hay không.



Cuộc gặp chiều hôm đó ở tòa Bạch Ốc kéo dài không quá một tiếng - dù tính luôn một bữa ăn ba món xuất sắc gồm súp hành, cá hồi và kem gạo. Có chút cảm giác như thể chúng tôi đang ăn mừng vụ án sắp kết thúc. Tuy nhiên, không khí còn xa mới được gọi là tung bừng. Như tôi đã hy vọng, Patricia bật cười trước cuộc gặp gỡ mới đây và hiệu quả hơn hẳn giữa tôi và ngài lãnh sự, nhưng nhanh chóng tỏ ra cực kỳ nghiêm túc.

“Thôi, chúng ta hãy hy vọng rằng trực giác của anh đã đúng và Darrell Williams không phải là kẻ sát nhân. Bằng không, sẽ khó lòng tránh được một vụ bê bối công khai.”

Một miếng khoai tây mắc nghẹn trong cổ họng tôi.

“Tôi nghĩ đã có thể khẳng định rằng anh ta không phải là hung thủ. Tôi đã bắt đầu tự hỏi một cách nghiêm túc liệu Darrell Williams có phải là hung thủ khi anh ta được đại sứ quán giúp đỡ để rời Na Uy. Nhưng nếu vậy thì chắc hẳn họ khó mà đồng ý đưa anh ta trở lại ngay lập tức...”

Patricia tư lự nhai một miếng cá hồi.

“Đây là một tình huống hơi mạo hiểm. Nếu đúng là Darrell Williams đã gây ra vụ án mạng nhưng vẫn quay lại thì anh ta thật sự là một đối thủ lạnh lùng, và có quá nhiều thứ cho thấy anh là một đối thủ mạnh. Giờ đây đại sứ quán đã tin tưởng anh và anh cũng tin tưởng họ. Mưu kế thành công của anh ngày hôm nay ít nhiều đã đánh trúng một trong những giả thiết còn lại lúc này, theo đó ông Harald Olesen đã bị ám sát bởi Darrell Williams vì những thông tin cũ và những thứ phải được giữ bí mật. Điều này lại củng cố ấn

tượng do quyền nhật ký mang lại, rằng tình huống đã được giải quyết và những giấy tờ đã được đốt trước khi ông Harald Olesen bị giết. Nhưng tòa đại sứ ắt hẳn đã không đánh giá đúng mức tình huống này khi tin rằng việc Darrell Williams biến mất sẽ không gây ra nhiều sự chú ý tiêu cực. Một giả thiết khác là họ đã biết về những xung đột cũ giữa anh ta với ông Harald Olesen và lo rằng anh ta có thể đã thực sự giết hại ông ta để trả thù. Chúng ta không thể hoàn toàn loại bỏ khả năng này, đúng không?”

Trong một thoáng tôi mất hết cảm giác ngon miệng và đẩy phần cá hồi ngon tuyệt còn lại qua một bên. Thật không may, chúng tôi không thể hoàn toàn loại bỏ khả năng này, và đó sẽ là một kịch bản rất phiền phức, đặc biệt với sự thể hiện của tôi tại đại sứ quán hôm nay. Tôi tự trấn an mình với suy nghĩ rằng nếu Darrell Williams chính là kẻ sát nhân, tình huống sẽ phiền phức hơn nhiều đối với tòa đại sứ. Hầu như mọi thứ tôi đã phát biểu hay tiến hành trong quá trình điều tra đều có thể được giải thích với công chúng và cấp trên của mình. Tuy nhiên, phải nói rằng việc bị cáo buộc qua mặt tòa đại sứ của một đồng minh lớn nhất của Na Uy không phải là một ý nghĩ hay ho. Tôi nhanh chóng trả lời với Patricia rằng khả năng này khó có thể xảy ra, và cô rầu rĩ gật đầu.

“Có một vài giả thiết khác liên quan các đối tượng tình nghi khác, mà vào lúc này tôi thấy hợp lý hơn. Nhưng giả thiết này vẫn không phải là bất khả. Hy vọng chúng ta ở một vị trí tốt hơn để đánh giá việc này vào tối mai - nếu như anh có thể, trong thời gian từ đây đến đó, làm rõ xem liệu Chân nai có phải là Williams hay không.”

Patricia đẩy cái đĩa của cô ra và nghiêng người về phía tôi.

“Hơn hết thảy, có hai việc mang tính quyết định mà anh phải cố gắng làm rõ ở Thụy Điển. Đầu tiên, hãy ghi chép mọi chi tiết liên quan đến Sara Sundqvist và chuyện có thể đã xảy ra với cha mẹ cô ta. Và thứ đến, hãy tìm mọi chi tiết có thể tìm được về Chân nai, nhằm giúp chúng ta phát hiện danh tính của người này. Giờ đây rốt cuộc chúng ta cũng đã được xác nhận về sự tồn tại của người này và đã tìm thấy ai đó đã từng gặp mặt đương sự, sẽ rất

thú vị khi biết chuyện này sẽ dẫn đến đâu.”

Chúng tôi nâng ly vì điều đó và ăn món kem gạo trong sự yên lặng dễ chịu. Trước khi tôi về, Patricia yêu cầu tôi gọi cho cô từ Salen để xem liệu cô ấy có thể giúp được gì và đến đây ngay khi tôi về lại Oslo. Tôi vui vẻ hứa sẽ làm như vậy. Tôi không muốn phải thừa nhận, nhưng thật là đáng sợ khi nghĩ đến viễn cảnh hiện tại của cuộc điều tra. Nếu không có nhãn quan của Patricia, việc tôi có xoay xở để tự mình tìm ra cách thức kẻ sát nhân hành động được hay không vẫn là một câu hỏi mở. Một nỗi lo lắng nhỏ từ từ nhen lên trong lòng tôi, liên quan đến việc Patricia muốn vinh danh vai trò của cô ở mức độ nào, nhưng cho đến giờ cô ấy chưa từng nói điều gì cho thấy nhu cầu được công chúng thừa nhận.

Điều chi phối chủ yếu cho đến nay vẫn là mong muốn tìm ra kẻ sát nhân. Tôi tìm lại những cảm xúc phấn khích của lần đi săn thỏ đầu tiên khi còn trẻ, và cảm nhận hơn bao giờ hết cái hấp lực đầy ám ảnh của việc bập cồng vào cỗ tay kẻ bí ẩn đã tước đi mạng sống của cả ông Harald Olesen lẫn Konrad Jensen mà không hề bị bắt gặp. Bởi vì ông Konrad Jensen cũng đã bị giết hại, tôi không còn nghi ngờ gì việc đó nữa. Thật đáng hổ thẹn khi nghĩ đến việc tôi đã chống lại lý lẽ của Patricia lâu đến như vậy.

Trước khi về, tôi nói với cô là tôi sẽ ghé qua tòa nhà đó kiểm tra một lần nữa trước khi lái xe đến Salen. Cô gật đầu tán thành. Hoàn toàn hợp lý khi yêu cầu những cư dân tại đó chuẩn bị sẵn sàng để được thăm vấn từ chiều thứ Sáu cho đến cuối tuần. Tuy nhiên, cô khuyên tôi không nói cho họ biết tôi đi đâu trong thời gian đó. Bất kỳ tiết lộ nào nhắc đến Thụy Điển hoặc Salen đều có thể đánh động một hoặc nhiều người tại đó. Chúng tôi chia tay với tinh thần phấn chấn, đầy mong đợi lạc quan về những gì ngày mai sẽ đem tới.



Chuyến tuần tra tối đến số 25 phố Krebs không có gì đáng chú ý. Tòa nhà dường như chìm trong yên ắng trước cơn bão. Chỉ còn sự sống ở bốn trong số bảy căn hộ, thế nên tôi không tốn quá nhiều thời gian. Mưa đang rơi nặng hạt bên ngoài và không khí bao trùm xám xịt nặng nề.

Bà vợ ông gác đan đang ở trong căn hộ của mình ở tầng hầm và tỏ vẻ nhẹ nhõm khi nghe tin Darrell Williams đang trên đường quay về. Bà hứa sẽ ghi chép lại khi anh ta về đến nhà. Ngoài ra, bà hầu như đáp ‘vâng’ cho mọi câu hỏi của tôi. Tòa nhà giờ thật yên tĩnh.

Andreas Gullestad mở cửa gần như ngay lập tức lúc tôi bấm chuông, với nụ cười như mọi khi, rồi mời tôi dùng cà phê và bánh ngọt. Anh ta nói đã thấy hơi lo lắng về chuyến viếng thăm của tôi vào sáng nay và việc đèn trong căn hộ Darrell Williams không sáng lên tối nay. Gullestad cảm ơn tôi khi tôi nói cho anh ta biết Williams sẽ trở về ngày hôm sau và cam đoan với tôi rằng anh ta sẽ ở đây chờ các cuộc thẩm vấn cuối cùng trong dịp cuối tuần. ‘Dù sao thì tôi cũng ít khi đi đâu vào cuối tuần’, anh ta nói thêm với tiếng cười khúc khích vui vẻ. Câu nói nghe có vẻ rất quen thuộc, nhưng phải vài phút sau tôi mới nhận ra Patricia đã nói y như thế vài ngày trước.

Vợ chồng nhà Lund tiến ra cửa cùng nhau khi tôi bấm chuông và đồng thanh tuyên bố rằng họ không có gì để khai thêm. Cả hai đều tỏ ra nhẹ nhõm khi tôi nói với họ rằng cuộc điều tra có lẽ sẽ sớm kết thúc, và họ hứa sẽ ở nhà suốt dịp cuối tuần. Họ cũng báo cho tôi biết họ không dám giữ cậu con trai nhỏ tại nhà nữa, nên đã gửi thằng bé đến nhà ông bà ngoại tại Baerum để chơi lễ Phục sinh. Kristian Lund đang trong tâm trạng khá vui vẻ. Anh ta đã tìm được một luật sư cho rằng anh ta đang có lợi thế trong vụ di chúc. Chị vợ gật đầu đồng ý, nhưng nói thêm rằng điều quan trọng nhất là họ vẫn còn có nhau và còn cậu con trai nhỏ. Kristian Lund khi đó nói với giọng đồng dục, rành mạch rằng anh ta rất ân hận vì đã phản bội vợ mình, và rằng anh ta sẽ không bao giờ gặp lại Sara Sundqvist nữa. Vợ anh ta âu yếm vòng tay qua eo và hôn má chồng. Họ có vẻ hạnh phúc, và tôi thật sự muốn tin như vậy. Nhưng tôi chưa thể tin họ hoàn toàn. Trong cuộc điều tra này, họ đã nói dối

quá nhiều và đã không nói ra sự thật từ sớm.

Chuyến viếng thăm cuối cùng là căn hộ của Sara Sundqvist. Cô mở hé cửa, dây xích an toàn vẫn còn cài. Nhưng khi nghe tiếng tôi, cô tháo xích và ôm tôi một cách nồng nhiệt. Sara rõ ràng đang căng thẳng. Đôi tay cô run rẩy, và tim cô đập dồn: tôi có thể cảm nhận điều đó qua lớp vải mỏng của chiếc váy cô mặc. Cô hứa sẽ ở nhà suốt dịp cuối tuần và không có gì mới để nói với tôi. Một lần nữa, tôi thật sự muốn tin cô nhưng cũng không còn dám chắc bất cứ điều gì liên quan đến cô nữa.

Tuy nhiên, chuyến thăm của tôi đã kết thúc đầy kịch tính khi Sara Sundqvist túm lấy tôi và chỉ ra ngoài cửa sổ.

“Anh có thấy người mặc áo khoác dài màu tối ở dưới vỉa hè kia không?” Cô hỏi.

Tôi bắt đầu nhìn về hướng tay cô chỉ và quả thật, trong cái bóng của tòa nhà kế cận, có một người mặc áo khoác đi mưa có mũ trùm. Cho dù ánh sáng khá yếu, chiếc áo rõ ràng có màu xanh dương. Đó có thể là một người đàn ông hoặc một người phụ nữ cao, nhưng khó mà nói chính xác do bóng tối và màn mưa.

Sara Sundqvist hoặc vô cùng sợ hãi hoặc giả vờ cực giỏi. Có vẻ như việc tôi cũng trông thấy người lạ bí ẩn mặc áo khoác đi mưa kia khiến cô nhẹ nhõm hẳn.

“Cảm ơn Chúa vì chuyện này không phải chỉ là do tôi tưởng tượng. Có lẽ đây đơn thuần là một sự trùng hợp. Nhưng cũng hơi lạ vì... người này đã đứng đó chiều nay trong vài giờ. Tôi không sai khi đề cập việc này với anh, đúng không?”

Tôi lắc đầu trấn an cô. Đúng là đáng kiểm tra. Đó có thể đơn giản chỉ là một người của tòa nhà kế bên đang tình cờ đứng chờ ở đó, một ký giả hoặc một độc giả quá khích. Nhưng đúng là lạ lùng khi nhân vật kia đã đứng đó trong vài tiếng - và hơn hết, lại mặc một cái áo khoác đi mưa màu xanh.

Người lạ đang đứng yên khi tôi nhìn lần cuối qua cửa sổ cùng với Sara. Nhưng lúc tôi lao ra đường sau lời chào từ biệt vội vã, lối vào của tòa nhà kế

bên đột nhiên trống không. Tôi liếc nhanh theo cả hai hướng và thấy một bóng người mặc áo che mưa có mũ trùm đang nhanh chóng đi tới trạm xe buýt gần nhất. Tôi đoán đó là một phụ nữ hoặc một người đàn ông đeo chân. Thúc giục bởi suy nghĩ rằng có thể tôi vừa bắt gặp Chân nai, tôi vội đuổi theo. Người trước mặt tôi đã nhận ra điều đó và co chân chạy hết tốc lực. Vừa lúc đó, chiếc xe buýt ghé trạm. Người mặc áo che mưa đuổi theo chiếc xe buýt, còn tôi đuổi theo người đó. Khi rút ngắn khoảng cách, tôi chắc chắn người chạy trước tôi là một phụ nữ. Giây lát sau, cuộc truy đuổi kết thúc trong hỗn loạn khi cô ta bắt kịp chiếc xe và tôi bắt kịp cô ta.

Chiếc xe buýt tiếp tục chạy mà không có người phụ nữ mặc chiếc áo che mưa màu xanh dương. Một giây trước khi cô ta hất cái mũ trùm xuống và xin lỗi rồi rít, tôi nhận ra cô ta là ai. Mái tóc dài sáng màu của Cecilia Olesen xỏ ra.

Chị ta xin lỗi vì đã bỏ chạy, và vì đã đứng bên ngoài tòa nhà 25 phố Krebs, nhưng chuyện đó hoàn toàn không có gì sai trái, chị ta cam đoan với tôi. Buổi đọc di chúc và cuộc đối thoại giữa chúng tôi ngày hôm qua đã nhen nhóm lại những cảm xúc và kỷ niệm xưa. Cecilia không cảm thấy bình yên ở nhà nữa, nên đã nhờ một người bạn đến trông cô con gái trong buổi tối. Và chị đứng đó một mình bên vệ đường, mặc kệ cơn mưa, mắt chăm chú nhìn vào tòa nhà với hy vọng sẽ thấy được bóng dáng của Darrell Williams. Chị càng lúc càng lo âu hơn khi mấy tiếng đã trôi qua mà căn hộ vẫn chìm trong bóng tối. Rồi chị bắt đầu hoảng sợ khi tôi bước ra và bắt đầu đuổi theo. Do trời tối nên chị chỉ nhận ra tôi khi chúng tôi va vào nhau cạnh xe buýt. Cecilia cam đoan mình chưa từng vào bên trong tòa nhà, dù là hôm nay hay đâu đó trong năm nay, dù có hay không mặc áo khoác đi mưa, chiếc áo mà chị khẳng định đã có từ nhiều năm.

Tôi bảo chị đừng quay lại vào ngày mai và hứa sẽ nói Darrell Williams liên lạc với chị sau này nếu anh ta vô tội. Cecilia bất ngờ ôm tôi và vẫy tay đầy biết ơn trước khi bước lên chuyên xe buýt tiếp theo. Nước mưa nhỏ giọt trên tóc tôi khi tôi đi bộ trở lại xe để lái về nhà. Tôi có cả một chặng đường

dài và một cuộc đối thoại rất hấp dẫn đang chờ ở ngày điều tra thứ chín. Trước chuyến đi của tôi đến Thụy Điển, hình ảnh của tất cả những người hàng xóm còn sống vẫn đang nằm trên mọi lá bài, cùng với một lá Joker của nhân vật Chân nai bí ẩn.

NGÀY THỨ CHÍN



THEO DẤU BÓNG MA ĐÈO CHÂN THỜI CHIẾN

Vào thứ Sáu Tuần thánh ngày 12 tháng 4 năm 1968, ngày làm việc của tôi bắt đầu sớm hơn thường lệ. Lúc 8 giờ kém 10, tôi đã ở văn phòng và nhẹ người khi không nhìn thấy lời nhắn nào. Đúng 8 giờ, tôi ra xe, sẵn sàng cho hành trình đơn độc đến Thụy Điển. Tôi chạy xe ngang qua số 25 phố Krebs, nơi mọi thứ dường như vẫn yên bình. Nhưng tôi thực sự cảm thấy có chút gì đó bồi hồi khi rời Oslo.

Quãng đường tôi đi qua cứ trôi dần với một tốc độ ổn định. Xe cộ không nhiều và các con đường đều sạch tuyết trước khi tôi đi lên vùng núi. Tuyết đang tan, nhưng hai bên con đường đến Trysil là một phong cảnh mùa đông tuyệt đẹp của Na Uy. Chốt kiểm soát nơi biên giới với Thụy Điển chỉ là hình thức. Một cán bộ hải quan chào và vẫy cho xe qua mà không cần thủ tục gì ngay khi anh ta thấy đó là một chiếc xe cảnh sát. Không còn bất kỳ lính gác nào ở cả hai phía Na Uy và Thụy Điển. Tôi chợt nghĩ việc kiểm soát này chắc hẳn phải nghiêm ngặt và đáng sợ hơn nhiều đối với những người rời bỏ đất nước Na Uy bị chiếm đóng vì lo sợ cho mạng sống của mình trong thời chiến tranh. Thật là một cảm giác kỳ lạ khi đi tìm những dấu vết đã tan biến từ lâu trên mặt tuyết của một người dẫn đường bí ẩn cùng hai người tị nạn mất tích khoảng hai mươi bốn năm về trước.

Khi đã ở trên đất Thụy Điển, tôi lái xe hàng dặm mà không thấy bóng dáng con người. Rồi đột nhiên, một đồn cảnh sát xuất hiện sau góc cua. Mới hơn 1 giờ chiều. Trên con đường nhánh có gắn dấu hiệu của cảnh sát, và hai chiếc xe cảnh sát Thụy Điển không thể lẫn vào đâu được đang đậu bên ngoài. Đồn này gần giống với một tư gia hai tầng nhiều hơn, và nằm dưới chân sườn dốc của một thung lũng dài.

Đồn trưởng Hans Andersson đã bố trí sẵn cà phê và bánh ngọt chờ tôi trong phòng làm việc. Ông gần giống như những gì tôi đã hình dung: một

người đàn ông lục tuần tóc muối tiêu, thấp hơn tôi cỡ nửa cái đầu và có vẻ đậm người hơn tôi. Lưng ông vẫn thẳng, đôi mắt vẫn sáng, cái bắt tay rất chặt và nụ cười thân thiện. Nhưng giọng của ông nhẹ nhàng hơn tôi tưởng, và câu nói đầu tiên của ông càng gây bất ngờ hơn nữa.

“Mừng anh đã đến đây. Tôi luôn cảm thấy dễ chịu khi được một người đồng hương ghé thăm.”

Ông cười rinh rích trước sự ngạc nhiên của tôi và giải thích. “Trước đây, tôi là Hans Andersen, đến từ Na Uy - tôi bắt đầu được huấn luyện ở đó. Nhưng rồi tôi đã gặp một cô gái trẻ tuyệt đẹp trong một dịp nghỉ lễ Phục sinh và cuộc đời tôi đã xoay chuyển thành ra thế này... Tôi đã được huấn luyện để trở thành cảnh sát ở Gothenburg và phục vụ tại đây từ lúc đó.”

Ông nhanh nhẹn nghiêng người về phía tôi và hạ giọng khi nói tiếp.

“Mọi chuyện không phải lúc nào cũng dễ dàng. Sự tan rã của liên minh chỉ mới diễn ra vài thập kỷ trước và những thế hệ già hơn vẫn giữ một thành kiến không nhỏ đối với những người Na Uy. Cha vợ tôi đã nói ngay rằng ông có thể chấp nhận một người Na Uy là con rể, nhưng không thể chấp nhận cháu mình mang họ Na Uy. Vì thế Hans Andersen trở thành Hans Andersson.”

Ông ngừng lời và trầm ngâm nhai một cái bánh nhỏ.

“Mọi việc trở nên tốt đẹp hơn trong một thời gian, nhưng rồi chiến tranh nổ ra và mọi thứ lại phức tạp. Trong hai năm đầu của cuộc chiến, đã có một sự đồng tình đáng kể với người Đức và một niềm tin vững chắc rằng họ sẽ giành chiến thắng. Có lẽ anh đã biết ngoại trưởng Halvdan Koht của Na Uy đã đến Salen vào năm 1940 chỉ để được bảo rằng ông ấy không được chào đón ở đây, và nhà vua có nguy cơ bị bỏ tù nếu tới Thụy Điển.”

Tôi gật đầu và ra hiệu cho ông nói tiếp. Tôi nhận ra rằng có thể đây sẽ là một cuộc đối thoại dài và hấp dẫn.

“May mắn thay, tâm lý đó nhanh chóng thay đổi trong khoảng từ năm 1942 đến 1943. Tin tức về những vụ hành hình và bắt bớ ở Na Uy thu hút sự chú ý nhiều hơn. Càng ngày càng rõ người Đức đang ở vào thế chống đỡ.

Những mệnh lệnh ban bố từ Stockholm yêu cầu những người tị nạn từ Na Uy phải được đón tiếp và chăm sóc tốt. Chúng tôi đã áp dụng một cách tiếp cận đầy thực tiễn cho tình huống này. Những người tị nạn đầu tiên sẽ được đăng ký tại đây, ở tầng trệt. Sau đó họ sẽ được đưa lên phòng khách trong căn hộ của tôi trên lầu để ăn mừng với cà phê và thức ăn. Nhiều lần chúng tôi để họ ngủ lại qua đêm ở một trong số những phòng dành cho khách. Có rất nhiều khoảnh khắc tuyệt vời, tôi tin chắc anh có thể hình dung được. Một số trong những người hạnh phúc nhất mà tôi từng thấy trong đời mình, tôi đã gặp họ ở phía ngoài tòa nhà này trong thời chiến tranh.”

“Ông có nhớ lần đầu tiên gặp ông Harald Olesen là khi nào không?”

Ông gật đầu và mỉm cười.

“Tôi nhớ ngày tháng đó rất rõ vì đó là hôm trước đêm Giáng sinh năm 1942. Họ đã đi bộ suốt đêm và xuống đến phía bên này của thung lũng chỉ vừa sau bữa ăn sáng. Chúng tôi chỉ mới vừa bắt đầu trang trí cây thông Noel khi họ đến. Rất lâu sau này tôi mới biết tên thật của ông ấy là gì. Trong chiến tranh; ở phía Thụy Điển ông được gọi là Mất ung. Cái tên đó được lấy từ một quyển sách về người Da đỏ và rất hợp với ông. Khuôn mặt nhìn nghiêng của ông Harald Olesen giống với một con chim ung và ông có tầm nhìn tốt hơn hầu hết mọi người. Lúc đó ông cũng gần năm mươi tuổi rồi nhưng trông trẻ hơn tuổi nhiều. Sau này tôi đã nghĩ về việc đó - các bí danh có lẽ khá là lộ liễu mặc dù chúng tôi cũng ít khi dùng chúng. Cái tên Mất ung rất khớp với Harald Olesen, và Chân nai thì rõ là phù hợp với người bạn đồng hành của ông ấy. Tôi từng một lần đề cập việc này với ông Harald Olesen nhưng ông chỉ mỉm cười bảo rằng không ai có thể nghi ngờ Chân nai điều gì hết; và rằng thực ra cái tên ‘Chân mèo’ có lẽ còn hay hơn. Điều đó là đúng. Về nhiều mặt, Chân nai rõ ràng là một thiếu niên đáng chú ý. Cậu ấy có đôi chân rất dẻo. Cả mùa hè lẫn mùa đông, Chân nai đều đi như lướt trên mặt đất, và chúng tôi thường đùa rằng cậu ta sẽ không bao giờ để lại dấu vết nào ngay cả trên lớp tuyết vừa rơi. Trước đó và ngay cả sau này, tôi cũng chưa từng bao giờ thấy một người nào có thể nhún nhảy nhẹ nhàng trên tuyết như

Chân nai. Cậu ấy luôn giống như được gắn lò xo, sẵn sàng nảy lên. Như một võ sĩ quyền anh hạng lông, nếu anh hiểu tôi muốn nói gì.”

Tôi đã từng xem vài trận quyền anh và biết chính xác điều ông muốn nói. Tôi cũng nhanh chóng hiểu ra Hans Andersson không phải là một người kể chuyện mau lẹ và có thiên hướng cường điệu hóa.

“Rất hấp dẫn. Lần đầu ông gặp ông Harald Olesen, có Chân nai ở đó không?”

Ông gật đầu hơn hờ.

“Có chứ, cả hai người bọn họ, và những lần sau cũng vậy. Đó là một câu chuyện thú vị. Đối với tôi, Harald Olesen luôn là một người đàn ông rất thông minh và có năng lực. Tôi không hề ngạc nhiên khi ông ấy trở thành thành viên của nội các sau chiến tranh. Nhưng là một thành viên của phong trào Kháng chiến, ông ấy chỉ có đúng một điểm yếu mà luôn có cách khắc phục, bởi vì ông ấy ý thức rất rõ về nó. Ông ấy đã nói cho tôi biết khi đến đây lần thứ ba hoặc thứ tư, và rõ ràng tôi chưa từng nhận ra nó. Harald Olesen hầu như không có khả năng định hướng. Nếu ông ấy đi lên núi một mình với những người tị nạn, họ có thể sẽ không bao giờ tìm được đường ra. Ông ấy thường gọi Chân nai là bản đồ và la bàn của mình. Theo như tôi hiểu, Chân nai nắm rõ vùng núi này từ trước chiến tranh và cũng có khả năng định hướng rất tốt.”

Ông dừng lại và lịch sự chờ tôi ghi chép xong. Tôi sột ruột ra dấu cho ông kể tiếp.

“Có rất nhiều người tị nạn đã được hưởng lợi từ khả năng định hướng không-thể-sai-sót của Chân nai, và họ vô cùng biết ơn. Chúng tôi kéo cao lá cờ ở đây mỗi ngày như một tín hiệu kín đáo cho bất kỳ người tị nạn nào có thể băng qua biên giới. Sự phấn khích vỡ òa nhiều lần khi họ xuống đến bên này của thung lũng, thấy lá cờ và nhận ra rằng cuối cùng họ đã tới được Thụy Điển an toàn. Tôi đặc biệt nhớ rõ lần đầu tiên, bởi vì một trong số những người tị nạn mà họ đưa đi cùng có tuổi đời rất trẻ. Đó là vào năm 1942, cậu ấy mới chỉ mười sáu tuổi. Chính cậu ta cho tôi biết điều đó khi

quay lại đây mười năm sau cùng với vợ con để cảm ơn và tặng quà cho chúng tôi.”

Tôi gật đầu, nhận ra một người quen. Đó là một câu chuyện cảm động, nhưng tôi đã từng nghe rồi. Rõ ràng anh ta cũng chính là người tị nạn đã được hai vợ chồng ông gác đan che giấu dưới tầng hầm của tòa nhà tại Oslo nơi ông Harald Olesen bị bắn chết sau này. Có cảm giác chúng tôi đang nóng dần lên và Chân nai sẽ sớm xuất hiện.

“Câu chuyện rất hấp dẫn, nhưng tôi muốn biết thêm một số chi tiết về người Chân nai này. Theo những gì tôi hiểu thì ông chưa bao giờ biết tên thật của anh ta. Nhưng có những chi tiết nào khác mà ông có thể nói cho tôi biết về nhân vật này? Ví dụ như tuổi tác, quê quán, hay đại loại như thế. Và liệu anh ta có ngữ âm giọng Mỹ hay không?”

Hans Andersson lắc đầu một cách nuối tiếc.

“Chân nai nói tiếng Na Uy không lẫn ngữ âm nào khác và theo như tôi có thể nhớ được thì cũng không lẫn bất kỳ thổ ngữ nào. Cậu ấy có thể đến từ bất kỳ đâu ở phía đông Na Uy. Chân nai kín đáo và ít khi nói về bản thân. Nhưng tôi đã tìm thấy một tấm hình cũ của cậu ấy.”

Tôi ngậy người nhìn ông đứng dậy, đến bên bàn giấy và lấy một tấm hình đen trắng từ trong một ngăn kéo, với vẻ mặt gằn giống như một sự ngưỡng mộ.

“Tôi không nhớ đã chụp hình, nhưng chúng tôi ắt phải làm lúc đó. Tấm hình được cậu tị nạn trẻ tuổi đưa cho tôi khi cậu ta quay lại nhiều năm sau đó, và tôi lại lôi nó lên một lần nữa sau khi nhận được điện tín của anh. Tấm hình này chắc là được chụp vào ngày 23 tháng 12 năm 1942. Người tị nạn trẻ đứng bên tay phải và Chân nai bên tay trái.”

Ông lật sấp tấm hình ẩn chứa bí mật và đẩy nó qua bàn.

“Có lẽ anh sẽ hiểu những gì ông Harald Olesen ngụ ý khi nói rằng sẽ không ai nghi ngờ Chân nai điều gì - và tại sao tôi nói rằng cậu ấy là một thiếu niên đáng chú ý.” Ông bình phẩm với nụ cười láu lỉnh.

Tôi nhanh chóng lật ngửa tấm hình và lập tức hiểu ra hàm ý của ông. Giả

thiết Darrell Williams là Chân nai có thể đẹp được rồi.

Trong tấm hình ố vàng của ngày 23 tháng 12 năm 1942, anh chàng tị nạn tóc sẫm là một thanh niên mười sáu tuổi cực kỳ hạnh phúc và tươi tắn. Rõ ràng anh ta chưa trưởng thành, nhưng trong hình vẫn là người cao hơn. Có một tia sáng lóe lên từ mặt dây chuyền bạc đeo trên cổ của Chân nai, nhưng gương mặt cậu ta hoàn toàn vắng bóng nụ cười. Ánh nhìn chăm chăm của cậu hướng vào máy ảnh từ bên dưới lớp tóc mái đen nhánh nom rất tập trung và nghiêm nghị. Vào tháng 12 năm 1942, Chân nai là một cậu bé gầy còm, đen nhẻm và thậm chí chưa có râu. Tôi đoán tuổi cậu ta tối thiểu mười ba và tối đa mười lăm.

Ông Hans Andersson mỉm cười trong thoáng chốc trước sự ngạc nhiên của tôi và tiếp tục nói trước khi tôi kịp đặt câu hỏi.

“Tôi không biết Chân nai tên là gì, đến từ đâu và bao nhiêu tuổi. Lần đầu tiên tôi hỏi tuổi, cậu ấy chỉ cười và đùa rằng mình mới mười tuổi và to xác so với tuổi. Tôi chưa bao giờ nhận được một câu trả lời chính xác sau đó. Chân nai phồng phao thêm một chút trong những năm tôi biết cậu ấy, nhưng tôi không nghĩ cậu ấy có thể lớn hơn mười sáu tuổi vào lần cuối tôi gặp cậu, hồi mùa đông năm 1944.”

Ông bước đến bên tôi và chỉ vào tấm hình.

“Tôi chưa bao giờ thấy cậu ấy không đeo cái mặt dây chuyền này. Hình như đó là một cái bùa mà cậu ấy luôn đeo. Anh có thể thấy gương mặt cậu ấy nghiêm túc và già dặn đến như thế nào trong hình. Đó là những gì mà chúng tôi dễ thấy nhất. Cậu ấy bị ảnh hưởng nặng nề khi lớn lên trong chiến tranh, nhưng đôi khi cậu ấy cũng có một gương mặt trẻ con và vui vẻ hơn. Đó không phải là một người dễ nắm bắt.”

Tôi tin ngay điều đó. Chân nai chắc chắn không phải là một người dễ nắm bắt và càng khó bắt giữ. Trong tấm hình, các đường nét trên khuôn mặt cậu rất mờ nhạt và không nhắc tôi nhớ đến bất kỳ người nào tôi từng gặp cho đến nay trong cuộc điều tra này. Điều này chỉ làm tôi bức bối hơn, vì tôi càng lúc càng có cảm giác rằng cậu bé nghiêm nghị trong tấm hình từ năm 1942 này

về mặt nào đó đang nắm giữ chìa khóa giải mã vụ sát hại ông Harald Olesen hiện giờ, vào năm 1968. Tôi dừng một lúc để nghĩ đến một câu hỏi quan trọng.

“Ấn tượng của ông về mối quan hệ giữa hai người họ - ông Harald Olesen và Chân nai, là gì?”

Hans Andersson trầm ngâm gật đầu.

“Một câu hỏi hay - tôi cũng thường tự hỏi về điều đó. Vào năm 1942 và 1943, đó dường như là một mối quan hệ tốt đẹp kiểu cha-con. Tôi thậm chí từng nghe Chân nai nói về ông Harald Olesen như một người cha vài lần, và ông ấy mỉm cười chấp nhận như vậy. Nhưng rõ ràng Chân nai không phải là con trai của Harald Olesen. Ông ấy từng nói với tôi một lần là buồn thay ông ấy không có con, điều này cũng được xác nhận trên báo chí sau khi ông mất. Tôi nghĩ rằng có lẽ trong thời kỳ chiến tranh đó, Chân nai giống như là cậu con trai mà ông ấy luôn ước ao có được. Do vậy tôi hình dung Chân nai là đứa trẻ mồ côi, đặc biệt khi cậu ấy không bao giờ kể về gia đình mình. Nhưng dĩ nhiên cũng có thể là do cậu ấy cần trọng.”

Mặc dù còn rất trẻ, dường như Chân nai đã rất giỏi che đậy các dấu vết của mình sau chiến tranh. Điều này hé mở những mối liên hệ trực tiếp với kẻ sát nhân bí ẩn năm 1968.

“Vậy là lần cuối cùng ông thấy Chân nai ở đây là vào mùa đông năm 1944. Có phải đó cũng là lúc cô Sara Sundqvist đến đây?”

Ông ta gật đầu lần nữa nhưng đột nhiên sầm mặt lại.

“Vâng, nhưng để nghe câu chuyện đó, anh cần phải ra ngoài với tôi.”

Không đợi câu trả lời, Hans Andersson đứng lên, vớ lấy cái ống nhòm trên bàn và đi theo hành lang ra cửa chính. Tôi cầm lấy quyển sổ tay và nói gót ông.



Hans Andersson và tôi đứng kế nhau nhìn lên sườn thung lũng vẫn còn phủ đầy tuyết.

“Cái thung lũng này tuyệt đẹp vào những ngày thời tiết tốt như hôm nay, nhưng những ngọn núi có thể là địa ngục khi những cơn bão tuyết quét qua,” ông nói.

Tôi gật đầu đồng tình với hy vọng rằng ông sẽ tiếp tục. Tôi càng lúc càng nôn nóng muốn nghe thêm về những trải nghiệm chiến tranh của nhân vật Chân nai trẻ tuổi, về Sara Sundqvist và số phận của cha mẹ cô. Ông Andersson có lẽ cũng nhận ra và bắt đầu nói.

“Anh sẽ được nghe câu chuyện ngay thôi, nhưng cái thung lũng và thời tiết thực sự là những yếu tố rất quan trọng. Như anh có thể thấy, lối đi ở đằng kia cực kỳ dốc.”

Ông hoàn toàn không nói quá. Con đường chính chạy xuống triền thung lũng dốc như một đường trượt tuyết và kết thúc ở một vách đá nhỏ cao gần 5 mét. Sườn núi lỏn nhổn đá dăm lộ ra dưới lớp tuyết trắng. Hans Andersson chỉ vào đó và nói với giọng cảnh báo.

“Đó là con đường từ núi đi xuống nhanh nhất, nhưng chọn nó cũng đồng nghĩa với đối mặt trước sự sinh tử. Khi tuyết dày nhất, anh có thể nhảy xuống từ cái vách đó nếu anh biết cách tiếp đất. Nhưng ngay cả như thế thì nó vẫn là con đường rất nguy hiểm. Có người đã nói rằng đó là một trong những lí do đầu tiên khiến một đồn cảnh sát được xây dựng ở đây để đảm bảo rằng không một gã thanh niên nông cuồng nào thử sức với nó. Lần đầu tiên ông Harald Olesen và Chân nai tới đây ngay trước khi họ về, tôi đã thấy Chân nai nhìn chăm chăm vào cái vách đá đó như thể bị mê hoặc. Tôi đã mau mắn nói rằng cậu ta không bao giờ được thử nhảy từ trên đó xuống, trừ phi bị ma dòn quỷ ép và ở trong một tình thế hiểm nghèo. Cậu ta trầm ngâm gật đầu và hứa với tôi sẽ không làm thế.”

Hans Andersson im lặng một lúc, rồi chỉ tay lên phía trên cao sườn núi.

“Người ta vẫn xuống núi từ trên kia. Trong chiến tranh, đó luôn là nơi tôi quan sát thấy những nhóm nhỏ người tị nạn đi xuống, dẫn đầu là ông Harald

Olesen và Chân nai. Mỗi lần như vậy là một lần thở phào nhẹ nhõm. Khi xuất hiện ở trên kia tức là họ đã sang được đất Thụy Điển, và mọi nguy hiểm đã qua. Chúng tôi từng nói họ đi nhanh hết mức có thể ở Na Uy và đi chậm rãi tùy theo ý muốn ở Thụy Điển. Đoạn đường cuối cùng đi xuyên qua những cánh rừng trên kia đơn giản là một cuộc diễu hành chiến thắng. Chân nai luôn luôn đi đầu để dẫn đường.”

Con đường đi xuống nơi mà triền thung lũng ít dốc nhất, xuyên qua những cánh rừng. Ngay cả một người đã kiệt sức và không quen trượt tuyết cũng có thể đi xuống theo lối đó mà không có bất kỳ nguy cơ tai nạn nào. Tôi nôn nóng chờ đợi để biết địa hình tại đây có liên quan như thế nào với câu chuyện. May mắn thay, ông Hans Andersson đã nhanh chóng bắt đầu câu chuyện của mình.

“Chúng tôi hầu như đã quen với những nhóm người tị nạn vào những năm cuối cùng của chiến tranh. Mọi thứ đều tốt đẹp cho đến lúc đó, nên chúng tôi có lẽ đã hơi mất cảnh giác. Tôi có một người chú sống ở Elverum, ngay trên lộ trình mà người tị nạn đi qua và giúp chúng tôi tổ chức mọi chuyện. Ông sẽ gọi tôi khi thấy những người tị nạn đi ngang qua, và bằng cách nói về những công việc gia đình và đồng áng, ông sẽ gửi một thông điệp để cho chúng tôi biết ai đang đi trên đường, cũng như có bao nhiêu người trong nhóm. Khi đó chúng tôi sẽ chuẩn bị thức ăn, đồ uống và chờ họ đến. Những thông điệp đó dĩ nhiên đều được mã hóa, phòng khi điện thoại bị nghe trộm. Nhưng rồi trong nhiều năm sau này, tôi cứ bị ám ảnh suốt vì đây là cách mà thảm kịch bắt đầu.”

Ông đứng đó một lúc và buồn bã quan sát triền núi. Rồi ông nói tiếp, nhưng không hề vội vã.

“Ngày 20 tháng 2 năm 1944, trời vừa sẩm tối thì chú tôi gọi, với thông điệp là cha con Chân nai vừa đi qua với hai cái bị lớn và một bị nhỏ. Điều đó có nghĩa là ông Harald Olesen và Chân nai đi cùng hai người tị nạn trưởng thành và một đứa trẻ. Chưa đầy một giờ sau, chú tôi gọi lại và báo có một bầy sói sáu con vừa lao qua cửa sổ. Thế là cơn ác mộng kinh khủng nhất của

chúng tôi đã thành hiện thực. Ông Harald Olesen và Chân nai đang ở ngoài kia cùng với những người tị nạn, và một nhóm tuần tra của quân Đức đang theo dấu bọn họ.”

Tốc độ nói của ông Hans Andersson chậm dần. Những hồi ức mạnh mẽ rõ ràng đang đè nặng lên ông.

“Và rồi...” tôi móm lời.

“Và rồi cơn bão tệ hại nhất của mùa đông năm đó bắt đầu quét qua,” ông nói với khuôn mặt nặng trĩu. “Tôi đã dậy từ 5 giờ sáng hôm đó, nhưng vẫn thức đến tận 4 giờ đêm. Tôi đi ra ngoài vài lần để quan sát bằng ống nhòm nhưng không thể thấy bất cứ thứ gì trên ngọn núi, trong bóng đêm và cơn bão tuyết. Cơn bão là một con dao hai lưỡi. Thời tiết có thể gây khó khăn cho những kẻ bám đuôi họ, nhưng đồng thời sẽ là địa ngục trần gian khi ở ngoài đó với bọn lính Đức theo đuôi, đặc biệt là với một đứa trẻ đang kêu khóc. Trong đêm tối, chỉ gió và cái lạnh cũng đã đủ nguy hiểm rồi. Khi lên giường đi ngủ vào lúc 4 giờ, tôi đã chắc mẫm lần gặp ông Harald Olesen và Chân nai trước đó là lần cuối tôi được thấy họ. Vợ đánh thức tôi dậy lúc 10 giờ sáng để nói cho tôi biết rằng gió đã ngớt, nhưng vẫn không có dấu hiệu sống nào trên triền núi. Tôi gằn như từ bỏ hy vọng từ lúc đó.”

Hans Andersson không nói thêm gì nữa trong một khoảnh khắc dài như cả giờ đồng hồ. Ông cứ đứng đó nhìn đăm đăm lên triền núi.

“Tôi vẫn nhớ rõ từng chi tiết của buổi sáng ngày 21 tháng 2 năm 1944. Gió đã ngừng thổi hoàn toàn được vài giờ. Bầu trời xanh ngắt và không khí trong lành, nhưng vẫn cực kỳ lạnh và khô - nhiệt kế khi đó chỉ âm 25 độ. Thế nên tôi ngồi chờ trong văn phòng với hy vọng tắt dần. Tôi chưa bao giờ thực sự tin vào Chúa, nhưng khoảng 2 giờ chiều hôm đó, tôi đã chứng kiến điều được gọi là sự hiển linh của Chúa. Tôi đột nhiên cảm thấy mình phải đi ra ngoài cho bằng được để kiểm tra xem có bất kỳ dấu hiệu chuyển động nào trên triền núi hay không. Không thể ngồi lại trong văn phòng sau cảm giác thôi thúc đó, tôi chộp lấy cái ống nhòm và đi ra ngoài.”

Ông đưa cho tôi cái ống nhòm và nói với giọng quả quyết: “Hãy nhìn lên

đỉnh của triền núi.”

Tôi làm như ông nói. Thời tiết trong trẻo nhưng tôi vẫn không thấy dấu hiệu của bất kỳ người nào trên đó. Ông gật đầu.

“Triền núi này vẫn chết chóc y như vào cái ngày lạnh lẽo khủng khiếp tháng 2 năm 1944 ấy. Thế rồi bỗng nhiên tôi thấy một chuyên động khẽ qua ống nhòm. Hóa ra nó chỉ là một con thỏ. Nhưng nó có vẻ rất hoảng sợ và đang chạy trốn khỏi điều gì đó. Tôi tự hỏi liệu trên kia có thêm động tĩnh nào không. Tiếp đó, một bầy gà gô bay vụt lên trời. Rồi thành linh người đó xuất hiện và trượt xuống từ đỉnh núi trong cái lạnh thấu xương. Một con người đơn độc trên hai thanh ván trượt - và người đó di chuyển rất nhanh, giống như bị ma đuổi vậy!”

“Harald Olesen ư?” Tôi hỏi. Đột nhiên cái khả năng tàn nhẫn là chỉ có ông ta và cô Sara bé nhỏ là hai người sống sót duy nhất vụt lóe lên trong suy nghĩ của tôi.

Hans Andersson lắc đầu.

“Đầu tiên tôi cũng nghĩ như thế. Nhưng tôi nhận ra vẻ thoãn thoắt của đôi chân ngay cả trước khi tôi có thể quan sát cậu ấy rõ ràng qua ống nhòm. Đó là Chân nai đang lướt như bay xuống trên biển tuyết trắng.”

Tôi ghé sát cái ống nhòm vào mắt và gần như có thể hình dung Chân nai đang trượt tuyết từ trên đỉnh núi xuống triền thung lũng. Tôi nín thở chờ nghe tiếp phần còn lại của câu chuyện, khi ông thực sự muốn nói tiếp.

“Lúc đầu, tôi hy vọng có thể thấy ông Harald Olesen và những người tị nạn khác xuất hiện phía sau Chân nai. Và rồi tôi bắt đầu sợ rằng cơn ác mộng tồi tệ nhất đang nhắm vào chúng tôi và rằng bọn lính Đức với mong muốn bắt được người dẫn đường đã vượt biên giới sang đất Thụy Điển. Một nỗi sợ cũ đã thức dậy. Trong những năm đầu của chiến tranh, chúng tôi đã bàn luận xem cần phải làm chuyện quái quỷ gì trong tình huống như thế, nhưng chưa bao giờ tìm được một giải pháp tốt hơn ngoài việc lập tức gọi báo cho Stockholm. Tôi còn nhớ mình đã nghĩ rằng bọn chúng sẽ sớm xuất hiện, nếu chúng muốn giữ cậu ấy trong tầm bắn. Nhưng không có ai xuất

hiện sau lưng cậu ấy hết, cả bạn lẫn thù. Bình thường thì người dẫn đường sẽ đến cùng với một nhóm nhỏ, nhưng lần này Chân nai không dẫn đường cho ai hết. Và cậu ấy vẫn tiếp tục lao đi với tốc độ như của một nhà vô địch môn trượt tuyết đồ dốc. Tôi không thể hiểu nổi chuyện đó và bắt đầu lo rằng có thể cậu ấy đã lú lẫn. Đặc biệt khi tôi nhận ra cậu ấy định chọn con đường nào.”

Tôi hạ thấp ống nhòm xuống, trở mắt nhìn ông già. Ông gật đầu và chỉ tay về phía vách đá.

“Cảm giác nhẹ nhõm của tôi khi trông thấy Chân nai đã nhanh chóng nhường chỗ cho nỗi tuyệt vọng khi chứng kiến cậu ấy lao nhanh về vách đá. Sẽ rất mạo hiểm nếu cố nhảy xuống từ trên đó vào cuối tháng 2. Lớp tuyết che phủ ở phía cao trên triền núi mỏng dần khi xuống thấp và lớp đá sỏi từ từ lộ ra. Có họa là điên thì Chân nai, trong tình trạng kiệt sức sau khi vượt qua những ngọn núi và với cặp ván trượt không phù hợp kia, mới dám thử làm điều đó. Tôi cố vẫy tay ra hiệu cho cậu ấy dừng lại, nhưng cậu ấy đã huy động hết sức mạnh và tốc độ cho cú nhảy.”

Không thấy ai trên triền núi hay tại vách đá ngày hôm nay, nhưng khi tôi lắng nghe câu chuyện, tôi có thể hình dung rõ ràng cảnh Chân nai lao qua rìa vách đá.

“Đó là khoảnh khắc kinh hãi nhất trong đời, khi đứng ở đây nhìn cậu ấy quăng mình qua rìa của vách đá. Ban đầu, trông cứ như thể cậu ấy đang lao thẳng vào những hòn đá. Nhưng cậu ấy bật nhảy trên cặp ván trượt và chúi người về phía trước trong khi bay vút lên cao. Hai thanh ván lướt qua những tảng đá lớn cuối cùng. Chân nai đáp xuống an toàn trên tuyết và tiếp tục cúi người cho đến khi chậm lại, đứng thẳng lên, rồi dùng sức đẩy của đôi chân để lao tới đây nhanh nhất có thể. Tôi tưởng cậu ấy đã mất trí. Nhưng khi có thể nhìn rõ mặt cậu ấy trong ống nhòm, tôi thấy trên đó không có dấu hiệu gì của vẻ sợ hãi hay hoảng hốt, có chăng chỉ là một sự quyết tâm điên rồ để xuống tới chỗ chúng tôi càng sớm càng tốt. Khi đã xuống đến thung lũng, cậu ấy lướt như bay. Hai cánh tay cậu ấy chuyển động nhanh đến nỗi anh

nhìn thấy cũng phát sợ.”

Ông đột ngột ngừng lời và lắc đầu.

“Vẫn không thể tin được là tôi không hiểu chuyện gì xảy ra lúc đó. Còn anh?”

Tôi chậm rãi lắc đầu, thậm chí không suy nghĩ về việc đó.

“Tôi vẫn không hiểu gì hết khi Chân nai xuống đến đây, chỉ còn cách tôi vài mét. Và rồi thế giới xung quanh tôi ngừng lại khi cậu ấy lôi từ bên trong chiếc áo trùm đầu của mình ra một đứa bé bất động, được quấn trong một cái khăn quàng cổ và một cái áo len.”

Tôi nhìn xuống tuyết một lúc và phải thừa nhận với bản thân rằng, cũng như ông, tôi đáng lẽ phải nhận ra. May mắn thay, ông ấy lập tức tiếp tục.

“Nếu có một sự kiện gây ấn tượng sâu sắc mà cả đời tôi không bao giờ quên, thì chính là chuyện này. Chân nai vỗ hai phát lên má của đứa bé, nó không có bất kỳ phản ứng nào, nhưng cậu ấy vẫn không từ bỏ hy vọng. “Vẫn còn hơi ấm trong cô bé,” cậu ấy nói như vậy với một giọng bình tĩnh lạ thường. Rồi cậu ấy đưa đứa bé cho tôi và bảo tôi nhúng ngay nó vào nước ấm. Tôi vẫn còn tê liệt và đứng đó không nhúc nhích trong vài giây. Chân nai lặp lại một lần nữa với giọng lớn hơn rằng tôi phải lập tức nhúng cô bé vào trong nước ấm. Nghe như một mệnh lệnh vậy. Nhưng chỉ đến khi cậu ấy vươn tay định giành lại đứa bé thì tôi mới tỉnh ra và đem nó chạy lên cầu thang.”

Bất chấp tính nghiêm trọng của tình hình, một nụ cười rộng mở lướt qua gương mặt của ông Hans Andersson.

“May mắn thay, vợ tôi mới vừa tắm xong cho con trai chúng tôi. Anh có thể hình dung những gì cô ấy nghĩ đến khi tôi bước vào với một đứa bé khác và nhúng luôn nó vào nước, quần áo còn nguyên. Nhưng vợ tôi nhanh chóng hiểu ra tình hình và cố hô hấp nhân tạo cho đứa bé. Trong vài phút, không có dấu hiệu nào của sự sống. Thế rồi một bàn tay nhỏ xíu co lại. Và cô bé bắt đầu khóc.”

“Vậy là cô bé Sara đã sống sót xuống núi?” Tôi nói.

Ông già trịnh trọng gật đầu.

“Sara bé nhỏ đã sống sót xuống núi nhưng chỉ là trong đường tơ kẽ tóc. Người bác sĩ đến khám cho cô bé đã nói rằng chỉ chậm năm phút nữa thôi là không cứu được nữa. Nhưng tôi tin vợ tôi hơn, cô ấy nói rằng thậm chí hai phút nữa thôi cũng đã là quá trễ.”

“Chân nai đã phản ứng như thế nào?” tôi hỏi.

Hans Andersson chỉ tay vào lớp tuyết sát bên tường nhà.

“Cậu ấy nằm ngửa ngay trên tuyết tại chỗ đó, hoàn toàn kiệt sức, và vẫn thở rất nặng nhọc khi tôi quay ra. Chỉ đến khi đó tôi mới hoàn toàn hiểu rõ việc trượt tuyết băng qua những ngọn núi tốn sức như thế nào. Tuy vậy, Chân nai thư thái lạ thường và tỉnh táo. Khi tôi hỏi liệu cậu ấy có cầu Chúa hay không, cậu ấy thì thào rằng mình không còn tin vào Chúa nữa. Và khi tôi nói rằng đứa trẻ sẽ sống, cậu ấy chỉ gật đầu nói khẽ rằng rốt cuộc điều đó đem lại ý nghĩa cho tấn bi kịch. Chân nai nằm dài trên tuyết thêm vài phút nữa nhưng rồi nhanh chóng hồi phục trở lại sau một cốc cà phê nóng. Tôi nói đùa rằng cậu ấy không bao giờ được phép nghĩ đến việc nhảy xuống từ vách đá đó một lần nữa. Với một nụ cười thoáng qua, cậu ấy đáp rằng mình không có dự định làm như thế. Nhưng rồi Chân nai trầm giọng nói tiếp rằng đó là vấn đề giữa sự sống và cái chết và cậu thật sự bị ma dòn quỷ ép. Cậu ấy cảm thấy tự tin với phần đầu của quãng đường, vì nghe được tiếng đứa trẻ khóc và cảm thấy cử động của nó. Nhưng ở giai đoạn tiếp theo, cậu chỉ nghe thấy những tiếng thút thít nho nhỏ, và rồi không nghe được gì nữa. Cô bé vẫn nằm áp vào bụng của Chân nai và cậu ấy có thể cảm thấy cô bé đang lạnh đi. Chân nai nhanh chóng nhận ra mối nguy hiểm và trượt tuyết như ma đuổi để đưa cô bé đến nơi an toàn càng sớm càng tốt.”

Hans Andersson cau mày và nhìn quanh.

“Tôi, vợ mình và người bác sĩ đến khám đều nói rằng Chân nai đã thực sự làm một hành động anh hùng. Ông bác sĩ đã gọi đó là một thử thách sức bền kiểu Birkebein mới. Tôi không hiểu ông ta nói vậy nghĩa là gì, và đã phải tìm trong một quyển sách lịch sử để khám phá câu chuyện về việc những

người ủng hộ nhà vua Sverre hộ tống hoàng tử bé Haakon đi qua núi vào mùa đông năm 1206. Nhưng ngay khi nghe ông bác sĩ nói như vậy thì Chân nai chỉ cười và đáp rằng thật ra hồi xưa có một nhóm mấy người Birkebein[*] cơ, nên ít nhất họ cũng có thể luân phiên giữ đứa bé. Điều này cùng với những lời bình luận khiêm nhường khác của cậu ấy càng củng cố ấn tượng trong tôi rằng Chân nai xuất thân trong một gia đình khá giả và được hưởng một sự giáo dục tốt.*”

Nghe có vẻ là một suy luận hợp lý. Sự hiếu kỳ của tôi đối với Chân nai là rất lớn nhưng vào lúc đó nó lại bị lấn át bởi sự tò mò của tôi về người đồng hành của cậu ta.

“Còn ông Harald Olesen? Việc gì đã xảy ra với ông ta? Rõ ràng là ông ta vẫn còn sống.”

Hans Andersson gật đầu.

“Khi Chân nai hồi phục, tôi nhẹ cả người khi cậu ấy nói với tôi rằng ông Harald Olesen vẫn sống sót và đang trên đường băng qua ngọn núi. Họ bị kẹt trong một tình cảnh hết sức ngặt nghèo trên kia. Ba tên lính Đức đã quay về khi cơn bão quét qua dữ dội, nhưng ba tên còn lại vẫn tiếp tục. Sau khi trú qua đêm trên núi để tránh bão tuyết; hai bên đã có một cuộc đọ súng; kết quả là ba tên lính Đức và hai người tị nạn đều chết. Ông Harald Olesen đã ở lại phía sau để chôn cất họ trong khi Chân nai đem theo cô bé đi trước. Cậu hy vọng rằng ông Harald Olesen có thể tìm được đường đến đây bằng cách lần theo dấu của cậu. Đúng là ông ấy đã làm được và đến nơi sau Chân nai ba hay bốn giờ. Rõ ràng ông ấy đã đi chậm hơn và chọn lối đi ít nguy hiểm hơn xuyên qua những cánh rừng. Câu chuyện của ông ấy cũng y hệt như Chân nai đã kể. Khi cơn bão dịu xuống vào lúc mặt trời mọc; họ đã bị kẹt trong một trận đọ súng và ông đã xoay sở để bắn chết ba tên lính Đức; nhưng không thể bảo vệ hai người tị nạn khỏi bị trúng đạn. Ông đã đặt năm thi thể trong một cái hang rồi theo dấu của Chân nai. Tôi đã làm một báo cáo ngắn gọn về sự việc và liên lạc với Stockholm. Theo như những gì tôi hiểu; cuộc đấu súng đã diễn ra bên phía lãnh thổ Na Uy và Stockholm sớm từ bỏ mối

quan tâm khi họ biết không có công dân Thụy Điển nào bị liên lụy.”

Có một khoảng lặng ngắn trước khi ông Hans Andersson tiếp tục.

“Tôi hôm đó; đứa trẻ đã khỏe lại và bò quanh trên tấm thảm cùng với cậu con trai của chúng tôi. Nhìn nó tôi thấy thật ấm lòng. Nhưng không khí lại nặng trĩu. Ông Harald Olesen và Chân nai ngủ đêm trong hai phòng riêng. Cả hai đều có vẻ rối trí. Tôi tự nhủ việc đó không có gì lạ, căn cứ trên những gì họ đã trải qua. Tôi đánh liều hỏi liệu họ có cho rằng trở lại Na Uy ngay là khôn ngoan hay không, nhưng họ đều cương quyết nói sẽ lên đường sau bữa sáng hôm sau. Nhưng tôi còn bị một cú sốc nữa trước khi họ ra đi.”

Tôi bám sát từng lời của ông với sự chú ý đặc biệt.

“Tôi chứng kiến việc đó một cách hoàn toàn ngẫu nhiên. Lúc mở một cửa sổ ở tầng trên để hắt nước cạo râu đi thì tôi thấy ông Harald Olesen và Chân nai. Họ đã đi ra ngoài và đứng dựa lưng vào tường ngay chỗ góc nhà. Tôi không thể nghe rõ họ nói những gì nhưng nhanh chóng nhận ra rằng đó là một cuộc đối thoại căng thẳng. Khi bản thân đã từng là một thiếu niên và có những đứa con vào tuổi đó, chắc chắn anh sẽ trải qua một vài màn đối đầu căng thẳng. Nhưng đó vẫn là một trong những cuộc đối thoại kịch tính nhất mà tôi từng thấy. Chân nai, người bình thường vốn rất bình tĩnh, lại bất ngờ giận dữ không kiềm chế được. Cậu ta giơ một ngón tay đe dọa chỉ vào mặt ông Harald Olesen, tay kia co thành nắm đấm vung vẩy lung tung, miệng nói liên hồi và gằn giọng như một khẩu súng máy. Ông Harald Olesen ngược lại hầu như không nói từ nào. Ông dựa vào tường, mặt cắt không còn hột máu và run rẩy đến nỗi tôi sợ rằng ông ấy sẽ ngất đi bất kỳ lúc nào. Đó thật sự là một cảnh tượng không thể tin được. Tôi chưa từng thấy hai người họ như vậy trước đây. Khi tôi chào tạm biệt họ nửa tiếng sau, mọi thứ lại bình thường như cũ. Chân nai lại nở nụ cười tinh nghịch và đùa giỡn với cô bé con một lúc trước khi đi. Chuyện đó khiến tôi tự hỏi phải chăng điều tôi đã thấy là một giấc mơ lạ thường. Nhưng không phải vậy. Một khi họ đã đi khỏi, tôi tiến lại chỗ bức tường. Rõ ràng vẫn còn những dấu vết cho thấy họ đã ở đây, và dấu giày của ông Harald Olesen còn lún sâu trong tuyết.”

Tôi gật đầu. Việc Chân nai nổi giận và đe dọa ông Harald Olesen có vẻ khá phù hợp với những gì diễn ra hai mươi bốn năm sau đó.

“Đó có phải là lần cuối cùng ông gặp cả hai người họ?”

Hans Andersson gật đầu.

“Phải - có thể nói là gần như thế. Không ai trong số họ quay lại đây trong chiến tranh và tôi không nhìn thấy hay nghe nói đến Chân nai từ đó. Nhưng tôi có gặp ông Harald Olesen vài năm sau chiến tranh. Lần đó tôi đến thăm gia đình ở Oslo khi ông ấy đang có bài phát biểu tại thành phố. Tôi đến nói chuyện với ông sau đó.

Ông nhận ra tôi và cảm ơn tôi về tất cả sự giúp đỡ trong chiến tranh, nhưng ông ấy rõ ràng đang rất bận và không sẵn lòng để trò chuyện. Nhiều năm qua tôi thường tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với Chân nai, thế nên tôi cố gắng hỏi. Nhưng ông ấy chỉ lẩm bảm rất khẽ rằng đó là một câu chuyện buồn. Rồi ông ấy cáo từ vì phải đến một nơi nào đó và vội vã đi ngay.”

Chúng tôi im lặng trong một lúc. Rõ ràng là ông Harald Olesen không muốn nhắc đến chuyến đi thăm họa lẫn người dẫn đường của mình, và chắc chắn ông ấy phải có lý do mới làm như thế. Tôi đã suy nghĩ nát óc để cố hiểu xem đó có thể là gì, cũng như ai là người biết rõ hơn về chuyện đó và Chân nai ngoài ông Olesen quá cố.

“Anh chàng tị nạn đi cùng với Chân nai và ông Harald Olesen vào năm 1942 - ông có biết chúng tôi có thể tìm người đó ở đâu không?”

Hans Andersson lắc đầu một cách tiếc nuối.

“Cậu ta là con trai của một người Áo tị nạn và tên là Helmut Schmidt. Lần cuối cùng tôi hay tin về Helmut thì cậu ta sống ở Vienna, nhưng tôi không nghĩ anh sẽ thu được gì nhiều từ phía đó. Helmut không đi cùng họ trong cái đêm ấy, và khi cậu ta quay lại đây sau chiến tranh, cậu ta không biết Chân nai tên thật là gì, hay đang ở đâu. Helmut nói rằng cậu ta sẵn sàng đi đến cùng trời cuối đất tìm Chân nai để thể hiện lòng biết ơn của mình. Cậu ta không bao giờ quên cái đêm giá lạnh và tối đen như mực đó khi Chân nai đã dẫn lối cho mình an toàn vượt qua núi để đến với tự do. Họ đã lên đường

cùng nhau sau khi Helmut được thả xuống từ một chiếc xe ở một con đường thôn quê gần Elverum. Chân nai từ đâu đó xuất hiện trên cặp ván trượt tuyết. Không thể biết cậu ấy đến từ đâu.”

Tôi nguyên rủa trong im lặng. Bực làm sao, nhân vật Chân nai này thực sự không chỉ giỏi trong việc dẫn đường mà cả trong việc xóa dấu vết.

Hans Andersson và tôi đứng đó không nói gì trong vòng vài phút, nhìn lên triền núi tuyết phủ trong im lặng. Không nghi ngờ gì nữa, chúng tôi đều nghĩ rằng câu chuyện lạ thường về những nỗ lực trong chiến tranh của chàng Chân nai trẻ tuổi về mặt nào đó rất quan trọng đối với vụ sát hại ông Harald Olesen, nhưng không dễ để tìm ra nó quan trọng đến thế nào. Việc Chân nai có còn sống hai mươi bốn năm sau hay không và anh ta đang ở đâu trên trái đất này vẫn là một bí ẩn chưa giải đáp được. Ít ra tôi cũng bắt được một hành tung thoáng qua của nhân vật bí hiểm này tại đây ở Salen, để rồi lại mất dấu anh ta lần nữa. Chân nai, với đôi chân dẻo dai như thường lệ, đã đi ngược trở lên triền núi phủ tuyết đó vào một ngày lạnh giá năm 1944, và mọi dấu vết của anh ta dừng lại tại đó.

Tôi và Hans Andersson nhìn nhau. Ông hiểu những gì tôi đang nghĩ và chỉ tay về phía con đường xuyên núi.

“Chân nai đi sau ông Harald Olesen một quãng khi họ khởi hành vượt núi trở về Na Uy vào buổi sáng hôm đó. Tôi đã đứng đây với chiếc ống nhòm và quan sát cho đến khi cậu ấy khuất dạng trên đường. Tôi không biết điều gì xảy đến cho cậu ấy sau đó, nhưng tôi vẫn tự hỏi mình mỗi năm khi tôi đứng đây và nhìn thấy những dấu hiệu đầu tiên của mùa xuân.”

Tôi hứa sẽ cho ông biết nếu có thêm thông tin về Chân nai, rồi hỏi thăm chuyện xảy ra với cô Sara Sundqvist sau đó.

“Đó cũng là một câu chuyện buồn, mặc dù dĩ nhiên việc cô bé được cứu sống là một điều kỳ diệu. Đó là một cô bé con rất dễ thương và hay chơi đùa vui vẻ trên sàn với con trai tôi trong vài tuần lễ sau đó. Vợ chồng tôi hay nói về việc nhận nuôi cô bé, nhưng rồi điều đó đã không xảy ra. Theo những thông tin mà ông Harald Olesen cung cấp về cha mẹ cô ấy, rõ ràng họ không

chỉ là người tị nạn, mà còn là dân Do Thái. Cha vợ tôi khi nghe điều này đã nổi giận đùng đùng. Thế nên chúng tôi đã từ bỏ ý định giữ cô bé lại và gửi Sara đến một văn phòng nhận con nuôi ở Gothenburg. Điều này đã làm chúng tôi vô cùng đau lòng. Trong nhiều năm trời chúng tôi hoàn toàn không biết chuyện gì đã xảy ra với Sara bé nhỏ. Nhưng có vẻ như cô ấy đã được chăm sóc bởi những người tử tế, và bất chấp một khởi đầu khó khăn, mọi chuyện giờ đây đã trở nên tốt đẹp với cô ấy.”

Đột nhiên tôi cảm thấy tim mình bị bóp nghẹt bởi một mối nghi ngờ lạnh lẽo và vội hỏi xem làm sao ông biết chuyện đó. Lần này câu trả lời của ông ngắn gọn và mau mắn.

“Bởi vì Sara đã đến đây, và tôi cũng đã kể cho cô nghe câu chuyện này. Chắc cũng phải được vài năm rồi. Rõ ràng đó là lần đầu tiên cô nghe đến tên cha mẹ mình và được kể cho biết mình đã đến Gothenburg như thế nào. Dĩ nhiên cô ấy rất quan tâm đến ông Harald Olesen, và đặc biệt là Chân nai.”

Ông già nhận ra có gì đó không ổn và ném cho tôi một cái nhìn thắc mắc.

“Tôi đã gọi trụ sở chính để kiểm tra trước khi kể cho Sara nghe bất cứ điều gì. Nhưng họ cũng có cùng ý kiến như tôi: cô ấy có quyền được biết những gì chúng ta biết về câu chuyện của cô. Nó đã xảy ra rất lâu rồi, và không liên quan đến bất kỳ vụ án hình sự nào trên đất Thụy Điển, chắc chắn là như thế.”

Tôi khó lòng phản bác, nhưng điều đó không thể ngăn được cảm giác giận dữ và bất an đang trào lên trong lòng tôi. Sara Sundqvist một lần nữa lại nói dối tôi - và khám phá lần này hoàn toàn không có lợi cho cô ta.

Tôi nói rằng ông đã làm đúng, để ông thanh thản. Rồi tôi không chần chừ hỏi ngay liệu tôi có thể mượn văn phòng của ông để gọi một cuộc điện thoại quan trọng về Oslo.



Khi quay số, tôi hình dung Patricia đang ngồi một mình chờ đợi bên điện thoại tại tòa Bạch Ốc. Đúng như tôi nghĩ, cô trả lời sau tiếng chuông thứ hai và lắng nghe một cách hào hứng phiên bản rút gọn của câu chuyện mà ông Hans Andersson đã kể với tôi. Tôi hơi buồn khi cô đoán đứa trẻ đã ở trong áo khoác của Chân nai rất lâu trước khi cậu ta trượt xuống núi, mặc dù cậu ta tồn tại thời gian hơn hẳn trong phiên bản của tôi so với phiên bản của ông Hans Andersson. Việc cô Sara Sundqvist đi trước chúng tôi và đã đến tận đây rồi cũng chẳng gây nên một sự ngạc nhiên lớn lao nào nơi Patricia.

Đầu dây bên kia im lặng một lúc sau khi tôi kết thúc câu chuyện. Rồi Patricia lại khai hỏa.

“Chúc mừng anh đã có những bước tiến tốt trong cuộc điều tra. Vậy ra Chân nai là một người lính trẻ con với những cơn bột phát cảm xúc nghiêm trọng trong chiến tranh, người có lẽ đã bị tổn thương vì những ký ức đáng sợ và có một mối hận thù sâu sắc với ông Harald Olesen. Một khởi điểm mạnh mẽ không thể chối cãi. Nhưng chúng ta vẫn không được mặc nhiên xem anh ta là kẻ sát nhân. Tôi chỉ có một câu hỏi cho ông Hans Andersson. Ông ấy có bao giờ nhìn thấy loại súng mà Chân nai và ông Harald Olesen sử dụng hay không?”

Lẽ ra bản thân tôi phải nhớ hỏi ông ta điều này. Tôi đặt ống nghe xuống và cúi gằm mặt đi vào phòng bên cạnh để hỏi Hans Andersson. Non một phút sau, tôi quay lại điện thoại.

“Không. Ông ấy luôn cho rằng ít nhất ông Harald Olesen có mang vũ khí, và Chân nai có thể cũng có, nhưng chưa bao giờ trông thấy khẩu súng nào và cũng không hỏi họ về chuyện đó. Vậy nên chúng ta không biết liệu họ có vũ khí hay không, và nếu có thì họ sử dụng loại nào.”

Tiếng thở dài của Patricia có thể nghe thấy rõ mồn một từ Oslo.

“Dĩ nhiên là họ có vũ khí. Sẽ cực kỳ khác thường nếu chiến thắng một cuộc đọ súng với ba tên lính Đức mà bản thân không có súng. Do Hans Andersson chưa từng thấy khẩu súng nào, có thể đoán rằng họ đem theo súng ngắn hoặc một thứ tương tự. Nhưng câu hỏi triệu đô chính là về loại

súng họ dùng. Ông Hans Andersson mà biết thì anh đã có thể bắt hung thủ ngay tối nay. Nhưng hiện giờ trên thực tế có một số khả năng, mặc dù một trong số đó có triển vọng cao nhất. Chúng ta sẽ làm việc ngoài giờ tối nay nhưng tôi hy vọng có thể động viên anh với viễn cảnh một cuộc bắt giữ ngày mai. Anh hãy tới đây ngay khi về đến Oslo và tôi sẽ yêu cầu Benedikte chuẩn bị một bữa tối nhẹ nhàng. 8 giờ tối chắc là được chứ?”

Tôi đồng ý và chúng tôi cúp máy cùng lúc. Tôi cảm ơn ông Hans Andersson về sự giúp đỡ và hứa sẽ cập nhật các diễn biến mới cho ông, sau đó vội vã ra xe.

Chuyến băng qua biên giới trở lại Na Uy không gặp phải trở ngại nào, nhưng tôi vẫn rất hoang mang. Rõ ràng Sara Sundqvist sẽ gặp khó khăn trong việc giải thích. Giờ thì cô ta đã có một động cơ trả thù rõ ràng hơn nhiều, căn cứ trên việc cô ta đã biết ông Harald Olesen có mặt ở đó khi cha mẹ cô chết, dù vẫn chưa rõ liệu ông ta có chịu trách nhiệm cho chuyện đó hay không. Tôi phân chấn hơn trước việc Patricia rõ ràng đang xem xét một số khả năng trong đó nhân vật Chân nai bí hiểm kia có thể là hung thủ.

Việc Chân nai chính là người đàn ông trong chiếc áo khoác đi mưa màu xanh dương là một khả năng lớn. Tuy nhiên, tôi cảm thấy việc bắt giữ ai đó vẫn còn khá xa vời. Danh tính và nơi ở của Chân nai hiện nay vẫn còn chưa được biết, khi giờ đây đã rõ người đó không thể là Darrell Williams. Khía cạnh tích cực của việc này là tôi có thể thư giãn, do nguy cơ của một vụ bê bối công khai và một sự đối đầu mới với Đại sứ quán Mỹ đã hoàn toàn tan biến.

Chỉ đến khi đi được nửa quãng đường giữa Trysil và Elverum thì trong đầu tôi mới nghĩ ra việc khám phá tuổi của Chân nai có thể dẫn đến một nhân vật chính mới mà trước giờ vẫn ở trong phạm vi điều tra. Tác động của việc này mạnh đến nỗi suýt nữa tôi cùng chiếc xe đã lao xuống một rãnh nước. Mặc dù nôn nóng quay về Oslo thật nhanh, tôi vẫn dừng xe bên đường và xem lại những ghi chép của mình. Tôi đột nhiên không nhớ ra người cháu trai Joachim của ông Harald Olesen năm nay bao nhiêu tuổi. Sự căng thẳng

tăng lên khi tôi nhìn trong hồ sơ hộ tịch và nhận ra anh ta trẻ hơn chị mình mười tám tháng tuổi. Anh ta được sinh vào tháng 7 năm 1928.

Vào tháng 2 năm 1944, Joachim Olesen khoảng 15 tuổi. Điều này rất phù hợp với mối quan hệ thân thiết giữa anh ta và ông Harald Olesen vào thời điểm đó. Mối quan hệ này về sau rõ ràng đã trở nên lạnh nhạt, điều này có vẻ hợp lý nếu ông Harald Olesen đã cư xử tồi tệ với cháu mình vào mùa đông năm 1944. Joachim Olesen có thể muốn trả thù cho bản thân mình và cả cho chị anh ta nữa. Hơn thế nữa, anh ta là người có thể được hưởng thừa kế. Và buổi đọc di chúc đã cho thấy anh ta nóng nảy và dễ thay đổi tính khí như thế nào.

Tôi nhận ra rất có khả năng mặc dù chữ 'C' trong nhật ký của ông Harald Olesen là để ám chỉ 'Chân nai', và trên thực tế chính người cháu trai của ông đứng sau bí danh này. Việc Joachim Olesen ra mặt trong một số tình huống khác không có nghĩa anh ta không phải là người mặc áo đi mưa màu xanh dương mà Andreas Gullestad đã trông thấy. Và cũng thật phù hợp khi chiếc áo đó đã được tìm thấy ở số 25 phố Krebs vào buổi tối đêm xảy ra án mạng. Sẽ khó mà gán tầm quan trọng cao hơn cho việc người chị gái của anh ta cũng có gần như cùng một kiểu áo khoác đi mưa màu xanh dương. Nhưng tôi chợt nghĩ rất có thể là hai chị em đã mua cùng một dạng kiểu áo mưa, mặc dù chị ta không để ý.

Tuy nhiên, một vấn đề thực tế không-hề-nhỏ vẫn là bằng cách nào Joachim Olesen đã xoay sở để vào và ra khỏi tòa nhà trong đêm xảy ra án mạng mà không bị nhìn thấy. Nhưng do mọi chi tiết khác đều có vẻ rất phù hợp, tôi cảm thấy vấn đề đó có thể được giải quyết bằng cách chẳng hạn như anh ta thông đồng với bà vợ ông gác đàn hoặc một người hàng xóm khác. Tương tự như vậy, trong vụ giết hại ông Konrad Jensen, tôi nghĩ hoàn toàn có khả năng Joachim Olesen đã tìm được cách lén vào và ra khỏi tòa nhà mà không bị bắt gặp, có thể là vào lúc sáng sớm hoặc khi bà vợ ông gác đàn ra ngoài đi chợ.

Khi qua khỏi Hamar, tôi gần như đã bị thuyết phục, và khi gần đến Oslo,

tôi phải cố gắng ngăn mình lái xe thẳng đến gặp Joachim để thăm vấn. Nhưng vấn đề thực tế kia vẫn tồn tại, nghĩa là tôi vẫn phải giữ cái hẹn ăn tối tại tòa Bạch Ốc.

Tôi dừng nhanh ở đồn cảnh sát, nơi không có tin nhắn quan trọng nào đang chờ. Công chúng dường như chấp nhận rằng vụ án đã khép lại với cái chết của Konrad Jensen. Tôi gọi nhanh đến bà vợ ông gác dan ở số 25 phố Krebs để đảm bảo mọi việc đều ổn. Darrell Williams đã quay lại lúc 4 giờ kém 5 phút chiều trong một chiếc taxi lao nhanh tới cửa chính và lạ thay đã nói với bà ta rằng mình về vừa kịp lúc dù máy bay bị hoãn. Thật may là tôi đã kịp cảm ơn bà vợ ông gác dan và dập máy trước khi bật cười mãn nguyện.



Tôi đến cuộc hẹn ăn tối sớm 10 phút với một tâm trạng lạc quan. Ngược lại, Patricia trông có vẻ bi quan hơn. Cô nghịch món súp măng tây một chút, và trong lúc ăn những miếng đầu tiên, cô quan sát tấm hình của Chân nai năm 1942 với ánh mắt hoài nghi. Cô cũng không thể thu được thêm gì nhiều từ đó. Cậu bé trong tấm hình còn trẻ và hình ảnh cũng đã ó vàng. Tóc cậu ấy rõ ràng có màu đen, nhưng màu mắt và màu da thì không rõ. Rồi cô yêu cầu tôi kể lại câu chuyện ở Thụy Điển một lần nữa, chậm rãi và chi tiết hơn. Câu chuyện cuốn chúng tôi qua hết món súp và phân nửa món thịt heo rô ti.

Tôi nhận ra có những lúc dường như Patricia uống rất nhiều nước lạnh. Ấn tượng này càng được củng cố hơn nữa qua việc cô uống sáu ly nước trong bữa ăn. Đến một lúc, tôi hài hước kể rằng Chân nai, với đôi ván trượt băng đồng, ở một địa điểm không thích hợp, đã trượt tuyết đổ dốc kết hợp vượt chướng ngại vật và trượt tuyết nhảy đồi, tức là phân nửa nội dung thi đấu của Thế vận hội mùa đông. Nhưng điều đó chỉ khiến Patricia nhếch mép cười, cô nói rằng câu hỏi lớn lúc này là liệu anh ta có phải cũng giỏi môn trượt tuyết bắn súng hay không - và nếu thế thì, anh ta đã bắn bằng gì?

Giữa lúc dùng món ăn chính, cô hỏi một câu hỏi đơn giản rằng có lúc nào trong quá trình điều tra tôi đã thấy một mặt dây chuyền bạc tương tự như cái mà Chân nai đeo quanh cổ trong tấm hình. Do cho đến nay tôi không có lý do gì để tìm kiếm một mặt dây chuyền như thế, tôi nói với cô rằng tôi không thể nhớ được. Sau đó tôi nhanh chóng nói thêm rằng việc tìm kiếm một cái mặt dây chuyền như thế sau nhiều năm có thể cũng là một phương tiện nhận dạng không chắc chắn. Cô đồng ý với tôi nhưng nói thêm một cách ngắn gọn và bí hiểm rằng cái mặt dây chuyền đó có thể vẫn cực kỳ quan trọng.

Tôi hỏi Patricia nghĩ gì về chuyện có thể xảy ra trong chuyến đi định mệnh năm 1944. Cô trả lời khó mà biết được chi tiết vào lúc này, nhưng bức tranh tổng thể đã tương đối rõ ràng. Theo những gì được kể, ba binh sĩ Đức và cha mẹ của Sara đã bị giết trong một cuộc đấu súng. Như đã cho thấy trong di chúc, ông Harald Olesen đã luôn có cảm giác tội lỗi về việc đó, cả trong và sau chiến tranh. Sau cái chết của ông, Chân nai coi như là người duy nhất trên thế giới này biết rõ chuyện gì đã xảy ra. Những chi tiết chính xác không quá quan trọng vào lúc này.

‘Nhưng tôi có thể gần như chắc chắn rằng Chân nai sẽ nói cho anh biết mọi chi tiết khi chúng ta tìm được người đó’, Patricia nói thêm với một nét mặt cau có và rất nghiêm trọng.

Nhận thấy cô dùng chữ ‘khi’, tôi hỏi liệu điều đó có đồng nghĩa với việc cô tin chắc Chân nai đã sống sót qua cuộc chiến tranh và vẫn còn sống. Cô gật đầu một cách dứt khoát.

“Mặc dù tuổi còn nhỏ, Chân nai đã tỏ ra là một thanh niên mạnh mẽ khác thường. Theo hiểu biết của tôi, chỉ có một lý do tại sao một người dẫn đường lại chọn đi phía sau, đó là do anh ta lo sợ bị bắn vào lưng. Khi Chân nai đồng ý quay về cùng với ông Harald Olesen, cậu ta đã rất thận trọng. Dường như mọi sự tin tưởng giữa họ đã bị phá bỏ. Giờ đây tôi tin tưởng rằng, trước hết, chữ ‘C’ trong quyển nhật ký của ông Harald Olesen thật sự là để chỉ ‘Chân nai’ và thứ hai, anh ta chính là người đã chạy quanh với cái áo khoác đi mưa màu xanh dương nổi tiếng trong vài năm gần đây. Tôi cũng không mấy ngờ

vực về danh tính và địa chỉ của anh ta.”

Tôi gật đầu đồng ý. Quả đúng như vậy - điều này phù hợp với giả thiết của tôi về Joachim Olesen.

Tiếp theo là gần mười phút miệng nhai tai chờ trong một sự im lặng nặng nề. Trớ trêu thay, chỉ khi món kem trắng miệng được đem lên thì Patricia mới hết dè dặt.

“Anh vui lòng bỏ qua nếu tôi tỏ ra suy tư quá. Anh đã đạt được nhiều tiến bộ trong hôm nay. Hung thủ giờ đang ở ngay phía trước chúng ta và chúng ta đang bắt kịp hắn. Vào giờ này ngày mai, tôi hy vọng rằng mọi thứ sẽ kết thúc và tôi sẽ có một ý niệm rõ ràng về đối tượng bị bắt giữ. Nhưng chúng ta vẫn còn thiếu lời giải cho vài câu hỏi rất quan trọng. Thật là một tình huống gây bực dọc khi chúng ta đã đến rất gần rồi nhưng chưa chạm tới được. Chắc anh đã biết, tôi ghét rút ra những kết luận có thể sai lầm. Thế nên tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu giả thiết này để dự trù cho những câu trả lời mà chúng ta sẽ có được trong ngày mai.”

Patricia ngừng nói để suy nghĩ một lần nữa, và nét mặt cô khá rầu rĩ khi cô tiếp tục.

“Tình cảnh này thật là buồn. Ông Harald Olesen đã làm quá nhiều cho đất nước này và đồng bào của ông, với tư cách là một người anh hùng thời Kháng chiến lẫn một thành viên nội các. Thế mà trong năm cuối cuộc đời mình, sau cái chết của vợ và sự rút lui khỏi chính trường, những bóng ma của quá khứ lại chế ngự ông. Và trong những tháng cuối đời đó, chính ông gần như đã trở thành một ‘người ruồi’. Một nhóm người ruồi bầu quanh ông ta, có những cảm xúc dữ dội đối với ông do các việc xảy ra trong quá khứ. Tất cả đều có động cơ và cơ hội để sát hại ông. Thực tế là, vào thời điểm mà ông Harald Olesen chết, mọi cư dân của tòa nhà 25 phố Krebs đều có thể được xem là người ruồi vì nhiều lý do khác nhau. Điều đó thật sự rất buồn.”

Tôi ngắt ngang dòng suy tưởng không vui này để hỏi liệu cô có bất kỳ đề xuất nào cho cách phá vụ án mạng này. Trước sự nhẹ nhõm của tôi, Patricia nói tiếp với một giọng lạc quan hơn nhiều.

“Vấn đề là vài người hàng xóm ở số 25 phố Krebs đã thấy điều gì đó hoặc người nào đó vào đêm xảy ra vụ án mạng, và vì một số lý do vẫn chưa muốn nói cho chúng ta biết về chuyện này. Chúng ta cần ép họ cung cấp câu trả lời để loại dần những hung thủ tiềm năng cho đến khi chỉ còn lại một khả năng duy nhất. Và đây là cách mà chúng ta sẽ làm: anh sẽ đến đó vào ngày mai, mang theo khẩu súng công vụ và hai bộ còng tay. Anh sẽ gọi tôi khi đến đó và tôi sẽ nói cho anh biết anh cần gặp ai đầu tiên, cũng như những câu cần hỏi. Hoặc những câu trả lời sẽ giúp anh làm sáng tỏ hoàn toàn người nào là hung thủ để anh có thể bắt ngay, hoặc chúng ta cần phải di chuyển sang căn hộ tiếp theo với nhiều câu hỏi hơn. Trong trường hợp đó, gọi cho tôi nếu anh có bất kỳ nghi ngại gì về việc anh nên làm hoặc điều nên hỏi.”

Tôi nhìn cô đầy hoài nghi.

“Tôi sẽ phải vào bao nhiêu căn hộ trước khi tìm được hung thủ?”

Patricia nhún vai tiếc nuối.

“Trong trường hợp xấu nhất là năm. Tất cả đều có thể chứa chấp một hung thủ hoặc ít nhất là một người đang che giấu những thông tin sống còn.”

Tôi rất mừng là chúng tôi đã đến rất gần việc bắt hung thủ ở số 25 phố Krebs, nhưng kế hoạch mà Patricia đề nghị tỏ ra không mấy hấp dẫn. Đột nhiên tôi nghĩ đến một điều sẽ có thể là bước cải cách to lớn, và cười vui vẻ trước khi nói ra.

“Chuyện đó nghe chừng rất phức tạp. Sẽ thật đáng thất vọng khi người đứng đầu cuộc điều tra cứ phải mượn một cái điện thoại để gọi cho một người bạn bí ẩn trước khi tiến hành bước tiếp theo. Tôi nhất trí là cần thiết phải đối đầu với nhiều đối tượng khác nhau tại hiện trường án mạng vào ngày mai, nhưng chúng ta cần phải có một sự điều chỉnh mang tính thực tiễn...”

Patricia nhìn tôi đề phòng. Đây là lần đầu tiên tôi đi trước cô trong ván cờ này, và dường như cô không thoải mái với điều đó.

“Cô phải đi với tôi!”

Lúc tôi nói ra câu này, một cơn run rẩy dữ dội lan ra khắp cơ thể mảnh

khánh của Patricia. Cô vẫn ngồi trên chiếc xe lăn và nhìn tôi chăm chăm, không nói tiếng nào. Tôi nhanh chóng bồi tiếp.

“Đó không chỉ là giải pháp tốt nhất, mà còn tuyệt đối cần thiết. Nhiều tình huống có thể xảy ra khi chỉ đơn giản là tôi không thể liên lạc với cô đúng lúc qua điện thoại. Hơn nữa, việc này hoàn toàn có thể thực hiện được. Andreas Gullestad có thể xoay xở để đi khắp tòa nhà trong chiếc xe lăn của anh ta, vậy tại sao cô không thể làm thế? Chúng ta có thể đưa cô giấy bút và nói rằng cô là thư ký của tôi, rằng cô đang bị chấn thương. Và hãy nghĩ mà xem, cô sẽ thích thú như thế nào nếu được chứng kiến tận mắt khi vụ án được khép lại và gặp tất cả những con người mà cô đã tốn quá nhiều thời gian để phân tích trong suốt tuần qua...”

Patricia vẫn im lặng khó hiểu trên chiếc xe lăn của mình.

“Sự thật là, rất khó mà tìm được một lý lẽ chống đối hợp lý”, cuối cùng cô nói với gương mặt nghiêm nghị. Rồi sự hài hước châm biếm của cô ập đến và Patricia cười. “Và nói một cách chính xác thì tôi cũng không còn phải lựa chọn giữa vô số lời mời tham gia các sự kiện sôi động vào dịp cuối tuần nữa... Được rồi, tôi sẽ đi với anh.”

Tôi lập tức chìa tay mình ra trước khi cô có thời gian để thay đổi ý định. Bàn tay Patricia đang run, nhưng ấm và đầy nhiệt huyết. Khi tôi nói thêm rằng có lẽ cô nên xin phép cha mình trước, cô cau có nhìn tôi và bảo là ‘hóa thạch’ đó thường khuyến khích cô ra ngoài nhiều hơn. Và trong bất cứ trường hợp nào, ông ấy cũng không còn quyền quyết định cô nên đi đến đâu và đi với ai. Tuy nhiên, cô cũng hứa sẽ ‘cho ông biết những gì ông cần phải biết’.

Patricia nhất định muốn tôi đón cô trên một chiếc xe không có dấu hiệu của cảnh sát. Để trả lời cho thắc mắc của tôi về tầm quan trọng của yêu cầu này, cô cười khúc khích đáp rằng những người giúp việc và láng giềng có thể sẽ mừng rỡ và hài lòng đến mức chụp ngay những tấm hình cô bị đưa đi trên xe cảnh sát. Nhưng rồi cô thay đổi tức thì và lại trở nên vô cùng căng thẳng.

“Và anh phải có hai nhân viên cảnh sát đáng tin cậy, có vũ khí đứng gác trước cửa chính của tòa nhà tối nay. Tôi vẫn còn chưa chắc chắn ai là hung thủ, nhưng tôi không nghi ngờ gì về việc ả hay gã là một người đặc biệt máu lạnh và có khả năng làm mọi thứ. Chúng ta không chỉ chưa có kẻ sát nhân, mà còn chưa có vũ khí gây án...”

Tôi gật đầu đồng thuận.

Khả năng Joachim Olesen là hung thủ dường như vẫn là giải pháp hợp lý nhất với tôi - ngoại trừ có thể là Sara Sundqvist, nhưng tôi không muốn đó chính là cô ấy. Tôi rất lo âu vì sự chú ý của Patricia rõ ràng chỉ chăm chăm vào tòa nhà, cho dù điều đó không nhất thiết có nghĩa rằng hung thủ đang hiện diện ở đó.

“Liệu cơ hội cho một kết thúc có hậu có tăng lên nếu tôi yêu cầu hai người cháu của ông Harald Olesen đến số nhà 25 phố Krebs? Tôi tin chắc họ có thể chờ ở lối vào hoặc cùng với người vợ ông gác đàn trong căn hộ của bà ấy trong trường hợp chúng ta cần nói chuyện với họ.”

Trong một lúc Patricia có vẻ bối rối. Rồi cô lại bật cười.

“Giờ thì tôi đã hiểu ý anh muốn nói. Một kết thúc có hậu, thật là một cách diễn đạt xuất sắc. Anh cứ yêu cầu họ đi. Biết đâu đấy, vài câu hỏi có thể nảy sinh và họ biết câu trả lời. Về mặt hình thức mà nói, nó cho cảm giác chúng ta đang làm theo cách của ‘Poitrot’ và tập hợp tất cả các bên liên quan còn sống trước khi tiến hành bắt giữ.”

Tôi có cảm giác rằng thành công nhỏ nhoi này có thể cho thấy Patricia luôn-giữ-bí-mật này cũng suy nghĩ theo cùng hướng như tôi và đặt nghi vấn vào người cháu trai của ông Olesen. Trong sự phấn chấn, chúng tôi nhất trí rằng tôi nên đón cô ấy vào lúc 11 giờ rưỡi để có thể sẵn sàng bắt tay vào việc phá án ở phố Krebs trễ nhất là 12 giờ trưa.

Trên đường ra về, tôi không thể kìm nén được và hỏi một câu cuối cùng.

“Cô có quyết định được chúng ta sẽ bắt đầu với căn hộ nào ngày mai hay chưa?”

Câu trả lời đúng như tôi đã lường trước, nhưng không phải điều tôi hy

vọng.

“Tôi nghĩ chúng ta sẽ bắt đầu với việc xem cô Sara Sundqvist sẽ nói gì để tự vệ lần này.”

Patricia ắt phải thấy sự thất vọng trên gương mặt tôi, vì cô nhanh chóng tiếp lời.

“Nhiều thứ phụ thuộc vào những gì cô ta có thể nói, và những gì cô ta muốn, nhưng không có gì chắc chắn là chúng ta sẽ kết thúc tại đó.”

Tôi mang theo niềm hy vọng đó đi vào đêm tối. Tôi dừng nhanh ở đồn cảnh sát giờ đã im ắng để gọi ba cuộc điện thoại ngắn gọn. Đầu tiên là cho Cecilia Olesen, lần này chị ta tỏ ra vui vẻ hơn nhiều khi nghe thấy giọng tôi. Chị còn vui hơn khi tôi thông báo là Darrell Williams đã trở về, và chúng tôi mong sẽ khép lại vụ án mạng trong cuối tuần này. Thế nên chị lập tức đồng ý và khá phấn chấn khi tôi yêu cầu chị đến hiện trường vụ án vào lúc 12 giờ 15 phút trưa mai.

Dĩ nhiên tôi tò mò nhiều hơn về người em trai của chị ta, Joachim Olesen. Giọng của anh ta khá chùng mịch, nhưng không có chút gì hào hứng. Tôi có một cảm giác mạnh mẽ rằng giờ đây tôi đã có thể thấy rõ gương mặt hung thủ lần đầu tiên khi anh ta khựng lại và nói là mình đã hứa chuẩn bị một bản cân đối cho Bộ vào thứ Bảy. Anh ta im lặng một lúc khi tôi nhấn mạnh rằng sẽ có lợi cho tất cả mọi người nếu anh ta sẵn sàng để được thẩm vấn vào giai đoạn cuối cùng của cuộc điều tra. Joachim nhượng bộ với một tiếng thở dài khe khẽ và nói rằng trong trường hợp đó dĩ nhiên anh ta phải hoàn toàn hợp tác với cảnh sát.

Cuộc điện thoại cuối cùng là cho bà vợ ông gác dân. Bà nói với tôi rằng mọi thứ đều yên bình trong tòa nhà. Bà hứa sẽ chờ sẵn với chìa khóa từng căn hộ lúc 11 giờ 45 phút, và sẽ ngồi trực từ sớm để đảm bảo mọi cư dân đều ở nhà.

Cuối cùng, tôi gọi cuộc điện thoại thứ tư và yêu cầu một cảnh sát gác căn hộ của Joachim Olesen và bám theo nếu anh ta có đi ra ngoài trước giờ hẹn với chúng tôi. Tôi không muốn để vuột mất một nhân vật chủ chốt trong giai

đoạn về đích của cuộc điều tra trọng án đầu tiên của mình - đối tượng tình nghi hàng đầu thì lại càng không.

Khi tôi bắt đầu buồn ngủ vào lúc 2 giờ sáng, tôi vẫn có thể thấy gương mặt bí hiểm của người cháu trai. Ngoài ra, tôi suy nghĩ cẩn thận về từng người trong số những cư dân sống tại đó. Gương mặt lảng tránh của Sara Sundqvist là hình ảnh cuối cùng lướt qua tôi khi tôi ngủ thiếp đi. Nếu mọi việc suôn sẻ, tôi có thể xác minh được vào ngày thứ mười của cuộc điều tra việc cô ta dính líu đến các vụ án mạng là hoàn toàn do xui xẻo, hay bởi vì cô ta là một kẻ sát nhân đặc biệt tinh ranh.

NGÀY THỨ MƯỜI



CÂU CHUYỆN CỦA MỘT ‘NGƯỜI RUỒI’

Thứ Bảy ngày 13 tháng 4 không chỉ là một ngày trước lễ Phục sinh, mà cũng là ngày điều tra thứ mười. Đối với tôi, nó bắt đầu như mọi thứ Bảy. Tôi ngủ nướng một chút và dùng bữa sáng một mình vào khoảng 10 giờ. Lúc 10 giờ rưỡi sáng tôi đã ở trong văn phòng và nhẹ nhõm khi biết không có sự việc hay ghi chú gì mới xuất hiện ở đó. Sau một cuộc điện thoại ngắn gọn đến số 25 phố Krebs lúc 11 giờ, tôi biết rằng mọi cư dân tại đó đang ở nhà. Bà vợ ông gác dan báo cho tôi biết là hai người cháu của Harald Olesen cũng sẽ đến, và bà hứa sẽ bày bàn ghế cho họ.

Lúc 11 giờ 15 phút, tôi rời đồn cảnh sát trong một chiếc xe thường. Patricia mặc váy màu xanh lá cây và đang ngồi chờ trong sảnh khi tôi đến phố Erling Skjalgsson. Trong một thoáng tôi có hơi e ngại khi thấy Giáo sư Ragnar Borchmann lừng lững bên cạnh cô, nhưng ông nắm tay tôi một cách nồng nhiệt và vui vẻ cho phép tôi ‘mượn’ cô con gái duy nhất ‘trong tối đa bốn giờ’. Khi Patricia lặn xe ra đối diện chúng tôi, ông nói với giọng gấp gáp rằng ông chưa từng thấy cô phấn chấn và tập trung đến thế kể từ sau vụ tai nạn.

Chuyến đi của chúng tôi bắt đầu một cách chậm rãi. Vài con phố mà chúng tôi phải đi qua đang bị chặn lại để vinh danh một trong số những dấu hiệu gần đây của mùa xuân tại Oslo: một cuộc biểu tình phản đối chiến tranh Việt Nam. Đây không phải là một cuộc tụ tập phản chiến quy mô và lên kế hoạch kỹ càng. Nó được dẫn dắt bởi một nhóm khoảng hai mươi đến ba mươi sinh viên giận dữ. Patricia nhìn họ qua cửa sổ xe với ánh mắt xúc động khi chúng tôi cuối cùng cũng có thể đi tiếp. Tạm dừng tôi nhận ra mình không biết cô nghĩ gì về chiến tranh Việt Nam hay những sự kiện quan trọng khác. Tôi có thể hình dung cô vừa chống đối vừa ủng hộ chiến tranh, và là một người ủng hộ cả Đảng Bảo thủ lẫn Đảng Xã hội. Nhưng tôi cảm thấy khó mà

tin rằng cô có những chính kiến mạnh mẽ về chiến tranh Việt Nam và các đảng phái chính trị Na Uy.

Cả Patricia và tôi đều bị ảnh hưởng bởi sự long trọng của khoảnh khắc này và bởi việc chỉ trong vòng vài giờ tới chúng tôi có thể hy vọng được đối mặt với thủ phạm của hai vụ án mạng đầy toan tính. Về sau Patricia góp ý là trong chuyến đi tôi đã ba lần hỏi cô liệu cô ngồi có thoải mái không và hai lần nói rằng mùa xuân đã thực sự xuất hiện. Sau đó cô thật nhẹ nhõm khi cuối cùng tôi cũng hỏi một câu quan trọng vốn đã lớn vồn trong đầu tôi suốt đêm hôm trước. Nó liên quan đến lời nhận xét của cô rằng mỗi người sống tại phố Krebs đều là một người ruồi. Dựa trên những khám phá của những ngày gần đây tôi có thể chấp nhận rằng mô tả đó tương đối phù hợp với bà vợ của ông gác đàn, ông Konrad Jensen quá cố, cũng như Darrell Williams, Kristian Lund và Sara Sundqvist. Mô tả đó cũng có thể phù hợp với Andreas Gullestad, với cái chết quá sớm của người cha và tai nạn của bản thân anh ta. Nhưng tôi khó lòng thấy cô tiểu thư Karend Lund con nhà triệu phú trong hình dung này.

Patricia đồng ý với tôi một phần, nhưng cô tin rằng dù sao thì số phận của vợ Kristian Lund cũng gắn bó mật thiết với số phận của anh ta, nên do ảnh hưởng của cuộc hôn nhân, chị ta cũng có thể được xem là một người ruồi. Patricia nói thêm rằng nếu Kristian Lund chính là hung thủ xảo quyệt của cả hai vụ án, thì vợ anh ta không thể nào không là đồng phạm. Đầu tiên, chị ta đã cung cấp cho chồng một chứng cứ ngoại phạm giả trong vụ sát hại ông Harald Olesen. Trong vụ sát hại ông Konrad Jensen, dường như Kristian Lund đang ở chỗ làm khi súng nổ. Trong trường hợp này, chị ta ắt hẳn đã giết ông ấy. Dĩ nhiên trừ phi anh ta thông đồng với một người hàng xóm khác, Patricia nói thêm, tuy không chỉ đích danh người nào.

Tôi gật đầu và công nhận rằng vẫn có đầy đủ lí do để nghi ngờ mọi cư dân tại đây. Một phút sau, chúng tôi dừng xe trước cửa ra vào của tòa nhà.



Bà vợ ông gác đan chào đón chúng tôi và bắt tay tôi nồng nhiệt. Như đã đoán trước, Cecilia và Joachim Olesen đón chúng tôi có phần dè dặt hơn, nhưng cả hai đều ở đây như đã hứa. Tôi phần nào cảm thấy nhẹ nhõm khi để ý thấy Joachim đến mà không đem theo cái túi nào và mặc một bộ vest đơn giản, do vậy sẽ khó mà che giấu một khẩu súng. Cecilia Olesen rõ ràng đã dành nhiều thời gian hơn để chăm chút bản thân. Chị trang điểm thật đẹp và mặc một chiếc váy thanh lịch, tuy hơi cổ điển. Tôi nhận thấy Patricia cố giấu một nụ cười khế khi thấy Cecilia.

Cả ba người đều ngạc nhiên khi Patricia lặn xe vào, nhưng đón cô với nụ cười thân thiện. Tôi giới thiệu cô là thư ký của tôi, tên Patricia Pettersen, và nói thêm rằng cô tạm thời phải ngồi xe lặn sau một tai nạn trượt tuyết. Phải nói là Patricia đã rất chú tâm cho việc sắm vai thư ký. Cô đặt một cái bìa hồ sơ, một xấp giấy dày và năm màu viết khác nhau trên đui, cần mẫn ghi chú từ lúc lặn xe vào số nhà 25 phố Krebs.

Tôi yêu cầu bà vợ ông gác đan, Cecilia và Joachim chờ ở cửa tòa nhà, sau đó đẩy xe lặn của Patricia vào thang máy và bấm nút đi lên tầng một.

Chỉ thị ngắn gọn của Patricia trên đường chúng tôi đi lên như sau: ‘Anh chỉ cần nói rằng anh đã biết cô ta nói dối và rằng cô ta được nhận tiền từ ông Harald Olesen. Rồi anh hỏi xem liệu cô ta có gì để bổ sung vào lời khai của đêm xảy ra vụ án mạng. Việc quan trọng là anh luôn đặt cái xe lặn của tôi ngay phía trong cửa ra vào và bản thân anh luôn đứng hoặc ngồi đối diện với nhân vật mà anh nói chuyện, nếu có thể thì theo đường chéo từ chỗ tôi ngồi’, cô nói thêm với giọng thật khế khi thang máy dừng.

Tôi gật đầu và cảm thấy nổi căng thẳng chạy xuyên qua cơ thể mình. Tôi đề nghị Patricia gõ cây viết của cô lên xấp giấy khi cô muốn di chuyển đến căn hộ khác. Lần này cô gật đầu, lập tức gõ cây viết hai cái lên xấp giấy và mỉm cười.

Khoảng 30 giây sau, chúng tôi bấm chuông cửa căn hộ 2A.

Cô Sara Sundqvist trang điểm nhẹ nhàng và mặc một chiếc váy màu đen làm tôn lên bộ ngực thay vì giấu nó đi. Khi mở cửa, cô ta nghiêng người qua ngưỡng cửa để ôm tôi và nói rằng cô rất vui mừng khi được gặp lại tôi. Vào lúc đó tôi tự hỏi Patricia đang viết những gì, và phải thừa nhận rằng hành vi của Sara thoải mái một cách đầy ấn tượng nếu quả thật cô ta đang sống trong nỗi sợ thường trực bị vạch mặt là hung thủ. Cố nhiên, cô ta hơi kinh ngạc khi thấy Patricia, nhưng ngay lập tức bắt tay người mới gặp sau khi được nghe giải thích Patricia là ai.

“Tôi đã đến Salen để trò chuyện với trưởng đồn cảnh sát ở đó, và rõ ràng có một người khác cũng đã từng đến đó...” tôi bắt đầu.

Không cần nói thêm gì nữa để khiến Sara cúi mặt xuống và bắt đầu rơi nước mắt. Với một cái nhún vai đầy xúc động, Sara Sundqvist dang hai tay và xin lỗi vì đã không nói cho tôi biết cô ta từng đến Salen. Cô ta lo sợ sẽ trở thành kẻ tình nghi nếu chúng tôi khám phá ra cô ta đã biết về giai đoạn đó trong quá khứ của ông Harald Olesen. Sara cũng đã hy vọng mình sẽ không bao giờ bị phát hiện. Cô ta biết câu chuyện về Chân nai và đã cố nài nỉ ông Harald kể cho mình nghe về người này, nhưng không thành công. Cô ta thật sự muốn gặp Chân nai nếu anh ta vẫn còn sống, phần vì muốn cảm ơn anh ta đã cứu mạng cô, phần vì hy vọng được biết thêm về chuyện đã xảy ra với cha mẹ mình. Nhưng ông Harald Olesen đã từ chối trả lời và nói, theo cách mà Sara có thể hiểu, là Chân nai đã chết. Nếu Chân nai còn sống thì cô ta cũng không biết anh ta là ai hoặc danh tính thực sự của anh ta là gì.

Rồi tôi hỏi liệu cô ta có tổng tiền ông Harald Olesen nhưng không nói cho tôi biết hay không. Sara thú nhận ông ta có cho mình tiền, nhưng bác bỏ việc tổng tiền. Một ngày nọ khi Sara gõ cửa nhà ông Harald Olesen để hỏi về cha mẹ mình và Chân nai, ông đã đưa cho cô một cái phong bì dày cộp. Cô ta đã rất ngỡ ngàng khi thấy bên trong phong bì là 50.000 kron tiền mặt. Sara đã quay lại cùng với cái phong bì vào ngày hôm sau, nhưng ông yêu cầu cô cứ giữ số tiền đó và hãy quên hết mọi chuyện đi. Sara gửi số tiền đó vào ngân

hàng nhưng không thể quên đi sự việc này. Nó chỉ càng củng cố hơn cảm giác của cô ta rằng ông Harald Olesen biết rõ về số phận của cha mẹ cô hơn những gì ông tiết lộ.

Khi tôi hỏi liệu Sara có muốn bổ sung gì vào lời khai của đêm xảy ra án mạng, cô ta có vẻ bối rối và lắp bắp đáp rằng mình không có gì để khai thêm. Sara Sundqvist lặp đi lặp lại lời xin lỗi vì đã nói dối tôi đơn thuần do tuyệt vọng, nhưng cô ta không biết gì về kẻ đã sát hại ông Harald Olesen, và kẻ đó không có liên quan gì với cô. Sara chưa bao giờ đòi hỏi 50.000 kron và bản di chúc là cả một cú sốc.

Tôi liếc nhanh về phía Patricia khi cô vừa gõ cây viết hai lần xuống xấp giấy. Chúng tôi cảm ơn Sara đã dành thời gian cho chúng tôi, yêu cầu cô ta ở yên trong căn hộ và không mở cửa cho ai khác. Cô ta buông rơi người xuống ghế, thì thầm rằng cô ta không sát hại ông Harald Olesen và sẽ không cho ai khác vào nhà ngoài tôi. Sara lặp lại câu đó hai lần tựa như một lời thề, trong khi tôi đẩy xe lăn của Patricia ra khỏi căn hộ.



‘Cô ta vẫn còn biết nhiều hơn những gì đã tiết lộ’, Patricia nói ngay khi chúng tôi đã ở trong thang máy.

Tôi phải thừa nhận rằng tôi cũng cảm thấy như vậy.

“Vậy bây giờ chúng ta làm gì?” tôi hỏi.

Patricia có vẻ quyết đoán.

“À, chúng ta có thể hy vọng rằng nếu cô ta có thêm thời gian để suy nghĩ, mọi chuyện có thể được cải thiện. Cô ta đang sợ hãi điều gì đó. Tôi nghĩ nhiều khả năng đó có thể là chuyện cô ta đã làm hoặc đã thấy. Nhưng cô ta quá hoảng sợ và căng thẳng nên chúng ta cần phải có thêm thông tin trước khi có thể ép cô ta thêm nữa. Và có lẽ chúng ta sẽ tìm được điều đó ở nơi chúng ta đến ngay sau đây.”

Lập luận nghe có vẻ rất thuyết phục nên tôi chỉ gật đầu và hỏi xem chúng tôi đang đi đâu.

‘Lên tầng hai’, Patricia nói và vội vã vươn tay ra bấm nút thang máy.

Trong thang máy, Patricia nhìn có vẻ nhỏ nhắn và mảnh khảnh trên chiếc xe lăn của mình, nhưng giọng nói của cô thì vẫn rõ ràng và rắn rỏi như khi ở trong cái thư viện khổng lồ của tòa Bạch Ốc.

“Anh hãy bắt đầu bằng việc chào mừng anh ta quay lại và hãy tỏ ra nhã nhặn. Sau đó, hãy hỏi xem liệu anh ta có thực sự đau buồn khi ông Harald Olesen bị sát hại. Hãy nhắc anh ta nhớ lại chuyện xung đột cũ với ông Olesen, phỏng đoán rằng anh ta dọn đến đây vì lí do đó và anh ta có nhiều hơn một khẩu súng khi mới đến đây. Cuối cùng, hãy hỏi về nhân vật mà anh ta thấy đang đi lên căn hộ của ông Harald Olesen vào đêm xảy ra vụ án mạng. Tôi hy vọng anh ta sẽ tiết lộ thêm vài thông tin mới hấp dẫn. Giờ thì, anh hãy nhớ nơi bố trí xe lăn của tôi.”

Tâm trạng của Patricia chuyển đổi liên tục từ nghiêm túc đến châm biếm. Đột nhiên cô mỉm cười và chật lưỡi nhỏ nhỏ.

“Ồ chừng mực nào đó, tôi đã hiểu tại sao Kristian Lund lại bị cám dỗ vào chuyện ngoại tình - tôi gần như ghen tỵ với vẻ đẹp tự nhiên và kỹ năng tuyệt vời của cô ta. Và nhân tiện, nếu không có gì khác, cô ta hẳn đang cảm thấy tội lỗi hoặc không hạnh phúc trong tình yêu.”

Tim tôi đập nhanh hơn khi nghe Patricia nói vậy nhưng tôi không muốn làm loãng chủ đề vì bất kỳ lí do gì. May mắn thay, đúng lúc đó thang máy dừng lại ở tầng hai. Tôi đẩy Patricia ra và bấm chuông cửa căn hộ hàng xóm của ông Harald Olesen.



Darrell Williams thật sự là một nhà ngoại giao lão luyện. Anh ta cười ngay khi thấy tôi, bắt tay và xin lỗi rằng công việc đã buộc anh ta phải tạm thời rời

Na Uy. Anh ta nhìn người bạn đồng hành của tôi với ánh mắt hoài nghi, nhưng miễn cưỡng chấp nhận lời giải thích của tôi về một nữ thư ký đang bị thương. Vương mắc được giải quyết khi tôi cam đoan với anh ta rằng sẽ không có điều gì từ cuộc đối thoại này được lưu trong các báo cáo chính thức và rằng mọi ghi chép chỉ được sử dụng trong nội bộ mà thôi.

Tôi bố trí Patricia ở giữa phòng, trong khi tôi và Darrell Williams cùng ngồi xuống những chiếc ghế bành mà chúng tôi đã ngồi vài ngày trước đây. Lần này, mức độ nghiêm trọng của tình huống rất rõ ràng. Người chủ nhà rất tinh táo và có một bình nước lớn trên bàn giữa chúng tôi. Tôi ghi nhận một sự căng thẳng nặng nề ẩn sau nụ cười của anh ta mà tôi chưa từng thấy trước đây.

“Chào mừng anh quay lại. Anh hẳn đã hiểu rằng việc anh biến mất bất chấp những mệnh lệnh của tôi, suýt nữa đã gây nên một tình huống rất không may.”

Anh ta nhìn tôi không trả lời và chờ đợi tôi tiếp tục. Đó chính là điều tôi làm.

“Như tôi đã nói, thật hân hạnh được gặp lại anh và chúng tôi đều hy vọng giờ đây có thể kết thúc được vụ án mạng này mà không có thêm sự việc phức tạp nào. Nhưng điều đó phụ thuộc khá nhiều vào việc giờ đây anh có cung cấp cho chúng tôi, dù muộn còn hơn không, những câu trả lời đầy đủ và chân thật cho các câu hỏi cuối cùng của chúng tôi.”

Darrell Williams gật đầu và nghiêng người tới trước, vẻ tập trung thấy rõ. Tôi không có cảm giác đang ngồi trước một người ruồi, mà đúng hơn là một con sư tử, con gấu hoặc một loài thú dữ nào khác.

“Câu hỏi đầu tiên: anh có cảm thấy đau buồn chút nào không khi nghe tin ông Harald Olesen bị sát hại?”

Darrell Williams bật cười nhanh, rồi lắc đầu.

“Hoàn toàn không. Ông ta là một người đàn ông tâm cỡ, nhưng không phải là một người tử tế. Câu chuyện xoay quanh bản di chúc, người con trai và những người bà con của ông ta đã cho thấy điều đó. Nhưng tôi đã ngạc

nhiên vì ông ta bị sát hại. Tôi không biết ai đã bắn ông ta và chắc chắn không có mặt tại đó khi vụ việc xảy ra.” Anh ta ngập ngừng trong một thoáng nhưng không nói gì thêm. Tôi không còn lựa chọn nào hơn là ép anh ta thêm một chút.

“Nhưng anh được bố trí ở tại đây, trong căn hộ kế bên ông Harald Olesen để đảm bảo rằng một vài cái tên và thông tin không bị tiết lộ ra ngoài. Trong những tháng đầu khi anh sống ở đây anh đã giữ hai khẩu súng trong căn hộ. Có lúc nào anh hoặc sếp anh đã cân nhắc đến khả năng sát hại ông ấy không?”

Darrell Williams cười cay đắng và tôi có cảm giác anh ta suýt gật đầu trước khi trả lời.

“Tôi e rằng tôi không thể xác nhận hay phủ nhận loại câu hỏi này. Tôi muốn lặp lại rằng những nợ nần của tôi với ông Harald Olesen, cả với tư cách cá nhân lẫn công việc, đã được hòa giải trước khi ông ta qua đời. Như chính anh cũng thấy khi lục soát căn hộ của tôi, các khẩu súng đã không còn ở đây vào thời điểm đó. Và theo những gì tôi được hiểu thì dù sao đi nữa cả hai khẩu súng đó cũng sẽ không tương thích với viên đạn đã bắn chết ông Harald Olesen.”

Tôi nhanh chóng gật đầu.

“Nhưng nếu bây giờ tôi tin rằng anh vô tội, rằng anh và đại sứ quán không liên quan gì đến vụ án mạng... anh vui lòng nhớ kỹ lại đêm xảy ra án mạng một lần nữa và nói cho chúng tôi biết liệu có điều gì anh quên chưa kể cho chúng tôi nghe mà có thể giúp vạch mặt kẻ sát nhân thực sự.”

Anh ta nhún vai tiếc nuối.

“Đúng, có một chi tiết, và lẽ ra tôi phải nghĩ đến nó sớm hơn. Tôi thấy một trong số những người hàng xóm của mình đi về phía căn hộ của ông Harald Olesen không lâu trước khi vụ án mạng xảy ra. Có một số lí do tại sao tôi không đề cập đến việc này trước đây. Đầu tiên là tôi không muốn bản thân mình hoặc đại sứ quán dính líu vào vụ này nhiều hơn cần thiết; và dĩ nhiên tôi cũng không thể chắc chắn rằng nhân vật mà tôi thấy lướt qua thật

sự là hung thủ. Thứ đến; mối ác cảm với ông Harald Olesen dạo sau này càng nặng nề hơn. Những lời ba hoa trong di chúc ắt hẳn phải làm cho người con trai cảm thấy rất thất vọng.”

Sự kiên nhẫn của tôi đã đi tới giới hạn nguy hiểm.

“Chúng tôi muốn biết sự thật ngay bây giờ. Vậy ra người mà anh thấy đi về phía căn hộ của ông Harald Olesen không lâu trước khi ông ta bị sát hại là...”

Anh ta gật đầu và nói tiếp.

“Con trai ông ta; Kristian Lund. Rất khác thường khi thấy anh ta lên trên này nên tôi nhớ rất rõ. Đó là thời điểm không lâu trước khi tôi đi dạo buổi tối. Tôi không thể khẳng định chính xác thời điểm và dĩ nhiên không biết liệu anh ta có phải là người bắn phát súng đó hay không. Tôi chỉ có thể nói rằng anh ta không mang theo vũ khí; nhưng anh ta mặc một chiếc áo khoác mùa đông cho phép giấu được kha khá thứ.”

Tôi nhanh chóng liếc về phía Patricia. Đôi lông mày cau lại chứng tỏ cô đang suy nghĩ rất dữ dội. Sau đó cô gõ nhẹ cây viết của mình lên xấp giấy hai lần.

Trên đường đi ra; tôi nói rằng có một người bạn cũ của Williams đang ở dưới tầng trệt và chị ấy hẳn sẽ rất vui nếu được anh xuống gặp. Câu nói này khơi lên một nụ cười và tiếp đó là một lời biện hộ cuối cùng - được nói với những ngôn từ cảm động thuần Mỹ.

“Mặc dầu có những tình huống không may xung quanh lần gặp gỡ đầu tiên của chúng ta, nhưng xin đừng phán xét tôi quá cay nghiệt. Tôi đã sống cả đời để chiến đấu chống sự độc tài - đầu tiên là quân Phát xít trong chiến tranh, sau đó là chủ nghĩa cộng sản sau chiến tranh. Và trong từng ấy năm, tôi đã mang theo mình một nỗi cô đơn tột cùng sau khi đánh mất mối tình đầu. Điều đó có thể khiến anh phân nào trở thành một kẻ cô độc, mặc dù có thể sâu thẳm trong tim anh là một người tốt.”

Darrell Williams ngần ngừ một lúc rồi rút cái bóp ra và lấy từ một cái túi nhỏ ở mặt trước ra một tờ giấy trắng gấp nhỏ. Anh ta đưa nó cho tôi.

“Đây là lá thư mà anh đã hỏi đến. Anh có thể đọc nó nếu muốn,” anh ta nói ngắn gọn.

Tôi nhìn qua Patricia, đang lắc đầu thật nhanh và gõ cây viết của cô xuống xấp giấy. Tôi có một cảm giác mạnh mẽ rằng cho dù đi đâu, Darrell Williams cũng mang theo lá thư này trong hai chục năm, kể từ ngày nhận nó - và có lẽ đây là lần đầu tiên anh ta cho người khác đọc nó. Nhưng tôi không còn bất kỳ lí do nào để nghi ngờ những lời anh ta nói, rằng không còn gì khác hơn trong quá khứ của anh ta có thể có ý nghĩa sau vụ án mạng của ông Harald Olesen. Dường như anh ta hiểu và lấy làm cảm kích vì điều này. Chúng tôi bắt tay nhau trước khi cánh cửa khép lại sau lưng tôi và Patricia.



Patricia tỏ ra vui vẻ và cười khúc khích khi chúng tôi vào thang máy. Tôi nhìn cô nghiêm nghị. Cô nhún vai.

“Giữa tất cả thảm kịch này, lại có một câu chuyện tình thực sự ngọt ngào. Tôi nghĩ rằng thà có một kết thúc có hậu dù đã muộn hai mươi năm còn hơn là không. Chị ấy vẫn còn trẻ tuổi hơn mẹ tôi khi mẹ sinh ra tôi. Anh phải hứa kể cho tôi nghe mọi việc sẽ như thế nào với hai người này nhé.”

Tôi hứa sẽ làm như vậy với điều kiện cô sẽ sớm nói cho tôi biết kẻ sát nhân là ai. Patricia lập tức nghiêm túc trở lại.

“Tôi vẫn còn chưa chắc chắn. Những gì anh ta nói cho chúng ta nghe là những gì tôi đã mong đợi, vì vậy chúng ta vẫn còn thiếu một mắt xích. Tuy nhiên tôi có thể nói cho anh biết chúng ta đang đi đâu, và lần này là tầng...”

Tôi không quá ngạc nhiên. Đó cũng chính xác là những gì tôi nghĩ.

“Và lần này là vợ chồng nhà Lund?”

Patricia cười.

“Dĩ nhiên. Lần này sẽ tương đối đơn giản. Hãy đối chất với Kristian về việc anh ta đã ở trong căn hộ của ông Harald Olesen vào đêm xảy ra án

mạng, và với Karen là việc chị ta nói dối rằng anh chồng không hề đi ra ngoài. Hãy bố trí tôi gần cửa như này giờ và hãy đảm bảo rằng anh có thể thấy cả hai người họ cùng lúc.”

Tôi đồng tình rằng kế hoạch này nghe có vẻ hay và bấm nút đến tầng một.



Hai vợ chồng nhà Lund ra mở cửa cùng với nhau. Họ cũng chấp nhận lời giải thích ngắn gọn của tôi về cô thư ký bị thương. Họ mời chúng tôi vào mà không tỏ rõ sự phản đối hay hài lòng. Tôi xếp Patricia ngay phía trong cửa ra vào, rồi ngồi xuống một bên của bàn cà phê và ra đầu cho hai vợ chồng nhà Lund ngồi xuống ghế sofa phía đối diện. Họ tự động làm như tôi bảo. Khi đã ngồi xuống, bàn tay chị vợ tìm đến tay anh chồng. Anh ta siết chặt tay vợ đầy cảm kích.

Tôi bắt đầu bằng cách nhấn mạnh vào mức độ nghiêm trọng của vụ án này.

“Cuộc điều tra đã đến giai đoạn hệ trọng, và hiện giờ chúng tôi đã có mọi lí do để tin rằng Konrad Jensen không sát hại ông Harald Olesen. Những gì được kể trước đây, tôi có thể bỏ qua nếu bây giờ chúng tôi được nghe toàn bộ sự thật.”

Vợ chồng Lund gật đầu cùng một lúc và hơi nhích sát vào nhau hơn.

“Thế nên, tôi sẽ bắt đầu bằng việc nói rằng tôi có những chỉ dẫn rõ ràng cho thấy anh, Kristian Lund, đã nói dối khi khai rằng anh không nói chuyện với ông Harald Olesen vào đêm xảy ra án mạng. Tôi cũng có lí do để tin rằng chị, Karen Lund, đã nói dối khi khai rằng chồng chị không hề rời khỏi căn hộ sau khi về nhà vào buổi tối hôm đó.”

Những phản ứng của họ rất khác nhau. Người vợ đỏ mặt và lắc đầu quầy quậy, trong khi gương mặt của anh chồng cắt không còn giọt máu. Anh ta gật đầu và chị ta lên tiếng trước.

“Tôi không biết ai đã nói dối anh nhưng anh đang đi nhầm đường rồi, thưa thanh tra! Chồng tôi đã ở đây với tôi từ lúc anh ấy về nhà cho đến khi chúng tôi nghe tiếng súng nổ.”

Những điều đó được nói ra với cảm xúc mạnh mẽ đến nỗi tôi thấy khó mà không tin tưởng chị ta. Kristian Lund xanh mét, giờ đây bị dòn vào chân tường và gần như không thể nhận ra nữa, vội cứu nguy cho tình huống.

“Cô ấy đã nói đúng sự thật,” anh ta nói với giọng rất khẽ. “Một lần nữa tôi mới là kẻ nói dối,” anh ta nói thêm, khẽ như một lời thì thầm.

Cả ba người chúng tôi cùng nhìn vào Kristian. May mắn thay, anh ta nhanh chóng giải thích.

“Tôi có lên lầu hai và nói chuyện với ông Harald Olesen vào đêm xảy ra vụ án mạng. Nhưng đó là trước khi ông ấy bị giết. Tôi đi thẳng lên đó từ căn hộ của cô Sara và chỉ ở đó khoảng một phút. Sau đó tôi đi xuống đây và ở với vợ tôi cho đến khi chúng tôi nghe tiếng súng nổ.”

Tôi lờ mắt nhìn anh ta.

“Và chuyện gì đã xảy ra trong cuộc gặp mặt cuối cùng của anh với ông Harald Olesen?”

Anh ta nở một nụ cười héo hắt.

“Ngay lúc ấy mọi việc khá êm đẹp và tôi cảm thấy thỏa mãn khi trở về nhà sau đó. Ông Olesen mở cửa ngay khi tôi bấm chuông, nhưng trông có vẻ ngạc nhiên khi nhận ra đó là tôi. Ông ta nói đang chờ một người khác cho một cuộc hẹn quan trọng và không có thời gian để nói chuyện. Tôi nói rằng sẽ không lâu đâu, vì tất cả những gì tôi muốn chỉ là ông xác nhận đã thay đổi di chúc như tôi đã yêu cầu. Ông Olesen nghĩ về điều đó độ một hay hai phút, rồi mỉm cười và cam đoan với tôi rằng ông ta đã thay đổi di chúc của mình. Tôi cảm ơn ông ta, nói rằng tôi rất mừng, rồi đi xuống. Và tôi đã tin lời ông ta cho đến khi tôi được nghe bản di chúc cuối cùng. Con lợn già ấy đã lờ đi không nói cho tôi biết rằng lão đã thay đổi di chúc một lần nữa, và bằng cách đó đã từ chối quyền thừa kế hợp pháp của tôi!”

Tôi nhớ lại thật nhanh những gì đã diễn ra vào buổi đọc di chúc - phản

ứng của Kristian Lund và những sự việc khác mà tôi biết - và nhận ra rằng nó rất phù hợp với giải thích cuối cùng này. Nhưng tôi không thể nhớ nổi đây đã là phiên bản thứ tư hay thứ năm của anh ta nữa.

Tôi nhìn Patricia dò hỏi. Cô nhìn lại; nhưng không gõ cây viết. Có một sự im lặng ngắn trước khi Patricia làm chính xác điều tôi hy vọng ở cô: nói ra.

“Chúng tôi có thể kết luận gần như dứt khoát rằng anh không gây ra vụ án mạng này. Nhưng anh vẫn còn bao che cho một người anh đã gặp trên đường anh đi xuống từ căn hộ của ông Olesen vào đêm ông ấy bị sát hại.”

Không ai sững sốt về điều mà Patricia vừa nói. Phản ứng của Kristian Lund quá sức kịch tính. Anh ta mất luôn chút màu hồng còn lại trên nét mặt; buông tay vợ mình và ngã người ra sau trên ghế sofa. Tôi lập tức nắm lấy cơ hội để làm chủ tình huống trở lại.

“Chính xác là anh đã thấy ai vào đêm đó, và tại sao anh lại bao che cho người này?”

Tôi chăm chăm nhìn Karen Lund, nhưng chị ta chỉ chú ý duy nhất đến chồng mình mà thôi. Kristian Lund nuốt ực ba lần trước khi cố gắng nói một điều gì đó. Sự im lặng vỡ tan khi cuối cùng anh ta cũng bật ra một từ, tuy ngắn gọn nhưng có sức tàn phá lớn.

“Sara.”

Cái tên nổ ra như một quả bom trong sự tĩnh lặng giữa chúng tôi. Vài giây sau, giọng nói của Karen Lund cất lên giống như một khẩu súng máy.

“Tôi thật không thể tin được! Có phải anh vẫn luôn biết rằng chính là cô ta sát hại cha của anh và không hé răng một lời với tôi? Anh có thể đã tổng ả phù thủy đó vào tù từ một tuần trước rồi! Nhưng thay vào đó, anh đã nói dối tôi và cảnh sát để bảo vệ cho cô ta. Có phải sự thật là như thế không?”

Kristian Lund gật đầu khẽ đến mức không thể nhận biết được rồi ngược nhìn tôi với cặp mắt nài nỉ, không dám nhìn sang vợ mình.

“Chúng tôi không dàn xếp việc đó và chắc chắn tôi không mong chờ điều đó. Tôi chỉ đi xuống tầng một thì đâm sầm vào cô ta ở cửa nhà. Chúng tôi mỉm cười khi lướt qua nhau. Chỉ đến khi mở cửa căn hộ của mình thì tôi mới

nhận ra cô ta đang đi lên cầu thang chứ không phải xuống. Tôi không nghĩ gì thêm vào lúc đó nhưng rõ ràng việc đó trở nên đáng chú ý hơn sau vụ án mạng và buổi công bố di chúc.”

Tôi nhìn anh ta và vội vã nói điều gì đó trước khi người vợ với gương mặt càng lúc càng đỏ kia mở miệng.

“Nhưng anh vẫn chưa nói cho chúng tôi biết tại sao.”

Giọng nói của Kristian Lund khẽ đến mức khó lòng nghe thấy nhưng cũng đủ rõ ràng trong sự im lặng nặng nề.

“Một phần vì bản thân tôi cũng là một đối tượng tình nghi. Tôi cũng đã vào nhà ông ta. Nếu cô ta nói ra điều đó và khai là ông đã chết khi cô ta đến thì ai sẽ tin tôi đây. Tôi nghĩ chúng tôi đều nhận ra đó là một cái mạng nhện định mệnh mà chúng tôi cùng bị mắc kẹt. Thế nên chúng tôi gặp nhau chớp nhoáng ngay khi có thể, ngoài hành lang vào ngày hôm sau của vụ án mạng. Cô ta để cửa khép hờ khi tôi về nhà. Chúng tôi thống nhất không phản bội lẫn nhau, và chỉ có thể.”

Kristian Lund dừng lời. Tôi động viên anh ta tiếp tục.

“Như vậy phần vì anh lo sợ cho hoàn cảnh của mình, phần vì anh vẫn còn có cảm xúc với cô ta, nên anh không thể tự mình giao nộp người phụ nữ mình yêu cho cảnh sát. Có phải như vậy không?”

Anh ta gật đầu. Đó là lúc vợ anh ta tát thẳng vào mặt chồng trong cơn thịnh nộ. May mắn thay, cú tát đó dường như thức tỉnh anh ta. Màu đỏ khỏe khoắn đã trở lại trên má, anh ta thẳng người lại và có vẻ cảnh giác hơn khi nhìn tôi.

“Kristian Lund, đến giờ chúng tôi đã theo đuổi anh hết lần này tới lần khác được chín ngày. Có còn điều gì quan trọng mà anh vẫn chưa nói cho chúng tôi biết?”

Anh ta lắc đầu dứt khoát.

“Tôi đã không còn đường quay lại và đang bấp bênh trên mép vực. Tôi không có gì để nói ngoài việc tôi rất hối tiếc về những gì đã làm và vô cùng xin lỗi - xin lỗi anh và nhất là vợ tôi.”

Tôi chẳng mấy tin lời tạ lỗi này và dường như vợ anh ta cũng vậy. Nhận thấy điều đó, Kristian Lund lập tức nói thêm: “Khi anh bắt Sara, hãy gửi lời chào của tôi đến cô ta và bảo rằng tôi không bao giờ muốn gặp lại cô ta nữa. Tôi sẽ cử luật sư của mình đến nói chuyện với cô ta trong tù về bản di chúc.”

Theo bản năng tôi cảm thấy khinh bỉ Kristian Lund và suýt chút nữa thì đáp trả rằng anh ta có thể tự mình nói với cô ta trong khi chấp hành án tù vì tội khai man và cản trở điều tra. Tuy nhiên, lúc này tôi nhận ra có lẽ không cần phải làm trầm trọng thêm tình hình nữa. Vợ anh ta có vẻ đã dịu xuống đôi chút sau lời nói cuối cùng của chồng, nhưng vẫn là một trong số những quý cô giận dữ nhất mà tôi từng thấy - buồn thay nó không nói lên nhiều điều. Tình huống càng lúc càng chán nản hơn. Và rồi tôi nghe một tiếng động lạ. Lúc đó tôi mới nhận ra Patricia đã gõ cây viết của mình đến lần thứ năm. Chúng tôi tự đi ra khỏi căn hộ mà không quay đầu nhìn lại.



Patricia không giữ ý tứ nữa. Ngay khi chúng tôi ở trong thang máy, cô phá lên cười.

“Cho đến giờ anh đã cung cấp cho tôi một màn giải trí hay và hấp dẫn. Vậy là chị vợ có thể tha thứ cho chồng các tội nói dối, tống tiền, thiếu chung thủy và có thể cả sát nhân nữa, nhưng không tha thứ cho việc yêu thương và bảo vệ cho một người phụ nữ khác. Tôi rất muốn ở lại và xem xem chuyện gì sẽ xảy ra nhưng chúng ta vẫn còn phải đi bắt một kẻ sát nhân tàn nhẫn.”

Tôi gật đầu, hơi hoang mang và vươn tay ra để bám nút thang máy.

“Lần này chúng ta sẽ đến tầng nào đây?”

Patricia cười.

“Sao cơ? Tầng này, tất nhiên rồi. Nhưng cũng hữu ích nếu chúng ta có thể nói chuyện trong vài phút mà không bị quấy rầy. Chúng ta sẽ đi gặp cô Sara Sundqvist một lần nữa, và lần này tốt hơn cô ta nên có một lời giải thích hay

ho, nếu không thì phòng tạm giam tại số 19 phố Moller sẽ là nơi dừng chân tiếp theo của cô ta. Chỉ cần đối chất cô ta với phiên bản lời khai cuối cùng của Kristian Lund, để mắt quan sát và nghe những gì cô ta nói. Tôi sẽ can thiệp nếu cần thiết.”

Tôi gật đầu nhưng giọng tôi khàn đi khi hỏi cô một câu ngắn gọn.

“Tình cảnh của cô ta thật sự đang rất mong manh, phải không?”

Patricia ngẫm nghĩ một lúc trước khi trả lời.

“Hôm nay, tình cảnh của cô ta chuyển từ xấu sang rất tệ. Nhưng ngày hôm nay chưa kết thúc và tôi không thích từ bỏ giả thiết chính của mình. Thế nên tôi rất muốn nghe những gì cô ta nói để tự vệ, khi giờ đây người tình cũ đã đẩy cô ta đến bờ vực. Thực sự lúc này chỉ có một điều cô ta có thể nói ra để ngăn mình rơi xuống vực - và đó phải là sự thật.”

Tôi đáp rằng tôi đã hiểu ý cô muốn nói gì. Đó thuần túy là một lời nói dối, sau này tôi chỉ có thể biện bạch với bản thân rằng toàn bộ tình huống này đã trở nên rất khó hiểu.



Nụ cười của Sara Sundqvist vẫn thân thiện như trước khi cô ra mở cửa. Tôi quá nôn nóng để giải vụ án này đến nỗi tôi quên sạch sự thống nhất giữa tôi và Patricia về vị trí của mỗi người và bắt đầu nói ngay khi chúng tôi bước vào bên trong căn hộ.

“Tôi rất thất vọng đấy Sara. Cô lại nói dối chúng tôi lần nữa.”

Cô ta nhìn tôi lo lắng, nhưng rõ ràng không hiểu.

“Kristian Lund đã nói với chúng tôi rằng anh ta đã lên gặp ông Harald Olesen vào buổi tối của vụ án mạng và khi đi xuống anh ta đã thấy cô đang trên đường đi lên. Chúng tôi có đầy đủ lí do để tin rằng đó là sự thật.”

Vẻ ghê tởm lan ra khắp khuôn mặt Sara. Giọng nói của cô ta xa xăm và ngắt quãng.

“Tôi chưa từng nghĩ anh ta dám làm điều này. Không lẽ chính anh ta đã nuốt lời và phản bội tôi?”

Tôi gật đầu nghiêm trang và nhăn trán hơn nữa.

“Anh ta yêu cầu tôi nói với cô rằng anh ta không bao giờ muốn gặp lại cô nữa. Rằng anh đang mong chờ cô bị bắt và sẽ gửi luật sư của mình đến gặp cô trong tù để đòi hỏi phần thừa kế hợp pháp của mình.”

Thân hình mảnh dẻ của Sara Sundqvist như thể bị đánh bởi ba cú đấm móc liên tục. Cô ta lao đảo dữ dội và phải tựa lưng vào tường. Tôi cố cưỡng lại thôi thúc giơ tay đỡ lấy Sara.

“Nhưng... tôi không thể hiểu được! Có thể anh ta đã muốn như thế, nhưng sao anh ta dám...”

Tôi phải thừa nhận rằng bản thân tôi cũng không hiểu hết mọi việc. Do Sara Sundqvist không có vũ khí; đứng không vững và phải dựa lưng vào tường, tình huống có vẻ ít nguy hiểm, nên tôi liếc nhanh về phía Patricia. Trông cô giống như đã hiểu rõ hơn, nhưng vẫn nhìn Sara Sundqvist như một con điều hâu.

“Nhưng... như thế cho nhẹ lòng. Bởi vì bây giờ tôi có thể kể cho anh nghe mọi việc mà tôi muốn kể từ bấy đến giờ!”

Tôi nghĩ tốt hơn là không bình luận gì về lời tuyên bố này, chỉ nôn nóng ra dấu cho Sara tiếp tục. Và đó là điều cô ta đã làm - cô ta nói một mạch không buồn dừng lấy hơi.

“Đúng là đêm đó tôi có lên gặp ông Harald Olesen. Tôi quyết định đi lên và hỏi ông một lần nữa về Chân nai và cha mẹ tôi. Tôi không biết Kristian đã lên trên đó rồi, nhưng nhận ra ngay khi bắt gặp anh ta đang trên đường đi xuống. Chúng tôi chỉ cười với nhau và tiếp tục đi theo hướng của mình. Khi tôi lên đến căn hộ của ông Harald Olesen, ông ta vẫn còn sống, nhưng từ chối cho tôi vào. Chúng tôi tranh luận vài phút trước cửa. Ông ta nói đang chờ đợi một vị khách quan trọng có thể đến bất kỳ lúc nào, nhưng yêu cầu tôi trở lại vào buổi sáng hôm sau. Tôi cảm thấy bằng lòng với bước tiến bộ đó và quay về nhà mình. Hiển nhiên là sức khỏe của ông ta đang xấu đi và

ông rõ ràng rất lo lắng về người khách của mình. Ông ta đang hoảng sợ thực sự. Tôi nhớ điều đó làm cho tôi cũng cảm thấy lo âu, vì ông ta vốn là người rất kín đáo nhưng bàn tay lại run lẩy bẩy. Nhưng tôi không phải là người đã giết ông ta. Kẻ đó hẳn phải là vị khách bí ẩn của ông ta, người tôi đã gặp trên đường đi xuống.”

Đột nhiên, bản thân Sara Sundqvist dường như cũng sợ hãi. Giọng nói của cô ta run lên khi tiếp tục câu chuyện.

“Việc đó rất đáng sợ. Tôi nhận ra có chuyện chẳng lành khi trông thấy người đàn ông mà ông Harald Olesen đang chờ đợi. Về ngoài cửa người đó làm tôi lạnh sống lưng, nó gợi lên sự sợ hãi và bí hiểm. Người đó mặc một cái áo khoác đi mưa màu xanh dương có mũ trùm đầu và quấn một cái khăn choàng quanh mặt, nên tôi không thể nhìn thấy gương mặt anh ta. Tôi đã linh cảm một tai họa; nói thật lòng, tôi cảm thấy nó giống như Ngày Phán Xét vậy. Tôi chạy vội xuống cầu thang, trùm mền và chụp một cái gối lên đầu, hy vọng vào điều tốt nhất. Tôi không sốc khi nghe tiếng súng nổ và thậm chí còn ít sốc hơn khi anh đến trước cửa và nói với tôi rằng ông ta đã bị giết.”

Tôi nhìn Sara với ánh mắt nghiêm khắc và đe dọa, nhưng chỉ bắt gặp đôi mắt van vãn và kinh hãi.

“Cô có biết đó là ai không?”

Cô ta buồn bã lắc đầu.

“Cho đến giờ tôi vẫn nghĩ...”

Sara cup mắt nhìn xuống và im lặng. Tôi phải húng hắng vài tiếng trước khi cô tiếp tục.

“Vâng, đôi chân rõ ràng là của một người đàn ông. Người đó cao cỡ tôi nhưng không thể nhìn thấy gì nhiều do cái áo và chiếc khăn quàng. Thoạt đầu tôi nghĩ đó là một người lạ đến từ bên ngoài, nhưng rồi anh đến và nói rằng hung thủ ắt phải là người ở trong tòa nhà. Điều đó càng làm cho tôi sợ thêm. Ông Konrad Jensen thì quá thấp, Darrell Williams quá cao còn Andreas Gullestad không thể đi được. Như vậy có nghĩa là không ai ngoài Kristian, người đã quay trở lại trong bộ dạng cải trang để không bị phát

hiện.”

Lập luận cũng khá hợp lý, dĩ nhiên trừ phi người cháu trai hoặc ai khác đã xoay xở để lọt vào tòa nhà từ bên ngoài. Nhưng tôi không còn dám suy diễn điều gì trong vụ án này nữa.

“Liệu đó có thể là ông Konrad Jensen trên đôi giày đế cao hoặc gì đó tương tự không?”

Cô lắc đầu lần nữa.

“Không, không. Có một điều cho thấy người đó ở ngay bên trong tòa nhà. Người đàn ông mặc áo khoác đi mưa không mang giày - hẳn ta chỉ mang vớ đen mà thôi.”

Im lặng bao trùm toàn bộ căn phòng. Sara đang run rẩy, một điều dễ hiểu căn cứ trên những gì cô vừa kể với chúng tôi. Theo bản năng tôi quàng tay quanh cô. Sara lập tức tựa người vào cơ thể ấm áp và vững chãi của tôi, và có vẻ dịu đi một chút. Nhưng niềm hạnh phúc chỉ kéo dài trong một hay hai giây gì đó trước khi giọng nói của Patricia lần đầu tiên vang lên khắp phòng. Tôi nhanh chóng trở lại là chính mình và theo bản năng bước vài bước tránh xa cơ thể ấm áp và mềm mại đầy nguy hiểm của cô sinh viên.

“Còn điều gì khác nơi người đàn ông này có vẻ đáng ngại không?”

Sara nhìn chăm chăm về phía trước và gật đầu vài lần với vẻ biết ơn.

“Có. Người đàn ông trong chiếc áo đi mưa đó nhẹ tựa lông hồng và giống như khiêu vũ hơn là bước đi - giống một con mèo hoặc một vận động viên quyền Anh. Hẳn ta dường như lướt đi trên hành lang. Điều đó làm tôi nghĩ đến Chân nai. Nhưng do Chân nai không sống trong tòa nhà này, nên lời giải thích duy nhất khả dĩ mà tôi có thể nghĩ ra là Kristian đã bước đi như thế với mục đích là để không bị nhận ra.”

“Eureka!”

Sự bật phát này hoàn toàn không ngờ và treo lơ lửng trong không khí một lúc. Tôi và Sara nhìn nhau ngơ khấc. Điều tiếp theo mà chung tôi nghe thấy là Patricia đang gõ cây viết của mình xuống xấp giấy hết lần này đến lần khác, như thể nó là cái dùi trống.

“Xuất sắc! Đó chính xác là những gì chúng ta cần! Rõ ràng là cô vô tội. Người đàn ông mặc áo khoác đi mưa đã bắn ông Harald Olesen không lâu sau khi cô thấy hắn. Và tôi biết có thể tìm được hắn ở đâu!”

Đầu tiên, Sara trông như thể sắp bay lên và trôi đi mất. Và đúng là cô ấy đã như thế - để rồi rạng rỡ hạ xuống với cánh tay ôm quanh cổ tôi. Tôi có thể nghe vài tiếng lục cục phía sau, cho thấy Patricia đang khoái chí thưởng thức cảnh tượng. Tiếng cười kín đáo dừng lại ngay khi Sara bình tâm và bẽn lễn đặt chân xuống sàn trở lại.

Tôi phải thừa nhận suy nghĩ đầu tiên của tôi là rốt cuộc Kristian Lund cũng sắp bị bắt giữ. Suy nghĩ tiếp theo là tôi không hề phản đối điều đó. Tuy nhiên, câu nói tiếp theo của Patricia đã nhanh chóng đặt dấu chấm hết cho giả thiết đó.

“Như vậy, cuối cùng thì bây giờ chúng ta đã có thể đi gặp Chân nai. Và nếu cô cũng muốn gặp anh ấy nữa, Sara, hãy đi với chúng tôi.”

Sara nhìn tôi và khi tôi nói dĩ nhiên cô có thể đi cùng, cô ôm tôi một cái thật nhanh. Ba chúng tôi vội vã tiến đến thang máy.



“Có phải chúng ta đang đi xuống tầng trệt không?” Tôi hỏi.

Patricia mau mắn gật đầu, còn Sara thì trông như thể cô sẽ đi theo chúng tôi đến tận cùng trời cuối đất mà không phản đối gì.

Khi cửa thang máy mở ra, chúng tôi bắt gặp một cảnh tượng vui vẻ. Darrell Williams và Cecilia Olesen đang ngồi đối diện với nhau, nói chuyện như thể không dứt ra được. Bà vợ ông gác đàn đã kín đáo rút lui và Joachim Olesen đang nhìn vợ vẫn ra ngoài cửa sổ. Darrell Williams hầu như không thể nhận ra nữa. Đột nhiên anh ta trở thành người đàn ông vui vẻ và quỵn rũ nhất quả đất, dù là nhìn từ xa. Khi chúng tôi bước ra, anh nghiêng người tới trước và hôn dịu dàng Cecilia. Patricia hài lòng kêu lục cục lần nữa và kéo

tay tôi.

“Thật sự là một ý tưởng hay khi đưa hai người cháu của ông ấy đến đây,” cô mỉm cười nói.

Khi tôi bắt đầu đi về phía họ, cô nắm tay tôi giữ lại.

“Khoan đã - chúng ta có thể nói chuyện với họ sau. Đừng quấy rầy niềm hạnh phúc của họ. Chúng ta hãy đến thăm một người hàng xóm mà tôi chưa được gặp mặt.”

Thật ra tôi muốn nói chuyện với Joachim Olesen, nhưng tôi đã nhanh chóng từ bỏ ý nghĩ đó khi Patricia hăm hờ chỉ tay vào cái cửa đầu tiên bên phải.



Andreas Gullestad mở cửa với nụ cười vui vẻ thường lệ và lập tức mời cả ba chúng tôi vào nhà. Anh ta chấp nhận lời giải thích của tôi về Patricia mà không hỏi han gì và nói thêm với vẻ tự trào rằng thật hay khi được gặp một người tuy ngồi xe lăn nhưng vẫn muốn đóng góp cho xã hội. Tôi bắt gặp họ trao nhau một nụ cười gượng gạo.

Trong lúc Gullestad đi vào nhà bếp để lấy vài cái tách và pha cà phê, tôi đưa Patricia vào vị trí ở gần cửa. Tôi và Sara ngồi xuống bên chiếc bàn trong phòng khách. Người chủ nhà của chúng tôi mang cà phê từ trong bếp ra và rót cho chúng tôi mỗi người một tách. Tôi vẫn đang nôn nóng muốn chứng minh giả thiết của mình rằng Joachim Olesen chính là Chân nai và không thể hiểu nổi Patricia mong chờ tìm được thông tin mới mẻ nào ở đây.

Chỉ đến khi Andreas Gullestad đã yên vị rồi hỏi liệu anh ta có thể giúp gì cho tôi hôm nay tôi mới chợt nhận ra có điều gì đó không đúng - rất sai nữa là đằng khác.

Nó vụt qua như ánh chớp khi ánh đèn trên trần bắt sáng với cái gì đó bằng bạc mà người chủ nhà của chúng tôi đang đeo quanh cổ.

Hoặc anh ta đã không đeo dây chuyền vào những lần gặp trước, hoặc chỉ đơn giản là tôi đã không để ý. Tôi ngồi đó, nhìn chăm chăm vào cái mặt dây chuyền như thể bị thôi miên. Còn Andreas Gullestad trông thư thái đến bực mình và không có chút gì đáng sợ khi ngồi đó trên chiếc xe lăn.

“Tôi e rằng tôi có một số câu hỏi khó đối với anh hôm nay...”

Andreas Gullestad ngược nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên, và gương mặt anh ta bỗng đanh lại. Nhưng anh ta trả lời với nụ cười thân thiện rằng mình sẽ cố hết sức giúp tôi - dù các câu hỏi có khó hay không.

“Anh vẫn khẳng định rằng anh không biết cái tên Chân nai?”

Nếu tôi đang trông chờ một sự đột phá nào đó, thì tôi đã thất vọng. Andreas Gullestad nhú mày. Anh ta không hề chớp mắt, và giọng nói vẫn đầy thân thiện.

“Tôi e rằng tôi sẽ làm anh thất vọng lần nữa. Tôi có thể đã nghe về nhân vật này dưới một cái tên khác, nhưng mô tả mà anh cung cấp cho tôi cho đến giờ vẫn khá mơ hồ. Liệu anh có chi tiết nào khác giúp khơi thông trí nhớ của tôi không?”

Tôi còn hơn cả hạnh phúc khi cung cấp những chi tiết này.

“Chân nai là một người dẫn đường trẻ tuổi đã giúp ông Harald Olesen khi ông phải băng qua biên giới đến Thụy Điển trong thời chiến tranh. Họ đã có vài chuyến đi cùng nhau, lần cuối cùng là vào tháng 2 năm 1944. Chuyến đi đã kết thúc trong bi kịch trên những ngọn núi nằm giữa Trysil và Salen. Không chỉ có ba tên lính Đức bị giết mà một cặp vợ chồng tị nạn người Do Thái cũng đã thiệt mạng. Chân nai đã trượt tuyết qua núi một cách can trường với đứa con của đôi vợ chồng nạn nhân trong áo khoác và đã thành công trong việc cứu mạng cô bé. Liệu câu chuyện này có nhắc anh nhớ ra điều gì không?”

Andreas Gullestad lắc đầu một cách dứt khoát.

“Không, tôi e rằng tôi vẫn không biết người Chân nai này. Tôi lớn lên không quá xa nơi đó và đã nghe nhiều câu chuyện đáng tin lẫn không đáng tin về những gì xảy ra trong vùng. Tôi không thể đảm bảo mình vẫn nhớ hết

mọi chuyện, nhưng tôi hẳn phải nhớ ra chuyện đó nếu từng được nghe. Anh có câu hỏi nào về quá khứ gần đây hơn mà tôi có thể có câu trả lời?”

Tôi gật đầu và nhanh chóng quyết định sẽ tấn công từ một góc độ khác.

“Có chứ. Vậy chúng ta có thể nói về người đàn ông bí ẩn trong chiếc áo khoác đi mưa màu xanh dương mà anh nói đã từng thấy trong tòa nhà này vào dịp lễ *Hiện xuống* hồi năm ngoái, nhưng từ đó không thấy lại nữa.”

Anh ta gật đầu trầm tư, với một chút miễn cưỡng.

“Nếu tôi nói rằng người đó bị trông thấy lớn vờn trong hành lang một lần nữa vào đêm mà ông Harald Olesen bị sát hại, rằng nếu anh thấy anh ta năm ngoái nghĩa là anh đã tự nhìn vào trong gương, và rằng chính anh là người đã quăng cái áo đó vào thùng rác... thì anh sẽ nói sao?”

Andreas Gullestad hơi thẳng người lại trên xe lăn, đặt tay phải trên đùi và nhấc tay trái lên để chỉ vào cái gì đó.

“Thì tôi sẽ nói rằng đó là một sự hiểu lầm kinh khủng mà tôi hy vọng sẽ có thể được giải quyết ngay tức thì. Tôi cũng có một cái áo khoác đi mưa màu xanh dương, nhưng như anh có thể thấy đó, nó vẫn còn được treo trên móc áo bên cạnh cửa ra vào!”

Anh ta đang chỉ tay về phía cửa sau lưng Patricia. Theo bản năng, tôi quay người nhưng không thấy cái áo khoác đi mưa màu xanh nào cả. Thậm chí tôi còn không thấy bất kỳ cái móc áo nào để nó có thể được treo vào. Thay vào đó, tôi nhìn thấy cú sốc trên gương mặt của Patricia. Nhưng chỉ đến khi tôi nghe một tiếng rên lớn từ Sara, tiếp nối bằng một tiếng thịch không rõ từ đâu vang lên thì tôi mới xoay đầu lại. Đã quá trễ.

Đó là một căn phòng rất khác với cái mà tôi thấy. Andreas Gullestad thân thiện, vô hại đã biến mất và cái xe lăn của anh ta nằm chỏng gọng trên sàn. Đứng giữa phòng là một người đàn ông cao cỡ tôi, chân anh ta giống như chân của một con báo sẵn sàng lao tới. Gương mặt anh ta đã thay đổi đến nỗi vài giây sau tôi mới nhận ra, vẻ thư thái của Andreas Gullestad đã không còn nữa. Bất chấp màu tóc đã thay đổi và gò má tròn hơn, giờ đây tôi có thể nhận ra gương mặt nghiêm nghị và tập trung của Chân nai trong tấm hình cũ. Tuy

nhiên, sự đổi thay lớn nhất và đáng ngại nhất là tôi đang nhìn thẳng xuống cái nòng của một khẩu Kongsberg cỡ 0,45.



“Đây là khẩu súng quân dụng cũ của cha tôi, và nó được giấu trong một cái túi bên trong đệm ngồi của chiếc xe lăn. Tôi đã ngồi trên vũ khí gây án suốt mười ngày qua, theo đúng nghĩa đen!” Anh ta cho biết điều này cùng nụ cười phảng phất trên môi, nhưng với một giọng nói rất khác và khó có thể nói là vui vẻ. Nó căng thẳng, nghiêm trọng và đe dọa nhiều hơn là thân thiện.

Andreas Gullestad đã trở thành một con người hoàn toàn khác khi anh ta vứt bỏ xe lăn và rút ra một khẩu súng. Tôi không còn nghi ngờ gì dù chỉ trong một khắc rằng đây chính là người đàn ông đã từng giết người - và sẵn sàng lặp lại việc đó một lần nữa. Ngón tay anh ta đã đặt sẵn trên cò súng. Điểm tích cực duy nhất là anh ta có vẻ như đã sẵn sàng để nói ra mọi chuyện. Và với một quả tim đang đập dồn, tôi lập tức chớp lấy thời cơ này.

“Tôi biết đây chính là khẩu súng đã giết ông Harald Olesen, nhưng nó đã giết bao nhiêu người trong chiến tranh rồi?”

Anh ta gật đầu với vẻ khâm phục.

“Bốn. Chính tôi đã bắn chết cả ba tên lính trong biển cố năm 1944. Tôi có thể sống với chuyện đó, mặc dù họ vẫn thường ám ảnh trong giấc mơ tôi mọi lúc. Chiến tranh là chiến tranh, và quân chiếm đóng là quân chiếm đóng. Điều tồi tệ hơn nhiều là tôi cũng đã bắn chết mẹ của cô bạn trẻ người Thụy Điển này.”

Một tiếng rên khác bật ra từ Sara. Gương mặt co rúm của Chân nai dường như cộng hưởng âm thanh đó. Rõ ràng anh ta đang sống lại những ký ức đau lòng. Tôi cố gắng một cách tuyệt vọng để thúc giục anh ta nói tiếp.

“Tôi đã có cảm giác rằng lời thuật lại của ông Harald Olesen ở Thụy Điển chỉ để đánh lạc hướng... thực sự chuyện gì đã xảy ra?”

Andreas Gullestad chậm rãi lắc đầu.

“Nó khác xa sự thật. Nếu nó là đúng thì mọi việc đã khác đi. Đúng là có một cuộc đọ súng xảy ra và ba tên lính Đức bị giết. Chi tiết không đúng là những người tị nạn đi với chúng tôi bị bắn chết trong cuộc đọ súng. Chính chúng tôi đã bắn họ vài phút trước đó.”

Tiếng rên rỉ của Sara mỗi lúc một lớn. Bàn tay của Chân nai run nhẹ trong khi anh ta tiếp tục với một giọng nói run rẩy.

“Nó đã ám ảnh tôi hàng ngày hàng giờ kể từ đó - và chuyện này hoàn toàn là do lỗi của Harald Olesen. Ông ta đã tước đi mạng sống của họ, đồng thời phá hoại cuộc đời tôi. Và ông ta phải chết vì những tội lỗi của mình.”

Tôi không nói gì thêm vì sợ sẽ kích động anh ta. May mắn là anh ta vẫn đang chìm đắm trong những ký ức của mình.

“Đúng là địa ngục trần gian, tôi đã phải sống lại ký ức đó mỗi ngày suốt từ lần ấy và hầu như mỗi đêm... Chuyến đi dài vô tận với những người tị nạn chậm chạp một cách tuyệt vọng vì họ chưa bao giờ sử dụng ván trượt trước đó. Tôi và ông Harald có thể dễ dàng cắt đuôi bọn Đức, nhưng chúng tôi không thể bỏ lại hai người tị nạn. Đến một lúc, ông ta nói với tôi là mọi hy vọng đã chết và tôi nên trốn đi khi còn có thể, nhưng tôi đã nói sẽ ở lại với ông ta và họ cho đến cuối cùng. Chúng tôi hy vọng sẽ giữ được mạng sống khi cơn bão bắt đầu quét tới và ba tên lính Đức quay về, nhưng ba tên còn lại vẫn tiếp tục và càng lúc càng tiến đến gần mình. Chúng tôi đã nghĩ đến việc ẩn náu ở đỉnh núi, nhưng bọn chúng đã thu hẹp khoảng cách trong khi chúng tôi kéo những người tị nạn lên theo mình. Chúng bắn vào chúng tôi từ phía dưới khi chúng tôi cuối cùng cũng lên đến đỉnh. Sau đó mọi thứ nhanh chóng không thể nhìn thấy được nữa, và gần như không thể tiếp tục di chuyển trong bão. Tôi biết đích xác chúng tôi đang ở đâu - chỉ vài dặm cách biên giới Thụy Điển - nhưng chúng tôi không thể nào đến được đó cùng những người tị nạn trong cơn bão tuyết dữ dội. Chúng tôi nấp suốt đêm sau một mỏm đá với hai người tị nạn càng lúc càng tuyệt vọng và một đứa trẻ đang khóc, thừa biết những kẻ săn đuổi có thể tìm thấy mình bất cứ lúc nào.

Chúng tôi ngồi đó hàng giờ liền, mỗi người một khẩu súng trong tay, sẵn sàng nả đạn nếu bị tấn công. Cuối cùng chúng tôi đánh liều đi tiếp vào buổi sáng, khi cơn bão đã yên. Ông Harald hy vọng rằng tốp lính Đức đã bỏ cuộc, nhưng tôi nghi ngờ điều đó. Thật khó để từ bỏ cuộc săn khi bạn đã đi quá xa và đến quá gần. Chúng tôi nép vào nhau, kiệt sức và căng thẳng, đúng lúc chuyện đó xảy ra.”

Chúng tôi nín thở lắng nghe. Anh ta nuốt nước bọt vài lần trước khi tiếp tục.

“Tôi vẫn không biết chính xác điều gì đã xảy ra nhưng đột nhiên Harald Olesen và người đàn ông đi cùng chúng tôi cãi nhau lớn tiếng. Một phát súng nổ vang. Ông Harald Olesen đứng đó, tê liệt với khẩu súng bốc khói trên tay, trở mắt nhìn vào người đàn ông đã chết nằm trên tuyết. Và rồi tôi thấy người vợ của người tị nạn vừa ngã xuống đó thét lên và vung nắm tay lao vào ông Harald. Không kịp suy nghĩ, tôi bắn vào đầu chị ta. Từ bấy đến nay tôi vẫn thường tự hỏi tại sao tôi bắn người phụ nữ đó. Tôi ngược nhìn ông Harald, không phải chỉ như một người lãnh đạo mà còn như một người cha vậy. Bản năng của tôi là bảo vệ ông ta trong mọi tình huống. Nhưng lúc đó, chị ta không có vũ khí, và tôi biết rõ như thế. Thế nên câu trả lời phải là tôi đã sợ rằng tiếng la hét của chị ta có thể khiến tốp lính Đức biết được chúng tôi đang ở đâu, tôi đã phát ốm và mệt mỏi với việc bị níu chân bởi chị ta và vì thế muốn chị ta chết.”

Chân nai lại nuốt nước bọt trước khi tiếp tục, nhưng bàn chân của anh ta vẫn đang nhịp, và ngón tay anh ta vẫn đặt trên cò súng.

“Tôi đứng như trời trồng. Cả hai người tị nạn đều nằm chết trên tuyết, và người mẹ vẫn còn địu đứa trẻ đang khóc trên vai. Ông Harald Olesen đứng như thể tê liệt vì sợ, mắt nhìn xuống họ. Rồi chúng tôi nghe thấy âm thanh của giọng nói và ván trượt ở bên kia mỏm đá. Trong một lúc tôi đã nghĩ đến việc tự sát, nhưng rồi quyết định liều mạng một phen. Tôi lao tới cái đụn tuyết gần nhất và nấp phía sau. Tôi nằm đó khi chúng xuất hiện. Harald Olesen vẫn còn chưa tỉnh ra. Tôi nhận ra hy vọng duy nhất là phải tự mình

giết sạch ba tên lính - và tôi chỉ còn có sáu viên đạn trong khẩu súng.”

Câu chuyện của Chân nai cũng căng thẳng như tình huống của chúng tôi hiện giờ và thực sự rất đáng sợ. Anh ta chớp mắt vài lần, nhưng bàn tay bây giờ đã vững vàng và ngón tay vẫn còn đặt trên cò súng.

“Ba tên lính còn trẻ: hai tên khoảng hai mươi lăm tuổi và một tên chắc chỉ vừa qua tuổi hai mươi mốt. Một cảnh tượng không ngờ đến đang chờ đợi chúng: hai người tị nạn đã chết trên tuyết và ông Harald Olesen đang đứng kia, vô tri vô giác. Tôi không ở cách quá xa bọn chúng và cố ngắm bắn trúng mục tiêu nhất có thể. Nhưng một trong số bọn chúng đã chỉ vào những dấu vết của tôi trên mặt tuyết, không còn thời gian để đắn đo nữa. Thế nên tôi bắn vào tên gần nhất rồi vội vã ngắm bắn tên tiếp theo. Tên đầu tiên ngã xuống ngay, và tên thứ hai trúng đạn trước khi có thể rút súng ra, nhưng tên thứ ba đã kịp rút súng bắn trả tôi vài phát. Tôi kịp thời nghiêng người né đạn hai lần ở phía sau đụn tuyết. Cuối cùng thì tôi đứng lên và chĩa súng vào hắn. Phát súng đầu tiên của tôi trượt. Hắn xoay người và ngắm bắn tôi. Chúng tôi bắn vào nhau cùng một lúc. Tôi cảm thấy áp lực của viên đạn bay sượt qua tai mình, nhưng viên đạn của tôi đã trúng ngực hắn. Hắn đứng đó và lao đảo một lúc với khẩu súng chĩa vào tôi, rồi khụy xuống, máu phọt ra. Khi tôi nổ súng lần nữa, viên đạn cắm vào ngay giữa trán hắn. Cảnh tượng đập vào mắt tôi khi tôi đi ra từ phía sau của đụn tuyết thật kinh khủng. Năm người chết nằm trên tuyết. Người đàn ông duy nhất đang đứng đó là ông Harald Olesen và có vẻ như ông ta vẫn còn bị tê liệt.”

Gương mặt Chân nai đanh lại. Câu chuyện của anh ta đầy kịch tính, và tôi chợt nghĩ rằng đây có thể là lần đầu tiên anh ta kể lại nó với ai đó. Đôi mắt anh ta nhìn tôi trừng trừng - còn khẩu súng thì vẫn chĩa vào tôi một cách đáng sợ.

“Anh có nhớ người lính Đức tôi đã nhắc tới với anh, người đã cố xoa dịu tôi khi họ đến bắt cha tôi? Đó là một trong số ba người đã đuổi theo chúng tôi - và là người thứ hai bị tôi bắn. Khi tôi đến bên cạnh, anh ta vẫn còn sống và cố nói điều gì đó với tôi. ‘Xi.’ Anh ta mở miệng hai lần nhưng không thể

nói hết từ. Sau này tôi nghĩ rằng có lẽ anh ta cố gắng để nói “Xin lỗi” bằng tiếng Đức - anh ta đang cố xin lỗi tôi, người đã bắn anh ta. Đó là một tình huống kinh khủng; bản thân anh ta cũng chẳng lớn hơn một cậu bé là bao. Tôi giở khẩu súng vào đầu anh ta và quay mặt đi khi bóp cò. Anh ta vẫn còn quay lại để ám ảnh tôi - chỉ vừa tối qua tôi đã bị đánh thức bởi khuôn mặt của anh ta.”

Một lần nữa đôi mắt của Chân nai trở nên đờ đẫn, nhưng chúng vẫn nhìn thẳng vào tôi, và tôi chắc chắn anh ta sẽ nổ súng ngay lập tức nếu tôi tiến tới dù chỉ một bước về phía anh ta. Tôi gật đầu một cách bình tĩnh nhất có thể trong niềm hy vọng rằng anh ta sẽ tiếp tục câu chuyện.

“Thế nhưng cú sốc tồi tệ nhất lúc bấy giờ mới xuất hiện. Sau khi tôi bắn viên đạn cuối cùng, tôi ngược mắt và thấy Harald Olesen đã nâng khẩu súng của mình lên, chĩa vào tôi. Ông ta nói gì đó đại loại rằng tôi đã thấy ông ta giết một người tị nạn nên tôi phải chết. Tôi đã chờ đợi ông ta siết cò và bắn chết tôi bất cứ lúc nào. Chỉ có Chúa biết được tôi đã nói những gì. Hình như tôi đã nói rằng có lẽ ông ta đã thấy tôi giết người vợ và rằng chúng tôi có chung bí mật. Rằng không có tôi thì tự ông ta sẽ không bao giờ tìm được đường về Na Uy, và đứa bé sẽ bị chết cồng mắt. Tôi nghĩ cái ý sau đã khiến rút cuộc ông ta hạ súng xuống và đưa đứa trẻ cho tôi. Trong trường hợp này, chính cô bé đã giữ lại sinh mạng cho tôi, và đến lượt mình tôi đã cứu sống cô bé. Hẳn nhiên là anh đã biết phần sau của câu chuyện. Ông ta ở lại phía sau để chôn cất người chết trong một cái hang gần đó. Tôi đã trượt tuyết như ma đuổi suốt đoạn đường đến Salen, để ra khỏi tầm bắn của Harald Olesen, và cũng để bảo toàn mạng sống cho đứa trẻ. Nó đã trở thành một nỗi ám ảnh: giết người mẹ xong, ít nhất tôi phải làm điều gì đó để cứu mạng đứa con.”

Chân nai đã trở lại hiện tại và phản ứng tức thì khi tôi rón rén giơ hai tay lên.

“Ồ yên đó! Cả tôi và khẩu súng này đều đã từng giết người!” Giọng nói của anh ta đánh thép, nhưng bên trong ẩn chứa một nỗi tuyệt vọng. Tôi gật đầu đầu dụi. Khó mà nghĩ được bằng cách nào chúng tôi có thể toàn mạng

rời khỏi đây. Hy vọng duy nhất là giữ cuộc đối thoại tiếp tục. Chính giọng nói dịu dàng của Sara đã giúp tôi.

“Cảm ơn anh đã cứu mạng tôi. Tôi tha thứ cho anh vì đã giết chết mẹ tôi - lúc đó anh còn trẻ và ở trong một tình cảnh mà anh đang rất lo sợ cho sinh mạng của mình. Cuối cùng thì việc biết được chuyện gì đã xảy ra sẽ giúp giảm nhẹ gánh nặng đau buồn. Anh có nhớ cái hang đó ở đâu không?”

Chân nai liếc nhìn về hướng Sara. Khi cô nói, một giọt nước mắt rung rung trong mắt cô. Nhưng anh ta vẫn tiếp tục chú ý đến tôi - và ngón tay anh ta đang ngọ nguậy trên cò súng.

“Tôi biết chính xác cái hang ở đâu. Nhưng cô sẽ chỉ tìm thấy phần sót lại của trang phục cùng với bộ xương của năm con người do số phận đã buộc phải chết cùng nhau vào một ngày mùa đông năm 1944. Tôi chưa bao giờ trở lại nơi đó, nhưng cũng chưa bao giờ tìm được cách để có thể sống tiếp. Tôi đã suy sụp trong những năm 1946 và 1947, khi báo chí viết về vụ hai người dẫn đường qua biên giới đã giết đôi vợ chồng Feldmann. Và trong những năm sau này, tôi đã sống với những ký ức đó hàng ngày hàng giờ - cùng với nỗi sợ một ngày nào đó bị phát hiện và trở thành ‘hung thủ giết vợ chồng Feldmann’ thứ hai trên trang nhất của mọi tờ báo.” Anh ta im lặng. Ngón tay anh ta bắt đầu run rẩy trên cò súng.

Tôi tiếp tục nói chuyện trong nỗi tuyệt vọng tuyệt đối.

“Tại sao anh không bỏ lại khẩu súng khi sát hại Harald Olesen?”

Nét đau đớn ngập tràn trên gương mặt chân nai.

“Đó là kế hoạch đầu tiên của tôi: một án mạng hoàn hảo được ngụy trang như vụ tự sát. Vấn đề là khi đó tôi bắt đầu lo lắng không biết liệu cảnh sát có dễ dàng truy theo khẩu súng quân dụng đó ngược về thời gian cha tôi phục vụ trong quân ngũ. Nếu có thể truy ngược đến ông, tôi sẽ đi đời. Tôi đã nghĩ đến việc đi tìm mua một món vũ khí không đăng ký nhưng Harald Olesen đã ngấp nghé ngưỡng cửa cái chết và đang chịu áp lực đáng kể từ quý cô Sara trẻ trung đây. Ông ta muốn lương tâm thanh thản và kể cho cô nghe sự thật trước khi chết. Thế nên rốt cuộc tôi không dám chờ lâu hơn nữa. Đó phải là

một vụ án mạng hoàn hảo không có vũ khí tại hiện trường, thay vì một vụ án mạng hoàn hảo có vũ khí nằm ở hiện trường. Còn với Jensen, việc mua một khẩu súng không đăng ký sẽ không dễ dàng vì tôi không thể thoải mái đi ra ngoài. Giải pháp là mua một model mới hơn từ một người bạn thời thơ ấu ngờ nghệch, người mà cả trước và sau vụ án mạng vẫn chấp nhận lời giải thích của tôi rằng tôi cần khẩu súng để cảm thấy an toàn tại Oslo. Tôi phải đi đến Gjøvik để thu xếp việc đó, do vậy mới có chuyến đi về nhà tôi cuối tuần trước.

“Khi anh đã giết một số người khi còn trẻ rồi dùng cả phần đời trưởng thành còn lại để sống với những ký ức và che giấu sự thật, anh trở nên giống như một con sói đơn độc. Tất cả đều xoay quanh việc sống sót và bảo vệ bản thân khỏi những mối nguy hiểm khả dĩ. Cái chết của ông Harald Olesen ở thời điểm này không làm tôi buồn lắm. Suy cho cùng, ông ta cũng không còn nhiều thời gian để sống. Và một phần lớn do sự phản bội của ông ta mà tôi trở thành con quái vật như hiện nay. Nhưng cuối cùng thì, chính nỗi sợ bị phát hiện đã khiến tôi siết cò súng; tôi bắn chết Harald Olesen khi ông ta nói với tôi rằng ông ta đã quyết định sẽ kể cho Sara nghe toàn bộ câu chuyện. Thế nên theo một cách nào đó, tôi bắn ông ta để tự vệ sau khi đã thử mọi cách khác. Nhưng tôi thừa nhận rằng trong đó cũng có một mong muốn trả thù muộn màng cho cuộc đời tan nát của tôi.”

Chân nai dừng nói và để ngón tay mình đùa nghịch với cái cò súng. Câu chuyện của anh ta đã kết thúc. Tôi lập tức cố gắng kéo dài nó.

“Rồi anh lại thực hiện một vụ án mạng nữa, để tránh nguy cơ bị bắt vì vụ đầu tiên?”

Anh ta gạt đầu hai cái, rồi chớp mắt một cách giận dữ.

“Vụ đó ám ảnh tôi nhiều hơn hẳn so với vụ sát hại Harald Olesen. Cho dù ông Konrad Jensen đáng ghê tởm đến thế nào, cho dù viễn cảnh tương lai của ông ấy có âm đạm như thế nào đi nữa, ông ấy lẽ ra có thể được sống những năm cuối đời của mình tại đây trong an bình, với tất cả nỗi chua chát và mặc cảm của mình. Nhưng cuộc điều tra của anh dường như đã có những

bước tiến nguy hiểm. Cần phải có một cái bung xung, và do là một cựu Phát xít, ông ấy rõ ràng là ứng viên tốt nhất. Tôi đã có kế hoạch ngay cả trước khi tôi giết Harald Olesen, và lá thư tuyệt mệnh đó được tôi đánh máy ở Gjøvik vào cuối tuần trước. Sau vụ án mạng, ông ấy sợ hãi tất cả mọi người và mọi việc, nhưng cũng cô đơn đến tuyệt vọng. Và ông ấy không thể hình dung được một thằng què thân thiện và tinh tế lại có thể là một gã sát nhân. Thế nên trong lúc bà vợ ông gác đan đang ra ngoài đi chợ, tôi gõ cửa nhà ông ấy. Đầu tiên ông ấy rất cảnh giác, nhưng rồi mở cửa khi thấy tôi và tất cả những gì tôi muốn chỉ là uống một cốc cà phê, ngồi tán gẫu trong quãng thời gian đầy hoài nghi này. Ông ấy ký lá thư tuyệt mệnh với khẩu súng gi vào trán mà không biết đang ký những gì, và chết không đau đớn chỉ sau đó vài giây, không kịp biết gì hết. Đó là một kết thúc buồn cho một cuộc đời bi thảm. Nhưng Konrad Jensen là sự hy sinh cần thiết cho một lí do lớn lao hơn và quan trọng hơn - đó là cuộc đời tôi; sự tự do của tôi và danh dự của tôi.”

Anh ta dừng nói; một sự im lặng chết chóc bao trùm trong căn hộ. Tôi nỗ lực lần cuối cùng để ngăn anh ta nổ súng.

“Tôi hiện có bốn cảnh sát được vũ trang đứng gác ngoài phố. Anh sẽ bị bắt không mấy khó khăn; và hình phạt của anh sẽ nặng hơn sau mỗi vụ án mạng anh gây ra.”

Anh ta gật đầu, nhưng không mỉm cười - cũng không cho thấy bất kỳ dấu hiệu nào của sự tuyệt vọng hay yếu đuối.

“Tôi đoán rằng trường hợp này cũng sẽ như thế. Thế nên giờ tôi thực sự trở lại với cái đụn tuyết năm 1944 mà trong giấc mơ tôi đã từng đi thăm lại quá nhiều lần. Tôi phải cố mà bắn để tìm đường thoát thân, bất chấp tất cả, và tôi không còn gì để mất khi cố làm điều đó. Đã có quá nhiều xác chết, nên bây giờ tôi không thể quay đầu được nữa. Bốn cảnh sát trong thành phố cũng không cho cảm giác tuyệt vọng giống như khi anh phải liều mạng với ba tên lính trên núi vào tuổi mười sáu.”

Câu trả lời của anh ta trở nên ngắn hơn, và giọng điệu cứng rắn hơn. Bộ não tôi điên cuồng tìm kiếm một câu hỏi mới để giữ cho cuộc đối thoại tiếp

diễn - và cuối cùng nó cũng tìm được một câu.

“Nhưng làm thế quái nào anh có thể thuyết phục được cả thế giới rằng anh bị tàn tật?”

Chân nai thỉnh linh mỉm cười, và một thoáng tự hào vụt sáng trên gương mặt anh ta.

“Tai nạn giao thông đó là thật và khá phiền phức. Tôi bị đâm xe vào một ngày nọ, khi đang ở giữa một giao lộ và đột nhiên bị những ký ức từ thời chiến tranh ùa về trong đầu. Trong một thời gian, các bác sĩ đã sợ rằng tôi sẽ phải ngồi xe lăn suốt đời. Bản thân tôi thì thấy mọi việc đang tiến triển và tôi sẽ hồi phục lại. Nhưng tôi chợt nghĩ việc giữ cái xe lăn có thể là một vỏ bọc hoàn hảo - chắc chắn là cho tới khi nợ nần của tôi với Harald Olesen được giải quyết xong. Điều đó không quá khó khăn. Ai lại đi nghi ngờ những tổn thương nơi một người đàn ông bị tai nạn, đã được điều trị, người vẫn tiếp tục ngồi xe lăn và không yêu cầu bất kỳ khoản tiền trợ cấp nào từ Chính phủ? Nhưng lẽ ra anh nên nghiên cứu kỹ hơn cái chữ ký, bởi vì đó là giả!”

Anh ta bật cười lần nữa - lần này là một nụ cười kinh khủng, méo mó nhưng đắc thắng, khiến tôi lạnh hết sống lưng.

“Đừng bao giờ đánh giá thấp một người đàn ông giả vờ tàn tật. Chính Harald Olesen từng một lần khuyên tôi như thế trong chiến tranh. Đó là sai lầm duy nhất của anh trong cuộc điều tra này, nhưng cũng là một sai lầm tai hại.”

Và rồi đột nhiên cuộc đối thoại chấm dứt. Trong vài giây khủng khiếp đó, Chân nai nâng súng ngắm vào ngực tôi. Thật kinh hãi khi nhìn ngón tay cong lại trên cò súng trước mặt mình. Tôi sẽ không mong điều đó thậm chí là cho kẻ thù xấu xa nhất của mình. Nỗi sợ khiến tôi tê liệt. Nhưng đột nhiên một âm thanh mới vang lên trong phòng. Đó chính là giọng nói mạnh mẽ và quyết đoán của cô Patricia thần thánh.

“Tôi đang ngắm vào đầu anh, Chân nai. Anh có thể bắn anh ấy, nhưng rồi tôi sẽ bắn anh. Chuyến bay của anh đã kết thúc rồi. Việc tốt nhất anh có thể làm, cho bản thân anh và cho cả những người khác, là giao nộp khẩu súng

cho thanh tra.”

Trong một khoảnh khắc dài vô tận, Chân nai dường như cũng bị tê liệt. Anh ta liếc mắt sang bên, về phía cửa chính, để đảm bảo rằng ở đó thật sự có một khẩu súng đang chĩa vào mình. Sau đó anh ta tập trung sự chú ý vào tôi trở lại.

Chúng tôi có lẽ đã đứng yên như thế trong không quá mười giây, nhưng nó dài như thể một giờ. Tôi chỉ cách Chân nai vài bước chân và giờ đã sẵn sàng lao vào tấn công anh ta. Bản năng càng lúc càng thúc đẩy tôi cố tước khẩu súng khỏi tay anh ta nếu anh ta hạ vũ khí hoặc nhìn sang bên một lần nữa. Một lần nữa đôi mắt của Chân nai lại đờ đẫn. Dường như anh ta đang lạc lối trong chính thế giới của mình. Nhưng khẩu súng trên tay anh ta vẫn hướng vào ngực tôi, và ngón tay vẫn đặt trên cò súng. Tôi cảm thấy anh ta đã thực sự trở lại đằng sau cái đụn tuyết năm 1944 đó, phân vân giữa bỏ cuộc rồi tự sát và cố bắn để tìm đường thoát thân.

Rồi dường như anh ta đã quyết định. Rất chậm rãi, anh ta hạ nòng súng xuống sàn. Tôi bước tới trước một bước ngay khi khẩu súng không còn nhắm vào mình nữa. Tôi không có thời gian để suy nghĩ khi Chân nai bất ngờ nhảy hai bước sang bên cạnh, ngòai xỏm xuống và trong chớp mắt chĩa súng về phía cửa. Chính bản năng thuần túy và nỗi sợ trông thấy Patricia bị bắn chết đã khiến tôi lao vào anh ta.

Tôi đụng anh ta rất mạnh lúc đúng lúc súng nổ. Viên đạn bay lên và trúng trần nhà phía trên Patricia. Một lần nữa, với bản năng thuần túy, tôi đánh vào tay cầm súng của Chân nai. Khẩu súng văng khỏi tay anh ta, rơi xuống sàn và may mắn trượt vào dưới ghế sofa.

Điều tiếp theo mà tôi nghe được là giọng nói cứng rắn và lạnh lùng nhất của Patricia: “Ồ yên tại đó và cầm cự động, Chân nai. Giờ hai tay ra phía trước. Nếu không tôi sẽ bắn vào chân anh!”

Tôi tưởng sẽ có nhiều kịch tính hơn nữa trong vài giây tiếp theo, nhưng như thể có phép màu, Chân nai thay đổi lập tức. Anh ta trở lại là một Andreas Gullestad thư thái và thân thiện. Anh ta bình tĩnh đưa cả hai tay

mình ra trước, tỏ ra gần như nhẹ nhõm khi cuối cùng tôi cũng rút bộ còng ra và còng tay anh ta lại. Đột nhiên anh ta có vẻ như đã chấp nhận số phận của mình.

“Cũng đừng đánh giá thấp một người phụ nữ thật sự tàn tật!” Patricia kêu lên khi chúng tôi đi ngang chiếc xe lăn của cô trên đường ra ngoài. Tôi ôm chầm lấy cô ngay sau khi tổng kẻ bị bắt giữ ra hành lang. Và tôi đã cảm thấy cú sốc cuối cùng của tôi trong ngày. Trái ngược hoàn toàn với giọng nói bình thản và gương mặt điềm tĩnh của Patricia, tôi có thể nhận thấy cảm xúc trong con người cô. Tôi chưa bao giờ cảm thấy nhịp đập nhanh và mạnh như vậy ở bất kỳ ai. Nhịp tim của trong cơ thể mảnh khảnh nhỏ bé của cô như sấm động và đầy cuồng nộ.



Khi ra ngoài hành lang, Andreas Gullestad rõ ràng đã bình tĩnh trở lại. Lúc tôi tuyên bố anh ta bị bắt giữ vì tội sát hại Harald Olesen và Konrad Jensen, anh ta còn tự nguyện thêm vào: ‘Đừng quên vụ giết hại một người tị nạn và là đồng phạm của vụ sát hại người tị nạn thứ hai, cộng thêm tội mưu sát một viên cảnh sát và hai người khác vào ngày hôm nay. Tôi sẽ trả giá đắt đây’. Khi ra đến cửa tòa nhà, anh ta khen ngợi tôi vì đã bố trí một quý cô thiện xạ cải trang thành người tàn tật ở vị trí khuất tầm mắt bên cạnh cửa căn hộ.

Việc tôi đi ra cùng với Andreas Gullestad bị còng tay đã gây ra khá nhiều xô xao nơi những người đang chờ ở cửa trước. Đặc biệt khi anh ta điềm tĩnh cam đoan với họ rằng vụ án giờ đã hoàn toàn khép lại và hung thủ đã bị bắt, lại còn chúc mừng tôi vì cuộc điều tra thành công.

Một khi hung thủ đã được giải đi bởi hai cảnh sát viên và tôi đã giải thích đầu đuôi cho những người hàng xóm, họ gần như xếp hàng để chúc mừng tôi. Darrell Williams đặc biệt chân thành khi bắt tay chúc mừng tôi và cảm ơn tôi về mọi sự giúp đỡ. Khi thấy anh và Cecilia Olesen đứng bên nhau tươi

cười, trong thoáng chốc tôi cảm nhận được điều mà Chân nai ắt hẳn đã cảm thấy khi cứu mạng Sara vào năm 1944 - quả thực là gieo nhân nào gặt quả ấy.

Cảm giác này không hề giảm đi khi vài giây sau, tôi thấy Sara Sundqvist tươi cười bước xuống cầu thang tiến về phía tôi. Cô ôm tôi một cách nồng nhiệt rồi nói nhỏ với tôi rằng Patricia muốn đi về nhà càng sớm và càng kín đáo càng tốt. Chúng tôi đã thu xếp việc này mười lăm phút sau đó, khi tôi dùng giọng uy quyền yêu cầu mọi người giải tán với lời giải thích mông lung là để ‘hoàn tất cuộc điều tra’.

Một cách tự nhiên, tôi cảm thấy nhẹ nhõm và hoàn toàn sung sức khi cuối cùng tôi cũng lên xe với Patricia, nhưng tôi vẫn nhận thấy băng ghế sau im ắng khác thường. Mặc dù Patricia là người duy nhất tinh táo từ đầu đến cuối vụ bắt giữ Andreas Gullestad trong căn hộ của anh ta, trong kính chiếu hậu giờ đây cô dường như là người bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi biến cố ngày hôm nay. Cô hoàn toàn im lặng trong suốt đoạn đầu của chuyến đi. Rồi cô cắt ngang nỗ lực bắt chuyện của tôi với một lời giải thích vội vã rằng mình đang mệt và cần thời gian để tiêu hóa những gì đã xảy ra. Cô đề nghị tôi ghé qua gặp cô vào buổi trưa hôm sau, khi đó tôi sẽ được mời một bữa trưa tươm tất và sẽ có câu trả lời cho bất kỳ thắc mắc nào còn sót lại. Trong lúc này, cô khuyên tôi chỉ nên nói về vụ án với những diễn biến chung chung và cần giảm thiểu vai trò của cô trong cuộc điều tra này nhiều nhất có thể, đặc biệt là với cánh báo chí. Dĩ nhiên tôi hứa sẽ làm điều đó với cảm giác nhẹ nhõm trong lòng.

Chúng tôi chào tạm biệt với một tâm trạng thờ ơ khác thường. Tuy vậy, khi Beate mở cửa xe và đón lấy chiếc xe lăn, Patricia thoáng mỉm cười cảm ơn tôi về “một chuyến đi dạo thành phố đặc biệt thú vị và nhiều sự kiện.”

Phần còn lại của buổi tối được dành cho việc thông tin tới những đồng nghiệp cảnh sát và các ký giả về diễn biến giật gân của vụ án. Tôi lờ đi mọi câu hỏi về chi tiết của cuộc bắt giữ này, thay vào đó cung cấp nhanh lời tự thú của hung thủ và một tóm tắt ngắn gọn về câu chuyện của anh ta. Tôi

nhận được một cơn mưa những lời chúc tụng và khen ngợi; đặc biệt trong việc bí mật tiếp tục cuộc điều tra sau vụ sát hại Konrad Jensen. Tôi báo cáo với sếp trong mười lăm phút; trong đó vai trò của Patricia đã được giảm thiểu đến mức thậm chí tôi còn không nói rằng cô có mặt trong cuộc bắt giữ hung thủ. Ông sếp nói rằng tôi đã làm vẻ vang cho lực lượng; và bắt tay tôi ba lần. Đó là đêm trước lễ Phục sinh; và cuối cùng thì tôi cũng đi ngủ vào khoảng nửa đêm; đầy lạc quan với tương lai của mình trong lực lượng cảnh sát và về những gì báo chí sẽ viết vào sáng thứ Ba.

NGÀY THỨ MƯỜI MỘT



DỌN DẸP VÀ KẾT LUẬN

Như các độc giả lớn tuổi và quan tâm đến vụ án có lẽ còn nhớ, đã không bao giờ có một phiên tòa lớn xét xử những vụ án mạng tại số 25 phố Krebs. Tôi bị đánh thức bởi một cuộc điện thoại sớm ngày 14 tháng 4 năm 1968, mặc dù đó là ngày Chủ nhật, lại còn là ngày Chủ nhật Phục sinh nữa. Lúc đó khoảng gần 8 giờ. Cuộc gọi đến từ trại tạm giam Oslo, nơi người ta vừa mới phát hiện Andreas Gullestad đã chết trong phòng giam của mình.

Tôi lái xe thẳng đến trại tạm giam, nơi người trưởng trại báo cho tôi biết chuyện đã xảy ra với một sự ân hận sâu sắc. Khi đến trại, Andreas Gullestad tỏ ra hoàn toàn hợp tác và không làm điều gì để khiến họ phải áp dụng bất kỳ biện pháp đặc biệt nào. Sau đó anh ta đã hỏi xin một ít giấy và cây viết để thảo một bản tự thú đầy đủ chi tiết hơn mà anh ta hy vọng sẽ giúp ích cho cuộc điều tra. Anh ta rõ ràng đã thức rất khuya, vì ba trang giấy ken đặc chữ và một trang đôi bản đồ đã được để lại trên bàn. Nhưng khi bữa sáng được đem vào, anh ta đã nằm chết trên giường với nụ cười trên môi.

Trên bàn là một lá thư được viết như sau:

Oslo, ngày 13 tháng 4 năm 1968

Gửi Thám tử điều tra Kolbjorn Kristiansen - và bất kỳ ai khác mà anh có thể muốn chia sẻ việc này,

Để tiết kiệm những chi phí pháp lý không cần thiết, tôi ký tên dưới đây xin xác nhận là người đã hãm chết ông Harald Olesen ở số 25 phố Krehs vào thứ Năm, 4 tháng 4 năm nay. Động cơ của tôi là trả thù và mong muốn ngăn chặn ông ta tiết lộ những chi tiết của vụ phạm tội vào năm 1944 được trình bày bên dưới. Để nguy trang cho vụ giết ông Olesen, sau đó tôi giết tiếp ông Konrad Jensen ở cùng địa chỉ vào thứ Ba ngày 9 tháng 4 năm nay.

Tôi cũng thú nhận đã giết người tị nạn Anna Maria Rozenhal ở sát biên

giới Thụy Điển gần Trysil vào ngày 21 tháng 2 năm 1944. Tuy nhiên, tôi không chịu trách nhiệm cho cái chết của chồng cô ấy, Felix Rozenthal, người đã bị ông Harald Olesen bắn chết chỉ vài giây trước đó, với sự chứng kiến của tôi. Để biết thêm chi tiết về bốn vụ án mạng này, hãy tham khảo những lời khai mà tôi đã cung cấp cho anh trước sự có mặt của những người làm chứng trong buổi chiều hôm nay.

Tôi muốn chúc mừng anh vì đã tiến hành điều tra một cách hoàn hảo hai vụ sát hại ông Harald Olesen và ông Konrad Jensen. Trong mười ngày qua, anh không chỉ phá được hai vụ án mạng này mà còn hai vụ khác xa xưa hơn, mà anh chưa từng được biết cho đến khi mở cuộc điều tra này. Quả là rất không may cho tôi khi anh được chỉ định cầm đầu cuộc điều tra này. Thật là một sự ngạc nhiên không hề dễ chịu khi biết anh lần theo dấu tôi nhanh chóng như thế nào, nhờ những kết luận sắc sảo có được trong vài ngày tiếp sau cái chết của Harald Olesen. Tuy nhiên, nghiệp vụ của anh sau cái chết của ông Konrad Jensen thậm chí còn tuyệt vời hơn nữa, khi anh chính thức dừng cuộc điều tra nhưng thực tế là đẩy mạnh nó. Tôi đã cảm nhận được anh nguy hiểm như thế nào khi một lần nữa anh hỏi tôi về mối liên hệ trước chiến tranh giữa cha tôi với ông Harald Olesen, vào ngày tiếp theo. Nhưng chỉ đến thứ Sáu, khi tôi nhận được mệnh lệnh phải sẵn sàng để thẩm vấn trong dịp cuối tuần, tôi mới nhận ra nguy hiểm vẫn còn đó, cuộc điều tra thực tế vẫn đeo đuổi tôi và đang tiến triển. Và cuối cùng, anh lại lừa tôi một lần nữa trong cuộc bắt giữ hôm nay khi bố trí một nữ xạ thủ cải trang thành cô thư ký tàn tật ở vị trí khiến tôi không thể quan sát cả hai người cùng một lúc.

Tự đáy lòng, tôi cũng muốn cảm ơn anh vì đã giải thoát tôi khỏi bản thân mình - vì với việc bắt tôi, anh đã ngăn không để tôi gây thêm bất kỳ cái chết nào vào cái gánh nặng vốn đã quá khủng khiếp của mình. Tôi muốn gửi lời xin lỗi chân thành đến anh và đến quý cô Sara Sundqvist về những sự việc gây phiền lụy sâu sắc, và tôi mong rằng hai người sẽ hiểu đó chỉ là những hành động xảy ra trong sự tuyệt vọng hoàn toàn. Nhân đây, nếu việc

này được quan tâm, tôi xin tuyên bố tôi đã phạm tội mưu sát một thanh tra cảnh sát.

Tôi cũng gửi lời xin lỗi sâu sắc đến cô Sundqvist về trách nhiệm của mình trong cái chết của mẹ cô. Tôi vẫn nhìn nhận đó là tội ác lớn nhất của mình. Tôi hy vọng rằng nỗ lực cứu sống cô bằng cách nào đó có thể bù đắp cho tội ác trên. Vì giờ đây tôi hiểu rằng cô có một mong ước lớn lao được viếng phần mộ của cha mẹ mình, tôi để lại một bản đồ vẽ tay cùng với lá thư này, để có thể giúp cô tìm được cái hang đó.

Tôi ý thức rất rõ rằng tiền bạc không bao giờ có thể bù đắp đầy đủ cho sự mất mát người thân, nhưng hy vọng sẽ mang lại chút an ủi khi tôi để lại cho cô Sara Sundqvist một nửa tài sản của mình. Một nửa còn lại tôi để lại cho chị gái của tôi, một lần nữa xin gửi lời tạ lỗi sâu sắc đến chị về những nỗi đau đớn có thể gây ra cho chị và gia đình khi tội ác của tôi bị phơi bày. Theo gương ông Harald Olesen, tôi để lại căn hộ số 25 phố Krebs cho bà Randi Hansen luôn-luôn-tận-tâm.

Tôi hy vọng rằng lá thư này sẽ giúp anh hiểu cho cái chết đang đến gần của tôi, thứ mà giờ đây sẽ tránh cho tôi việc ra hầu tòa. Tôi thừa nhận rằng hành động tự sát của tôi chủ yếu được dẫn dắt bởi sự ích kỷ. Viễn cảnh của một phiên tòa kéo dài, trong đó phơi bày chi tiết những án mạng mà tôi đã gây ra, còn đau đớn hơn mức án nặng nề mà chắc chắn tôi sẽ phải chịu. Tuy nhiên, tôi hy vọng và tin rằng cái chết của tôi trước bất kỳ phiên tòa nào cũng là một sự khuây khỏa không chỉ cho tôi và gia đình, mà cả cho cô Sara Sundqvist và những người hàng xóm tại phố Krebs, cũng như với các bạn bè thân hữu của ông Harald Olesen và ông Konrad Jensen.

Như trước đây tôi đã kể với anh, tôi đánh mất đức tin vào một ngày tháng 1 năm 1941 khi nhận được tin cha mình đã bị bắn chết bởi quân Đức. Tôi chưa bao giờ khôi phục niềm tin vào Chúa lòng lành và toàn năng được nữa. Do đó tôi chết đi trong sự hài lòng với niềm tin rằng, xét hoàn cảnh hiện tại, không có thiên đường và cũng không có địa ngục ở thế

giới bên kia, chỉ có một khoảng trống mênh mông, nơi cuối cùng tôi cũng có thể tìm được sự bằng an trước những ký ức và sự ăn năn vô hạn, vốn đã đeo đuổi tôi mỗi ngày và hầu như mỗi đêm trong phần đời trưởng thành của mình.

Và cuối cùng, để giải mã bí ẩn cái chết của bản thân tôi: tôi tự sát bằng cách nuốt một viên thuốc độc mà tôi đã đem theo vào phòng giam. Anh chắc đã biết rằng trong suốt chiến tranh, nhiều thành viên của phong trào Kháng chiến đã tự sát với những viên thuốc được giấu trong người này. Trong những chuyến vượt biên giới với người tị nạn của tôi vào thời chiến, tôi luôn mang theo viên thuốc độc trong một mặt dây chuyền bạc, nguy trang như một phần của sợi dây đeo cổ. Tôi bắt đầu đeo nó trở lại sau chỉ thị của anh vào thứ Sáu. Hy vọng rằng tôi là người cuối cùng ở Na Uy còn đem theo một trong số những viên thuốc độc thời chiến này và rằng khi kết thúc lá thư dưới đây, tôi sẽ là người cuối cùng phải nuốt một viên.

Với sự kính trọng sâu sắc, *Andreas Gullestad*

(Tên thánh *Ivar Storkkog* và thường được biết với bí danh *Chân nai* trong chiến tranh)

Trưởng trại giam nhẹ nhõm thấy rõ khi tôi tỏ ra thông cảm với ông ta về việc đã không thu giữ sợi dây chuyền của phạm nhân. Tôi phải thừa nhận rằng bản thân tôi cũng không hình dung nó che giấu một bí mật chết người.

Khi tin tức về sự thành công của cuộc điều tra lan rộng, điện tín và hoa tươi tràn vào văn phòng. Việc hung thủ tự sát trong phòng tạm giam không làm giảm nhẹ sự thật rằng cuộc điều tra phá án đã được tiến hành hoàn hảo - và rõ ràng không hề làm giảm bớt những lời tán dương. Tôi cũng nhanh chóng nhận ra rằng những câu hỏi có tiềm năng gây khó chịu về chi tiết vụ án giờ không còn phù hợp nữa.



Có một cú sốc nhẹ khi tôi bước vào phòng khách của Patrica lúc 12 giờ 5 phút ngày Chủ nhật hôm đó. Đây là lần đầu tiên mà tôi và Patricia không ở một mình sau sự rút lui vội vã của cô hầu gái. Cô Sara Sundqvist đang ngồi cạnh Patricia và mỉm cười thân thiện với tôi.

Patricia nháy mắt thân thiện với tôi và đưa tay về phía người khách của mình.

“Tôi tự cho mình quyền tự do mời thêm một người khách khác đến nhà vào hôm nay. Tôi hiểu rằng quý cô Sundqvist trẻ trung đây dĩ nhiên cũng sẽ muốn nghe một lời giải thích về một số chi tiết.”

Tôi chợt cảm thấy hài hước khi ‘quý cô Sundqvist trẻ trung’ rõ ràng lớn hơn ‘quý cô Borchmann’ ít nhất khoảng sáu tuổi. Sara gật đầu đồng tình và nhìn tôi với đôi mắt van nài. Tôi cố gật đầu đáp lễ thân thiện và ép mình điềm tĩnh ngồi xuống chỗ mọi khi, ở phía bên kia bàn. Phải nói rằng cảm giác tự nhiên của tôi khi thấy Sara là một niềm vui phấn khích. Tuy nhiên, cảm giác này sớm bị thay thế bởi một sự không thoải mái tăng dần. Vì nhiều lẽ, tôi không muốn Sara phát hiện ra thành công mà cuộc điều tra đạt được là nhờ vào Patricia tới mức độ nào. Tuy nhiên, tôi bị đặt vào thế đã rồi khi cô có mặt trong suốt bi kịch của ngày hôm qua.

Còn nhiều kịch tính hơn nữa đang chờ, vì tôi phải bắt đầu bằng việc kể cho họ nghe về vụ tự sát của Andreas Gullestad. Sau đó tôi đặt lá thư và tám bản đồ mà anh ta để lại lên bàn. Dường như Patricia không đặc biệt ngạc nhiên hay thất vọng gì với tin này. Ngược lại, Sara bộc lộ cảm xúc mãnh liệt khi cô đọc lá thư và trào nước mắt. Bất chấp những tội ác mà anh ta đã thực hiện, cô vẫn luôn biết ơn Chân nai, người đã thách thức thần chết khi trượt tuyết qua núi để cứu mạng cô. Đột nhiên tôi cảm thấy một sự đồng cảm lớn lao với Sara và cũng miễn cưỡng thừa nhận rằng tôi vừa thương lại vừa giận Andreas Gullestad, kể giờ đây đã thành người thiên cổ.

Dường như Patricia có tâm trạng tốt hơn hẳn và nhẹ nhõm hơn tôi hôm trước. “Vậy còn điều gì mà chúng ta phải bàn luận liên quan đến kết thúc thành công của vụ án này nữa chứ?” Cô hỏi vui khi bữa trưa đã được dọn lên

bàn.

Chúng tôi nâng ly chúc mừng lẫn nhau, chúc mừng cả việc kết thúc cuộc điều tra án mạng kịch tính suốt mười ngày qua.

Sau khi Sara ngưng khóc, cô đặt ra một số câu hỏi vừa khó vừa dễ. Tôi mừng thầm khi trong những câu trả lời của mình, Patricia luôn đề cao những nỗ lực của tôi hết mức có thể. Được truyền cảm hứng, bản thân tôi cũng cố trả lời những câu hỏi ngày càng nhiều của Sara. Tôi chỉ hơi phiền lòng khi có một số câu hỏi rất muốn đặt ra cho Patricia nhưng không thể làm thế trước sự hiện diện của Sara, vì như vậy sẽ để lộ sự kém cỏi của bản thân. Tuy nhiên, tôi cũng có được một số câu trả lời gián tiếp cho chúng.

Để trả lời câu hỏi của Sara rằng từ lúc nào chúng tôi bắt đầu nghi ngờ Andreas Gullestad, Patricia cho biết anh ta mau chóng trở nên đáng chú ý sau vụ sát hại ông Konrad Jensen. Khi cuộc khám xét căn hộ của Konrad Jensen cho thấy lá thư tuyệt mệnh không thể nào được viết bởi ông ta, số đối tượng tình nghi đã thu hẹp lại sau khi so sánh kỹ lưỡng hai vụ án mạng. Mọi người dân sống tại số 25 phố Krebs trên lý thuyết đều có thể sát hại ông Harald Olesen, nhưng chỉ có bốn người hàng xóm có cơ hội để vút đi cái áo khoác đi mưa màu xanh dương sau vụ án mạng: bà vợ ông gác đàn, Andreas Gullestad, Karen Lund và Sara Sundqvist. Trong số đó, Sara ít có khả năng là kẻ sát nhân nhất, chủ yếu là do không thể nào có chuyện cô lọt được vào trong căn hộ của ông Konrad Jensen. Khó mà hình dung được một tình huống mà ông Konrad Jensen, vốn đang sợ hãi và có sự nghi kỵ sâu sắc với người Do Thái, lại có thể cho cô vào nhà.

Với ba người còn lại, Andreas Gullestad rõ ràng có khả năng là hung thủ, ngay khi chữ ‘C’ trong quyền nhật ký được kết nối với câu chuyện của Chân nai. Bức tranh trở nên rõ ràng hơn khi trong chuyến đi đến Thụy Điển, tôi phát hiện ra Chân nai có tuổi đời rất trẻ trong chiến tranh - và nhân vật này có một mối thù sâu nặng với ông Harald Olesen do một biến cố mà anh ta đã trải qua trong quãng thời gian đó. Chuyến đi nghỉ cuối tuần của Gullestad ở Gjovik rất phù hợp với giả thiết rằng anh ta có thể viết một lá thư tuyệt mệnh

và chuẩn bị một khẩu súng mới để giết ông Konrad Jensen. Những mảnh ghép cuối cùng khớp vào đúng vị trí khi lời khai của Sara xác nhận rằng người đàn ông trong chiếc áo khoác đi mưa màu xanh dương đã đến thăm ông Harald Olesen vào đêm xảy ra án mạng và di chuyển với những bước chân nhẹ nhàng đặc trưng của Chân nai. Cho đến lúc đó, vẫn còn nhiều giải thích khả dĩ khác cần phải được kiểm tra, mặc dù chúng càng lúc càng tỏ ra ít có khả năng hơn.

Khi nhìn lại, Andreas Gullestad đã luôn là một lựa chọn thực tế với đầy đủ động cơ và cơ hội. Tuy nhiên, việc này đòi hỏi người điều tra phải có nhãn quan đủ xa để không bị lầm tưởng rằng chỉ vì ai đó ngồi xe lăn thì anh ta không thể di chuyển được nếu thiếu nó. Việc không có bất kỳ bên liên quan nào trong vụ án này đặc biệt có bước chân nhẹ nhàng, điều này đương nhiên sẽ khiến chúng ta hướng sự quan tâm đến một người mà chưa ai từng thấy bước đi. Một điều cũng khá thú vị là Andreas Gullestad có thể nhớ cái ngày mà anh ta đã thấy người đàn ông trong chiếc áo khoác đi mưa màu xanh, đặc biệt khi bà vợ ông gác đàn cũng xác nhận đã thấy một người đàn ông như thế trong tòa nhà. Nhưng điều này cũng không thể bác bỏ việc chính Andreas Gullestad có thể là người đàn ông mặc chiếc áo khoác đi mưa màu xanh.

Tôi gật đầu đồng ý với lý lẽ của Patricia và cảm thấy nhẹ nhõm khi nhận ra Sara dù bị ấn tượng khá mạnh nhưng không hỏi thêm bất kỳ câu hỏi nhạy cảm nào. Cô nhanh chóng chuyển từ việc hỏi về cuộc điều tra sang xin lỗi cho những hành vi sai trái của mình. Sara gần như trào nước mắt khi cô nghiêng người qua bàn về phía tôi và xin tôi thứ lỗi vì đã trì hoãn cung cấp những thông tin quan trọng cho cuộc điều tra. Ngay cả khi mọi thứ đã kết thúc giữa cô và Kristian Lund sau vụ án mạng của ông Harald Olesen, cô vẫn cảm thấy bắt buộc phải gìn giữ thỏa thuận giữa họ cho đến khi anh ta tự mình phá vỡ nó. Cô cũng quá sợ hãi việc bản thân sẽ bị tình nghi là kẻ sát nhân, do cô đã đi lên gặp ông Harald Olesen không lâu trước khi ông ta bị sát hại, và không thể chứng minh rằng ông vẫn còn sống khi cô ra về. Giờ

đây cô đã nhận ra việc nhượng bộ vụ tổng tình của Kristian Lund và đồng ý bao che cho anh ta là một phản ứng thái quá của một nỗi lo lắng đàn bà. Cô chỉ có thể đặt tay lên ngực và xin lỗi cho sai lầm không thể tha thứ này. Tôi để ý một cái co giật nơi khoe miệng Patricia và thấy cô đang cố nuốt mạnh, chứng tỏ cô đang cố kìm nén một tràng cười. Thế nên tôi quắc mắt nhìn Patricia để cô bình tĩnh lại.

Lúc 2 giờ kém 20 phút chiều, bữa trưa đột ngột chấm dứt. Patricia lặng thinh, suy tư và chỉ trả lời dậm dẳng, một điều càng lúc càng trở nên dễ thấy đối với tôi và Sara. Rồi Patricia bất ngờ hỏi Sara liệu cô có còn câu hỏi nào nữa hay không. Do câu trả lời là không, cô nói với Sara rằng bữa trưa thế là đã xong. Patricia nói mình bắt đầu cảm thấy rất mệt và còn một số việc tối mật phải trao đổi riêng với thanh tra cảnh sát. Đối với tôi động thái này rõ ràng rất bất lịch sự, do chính Patricia là người đã mời Sara đến đây. Tuy nhiên, Sara chấp nhận một cách vui vẻ. Cô nồng nhiệt cảm ơn Patricia về bữa trưa, nói rằng mình cần phải chuẩn bị cho một cuộc gặp gỡ quan trọng trong buổi chiều, rồi đi theo Benedikte ra ngoài mà không phản đối gì hết. Một cơn ghen nổi lên trong lòng tôi, và tôi tự hỏi ai là người cô ấy sắp gặp mặt.



‘Cô ấy là một quý cô xinh đẹp quyến rũ, và không nghi ngờ gì nữa, đã có một cuộc sống không dễ dàng gì’, tôi nói với giọng hơi bực bội khi cánh cửa đã khép lại sau lưng Sara.

Patricia nhìn tôi với nụ cười chế giễu và khoái trá ra mặt.

“Những điều anh nói hoàn toàn đúng. Nhưng những gì tôi nói cũng là sự thật: Sara là một diễn viên giỏi và là một tay chơi lấu cá. Những gì cô ta nói về việc bị Kristian Lund tổng tình là một lời nói dối trắng trợn đến nỗi cái mũi của cô ta tưởng như sắp dài ra đến nơi. Theo những gì tôi hiểu, bản thân

cô ta đã khởi xướng giao kèo với Kristian Lund và đã bao che cho anh ta cho đến tận cuối cùng, ngay cả khi cô ta nghĩ anh ta là hung thủ. Rõ ràng cô ta đã thay lòng đổi dạ, nhưng nếu anh còn nhớ, khi cuộc điều tra diễn ra được ba ngày, Sara đã từng nói thẳng với anh rằng cô ta hy vọng có thể giữ được anh ta. Và nhân tiện đây, cô Sara đó vừa mới kéo dài bữa trưa thêm bốn mươi phút so với đề nghị của tôi hôm qua. Anh không bao giờ biết mình đang ở đâu với những người phụ nữ như Sara, cho đến khi anh thấy mình đang nằm trên người họ!”

Tôi vội vã hỏi Patricia liệu cô có từng bao giờ nghi ngờ người cháu trai của ông Harald Olesen, Joachim. Tôi gợi ý mông lung rằng bản thân tôi ‘ở những thời điểm đầu’ của cuộc điều tra đã nghĩ rằng có lẽ người cháu trai có thể là Chân nai, do anh này có một động cơ khả dĩ và tuổi tác phù hợp. Patricia dài mặt ra và lắc đầu dứt khoát.

“Suy nghĩ đó từng thoáng qua trong đầu tôi vài lần, nhưng sau đó nhanh chóng bị bỏ quên. Sau vụ án mạng của ông Konrad Jensen, người cháu trai tuyệt đối không thể là hung thủ. Vấn đề là bằng cách nào anh ta có thể xoay xở rời khỏi tòa nhà mà không bị phát hiện sau khi đã ám sát ông Harald Olesen. Chưa kể lý do anh ta giết ông Konrad Jensen là chuyện hoàn toàn khó hiểu, và càng không thể hiểu được bằng cách nào anh ta đã làm được việc đó. Nếu người cháu trai đã bắn chết ông Harald Olesen, anh ta sẽ chẳng có lý do gì để nghĩ rằng mình cần giết thêm một người nào khác. Xét cho cùng, anh chỉ kể với những người hàng xóm về các tiến triển của cuộc điều tra, một việc hóa ra chính là tác nhân kích hoạt. Anh ta không biết các sinh hoạt và lẽ lối thường ngày trong căn hộ, đồng thời khả năng mà ông Konrad Jensen cho một người lạ vào nhà có lẽ gần bằng số không.”

Đột nhiên Patricia nhìn tôi đầy hoài nghi.

“Anh đã nói anh cần nhắc cái khả năng hoàn toàn phi logic này khi nào? Việc tuổi tác của anh ta phù hợp với Chân nai là điều mà chúng ta chỉ phát hiện ra sau chuyến đi của anh tới Thụy Điển, nghĩa là ba ngày sau vụ sát hại ông Konrad Jensen.”

Tôi lúng túng nói rằng dĩ nhiên tôi chưa bao giờ thật sự cho rằng khả năng đó là có thể xảy ra, nhưng trong một cuộc điều tra án mạng, cần kiểm tra mọi khả năng có thể. Rồi tôi vội vã lấp liếm bằng cách nói rằng giờ đây tôi đang nghi ngờ một nhân vật đã tiên lượng trước sợi dây chuyền thật sự là một phương tiện để tự sát. Patricia trở nên rất nghiêm trang và gật gù trước khi trả lời.

“Đúng, tôi phải nói rằng tôi có một phần tội lỗi. Tôi không biết rằng sợi dây chuyền che giấu một viên thuốc độc, nhưng rõ ràng tôi đã nghi ngờ. Khó mà hiểu được tại sao anh ta đột nhiên lại đeo nó lần nữa trong giai đoạn cuối của cuộc điều tra, trừ phi anh ta cảm thấy mối nguy hiểm gần kề và cần một lối thoát.”

Gương mặt và ngôn ngữ cơ thể của tôi có thể đã tiết lộ rằng tôi thực sự không vui khi cô không nói cho tôi biết việc này từ trước. Patricia tỏ ra lúng túng và liếc nhìn xuống lá thư tuyệt mệnh.

“Phải thành thật mà nói là tôi ít nhiều cũng giống như anh ta vậy. Tính ích kỷ có lẽ là lý do khiến tôi không đề cập việc đó với anh. Chỉ cần nghĩ đến việc người ta đẩy tôi vào tòa án trên chiếc xe lăn để làm nhân chứng là tôi thấy sợ rồi, nếu có chuyện đó. Nhưng tôi cũng nghĩ sẽ tốt hơn cho mọi người nếu không có một phiên tòa kéo dài. Cũng như việc công khai và vinh danh những người xứng đáng...”

Tôi gật đầu và nhìn cô đầy chờ đợi. Một lần nữa cô đã không làm tôi thất vọng.

“Chắc hẳn giải pháp tốt nhất phải là công bố lá thư tuyệt mệnh này. Đó là một tài liệu hấp dẫn mà báo chí cũng như dư luận sẽ quan tâm đặc biệt. Và nó sẽ cung cấp một bản tóm tắt vụ án mà cả hai chúng ta đều công nhận là chính xác.”

Khi nói câu cuối cùng, nụ cười của cô có phần chua chát.

Sau câu nói đó, tôi không còn câu hỏi gấp gáp nào cần Patricia phải trả lời nữa. Về phần mình, cô ngồi đó nghiền ngẫm lá thư tuyệt mệnh trong vài phút, nhưng có vẻ không muốn nói ra với tôi điều mà cô đang nghĩ.

‘Chết tiệt’, cô thình lình thốt lên thật lớn khi quăng lá thư xuống bàn trở lại.

Vẻ ngạc nhiên của tôi với cơn bột phát này được tiếp nối nhanh chóng bởi một việc khác không kém phần gây sốc. Patricia lấy ra một gói thuốc lá và, bằng đôi tay run rẩy, châm một điếu thuốc trước ngọn nến. Một vài phút im lặng nặng nề trôi qua khi cô trầm ngâm phá những vòng khói lên trần nhà.

“Tôi không hề biết cô hút thuốc. Cô đã bắt đầu khi nào?” Tôi khẽ hỏi. Phát hiện này không mấy thích thú đối với tôi.

‘Tôi qua. Nhưng tôi không có ý định tiếp tục và sẽ sớm dừng lại thôi’, Patricia trả lời với nụ cười còn méo mó hơn nữa. Cô trịnh trọng dụi tắt điếu thuốc đã hút một nửa trong cái chén đựng món tráng miệng của mình, nhưng rồi chỉ vài giây sau lại châm tiếp một điếu thuốc khác.

“Đây là điều mà tôi muốn nói với anh. Câu chuyện về năm cuối đời của ông Harald Olesen, khi chính ông ta trở thành một người ruồi và bị bầu quanh bởi những người ruồi khác, bản thân nó đã đủ bi kịch rồi. Và nó không thể được sửa chữa bởi việc bắt giữ hung thủ. Tôi đã nhận ra, ngay cả khi chưa gặp Andreas Gullestad, rằng anh ta là một trong số những người đàn ông thông minh nhất mà tôi từng biết. Điều mà anh ta kể sau đó với chúng ta và những gì lá thư này xác nhận cho thấy đó không chỉ là một người đàn ông thông minh xuất chúng mà còn là một kẻ có tài. Anh hãy nhìn vào cái bản đồ mà anh ta vẽ.”

Tôi nhìn vào đó và hiểu ra hàm ý của cô. Bản đồ đầy đủ thông tin và rất đẹp, ngay cả khi nó đã được vẽ một cách gấp gáp. Đó rõ ràng là thành quả của một người có trí nhớ về địa hình tuyệt vời và năng khiếu mỹ thuật đáng kể.

“Ý tưởng để lại một cái bản đồ cũng cho thấy rằng Andreas Gullestad không hoàn toàn là một kẻ xấu xa vô cảm. Nhưng bất chấp những năng khiếu và thiện ý của bản thân, anh ta đã phải giết mẹ của một đứa trẻ vào tuổi mười sáu, một phần là do chiến tranh, phần khác là do sự phản bội của ông Harald Olesen. Và trong hai mươi năm sau chiến tranh, anh ta sống như

một người ruồi. Mặc dù rất có tài, những gì anh ta thực sự làm chỉ là che giấu bí mật đen tối của mình, vật lộn với những ký ức của biển cố đờ và cưỡng lại sự thôi thúc trả thù người đàn ông đã làm cho anh ta trở thành kẻ sát nhân. Cuối cùng thì, trong sự cô độc của mình, anh ta đã không chịu nổi sức ép và kết thúc bằng việc giết thêm hai người nữa cùng với bản thân anh ta.”

Patricia dừng lại và khỏ sở nả tiếp vài vòng khói vào không trung.

“Đừng hiểu lầm tôi. Việc bắt giữ anh ta không chỉ đúng đắn mà còn tuyệt đối cần thiết. Một vụ án mạng không bao giờ được phép để ngỏ mà kẻ sát nhân không bị trừng phạt trong bất kỳ xã hội văn minh nào. Trên thực tế, cái cách mà nó kết thúc đối với một thanh niên đầy tài năng như thế, một người đã tình nguyện phục vụ cho phong trào Kháng chiến trong chiến tranh sau cái chết của cha mình, thực ra là một bi kịch lớn hơn nhiều so với cái kết của cuộc đời ông Harald Olesen.”

Tôi ngồi đó trong im lặng và không phủ nhận điều cô nói. Tôi không có gì nhiều để nói - và đột nhiên ao ước được đi ra ngoài tận hưởng bầu không khí tươi mát không có khói thuốc của mùa xuân.

Tuy nhiên, Patricia chưa có vẻ gì là muốn kết thúc.

“Nhưng tất cả điều này có lẽ muốn nói lên sự tẻ nhạt và đáng thất vọng bởi năng lực yếu kém của tôi.”

Lần này thì tôi phải phản bác.

“Đủ rồi đấy. Thật ra chính những nỗ lực phi thường của cô đã giúp chúng tôi xác định hung thủ là ai và bắt giữ anh ta.”

Patricia thoáng mỉm cười, nhưng rồi giơ tay lên để ngăn tôi lại. “Cảm ơn anh về điều này - và về việc cho phép tôi tham gia vào một vụ án hấp dẫn đầy kịch tính. Nhưng sự thừa nhận mang tính ưu ái về khả năng trí tuệ của tôi không thể làm dịu đi sự thật cay đắng rằng, chính bản thân tôi cũng đã trở thành một người ruồi.”

Tôi chột lạng. Cô rít hai hơi thuốc thật sâu và tiếp tục.

“Việc này không phải chỉ mới diễn ra từ hôm qua, nên nó không phải là

lỗi của anh. Tôi vốn dĩ đã là một người ruồi, nhưng chỉ thật sự nhận ra điều đó một cách đầy đủ vào ngày hôm qua. Khi ngồi trong này, tôi thường nghĩ rằng đầu óc tôi vẫn rất sáng suốt và mọi thứ vẫn y như trước lúc tôi bị tai nạn. Nhưng không phải vậy - và sẽ không bao giờ như vậy. Ngày hôm qua, tôi cảm thấy mình như một con rùa: mình mẫn trong suy nghĩ nhưng tật nguyên về thực thể và lộ bịch khi không thể tự cứu bản thân nếu có điều gì đó không diễn ra theo đúng kế hoạch. Bất chấp tất cả những trải nghiệm thú vị và những người tôi đã gặp, khoảng thời gian từ lúc tôi rời căn phòng này cho đến khi quay trở lại đúng là một cơn ác mộng. Tôi sống lại cuộc đối đầu trong căn hộ của Chân nai ba lần đêm qua, và mỗi lần đều kết thúc không vui vẻ gì. Hai lần đầu tiên, tôi bị bắn. Trong lần thứ ba, tôi bị nướng chín trong chiếc xe lăn của mình khi tòa nhà bốc cháy và mọi người khác đều đã chạy ra ngoài.”

Patricia dụi tắt điếu thuốc thứ hai trong cái chén tráng miệng của mình, và hai lần lại vươn tay rút ra một điếu mới, trước khi lưỡng lự nói tiếp mà không hút thuốc.

“Tôi đã nhờ cha tôi gọi cho anh vào buổi sáng cách đây tám ngày, bởi vì tôi vẫn nghĩ và hy vọng rằng tôi có thể làm nên sự khác biệt với một ai đó đang ở ngoài kia. Và giờ tôi biết rằng tôi có thể. Nhưng tôi cũng đồng thời khẳng định nỗi sợ hãi của mình: rằng tôi không còn thuộc về thế giới thực ngoài kia. Thế nên tôi sẽ chỉ ngồi tại đây trong thế giới ảo của mình, và hy vọng rằng thỉnh thoảng một cơ hội sẽ xuất hiện để tôi có thể can dự vào cuộc đời anh và tác động đến những gì đang diễn ra bên ngoài.”

Tôi nhìn cô ngơ ngác. Patricia châm tiếp một điếu thuốc và nhả vài vòng khói trước khi giải thích.

“Tôi sẽ không bao giờ ra ngoài với anh nữa, nhưng nếu sau này anh có dính dáng vào một vụ án mới nào mà anh nghĩ rằng lời khuyên của tôi có thể giúp ích được, thì anh luôn có thể gọi điện cho tôi hoặc đến nhà gặp tôi. Điều kiện duy nhất là tôi không muốn bất kỳ sự thừa nhận chính thức nào, và anh phải nói càng ít càng tốt về tôi cũng như những lời góp ý của tôi với bất kỳ ai

ở ngoài kia.”

Tôi bắt tay cô sau những lời này. Mọi việc tệ hơn tôi đã hy vọng, nhưng tốt hơn nhiều so với những gì tôi lo sợ. Đã có lúc tôi nhận ra rằng nếu sau này tôi không thể đi tìm lời khuyên nơi Patricia, tôi có thể sẽ gặp những khó khăn đáng kể trong việc gìn giữ hình ảnh một điều tra viên mưu trí vừa mới đạt được của mình. Đã được chứng kiến sự kỳ diệu của Patricia thể hiện trong vụ án này, tôi thấy khó mà hình dung được một vụ án nào mà cô không thể phá được. Nhưng tôi phải nói rằng, việc không công bố vai trò của cô với công chúng, cũng khá là hợp ý tôi.

Chúng tôi lại ngồi trong im lặng vài phút sau sự bùng nổ nhỏ nhỏ đó. Rồi Patricia bấm chuông gọi Benedikte - hay là Beate, ai là người làm việc vào ngày Chủ nhật nhỉ? Tôi không còn nhớ người nào làm việc vào ngày nào nữa. Mặt khác, tôi hiểu ra việc có hai cô hầu gái sinh đôi ít nói như vậy cũng là biện pháp để đảm bảo môi trường sống của Patricia được kiểm soát và ổn định.

Tôi đứng dậy ngay khi cô hầu gái tiến vào, nhưng Patricia lập tức đưa tay ra ngăn tôi lại. Một lần nữa, gương mặt cô thể hiện một sự chuyển biến tâm trạng nhanh chóng. Cô dụi điếu thuốc của mình với vẻ ghê tởm, nhét phần còn lại của gói thuốc vào trong một túi áo và đột nhiên nhìn tôi cười ranh mãnh. Cô thì thầm điều gì với Benedikte, cô này gật đầu ngay và lập tức rời khỏi phòng.

“Anh vui lòng ngồi lại một hay hai phút nữa. Tôi vẫn còn có một giả thiết nhỏ vui nhộn mà tôi muốn kiểm chứng với sự giúp đỡ của Benedikte, trước khi có thể khẳng định tôi đã xong việc với vụ án này.”

Chúng tôi ngồi chờ trong vài phút. Dù suy nghĩ nát óc, tôi vẫn không tìm thấy lời giải thích nào về việc này. Benedikte trở lại, vẫn một mình như khi cô đi ra, và thì thầm vào tai Patricia một tin ngắn gọn. Phản ứng vừa bùng nổ vừa bất ngờ. Tròng cười của Patricia kéo dài gần một phút.

“Có việc gì mà vui quá vậy?” Cuối cùng tôi hỏi - chắc chắn giọng nói có chút bực dọc.

Patricia phải dùng cái khăn ăn chấm khô nước mắt trước khi có thể trả lời.

‘Tôi vừa mới xác nhận giả thiết của mình rằng con người, khi bạn tìm hiểu chút ít về họ, thực ra là một chủng loài rất dễ đoán’, cô đáp với một nụ cười vui vẻ.

Tôi đột nhiên có cảm giác không thoải mái mà bạn luôn có khi nhận ra ai đó đang cười nhạo bạn, trong khi bản thân không hiểu vì sao. Tôi đứng lên lần nữa để ra về. Lần này Patricia không cố cản tôi lại nữa. Cô chỉ nhún vai xin lỗi và tiếp tục cười. Khi Benedikte mở cửa dẫn đường cho tôi đi ra, một lời khuyên cuối vang lên từ chiếc xe lăn.

“Tiện thể, lời khuyên cuối của tôi dành cho anh lúc này, bởi anh sẽ trở về với thế giới thực... Hãy nhớ rằng, muốn ăn thì phải lặn lội vào bột!”

Nó nghe như một sự bóp méo trẻ con của một thành ngữ quen thuộc, thứ mà người ta hay chế ra vào lúc năm tuổi hay mười lăm tuổi. Tôi hơi lo rằng bi kịch hôm qua thực sự đã làm cho trí óc của Patricia không còn cân bằng nữa. Trừ phi cô ấy thậm chí còn phức tạp hơn những gì tôi hiểu cho đến giờ. Dù thế nào đi nữa, tôi nghĩ tốt hơn mình cứ đơn giản là nhăn răng ra cười và chịu đựng nó. Tôi vẫy tay thân thiện và mỉm cười với cô trước khi biến mất sau cánh cửa. May mắn thay, tiếng cười của Patricia tắt ngay khi cánh cửa được đóng lại sau lưng tôi.



Tôi im lặng theo sau Benedikte và ngoan ngoãn đi xuống một chặng rưỡi cầu thang trên đường đi ra. Nhưng rồi tôi không thể ngăn mình hỏi cô hầu gái cái thông điệp bí ẩn đó là gì mà khiến Patricia cười nhiều đến như vậy. Đó là lần đầu tôi thấy nụ cười của cô Benedikte vốn rất nghiêm trang - và cũng là lần đầu tôi nghe giọng nói của cô ấy. Và thật quả như tôi đã hình dung: chuyện đó rất đơn giản và dễ hiểu.

“Cô chủ nói rằng anh sẽ hỏi tôi trên đường ra và tôi sẽ nói cho anh nghe

sự thật, rằng tôi đã nhìn ra cửa sổ để kiểm tra và rằng anh sẽ sớm hiểu ra thôi. Anh thấy đó, cô chủ có miệng lưỡi sắc sảo, nhưng đầu óc cô ấy mới là thứ sắc bén nhất. Thỉnh thoảng cô ấy còn dự đoán được tương lai nữa cơ.”

Tôi gật đầu suy tư nhưng vẫn không hiểu tất cả chuyện này là như thế nào. Thế nên tôi vui vẻ hỏi lại là sớm đến mức nào. Cô Benedikte trung thành trả lời, với một nụ cười rất đổi dịu dàng, rằng tôi đừng bận tâm.

Tôi vẫn không hiểu cho đến khi đã đứng ngoài tòa Bạch Ốc và nhìn xuôi con phố Erling Skjalgsson. Rồi tôi nhanh chóng hiểu ra và nhất trí rằng việc này không làm tôi phiền lòng một chút nào. Tôi có thể sống rất vui vẻ với tình huống này trong thế giới thực.

Mặt trời đang tỏa nắng, bầu trời xanh trong, và đó là một ngày mùa xuân dễ chịu lạ thường. Và bên cạnh chiếc xe của tôi, một quý cô xinh đẹp khác thường đang nóng lòng chờ tôi bước đến. Đôi chân dài miên man, thon thả đầy nữ tính trong chiếc quần jean bó sát làm tôn lên những đường cong đáng yêu của cô, đang giậm giậm trên vỉa hè để giữ ấm.

Khi tôi đến bên chiếc xe, cô gật đầu và ban cho tôi một nụ cười khó cưỡng. Tôi mỉm cười đáp lại, ngồi vào sau tay lái và ra dấu rằng cô ấy có thể lên ngồi cạnh tôi. Sau đó chúng tôi lái xe đi - như thể đó là việc tự nhiên nhất trên quả đất này.

May mắn thay, chỉ đến tận vài thập kỷ sau, khi cô Patricia Louise I. E. Borchmann vĩ đại không còn nữa, tôi mới được nghe về một lời bình phẩm mà cô nói vào ngày hôm đó, Chủ nhật 14 tháng 4 năm 1968. Cô đã cười khúc khích và nói với hai chị em sinh đôi Benedikte và Beate rằng: *“Thám tử điều tra Kristiansen chắc chắn có nhiều phẩm chất tốt, nhưng tôi vẫn không dám chắc rằng sự thông minh là một trong số đó.”*

LỜI BẠT

Khi viết quyển tiểu thuyết trinh thám lịch sử này tôi đã vận dụng kiến thức và kinh nghiệm của một nhà sử học, và đã cố gắng hết sức chân thật trong ngữ cảnh liên quan đến các sự kiện vào năm 1968 và Thế chiến thứ Hai. Tuy nhiên, người viết quyển tiểu thuyết này dù sao cũng là nhà văn Hans Olav Lahlum, chứ không phải nhà sử học cùng tên vốn được biết đến nhiều hơn. Và tôi cũng sử dụng sự tự do nghệ thuật mà các tác giả vẫn thường xuyên sử dụng. Tên các địa điểm và những con phố là chính xác, nhưng hầu hết những tòa nhà được đề cập đều là sản phẩm của trí tưởng tượng. Do đó, độc giả đặc biệt quan tâm sẽ có thể tìm thấy cả hai con phố Krebs và Erling Skjalgsson, nhưng sẽ không có những số nhà hoặc tòa nhà được mô tả trong quyển tiểu thuyết này. Tương tự như vậy, không thể tìm thấy một đồn cảnh sát ở Salen với cùng địa hình xung quanh hoặc cùng một kiến trúc như đã được mô tả trong chương Chín.

Một vài nhân vật phụ đã được lấy cảm hứng trực tiếp từ những nhân vật lịch sử. Còn lại, tất cả những nhân vật chính, bao gồm cả nạn nhân vụ án, ông Harald Olesen, hoàn toàn là sản phẩm tưởng tượng của tác giả và không dựa trên bất kỳ nhân vật lịch sử nào, dù là của năm 1968 hay trong Thế chiến thứ Hai. Và đối với một vài nhân vật phụ được lấy cảm hứng từ nhân vật lịch sử kia, phải nhấn mạnh rằng sự miêu tả văn chương không dựa trên bất kỳ liên quan nào với một cuộc điều tra hình sự.

Vụ án Feldmann, vốn được đề cập ngắn gọn trong tiểu thuyết này, là một trường hợp pháp lý được bàn tán rộng rãi từ năm 1946 đến 1947, trong đó hai người cựu dẫn đường qua biên giới bị kết tội sát hại một cặp vợ chồng người Do Thái trong chiến tranh với lí do tự vệ. Việc này đã được sử dụng như cứ liệu lịch sử cho quyển tiểu thuyết này, nhưng không tương ứng với cốt truyện hay bất kỳ nhân vật nào. Tuy nhiên, một vài nhân vật được lấy cảm hứng hoàn toàn hoặc một phần từ những người mà tôi biết ngày hôm nay - kể cả bản thân tôi.

Trưởng bộ phận tiêu thuyết của nhà xuất bản Cappelen Damm, Anne Tlotaker, đã là người cố vấn quan trọng nhất của tôi về cả nội dung và bút pháp của quyển tiêu thuyết này. Tôi cũng nhận được những phản hồi hữu ích từ nhà phụ trách xuất bản, Anders Heger và biên tập viên Marius Wulfsberg. Tôi cũng muốn gửi ngàn lời cảm ơn đến một nhóm những cố vấn cá nhân, những người đã đọc tất cả các phần của bản thảo và cho tôi những lời phê bình mang tính xây dựng về mặt nội dung và/hoặc ngôn ngữ. Nhóm này bao gồm em gái tôi Ida Lahlum, cùng những người bạn tốt của tôi: Ingrid Baukhol, Mina Finstad Berg, Ingrid Busterud, Anne Lise Fredlund, Kathrine Ncess Hald, Hilde Harbo, Kristin Hatledal, Bjarte Leer-Salvesen, Torstein Lerhol, Espen Lie, Ellisiv Reppen, Jane Iren Solbrekken-Nygaard, Karen Thue, Arne Tjolsen và ICatrine Tjolsen. Ellisiv và Mina cũng xứng đáng được nhắc đến, đặc biệt do mối quan tâm liên tục của họ đến dự án này và sự giúp đỡ thiết thực của họ trong những lần sửa bản thảo cuối cùng.

Chỉ có thời gian mới cho chúng ta biết liệu quyển tiêu thuyết trình thám đầu tay này của tôi cũng sẽ là quyển cuối cùng hay nó sẽ khởi đầu của một chuỗi những tiêu thuyết trình thám lịch sử. Tuy nhiên, tôi chỉ có thể hy vọng rằng Người Ruồi cũng sẽ hấp dẫn người đọc như nó đã từng lôi cuốn tác giả. Độc giả có bất kỳ bình luận hoặc câu hỏi nào cho tác giả chỉ cần gửi email đến địa chỉ hansolahlumta@gmail.com hoặc đăng chúng lên trang Facebook của tôi.

Gjovik, 27 tháng 6 năm 2010

Hans Olav Lahlum

VỀ NGƯỜI BÀ ÚT CỦA TÔI, DAGMAR LAHLUM VÀ VỀ TIỂU THUYẾT NGƯỜI RUỒI

Như đã đề cập ở đầu sách, tiểu thuyết này được dành để tưởng nhớ người bà út của tôi, Dagmar Lahlum. Do đó, cũng là lẽ đương nhiên khi khép lại quyển sách với một mô tả ngắn gọn về cuộc đời bà và sự tương quan của nó đối với cuốn tiểu thuyết này.

Bà Dagmar Lahlum chào đời tại Sorumsand ngày 10 tháng 3 năm 1923, nhưng lớn lên tại Eidsvoll vào những năm 1930. Nhỏ hơn mười một tuổi so với người chị của mình, bà giống như con gái của chị mình. Người cha của bà Dagmar đã năm mươi một tuổi vào lúc bà ra đời. Ông lớn lên trong nghèo khó, cũng giống như hai người con trai của ông từ cuộc hôn nhân đầu, những người đã về sống với ông bà ngoại sau khi mẹ mất sớm. Chỉ là một người đóng giày ở nông thôn, cha của bà Dagmar hẳn đã phải chật vật kiếm sống cho gia đình thứ hai của mình trong những thập niên 1920 và 1930 đầy khủng hoảng. Người con gái út của ông được cho là một thiếu niên nóng tính và bày tỏ rõ ràng sự không hài lòng của mình với hoàn cảnh sống. Trong suốt phần đời còn lại, bà đã cho thấy một gu thương thức và sự khao khát đối với trang phục đẹp và những món đồ xa hoa.

Một vài tuần trước khi quân Đức chiếm đóng vào ngày 9 tháng 4 năm 1940, bà Dagmar đến Oslo, khi vừa tròn mười bảy. Bà theo học một khóa người mẫu, rồi kiếm sống bằng nghề thợ may và tiếp tân trong khách sạn, cùng những công việc khác. Không thể xác định được liệu bà có tham gia trong phong trào Kháng chiến Na Uy hay không. Vào tháng 4 năm 1943, bà bắt đầu một chuyện tình say đắm với Eddie ‘Zigzag’ Chapman, một điệp viên MIS của Anh đang ở Na Uy dưới một vỏ bọc làm việc cho quân Đức. Có vẻ như bà Dagmar tin rằng Eddie là một quân nhân Đức khi bắt đầu yêu ông ta. Do mối tình này, bà Dagmar cũng giữ vai trò điệp viên hai mang trong thời gian còn lại của cuộc chiến tranh, đánh liều mạng sống của mình để giúp đỡ cho Chapman hoàn thành những nhiệm vụ của ông ta. Những tài

liệu lưu trữ không thể hiện rõ ràng ghi nhận của MIS về sự hoạt động của bà như một điệp viên trong mạng lưới, nhưng rõ ràng rằng họ biết về vai trò của bà. Eddie đã được ghi nhận là hôn phu của bà trong những năm 1943 và 1944. Một số nguồn tin còn cho rằng bà Dagmar đã có thai nhưng rồi phá thai.

Eddie Chapman rời Na Uy vào mùa xuân năm 1944, vẫn trong vai trò một quân nhân Đức. Bà Dagmar chưa bao giờ là một thành viên của Đảng NS, Đảng Phát xít Na Uy. Nhưng vì bà đã làm việc cho những cơ quan kiểm duyệt của Đức trong những tháng cuối cùng của chiến tranh, và có lẽ vì bà bị đồn thổi là người tình của quân Đức, bà bị bắt giữ bởi cảnh sát Na Uy vào ngày 19 tháng 5 năm 1945 rồi bị đưa đến nhà tù nữ Bredtveit.

Trong lời khai được viết trong tù vào ngày 15 tháng 6 năm 1945, bà Dagmar có nhắc đến mối liên hệ giữa mình và Eddie. Bà cam kết rằng mình luôn có cảm tình với Kháng chiến và người Anh, và rằng công việc kiểm duyệt thư từ cho quân Đức đã được Eddie làm rõ, người đã hứa nếu còn sống sót sẽ trở lại với bà ngay khi chiến tranh kết thúc. Ông đã cam đoan với bà rằng nếu ông không thể trở lại, bà cứ liên lạc với các cấp trên của ông ở cục tình báo Anh, họ sẽ giúp đỡ bà. Vì thế, bà Dagmar được hộ tống đến Oslo để gặp mặt những người đại diện chính thức của nước Anh vào ngày 19 tháng 6 năm 1945, nhưng họ phủ nhận vụ việc này và bà được đưa trở về nhà tù nữ Bredtveit.

Trong phiên tòa xử tội phản quốc tại Na Uy năm 1947, bà Dagmar bị kết án 189 ngày, bằng chính xác số ngày bị tạm giữ trong năm 1945. Bà cũng mất quyền được bầu cử trong mười năm tiếp theo. Bà chọn chấp nhận án phạt, hơn là đối mặt với một phiên tòa khác. Không rõ động cơ của bà khi làm việc này. Một lời giải thích có vẻ hợp lý là, với một cô gái đến từ vùng quê không được giáo dục, không có tiền bạc hoặc mối quan hệ ở Oslo, bà cho rằng tình cảnh của mình là vô vọng, khi bị từ chối hỗ trợ bởi đại diện của nước Anh và cảnh sát Na Uy. Mọi thứ đều chống lại bà. Tất nhiên, một khả năng khác là bà có những động cơ đáng ngờ trong những mối liên hệ với

quân chiếm đóng trong chiến tranh và vì thế chấp nhận án phạt. Dù là trường hợp nào đi nữa, phán quyết trong những phiên tòa xét xử tội phản quốc và cái mác tình nhân của lính Đức đầy tai tiếng đã gắn liền với cuộc đời bà trong nhiều năm sau chiến tranh. “Nên nhớ rằng dì mày là một con đĩ của bọn Đức!”, một người hàng xóm đã gào theo cô cháu gái bé nhỏ của bà Dagmar ở Eidsvold. Bản thân bà sớm quay lại với sự vô danh trên những con phố của Oslo và rời khỏi Eidsvoll sau khi nhận một khoản thừa kế nhỏ từ cha mẹ vào giữa những năm 1950.

Bà Dagmar chưa bao giờ có con và sống một mình trong quãng đời còn lại, với một ngoại lệ là cuộc hôn nhân ngắn ngủi đầu những năm 1950. Bà có một vài người tình - đều là những người đàn ông lớn tuổi và giàu có - những người có thể thỏa mãn nhu cầu vật chất xa xỉ của bà. Không mối quan hệ nào được hợp thức hóa hay tồn tại lâu dài. Bà làm thư ký và thực hiện những công việc văn phòng khác cho đến khi nghỉ hưu khoảng cuối những năm 1980, nhưng chưa bao giờ xin vào một vị trí nào trong chính quyền hoặc tìm cách lôi kéo sự chú ý của công chúng theo bất kỳ cách nào.

Bà Dagmar có lẽ không biết rằng người tình thời chiến của mình, Eddie Chapman vẫn còn sống và sau đó đã kết hôn tại Anh, cho đến khi ông bất ngờ liên lạc lại với bà vào những năm 1990. Gần năm mươi năm sau khi chiến tranh chia cắt hai người, Eddie và Dagmar đã nối lại mối liên hệ. Một lần nữa, không chắc bà có thực sự đến nước Anh và gặp lại ông hay không, nhưng dường như trong những năm 1996-1997, bà Dagmar đã hy vọng rằng Chapman sẽ sớm trở lại Na Uy và công bố câu chuyện về những nỗ lực của bà trong thời chiến. Tuy nhiên, cho dù đó là dự định của mình, ông Chapman đã không thể hoàn thành tâm nguyện đó vì lí sức khỏe kém và ông qua đời vào ngày 12 tháng 12 năm 1997.

Cái tin Eddie đã chết mà chưa thể đến Na Uy để nói ra sự thật về những trải nghiệm của bà trong thời chiến có lẽ là cú đánh cuối cùng vào tâm hồn vốn đã yếu đuối của bà Dagmar. Hy vọng cuối cùng của bà về một lời minh oan, lại trở thành một nỗi thất vọng khác. Những năm cuối đời của bà

Dagmar rất khó khăn. Bà không chỉ là người nghiện thuốc lá và nghiện rượu nặng, mà còn phải chịu đựng căn bệnh Parkinson, ngày càng trở nên xa lánh xã hội và suy dinh dưỡng. Chỉ còn là một cái bóng điêu tàn của vẻ đẹp thời son trẻ, bà tiếp tục bước những bước chân cô độc và ngày càng liêu xiêu trên đoạn đường đi từ Vinmonopolet (cửa hàng bán rượu của nhà nước) đến ngân hàng rồi về lại căn hộ của mình trong những năm cuối thập niên 1990.

Dagmar được trông thấy còn sống lần cuối bởi người bạn duy nhất còn lại, cô cháu gái Bibbi tận tình, vào buổi tiệc Giáng sinh ngày 25 tháng 12 năm 1999. Bốn ngày sau, bà Dagmar Lahlum được tìm thấy đã chết trong căn hộ khóa trái của mình. Đúng như tính đặc thù của cuộc đời bà, thời gian bà chết cũng như bối cảnh xung quanh vẫn còn chưa rõ. Theo báo cáo, người ta tìm thấy bà nằm trên sàn giữa mớ quần áo cũ và những chiếc chai rỗng, trong một tư thế khá khác thường và giống như đang tự vệ. Tuy nhiên, không hề có bằng chứng bạo lực nào, và một cuộc điều tra thường quy của cảnh sát kết luận rằng không có ai khác đã ở trong căn hộ vào thời điểm bà chết. Tôi tin rằng, cuối cùng thì bà cô già của tôi đã chết cô độc tại nhà mình sau khi chiến đấu chống lại một bóng ma nào đó từ những năm tháng chiến tranh. Hẳn nhiên sẽ không ai biết được liệu đó có phải là những gì đã diễn ra trong những giây phút cuối cùng của bà hay không.

Dagmar Lahlum thực sự đã bị quên lãng bởi tất cả mọi người và những nỗ lực trong chiến tranh của bà vẫn hoàn toàn không được biết đến vào thời điểm bà qua đời, thế nên rất ít người đến dự đám tang bà. Câu chuyện của bà lần đầu được công bố vào năm 2007, sau khi hai cuốn tiểu sử mới về người tình thời chiến của bà được xuất bản và nhận được rất nhiều sự chú ý cả ở Na Uy lẫn Anh quốc.

Dagmar Lahlum là người con gái út của ông cố tôi, Karl Lahlum (1871-1954) và là em gái cùng cha khác mẹ với ông nội tôi, Hans Lahlum (1898-1977). Tôi được sinh ra vào năm 1973 và chưa bao giờ có dịp được gặp bà Dagmar. Do không có con, bà Dagmar ban đầu đã thể hiện những mối quan tâm đến người cháu trai của anh mình và sự tồn vong của dòng họ Lahlum.

Tuy nhiên, từ giữa những năm 1970 trở về sau, bà càng lúc càng ít đến dự những buổi họp mặt gia đình và tỏ ra rất kín đáo trong những lần tham gia. Bà nói về bản thân và quá khứ của mình ít nhất có thể. Đôi mắt bà chỉ sáng lên khi có ai đó đề cập đến chiến tranh. Nhưng chẳng bao giờ có chuyện đó. Ký ức tuổi thơ duy nhất của tôi về người bà của mình là mệnh lệnh không bao giờ được nhắc đến chiến tranh nếu bà Dagmar đi dự họp mặt gia đình lần nữa. Bà không bao giờ đến nữa.

Với câu hỏi rằng liệu số phận của bà Dagmar có truyền cảm hứng cho tôi học lịch sử, và đưa cuộc Thế chiến thứ Hai trở thành một trong số những chuyên ngành của tôi, câu trả lời là hoàn toàn không. Tôi chỉ biết được câu chuyện thời chiến của bà một vài năm sau khi tốt nghiệp. Và với mối quan hệ gia đình gần gũi, sau đó tôi đã quyết định không viết về bà với tư cách một nhà sử học.

Với câu hỏi rằng liệu cuộc đời và số phận của bà Dagmar Lahlum có truyền cảm hứng cho quyển tiểu thuyết trinh thám này, câu trả lời là nhất định có. Ở Na Uy, cũng như nhiều nước khác, những bức tranh về số phận con người trong Thế chiến thứ Hai thường có màu đen và trắng. Chắc chắn đó là việc đúng đắn phải làm liên quan đến một số anh hùng thời chiến hoặc tội phạm chiến tranh. Nhưng cũng có nhiều, rất nhiều câu chuyện về ‘vùng xám’ của chiến tranh, vốn luôn chuyển động và khơi gợi nhiều suy nghĩ. Chúng ta vẫn có thể chờ đợi để xem liệu rồi có bất kỳ nghiên cứu lịch sử nào trong tương lai có thể khám phá ra vị trí thực sự của bà Dagmar Lahlum trong vùng xám của chiến tranh hay không. Tuy nhiên, điều quan trọng trong ngữ cảnh này là những trải nghiệm trong những năm cuối của chiến tranh đã đeo đuổi bà dai dẳng suốt quãng thời gian bốn mươi năm còn lại của cuộc đời bà. Từ thời điểm được thả ra vào mùa hè năm 1945 cho đến cái chết của bà trong mùa Giáng sinh năm 1999, bà út Dagmar Lahlum của tôi đã là một ví dụ sống của một thân phận được Patricia Louise I. E. Borchmann gọi là ‘người ruồi’ trong quyển tiểu thuyết này, một hình tượng cũng có thể được dùng để mô tả bản thân cô Patricia và một số nhân vật chính khác trong tác

phẩm. Vì thế, tôi chưa bao giờ có chút nghi ngờ gì về tên tiểu thuyết đầu tay của tôi, cũng như người mà tôi sẽ đề tặng trong quyển sách này.

Gjovik, 20 tháng 9 năm 2013

Hans Olav Lahlum

TB. Về nguồn tư liệu và những tài liệu đọc thêm: mối quan hệ của bà Dagmar với Eddie Chapman được công bố lần đầu vào năm 2007 trong hai quyển tiểu sử của Chapman: *Zigzag - Những kỳ tích chiến tranh đáng kinh ngạc của điệp viên hai mang Eddie Chapman* của tác giả Nicholas Booth; và *Điệp viên Zigzag - Câu chuyện thật về một điệp viên Phát xít, tình yêu và sự phản bội của Ben Macintyre*. Cả hai quyển đều đưa ra ánh sáng những tư liệu thú vị về vụ việc này từ kho lưu trữ và những nguồn tài liệu khác của nước Anh. Bốn năm sau, câu chuyện thời chiến của họ lên sóng truyền hình trong bộ phim tài liệu *Điệp viên hai mang: Câu chuyện của Eddie Chapman*, sản xuất bởi Walker George Film cho đài BBC2.

Phần câu chuyện về bà Dagmar được tiếp tục nghiên cứu ở Na Uy với hai bài báo dài viết bởi ký giả kiêm nhà khoa học chính trị Hilde Harbo và công bố trên tờ tạp chí *Aftenposten* (14 tháng 1 năm 2007 và 22 tháng 1 năm 2008). Nhà sử học đầu tiên viết về bà Dagmar là Giáo sư Tore Pryser, bao gồm một chân dung ngắn gọn trong quyển sách năm 2007 của ông, *Kvinner I hemmelige tjenester. Etterretning I Norden under den annen verdenskrig* ('Phụ nữ trong Tổ chức Tình báo. Những hoạt động tình báo ở các nước Bắc Âu trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai'). Sau đó, nhà sử học tài ba trẻ tuổi người Na Uy Kristin Hatledan đã nghiên cứu kỹ lưỡng vụ việc này trong luận án Thạc sĩ của cô, *Krigsheltinne eller tyskarjerite? Historia om Dagmar Lahlum - I lys av andre etterretnings-kvinner* ('Nữ anh hùng thời chiến hay

người tình của quân Đức? Câu chuyện của Dagmar Lahlum - trong ánh sáng của những nữ chiến sĩ Kháng chiến khác') vào năm 2009 và sau đó trong quyển sách của cô Kvinnekamp. Historia om norske motstandskvinner ('Phụ nữ chiến đấu. Lịch sử của những nữ chiến sĩ Kháng chiến Na Uy'), xuất bản năm 2011.

Tôi đã trao đổi với Booth, Harbo, Pryser và Hatledal và cung cấp cho họ những thông tin cần thiết từ gia đình Lahlum cũng như tài liệu về phiên tòa của Dagmar Lahlum trong kho lưu trữ tư liệu quốc gia Na Uy. Tôi nợ rất nhiều lời cảm ơn đến người cháu của bà Dagmar, cô Bibbi vì đã chia sẻ với tôi những sự kiện và cảm xúc của mình về cuộc đời bà Dagmar.

Lịch sử Na Uy ghi nhận một thời kỳ nội chiến kéo dài từ năm 1130 đến năm 1240, trong đó diễn ra nhiều trận chiến chủ yếu giữa hai phe Bagler và Birkebein. Năm 1202, vua Sverre, người lãnh đạo của Birkebein băng hà và vua Haakon Sverresson, người kế nhiệm của ông qua đời hai năm sau đó. Hoàng tử Haakon Haakonsson trở thành mục tiêu của phe Bagler để diệt trừ hậu hoạ. Vào năm 1206, những người Birkebein đã thực hiện một chuyến đi vô cùng nguy hiểm, hộ tống hoàng tử Haakon hai tuổi từ lãnh địa của phe Bagler băng qua các dãy núi và rừng rậm để đến Trondheim an toàn. Sử sách Na Uy ghi công những người Birkebein can trường đã bảo vệ được mạng sống của cậu bé hai tuổi, người sau này trở thành vua Haakon đệ Tứ và kết thúc cuộc nội chiến kéo dài 110 năm của Na Uy vào năm 1240.